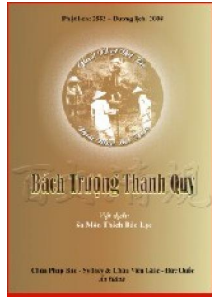


BÁCH TRƯỢNG TÔNG LÂM THANH QUY



Viết Dịch: Sa Môn Thích Bảo Lạc
Chùa Pháp Bảo Sydney và Chùa Viên Giác Đức Quốc xuất bản
PL. 2552 DL 2008

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 7-7-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Quyển Đầu

1.1 Lời Tự Trần

1.2 Lời Tựa Đầu Tiên

1.3 Nguyên Tựa Thanh Quy Chứng Nghĩa

1.4 Tựa Khắc In Lại Thanh Quy Chứng Nghĩa

1.5 Lời Bạt

1.6 Thanh Quy Thiền Môn

1.7 Tán

1.8 Thanh Quy Tông Lâm Nguyên Nghĩa Của Tổ Bách Trượng

Quyển nhất - Bách Trượng Tông Lâm Thanh Quy Chứng Nghĩa

Chương một - Chúc Diên – Chúc Quốc Vương

1.1 Lập nghi chúc Thánh.

1.2 Ngày lễ chánh, sáng sớm chúc

1.3 Cử hành ngày chúc thánh hoàn mãn

1.4 Nghi thức nhận sắc chỉ vua ban

Quyển hai - Báo ân

Chương hai - Báo Ân

1.1 Lễ kỵ bậc tiên Thánh

1.2 Cúng Chư Thiên

1.3 Mặt trời mặt trăng bị che mờ

1.4 Phụ: Tết Trung Thu

- 1.5 Lễ Cầu dứt mưa
- 1.6 Cầu Mưa
- 1.7 Lời Phụng: Cầu tuyết
- 1.8 Họa sâu ăn hại lúa (mùa màng)
- 1.9 Kỳ nguyện Vi Đà hộ pháp
- 1.10 Phụng: Vi Đà tôn thiên thánh đàn
- 1.11 Phụng: Già Lam sanh nhật
- 1.12 Cúng Ông Táo

Quyển ba - Báo đáp nguồn gốc

Chương ba - Báo Đáp Nguồn Gốc

- 1.1 Đức Phật Thích Ca đản sanh
- 1.2 Lễ Phật Thành Đạo
- 1.3 Vía Phật Nhập Niết Bàn
- 1.5 Lễ vía Phật Di Đà
- 1.6 Vía Phật Di Lặc
- 1.7 Vía Chuẩn Đề
- 1.8 Lễ vía Văn Thù
- 1.9 Vía Phổ Hiền
- 1.10 Lễ vía Quan Âm
- 1.11 Lễ vía Đại Thế Chí
- 1.12 Vía Địa Tạng Thánh Đản

Quyển Bốn - Bách Trượng Hoài Hải biên soạn vào đời Đường tại Hồng Châu.

Chương bốn - Ân Đức Tổ Sư

- 1.1 Giỗ Sơ Tổ Đạt Ma
- 1.2 Lễ Kỳ Tổ Bách Trượng
- 1.3 Lễ Kỳ Trí Giả Đại Sư
- 1.4 Lễ Kỳ Ngài Pháp Sư Hiền Thủ
- 1.5 Giỗ Đạo Tuyên Luật Sư
- 1.6 Hủy Nhứt Huệ Viễn Tổ Sư
- 1.7 Cúng Tổ Khai Sơn
- 1.8 Lễ Cúng Thầy Nói Thừa Pháp
- 1.9 Lễ Giỗ Hai Thầy Thế Độ và Giáo Thọ
- 1.10 Phụng: Cúng Giỗ Cha Mẹ
- 1.11 Lễ Tháp
- 1.12 Thiết Đặt Cúng Đường
- 1.13 Quét tháp

Quyển năm - Bách Trượng Hoài Hải biên soạn vào đời Đường tại Hồng Châu

Chương năm - Trụ Trì

- 1.1 Thượng Đường
- 1.2 Các Ngày Thánh Tiết
- 1.3 Phần phụng: 5 cách tham vấn
- 1.4 Cáo Hương
- 1.5 Tụng niệm
- 1.6 Qui Ước Tụng Niệm, 11 Điều
- 1.7 Lập Học lượng đồ cúng

- 1.8 Xông Hương Tháp
 - 1.9 Đốt Đèn Tháp Dược Sư
 - 1.10 Phở Phật
 - 1.11 Bạch Giữa Chúng
 - 1.12 Dạy Hành Đồng (Chú Tiểu)
 - 1.13 Vì Hành Giả Mà Nói Rộng
 - 1.14 Thọ Pháp Y
 - 1.15 Đóng Cửa Tịnh Tu (Yểm Quan)
 - 1.16 Mở Cửa Kết Thúc Khóa Tu
 - 1.17 Nghinh Tiếp Bạc Tôn Túc (có 6 phép)
 - 1.18 Hộ Trì Pháp
 - 1.19 Đền Chùa Khác
 - 1.20 Mừng Sinh Nhật
 - 1.21 Cúng Trai Phạm Chư Tăng
 - 1.22 Cúng Đường Đất Đai
 - 1.23 Cúng La Hán
 - 1.24 Trăm thứ nhất của 500 La Hán
 - 1.25 Trăm Vị Thứ Hai của 500 La Hán
 - 1.26 Trăm Thứ Ba của 500 A La Hán
 - 1.27 Trăm Thứ Tư của 500 A La Hán
 - 1.28 Trăm Thứ Năm của 500 Vị A La Hán
 - 1.29 Phóng Sanh
 - 1.30 Phụ: Qui Ước Chỗ ở loài vật, có 15 Điều
 - 1.31 Cúng Pháp Y
 - 1.32 Thọ Thông Tuệ
 - 1.33 Thông Tin Thư Từ, Thư Truyền Pháp Đến, Di Thư
 - 1.34 Mời Tân Trụ Trì
 - 1.35 Nhập Tự (Tân Trụ Trì Nhận Việc)
 - 1.36 Việc Đi Lại của Trụ Trì
 - 1.37 Thoái Viện (Không Nhận Chức Vụ)
 - 1.38 Bản Chân (Chân Bịnh)
 - 1.39 Sắp Viên Tịch
 - 1.40 Lễ Nhập Quan
 - 1.41 Phép Đặt Quan Tài
 - 1.42 Lễ Hỏa Táng - thiêu xác
 - 1.43 Nhập Tháp
 - 1.44 Đấu Giá Đồ Vật
 - 1.45 Đặt trí Bài Vị
 - 1.46 Tân Tạo Tượng Phật
 - 1.47 Tu Sửa Kinh Điển
 - 1.48 Tạo Lập Tăng Xá (Tăng Phường)
- Quyển sáu - Bách Trượng Hoài Hải biên soạn vào đời Đường tại Hồng Châu.
- Chương 6 - Hai Dây Đông Tây Lang
- 1.1 Ban Chức Sự
 - 1.2 Nhà Đông – Các Chức Vụ
 - 1.3 Nhà Tây – Các Chức Vụ

- 1.4 Nhà Tây
- 1.5 Nhà Đông
- 1.6 Vâng Mệnh
- 1.7 Mời cơm chay hay uống trà

Quyển bảy - Gồm có 2 phần thượng và hạ

Chương bảy - Phần Trên - Đại Chúng

- 1.1 Về việc thế độ
- 1.2 Lời phụ : qui tắc cạo tóc có 8 điều kiện
- 1.3 Phụ Về Đàn Giới
- 1.4 Bồ Tát tóm tắt có 10 điều giới
- 1.5 Mười Quy Tắc Bồ Tát
- 1.6 Năm thiên sáu tụ giới
- 1.7 Hộ giới
- 1.8 Đạo cụ
- 1.9 Phụ: Biện chính thức Xoa Ma Na

Quyển bảy - Chứng nghĩa ký

Chương 7: Phần sau - Đại chúng

- 2.1 Treo đơn
- 2.2 An đơn
- 2.3 Cùng làm việc tập thể (phổ thỉnh)
- 2.4 Quy tắc hằng ngày
- 2.5 Phụ: Người Xuất Gia
- 2.6 Qui tắc sống chung
- 2.7 Qui chế thiên đường và quy tắc tọa thiền
- 2.8 Qui tắc Phật thất
- 2.9 Phụ: số hồi hướng Phật thất
- 2.10 Phân từng khu phố (khất thực)
- 2.11 Lượm được vật rơi
- 2.12 Phụ: Qui tắc nơi tĩnh hành đường
- 2.13 Phụ: săn sóc người bệnh
- 2.14 Văn Cảnh tỉnh đại chúng
- 2.15 Phú (phó) pháp
- 2.16 Phái Nam Nhạc
- 2.17 Chi Thanh Nguyên
- 2.18 Phụ: Thiên Thai giáo quán tông
- 2.19 Phụ: Hiền Thủ giáo quán tông

Quyển tám - Tuổi đạo

Chương tám: Tuổi đạo

- 1.1 Niệm Phật trong mùa hạ
- 1.2 Quy tắc ở giảng đường
- 1.3 Qui tắc phụ tọa chủ; gồm 9 điều
- 1.4 Trích yếu quy tắc lễ Vu Lan
- 1.5 Hiến cúng Vu Lan
- 1.6 Chư Tăng thọ thực (lễ Vu Lan)
- 1.7 Qui tắc lễ hội Vu Lan gồm có 18 điều
- 1.8 Giải hạ

- 1.9 Tọa thiền, chia thành 5 khóa
 - 1.10 Qui tắc Thiền đường gồm 32 điều
 - 1.11 Thông báo mạnh đông
 - 1.12 Kiết đông
 - 1.13 Khởi thiền thất: bắt đầu tu thiền thất
 - 1.14 Xả thiền thất
 - 1.15 Giải đông
 - 1.16 Tháng giêng : công việc mỗi tháng cần nên biết
- Quyển chín - Những đồ pháp khí, hiệu lệnh
- Chương chín - Những đồ pháp khí, hiệu lệnh
- 1.1 Chuông
 - 1.2 Bảng
 - 1.3 Mỏ con cá
 - 1.4 Kiềm chùy
 - 1.5 Khánh
 - 1.6 Trống

---o0o---

Quyển Đầu

BÁCH TRƯỢNG TÔNG LÂM THANH QUY CHỨNG NGHĨA

1.1 Lời Tự Trần

Sau khi dịch xong tác phẩm và xem lại từ đầu chí cuối, dịch giả nhận ra điều này: mặc dù sách ví như kim chỉ nam của giới thiền gia, nhưng chưa thấy có ai dịch ra văn tiếng Việt, đó cũng là việc lạ mà không ai đủ thẩm quyền giải thích thỏa đáng. Theo nhận xét của riêng tôi, có quá nhiều vấn đề hay công việc mà ngày nay không còn thích hợp nữa. Nếu bỏ không dịch lại không đúng với nghĩa dịch thuật, còn như trung thành theo sách lại khó cho đọc giả hay hành giả với những việc mà hiện thời nghe quá xa lạ như ban sài, hầu liêu, liêu nguyên, tịnh đầu. Từ chỗ suy nghĩ đó cho ta có một cái nhìn phóng khoáng hơn để hiểu vấn đề cho tinh tường theo tinh thần giới luật, luật tắc hay luật lệ.

Nói đến luật lệ hẳn có hai phạm trù tách biệt rời nhau giữa luật và lệ hoàn toàn không giống nhau. Luật của tổ chức, đoàn thể, hiệp hội, thiền gia hay rộng hơn như quốc gia, quốc tế không thể làm khác được. Nếu người nào vi phạm hẳn bị phạt do theo mỗi qui định riêng của từng lãnh vực áp dụng. Trong khi lệ có tính co giãn (flexible), tùy nghi có thể đúng nơi này lại không hợp nơi khác, hay thời này áp dụng và bước sang giai đoạn khác hay

thời khác lại quá xa lạ. Trong Bách Trượng Thanh Quy cũng vậy, có những lệ xưa, ngày nay không còn phù hợp nữa, nhưng chúng ta cũng cần phải biết mà chỉ biết ghi nhận chứ khó áp dụng vì thấy không còn thích ứng nữa.

Trong lúc dịch, chúng tôi cũng có tự ý thêm vào những từ cập nhật như thông báo trên đài, trên báo... là những việc mới phát sinh gần đây chưa lâu, nhưng là thực tế cần thiết mà các tông lâm hay thiền môn không thể thiếu được. Ấy là chưa đề cập tới các phương tiện truyền thông đại chúng như email, website, mobile phone, cách đây nửa thế kỷ làm gì có và đâu ai sử dụng bao giờ. Nếu cho rằng ta cần nên cách mạng, sao còn để tồn đọng lại những việc xưa cũ như cúng trăng sao, cúng ông táo, cúng cầu sêu bọ đừng phá hại mùa màng hay những việc như bán đấu giá đồ vật của vị tăng quá cố, nhận vật rơi đem cất vô kho và thông báo cho chủ nhân tới nhận lại... đều là những sự kiện mà ngày nay được xem như là bất cập vậy. Có điều chúng tôi rất tâm đắc là tác phẩm có nhiều điều cần phải học mà chư Tổ đức đã dày công tạo nên trong chiều dài lịch sử hơn nghìn năm qua và còn lưu lại bây giờ cũng như mãi về sau. Bao nhiêu tâm tư và tuệ giác đã được hình thành mà hàng hậu bối thừa hưởng hôm nay, chúng ta phải xứng đáng nhận lấy vai trò là đàn con cháu của các Ngài trong hàng Thích tử.

Cũng như những dịch phẩm trước, ở đây chúng tôi xin ghi nhận sự đóng góp vô cùng cao quý của hai ban: ban kỹ thuật, và ấn tống.

Ban kỹ thuật gồm có đánh máy, lay out, bìa và in ấn. Phần này có những vị đã nhiệt tình làm việc bằng nhiều cách để mới thành hình được dịch phẩm này. Đó là T.T Thích Như Điền, Đ.Đ Thích Nguyên Tạng, Đ.Đ. Thích Hạnh Bình, Đ.Đ. Thích Phổ Huân, sư cô Thích Nữ Giác Anh, chú Hạnh Bản, Phật tử Thiện Tuệ, quý cô Giác Duyên, Giác Trí, Giác Niệm, chú Giác Thuận, Phật tử Quảng Tuệ Duyên.

Ban ấn tống do quý Phật tử: Chúc Quốc Lịch, Tiên Ngọc, Chúc Mân, Tâm Phước, Vi Quang, Diệu Ngọc, Ánh, Chúc Vân- Quý Hội, Hương Ngọc, Đức Phương, Túy Nga, Diệu Tịnh, Tâm Lan, Lê Văn Búp, Nguyễn Thị Chơn, Chúc Liêm, Diệu Yên, Quảng Thành. Tiền chuyên chở kinh do ban Ấn tống kinh chùa Viên Giác Đức quốc phát tâm cúng dường. Nguyên hồi hướng công đức này lên Tam Bảo chứng minh gia hộ quý vị Bồ đề tâm kiên cố, thân tâm an tịnh và đạo quả viên thành.

Sau nữa, dịch giả ngưỡng mong chư tôn đức tăng già hoan hỷ những chỗ sai lầm thiếu sót trong bản dịch, và cũng xin quý Ngài và quý vị thức giả vui

lòng bỏ chính giúp những điểm lệch lạc, sai trái để cuốn sách được hoàn chỉnh trong dịp tái bản lần tới.

Nguyện hào quang chư Phật soi sáng chan hòa Phật Pháp tới khắp mọi người và mọi nhà để cho tất cả đều được thấm nhuần pháp giải thoát trong đời sống hiện tại và tương lai. Với tâm thành dịch giả cầu nguyện quý vị và pháp giới chúng sanh người còn an lạc, kẻ thác sớm được vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc quốc.

Sydney mồng 9 tháng 11 năm Đinh Hợi,

nhằm ngày 18 tháng 12 năm 2007.

Sa môn Thích Bảo Lạc

---o0o---

1.2 Lời Tựa Đầu Tiên

Lời Tựa Đầu Tiên Cuốn Bách Trượng

Thanh Quy Hàn Lâm Học Sĩ Dương Ưc Khai Quốc Hầu Thuật

Bách Trượng Đại Trí thiên sư ứng dụng thiên từ Thiểu Thất (Đạt Ma) đến Tào Khê (Lục Tổ) tới lúc đó phần nhiều Ngài ở chùa luật tông. Tuy sinh hoạt nơi biệt viện nhưng đối với những việc thuyết pháp, trụ trì... chưa đúng Qui Tắc nên Ngài thường ôm hoài bão muốn chấn chỉnh; bèn cho rằng đạo của Phật Tổ là muốn giữ nguyên không bị biến thái, đâu có phải cùng hành như phái A Cấp Ma Giáo ư? Hoặc nói các Kinh Du Già, Anh Lạc là giới luật Đại thừa có sao y cứ vào đó chứ?

Ngài nói: Tông của ta không hạn cuộc Đại - Tiểu thừa; không khác Tiểu hay Đại thừa mà đem chiết trung chỗ sâu rộng lập ra qui tắc, miễn sao cho thích hợp. Như thế ngài có sáng kiến lập thiên riêng là ở phàm mà vẫn đầy đủ đạo nhân, có đức đáng tôn gọi là trưởng lão. Bên Ấn Độ vị trưởng lão đạo cao hạ lập thâm niên được gọi là A Xà Lê, là vị thầy Giáo Thọ chính ngạch. Vị thầy ở nơi phương trượng như căn nhà nhỏ của Duy Ma Cật, không phải chỉ riêng phòng ngủ mà nơi đó còn là điện thờ nữa. Ở trước là Thọ Pháp đường tiêu biểu Phật Tổ quen thuộc mà đương thời tỏ lòng tôn kính. Nơi qui tụ đồ chúng không cần nhiều hay ít, cao hay thấp mà hễ người đã vào tăng viện rồi đều căn cứ tuổi hạ mà sắp xếp, đặt giường theo dãy dài có học tử, giá móc

đồ đạc. Khi ngủ hẩn cần mềm gối, nằm phải nghiêng bên phải theo thể kiết tường. Do vì hành giả ngồi thiền lâu chỉ cần chỗ đặt lưng xuống nghỉ phải đủ phép oai nghi. Trừ nhập thất, làm việc chung, học tập không phân trên dưới, không theo tiêu chuẩn, nhưng hễ người đã nhập chúng (tăng viện) rồi thì sáng phải tham thiền, công phu, làm việc, tối tụng chúng tụng kinh, học tập, hội họp...

Bậc trưởng lão thăng tòa thuyết pháp, chủ sự làm việc chúng, lớp lang thứ tự, chủ khách thăm hỏi nhau. Xiển dương tông yếu là biểu hiện y pháp thực hành.

Ngày hai buổi cháo cơm tùy nghi thích hợp, cần kiệm miển sao cho dòng pháp mạch lưu thông. Công tác tập thể dưới trên đều góp sức, cắt đặt 10 việc xá (phòng) mỗi việc cử một người lãnh đạo trông coi chúng làm việc, làm cho mọi việc đều chu toàn. Nếu có ai giả dạng trá hình trà trộn trong chúng thanh tịnh, gây động chúng; liền phải cho Duy Na kiểm tra đưa ra giữa chúng xử phạt hay tẩn xuất ra khỏi viện, cốt giữ cho chúng được thanh tịnh. Nếu như có người phạm lỗi phải họp chúng bàn thảo hình phạt phải thích đáng rồi cho ra khỏi chùa như hình thức tẩn xuất, làm cho đương sự hổ trên. Hình phạt này có 4 điểm lợi:

- 1- Giữ cho trong chúng thanh tịnh làm cho người tin kính,
- 2- Không làm mất thể cách vị tăng để tuân lời Phật dạy,
- 3- Không làm quấy nhiễu cửa chùa, dè dặt đến cửa quan,
- 4- Không tiết lộ ra ngoài để giữ gìn tông phong.

Chúng cùng ở chung, thánh phạm cho rõ ràng. Ngay như khi Phật còn tại thế mà bọn lục quần Tỳ kheo còn quấy phá; huống chi ngày nay thuộc đời mạt pháp, đâu thể hoàn toàn không lỗi lầm được! Khi thấy một vị tăng phạm lỗi liền đem ra khiển trách (chỉ lỗi), còn hơn là chẳng biết để chúng coi thường làm hại giáo pháp, gây tổn thương cho đạo không nhỏ vậy.

Ngày nay thiên môn như ít đề phòng chỗ phương hại nên theo Thanh Quy tông lâm của Bách Trượng có phân định từng mục, từng phần các việc hẩn hoi. Vã lại, luật pháp để phòng gian, không phải là để cho bậc hiền sĩ, thà có tư cách không phạm lỗi hơn là phạm mà không giáo hóa. Đại Trí thiên sư lập Thanh Quy- duy trì Phật pháp- thật lợi ích biết bao nhiêu! Đây là qui tắc duy nhất trong thiên môn được xem là xưa nhất. Đại cương của thanh qui định

nơi Thanh Quy thứ mục rất thứ tự rõ ràng, lượng được chỗ yếu chỉ san định lại làm đèn sáng cho lớp đàn em.

Nhân đây mà viết lời tựa này.

---o0o---

1.3 Nguyên Tựa Thanh Quy Chứng Nghĩa

Quốc gia (chính phủ) trị dân có luật và lệ, Phật Tổ dạy chúng tăng có giới luật và Thanh Quy. Đạo Phật cũng như đạo Nho có luật; chỉ có điều Phật nói luật nhưng không nói thừa.

Thanh Quy cũng như luật ngoài đời, do Tổ thuật mà giữ gìn đúng nghi cách. Nhưng Thanh Quy khởi đầu từ ngài Pháp Vân đời Lương (thế kỷ 5) ở chùa Quang Trạch. Ngài vâng sắc chỉ của vua soạn ra Thanh Quy để ngăn trừ lỗi phạm của hàng tăng đương thời mà lưu lại tới đời Đường (618-907). Vào đời nhà Lương thiền nói riêng và Phật giáo nói chung chưa lớn mạnh, đến đời Đường giáo pháp Thiền có thể nói rất là cực thịnh. Ngài Bách Trượng sưu tập lại thành sách nên đặc biệt đề tên Ngài làm tên sách.

Toàn bộ gồm có 9 chương: chúc quốc gia hùng mạnh, dân tộc phú cường, báo đáp thâm ân như cha mẹ, sư trưởng, ân vua và ân Tam Bảo. Uống nước phải nhớ nguồn; những ngày vía Phật, Bồ Tát, những ngày giỗ kỵ chư Tổ sư tiền bối dày công xây nền đạo. Chương Trụ Trì có những công việc thiết yếu cần hành xử thích hợp như hai dãy Đông-Tây liêu chúng, các ban chức sự, pháp lục hòa sống giữa chúng. An cư kiết hạ, tuôi đạo (hạ lạp) và chương cuối cùng là pháp khí dùng trong chùa như chuông, trống, vân bảng, khánh, linh v.v... đều đưa vào Thanh Quy làm hiệu lệnh cho nhân thiên để lưu truyền rộng rãi.

Lành thay! Bậc sư biểu chỉ Bách Trượng Đại Trí là một người tiêu biểu nổi bật. Sách “Bổn Sơn Các ký” ghi rằng: “Đạo của Phật nhờ Đạt Ma mà sáng, việc của Phật nhờ Bách Trượng mà hoàn bị” Dù đời có lắm thiên sai vạn biệt, những hơn thua, bỉ thử, một mặt buông một mặt níu bắt nhất. Văn phong có làm phật lòng một số người, nhưng không thể không mổ xẻ phân tích để cho thật lợi ích nhiều người. Cho chí những đề cương, tiết mục lớn chưa từng thiếu trong Thanh Quy này. Tiếc thay việc lưu truyền đã lâu nên chân nguy xen tạp khó phân. Cũng vì Phật Pháp đang trong buổi suy vi, giới luật như bị lơ là bỏ phế. Ôi, Thanh Quy đây ở vào lợi thế cao vút như thế- cứu nguy của thời đại- nên gấp phổ biến sách này vậy.

Ở đây tôi (Tỳ kheo Nghi Nhuận) tham khảo nhiều sách, chỉ có cuốn này là quá tuyệt, thấy các chương mục cũng giống như trong Đại Tạng Kinh và gần giống như mục lục cuốn “Liệt Tỏ đề cương”, văn gọn mà lại trong sáng, nghĩa rõ ràng lại thâm sâu. Nghĩa lý đầy đủ nên có thể nói là sách khá hoàn bị. Hễ nghiên đọc dù kẻ căn sắc bén hay chậm lụt gì đều được lợi cả, nên không gian hay thời gian không còn là vấn đề nữa. Song sợ kẻ sơ tâm chưa am tường nên dẫn lời bậc cổ đức thành văn giải sơ lược để chứng minh đó, cốt để nêu lên yếu nghĩa càng làm cho thêm rõ ràng, gọi là Bách Trượng Tông Lâm Thanh Quy chứng nghĩa ký làm duyên khởi cho cuốn sách.

Muốn tường tận ý nghĩa mong cho bậc thức giả đọc nội dung sách và cũng mong được chư vị tiếp tay lưu hành rộng rãi. Máy lời sơ lược cần bạch cùng chư phương hiền giả liễu tri.

Đạo Quang năm thứ ba, nhằm năm Quý Mùi nhân ngày lễ Tự Tứ giải hạ, tại tề liêu thư phòng chùa Chân Tịch- Cổ Hàng.

Cẩn bạch.

Tỳ Kheo Nghi Nhuận

---o0o---

1.4 Tựa Khắc In Lại Thanh Quy Chứng Nghĩa

Thanh Quy một quyển tương truyền là của thiền sư Bách Trượng Hoài Hải lấy bản nguyên thủy của ngài Pháp Vân đời Lương, phụng sắc chỉ vua soạn ra mà tham khảo, sửa đổi đem khắc in lại.

Ngài vốn người Mân Trung (Phúc kiến) xã Phước Châu, huyện Trường Lạc, là con của giòng họ Vương. Từ nhỏ đã có chí xuất gia tự cạo tóc, cho tới lúc đắc pháp (gặp thầy ấn chứng). Ngài ẩn tu nơi núi non, tiếng đồn ra nên mới dốc lòng đi khắp bốn phương cầu học, đặc biệt lưu tâm tới luật tắc thiền. Lớn tuổi, ngài trụ tích ở chùa Thọ Thánh thiền tự thuộc Bách Trượng sơn tại Hồng Châu. Do qui tắc cũ ngài Pháp Vân soạn chưa hết bèn cố công đọc lại luật tạng rút tĩa góp nhặt những tinh yếu soạn lại để chứng minh cho người sau hiểu rõ yếu nghĩa mô phạm trong Phật giáo và đạo giáo. Người học đạo có chấp nên đặt tin tưởng nơi một cuốn sách. Rất tiếc là sách ấy ở Triết giang nhưng bị thất lạc, tăng sa môn Mân (Phúc kiến) suốt đời lại không thấy được mà chỉ nghe được vài chương thiếu khuyết sai lầm quá nhiều, bèn

muốn gởi mua một cuốn khác giá trị để đối chiếu khắc bản in lại nhưng ở Tây Hồ qua cuộc binh biến trước đó các bản kinh cũ bị thiêu rụi sạch.

Ôi! Khuôn phép người trước đây sao mà mai một đến thế? Vì chỗ lo sợ đó nên không quản vất vả nhiều cách sưu tầm hỏi thăm may mắn gặp được đúng cuốn sách muốn tìm ở chùa Mã Nỗ. Vui mừng khôn tả cầm sách đến thương lượng các pháp lữ là Thiên Thành, Từ Thủ, Từ Định và Chiếu Nhân, cả bốn vị đều rất lấy làm phấn khởi vui mừng việc này vô kể. Nhân đó cùng quyên góp thiêu sinh chúng thường trụ thuộc các sơn môn; đọc kỹ lại rồi cho khắc in để lưu thông rộng rãi.

Ước nguyện chân thành là vâng giữ làm đúng qui tắc mong không phụ chí nguyện tu hành đạo xuất thế mà như tôi đã lược thuật ở phần duyên khởi để ghi lại sơ lược.

Quang tự năm thứ tư ngày tốt tháng quế năm Mậu Dần,

viết tại Thiên Thất Long Đàm.

Tỳ Kheo Giám Viện Càn Đà

---o0o---

1.5 Lời Bạt

Bách Trượng thiền sư viết Thanh Quy gồm 9 chương mà phần luận thuật đều mô tả qui tắc thuần túy, lại được tỳ kheo Nghi Nhuận về sau dẫn thêm sự tích xưa thành lời giải thích bằng yếu nghĩa câu văn chứng minh rõ ràng khiến người học lớp sau một khi xem là thấy rõ như xem chỉ bàn tay, đó là công dụng của cuốn sách dạy cho ta vậy. Nên suy nghĩ tới lời Phật dạy: Thuyết pháp là đàm KHÔNG, nhưng trước hết nếu không từ thật lo công phu thì đạt đến không môn trong tương lai do đâu ngộ được? Cho nên hãy có đạo ắt có việc mà trong Thanh Quy đã đề cập. Đã có công hành trì hẳn có quả thực tế liền theo sau, cho dù siêu phàm nhập thánh cũng không phụ chí người học hạnh xuất thế.

Người xưa nói rằng: “Ngộ được khổ ở trong khổ mới là người đáng bậc thượng hơn; vị tỳ kheo một bát cơm nguyên chẳng làm tự nhiên có được”. Mong cùng nhau tham cứu cùng với đại chúng sách tấn tu tập vậy.

Chùa Hoa Lâm tại Lãnh Nam, kính đề lời bạt.

Hậu học Khoáng Nhân

---o0o---

1.6 Thanh Quy Thiên Môn

Thanh Quy Thiên Môn do Tổ Bách Trưng soạn toàn quyền (bộ) gồm 9 chương

1. Chúc nước giàu dân mạnh
2. Báo ân: đáp đền những ân đức cao trọng
3. Báo bản (báo gốc): uống nước nhớ nguồn những ngày lễ vía Phật, Bô Tát
4. Ân đức Tổ xây nền đạo
5. Vai trò trụ trì
6. Hai dãy Đông – Tây liêu chúng
7. Giữ phép lục hòa trong chúng
8. Kiết hạ an cư
9. Pháp khí, Hiệu lệnh trong chùa.

---o0o---

Phàm Lệ

Xác minh Thanh Quy cần có 13 điều như sau:

1- Thanh Quy từ đời Đường (thế kỷ 8) đến nay, thời gian đã lâu trên hơn 1200 năm. Tăng tô liệt nêu điểm đặc thù của cổ kim, phong tục có khác nhau Nam-Bắc, do chưa thể thích hợp thời cơ; phép tắc có thêm bớt; hành theo gốc chung bắt nguồn từ đó. Nhưng các sách lưu hành hiện nay nếu không mắc phải lỗi quá rườm rà, cũng rơi nhằm chỗ quá giản lược. Quá rườm rà thì không hợp chỗ tịnh tu, quá giản lược lại không đáp ứng được

việc thực hành. Duy chỉ có sách này không rườm rà cũng không quá giản lược mà ở bậc trung. Văn các nghi hàm đủ mà lý rõ ràng dễ dàng cho việc hành trì; lại rất thích hợp thời nghi đáng làm kim chỉ nam.

2- Từ Ngài Bách Trượng đến nay qua nhiều thời đại, lâu dài Thanh Quy nguyên gốc không có để khảo chứng mà bản còn lưu hành hiện nay phần nhiều do sự tích hậu thế. Tưởng cũng nên biết bản gốc viết tay do Bách Trượng hiệu đính đã bị thất truyền từ lâu. Nhưng không thể cho rằng sách này không phải do chính tay Bách Trượng hiệu đính mà không chỉ dẫn đúng, chính xác. Người nào tham cứu những việc cận đại hẳn thấy liên hệ tri thức lâu đời, tùy thời gian tùy nơi chốn mà việc trở nên dễ nhận biết. Bởi vì lẽ tùy nghi có thay đổi mà dung thông để được lợi ích chung. Người xưa nói rằng: lời nói không có cũ mới hễ hợp lý là hơn; chỉ e người đọc thấy những việc cận đại nghi cho rằng không phải nguyên bản của Bách Trượng mà sanh tâm khinh thường mới đặc biệt nêu lên điểm này.

3- Thanh Quy nguyên gốc gồm có 9 chương, nay y theo đó liệt nêu các quyển. Chỉ có một phần Thủy Lục, nguyên ở chương Trú Trì, do văn quá dài nên nay in ở một cuốn riêng.

4- Các danh từ của Thanh Quy có cả cổ kim lẫn lộn. Như cổ gọi đầu thủ, nay gọi là Thủ tòa hoặc gọi là Tòa nguyên. Cổ xưng Giám tự, nay gọi là Giám viện; thậm chí thư trạng nay đổi gọi là thư ký hay tăng đường nay đổi thành thiền đường; cho dù đổi tên mà không đổi ý nghĩa. Vả lại, trong những điều quy định trước có mà nay không như điểm trà, xạ hương v.v...; trước không mà nay có như kỵ tổ thêm Bách Trượng, Thủy lục thêm Vân Sái... và không có ngay cả việc như xin lửa v.v...

5- Thanh Quy lưu truyền đã lâu không sao khỏi lấy giả truyền giả, như chữ chấp trong từ chấp sự, khảo rộng trong tự điển (Phật) không có chữ cho chức đó. Bởi vì chấp có nghĩa là chấp trì; người nắm giữ việc mà nhờ người làm, tuy nêu các chức của người giữ chức đó, nhưng do chấp là chức nên rốt cuộc thành gượng ép. Ngoài ra, như sai lầm về 3 y, như cúng thí thực v.v... nên ở đây cần phải đính chính sửa đổi.

6- Tập trung nghĩa không chẳng đầy đủ nhưng văn có lược rõ như nghi chúc diên có nêu rõ nơi chương đầu, lược bớt ở tiết bốn chúc thọ dịp Tết Nguyên Đán; lược bỏ những ngày sóc vọng (rằm, mùng một). Ngoài ra, những việc hằng ngày không thể nêu lên hết được. Nên nói rằng sách không thể nói hết lời, lời không thể hết ý mà chỉ do người khéo lãnh hội mà đạt được.

7- Phạt sự ở tông lâm tuy nhiều song không ngoài 4 việc:

a- Chỉ

b- Trì (chỉ tức ngăn dứt ác; trì là giữ giới, trì giới)

c- Tác trì (giữ các oai nghi tế hạnh)

d- Tụng niệm (làm cho pháp âm lan rộng);

Thuyết pháp (chuyển pháp luân hay truyền bá giáo pháp khắp nơi, làm tỏ rõ đệ nhất nghĩa) hoặc chỉ do một việc, hai việc hay kiêm cả ba; hoặc do một mà hàm đủ cả bốn, chỉ do nơi vị Trụ Trì tùy nghi thiết đặt, đôi đàng hòa hài sao cho được lợi lạc. Quy tắc cổ không thấy xuất hiện đời nay.

8- Sách này từ ngài Phương Trượng cho đến ban chấp sự không một người nào chẳng đọc qua, mà với kẻ mới học thật là cần thiết để việc hành trì được thuần thực; chẳng nên gặp việc không nghi. Vả nhờ đó hành giả mới có thể thúc liễm hình nghi, huân tập tâm thức; hiện tại không buông lung gây thêm lầm lỗi, mai hậu mới xứng đáng bậc thầy mô phạm làm lợi ích không nhỏ vậy. Nên xem thêm sách Thành Nghi Nhơn Phụng cho đầy đủ hơn.

9- Sách này, ba hạng căn đều được lợi, người lợi độn căn đều thâm nhuần một lần đọc qua dường như văn dễ hiểu, đọc kỹ lại đến lần thứ ba, thứ tư nghĩa lý thâm sâu khó lường. Kẻ thô tâm hời hợt trong sách khó mong nuốt trôi. Trong tập này đối với chỗ nghĩa sâu khó hiểu thời dẫn chứng nghĩa rõ ràng dễ hiểu để tiện cho người sơ cơ lãnh hội.

10- Phần chứng nghĩa hoặc theo văn giải thích hoặc mượn sự rõ lý, như Nguyệt Kỳ, Tịnh Đầu v.v... hay bổ sung thêm nghĩa hoặc suy rộng diễn sâu cho người đọc đều phải lưu tâm chú ý.

11- Chứng nghĩa tuy do người chấp bút (Nghi Nhuận), nhưng lời dẫn phần nhiều do từ bậc cổ đức tức đem cổ so kim cho người dễ sanh lòng tin. Dẫn giải có chứng cứ như từ nhân vật nào, sách nào hẳn có nêu rõ danh mục. Nếu trích chương đoạn lấy y nghĩa mà không ghi rõ danh mục tức là thất sách, đầu dám lấy đó làm hay đẹp.

12- Tập trung tất cả văn chú giải, tưởng chừng như chẳng phải Bách Trượng trước thuật; cho nên sách của Ngài hoặc có trích dẫn hay không, nhưng với hàng Thích tử, không nên lấy lời phù phiếm làm công khóa để phân tâm tu

tập mà căn cứ vào việc, mệnh lệnh không thể không tin tưởng nơi sự thích đáng. Cho nên ở đây vẫn chiếu theo nguyên bản ghi ra để người sử dụng thấy được sự thật; lại cũng đâu dám quá lời cho là tri thức nhưng cũng phải bỏ khuyết thêm một ít.

13- Trừ Thanh Quy ngoài tạng bản ra, sách khắc in gần đây, thậm chí việc sao chép lại hoặc do không để ý làm sai lạc, hoặc do tự ý thêm bớt đem giả truyền giả, dần dần làm mất nguyên bản làm cho sự liên hệ di ngôn của lão Tổ về Quy tắc tông lâm thật chẳng còn tinh tế. Nghi Nhuận tỳ kheo tôi có được bản văn này đem đối chiếu với tạng bản chừng như rập khuôn đại bộ không khác biệt. Nhân đó suy ra, đây là sách quý nên gấp phải lưu truyền rộng không để bị thất thoát mai một. Mỗi tắc một thuyết như dưới đây để chứng minh lời nói trên đây, mong người đọc giờ sách đọc kỹ hẳn rõ, không còn nghi ngờ gì nữa. Ngưỡng mong các bậc cao minh kỳ túc bỏ chính chỗ sai sót lỗi lầm, được vậy xin dám khắc cốt ghi tâm. Mong thay! Cũng mong các bậc thiện trí thức hiểu sâu ý Tổ, khéo thích hợp tùy nghi mà hiệu chính chỗ sai sót thì thật là vạn hạnh!

---o0o---

1.7 Tán

Tây Phương văn tự vốn toàn vô,
Hoài Hải Thiên Sư bậc phạm mô ¹,
Một quyển Thanh Quy như gậy hét,
Còn hơn hậu thế lập phù đồ ²
Sáu thời lễ tụng ngọn đèn chĩa
Tinh tấn cần tu mô phạm Tăng,
Thanh Quy không dụng như khuôn thước, ³
Nam thiên đảo ngược pháp Huệ Năng ⁴
Đầu non Bách Trượng ⁵ nhụy đơm hoa,

Tích xưa phòng xá của Duy Ma ⁶,
Xuất gia vui đạo nhàn thanh tịnh,
Nên biết thiên môn sự sự đa.
Bến thanh đây dãi bước dò tầm,
Người tìm thoát chứng ngộ thiên tâm,
Cành Nam, hướng Bắc phơ phơ động,
Bên tai đồng vọng pháp phạm âm ⁷
Nam Huân – Tử Hư cư sĩ tại Nam Hải

---o0o---

1.8 Thanh Quy Tông Lâm Nguyên Nghĩa Của Tổ Bách Trượng

Tỳ Kheo Nghi Nhuận chứng nghĩa, Chùa Chân Tích

**tại Cổ Hàng Trụ Trì Diệu Vĩnh giáo chính, Chùa Giới Châu tại Việt
Thành**

Đây là Thanh Quy chứng nghĩa, trước hết nói rõ 5 trùng nguyên nghĩa:

- 1- Lấy nhơn dụ - pháp làm danh
- 2- Quyên - thật - tướng làm thể
- 3- Giữ luật lệ nội hộ làm tông
- 4- Y pháp rõ sự làm dụng
- 5- Lấy sữa đặc bơ và dụng là giáo tướng.

---o0o---

1.8.1 Lấy nhơn - dụ - pháp làm danh

Trước tiên về nhơn dụ - pháp làm danh. Giải Nhơn vật là Bách Trượng hai chữ. Nhơn tức là Ngài Bách Trượng – tên bản sơn mà nhiều người quen gọi là Đại Hùng Sơn, đường Long Hưng cách Quận Trị 300 dặm tại Hồng Châu, nay thuộc phủ Nam Xương, huyện Phụng Tân. Ngài là Hoài Hải đại sư, họ Vương ở thôn Trường Lạc, xã Phước Châu. Năm 20 tuổi Ngài thế phát xuất gia với Hòa Thượng Huệ Chiếu ở Tây Sơn, thọ Tỳ kheo giới với Pháp Triều luật sư ở Hoàn Sơn, đắc pháp với Mã Tổ Đại Tịch thiền sư ở Giang Tây; nhưng thuộc đời Chánh tông thứ 2 thiền phái Nam Nhạc. Ngài trụ ở núi Nam Nhạc này, Chùa Đại Trí Thọ Thánh Thiên Tự và phát huy thiền tông rất mạnh, chuyên hành trì giới luật nghiêm minh, thường dùng Chùa Lương Triều Quang Trạch làm đạo tràng vân tập chúng tăng, tận lực lập tăng chế, cho trùng tuyên luật tạng tham bác rộng, phân tích chi li, lập quy chế; công việc làm thích hợp thời cơ. Ngoài ra, chính Ngài lấy mình làm gương mẫu như mỗi ngày ra sức làm việc làm chỉ nam cho chúng. Chúng khuyến thỉnh thôi làm việc, Ngài bảo:

- “Ta không có đức nên dùng sức người”.

Chúng bèn thôi không khuyên nữa. Ngài liền nhịn ăn và nêu rõ mục tiêu: “một ngày không làm là một ngày không ăn”, nay còn truyền rộng trong đời. Ngài viên tịch vào ngày 17 tháng giêng năm Nguyên Hòa thứ 9, thọ 95 tuổi. Đến năm Nguyên Hòa thứ 13 cải táng mộ Ngài tại núi này.

Vào niên hiệu Trường Khánh nguyên niên, Vua sắc phong Ngài là Đại Trí thiền sư và hiệu tháp là Đại Bảo Thắng Luân, và Thanh Quy Ngài được lưu hành rộng rãi. Vào đời nhà Tống (tk10) niên hiệu Đại Quang nguyên niên, được Vua phong thêm hiệu Giác Chiếu và tháp hiệu là Huệ Tự. In khắc lại Thanh Quy vào đời Nguyên, niên hiệu Nguyên Thống năm thứ 3, Vua sắc phong Ngài là Hoàng Tông Diệu Hạnh thiền sư hiệu Tăng Đức Huy; và cho trùng tu lại Thanh Quy lưu hành chốn tông lâm.

Xưa Tư Mã đầu đà thường lại núi Bách Trượng toàn ký, trong có bậc pháp vương cư trú, làm thầy tiêu biểu trong thiên hạ, thật là ứng hợp vậy. Y cứ theo bản đồ, Bách Trượng là tên núi mà Bách Trượng nói đây thuộc về Hồng Châu vậy. Lại từ đời Đường trở đi Bách Trượng là tên người, nhưng làm nổi bật một số người trước tác. Ở đây xưng là Hoài Hải Lão Tổ Bách Trượng, đó là đã giải lược về người xong.

Tiếp đây giải thích Dụ: Hai từ tông lâm là Dụ; tông lâm là một nơi thảo mộc đan xen dụ cho tăng phường, nơi chúng tăng cư trú, chỗ một số tịnh hạnh

nhơn tu hành, điểm phát xuất gieo mầm đạo hướng đến Thánh quả, đem lại lợi lạc cho quần sanh. Lại theo nghĩa này có đầy đủ trong các kinh luật, như Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Ly thể nhàn có bài kệ thể này:

Bồ Tát Diêu Pháp Thọ

Trực tâm đất phát sanh

Tín căn từ bi hạnh

Trí huệ ấy là thân

Phương tiện chính cảnh nhánh

Năm độ thêm sung thịnh

Lá định, hoa thân thông

Nhứt thiết trí quả lành.

Ngoài ra, Kinh Pháp Hoa, phẩm Dược Thảo dụ cũng dùng thảo mộc tông lâm để dụ người tùy cơ thọ sự giáo hóa. Cũng như trong luật có nêu rõ: phạm từ 4 vị tăng trở lên cho đến trăm ngàn vị cùng ở chung một nơi là đúng pháp biện sự, như nước với sữa hòa hợp gọi là tông lâm. Suy rộng tiếng Tỳ Kheo mà xưng là Bí Sô, theo Tây Vực (Ấn Độ) gọi là cỏ có 5 đức:

1- Tánh mềm mại dụ cho đức định của vị tăng nhiếp phục được thân tâm không để thô lậu.

2- Như vải đan bện với nhau dụ huệ đức của vị tăng trong việc truyền pháp độ người như gấm bền không đứt.

3- Hương phảng phất bay dụ giới đức; hương giới thoảng mùi thơm làm cho mọi người nể trọng.

4- Hay trị lành bệnh đau nhức dụ đức giải thoát, có thể đoạn dứt phiền não làm cho mầm độc hại không khởi.

5- Không phản lại ánh sáng mặt trời, dụ đức giải thoát tri kiến; thường hướng tuệ quang Phật nhứt tỏa chiếu, giải thoát mọi tà kiến, tà nghiệp, cho nên Tỳ Kheo xưng Bí Sô là vậy.

Căn cứ hai thí dụ thảo mộc trên cho thấy làm vị tăng hoàn toàn nương vào sự tu tập làm gốc, cho nên nói rằng, trụ trì có đạo đức, tông lâm ngày càng hưng thịnh; thiếu đạo đức tông lâm càng thêm nguy khốn. Chúng tăng đủ 5 đức có quy củ thật xứng đáng; không quy tắc là hoàn toàn hỏng bét. Song quy tắc tông lâm đâu phải dễ duy trì mà Tỳ Kheo cũng đâu có dễ xưng gọi được! Trên đây là giải thích dụ xong.

Tiếp theo giải thích Pháp: Hai chữ Thanh Quy là Pháp. Trước hết dựa vào sự giải thích có nghĩa là gạn cho lắng sạch, mô phạm thanh bạch, trải ra hằng ngày mà xiển dương giáo pháp Phật đà. Lại Thanh Quy chế định theo pháp có từng phẩm mục. Dựa theo cuốn 10 thuộc Hữu Bộ có đề cập 101 pháp Yết Ma, đức Phật dạy: “Vả như gặp việc mình tự ra trước chúng sám hối; không lừa dối, không che đậy. Như đối với một việc thuận theo là không thanh tịnh; ngược lại là thanh tịnh. Đây là việc bất tịnh đều không nên làm. Nếu như một việc thuận là thanh tịnh, ngược lại là không thanh tịnh. Đây là việc tịnh nên thuận theo mà làm”.

Luật Tứ Phần ghi: “Như Phật chế định không nên từ khước; không phải Phật chế thời không được chế”. Lời này dựa theo Thanh Quy Tổ Bách Trưng nhắc lại ý đó.

Ngoài ra, Kinh Phạm Võng ghi: “Lúc mời tăng phước điền cầu nguyện nên vào hàng tăng phường ⁸ hỏi vị Tri sự xem, nay tôi (con) muốn thỉnh Tăng cầu nguyện.”

Thầy Tri sự đáp rằng: “Cứ theo thứ tự mời thỉnh. Như thế là mời được 10 phương các bậc hiền thánh tăng.”

Ngoài ra, luật Tứ Phần cuốn 10 mục Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề ghi rằng: “Bạch Đại Đức, nay vì Ngài nên có người gởi chiếc y giá trị này Thầy nên nhận cho”.

Vị Tỳ Kheo đó nên đáp: “Kia nhờ nói lời như thế, tôi không nên nhận y giá trị này. Nếu tôi cần y hợp thời thanh tịnh mới thọ”.

Vị Tỳ Kheo kia thay lời người ấy hỏi rằng: “Bạch Đại Đức, có người giúp việc không?”

Vị Tỳ Kheo cần y nên đáp rằng ⁹: “Có, hoặc người trong tăng già lam (chùa viện) hay là Ưu Bà Tắc. Vị Tỳ Kheo chấp sự này thường vì các Tỳ kheo mà làm việc đó.”

Lại như Kinh Dược Sư ghi rằng: “Có người tuy chẳng phá giới¹⁰ nhưng lại phá phép tắc”.

Nên biết Thanh Quy tông lâm hội Phật tại thế đã có rồi. Khi Phật giáo vào Trung quốc, từ đời Hán Minh Đế (thế kỷ thứ 1 Tây lịch) trở đi, nơi chúng tăng cư trú đông gọi là tông lâm. Theo đúng giới luật hành trì là Thanh Quy vậy. Đến đời nhà Đường (thế kỷ thứ 7) thời kỳ Ngài Bách Trượng, Thanh Quy lưu hành tại Trung quốc đã hơn 600 năm rồi. Lâu ngày con người sanh tẻ nên Tổ mới đề ra pháp này, ngõ hầu gia tâm chấn chỉnh để lưu đức cho hậu thế. Kinh Hoa Nghiêm phẩm Hồi Hương ghi rằng: “Bồ Tát lấy pháp thí làm đầu để nảy sanh các thiện pháp thanh tịnh; gìn giữ đạt đến nhưt thiết trí”, đó là ý của Lão Tổ vậy.

Kể dựa theo lý giải thích: giới châu của Ngài Diệu Vĩnh giải chữ Thanh Quy như sau: như tâm ta vốn đầy đủ cái diệu đạo viên mãn. Luận tâm vốn viên minh; chỉ do mê, ngộ có khác; qua lại 10 cõi mà có khác biệt y-chánh báo, song pháp tánh vốn đồng và đầy đủ vậy. Nhưng tâm chuẩn mực của ta đầy đủ tất cả, hàm 10 cõi y chánh báo không thừa, là đồng nhau vậy; do cơ cảm mê ngộ nhân quả không sai lầm, là quy vậy. Thành sự lý vạn pháp nhưng không lệch, không lệch là trung vậy. Không dư thừa là giả vậy; không khác ấy là không vậy; không là giả, giả là trung, là 3 pháp quán tâm ta đó. Ba pháp quán đó có thể là dụng của quy tắc, KHÔNG chiếu chân dứt bợn trần, giả chiếu tục lòng trong vạn hữu, trung chiếu cả hai mà, không trụ ở hai. Chân là nhất chân, hết thấy chân, không tục không trung mà chẳng phải chân. Tục là nhất tục, hết thấy tục, không chân, không trung mà chẳng phải tục. Trung là nhất trung, hết thấy trung, không tục, không chân mà chẳng phải trung. Chân ấy, tục ấy, trung ấy tức là 3 để nơi tâm ta. Ba để ấy nương vào thể của phép tắc, do đây bản thể khó mất, cho nên lấy pháp làm chuẩn đích. Đối với Phật giáo là luật tắc, Nho giáo là luật lệ, còn Tổ Bách Trượng gọi đó là Thanh Quy vậy. Tuy nhập thế - xuất thế không đồng, dù dứt ác sanh thiện tuy khác tên mà đồng nghĩa vậy. Đây gọi Thanh Quy là pháp như trên đã giải xong.

Đi vào phần chi tiết hẳn thấy rộng hơn như sau đây: qui định giải thích dụ cong ngay thành vuông vức, nay dựa trí đại chúng như cỏ do hộ trì giới luật trình bày. Lấy Kinh Kim Quang Minh giải thích làm thí dụ: Quy tức là pháp vậy.

1.8.2 Quyền - Thật - Tướng Làm Thể

Sách Trì Pháp Tự ghi rằng, đạo vốn thật tế nhưng lẽ, nhạc, pháp chế là quyền của chế hóa vậy. Không quyền thì giáo không lập mà đạo cũng không hành được. Không Tử viết bộ Xuân Thu, trước thuật sách Lễ Ký... là hoàn bị quyền pháp chế (pháp định). Muốn không dùng lời chỉ còn một cách là quán thông để hiển tỏ cái thật của tánh giác, tức hồng ân chư Phật rõ suốt ba cõi.

Pháp biến hóa một khi phát chiếu tự giác sinh hiện lượng thánh trí. Dùng khai – giá – trì - phạm của quyền - thật tướng làm hiển phát sự tin hiểu là thể dụng của hành chứng được nhất như.

Như hội Linh Sơn có số chúng đông đến trăm vạn người mà có được sự hòa hài không trái chống nhau, chẳng làm mất thanh danh như nước hòa với sữa, nên mới có câu rằng: “không trị mà chẳng loạn; không nói mà tự tin, nhìn kim tướng Phật mà cảm hóa, và chẳng cần đợi phủ dụ, khuyến cáo, răn dè mà vẫn tự răn dè vậy.” Và những người hành thiện, tránh ác mà làm phép tắc của luật nghi như mái che, đôn chống, hẳn không lưu lại gì nơi Niết Bàn cả.

Phật cổ xoay mệnh lệnh bảo rằng:

- “Tỳ Kheo các con vào lúc sau khi Ta diệt độ, các con phải tôn trọng Ba La Đề Mộc Xoa (giới luật) là Thầy của các con; vương pháp ấy giáo hóa cả đại thiên mà chớ che cho mai hậu.” Bậc trí chẳng vượt qua đó! Lý - Sự không hai là lời dạy bất nhị rất sáng tỏ vậy.

Vào thời kỳ chánh pháp ¹¹ giáo pháp mới bắt đầu khởi sắc; lúc đó Phật pháp hưng thịnh, mọi lẽ nghi phép tắc đều còn hòa hữn.

Từ Ngài Đạt Ma trở về sau mới truyền riêng tâm yếu, người thực chứng nhiều, nhưng trong số chẳng phải không có kẻ phù hư, đến phải rơi vào số không! Như lấy dung nghi tướng bề ngoài đo đạc là không đủ làm thước đo phẩm hạnh, là không đúng trình độ; không rõ phép quyền đến thật, thật ở đâu? Không cần Quyền đúng là bậc đại trí đáng làm mẫu mực; Dụng để tán thán luật tắc; Kỹ cương giềng mối ở Lan nhã vắng lặng, là long tượng dừng mãnh, không tin sao? Lý không ngoài sự mà việc Phật nơi Không môn (cửa Thiên) không bỏ một pháp. Nên lấy quyền - thật tướng làm Thể vậy.

1.8.3 Trì luật giữ nội hộ làm Tông

Cho dù Tiểu Thừa hay Đại Thừa đều phải hành trì giới luật. Một lời xấu ác đã phát ra, ngưng làm tức gìn giữ, đây cũng chính là Thanh Quy vậy. Chôn Thiền môn có điều luật cấm lỗi, ngăn quấy v.v... là để giữ luật, dứt ác. Mỗi mỗi nghi tiết như tham thiền, niệm Phật v.v... là giữ luật hành trì. Cả hai điều dứt và làm đây phù hợp với giới luật.

Ngoài ra, lấy đức cảm hóa người làm cho họ phát tâm tin Phật pháp. Trong lo việc duy trì chánh pháp, luôn đem pháp truyền bá sâu rộng, làm cho bánh xe pháp lưu chuyển mãi không ngừng, như vậy để lợi mình và lợi người: Đây gọi là giữ luật bên trong làm Tông vậy. Nếu người không giữ giới luật, không theo đúng Thanh Quy chính là ác ma tự phá diệt Phật pháp.

Kinh Phạm Võng ghi: “Phật pháp chẳng phải ngoại đạo, thiên ma phá được, như sư tử chỉ có vi trùng bên trong mới ăn thịt nó; giáo pháp của Phật cũng thế, chỉ đệ tử Phật mới tiêu diệt được mà thôi.”

Kinh Lăng Nghiêm ghi rằng: “Thế nào là kẻ tặc? Kẻ mượn chiếc áo ta, bán đứng Như Lai, tạo đủ ác nghiệp lại cho là Phật Pháp, hủy báng người xuất gia thọ giới tỳ kheo, làm người truyền đạo, do đó làm cho vô số chúng sanh lầm phải đọa vào địa ngục Vô gián.” Do chỗ tặc hại đó, khi Phật sắp nhập Niết Bàn, luôn nhắc nhở chư Tỳ kheo giữ giới luật; lại quở trách người phá giới. Người giữ đúng luật là người thật sự giữ giới mà ở đây gọi là Thanh Quy, nghĩa thật là nghiêm túc, nên lấy việc trì giới luật bên trong làm tông vậy.

---o0o---

1.8.4 Y pháp luận sự làm dụng

Y pháp luận sự làm dụng có hai việc:

1- Việc thường xảy ra như ngày Tết, lễ Thanh Minh, cho chí lễ Phật Đản, ngày giỗ Tổ v.v.. có ấn định thời gian tổ chức.

2- Việc bất thường như lễ Khánh Chúc, cầu thọ, nhậm chức trú trì, lui về Phương Trượng v.v... Việc trước việc sau có tổ chức hay không, không nhất định.

Như vậy, việc tuy nhiều mà ở đây chỉ nêu có 2 cũng đủ, gọi sự để làm rõ lý, vì rõ lý mới dễ giáo hóa. Nhưng việc thường gặp trở ngại phải biết khéo léo quyền biến để sự giáo hóa mới chu toàn. Xưa nay chư tăng cần phải biết rõ nghĩa này không nên bỏ bê không làm sai nghi cách (quy tắc). Người có cùm do hoặc cố chấp không hiểu biết đến đôi cách ngăn khó thực hành, nhắc tới Thanh Quy là bình, không sai làm sao! Phép tắc đạo dần dần suy rồi đưa tới chỗ tệ hại ấy.

Trước hết phải đề xướng ý nghĩa luật cho thấm nhuần mà không ngại chỗ què hèn, lấy đây làm sách tấn vậy. Vả nên y pháp luận sự mới thấy rõ việc đổi ma thành Phật, chuyển tà thành chánh, trừ gian manh đem an lạc tới mọi người, chinh đốn lễ nghi, trường dưỡng đạo đức, làm cho tông lâm hưng thịnh. Giáo hóa chúng sanh không bỏ sót một ai, mới gọi là mạng mạch tăng bảo, nếu không giới luật, Thanh Quy thì không thể nào tồn tại được lâu dài, phải tin như thế.

---o0o---

1.8.5 Lấy Sữa Đặc - Dụng Làm Giáo Tướng

Ngài Thiên Thai trí giả trích dẫn Kinh Niết Bàn nói rằng: “từ bò mà có sữa cho đến bơ” 5 vị để luận một đời giáo hóa của Như Lai chia làm 5 thời:

- 1- “Thời thuyết Kinh Hoa Nghiêm dụ như sữa,
- 2- Thời nói Kinh A Hàm dụ như sữa đặc,
- 3- Thời nói Kinh Phương Đẳng dụ vánh sữa sống,
- 4- Thời nói Kinh Bát Nhã dụ như vánh sữa chín,
- 5- Thời nói Kinh Pháp Hoa, Niết Bàn dụ như bơ.”

Thanh Quy này cũng mượn dùng ví dụ của Kinh trên. Phân định sữa – bơ đều là Dụng của 5 thời Phật thuyết giáo. Kinh Phạm Võng và Kinh Hoa Nghiêm nói đồng thời, chỗ thô chỗ diệu dung hợp, mảy may tinh tế không chi chẳng phải nhưt chân pháp giới; có nghĩa là lời lẽ răn đời, tư cách, nghề nghiệp v.v.. đều hợp với chánh pháp. Nay với Thanh Quy này, nghĩa tuân thủ Kinh Phạm Võng để cho kẻ thượng căn hành trì; lý-sự vô ngại, nơi nào cũng viên mãn đặc trưng như vị sữa. Đến như Kinh A Hàm tuy chuyên về pháp sanh diệt Tứ Đế¹², nhưng quy định của Tiểu Thừa là ngộ vô sanh, vô tác; còn lý của Đại Thừa khởi từ bơ cũng phát xuất do vánh mà vánh sữa do

sữa đặc mà có. Thanh Quy đây so với Kinh A Hàm tức nằm trong phạm vi Tiểu Thừa, khiến cho nó cũng đóng vai trò dây mực, có nền móng chớ để hư hỏng, như người có 2 tay, hai chân không thiếu lại mặc áo quần đẹp càng xinh; như bức họa khéo pha chế màu không kém làm cho màu sắc trở nên nổi bật, mới có thể so sánh sữa đặc. Cho nên lấy sữa đặc dùng làm giáo tướng.

Trước đây Ngài Tông Hy nói rằng, các lệ chốn thiên môn, dù không phân thành 2 hình thức giới luật và con nhà mô phạm, nhưng phải có một mẫu mực qui định. Như vậy, trong việc thọ dụng người tu tự nhiên có tư cách thanh cao khác thường; còn kẻ gặp việc xây mặt vào vách, là làm mất cái thể con người vậy. Vì thế, người xuất gia phải trải qua các tông lâm, đến tham học phương xa.

Người đầy đủ kiến văn hiểu biết hẳn làm tai mắt (lãnh đạo) tức chuẩn mực để nhờ đó trang nghiêm chùa viện, thiết lập đạo tràng hoằng pháp, tức làm Phật sự ở thiên môn; thiếu một không được, như Bồ Tát đủ ba tụ giới¹³ Thanh Văn bảy thiên luật¹⁴. Đâu còn niềm vui nào hơn của đạo pháp nữa. Đúng là tùy căn cơ mà lập giáo, kẻ hậu học sơ cơ¹⁵ phải thật khéo léo tham vấn bậc trưởng thượng thương xót chỉ dẫn.

Trở lên bên trên 5 việc chứng nghĩa đã thuật xong. Mời chư quý độc giả theo thứ tự xem qua quyển 1 đến quyển 9 của toàn bộ sách này để nắm vững điểm cốt yếu cho việc hành trì khỏi sai sót, khuyết phạm. Mong mỗi lăm thay.

Dịch giả cần khái,

Sa môn Thích Bảo Lạc

Tu Viện Quảng Đức

---o0o---

Quyển nhất - Bách Trượng Tông Lâm Thanh Quy Chứng Nghĩa

Đời Đường, Sa môn Hoài Hải ở núi Bách Trượng biên tập tại Hồng Châu.

Chùa Chân Tịch Tỳ Kheo Nghi Nhuận chứng nghĩa tại Cổ Hàng.

Đời Thanh, trụ trì Chùa Giới Châu là Diệu Vĩnh hiệu duyệt ở Việt Thành.

Chương một - Chúc Diên – Chúc Quốc Vương

Lời thuật nói rằng, con người quý ở cái đạo sáng nên từ xưa các bậc Thánh để tôn sùng lời dạy của các Thánh nhân Tây phương; chẳng lấy cái lễ thường đối đãi ta mà tôn thờ cái đạo các Ngài. Đã được triều đình ưu đãi đến thế, lại đặc miễn thuế má sưu dịch, làm cho dân an cư mà hết lòng với đạo. Ân vua rộng lớn không thể dùng lời tả hết được, làm tăng ắt phải ngộ Phật tánh, nghiêm giữ giới luật. Nhiều người chẳng có ý cậy nhờ vào Triều đình thịnh vượng mà lại sớm tối chúc diên, mong ân Phật từ bi gia hộ, lòng trời soi chiếu cho quân vương chấn dân lấy đức lành cảm hóa. Xây đời lấy nhân làm ranh vực. Ngõ hầu ngưỡng vọng báo đền ân trong muôn một nên thấy những việc hằng ngày, kính cẩn ghi chép ra để mà duy trì các phép tắc vậy.

---o0o---

1.1 Lập nghi chúc Thánh.

Vâng mệnh thiết các lễ chư Thánh

Kinh Kim Cang Vô Lượng Thọ có ghi rằng, việc sở trường sở đoản tùy theo, tăng không ngoa nguy dối gian chúng tỏ lòng cung kính. Trước tiên việc lập đàn có 3 mục: phòng khách chuẩn bị giấy mực các thứ, phòng thư ký, vị trí khách (tiếp khách - tiếp tân) đến tiếp xúc lễ một lễ bạch rằng:

- Thưa... ngày đó, tháng... năm đó có lễ thánh tiết, xin cảm phiền Đại Đức... cho vài lời sơ lược. (Nếu thư ký không có mặt, Thầy Phó thay thế, trong trường hợp cả hai đều vắng, nên dùng phần sau đây đáp sơ). Thư ký đúng phép tắc bạch xong, đều giản đơn đem trình cho vị Trụ trì xem qua rồi đích thân tới phòng khách thưa thỉnh: lễ một lạy, đáp lời thỉnh cầu... Thầy tri khách dùng giấy vàng viết chữ và các chi tiết liên hệ vào tờ sớ. Lập đàn trước hết là phòng khách, mời vị Duy Na (thủ chuông) cùng chư tăng tụng kinh cầu nguyện. Kế đến linh động sắp xếp trình cho Trụ Trì xem xét xong; mời Trụ Trì lên Phật điện hướng dẫn chúng tụng kinh chúc Thánh. Nên sửa soạn chánh điện, quét dọn sạch sẽ hẳn thiết lập Kim Cang Vô Lượng Thọ đạo tràng, thiết trí cho thật trang nghiêm, treo các liễn trướng... ghi rõ ngày... tháng... năm... cung chúc thánh đản vạn thọ hiệp cùng đại chúng bốn viện vân tập Phật điện, tụng các thần chú, niệm danh hiệu Phật Dược Sư, phục nguyện... Phật nhựt soi tỏ, Thánh thọ vô ngần v.v...

Mời cho được 20 vị tăng tụng kinh, tối thiểu cũng phải 10 vị mỗi ngày. Chương trình gồm có thuyết pháp, tọa thiền hay niệm Phật, cúng ngô, bái sám, tụng kinh... tùy nghi cho thích hợp.

Có thể đọc lòng sớ như sau:

Sớ rằng: cảnh vận rộng khai, thánh nhân tạo dựng mà có vạn vật; hồng ân lợi nhuận một nhân vật nhưng triệu người được nhờ; thọ mạng vô cùng, trời đất khó đo lường được chỗ cao dày, chiếu soi sáng tỏ. Mặt trời mặt trăng khó dụ ánh quang rực rỡ; vốn biết rằng có tán dương cũng khó tận mà muốn báo đáp cũng vô cùng. Chỉ bày hun đúc người tài đức biết trọng 4 ân hết lòng trung tín, tâm thành kính chúc. Nay tại Châu Diêm Phù Đề trong bốn châu ...quốc, tỉnh,quận ...phố khu..., ...đường, chùa (tên chùa). Hôm nay là ngày... tháng... năm... nhân dịp lễ Khánh tiết, bản tự thiết lễ nghi diên hoàn bị, kiền thỉnh đại đức chúng tăng vân tập bảo điện, lập Kim Cang Vô Lượng Thọ đạo tràng. Vài ba ngày nên thỉnh tăng luân phiên tụng kinh Hoa Nghiêm (Kinh Đại Phật đánh vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Đại Phương quảng Viên Giác tu đa la liễu nghĩa, Kinh Kim Cang Bát Nhã ba la mật, Kinh Nhân Vương hộ quốc bát nhã, Từ Bi đạo tràng Sám Pháp, Lương Hoàng Sám pháp...) trong mỗi Kinh tụng thêm các bài thần chú mật ngôn, tụng danh hiệu Phật, kỳ cầu hồng ân, phụng vi khánh chúc: trên hoàng thượng thánh thọ vạn tuế vạn vạn tuế.

Lại nguyện: sao Xu cao chiếu sáng lòa, long tượng hòa hài, lưới trời lồng lộng; núi sông bao dung lượng thánh hàm tàng 3000 hoa tạng thế giới, lợi ích thấm nhuận bất tận; ngưỡng cầu: thần long che chở, sao tinh chiếu dọi thiên hạ thái bình, 4 mùa an ổn, quốc dân hòa lạc mà đất nước cường thịnh.

Phật nhật sáng soi

Long thiên chiêu cảm

Xin chí thành dâng sớ tỏ bày.

Ngày...tháng...năm...

Trú trì: Sa môn (tên) cung đọc xong.

(Nếu có viên chức chính quyền dự, mời chủ trì mỗi vị nên biên tên họ đầy đủ. Sớ này ghi chữ rõ ràng, ở đầu tờ sớ thêm vào 4 chữ lớn: Vạn Thọ Vô

Cương. Cũng như đọc sớ phải nhằm ngày lễ chánh. Đoàn tràng cúng trước giờ Ngọ và đại chúng cùng tụng kinh).

Đọc: Nam mô vô lượng thọ Phật (xong rồi đốt sớ).

Thọ mạng vô lường

- Xe vàng và xe pháp cùng chuyên bánh, phước vượt khỏi 3 kỳ
- Thuần nhựt và Phật nhựt cùng sáng lạn, thọ mạng kéo dài ức kiếp.

Khắp nơi đồng mừng

- Một nhân vật tự tại như mây kéo qua mặt trời, sao vắng vắng rạng chiếu cùng biển đất
- Thọ mạng vô lường như rồng ôm bản đồ, phượng xây lầu gác, quốc gia bền vững

Ngưỡng xem Bắc Cực

- Tám tờ biểu dâng vua, đồng quay về giáo hóa
- Muôn dân triều cống, người người đồng hưởng an lạc thái bình.

(Những câu trên viết treo nơi hàng ba trước chánh điện).

- Chứng nghĩa ghi rằng: thánh tiết hay còn gọi là vạn thọ tiết hoặc xung là thiên thọ. Vì đây là ngày (giai tiết) của Thánh nhân đản sanh. Sách Trung Phong ghi rằng, chỉ trông cây sanh giữa đất trời mà không chăm tưới bón, chỉ giòng họ Thích ta mới được thấm đến như thế! Sao không lấy đó làm bằng. Cô lập, hư, mềm, yếu mà không tự đứng được. Nói cô lập là một mình xa cách người thân, không kinh doanh như người đời, hư là sống nhờ đàn việt không cày sâu cuốc bẫm. Nói mềm là làm cho tâm lắng chìm vắng lặng, giữ phép tắc nội quy, nói yếu là giữ gìn chân tánh, không cạnh tranh hơn thiệt. Mình chưa là thánh nhân nên đừng quên lời Phật dạy: công rủ giữ về ngoài thì vườn tãng đủ tươi. Há dám tự xưng tãng mà không lần đoạt nơi tay người khác ư? Do vậy, chúng ta an ổn nhàn lạc, một giờ, một khắc hàm dung ân đức bậc thánh. Dù nhờ trời che đất chở cũng không thí dụ hết được. Phải quyết lòng cầu pháp, trọn đời buộc ràng với đạo, cho chí tan thân mất mạng cũng không đủ đền đáp một phần trong muôn một. Đâu lại thong dong

biếng lười sa đọa, để lần lửa qua ngày mà đắm chìm trong lạc dục ư? Cho nên, ngày lễ thánh hợp như pháp thiết lễ cúng bái, tụng kinh để báo đáp ân quốc vương.

---o0o---

1.2 Ngày lễ chánh, sáng sớm chúc

Đúng ngày lễ: thời khóa công phu sáng: đốt hương, thị giả cầm hương chờ, đủ đồ pháp khí tang, linh, khánh, đại chúng tề tựu đầy đủ; vị Trụ Trì niệm hương, cầm hương lên lư. Thầy Duy Na (thủ chuông) tán bài:

Lư vàng hương đốt thơm lừng,

Khói xông ngào ngạt khắp cùng 10 phương,

Thành tâm hiến cúng pháp vương,

Nguyện vì chúc thọ quân vương,

Đất bền, trời vững an khương thái hòa.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Sau khi tán xong, đại chúng đồng niệm Chú Thánh Vô Lượng Thọ Quang Minh (3 lần).

Thầy Duy Na xướng: “Dược Sư Như Lai”; đại chúng cùng hòa theo: “Dược Sư Như Lai”.

Thầy Duyệt Chúng xướng: “Pháp Vương vạn tuế”; đại chúng đều niệm lớn: “Dược Sư Như Lai”.

Thầy Duy Na xướng: “Pháp Vương vạn tuế”; đại chúng cùng niệm lớn: “Dược Sư Như Lai”.

Thầy Trụ trì xướng sớ; thầy Duy Na quỳ sau hay bên cạnh đọc sớ, sớ rằng:

Bậc Đại giác Thế Tôn,

Ứng hiện nơi trời tây,

Tâm dung tợ hư không,

Đức trùm cõi sa giới,

Một trong bốn thiên hạ,

Cõi Nam Thiệm Bộ Châu.

....quốc,...tỉnh,...phủ,...huyện, ...chùa

Sa môn tên.

Hôm nay ngày... tháng...năm... nhằm ngày lễ Thánh tiết giờ thiêng, hiện tại tăng chúng tề tựu tại đại hùng bảo điện (chánh điện), phúng tụng kinh chú, xưng tán hồng danh thánh hiệu, nguyện cầu hồng ân gia bị. Nay đương vì thánh vương kỳ cầu: vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế...

Duy Na đọc tiếp:

Cầu nguyện quốc thái dân an, thiên hạ thái bình, văn võ bá quan đều được nhuần ân đức, lộc vị hiển vinh. Lại nguyện: mưa hòa gió thuận, lúa thóc được mùa, tám phương ca tụng đạo quân vương, bốn biển vui vầy cảm hóa đạo nhiệm. Ngưỡng mong đại chúng đồng niệm: Kim Cang Vô Lượng Thọ: Hộ quốc nhưn vương Bồ Tát Ma Ha Tát.

Tiếp theo tụng Kinh Lăng Nghiêm.

Nam mô Lăng Nghiêm Hội Thượng Phật Bồ Tát (3 lần). Đọc xong 5 đê, tiếp đọc chú đại bi, 10 bài chú khác, Bát Nhã xong đọc: Thượng lai hiện tiền thanh tịnh chúng...

Kê tán Phật Dược Sư:

Phật Dược Sư phóng tỏa hào quang,

Sáng rực rỡ nghiêm trang khó lường,

Bao nhiêu hạnh nguyện lợi hữu tình,

Mỗi mong được an tường thỏa mãn.

Nam mô đông phương thế giới, Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật.

Đứng lên đi nhiễu Phật đồng niệm: Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai (3 vòng xong, chủ lễ xướng, đại chúng đánh lễ):

Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai (12 lạy)

Nam mô Nhật Quang biến chiếu Bồ Tát

Nam mô Nguyệt Quang biến chiếu Bồ Tát

Nam mô Dược Sư Hải Hội Phật Bồ Tát (mỗi hiệu 1 lạy).

Đại chúng về Tổ Đường, tác bạch cảm tạ, đánh lễ v.v.. Ngày này chúng luân phiên tụng niệm, cúng ngọ, thọ trai quá đường, kính hành niệm Phật v.v..

Chúng nghĩa ghi: Thanh Quy là chiếc mũ đội đầu, chúc Thánh là khâm tuân lời Phật dạy, báo đáp ân tổ quốc. Y cứ Kinh Đại Thừa Bản Sanh Tâm Địa Quán, Phật dạy ân tổ quốc có 10 đức. Nay tặng chúng chúng ta cùng ở thời thanh bình thịnh trị, may mắn gặp được bậc minh quân, ân vua như mặt trời mặt trăng sáng tỏ, đức như trời đất chở che. Nói chung vua có 10 ân đức cần phải giữ gìn: 1) Kính tôn Tam Bảo, tuân lời Phật phó chúc (quốc vương) 2) Kiên lập chùa viện làm đạo tràng duy trì Phật pháp 3) Ân hành kinh tạng để Phật pháp tồn tại 4) Cấp giới điệp tăng già, học hỏi không ngừng 5) Miễn trừ tăng tịch cho việc xuất gia được tiện 6) Ban cho người bảo hộ trang nghiêm chôn già lam 7) Truy phong bậc cổ đức, tôn trọng người chân tu 8) Hàng năm ban tặng tiền hoa quả, nhang đèn cúng Phật để tạo phước lâu dài 9) Riêng đặt chức quan cho tăng, người đời không hổ danh tăng già 10) Không bắt tăng sĩ làm lao động mà cho họ yên tâm hành đạo.

Mười ân đức của quốc vương như thế đó phải biết để mà đền đáp hợp tình hợp lý.

Phật dạy: Ta có ngũ nhãn thấy rõ biết các quốc vương ba đời đều do đời quá khứ thân cận hầu hạ 500 đức Phật nên đời này được làm vua. Thế nên, các bậc thánh nhân, La Hán mong sanh vào nước của các vua đó làm nhiều việc lợi ích. Ta phái 5 vị Bồ Tát đại lực, 5 đại sĩ, 5000 vua đại thần tới ủng hộ vua các nước đó. Vì thế, nay ta đem Tam Bảo giao cho các vị quốc vương v.v... Như Kinh Đại Niết Bàn và các Kinh nói rõ, đều có lời Phật dạy vua giữ ngoại hộ, nên nêu ở đầu vậy.

1.3 Cử hành ngày chúc thánh hoàn mãn

Đại chúng nên tụng kinh, lễ lạy hồng danh sám hối để tiêu trừ nghiệp trước, cầu nguyện nhà nhà an lạc, quốc vương sống lâu để trăm họ được nhờ ơn phước như biển không bao giờ cạn; như sư tử trong hang sanh sản sư tử con rồi chui ra khỏi hang núi, là tốt là điềm lành trải khắp 9 phương, cỏ cây, côn trùng đều nhờ ân hưởng. Cúi đầu lễ lạy là việc khó nghĩ bàn. Ví như các vì sao vây xung quanh trăng sáng, nên nay tuyên dương pháp vi diệu trong đệ nhứt nghĩa chân thật.

Chúc diên công đức hạnh nhiệm mầu

Thắng phước bao nhiêu con nguyện cầu

Cầu khắp chúng sanh nghiệp nặng sâu

Sớm sanh Tây Phương Tịnh Độ mau

Mười phương ba đời chư Phật thầy

Tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

Tiếp theo: nghi chúc thọ Hoàng Hậu (lược bỏ phần này vì ngày nay không còn thích hợp).

---o0o---

1.4 Nghi thức nhận sắc chỉ vua ban

Nên tổ chức tiếp rước sắc chỉ long trọng, Trụ Trì suất tăng chúng ra xa chùa 5 dặm rước sắc chỉ trên long xa vào chùa, tăng chúng đứng 2 bên nghiêm chỉnh. Trong chùa thiết bàn riêng để sắc chỉ lúc thỉnh tới, chuông trống Bát Nhã trỗi lên khi đoàn rước tới nơi. Tất cả đồng quỳ chớ kiệu đi qua, mọi người đứng dậy theo sau kiệu. Kiệu đặt giữa điện, chư tăng đứng hai bên.

Tri khách xướng: “Hoàng ân ngự giá sơn môn”.

Đại chúng đánh lễ ba lạy, vạn tuế.. lễ xong, thư ký cầm tờ chỉ quỳ gối hướng phía đông tuyên đọc xong để lại khay nơi kiệu. Vị Trụ Trì tới trước kiệu dâng hương lễ 3 lạy xong cùng đại chúng lạy tạ 9 lạy. Chuông trống bát nhã thổi 3 hồi, chư tăng tụng: Nam mô Vô Lượng Thọ Phật.

Thỉnh sắc chỉ để vào lầu kinh các. Duy Na xướng:

Thiên long thánh chủ giúp đời châu viên

Ân vua sâu nặng khó thể nêu danh

Báo đáp giữ nơi tâm

Chúng tăng lòng thành

Đội ân đức nào quên!

Nam mô Kiết Tường Vương Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

* Bốn ngày chay bảo hộ sanh mạng mỗi tháng, mùng 1, mùng 8, 15, 30 là 4 ngày chay để bảo hộ sanh mạng. Tại chùa, 2 ngày rằm, mùng một là những ngày Bồ Tát, tụng luật Tứ phần giới bốn hoặc Kinh Phạm Võng Bồ Tát giới (tụng thay đổi: nửa tháng tụng luật Tỳ kheo, nửa tháng tụng Bồ Tát giới Phạm Võng Kinh).

Chúng nghĩa ghi: bốn ngày chay là để hộ mạng, khởi đầu từ đời Tùy niên hiệu Khai Hoàng thứ ba, ban ra cho dân chúng mỗi năm 3 tháng là tháng giêng, tháng 5 và tháng 9 cùng với 4 ngày chay tịnh, 6 hay 10 ngày chay. Tại các chùa có thiết lập đạo tràng cầu thọ mạng, không giết hại sanh mạng loài vật. Trong Kinh có dẫn câu chuyện Tỳ Sa môn thiên vương, mỗi năm đi tuần thú bốn châu lớn, vào các tháng giêng, tháng 5 và tháng 9 đến châu phía Nam nên cấm sát sanh. Nhưng các phiên trấn đời Đường mỗi khi nhậm chức ắt sắc cho dân chúng phải sát hại cho bữa đại yến linh đình. Cho nên chọn lấy tháng giêng, tháng 5, tháng 9 không nhậm chức, để cấm giết hại. Ngày nay làm ngày kỵ là không đúng; vào 4 ngày chay nên tụng kinh chú, bái sám cũng như vâng lời Phật dạy, khiến cho mọi người hiểu rõ ý nghĩa như thế. Chiều từ tâm chất có tội thì sửa đổi, không tội được miễn trừ, không phải chỉ lo tụng kinh mà đủ báo ân đâu! Niệm tụng giải thích để báo ân dù chưa hiểu nghĩa, vẫn giữ được lễ. Ngày nay nếu bỏ hết không thực hành thật là sai lầm vậy. Dựa theo Tục Cao Tăng truyện và Vân Lô Sùng hành lục, Tỳ Kheo Thích Tăng Vân ở chùa Bảo Minh ham đắm cái danh diễn giảng mà ngày

rằm tháng tư nhân lúc tụng giới, thừa đại chúng rằng: “giới để cho người, người tụng đắc giới, cần gì nhọc tới số đông, có thể làm cho một vị tăng hiểu nghĩa khiến lớp sau tỏ ngộ”. Chúng không dám phản đối bèn bỏ tụng giới. Ngày rằm tháng 7 chúng làm lễ tự tứ bỗng Vân vắng mặt, 4 thầy đi tìm bèn gặp ở trong khu nghĩa địa hoang, thân thể đầy máu me. Họ hỏi nguyên nhân được cho hay có một người rất mạnh cầm thanh đao dài gọi lớn tiếng hỏi Tăng Vân: “Đây là người gì? Dám bỏ tụng giới, dối xưng là hiểu nghĩa”, rồi dùng dao dí vào thân tôi, đau buốt không chịu nổi. Nhân đó tìm trở lại chùa, khẩn cầu sám hối trải qua 10 năm, rất chí thành tha thiết theo nghi thức tụng giới. Ngày lâm chung có hương lạ phảng phất khắp phòng rồi an tường ra đi. Lúc đó niên hiệu Hàm Gia làm cho đời luôn nhắc tới. Ngài Vân Thê Liên Trì nói rằng: “Thời nay còn kinh luận mà xem thường giới luật, hai nghìn năm sau, nửa tháng tụng giới một lần lại không muốn làm. Tôi không lường được! Hưng vong sa đọa ở trong chùa con người do chưa tin mà ra. Quả báo hiển nhiên mà ngài Tăng Vân trung dẫn, mong lấy đó suy nghĩ.”

Hết quyển nhưt.

---o0o---

Quyển hai - Báo ân

Chương hai - Báo Ân

Lời thuật rằng, lễ trọng ở cúng tế; do vậy báo đền ân đức là một trong các ân.

Ân tổ quốc là trọng, những mong triều đình thịnh đạt biết trọng Phật, hộ trì chư tăng vì cái thể của sự thương xót cao tốt mà các bậc thánh kế thừa. Thoảng hoặc lúc nhận hàng Thích tử hâm mộ theo tôn dung các Ngài! Do vậy mới lập ra quy tắc quốc khánh, cho chí chư thiên có ân hộ trì giáo pháp trong đó có nghi Tề Thiên. Mặt trời, mặt trăng có ơn chiếu sáng nên có nghi bảo vệ nhưt nguyện; ân đàn việt tín thí có cầu nắng cầu mưa nên có nghi trừ sâu bọ v.v.. Những việc trên đây đều nhằm báo ân vậy. Ngoài ra có người cầu ân thì theo nghi cầu chúc Vi Đà, dùng thiên tôn hiện thân trời mà ủng hộ Phật pháp, nguyện lực rộng sâu, có cảm liền ứng nên có bài tán rằng:

Vi Đà thiên tướng quân

Hộ pháp nhuận hồng ân

Thấy ma phá khuấy tỳ kheo

Xót thương xông tới bên

Hợp thời dứt trừ ngay.

Hộ pháp Vi Đà tôn thiên Bồ Tát.

Cho nên gọi rằng khéo hiện hình tướng thiên tôn mà gia tâm hộ pháp đó.

Nay ở tông lâm thường lúc gặp tai nạn hay cầu hộ pháp Vi Đà, không phải cầu sự linh ứng. Biết cầu ban ân cũng tự biết báo ân. Cho nên dành một chương báo ân riêng. Thần Táo lấy việc ăn uống của số đông làm chỗ nương dựa, vốn là một trong 5 lễ kỵ nên sẽ đề cập ở cuối quyển.

Ngày lễ Phật chung cả nước

---o0o---

1.1 Lễ kỵ bậc tiên Thánh

Vân tập tăng chúng lên Phật điện, niệm hương đánh lễ, tán Phật, tụng Thủ Lăng Nghiêm thần chú, Đại Bi, thập chú, Kinh Bát Nhã, Thượng Lai...niệm Phật, hồi hướng, phục nguyện:

Thiền môn nghiêm tịnh,

Bốn chúng an hòa,

Phật nhựt sáng soi,

Pháp luân thường chuyển.

Hôm nay ngày...tháng... năm...(tên) Hoàng Đế Thánh vị, đại chúng cung tợ đại điện trước Phật trần thiết hương hoa quả phẩm, đèn nến đủ diên kỳ nguyện dân an nước thịnh, đời trị thái bình, cùng hết thảy chúng sinh đều thành Phật đạo.

Sáng hôm lễ húy kỵ, tăng chúng vân tập chánh điện, thầy Trụ Trì niệm hương, cắm hương lên lư, đánh lễ Tam Bảo, tán lư hương, tụng Kinh Kim Cang xong, châm trà cúng, tụng Bát Nhã, sám nguyện, hồi hướng, phục nguyện..

Hôm nay...(như trên)... phục nguyện:

Thức thần rong chơi tám hướng, cỡi xe mây ngựa gió tới đây chứng minh trong ngôi vị trời, thọ điện ngọc, lầu son vui thỏa thích; mười phương ba đời hết thấy chư Phật chứng minh gia hộ cho...Hoàng Đế, cùng quốc dân đồng bào và nhân dân trên thế giới được thân tâm an lạc, thọ mạng kéo dài, cùng Phật pháp mãi trường tồn, chúng sanh đều trọn thành Phật đạo...

---o0o---

1.2 Cúng Chư Thiên

Phàm pháp cúng chư Thiên, dự định ngày. Thầy Trì Khách lo chuẩn bị trần thiết pháp đàn, nhờ hương đăng quét dọn sạch sẽ và trang hoàng tràng phan, cờ phướn, lọng... cho thật trang nghiêm đầy đủ. Giữa chánh điện thiết trí tòa cao tôn trí Tam Bảo, kế đó hai bên đặt bàn hương án, trên bàn sắp đồ cúng, hiến cúng đèn quang minh theo hầu chư thiên; và các vị thần linh 3 cõi gồm 46 bài vị trên bàn cũng bày hương hoa, trà quả, đèn đuốc v.v.. Kế ở dưới bậc thấp hơn đặt bài vị thiên tiên sắp đồ cúng giống nhau. Như cúng cơm rau, mì, thức ăn...đều phải đầy đặn đúng pháp; ắt không nên dùng sanh vật, không thể đồ ăn nguội nhạt, ngược lại rước lấy lỗi thiếu cung kính. Sắm sửa các thứ sẵn trước một ngày. Trước giờ đi ngủ, vị Trì Khách gióng 3 hồi trống để thông báo giữa chúng buổi lễ sáng hôm sau, và cất đặt, đề cử các phần vụ xong xuôi, đại chúng chỉ tịnh.

Sáng sớm thức dậy, thúc hiệu lệnh, chư tăng vân tập chánh điện. Đánh lễ Tam Bảo, khai chung bảng, niệm hương, cử tán... (như nghi trên, chỉ thêm phần tán cuối):

Trên cao thần hộ pháp soi sáng,

Trời, trăng, sao tỏ rạng nhân gian,

Giữ đất nước an khang,

Lòng, thành dâng hiến cúng ,

Phước thọ vững bình an.

Nam Mô Đấng Vân Lô Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

(Nghỉ lược bớt, tham khảo thêm cuốn Thiền Môn Nhựt Tụng). Chỉ 49 tôn hiệu Phật phải viết như dưới đây:

Pháp đàn thiết lập đàn tràng:

Chính giữa: trung thiên giáo chủ: Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Văn Phật, Đông Phương A Súc Phật, Nam Phương Bảo Tướng Phật, Tây Phương Vô Lượng Thọ Phật, Bắc Phương Vi Diệu Thanh Phật, Bảo Hoa Công Đức Hải, Lưu Ly Kim Sơn.

Chư Phật quá khứ: Chiếu Minh Bảo Thắng Phật, Vô Cầu Xí Bảo Quang Minh Vương Tướng Phật, Kim Diệm Quang Minh Phật, Kim Bách Quang Minh Chiếu Tàng Phật, Kim Sơn Bảo Cái Phật, Kim Hoa Diệm Quang Tướng Phật, Đại Cự Bảo Tướng Phật (14 vị Phật viết chung 1 tấm).

Đàn nội ở trên bên trong treo phía trái:

Nam Mô Kim Quang Minh hải vi diệu pháp cự tối Thắng Kinh Vương.

Ở trên bên phải:

Nam Mô Quang Minh hội thượng chư đại Bồ Tát, Tín Tướng Bồ Tát, Kim Quang Minh Bồ Tát, Kim Tạng Bồ Tát, Thường Bi Bồ Tát, Pháp Thượng Bồ Tát... (6 vị Bồ Tát này viết chung 1 tấm). Ta Bà giáo chủ hiệu lệnh độc tôn Đại Phạm Thiên Vương và các quyền thuộc vị ấy. (Để bên trái ở dưới vị thứ nhất)

Bên trái vị thứ 1: Địa cư thế chủ Đạo Lợi Trung Vương - Đế Thích tôn thiên.

Bên trái vị thứ 2: Đông Phương hộ thế càn đát Bà Chủ - Trì Quốc Thiên Vương.

Bên trái vị thứ 3: Nam Phương hộ thế: Cưu Bàn Trà Chủ tăng trưởng Thiên Vương.

Bên trái vị thứ 4: Tây Phương hộ thế: Đại Long Vương Vương - Quảng Mục Thiên Vương.

Bên trái vị thứ 5: Bắc Phương hộ thế - Đại Dược Xoa Chủ: Đa Văn Thiên Vương.

Bên trái vị thứ 6: Thân phục oán ma thế vị lực sĩ – Kim Cang Mật Tích Tôn Thiên

Bên trái vị thứ 7: Đạc tôn chi chủ cư sắc đánh thiên – Ma Hê Thủ La tôn thiên.

Bên trái vị thứ 8: Nhị thập bát bộ thống lãnh quỷ thần tán chỉ đại tướng tôn thiên.

Bên trái vị thứ 9: Năng dữ tổng trì đại trí huệ tự - Đại Biện Tài tôn thiên.

Bên trái vị thứ 10: Tùy kỳ sở cầu linh đắc thành tự - Đại Công Đức tôn thiên.

Vị 11 bên trái: Ân ưu tứ bộ ngoại hộ tam châu – Vi Đà Thiên Tướng tôn thiên.

Vị 12 bên trái: Tăng trưởng xuất sanh, chứng minh công đức – Kiên Lao Địa Thần tôn thiên.

Vị 13 bên trái: Giác trường thùy âm nhân quả: Hổ Nghiêm Bồ Đề Thọ Thần tôn thiên.

Vị 14 bên trái: Sanh chư quỷ vương bảo hộ nam nữ - quỷ tử mẫu thần tôn thiên.

Vị 15 bên trái: Hành nhứt nguyệt tiền, cứu binh phạt nạn – Ma Lợi Phộc tôn thiên.

Vị 16 bên trái: Bách minh lợi sanh thiên quang phá ám - nhứt cung Thái Dương tôn thiên.

Vị 17 bên trái: Tinh chư tú vương thanh lương chiếu dạ nguyệt cung Thái Âm tôn thiên.

Vị 18 bên trái: Bí tạng pháp bảo chủ chấp quân long – Ta Kiệt La Vương tôn thiên.

Vị 19 bên trái: Chưởng u minh quyền, vi địa ngục chủ - Diêm Ma La tôn thần.

Vị 20 bên trái: Ngũ nhạc cư đông Thái sơn phủ quận – Thiên Tê Nhân Nguyên tôn thần.

Vị 21 bên trái: Thiết Vi lưỡng sơn thập bát ngục chủ - thập điện minh vương tôn thần.

Vị 22 bên trái: Không thần, địa thần, trú thần, dạ thần; nhứt thiết hộ thân chư thần đẳng chúng.

Vị 23 bên trái: Vô sắc tứ không, phi phi tướng xứ, vô sở hữu xứ, thức xứ, không xứ chư đại thiên vương.

Bên phải vị thứ 1: Sắc giới tứ thiên, Ngũ Na Hàm Thiên, Sắc cứu cánh, Thiện Hiện, Thiện Kiến, Vô Nhiệt, Vô Phiền chư đại thiên vương.

Bên phải vị thứ 2: Sắc giới tứ thiên, ngoại đạo sở cư – vô tướng thiên vương.

Bên phải vị thứ 3: Sắc giới tứ thiên cư phạm phu vị - Quảng Quả, Phước Sanh, Vô Văn Thiên thượng, chư đại thiên vương.

Bên phải vị thứ 4: Sắc giới tam thiên: Biến Tịnh, Vô Lượng Tịnh, Thiểu Tịnh chư đại thiên vương.

Bên phải vị thứ 5: Sắc giới nhị thiên: Quang Âm, Vô Lượng Quang, Thiểu Quang, chư đại thiên vương.

Bên phải vị thứ 6: Sắc giới sơ thiên thiên vương Đại Phạm thứ cập Phạm Phụ, Phạm Chúng chư vị thiên vương.

Bên phải vị thứ 7: Dục giới chi gian thị vi Ba Tuần, ngũ đế đại ma, cập chư ma thiên.

Bên phải vị thứ 8: Dục giới ở đánh Tha Hóa, Đại Tự Tại thiên vương.

Bên phải vị thứ 9: Dục giới hàng thứ, hằng Thọ Hóa Lạc Tự Tại Thiên Vương.

Bên phải vị thứ 10: Dục giới ở giữa, Đẩu Suất Đà Thiên-Tri Túc Thiên Vương.

Bên phải vị thứ 11: Dục giới không cư - Dạ Ma Thiên Vương.

Bên phải vị thứ 12: Ở Tu Di đánh bốn phương mỗi phương bốn vị: tam thập nhị đại thiên vương.

Bên phải vị thứ 13: Ở Tu Di xéo tứ phương tứ bộ chư Thiên Thiên Tử.

Bên phải vị thứ 14: hơn bốn không cư ứng thể kiết hung chư tinh tú thiên.

Bên phải vị thứ 15: Tu Di sơn hạ như thứ tam cấp Thường Kiêu Thiên, Trì Man Thiên, Kiên Thủ Thiên, Chư Thiên Thiên Tử.

Bên phải vị thứ 16: Quang Minh hội thượng tích thị bát bộ Khẩn Na La Vương, Ca Lô La Vương, Ma Hầu La Già Vương v.v.. nhưt thiết thân vương.

Bên phải vị thứ 17: Quang Minh hội thượng, tích chương khí giới, Ni Liên hà thân, chư vũ đại thần, đại âm thực thân, phong thủy chư thân, hỏa thân hết thủy chư thân.

Bên phải vị thứ 18: đông tây lưỡng độ, thập bát già lam, bốn tự già lam, hộ pháp thánh chúng.

Bên phải vị thứ 19: thiên can địa chi lục thập thái tuế, thập nhị cung thần, chư đại tinh quân.

Bên phải vị thứ 20: trị niên thái tuế, bốn mạng cung tào, nghiệp đạo minh quan, nhưt thiết tinh quân.

Bên phải vị thứ 21: ở tỉnh, tỉnh chủ, phủ, phủ chủ, huyện người đứng đầu thành hoàng tôn thần.

Bên phải vị thứ 22: đương sơn thổ địa chánh thần, thổ địa phùng nào.... Chánh thần (nơi trai chủ ở).

Có 22 thần thổ địa như trên.

Phàm nghi cúng chư thiên như trong cuốn Thiên Môn Nhứt Tụng, theo nghi thông thường. Đây chỉ ghi lòng số như sau:

Ngưỡng nguyện:

Trên hội Linh Sơn, thọ âm di chúc của Phật, đến đạo tràng xứ Ma Kiệt Đà chứng minh vua trong đời phẩm Diệu Nghiêm chúng sanh nương tựa; ba cõi trên cao mong giáng lâm thương tình chứng giám. Nay ở Châu Nam Thiệm bộ trong 4 châu thiên hạ, tại nước, tỉnh, phủ, huyện, phố... ở tại địa chỉ... chùa, phụng Phật sửa soạn thiết trai cúng chư thiên, để cầu việc gì... tín chủ (tên) hôm nay cúi đầu dâng hương bày tỏ lòng thành, mong phóng hào quang soi tỏ, Thích Ca Văn Phật trên hội Kim Quang chư Phật, Bồ Tát, trời rồng 8 bộ chúng, các Thánh hiền dùng quyền thật, ngôi tòa sen vàng, mong thông thấu lời bày tỏ.

Lại nguyện vì việc gì... (nói rõ tâm nguyện). Hôm nay ngày... tháng... năm chọn sắm mấy thức chay thanh nhẹ dâng cúng, quyền cao của thiên chủ, mong rủ thiên ân dung thọ tác lòng thành dâng cúng. Lại ngưỡng mong: Phật đoái lòng thương, đức Trời trải rộng theo chỗ cầu mà ban ân, là tỏ sự cảm ứng như tiếng vang, lòng người khắc cốt. Trời nghe lời tâu này mà hiển hiện thần thông dùng pháp Phật cảm hóa.

Mong hồng ân Tam Bảo, chư thiên chóng rủ ân từ, chiếu soi gia hộ cho chúng con được gọi nhuần lợi lạc.

Ngày... tháng... năm (tên người) xin chí thành dâng sớ.

Chúng nghĩa ghi rằng, Kinh Kim Quang Minh có 3 bản dịch khác nhau như: 1. Đản Vô Sám đời Bắc Lương dịch 4 quyển, là sách lưu hành hiện nay. 2. Hai ngài Bửu Quý đời Tùy và Chí Đức (người Thiên Trúc) dịch chung 8 quyển. 3. Nghĩa Tịnh đời Đường dịch 10 quyển văn từ lưu loát gọi là Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương.

Cúng chư thiên nay chỉ dùng bản dịch thời Bắc Tống, cúng 20 vị trời, lược quá nhiều. Đây có 49 vị bèn dùng ba bản dịch chính, muốn đầy đủ xem Thanh Quy xưa, hẳn rõ ràng tường tận hơn.

Nay trích dẫn Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương quyển 8, phẩm Đại biện tài thiên nữ về một đoạn bài kệ để chứng minh cổ Thanh Quy. Kinh ghi rằng, nay con xin triệu thỉnh: chúng Thanh Văn của Phật, mong chóng đến đây gia hộ cho tâm cầu của con được thành tựu. Chỗ mong cầu là lời chân thật, tất cả mong rằng không gian dối. Trên từ trời Sắc cứu cánh và trời Tịnh Cư thiên, Đại Phạm và trời Phạm Phụ, hết thầy chúng Phạm Vương cho đến các trời khắp trong 3000 cõi, chủ cõi Tố Ha và các quyển thuộc của họ. Con nay xin triệu thỉnh mong mọi được đức từ bi thương tưởng cùng gia hộ. Trời Tha Hóa Tự Tại và trời Hóa Lạc cho thấy các chúng trời; đức Di Lạc sắp

thành Phật, các chúng trời Dạ Ma và 33 trời, trời Tứ Thiên Vương, hết thầy chư thiên, các vị thần đất, nước, gió, lửa nương ở núi Diệu Cao, 3 thần nơi 7 biển cùng với hàng quyến thuộc, thần tài và thần ngũ danh, trời, trăng và các sao cùng hết thầy thiên chúng, làm cho thế gian an ổn; ở đây đang chờ mong các vị thiên thần... Chẳng ham tạo nghiệp tội; kính lễ quỷ la sát mẹ và con yêu dấu, trời rồng, được xoa, cang thất bà, A Tu La, Khẩn Na La, Mạc Hồ Lạc Già v.v... con dùng thần lực Thế Tôn kính xin triệu thỉnh...Y cứ Kinh văn này tức là dựa theo cổ Thanh Quy đầy đủ mới có thể cảm thông được. Các bậc hiền sau này cần nên lưu tâm hơn.

---o0o---

1.3 Mặt trời mặt trăng bị che mờ

Gặp hôm nhật thực, hay nguyệt thực, trối hiệu lệnh cho chư tăng biết vân tập lên chánh điện làm lễ cầu nguyện.

Niệm hương.. hôm nay ngày... tháng...năm... đến giờ đặt bàn về hướng mặt trời (hay mặt trăng) vái cúng.

Đánh lễ Tam Bảo, tán Phật, nam mô thập phương thường trú Tam Bảo (3 lần) và tiếp đọc:

Nam Mô Nhật Quang biến chiếu Bồ Tát.

(nếu nguyệt thực đọc là Nguyệt Quang, ánh quang trở lại tròn đầy).

Đọc Tâm Kinh Bát Nhã, kệ đọc biến thực, cam lồ chân ngôn v.v... Tiếp đọc số hộ mặt trời như sau:

Sớ rằng: hôm nay ngày nhật thực, ngày ngũ Kỵ hay ngày giáng họa, ra oai tác quái sáu cách, nên kêu gọi dân chúng cứu hộ; mong nương Phật lực cầu cầu. Do vậy, nay vân tập chúng tăng xin phát tâm thành cùng niệm thánh hiệu Đông phương thế giới Lưu Ly Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát cùng trải ra cứu hộ, mong mặt trời sáng trong chóng ban cho ánh sáng trở lại.

Lại nguyện: năm sắc mở tung hoàng đạo soi sáng khắp quần âm cho tiêu mất mà đức dương hưng thịnh trở lại hôm nay. Đọc xong tán bài Nhật quang:

Tròn sáng giăng giăng,

Thánh đức khó lường,
Vạn tượng ẩn trời thay thiên chương,
Cõi nước được ân hưởng,
Soi rọi khắp âm dương,
Chúc mừng đại luân vương.

Nam Mô Nhựt Cung Thái Dương Tôn Thiên Bồ Tát.

Nguyệt thực: hướng về mặt trăng đọc sớ rằng: Trăng chiếu sáng cõi âm làm chủ đêm, nương chỗ chiếu soi bầu trời tỏ rõ chốn nhân gian đang bị nuốt trửng, do kiên nể sợ để cầu, để khẩn xin. Do vậy, hôm nay vân tập chúng tăng xin phát lòng thành cùng niệm thánh hiệu Bồ Tát Nguyệt Quang biến chiếu ở đông phương thế giới Lưu Ly, dùng trải ra cứu hộ, mong mỗi mặt trăng tỏ chóng phát ra ánh sáng mát dịu.

Lại nguyện: khí yêu biệt tích, một vàng sáng rỡ đại địa sơn hà, mặt trăng trường cửu, vạn tượng nhập vào cung Quảng Hàn. Tán:

Hương bay phảng phất

Gương báu tròn đầy

Bông Ngân lạnh mát

Sao rải xung quanh

Ánh trăng trải rộng

Nơi khuất càng thanh

Kính lễ nguyệt thực

Trời người lợi lành.

Nam Mô Nguyệt Cung Thái Âm Tôn Thiên Bồ Tát

(3 lần).

Chúng nghĩa giải rằng, đây là báo ân mặt trời, mặt trăng sáng chiếu. Sở dĩ nói “thực”, vì mặt trời mặt trăng chùng khít nhau, mặt trời án khuất mặt trăng là nhật thực, ngày đêm đều xa; mặt trăng che mặt trời là nguyệt thực, cũng gọi là bạc thực, vì hắc khí vây chung quanh một lớp mỏng. Mặt trời, mặt trăng vàng đỏ không có ánh sáng như có hiện tượng bức bách của vật, hình sắc thiếu khuyết là thực. Mặt trời mặt trăng thiếu khuyết bị lấn xâm như trùng ăn lá, nhưng đây là ăn một lớp mỏng, cũng là một trong bảy nạn. Con người và vạn vật đều thọ ân trời đất soi sáng nên cần phải bảo vệ. Bảo vệ như sau đây nếu kẻ sĩ, dân giả mỗi người hết lòng thành đóai tưởng tới ý trời. Cũng có thể nói: bảo hộ trời trăng cõi này.

Tại sao niệm danh hiệu Bồ Tát Đông Phương?

Đáp: Vì danh nghĩa phù hợp, xưng hồng danh vị Bồ Tát ấy tới cứu mặt trời mặt trăng. Và lại, Phật pháp rộng sâu, lòng trời hợp thuận xưng hiệu ấy rất thích nghi vậy. Tóm kết: tuy xưng Nhật Cung, Nguyệt Cung nhưng theo gốc xưng danh. Nếu dựa lý để nói thì nhật là thật vậy; thường đích thực nên đem thật trí soi sáng lý chân như, khiến chúng sanh diệt hết mọi mê lầm vào Niết Bàn an lạc. Tạm thời không biết giống như người chết, nên phải giữ gìn hộ vệ. Mặt trăng khuyết có lúc đầy lúc vơi, đem quyền trí soi sáng việc thế tục để trừ dứt hết thảy phiền não của chúng sanh, khiến thành thoi trong biển thanh lương. Một niệm chấp vướng là rơi hầm sụp hố nên cần phải che chở bảo vệ. Nếu như nguyệt thực buổi chiều không cần phải cúng ngọ, vì chư thiên dùng buổi sáng, không thọ cúng sau giờ ngọ, nhưng dùng trà tốt, hương đèn cúng là được.

---o0o---

1.4 Phụ: Tết Trung Thu

Rằm tháng 8 âm lịch sau khi dùng cháo buổi chiều xong, đại chúng vân tập chánh điện cúng rằm Trung Thu. Lễ phẩm đơn giản gồm hương hoa, trà quả, đèn bánh.

(Nghỉ tiết xem trước...) Tán:

Mây tạnh trời quang sương đáng yêu

Nồn nà không vết thể tự viên

Một vàng trăng tỏ tỏa vô biên

Sáng soi khắp cùng cõi đại thiên!

Nam Mô Nguyệt Cung Thái Âm Tôn Thiên Bồ Tát

(3 lần).

Tụng Bát Nhã, niệm Phật, sám nguyện, hồi hướng, phục nguyện, tự quy... lễ xong lui về hậu liêu, sau khi nghe hiệu lệnh tất cả tập trung trai đường, uống trà, dùng bánh Trung Thu, văn nghệ v.v...

Chúng nghĩa ghi rằng: Tết Trung Thu tương truyền là ngày Nguyệt đàn nên người đời đều làm lễ kỷ niệm. Dựa theo Phật Giáo mà luận, như cúng kỷ niệm trăng nên cúng trước giờ ngọ, vì mặt trăng giống trời bởi chư thiên không thọ cúng sau giờ ngọ. Vì theo Thanh Quy chỉ thiết lễ cúng gồm hoa hương, trà quả, đèn bánh mà thôi. Không dâng cúng thức ăn vậy. Từ đó trở đi tông lâm cúng trăng giống người thế, lẫn lộn đã lâu đời. Thậm chí có người gọi lễ Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát hoặc xưng là lễ Giải Thoát Nguyệt Bồ Tát.

Giá như có cúng nên dùng chay tịnh theo nghi cúng Phật. Đáng trách là mắc lầm lỗi, người ngu không nên lấy bậy truyền bậy; các bậc cao minh thức giả cần phải đính chánh lại. Như cho rằng, trời trăng vận hành là cái đức không hai, xưa nay chỉ cúng trăng mà chưa ai cúng mặt trời, tại sao vậy?

Trả lời: việc này tùy theo lễ tục, người đời chưa từng cúng mặt trời bao giờ. Ngoài ra, mặt trăng ở trong âm u tăm tối tỏa chiếu ánh sáng mà vạn vật được hấp thụ từ chỗ mát mẻ đó. Luận về công mặt trời vào hàng thứ hai; bàn về đức đại bộ gần với đạo Phật chúng ta linh chiếu tự như; che lấp không làm hại ánh sáng, huống chi sức sáng. Bóng hiện trong nước lớn nhỏ dọi không khác, huống gì công năng. Dung nạp ánh sáng ắt soi tỏ cần gì đầy. Trong sạch tự thuận cần gì vắng lặng. Nơi bản nhơ mà không nhiễm cần gì trong trắng. Xoay vần mãi không dừng là vận cần gì hằng hữu, đầy vơi không sai trật giờ cần gì tin. Sáng soi vạn vật mà không lưu tâm cần gì hư không. Sao ban đêm tự độc chiếu cần gì đốt cháy, phong kín tất cả trước mắt cần gì khắp nơi. Nếu như nhân mặt trăng ngộ tâm là bản giác tự sáng; chướng không thể làm mờ tối, không phải ánh trăng sáng sao? Lợi ích vô cùng, ân oán không hai, không phải công tâm của ánh trăng sao? Người người là đạo, pháp pháp sáng rõ, chẳng phải cái tròn đầy của mặt trăng ư? Xứ xứ luôn hui hui tự đắc chẳng phải cái lặng lẽ của mặt trăng sao? Ở chốn trần lao mà tự mình trong sạch chẳng phải cái trong trắng của trăng là gì? Tự phát phần đầu không ngừng chẳng phải cái hằng viễn của trăng hay sao? Cây mạn, cá heo chẳng

cũng tin nơi trăng sáng chứ? Vật đạt thuận ứng không phải cái lỏng lẻo của trăng hay sao? Tánh nó gần gũi nơi Phật đạo như thế nên Phật thuyết pháp ở núi Linh Thứu thường lấy trăng làm thí dụ. Ngài Hàn Sơn nói rằng, tâm ta như trăng thu, không vật gì so sánh được. Ôi thôi! Cái đức của trăng có thể nói là quá nhiều vậy. Đêm Trung Thu xung tưng là Nguyệt Đản, dù liên quan theo tục truyền nhưng trời cao khí thiêng bề ngoài càng thêm sáng. Đại viên cảnh trí như soi trước mặt, trong khi đang cúng này đây chẳng cũng hợp lắm thay! Hoặc cũng nói: Phật dạy thầy tỳ kheo không lạy vua, chư thiên vương v.v.. Nay Nguyệt cung đây chưa chứng đạo quả nên không lạy, nếu lạy e tổn phước. Lập Thanh Quy dựa theo sách mà luận, phạm các thiên thần đa phần do Thánh hiền biến hóa. Nay lạy cái đức, vì kính trọng lòng hộ pháp của họ nên có thể lạy. Nếu như không có đức không ủng hộ pháp, vì không liên hệ với Phật giáo. Phải tuân lời Phật dạy không lạy là đúng, nếu vì danh lợi mà bày điều mỉa hoặc với lễ thể tục, cả ta và người đều tổn hại, lầm lẫn rất lớn vậy.

---o0o---

1.5 Lễ Cầu dứt mưa

Nghi thức cầu nắng ráo dẫn giải đầy đủ trong kinh Kim Cang Quang Diệm dứt gió mưa do chính Phật nói. Kinh này chỉ có trong Đại Tạng nên ở đời khó mà thực hành. Vả nay tùy đời mà hành, nhất là mưa rỉ rả lâu không tạnh, chùa cử hành theo nghi này. Thầy Trụ Trì bạch Ngài Phương Trượng, kể ra thông báo dán nơi sơn môn. Tờ thông báo viết: cầu tạnh ráo. Nên dùng giấy vàng viết thông báo, nội dung như sau: Nam Mô Kim Cang Quang Diệm dứt gió mưa, Quang Diệm hội thượng Phật, Bồ Tát. Tất cả viết thành như bài vị thiết trí một nơi cho nghiêm trang lập đàn tràng có đầy đủ lễ phẩm cúng dường. Thầy Trụ Trì phải đặc biệt gia tâm, tặng chúng các ban chuẩn bị sẵn sàng, nếu có quan chức mời họ niệm hương. Không có, các vị ở chùa phát tâm niệm hương bạch Phật cầu nguyện. Mỗi ban phải thành tâm cầu nguyện để mong thông đạt tới ý trời, nên không phải là một câu chuyện hư cấu. Đến ngày lễ, vị thư ký trước phải hội ý, mời Thầy Duy Na, Duyệt Chúng, thông báo dán ở phòng khách đầy đủ ngày giờ làm lễ tụng kinh cầu dứt mưa.

Lễ này theo như các nghi thông thường, tuy có khác là trong 3 ngày, 5 ngày hay 7 ngày tùy thời mà định. Chư tăng luân phiên tụng niệm mỗi ngày 10 vị, trong số cất cử người nào lo phần gì rõ ràng, cứ tiếp tục tụng kinh cầu nguyện không dứt như vậy trong một tuần lễ hẳn được cảm ứng, sau đó mới

chấm dứt và làm lễ tạ. Phàm có tổ chức lễ kỳ nguyện nên lưu ý tới mấy chi tiết như: 1/ mỗi ngày 2 buổi đều có thời tụng kinh tại chánh điện; 2/ dùng hiệu lệnh vận tập chúng đúng thời khắc; 3/ y hậu chỉnh tề; 4/ Thầy Trụ Trì niệm hương bạch Phật, đánh lễ Tam bảo, cử tán v.v.. Tán rằng:

Đại bi Thánh chủ đạo lý thần chương,

Viên dung vô ngại khó thể so lường,

Nhập đàn đại chúng xin nguyện tuyên dương,

Biển bút xúc thành trong sạch thanh lương.

Nam Mô Thanh Lương Địa Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Trì tụng 21 biến Chú Đại Bi, tiếp theo niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát 1000 lần hoặc tụng Chú Dược Sư 49 biến và niệm Phật Dược Sư 1000 lần. Kế tiếp đọc số như sau:

Cửa trời im im chẳng mở thông

Ngày đêm thê thiết nổi gió giông

Trừ dứt tai ương dân ước nguyện

Hợp thời hé lộ một vùng hồng

Là một trong bốn châu thiên hạ

Châu Nam Thiệm người người chờ mông.

Nước Việt Nam, tỉnh... phủ... huyện... phường... quận..., thành phố...
Chùa... Trụ Trì... Nếu có các quan chức nên cho tên họ vào lòng số. Hôm nay chí thành dâng hương đánh lễ Ta Bà Giáo Chủ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Văn Phật, Quang Diệm hội thượng chư Phật, Thánh hiền, thiên long tám bộ chư vị tôn thần đang ngồi trước mặt xin chứng tri lời cung bạch: ngưỡng mong giữ lòng từ rải ánh quang cảm ứng ban cho chúng con... chấm dứt mưa nặng hạt làm tê liệt, mọi vật đều không thông, trăm sông nước tràn đầy, dân tình không nơi nương náu. Mong nghiệp chúng sanh cơ cảm tới trời hiếu sanh là đức, do vậy chúng con thành tâm thiết lập đàn tràng cầu tạnh ráo dứt mưa. Mỗi ngày chư Tăng tụng kinh, trì chú, niệm hiệu Phật, ngưỡng

nguyện Chư Thánh mong cho trời quang mây tạnh, sớm ban ân lành rải nắng xuống chúng con và thế gian.

Lại nguyện:

Đẹt mây mờ bốn bề âm chướng tiêu

Mặt trời hồng rọi chiếu chôn trung thiên

Ánh sáng len lõi năm miền hành tinh

Nơi nơi vạn loại thái bình an nhiên

Lòng thành dâng sớ thỉnh Phật, chư Thiên

Oai quang chứng giám thân tiên thi hành.

Ngày...tháng...năm... Phật lịch...

Trụ trì... xin cung kính cẩn sớ.

Duy Na cử bài tán:

Chư Phật Như Lai thương xót chúng sanh,

Vì cầu trời tạnh phá sạch u minh,

Mưa nhiều hắt được tạnh thanh,

Khắp nơi rải sáng an lành,

Vạn vật vui đón bình minh.

Nam Mô Quang Diệm hội thượng Phật Bồ Tát (3 lần).

Tiếp theo nhịp khánh đại chúng đồng niệm:

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật

Nam Mô Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát

Nam Mô Nguyệt Quang Biến Chiêu Bồ Tát

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (mỗi hiệu 3 lạy)

Nam Mô Kim Cang Quang Diệm chỉ phong vũ Kinh Quang Diệm hội thượng Phật Bồ Tát.

Hồi hướng, phục nguyện, tự quy... Đến lượt phiên thứ hai, đại chúng cũng trì tụng kinh chú như trên. Tụng cho đến khi trời tạnh ráo hẳn mới tập hợp hết chúng lại làm lễ tạ hồi hướng hoàn kinh.

Chúng nghĩa giải rằng: mọi sanh vật đều nhờ mặt trời, trời nóng bức quá làm cho cây cối tiêu ma; mọi vật thấm nhuần là nhờ nước, nước đọng nhiều làm cho vật hư thối. Cho nên mưa gió không điều hòa hay nắng hạn lâu ngày không mưa đều gây thành nạn họa, mà mưa nhiều ngập nước cũng gây tai họa không ít. Điều hợp lý nhất là mong cho gió thuận mưa hòa, là ước muốn của mọi người, cũng như mọi loài.

---o0o---

1.6 Cầu Mưa

Trời nắng lâu ngày mà không mưa, sơn môn (chùa) phải yết bảng cầu mưa. Sau đây dựa theo Kinh Đại Vân Luân cầu mưa. Cần lưu ý: lập đàn tràng nên chọn nơi sạch sẽ, đủ rộng cho số người tham dự. Cấu trúc đàn tràng sao cho thích hợp, trang nhã đẹp mắt; trên bàn bày biện hoa quả, lễ phẩm và hương đèn xoay về hướng đông; các bàn phía tây, nam, bắc cũng tương tự. Như vậy đều cúng long vương một thân 3 đầu, 5 đầu, 7 đầu hay 9 đầu. Bốn góc đàn tràng, mỗi góc cắm 7 lá phan màu xanh; mỗi bàn có bình hoa, đĩa quả, đèn dầu. Chung quanh đàn lấy chiếu làm tường, bốn bên có 4 cửa, mỗi bên có 2 lối đi cho long hộ vệ lấy đó làm ranh giới. Kinh ghi rằng hoặc lấy tro hay mực làm ranh giới mà ngày nay thường dùng mấy thứ này thay thế. Đầu rồng hướng ra phía cửa mà đuôi uốn lượn hợp với bụng nó. Ngoài cửa có che cũng lấy chiếu làm ranh, chọn một vị cao tăng trì giới đức hạnh làm chủ đàn; chư tăng cũng lựa người giới hạnh thanh tịnh để tụng kinh mới có hiệu quả tốt.

Ngoài ra, cũng phải cất đặt 2 người thị giả lo chăm sóc hương đèn, châm nước cúng và những lúc cần... như Kinh có ghi rõ. Nhất là trong thời gian Chùa cử hành lễ cầu nguyện, ngày đêm phải nghiêm tịnh, chí thành tụng

kinh, niệm chú đến một tuần, 2 tuần, hay đến 3 tuần; tự nhiên được cảm ứng tới chư thiên và lòng thành được thành tựu như ý nguyện.

Chứng nghĩa giải rằng: nói một cách tổng quát, đàn dùng đất vàng thể trâu, núi tai trâu. Trâu núi tức giống bạch ngưu ở dãy Himalaya, chúng ăn toàn cỏ thơm ở núi tuyết, mỡ chúng có mùi thơm có thể dùng được. Những giống trâu khác đều hôi hám không nên dùng. Ở phương đông chúng ta không thể lấy được loại hương này nên dùng đất vàng sạch thay thế. Theo Kinh Trang Nghiêm ghi rằng: màu xanh, sắc xanh án hương bắc, màu đen là lấy nước công đức vậy. Ngoài ra, nói một khủy tay mà ngày nay tương đương một mét; 3 khủy tay tức 3 mét vậy.

Kế nói về hình long vương ở bốn bên đàn tràng. Hình long vương vẽ trên bình phong, tám bình phong cao 2m60, rộng 1m60. Bình phong treo cao 1m20, ở giữa dùng lụa mỏng bồi (dán) chắc chắn. Các hướng khác theo Kinh chỉ dẫn hình vẽ, số đầu rồng nơi tranh vẽ. Tại hướng đông, rồng 1 thân 3 đầu; hướng Nam, 1 thân 5 đầu; hướng Tây 1 thân 7 đầu; hướng Bắc 1 thân 9 đầu và cùng với quyển thuộc chúng vây chung quanh phía dưới là biển sóng, trên có mây bay. Quyển thuộc long vương rất đông không thể vẽ hết. Nên mỗi phương chỉ vẽ 4 quyển thuộc đứng 2 bên tả hữu; số đầu rồng y theo Kinh mà vẽ.

Kế tiếp, Kinh nói về tấm màn. Tấm màn ở giữa đàn tràng hướng về Đông che tòa cao, bề ngang bề rộng 2 trượng, chu vi 9m, giữa nhô lên như mái nhà. Màn này may bằng vải xanh, chông chỏi dùng trụ gỗ sơn đen. Vãi lại màu làm cho đen, buộc vải 4 góc thả thòng xuống đất; riềm của 4 phía đều rủ châu anh lạc thanh tịnh trang nghiêm, rục rờ như châu báu vậy.

Kế tiếp nói về bàn của chủ đàn: chủ đàn là vị tăng, bàn xoay hướng Đông. Bàn có một chỗ ngồi lấy gỗ đóng, thiết chỗ tòa cao 4 bàn nhỏ cao 2m60, vuông 3m dùng vải xanh trải để Kinh lên trên rồi dùng miếng vải xanh đậy Kinh lại, khi nào tụng hẳn gỡ ra. Chỗ ngồi cao 1m60, vuông 2m; chiếu trải ngồi dùng đệm xanh lót lên trên.

Kế nói tới thứ tự 2 bàn ngồi: thứ tự 2 bàn sắp đặt 2 bên chủ đàn nhìn qua 2 phía, Nam Bắc đối diện hoặc cả 4 bên, tùy số người mà bàn cao 9cm, vuông 2m cũng dùng gỗ đóng để Kinh có phủ vải giống như bàn chủ đàn. Chỗ ngồi dưới đất trải đệm xanh vuông vức 2m.

Kế là hương đèn hoa quả: một thảo lư dùng dâng hương (niệm hương), một cặp đèn dùng đèn cây đốt. Trước bàn để một lư trầm dùng hương bột, hương

xông đốt cho thơm hoặc dùng trầm để ở 2 bàn xông hương. Nói chung các loại hương thơm phải có thị giả luôn luôn theo dõi ngày đêm không cho tắt để tỏ lòng thành kính. Bốn bình hoa để ở bốn góc đàn tràng trước các cây đèn. Bình phải tương xứng không lớn quá cũng không nên nhỏ quá và để nước bên trong vừa phải để giữ hoa lâu tàn. Dùng nước thuốc xịt cho hoa tươi tắn cũng như rảy nước sương sương lên hoa. Mỗi ngày chế thêm nước hoặc có thể đem ra ngoài thoáng khí nếu để cách đêm. Làm vậy làm cho hoa tươi tốt không héo, làm cho long thiên quý thần hoan hỷ.

Kế nói tới quả: mỗi lần cúng chọn 5 loại trái cây khác nhau để hợp với ngũ hành (5 thứ lưu hành) trong trời đất. Dĩ quả lớn nhỏ tùy vị trí và bàn thờ, miễn sao quả cho tươi tốt là được.

Kế nói về phan: phan dùng 28 lá tròng trụ chung quanh 4 góc đàn tràng: mỗi góc 7 lá, dùng vải xanh mới để may chiều dài 3m; cán dùng mực đen sơn, đầu cán gắn khoãn để treo.

Kế nói về cách đặt đèn: thông thường 28 ngọn đặt 4 bên đàn tràng, mỗi bên theo 7 lá phan làm chuẩn. Đèn còn tùy vị trí mà cỡ lớn nhỏ cho cân xứng. Trên mỗi đèn khắc chữ Long bên trong có đổ dầu, và ngày đêm giữ cho đèn cháy sáng mãi.

Bên trên nói về đàn pháp xong, kế nên dựa theo Kinh làm đúng pháp, Kinh ghi rằng: tôi nay có mặt tại hội này, mong tất cả các vua rồng nương vào đây vì muốn cầu mưa. Trước là triệu thỉnh các vị vào đàn; tặng chúng đều tắm rửa sạch sẽ, giữ giới thanh tịnh, tất cả trang nghiêm vào đàn. Chủ sám và 2 vị tả hữu sẵn sàng và Trụ Trì mặc áo xanh, đắp y màu xanh. Đến giờ mẹo (từ 5-7g sáng) vào chánh điện niệm hương, lạy Phật xong. Chủ sám cử tán:

Ngọc trời lồ lộ, biển giác sóng vàng,

Cõi thế giới ba ngàn phân đà tán,

Tam muội sạch làu,

Ít nhiều nước sáng,

Một giọt rạng sơn hà.

Nam Mô Thanh Lương Địa Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Tiếp theo cầm chén nước tịnh đọc vừa kiết ấn cam lồ:

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lần)

Đầu nhành liễu Bồ Tát cam lồ rãi

Một giọt tung trải khắp mười phương

Tanh hôi tẩy sạch dường lắng trong

Gia hộ đàn tràng được thanh lương

Lời mật ngôn ngưỡng mong trì tụng...

Chúng cùng tụng Chú Đại Bi (vị chủ sám đi xung quanh làm lễ sám tịnh; đi chậm rãi, trước đi trong chánh điện theo phía tay mặt ra tới ngoài cửa đi nhiều một vòng, từ từ bước vô lễ đàn đi tới đàn trên đi nhiều 3 vòng xong, trở lại chỗ. Chúng có thể tụng 3 biến Chú Đại Bi tùy theo vị trí rộng cỡ nào và thì giờ nữa).

Chủ sám bắt lên: Nam Mô Cam Lô Vương Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần). Chủ sám bước tới vào ngay chính giữa niêm hương bạch Phật, phía sau vị Trụ Trì cùng niêm hương xong, lui ra chỗ của mình, cùng đứng tán bài:

Ruộng cả đất cần hạn hán gây nên

Dân chúng tinh thành cầu khẩn nào quên

Lúa mạ khô quèn kỳ nguyện ngày đêm

Mong cho khắp chốn được mát êm

Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Xong rồi xướng đánh lễ: Nam Mô thập phương biến pháp giới thường trụ Tam Bảo (3 lần).

Pháp sư nhiếp tâm quán tưởng 10 phương chư Phật, chư đại Bồ Tát và long thiên thánh chúng đều dùng thiên nhãn trông thấy, thiên nhĩ lắng nghe, tha tâm thông rõ biết. Biết đây là nước Việt Nam, tỉnh, huyện, xã... lâu nay không mưa, vì đó mà theo đúng pháp lập đàn, theo Kinh triệu thỉnh các Ngài tới đây chứng minh gia hộ. Tưởng xong liền bạch:

Cung kính nghe rằng Như Lai diễn pháp
Thường dạy tụng Kinh triệu thỉnh trời mưa
Lòng từ cao hiển nghĩa cả chở che
Thiết tòa cao phô vẽ màu đất vàng
Chí thành sắp đặt pháp đàn
Đốt đèn nhang, lập tràng phan
Theo Kinh triệu thỉnh sẵn sàng
Nhờ đây khổ hết lạc an tái hồi
Rồng thiêng linh cảm tới nơi
Vệt mây dâng nước người người hân hoan.

Nay đây tại Việt Nam... tỉnh, quận, xã... ngày... tháng... năm... trời nắng hạn đã lâu, ruộng lúa nửa khô sắp thành đồng không mông quanh. Do vậy, y theo Kinh thiết lập đàn tràng cầu trời giáng mưa để cứu vớt muôn dân. Song chỉ sợ nghi tiết thất cách thiếu sót, tăng già giới đức kém nghiêm, cầu không đúng pháp khó mà đạt sự cảm thông. Tha thiết nghe Đại Luân minh chú hay trừ dứt lỗi này. Đại chúng chí thành cùng tụng chú Đại Luân Minh Vương 7 biến để an vị đàn nghi. Tụng 7 biến xong, pháp sư và đại chúng tụng kệ khai kinh, tán lư hương, tụng chú Đại Bi 21 biến. Xong, tiếp xưng thỉnh:

Nhứt tâm triệu thỉnh... long vương... mong mỗi dùng tha tâm thông, với thần túc thông; trên vâng lời Phật chỉ định, dưới thương xót chúng hữu tình mà đến tỉnh, quận, xã... sớm giáng cơn mưa. (Chú Đại Minh Luân Vương).

Thỉnh xong, sám chủ quý gói chấp tay bạch theo pháp đại từ trong Kinh và ban chú an lạc rồi; sám chủ và vị thầy đại diện lắc linh, đại chúng cùng tụng chú đại từ pháp và thí nhứt thiết lạc 3 lần. Sau đó sám chủ lễ thỉnh chư Phật:

Nhứt tâm phụng thỉnh hoặc Đa Bảo Như Lai, Bảo Thắng, Diệu Sắc Thân, Quảng Bác Thân, Ly Bồ Úy, Cam Lộ Vương, A Di Đà Như Lai, hoặc thỉnh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai v.v.. Thỉnh xong, tiếp đọc:

Mong thay chư Phật Như Lai dùng từ lực vô duyên sắc xuống tinh, quận... sớm giáng trận mưa. Nếu đàn tràng có 54 vị nên chia làm 6 ban, mỗi ban 9 vị tuần tự thỉnh cho đến ban cuối thỉnh xong, vị sám chủ quỳ gối chấp tay, nhịp một hồi 3 tiếng khánh, đọc Kinh, trì chú, niệm Phật, sám nguyện, hồi hướng, phục nguyện...

Bài hồi hướng:

Cầu mưa công đức hạnh nhiệm màu

Thắng phước bao nhiêu con nguyện cầu

Khấp nguyện huyện, châu gặp hạn hán

Chóng được mưa nhuần thấm đượm sâu

Việc gấp như cứu lửa cháy đầu

Vì cầu tiêu chướng giáng mưa mau

Ngưỡng mong Tam Bảo, thiên long thả

Thương xót chúng sanh hợp thời mưa

Mười phương ba đời Phật Như Lai

Tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

Tam tự quy đánh lễ.

Đàn này vị thầy hương đăng phải hết lòng lo liệu không được để cho bất cứ một người nào bàn tạp làm mất thanh tịnh. Sau giờ ngọ, nghe hiệu lệnh xong, vị pháp sư và 2 người tác bạch cùng Thầy Trụ Trì là 4 người vào đàn tràng hành lễ. Chí thành tụng kinh đọc lớn tiếng cầu mưa, như nghi thỉnh trước giờ ngọ, sau ngọ chỉ tụng kinh liên tục cho đến khi nào mưa lớn mới thôi. Trừ đàn này ra, các điện thờ chung quanh cũng phải thứ tự luân phiên 10 người hay ít nhất là 4 người tụng 21 biến Chú Đại Bi, niệm hiệu Quan Âm 1000 lần, lạy 12 nguyện của Bồ Tát, hồi hướng, phục nguyện, tự quy và đánh lễ. Kế tiếp đổi ban thứ hai luân phiên tụng suốt ngày đêm không dứt cầu trời chóng mưa. Các nghi cúng trên một mực theo đúng nghi thường, chỉ

viết bài vị: Nam Mô vô biên trang nghiêm hải vân oai đức luân cái long vương và các quyền thuộc. Đánh lễ xong, đại chúng tán bài:

Thánh chúng long vương,

Oai đức khó lường,

Vâng lời Phật dạy,

Tán (rải) ngọc quỳnh tương,

Quang lâm đạo tràng,

Nhuần sạch thanh lương,

Một giọt nhuần 10 phương.

Nam Mô Vân Luân Hội Thượng Long Vương Thánh Chúng Bồ Tát (3 lần).

Kê đọc sớ cầu mưa bằng giọng thống thiết, nên viết 4 hàng: hàng đầu viết tạo 3 nơi hóa hoặc chế bằng giấy viết hiệu 3 quan, cũng như 3 lòng sớ, mỗi tờ phóng trên 1 tờ giấy hiệu quan trên tay biến hóa thật tài tình. Một tờ trình Tam Bảo, một tờ trình chư thiên, một tờ trình các vị long vương. Để lại một phong bì mỗi ngày đọc một lần cho đến khi tụng xong hồi hướng rồi mới thiêu đốt.

Sớ rằng: thiết nghĩ, ánh dương thái quá làm nóng cháy, muôn vật đều khô héo, đây trên do trời phạt, dưới do dân nhiều tội lỗi. Chỉ chư Phật mở rộng môn từ bi mà thần chú có cảm ứng cơ cầu, do vậy với lòng thành, thiết lập đàn tràng cầu mưa tỏ bày tâm cảm, ngưỡng mong thánh đức rủ lòng đón nhận. Nay tại Việt Nam (Úc Đại Lợi)... tỉnh... phủ... huyện... chùa... Trú Trì (pháp danh). (Nếu có quan chức mời chú nguyện và biên tên họ vào sớ)... Hôm nay chí thành niệm hương đánh lễ Đại Vân luân chủ, Thích Ca Văn Phật, cầu vũ hội thượng chư Phật Thánh hiền, thiên long tám bộ, ty sở các thần, tọa đài hoa sen, mong cảm thông lời bày tỏ: Nhân chở che bốn xứ gặp lúc nắng hạn lâu ngày ban cho chỗ mưa nhỏ. Suối khe cạn nước, vạn vật khô cằn; muôn dân trăm họ, khổ thống điêu linh. Cơ quan chức trách lo nghĩ như khẩn cầu, nghe Phật dạy lấy vàng mây lớn, tụng kinh trì chú cầu mưa; xin vì cảm thông, cho... (tên) nay ngày... (kiến lập đàn tràng), y pháp cầu cầu, vân tập tăng chúng tụng kinh, trì chú, niệm Phật. Song e sự lý không cùng, lễ nghi không đúng pháp khó cảm đến long thiên xin rộng lòng tha

thứ; chưa có mưa nhuần thấm xuống, do vậy chí thành dâng sớ: trước trình Tam Bảo thánh chúng, kế thừa 3 cõi chư thiên, tiếp thừa cùng long vương thánh chúng, ngưỡng cầu rừ lòng thương chúng giám, đoái tưởng chúng sanh, mong cho tội nghiệp sâu dày lấy lượng bình đẳng gội nhuần, dấy sấm chớp nơi núi sông, đổ mưa tuôn khắp chốn, cứu sanh linh đồ thán, đang phải chịu nạn tai. Lại cầu cây gió thầy mưa trên chớ dưới che địa thần lúa thóc, hết lòng quan tâm, che chở cho lúa được mùa cũng giống mùa thu, tháng hòa năm thuận, muôn dân an lạc thái bình. Cẩn niệm chí thành cúi đầu dâng sớ.

Sớ văn đây cung trình Tam Bảo chứng minh, đài sen thỉnh tọa; chư thiên cùng lên bảo tòa, long thần chư vị thần linh lên bảo tòa.

Ngày...tháng...năm ...Trụ Trì...cẩn bạch.

* Phụ Chú: Đàn Đại vân: đàn chính ở giữa, 2 bên treo nhiều câu dùng giấy trắng, mực đen viết chữ đậm nét như:

Đại Chiêm cam sâm điền trừ đắc nhi tư dục,

Kỳ phu huệ trạch thảo mộc bị dĩ sanh thành.

(Mưa lớn đượm nhuần ruộng được mùa thêm nảy nở,

Sông Kỳ thấm thấu cỏ cây chơn chở phát sanh).

Chúng nghĩa ghi rằng: tổ chức nghi thức cầu mưa dựa theo Kinh Phật soạn ra. Duy chỉ lập đàn, sắp xếp chỗ ngồi, phan phướng, hình tượng v.v... việc chi tiêu tiền bạc tốn kém. Nếu quan chức đứng lo liệu vấn đề trở nên rất dễ giải quyết. Giả như chư tăng phát tâm lo liệu có thể dùng giấy, gỗ thay vàng lá. Kỳ nguyện cốt ở thành tâm trang trọng mà thôi. Song trải qua nếu có lúc mưa lớn cũng làm cho tạnh dứt, tạnh hẳn mới thấy được hiệu quả kinh này. Cũng có thể dùng để cầu trời tạnh ráo. Chỉ thay đổi nội dung 2 chữ là được, đổi chữ cầu mưa thành cầu nắng và cũng đổi lời sớ nữa. Đây là việc lợi ích lớn lao ngoài nghĩ ngợi, cảm thấu các bậc thần minh. Ngoài ra, đàn tràng tụng Chú Đại Bi, giúp thêm lời ban ân chóng cảm kích tới mọi sự cầu. Nếu như người cầu không thỏa mãn không phải do tâm đại bi đã la ni. Tháng hoặc nơi núi cao, thôn làng vắng vẻ, không có quan chức tham dự, nên mời chư tăng thanh tịnh xa gần tới tụng kinh theo chỗ chuyên biệt của họ, chí thành cầu nguyện cũng có thể có kết quả trời mưa. Kinh Hoa Nghiêm cảm ứng lược ký ghi rằng, ngài Tăng Đạo Anh, họ Trần người quán huyện Bồ, 18 tuổi cưới vợ ở chung 5 năm thì không gần nhau. Sau theo nghe Cụ pháp sư

trong huyện giảng Kinh Hoa Nghiêm bèn thể phát xuất gia theo nhiều người vào núi Chùa Bá Thê tu pháp tham thiền. Gặp tiết trời nắng hạn giảng Kinh Hoa Nghiêm để cầu mưa. Có 2 cụ già, mỗi vị có 2 đồng tử theo hầu tìm đến nghe giảng. Ngài Đạo Anh thấy lạ bèn hỏi, mới biết đó là hải thần. Nhân đó nói rằng, nay vì đàn việt xin cho trận mưa. Lão trượng sai 2 đồng tử, một từ lỗ cửa sổ phóng ra trong thoáng chốc, một trận mưa to xối xuống, xa gần đều thấm nhuần. Công đức giảng Kinh Hoa Nghiêm mà cảm động đến trời làm đổ cơn mưa lớn. Cũng như Kinh Pháp Hoa Trì Nghiêm ký ghi rằng, pháp sư Vân Quang, đời Lương, niên hiệu Phổ Thông, năm thứ hai, tập hợp chúng nơi đại điện giảng Kinh Pháp Hoa, trời rưới mưa hoa giữa thiên không. Vua đem việc hạn hán hỏi ngài Hòa Thượng Chí Công. Chí Công nói rằng: có mây có thể đưa tới mưa. Vua nhân đó thỉnh Ngài giảng Kinh Pháp Hoa đến đổi thấm nhuần khắp nơi trời bèn đổ mưa to nơi nơi đều lợi lạc. Nhân việc giảng Kinh Pháp Hoa đây mà cảm động trời đổ mưa vậy.

Ngoài ra cũng có câu chuyện kể rằng: Ngài Thích Chân Quán chùa Nam Thiên Trúc đời Tùy Linh Ẩn họ Phạm ở Tiên Đường. Lúc nhỏ tướng dị kỳ, lưỡi đỏ vẫn quanh, 2 tay trái phải có chữ tiên nhọn, thường tụng kinh Pháp Hoa định mỗi ngày một bộ. Năm Khai Hoàng thứ 14 lúc trời hạn hán mời Thầy giảng Kinh Hải Long Vương, trời liền nhóm mưa. Nhờ giảng Kinh Hải Long Vương này mà làm cho trời mưa vậy. Ngoài ra, Ngài Thích Trung Lập ở Minh Châu đời Tống, họ Trần người huyện Ngàn, xuất gia năm 20 tuổi, được Vua ban hiệu Minh Trí vào đời Hy Ninh. Ở Nam Hồ thay thế Ngài Thần Trí mỗi ngày chuyên tu pháp tham thiền. Vào năm Nguyên Hựu Ngài tái chủ trì Chùa Diên Khánh chuyên lay Kinh Pháp Hoa 7 năm tu pháp viên mãn. Một hôm trong thiền quán, Ngài thấy mình ngồi trong một chiếc thuyền lớn bơi đi tự biết tới suối tuyền dững; Ngài tụng Pháp Hoa hơn 10,000 bộ cứu được hạn hán qua đi rất linh nghiệm. Tụng Kinh Pháp Hoa và lay sám Pháp Hoa mà làm cho trời mưa vậy.

Lại một chuyện khác, đời Tống hội Kê Đạo vị sơn, Ngài Thích Tông Lợi đã thọ giới Tỳ Kheo, tới Cô Châu nương Ngài Thần Ngô lay sám Pháp Hoa 3 năm. Một hôm, thấy Bồ Tát Phổ Hiền cõi hư không qua trước mặt, tìm hỏi thành mới bích hồ, chuyên tu niệm Phật tam muội. Năm Chánh Hòa nguyên niên trời hạn hán, Ngài cầu mưa cảm tới long vương hiện thân sắc vàng rưới mưa đủ nước. Do công phu niệm Phật chí thành làm cho trời mưa.

Kinh Kim Cang Trì Nghiêm ký ghi, đời Đường Khai Nguyên năm 93, Lữ Văn Triền làm việc ở huyện Lãng Trung, rành rẽ Kinh Phật, lại chuyên trì tụng Kinh Kim Cang đến hơn 30,000 lần nên được điềm linh ứng kỳ dị.

Cuối năm nọ, 3 cái răng đều rụng một lượt, bỗng mọc lại như cũ. Lúc còn làm việc tại Lãng Trung nhằm năm hạn hán, Vua ra lệnh dân chúng cầu mưa, Ngài vừa tụng một biến trời bèn đổ mưa lênh láng; lại khổ ngập nước liền khiến tụng Kinh cầu dứt mưa, hợp thời đáp ứng. Do tụng Kinh Kim Cang làm cho trời mưa cũng như dứt mưa.

Một câu chuyện khác: Ngài Liên Trì đại sư ở Minh Quý vừa đi tham học trở về Hàng Châu, trên đường đi muốn vào thăm một tu viện trên núi cao, thấy mây giăng đầu núi u tịch, Ngài bèn lấy gậy chống. Lúc đó trời đang hạn hán, dân làng mời Thầy tụng kinh cầu mưa.

Thầy nói: “Lão tăng ở đây chỉ biết niệm Phật và không có pháp thuật nào cầu mưa được cả”.

Dân chúng nói: “Chỉ cần thỉnh Đại Sư niệm Phật”. Mời Thầy ra khỏi núi tới bờ ruộng niệm Phật, thế là mưa kéo tới ngay. Dân làng quá cảm niệm ân đức Ngài nên hoan hỷ ủng hộ kẻ công người của lập nên ngôi chùa cho Ngài tu niệm. Đây cũng chỉ do công phu niệm Phật mà cảm được mưa vậy. Cho nên việc cầu mưa hoàn toàn nhờ vào công đức chư Tăng hằng ngày công phu tu tập mới có thể cảm ứng được; cũng nên mời vị chủ lễ trang nghiêm giới đức mới có hiệu quả. Nếu như mời vị không đủ giới đức, chư Tăng thiếu tu chỉ làm trả lễ chiếu lệ nên cũng khó mà cảm được tới trời. Thậm chí còn làm ồn ào phức tạp như uống rượu, ăn thịt, vui đùa, làm điều bất chính, làm sao cảm thấu trời được, lại càng tạo thêm nhiều tội lỗi nữa!

---o0o---

1.7 Lời Phụ: Cầu tuyết

Nghi thức không truyền riêng như pháp cầu mưa để thành phổ thông. Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn thường có câu tụng khai kinh rằng:

Một năm chỉ trừ tháng này

Trời cao chưa từng rơi tuyết

Long thần ba cõi xét soi

Mỗi vị lần lượt cho biết

Khắp trời khắp đất nhả bạc

Vã phải hợp thời đúng tiết

Mong nhờ đại chúng từ bi

Trợ lực niệm chú gia trì...

---o0o---

1.8 Họa sâu ăn hại lúa (mùa màng)

Phàm gặp họa sâu hại lúa, là việc gấp như lửa cháy. Trong đại tạng không có Kinh tụng trừ họa sâu ăn hại lúa. Cổ đức chỉ có nghi thức cầu trời: tại phòng khách chúng bạch Ngài Phương Trượng cho ý kiến xong, kế đến viết giấy đề di hoàng (họa sâu ăn hại lúa). Tờ giấy này dán nơi cửa chùa và tại phòng khách, cũng ghi rõ vào ngày...tháng...năm...có lễ tụng kinh trừ họa sâu lúa, tụng Kinh Kim Quang Minh từ ngày... đến ngày... Sắm năm loại trái cây, hương hoa cúng thiên, lễ sám Kinh Kim Quang Minh vài ngày cầu nguyện trừ sâu, trong năm thanh phát, nhân dân an cư lạc nghiệp; đọc nêu danh các Thầy ra như sau:

.....

Muốn biết thêm nghi tiết, cần xem phần sau, Chương Trụ Trì phần niệm tụng có nói rõ. Đây chỉ ghi lòng số:

Nay tại nước... tỉnh...phủ...huyện...chùa... Trụ trì hoặc quan chức đứng cúng hay người làng hoặc người chủ chốt theo đó biên tên họ đầy đủ. Ngày hôm nay cúi đầu niệm hương đánh lễ Kim Quang Hội chủ năng nhân Từ Tôn, trên hội quang minh, chư vị thiên, phạm vương, để thích bốn vua, thiên long tám bộ, chư thần binh khí, thánh chúng các ty mời vào bảo tòa an tọa. Cung kính tỏ bày khẩn niệm: sâu bọ tác yêu gây tai ác đáng lo để lại nghiệt ngã trong đời e xâm hại thành nạn. Không do công lực thần trừ khử, dù tận nơn lực nhưng vẫn lỗi lầm. Do vậy, tháng... ngày... này xin phát lòng thành lập đàn trừ sâu phá lúa bảo vệ mùa màng. Mỗi ngày cử chư tăng tụng Kinh Kim Quang Minh và 5 thứ trái cây cúng thiên, lễ sám Kinh Kim Quang Minh.

Lại nguyện: nguyện đem công đức này làm tiêu dứt nạn trùng, giáng rải gió mưa quét sạch các thứ không còn sót lại gì, chảy vào sông ngòi, theo nghiệp mà đi làm cho dân chúng an cư lạc nghiệp, vạn vật sanh trưởng. Chúng con không mong gì hơn khẩn thiết lòng thành mong mỏi.

Ngày...tháng...năm, tên Thầy Trụ Trì, tên vị quan chức.. 9 lần trình thưa.

Sớ phải viết trước, ngày đầu tiên đốt một lá; còn một lá để giữa đàn tràng mỗi ngày tuyên đọc cho đến khi hết sớ mới dứt; tụng hồi hương, phục nguyện xong đem đốt. Sau khi đọc sớ xong liền cử bài tán:

Gìn mạ giữ lúa,

Chư vị tôn thần,

Trừ sạch sâu bọ,

Thỏa mãn sanh dân,

Ruộng lúa đầy đồng,

Mùa mới đơm bông,

Xin đáp tạ thâm ân.

Nam Mô Tiêu Tai Chướng Bồ Tát (3 lần).

Ngoài nghi cúng trên đều theo nghi phổ thông đến khi sâu bọ dứt là hồi hương. Sách khác, giữ hội mạ xanh cũng bao hàm như phần này.

Chứng nghĩa ghi rằng: sâu bọ phá hại lúa mạ là thiên tai. Xưa qui định tụng Kinh Kim Quang Minh, lễ sám Kim Quang Minh, hiến cúng chư thiên chớng được cảm ứng.

Y cứ theo Kinh Kim Quang Minh quyển 2 phẩm Tứ Thiên Vương ghi rằng, Kinh này hay soi sáng cung điện chư thiên, là Kinh mà làm cho chúng sanh an lạc; cho chí có thể trừ thiếu thốn, đói khát v.v.. Ngoài ra, phẩm công đức thiên ghi rằng, do nhân duyên làm tăng thêm địa vị nên các địa thần, chư thiên thấy đều hoan hỷ đem gieo giống lúa thóc mầm mộng lá, bông hạt đều tươi tốt v.v... Phẩm Kiên Lao Địa Thần Kinh Địa Tạng ghi rằng, vì thế cho nên trong Châu Diêm Phù Đề, mọi cây cối, cỏ thuốc, nhánh lá gốc cành, hoa quả tươi tốt, đẹp đẽ, thơm tho, thấy đều đầy đủ v.v... Phẩm Quý Thần ghi rằng, đây do lực Kinh này nên làm cho chư thiên hoan hỷ, trăm thứ hạt kết trái thấy đều tươi tốt v.v.. Y cứ đây có thể thấy Kinh này đích thật có thể trừ sâu phá lúa mạ; làm cho mùa màng thêm phong phú tốt đẹp. Cần phải hợp lực làm cho Kinh phổ biến lưu thông rộng khắp để mọi nơi thường trì tụng

không ngừng thì thiên hạ thái bình, tội diệt, phước tăng. Không có lỗi đối với Kinh này cho nên đời Đường các nhà dịch kinh gọi là Tối Thắng Vương Kinh. Rất tiếc ngoài phần thủy lục ra, sách ít thấy nghe hoặc nơi sơn giả hoang địa đều không có Kinh này. Có thể xem trong Thiên Môn Nhứt Tụng có nghi cúng Tề Thiên - từ dao thiên ngọc lộ - khởi, đến tán Phật quang đại từ bi rồi ngừng dứt. Tụng hết quyển càng tốt, chỉ cần đổi lại nhứt tâm phụng thỉnh thay vì nhứt tâm đánh lễ mà thôi.

Kinh Kim Quang Minh cảm ứng ký ghi rằng, đời Tống có vị tăng tên Tùng Lễ, người Nương Dương, cư ngụ ở Tỉnh Xá Bình Điền tại Đài Châu; người cẩn trọng ít nói, vui buồn không lộ ra sắc mặt; sống giản dị chân thành, giữ giới thanh tịnh. Đời Lương niên hiệu Càng Hóa mùa hạ nắng hạn, dân chúng mời Ngài tụng Kinh Kim Quang Minh cầu mưa; Kinh tụng cảm tới cõi thiên trời mưa luôn 3 ngày. Lúc bấy giờ Tiền Võ Túc Vương nghe danh triệu mời vào cung, lập đạo tràng lễ sám Kim Quang Minh v.v.. Căn cứ theo đó, tụng kinh đã làm cho trời mưa và hằm cũng hay trừ sâu làm hại lúa vậy. Song, người chủ trì ắt phải bậc cao tăng, đức độ mới dễ đạt sự cảm thông; không phải tư cách của bọn tầm thường mà làm được. Nếu như thành tâm tụng Chú Đại Bi thay thế cũng được, vì tất cả chú trọng ở mong cầu. Nếu kết quả không như ý là do không vì tâm đại bi Đà La Ni vậy. Chỉ cần giữ tâm chân thật cầu mọi việc gì cũng đều cảm ứng cả.

---o0o---

1.9 Kỳ nguyện Vi Đà hộ pháp

Phàm gặp sự hoang mang hay đang ở chỗ tuyệt lương thực, hoặc đang tạo lập, hoặc sửa chữa v.v.. Duy Na và Giám Tự bạch Trụ Trì cho biết ngày giờ hành lễ. Ngoài thỉnh hóa chủ thông báo cho tín đồ biết, trong viết thông báo dán nơi phòng khách. Thông báo cho biết rõ ngày...tháng...năm...Tới ngày, nghe chuông, chư tăng đắp y tập trung tại chánh điện hoặc điện thờ Vi Đà, tụng Thiện Thiên Nữ chú kỳ nguyện Vi Đà. Phải viết 2 lá sớ ghi rõ làm việc gì, lời phải thích hợp. Một lá tuyên đọc xong rồi đốt để báo đến Thánh minh, một lá cúng xong hằm đốt; mỗi lần tụng kinh có đọc sớ. Mỗi ngày 2 buổi hoặc thúc bằng hay gióng chuông 3 hồi lại 4 tiếng để nhóm chúng tham gia khóa tụng. Đại chúng mời Thầy Trụ Trì niệm hương xong cắm lên lư. Duy Na cử tán lư hương...Cuối bài đọc: Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát (3 lần) – nên thủ mõ lớn – Tán xong tụng Thiện Thiên Nữ chú, vừa đi nhiều điện hoặc đi nhiều quanh bàn thờ Vi Đà vừa đọc chú 108 biến. Tối thiểu cũng đọc cho được 49 biến, tới lần cuối thỉnh 3 tiếng chuông cho đại

chúng ngừng tụng. Đứng chỉnh tề, Thầy Trụ Trì niệm hương, xong, Duy Na cử bài tán:

Vi Đà thiên tướng, Bồ Tát hóa thân,

Ủng hộ Phật Pháp phát nguyện rộng sâu,

Tay cầm thanh kiếm trấn áp ma quân,

Công đức vô biên thật khó nghĩ bàn.

Nam Mô Phổ Nhãn Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Tán xong, đại chúng lạy 3 lạy rồi lui về chỗ. Mỗi ngày 6 thời, khởi sự, chাম dứt như trên. Nếu việc gấp, ngày đêm 12 thời nên luân phiên nhau tụng phải thành tâm để cầu nguyện. Đúng theo nghi thông thường cho đến ngày viên mãn, hồi hướng, đốt sớ, tạ thần Hộ Pháp.

Phụ: Ngoài ra, quyên góp thứ khác ngoài gạo, tùy theo đó sửa đổi lời lẽ trong văn sớ. Như dưới đây:

Từng nghe tên chùa..., tên vị thầy chủ sám, từ khi tiếp nối cho đến nay đã trải qua năm tháng. Nay trụ cột tuy vững, tăng chúng rất đông, không thiếu thốn lương thực. Sớm trưa chớ trông đợi, đang gặp hồi kém khó, cơm Hương Tích khó khắc phục. Suối ngọt, trái rừng không đủ chữa lành cơn đói. Kho trống, bếp lạnh làm sao được no bụng đây? Đã không có cách dự trữ chỉ còn kể nhờ vào sự ủng hộ của đàn việt. Lại nguyện: người có lòng nhân tưởng giả, bố thí ra công giúp đỡ, thật là phước đức vô lượng. Hoặc thí đậu, lúa, nấu ba bát cháo, hoặc cho rang gạo đưa tới mùi vị lục hòa, một học, trăm học tùy lực, tùy duyên mà vui thí; ngàn thăng, vạn đấu, do tâm hoan hỷ để quyên góp vào. Một lời, một việc đều có công đức; hoặc quyên góp hay khuyến khích người đóng góp...đều là nhân lành. Dựa vào chén cơm để kết duyên vui hưởng thiền duyệt (vị thiền). Tặng ít mà đặng số thiện, phước không thể lường hết. Từ đây tăng chúng cần tu, sớm tối tụng kinh cầu nguyện. Chư Phật Thánh thần mật thù gia hộ, quyết định được an lành, nên sớm vâng hành. Kéo dài huệ mạng của một ngôi chùa đâu hư tâm lực. Vì Tam Bảo làm lợi ích thấm nhuần, thần xin khải bạch.

Nếu như gặp việc kiến tạo, sửa sang...vào ngày hoàn mãn đều nên cúng kiến bầm bạch Vi Đà tôn thiên để đáp đền ân hộ pháp của Ngài.

Chúng nghĩa ghi rằng, việc cầu nguyện này thuộc về cổ tục. Bởi vì, người xưa lấy đạo đức tu hành làm việc nhà, chốn tông lâm hoàn toàn không việc đi tụng kinh bái sám. Nhu cầu của đại chúng như y phục, ẩm thực hoàn toàn nhờ Vi Đà thiên gia hộ. Ngài cảm hóa 10 phương, chỉ người tu hành hẳn không hề chết đói. Muốn thoát nạn gấp chỉ thành tâm cầu nguyện Vi Đà tướng đen gia hộ, theo việc không miễn cưỡng được tùy duyên. Nay đa phần người ngu mạo tăng đi hóa duyên (quyên góp) để bung bít mờ mịt cốt dung dưỡng cái xác thân. Như cây giữa rừng như dao kê ngọn, như trùng đục khoét, hoặc 4 phía bị đóng đinh, đinh đóng chặt 7 ngày hay tạm thời giầy lát, bó cột dính lại với nhau cho người ta thấy; hoặc đào đất làm huyết chôn ngược đầu xuống, 2 chân chống lên trời. Có người chôn sấp lưng đến nỗi phù lên màu xanh rồi dùng kiềm siết chặt lại. Bỏ mồm miệng người ấy lại chỉ có uống nước gạo mà không thể ăn ngũ cốc được. Hai chân đứng vắt qua lạy Kinh, khiến người ta trông thấy hoảng sợ; hoặc lôi khối sắt hoặc kéo thuyền nhỏ nặng 110 cân. Tu khổ hạnh như thế là làm điều kỳ dị đối người, mê hoặc chúng. Có nhiều hạng không phải một. Không tham cũng ngu, thật đáng thương xót. Trong tông lâm chúng ta quyết định dứt khoát không làm những việc mị chúng như thế mà chỉ giữ gìn Thanh Quy cẩn thận, nương giáo pháp tu hành, Vi Đà thiên chắc không phụ các người đâu.

---o0o---

1.10 Phụ: Vi Đà tôn thiên thánh đản

Ngày mồng 3 tháng 6 hay ngày 13 chưa xác định chắc là ngày sanh của Vi Đà thiên. Dùng cháo điểm tâm sáng xong, thông báo tại trai đường, phòng khách. Thông báo đề: hôm nay ngày... tháng...năm...nhằm ngày Khánh Đản (sanh) của Vi Đà tôn thiên. Đại chúng khi nghe hiệu lệnh vân tập chánh điện hay điện thờ Vi Đà cúng ngộ theo nghi thức trong Thiên Môn Nhựt Tụng, nên ở đây không ghi phân này. Chỉ có lời căn bạch khác như sau:

Trộm nghe rằng:

Ba Châu cảm cách Hộ Pháp thần

Vi Đà thiên Bồ Tát hóa thân

Hành Phật sự nhiếp hóa

Đức hàm dung cả thiên nhân

Trên cao nghe thấu
Tăng tục cảm ứng ân cần
Thiện ác rõ phân
Mở lòng thương trí vận
Bồ Tát phương tiện từ tâm
Chứng pháp vô vi thâm diệu
Công đức siêu vượt thế trần
Nghĩ đời mạt pháp,
Tăng chúng phước căn cạn dần
Đạo lực suy vi, tập theo thói nhiễm
Đức Vi Đà tôn thiên gia ân
Cảm ngoại ma không quấy nhiễu
Đón mừng ngày Khánh hỷ
Đặc dâng cúng rau vi.
Lại nguyện:
Vua tôi được phước, thiên hạ an hòa
Biển lặng trời thanh
Đất nước thái bình
Nơi nơi gió hòa mưa thuận đẹp xinh
Phật đạo huy hoàng
Giáo pháp nhip nhàng chuyển vận

Tòng lâm an Khang

Chùa hưng thánh hiền tăng đa dạng

Đức chúng rộng dung hòa ái

Bạc long tượng triển khai pháp mầu

Thí chủ đàn na vui thỏa

Đạo lữ thầy nhuần ân

Phàm có niệm mong cầu

Được như ý thành tâm.

Chúng nghĩa ghi rằng, lễ Vía Vi Đà chỉ tụng Kinh Kim Quang Minh và niệm chú thiên. Truyền tích chỉ biết tên nhưng chưa ai rõ cốt chuyện, nên hoặc cho rằng Ngài là Mật Tích lực sĩ hoặc là Phật Lô Lô Chí...

---o0o---

1.11 Phụ: Già Lam sanh nhật

Căn cứ các Kinh như Đại Quán Đảnh ở Tây Vực (Ấn Độ) thần Già Lam có 18 vị. Ở Đông độ (Trung Quốc) có nhiều vị như Hoa Quang, Quan Đế (Công), Long vương v.v... Hoa Quang sanh nhật hoặc ngày 28 tháng 9 âm lịch, sanh nhật Long vương không thấy chép. Quan Đế thánh đàn thông thường người Tàu lấy ngày 13 tháng 5 âm lịch dựa theo tích truyện đời Minh (1368-1661) niên hiệu Khương Hy năm thứ 9 tại tỉnh Quảng Đông, các nhà hội quán đồng lập một tòa miếu thờ Quan Thánh. Tuy nhiên, theo tích truyện y sanh Trần Diệu do đức Quan Thánh hiển linh về mách bảo, Ngài sanh tháng 7 chứ không phải tháng 5 như mọi người tin nghĩ. Thánh Hoa Quang, Long vương thánh tích không ghi rõ ngày sanh. Chỉ có Quan Đế hiển thánh ở núi Ngọc Tuyền hoặc hiện thân tại Chùa Hoàng Mai v.v... nay không có nơi nào hiển linh nữa. Vì thế, tại tăng viện giới tăng già mới tôn Ngài là thần hộ pháp chôn già lam mà ngày sanh nhật như trên đã nêu. Nghi cúng giống như lễ vía Vi Đà thiên. Chỉ có lời khác như:

Ngưỡng mong đại đế phò trợ thánh giáo

Của Tam Bảo khí sắc luôn vẫn mới

Xin thuận phàm tình, dẫn sanh linh nương cậy

Bắt thần oai linh hiển

Trấn các phương hoạnh yếu nơi nao

Tâm chánh trực thông minh

Hết thầy ác tà thanh táo

Là nhờ ân pháp vương gia hộ

Hằng thường theo hộ điện vàng

Thiên đế giáng chỉ bảo an

Đây ngày thánh đản hân hoan

Vô cùng sạch đẹp mát trong

Cung hiến hương trầm

Ngưỡng mong chứng giám

Từ đây bờ giác dự phần

Dứt trừ oan trái lằn khăn

Vâng nhờ uy đức độ dẫn chúng sanh

Rõ soi trong ngoài tăng tục.

Văn này trước kia chỉ dùng cho Quan Đế, nếu bạch chung ở già lam nên dùng lời như sau:

Cung kính nghe rằng già lam thánh Bồ Tát

Đèn trí soi ba cõi sáng tỏa mười phương

Lấy già lam tựa nương hộ trì Phật Pháp

Làm thành lữ giúp sức bậc pháp vương

Khấp chôn phân thân

Chở che chúng tăng

Trông nom việc Phật.

Ghi tên họ người cúng vào đây..., tên vị Trụ Trì...

Thân nương nhờ ngôi già lam

Theo cội gốc để trở về

Mong gặp ngày tốt sanh

Thiết cúng niệm tâm thành.

Lại nguyện:

Không quên Phật di chúc

Có mặt khắp đạo tràng

Chánh pháp giúp xiển dương

Lối ma sạch thênh thang

Mông ân gia hộ đàn na

Gia đình mọi thành viên an hảo

Chúng đức hộ đạo quyền uy

Đường giác rộng hanh thông

Đạo tràng lập khắp chốn

Chấn chỉnh tông phong

Vĩnh viễn dài lâu

Tăng chúng hòa hài

Thành tựu đạo quả mãi về sau...

Chúng nghĩa rằng, ở Ấn Độ có 18 vị già lam xuất phát từ Kinh Thất Phật như:

- 1) Mỹ Âm
- 2) Phạm Âm
- 3) Thiên Cổ
- 4) Thán Diệu
- 5) Thán Mỹ
- 6) Ma Diệu
- 7) Lôi Âm
- 8) Sư Tử
- 9) Diệu Thán
- 10) Phạm Hương
- 11) Nhơn Âm
- 12) Phật Diệu
- 13) Thán Đức
- 14) Quảng Mục
- 15) Diệu Nhãn
- 16) Triệt Thính
- 17) Triệt Thị
- 18) Biến Thị.

Các thần già lam Đông độ tùy cơ duyên không nhất định hoặc chỉ một như Hoa Quang hay Quan Đế; 3 hoặc 5 mà danh tánh được định như lúc mới khai sơn. Ngày nay nhiều người tin Quan Thánh và Vi Đà nổi bật hơn cả, nhân vì sự linh ứng của các Ngài vậy. Bài tán ca tụng rằng:

Quan Thánh Đại Đế

Oai thần rộng khắp

Thệ nguyện thâm sâu

Hộ pháp hết lòng lo.

---o0o---

1.12 Cúng Ông Táo

Ngày 24 tháng 6, mùng 3 tháng 8, 23 hoặc 24 tháng 12 âm lịch là lễ cúng. Viết thông tư dán ở trai đường giờ điểm tâm sáng như sau: hôm nay nhân ngày lễ tảo quân có diên (nghì) cúng ngộ. Khi nghe hiệu lệnh, đại chúng vân tập trước điện Giám Trai để cúng. Nhà bếp đốt nhang đèn; lập bàn thờ trước tượng Giám Trai, thiết đèn nến, hoa quả, cơm cúng đầy đủ. Mọi người chỉnh tề, đốt nhang niệm hương, lễ Phật xong, Duy Na bắt bài tán Lư Hương đến hết, nghi giống nghi cúng Vi Đà. Chỉ lúc cúng ngộ, thầy Giám Viện dâng hương, hiến trà lễ lạy, đọc tới phần chú phổ cúng dường xong, đến lượt Duy Na niệm hương lễ 2 lạy tiến tới trước quỳ gối chấp tay đọc lời này:

Cung kính nghe rằng Giám Trai đại sĩ

Ngài là bậc vô cùng đại trí

Ứng hiện thân diệu tùy nghi

Xôi nếp cúng đầy công niệm nghi

Một hạt biến thành núi Tu Di

Không thấy tướng ẩn khuất trong mây

Thân to lớn hiện nhiều cõi đó đây

Hộ pháp an tăng hưng hiển

Việc Phật quyền phương tiện

Ngưỡng mong uy đức

Chúng pháp trai diên.

Lại nguyện:

Nhờ thần minh nguyện lực

Chúng lòng thành thực kính dâng

Tùy cơ duyên cảm hóa thân

Hiện có thân nhưng không sắc tướng

Hiện hóa khôn lường

Hiện thân ăn uống mà trợ pháp luân

Khiến bày bếp núc nhưng tu chứng

Độ khắp quần sinh (quần sanh)

Khiến tiếp mùi biết quay về

Mong ủng hộ già lam an tịnh

Tăng chúng đều tinh tấn tu hành

Thấm nhuần pháp lạc

Chón chón vững tông phong.

Xá một xá rồi đại chúng cùng lui về liêu nghi.

Chúng nghĩa ghi rằng: cúng bếp (ông táo) tuy giống, nhưng tăng, tục tin có hơi khác nhau. Vị Giám Trai nơi Phật môn là Đại Thánh, sự tích giống chư thiên, nên cúng vào buổi sáng sớm, bởi vì chư thiên thọ thực buổi sáng.

Ngày nay qui định cúng vào giờ Ngọ cũng được vậy. Gần đây giới tăng sĩ cúng buổi chiều như thế gian so với giờ ăn của quý, là không đúng, là cúng

phi thời, thần không thọ hưởng được; lại thêm phí phạm vô ích. Ngoài ra, báo huyện Hà Nam cho rằng, từ Đường khởi đầu ở chùa Thiếu Lâm có một vị tăng đầu bù lưng đeo bầu rượu đi chân trần, chỉ mặc áo che ngực, làm việc ở nhà trù rất chăm chỉ trong một thời gian dài không có pháp danh. Đến năm lên 11 tuổi, giặt khăn đỏ nổi lên ở Hiệt Châu, lệnh động viên đến chư tăng Thiếu Lâm nếu ai muốn thi hành nghĩa vụ. Vị tăng này bèn cầm một hỏa côn ra đi biến thân cao lớn 10 trượng phi lên đứng trên chóp núi. Giặc thấy thế khiếp sợ, vị tăng hô lớn nói: ta là Vua Khẩn Na La. Nói xong, bèn biến mất. Dân chúng mới biết là Bồ Tát hóa thân, tạc tượng để tại chùa Thiếu Lâm thờ, bèn trở thành thần Già Lam. Giới tăng già khắp nơi cho vị này là Giám Trai nên nặn tượng thờ cúng ở nhà trù.

Hết quyển hai.

---o0o---

Quyển ba - Báo đáp nguồn gốc

Chương ba - Báo Đáp Nguồn Gốc

Lời thuật rằng, ở Tuyết Khê đại sư Nhân Nhạc thường nói: người Nho giáo có cái lo cuối đời là ngày bố mẹ mất. Con giòng họ Thích đâu chẳng thế ư? Đó là nhớ nghĩ đáng thân gian lao khó nhọc sanh ta. Vì thế niệm nghĩ tới lòng thương yêu của cha mẹ ân đức thật là vô cùng, tâm hiếu giống nhau, quán xem ở đời phải như thế. Người xuất gia hình tướng sa môn con giòng họ Thích, đến ngày Phật nhập Niết Bàn mà không thiết lễ trang nghiêm cúng kiến sao? Tôi thật thương tâm! Xem lời này của đại sư cảnh tỉnh chúng ta phải giữ cho thật đúng Thanh Quy là ý nghĩa của Chương báo bốn này vậy.

Ngày đức Phật nhập Niết Bàn còn như thế, hễ ngày Phật Đản cũng vậy, có nghĩa là phải tổ chức lễ tưởng niệm. Ngày Niết Bàn tiếp theo tâm thành mừng ngày Phật Đản có hoa Ưu Đàm nở nên đi vào phần báo bốn. Ý của phần này sâu sắc cũng như các ngày vía Phật Dược Sư, Di Lặc, Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm, Thế Chí, Địa Tạng, Chuẩn Đề... phải có nghi Khánh Đản. Cũng cần nói thêm rằng, vì chư Phật, Bồ Tát bi nguyện sâu rộng biểu tỏ cho người đời khâm kính.

---o0o---

1.1 Đức Phật Thích Ca đản sanh

Ngày giáng sinh của Phật Thích Ca, xưa là mùng 8 tháng 4, nay (theo qui định từ kỳ đại hội PGTG lần đầu tiên 1950 tại Columbo – Tích Lan) là Rằm tháng 4 âm lịch, lễ Phật Đản.

Viết thông báo gửi đài phát thanh, đăng báo, dán ở trai đường, phòng khách. Đại ý như sau:

Đề kỷ niệm ngày lịch sử trọng đại, đức Phật ra đời cứu độ quần sanh hướng về giác ngộ, đại lễ Phật Đản sẽ được long trọng tổ chức tại... vào ngày... tháng... năm... (tức ngày... tháng... năm... âm lịch) vào lúc... giờ.

Kính mời quý Phật tử cùng gia quyến, bằng hữu về Chùa lễ Phật, nghe pháp, thọ trai... để kết pháp duyên với Phật pháp.

Kính chúc quý vị vô lượng an lạc, hạnh phúc và mong đón tiếp bà con vào ngày lễ Phật Đản như quy định.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Tại chùa nội dung thông báo viết như sau:

Ngày mai nhằm ngày đức Bốn Sư Thích Ca từ phụ giáng sanh, tối nay xin mời đại chúng nghe chuông, đắp y, cầm tọa cụ tập trung tại chánh điện. Tới giờ chúng tập họp chỉnh tề, vị trụ trì niệm hương xong cắm lên lư; Thầy Duy Na cử tán bài:

Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,

Thập phương thế giới diệc vô tỉ,

Thế gian sở hữu ngã tận kiến,

Nhứt thiết vô hữu như Phật giả.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần).

Trên trời dưới thế không ai như Phật

Mười phương các cõi chẳng so bằng

Những gì mắt con tận thấy ở đời

Hết thấy không một ai như đức Phật.

Tiếp theo tụng chú Đại Bi, bài Kinh Khánh Đản, niệm Phật Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật, Nam Mô Đại Trí Văn Thù, Đại Hạnh Phổ Hiền, Đại Bi Quán Thế Âm...

Nam Mô Thập Phương chư Phật, chư Đại Bồ Tát

(mỗi hiệu 3 lần).

Tụng Bát Nhã, hồi hướng, phục nguyện, tỳ quy y...

Xong đại chúng lui về hậu liêu, thỉnh Ngài Phương Trượng thuyết pháp. Tới ngày lễ chính, sáng thức dậy tụng Kinh Lăng Nghiêm như thường lệ, lạy thù ân chúc tán xong, đại chúng lui về nghỉ rồi dùng điểm tâm sáng. Trước giờ ngộ, nghe hiệu lệnh, tất cả tập trung lên chánh điện, niệm hương tán Phật, tẩm Phật xong, phục nguyện:

Phật pháp trường tồn

Giáo pháp hưng long

Chúng sanh an lạc

Gió thuận mưa hòa

Lúa thóc được mùa

Giặc giả lui tan

Khủng bố đầu hàng

Thiên tai dứt sạch

Bịnh dịch không còn

Tăng tín an Khang

Đạo tâm kiên cố.

Khấp nguyện:

Pháp giới chúng sanh

Hữu tình, vô tình

Đồng thành Phật đạo

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nên thiết tôn tượng Đản sanh nhỏ - Thái Tử Tất Đạt Đa - một tay chỉ thiên, một tay chỉ địa; các thau nước có đề hoa thơm sắn, gạo mứt.

Chủ lễ cử bài:

Ngã kim quán mộc chư Như Lai,

Tịnh trí trang nghiêm công đức tụ,

Ngũ trước chúng sanh linh ly cầu,

Đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân.

Án Mâu Ni Mâu Ni Tam Mâu Ni Ta Bà Ha (3 lần).

Con nay tắm gội đức Như Lai

Trí sáng trang nghiêm hàm công đức

Năm trước chúng sanh lia cầu trần

Đồng chứng Như Lai đức pháp thân.

Đại chúng cùng đi chung quanh tượng sơ sanh, mỗi người múc nước hoa rưới lên tượng và xá 1 xá, xong chuyên gạo cho người kẻ tắm Phật... Tất cả cùng đọc chú:

Án y mộ già, phế rô giả ra, ma ha mẩu đà la Ma Ni, Bát Đầu Ma, nhập phược la, Bạt la miệt Đon Dã Hộc (7 lần).

Án ĐỂ Sa ĐỂ Sa Tăng Già Ta Ha (7 lần).

Tắm Phật xong, đại chúng trở lại vị trí cũ. Thầy Duy Na đọc văn tác lễ:

Cung kính nghe rằng, hiện tướng pháp thân

Từ quang sáng chiếu cung Vua Tịnh Phạn

Hóa Phật hiện thân nước Ca Tỳ La

Sanh ra thân màu vàng ánh

Một tay chỉ lên trời thân ngà gọi tắm

Cảm động chín rồng đồng phun nước

Nhìn 4 phương, 7 bước sen nở hoa

Nói trên trời dưới thế chỉ riêng ta

Được trời người tán dương ngợi ca

Không màng ngai vàng điện ngọc

Bỏ cung son vào tu núi Tuyết

Mười chín tuổi xuất gia chí quyết

Chứng Phật Đà tuổi thiệt ba mươi

Thuyết giảng Kinh 5000 bộ có dư

Cửa phương tiện độ 3 thừa tuần tự

Thọ mạng kéo dài 80 năm tròn đủ

Đưa 7 chúng vào đường giác ngộ

Nhớ xưa đời Châu Chiêu Vương

Năm Giáp Dần thứ hai mươi bốn

Tính từ ngày Phật giáng thế đến nay
Khoảng 10 thế kỷ tới triều Đại Thanh
Pháp mạch chấn hưng hoàn bị
Trong số nhiều bậc cao đức sanh thành
Nay biểu tâm thành mừng lễ đản sanh
Đàn tràng thanh tịnh, tăng đức nghiêm minh
Bồn vàng thiết đặt nâng cao
Dễ trông Tất Đạt hồng hào kim thân
Nước thánh thân tắm dung nhan
Ngũ hoa đức mẫu Ma Gia phu nhân
Muốn hầu kề cận hào quang Phật Đà
Cùng nhau cất giọng xướng hòa sấm vang.
Duy Na đọc xong, bắt tán bài:
Trên trời dưới thế không ai giống Phật
10 phương các cõi chẳng ai sánh bằng
Những gì mắt con tận thấy ở đời
Hết thấy không một ai như đức Phật.
Lâm Tỳ Ni lúc giáng sanh
Được trời rồng phun nước tắm gội
Phật đầy đủ mọi sự tốt lành
Con nay tắm Phật cũng như vậy

Là tẩm gội các đức Như Lai

Phước trí trang nghiêm công đức nhóm

Chúng sanh năm trước khiến đều lìa

Cùng chúng pháp thân thanh tịnh Như Lai

Hoa hương đèn nến thật trang nghiêm

Cúng dường pháp-báo-hóa thân Như Lai

Mong đức từ bi thọ pháp cúng dường

Nguyện tội đời vị lai làm Phật sự.

Tán xong xướng tiếp:

Các báu trang nghiêm vi diệu tòa

Trân quý xen đan kết đài hoa

Y pháp thiết bày dâng cúng hiến

Nguyện đức từ bi nạp thọ ngay.

Án y mộ già, Bát Đầu Ma, Tôn Na Lê, Đà Ra Đà Ra nê, mạn nỏ lệ hồng (3 lần).

Duy Na bắt bài cúng dường, đại chúng tụng hòa theo:

Nguyện hương hoa đèn này,

Biển khắp cõi 10 phương,

Cúng dường Phật-Pháp-Tăng,

Thọ nhận làm Phật sự.

Án nga nga nẳng tam bà phạ phiệt nhựt ra hộc (3 lần).

Đọc tiếp:

9 rồng phun nước,
Tám gọi kim thân,
Trên trời dưới thế chỉ Phật tôn,
7 bước nở sen hồng,
Uy đức Ngài lồng lộng,
Các cõi gọi nhuần ân.

Nam mô kiết tường hội thượng Phật Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Đến đây tụng hồi hương, phục nguyện, tự quy y. Xong đại chúng lui về hậu liêu. Nên nhớ thiết lập đàn tràng luân phiên tụng niệm, viết 2 câu này trưng lên phía sau bàn Phật.

- Công viên vạn đức vị chứng nhứt thừa, thị thiên trung thiên, thượng vô nhị thượng
- Hoành biến thập phương, thọ cùng tam tế, thành Phật danh Phật, tôn duy độc tôn

Trước Phật 2 câu này:

- Bản dĩ tích chương, thủ quần linh nhi thành chánh giác
- Cơ nhân thời ứng, tùng ngũ trực nhi thị giảng sanh

Trước cửa Chùa:

- Thoát trần phục, trước tộ y, phiến chân phong ư mặt thế
- Xả hóa thành, đặng bảo sở, yết huệ nhựt ư trung thiên

Bên hông chánh điện:

- Vô Phật vô ma, sát sát tuyên dương chánh pháp
- Phi cầu phi tịnh, trần trần quán mặc kim khu.

Nghĩa 4 cặp câu đối:

1- Vạn đức công viên chưa chứng nhất thừa, hiện cõi trung thiên, vô thượng y vương

2- Thành Phật tốt Phật, duy nhất độc tôn, tận cùng ba thuở, dung khắp mười phương

1- Xưa lấy tích chương, nhiếp quần sanh mà thành chánh giác

2- Cơ duyên hợp thời, từ năm trước mà hiện giáng sanh.

1- Thoát hoàng bào, mặc y vá, quyết chân hưng thời mạt pháp

2- Bỏ hóa thành, vào bảo sở, ngồi tuệ giác cõi trung thiên.

1- Không Phật không ma, niệm niệm tuyên dương chánh pháp

2- Chẳng dơ chẳng sạch, trần trần tắm gội kim thân.

Chứng nghĩa ghi rằng, từ trước tới nay tại các chùa viện chỉ tắm tượng Thái Tử đản sanh, chưa nghe có lễ tắm Phật, hầu như là mất điển tích. Lễ tắm Phật chỉ xuất hiện từ đời Minh, Thanh, trong Đại Tạng Kinh có ghi rõ, dựa theo kinh để nói. Trước lập đàn giữa nền sạch, dùng một chiếc bàn trải khăn lên trên, trên bàn đặt thau nước hoa, trong thau để gáo múc có tay cầm, dùng gáo múc nước tắm tượng Tất Đạt Đa. Mỗi người dùng 2 ngón tay lấy ít nước tắm Phật, miệng đọc chú tắm Phật: Con nay tắm sạch thân Như Lai... như trên.

Nước xối nhẹ lên đầu tượng gọi là nước mát lành. Tắm tượng xong lấy vải lau sạch sẽ, rồi đặt tượng trở lại vị trí cũ. Việc làm này ý bao hàm một đời giáo hóa của đức Phật. Nay lược lại nguyên gốc để chỉ cho người mới học. Dựa theo nước Ấn Độ có chia ra đông, nam, tây, bắc, trung ương năm nước lớn. Phật sanh ở Trung Thiên Trúc thuộc gia đình hoàng gia nước Ca Tỳ La, giòng Sát Đế Lợi, tên là Cù Đàm, tiếng Phạn là Gautama, Trung Hoa phiên âm là Cam Giá. Thủy Tổ Vương tiên bị người thợ săn bắn chết, máu loang ra đất mọc lên 2 cây mía, mặt trời thiêu chín một cây sanh ra một nam tử hiệu là Cam Giá Vương. Một cây là nữ, vợ vua tên Thiện Hiền, sanh người con trai làm vua Chuyển Luân dùng mặt trời thiêu đốt, còn gọi là Nhựt Chung truyền tới 700 đời đến vua Tịnh Phạn. Phật do công phu tu hành nhiều kiếp đầy đủ, từ cung trời Đâu Suất giáng xuống hoàng cung chun vào

hông bà Ma Gia phu nhân. Bảy giờ nhằm năm thứ 24 đời Châu Chiêu Vương, hay còn gọi là năm Giáp Dần thứ (624 BC). Ngài sinh mồng 8 tháng 4, tên là Tất Đạt Đa. Sau khi sinh được 7 ngày, mẹ mất bà sanh lên cung trời Đao Lợi. Nhờ bà dì Ma Ha Ba Xà Ba Đề nuôi nấng, đến năm lên 19 tuổi, Thái Tử vượt thành đến rừng Bạt Già Tiên, lấy kiếm cắt tóc, cởi áo hoàng bào đổi cho thợ săn, mặc áo ca sa làm vị khất sĩ. Ngài đến tham học với các tiên nhơn nhiều nơi, lại tới vùng Bắc sông Hằng tu thiền tại núi Già Xà hơn 6 năm khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, một hạt gạo để duy trì sự sống. Ngài lại suy nghĩ: nếu xả thân mà giữ đạo, bọn ngoại đạo sẽ cho là ta đói, là nguyên nhân nhập Niết Bàn. Bèn tới dòng sông Ni Liên tắm rửa xong và nhận một bát sữa của nàng chăn bò dâng cúng. Uống sữa xong, Ngài đến dưới cây Bồ Đề, được trời Thích Đề Hoàn Nhơn đem cỏ kiết tường trải cho Ngài ngồi kiết già tọa thiền.

Ngài phát lời thệ nguyện:

- “Ngồi dưới gốc cây này, nếu không thành đạo chứng quả, dù thịt nát xương tan, Ta quyết không rời khỏi nơi đây”.

Ma Vương Ba Tuần muốn làm hại Ngài nên tìm bách kế quấy nhiễu như nói rằng:

- “Ông nay mau nên đứng dậy trở về hoàng cung. Nếu không làm thế ta sẽ xách chân ông quăng ra ngoài biển khơi.”

Lúc đó Bồ Tát như sư tử chúa, tâm không chút kinh sợ, bảo với ma rằng: “Ngươi từng cúng dường một vị Bích Chi Phật, thọ 8 trai giới, do phước này nên được làm thiên vương. Nhưng ta đã trải qua vô số kiếp tu hành thành tựu hạnh khổ hạnh khó hạnh. Cõi đại địa như kim nhọn đâm mình, nếu như xưa ta không tu khổ hạnh, giá như quân ma nhiều như cát sông Hằng cũng không làm động đến một sợi lông ta. Tại sao nay ngươi muốn đem Ta quăng ra ngoài biển?”

Ma lại nói:

- “Ta trong thuở xưa cúng thí cho một vị Bích Chi Phật mà được làm thiên vương, việc này đã rõ ràng. Nay ngươi nói đó lấy gì chứng minh?”

Ngay lúc đó Bồ Tát mở tay chỉ xuống đất nói:

- “Đây hãy biết Ta.”

Lúc bấy giờ Địa Thần từ mẹ Kim Cang chui thân hiện ra, chấp tay bạch rằng: “Thật đúng là tôn giáo từ đất này mà đến. Ta là thần cuộc đất đây không có thứ kim nhọn, chẳng phải là chỗ bồn hạnh của Bồ Tát.”

Ma nghe lời này bèn rơi trong điên đảo làm lễ sám hối tội rồi bỏ đi. Bồ Tát dẹp bọn ma xong ngày mồng 8 tháng 12 lúc sao mai vừa mọc hoá nhiên đại ngộ thành đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Nhân gian truyền rằng Phật thành đạo mồng 8 tháng chạp, có nghĩa là thuyết này đúng lúc đó ngài 30 tuổi. Tại Ma Kiệt Đà, đại học Na Lan Đà, Phật vì Đại Thừa Bồ Tát nói Kinh Hoa Nghiêm, hàng Tiểu Thừa không thấy không nghe như người đui điếc. Do trời Phạm Thiên, Đế Thích thừa thỉnh Phật bèn tới vườn Lộc Uyển vì năm anh em ông Kiều Trần Như mà nói pháp bốn chân lý (tứ đế) cũng như ngon quả của nhân thiên trải qua 12 năm.

Lúc 42 tuổi, Phật nói Kinh Phương Đẳng để dạy hàng Đại Thừa chuyển đại pháp luân. Nói sáu độ chọn lọc đệ tử, nói Kinh Duy Ma, Lăng Già trong 8 năm. Năm 50 tuổi, phần lớn Phật thuyết Kinh Bát Nhã để loại bỏ bớt kẻ tình chấp nặng trong 22 năm.

Lúc 72 tuổi, Phật giảng Kinh Pháp Hoa trong 8 năm, để cho chúng đệ tử nhận lãnh trọng trách và thọ ký ai làm Phật mới mãn nguyện bồn hoài của Ngài. Vào đời Mục Vương thứ 53 năm Nhâm Thân, lúc đó Phật 79 tuổi Ngài sắp nhập Niết Bàn. Trước hết Phật tới trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẫu thân nghe. Di mẫu bà Đại Ái Đạo cùng 500 tỷ kheo ni, Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v.. và 7 vạn A La Hán không đành lòng thấy Phật nhập Niết Bàn, tức có nghĩa là nhập diệt. Đến năm sau ngày rằm tháng 2 âm lịch, Phật đến ngoại ô thành Câu Thi Na để nhập Niết Bàn. Mười cõi đều có mặt, mỗi người đem cúng đồ đẹp xinh Phật đều không nhận. Cuối cùng, ông Thuần Đà cúng dường bữa cơm Phật thọ nhận.

Ngài vì chúng tỷ kheo thuyết pháp thường lạc ngã tịnh, và dạy y theo giới luật làm thầy, y bốn niệm xứ mà an trú. Phật còn dạy: “Chánh pháp vô thượng Ta đã phó chúc cho Ma Ha Ca Diếp nên các Thầy phải một mực y chỉ hành trì.” Do vì Như Lai biết A Nan bị ma quấy nhiễu ở ngoài rừng Sa La, nên bảo Văn Thù rằng:

- A Nan là em Ta, theo làm việc với Ta hơn 20 năm, nghe pháp và nhớ kỹ đạt đến chỗ không thể nghĩ bàn, như nước đựng trong bình chứa, muốn thọ trì là Kinh Niết Bàn.

Bồ Tát Văn Thù vâng lời Phật dạy, đem chú hàng phục ma ra bắt A Nan về. Phật dạy:

- Có một người Phạm Chí tên là Tu Bạt Đà La 120 tuổi chưa bỏ kiêu mạn, người có thể báo với ông như vậy.

Như Lai trong đêm nay phải nhập Niết Bàn, tức thời ông ta cùng đến nghe Phật thuyết pháp bèn chứng quả A La Hán.

Phật bảo đại chúng:

- “Từ khi Ta đắc đạo trước độ anh em Kiều Trần Như và sau cùng độ Tu Bạt Đà La. Công việc ta đã xong.”

Trong đêm rằm tháng 2, Phật nói Kinh Di Giáo, lại chỉ dạy rõ ràng:

- “Tỳ Kheo các con, sau khi Ta diệt độ nên tôn trọng Ba La Đề Mộc Xoa (giới luật), đó là vị đại sư của các con, như Ta còn ở đời không khác vậy”.

Lúc đó giữa 2 cây Sa La, Phật nằm nghiêng bên hông phải và tịch diệt, yên lặng như tờ. Phật nhập thứ đệ định vào ra thuận nghịch, tất cả 27 lần, 3 vòng xong, Ngài xoay bảo đại chúng:

- “Lấy Bát Nhã chân không thật tướng làm bản nguyên; sau khi Ta niết bàn, đệ tử A Na Luật lên cung trời Đao Lợi báo cho Ma Gia phu nhân biết.” Bà từ cõi trời xuống, đức Thế Tôn vạch kim quan đứng dậy thuyết pháp an ủi mẹ.

Lại bảo A Nan:

- “Nên biết là về sau này có những chúng sanh bất hiểu, nên Ngài từ Kim quan bước ra hỏi thăm mẹ...”

Phật nhập Niết Bàn 7 ngày sau, Ca Diếp xuất định mới biết Phật đã tịch bèn dẫn theo 500 đồ đệ đi bộ từ núi Kỳ Xà Quật đến rừng Câu Thi Na khóc lóc lễ lạy. Phật đưa 2 chân ra khỏi kim quan cho Ca Diếp và chúng đệ tử thấy. Hai tuần lễ sau trời người mang hương hoa tới nơi làm lễ hỏa thiêu, tức là làm lễ hỏa táng. Bảy ngày sau các đệ tử thâu xá lợi cho đầy vào 8 hủ báu. Vua A Xà Thế cùng 8 nước tranh nhau đoạt xá lợi. Sau khi nghe phân giải họ ngưng tranh chấp và 8 nước, mỗi nước thỉnh một phần xá lợi đem về xứ phụng thờ. Đến 100 năm sau Vua A Dục dùng thần lực cho thâu xá lợi lại

trong một đêm dựng 84,000 tháp và mỗi tháp thờ một phần xá lợi. Vua cũng chỉ định cho tôn giả La Hán Đa Xá phóng 84,000 tia sáng theo ánh sáng tới các tháp xá lợi; trời, người, 8 bộ chúng đều được dự phần cõi nước đều chấn động. Theo ngành khảo cổ truyền rằng, có 19 tháp nay còn rất linh thiêng mà theo như tác giả, tháp chùa A Dục tại Ninh Ba là một trong số đó.

---o0o---

1.2 Lễ Phật Thành Đạo

Ngày mồng 8 tháng 12 âm lịch là lễ vía Phật thành đạo. Sắp tới ngày lễ, viết thông bạch gửi đăng báo, đọc trên đài phát thanh, dán tại trai đường, phòng khách. Sáng hôm làm lễ kỷ niệm, sau khi tụng chú Lăng Nghiêm, lạy chúc Thánh. Buổi sáng có thuyết pháp, cúng nguyện giống lễ Phật Đản. Nghi tiết như sau: lễ niệm hương, cắm hương lên lư, Thầy Duy Na cử tán bài:

Lư hương sạ nhiệt,

Pháp giới môn huân,

Chư Phật hải hội tất giai văn,

Tùy xứ kiết tường vân,

Thành ý phương ân,

Chư Phật hiện toàn thân.

Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Tụng bài cúng dường : Nam Mô thường trụ...., chiêm trà, hiến phạn... do thị giả bưng cúng; Thầy Trì Khách lấy đặt trên bàn, xong lạy 3 lạy; vẫn đứng nguyên và đọc chú Phổ cúng dường: Án nga nga nằng tam bà phạ phiệt nhựt ra hộc (3 lần). Duy Na ra trước dâng hương lễ 3 lạy và quỳ gối chấp tay bạch...

Tất cả các lễ vía Phật, Bồ Tát trước lễ cúng nguyện đều giống như phần này. Tuy lời văn bạch có khác nhau như sau:

Cung kính nghe rằng, từ vô lượng kiếp, Ngài thành Phật đâu chẳng mượn chỗ tấn tu vì thương chúng sanh lâu ngày chẳng biết mà chỉ rõ tánh giác: tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn thành chánh giác; thế gian, xuất thế gian

đều xưng là Thế Tôn. Phật một đời giáo hóa, tuân theo quy tắc chư Phật quá khứ, ngồi dưới cây Bồ Đề, hàng phục ma quân, như hoa Ưu Đàm tỏa sáng. Bánh xe pháp như đèn sáng thường vận chuyển ví như mặt trời mới mọc trước tỏa ánh quang, nhưng sau cùng biểu hiện hiện giờ cảnh hoa trao truyền; trông lại lớp sau làm gì biết được! Tụng lời Phật di giáo mà ngậm ngùi. Nay ngày mùng 8 tháng chạp nhân lễ vía đức Thế Tôn thành đạo, hiện chúng con sắm sửa ít hương hoa, phẩm vật cúng dường kỷ niệm. Nguyên cho sắc – không, sáng - tối hàm tuyên pháp âm vi diệu soi các loài hàm thức nhỏ nhiệm thấy nhờ trí tuệ đức tướng rọi soi.

Đọc lời cung bạch xong vẫn đứng nguyên, cử tán:

Mùng 8 tháng chạp ngộ tánh linh,

Bồ Đề đạo tràng chánh giác Phật thành,

Nửa đêm lúc sao mai vừa mọc,

U ám dứt xuất hiện bình minh,

Phật cứu độ hết thấy quần sinh.

Thuyền duyệt tạng Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Thường thường vào ngày lễ vía như hôm nay, chúng luân phiên tụng niệm thành nhiều ban, thuyết pháp, cúng ngộ v.v...

Phần thêm: đọc phần sau đây:

Bạc chánh giác giác ngộ lúc sao mai vừa mọc

Cõi đại thiên thiên hạ giương tuệ chiếu lưu truyền.

Chúng nghĩa ghi rằng: đức Thế Tôn lúc mới thành đạo than rằng, kỳ lạ thay hết thấy chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng Như Lai; chỉ vì vọng tưởng chấp vướng nên không thể chứng đạt được, để thấy đạo chân thật mà ai cũng có thể thành tựu. Người không chứng được bị chìm đắm trong 5 dục vọng, vọng tưởng tình trần. Bởi thế nên tai dù nghe, như kẻ điếc không nghe tiếng chuông trống; mắt tuy thấy như người mù không thấy trời trăng. Luân cái lớn của đạo hắt trong trời đất không đủ để đo lường được, nên không có phạm vi đo lường hết, không đủ để vào đạo, là cái quý của đạo vậy. Người

sang chưa đủ thấy làm vinh, nên không thấy kẻ sang ở đời học đạo; không đủ để nhập đạo, nên xa đạo vậy. Nhiều kiếp không đủ để kỳ hẹn, nên không thể một niệm biết vạn niên không đủ để nhập đạo. Cho nên có câu rằng: “nói đạo dễ, thành đạo khó, chứ đạo chẳng khó mà tự người khó vậy.” Người xưa nói: sử đạo công hiến chớ không thể hiển vua; đạo là mình tiến chớ không phải người thân tiến. Đạo có thể hiển chớ không thể hiển con cháu. Thật là lời chính xác vậy thay! Có nghĩa rằng tự tánh tự độ cho nên hàng Thích tử chúng ta đối với ngày này nên nghĩ sâu để có đức trí tuệ của lời nói, không nên tự khinh mà lui sụt vậy.

---o0o---

1.3 Vía Phật Nhập Niết Bàn

Ngày 15 tháng 2 âm lịch là ngày đức Phật nhập Niết Bàn. Như thường lệ, chùa ra thông báo, đăng báo, đọc trên đài phát thanh, dán nơi trai đường, phòng khách. Thông báo viết: nhằm ngày đức bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật nhập Niết Bàn, sáng nay đại chúng khi nghe chuông hiệu lệnh, đắp y chỉnh tề vân tập chánh điện. Nghi thức giống như lễ Phật đản, đúng ngày sáng hôm đó lễ Chúc Thánh thù ân như mồng một, rằm. Tuy nhiên, ngày Phật Niết Bàn có khác là các Thầy nghe chuông trống theo thứ tự tiến vào chánh điện lễ đức Thích Ca Như Lai niết bàn bằng sám văn và tụng kinh Di Giáo. Chi tiết giống như vía Phật Thành Đạo. Tuy nhiên, lời văn đọc thay đổi như sau:

Cung kính vì bậc Năng Nhân ra đời chứng chân vắng lặng, bỗng nghìn cõi quý tôn, vỡ về chúng sanh như con ruột. Hình tùy vật hiện như nguyên sơ thân chẳng phải thân tướng. Giáo hóa tùy cơ hưng long đâu khác đạo vô ngôn mấy, chừng như pháp luân chuyển vận ứng hợp mà phát triển. Nửa chữ luận ban đầu ví như cung tay mà thu rút lại; trăm thoi vàng sau khi gỡ do đổi mạng chỉ để chung bày, làm cho phiền não đều vén dẹp, an trụ trong Như Lai tạng. Bốn tâm¹⁶ viên mãn, ba đức¹⁷ quy về, nên nói chẳng làm cho một người duy nhất được diệt độ nhưng Phật diệt độ nên mới diệt độ vậy. Vì thế, nhập vào Niết Bàn không thể được mà suy nghĩ, chúng ta đã xa rùng hạc, đau buốt xót xa duyên đời trước trong đời tượng Pháp tuân lời Phật dạy. Nay nhằm giữa mùa xuân, nghĩ miên man nghi cách của Bắc thủ, khe suối róc rách cỏ tần, biểu tỏ tiến cúng lễ mọn, dâng hương xung tán đức. Trái chút lòng thành mong rủ hồng ân chứng tri soi xét... Xong cử tán:

Từ phụ bậc vô thượng y vương,

Xót thương con trẻ bịnh bày ân phượng,

Như mây vẩn pháp tánh chân thường,
Thọ mạng vô cùng thật khó nghĩ lường.
Thuyền duyệt tạng Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Hoặc tán bài:

Đại định thường trong hằng hà sa kiếp

Mãn cơ ứng hóa hiện trăm ức thân.

Nguyên bản thuật rằng, tánh ấy là gốc của con người; chấn động trời đất mà không biết lúc khởi đầu; khắp cùng muôn đời mà không biết lúc chung cuộc. Phật và chúng sanh đều có tánh ấy, ngộ tức lên bậc diệu giác; mê là trôi lăn sanh tử, từ kiếp này sang kiếp khác xuống lên trong 6 đường, nghiệp báo xoay vần không cùng tận. Vì thế, nương theo lời Phật dạy chịu khó làm chỗ nương tựa; ta có thêm y phục dựa vào dòng pháp, tuân theo thực hành là luật, tuyên lời Phật dạy là pháp giáo hóa, truyền bá cái tâm ấy là thiền mà tuân tự là chánh tông. Vì đồng với toàn thể diệu dụng của Phật mới gọi là con Phật mà duy trì huệ mạng vậy. Kỷ niệm ngày húy nhựt đâu phải chỉ lễ nghi ở đời đủ sao?

Chúng nghĩa rằng, căn cứ Kinh Đại Bát Niết Bàn, lúc Phật Niết Bàn có dạy rằng, hiện cúng như mây, nước mắt tan như mưa, ôi thương xót làm sao! Ngoài ra, đọc tạng Thanh Minh theo như phần hàm thật, văn tán thán lễ đức Thích Ca Như Lai Niết Bàn, diễn tả trạng trạng Phật Niết Bàn như hiện ngay trước mắt, mà tỏ lòng luyến mộ khôn xiết. Hiện tại người ta ít biết được, dứt tuyệt mà không nêu rõ là đại mất gốc. Chỉ Ngài Tư Tề đại sư xướng hội Niết Bàn ở chùa A Dục tại Ninh Ba, nhóm chúng buổi sáng lễ Xá Lợi mà đời luôn nhắc tới; có người hỏi rằng, ta nghe pháp thân chư Phật biến khắp mọi nơi chốn, vốn không xuất thế mà lấy Niết Bàn là ngày kỵ gì? Cho chí đệ tử thiền tông đơn phương nêu rõ khiến Phật còn không có, Niết Bàn làm gì có. Nay trong pháp không sanh diệt, vọng thấy có sanh diệt, trên dăng cúng lễ sám, đâu chẳng do tâm mê chấp cảnh mà không đạt lý tánh chứ?

Sư trả lời:

- Người biết pháp thân thường trụ mà không biết ứng thân mất; biết pháp biến cùng khắp mà không biết ứng thân có chỗ, chẳng phải ứng thân. Pháp

thân hiển hiện tự nhiên không có xá lợi, ai biết gốc tích? Đã nói pháp thân thường trụ đâu có xen vào ứng thân; đã nói thể pháp biến cùng khắp thà riêng có xá lợi. Người muốn bỏ sự cầu lý, bỏ hữu bàn không; sự tướng còn mê hướng gì lý tánh ư? Xưa Đại Ca Diếp sắp vào núi Kê Túc hẳn lễ quanh các tháp sau mới nhập thiền định. Luận về Ca Diếp là sơ Tổ thiền tông há không đạt lý tánh đương nhiên ư? Nên biết đức Như Lai nhập Niết Bàn thật không thể nghĩ bàn; phi thường phi đoạn, phi hữu, phi vô; không nên lấy biên kiến mà sanh ra phân biệt. Người chấp pháp thân thường trụ là không thấu đạt Như Lai khéo dùng phương tiện, là việc lợi ích chúng sanh. Do vì không hiểu lý thâm sâu lời dạy mà đưa tới như vậy, ôi thôi !

Tự Sư đề xướng lập hội Niết Bàn, người sau cứ theo đó mà làm cho đến nay không dứt khiến nhiều người biết ân đức của đức Phật mà hết lòng báo bổ. Công đức của Thầy có thể nào lường được không? Song lạy xá lợi không hẳn cần phải ràng buộc trong hội này. Muốn cầu sám tội, báo ân không buộc mà lúc nào cũng đều có thể thực hành được. Sách Vân Thê Thiên Hành Lục ghi rằng, Đường Tử Lân họ Phạm, mẹ họ Vương không tin Tam Bảo. Lân tới Đông đô vào chùa Quảng Thọ xin Khánh Tu luật sư xuất gia, bỗng nghĩ tới mẹ bèn trở về. Cha mù mắt, mẹ mất 3 năm. Nhân tới miếu thần trải tọa cụ tụng Kinh Pháp Hoa thề gặp Nhạc đế, mong biết mẹ sanh chốn nào. Một đêm kia Nhạc đế gọi bảo rằng: “mẹ người bị giam ở địa ngục và hiện thọ bao thống khổ.”

Lân kêu khóc xin tha. Đế nói:

- Có thể vào núi lễ bái ở tháp A Dục mới mong cứu thoát.

Lân liền tới tháp khóc lóc lễ lạy đến 4 vạn lạy. Chốc lát nghe tiếng kêu, Lân nghe tiếng vọng nhìn trên không trung thấy mẹ vọng xuống cảm tạ nói:

- Nhờ lực của con mẹ được sanh trời Đạo Lợi rồi, bỗng biến mất không thấy nữa.

Ngài Liên Trì ca tụng rằng:

Mục Liên cảm lời Phật cúng dường tăng

Tử Lân đi lễ tháp cảm lời thần

Lòng hiểu cảm thần minh há không tin?

Vì cứu mẹ lễ tháp mà lợi lành

Chí như người đầy tội lỗi phát sanh

Nhờ lễ tháp mà lại được tịnh thanh

Không còn gì hơn phước lợi lành

Lại màu sắc xá lợi tùy người

Tùy thời gian biến hóa không thể lường.

Như ta từng nghe thấy không thể nào thuật hết được. Do thấy oai thần và bi nguyện của Phật cả hai không thể nghĩ bàn, chỉ nên tin là thật không còn nghi ngờ. Chí thành lễ hết lòng quyết định có cảm ứng.

1.4 Vía Phật Dược Sư

Ngày 13 tháng 9 âm lịch, vía Phật Dược Sư giáng sanh. Sáng sớm hôm đó, khóa lễ Kinh Lăng Nghiêm như thường lệ. Đọc tới bài tán: Thượng lai hiện tiền thanh tịnh chúng, phúng tụng Lăng Nghiêm... xong ngưng lại, Thầy Trụ Trì niệm hương, cắm nhang vào lư. Thầy Duy Na cử bài tán: Lư Hương, tiếp lạy thù ân và lạy 12 hiệu Phật Dược Sư...

Buổi sáng, đại chúng sau khi nghe hiệu lệnh, đắp y tập trung lên điện Dược Sư để cúng ngộ như nghi thông thường, tuy thay đổi Kinh tụng và hiệu Phật như:

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai (3 lần)

Nam Mô Bát già phạt đế, bệ sát xả lũ lô tích lưu ly, bát lạc bà hắc la xà dã, đát tha yết đa da. A ra hắc đế tam miệu tam bột đà da. Đát điệt tha, án bệ sát the, bệ sát the, bệ sát xả, tam một yết đế sá ha (49 lần đủ số, ít nhất tụng 12 biến).

Tụng xong, tiếp theo tụng: chú biến thực biến thủy...(21 lần); chú cam lồ, Phổ cúng dường mỗi câu 3 lần. Thầy Duy Na quỳ đọc văn sau:

Cung kính nghe rằng cõi Đông phương có Phật Dược Sư Như Lai công đức trí tuệ không lường. Ngài trang nghiêm phóng hào quang sáng hơn mặt trời

mặt trăng đến hết thấy cõi giới sạch như lưu ly, cùng các cõi bốn phương sánh không có khác. 12 lời đại nguyện Ngài lợi lạc chúng sanh, phàm hễ có mong cầu đều tùy theo mà được mãn nguyện. Niệm danh Phật cùng Phật không khác đều đầy đủ 32 tướng đại trượng phu và 80 vẻ đẹp tùy hình. Tất cả những tai nạn ác thú nhờ oai thần Phật mà được thoát khỏi. Đệ tử chúng con nguyện đạt vô thượng Bồ Đề, đời đời kiếp kiếp tu Bồ Tát đạo; cũng như Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, đã phát 12 đại nguyện lợi lạc hết thảy chúng sanh, liền làm cho cõi kham nhẫn này thân tâm các loài và quốc độ đều như lưu ly; mặt thấy đức Phật và Phật A Di Đà. Lại mong cho pháp giới chúng sanh đông tây gặp nhau nhị kiến mặt hảnh ở trong trung đạo, cùng chứng pháp chân thường.

Đọc xong cử bài tán Phật Dược Sư:

Phật Dược Sư hiệu Lưu Ly Quang

Tám đại Bồ Tát giáng kiết tường

Bày đức Phật rộng tuyên dương

Trời trăng sáng soi, công đức khó lường...

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai (3 lần).

Chứng nghĩa, giải thẳng rằng: 2 tiếng Dược Sư - Dược: lấy thuốc trị bệnh làm công; Sư: lấy lời dạy đạo làm nghĩa là đại sư của pháp giới, bậc y vương không ai bằng. Vì chúng sanh có đủ loại bệnh khổ nên chư Phật có nhiều thuốc pháp, như bệnh 10 điều ác có thuốc thập thiện; bệnh 4 tâm điên đảo có thuốc bốn niệm xứ; bệnh tham nhiều dùng thuốc quán bất tịnh trị; bệnh nhiều sân dùng thuốc quán từ bi trị; bệnh nhiều si dùng thuốc quán nhân duyên trị; bệnh nhiều tán loạn dùng thuốc quán hơi thở trị; bệnh nhiều chướng dùng thuốc quán niệm Phật; bệnh 6 tệ hại dùng thuốc 6 độ trị; cho đến 84,000 bệnh phiền não dùng thuốc 84,000 pháp môn trị v.v..

Lưu Ly Quang tiếng Phạn là Phệ Lưu Ly. Trung Hoa dịch là trời xanh ngọc. Thứ ngọc này sáng đẹp đem ví với thân Phật mà nói quang đó, do sạch đẹp nên trong sáng vậy. Nói Như Lai là một trong 10 hiệu của Phật. Dựa theo ứng thân, thừa đạo như thật, lại thành chánh giác nên gọi Như Lai vậy. Dựa theo báo thân, đệ nhất nghĩa để gọi Như; chánh giác là Lai. Dựa theo pháp thân: không từ chỗ nào tới, cũng không đi đâu, nên gọi Như Lai vậy.

Kinh bản ghi rằng, nếu có kẻ tin thanh tịnh nam hay nữ nghe được danh hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, nghe rồi đọc tụng, cho chí cúng dường hình tượng v.v.. Nên biết chỉ do nhân duyên niệm Phật mà việc làm có cảm được Phật hộ niệm là có thể ứng ngay. Do cảm nên ứng, cảm ứng đạo gặp nhau, nên đạt chỗ sở cầu như nguyện thành tựu hẳn đến thành Phật.

Tụng chú cảm ứng ý nghĩa cũng như trì danh niệm Phật.

---o0o---

1.5 Lễ vía Phật Di Đà

Ngày 17 tháng 11 âm lịch là lễ Phật A Di Đà đản sanh. Nghi tiết giống như vía Phật Dược Sư, chỉ thay đổi tụng Kinh Di Đà và lời bạch như sau:

Cung kính nghe rằng, năm hoa mai khâu kết viên cho đến thời Chu Chánh Kiến Tử...

Chính giác hoàng lập hội Di Đà Khánh Đản

Thiết nghĩ... tên Trụ Trì....

Ái buộc đất nước bản nhơ, nghiệp ràng thân huyễn

Được gặp thân thừa quán vòng hoa mà nung chí

Chuyên tu tịnh niệm hướng đất báu để gởi thân

Muốn báo đáp lòng thương bao la của mẹ

Không gì hơn hôm sớm tâm thành

Thiết lập đạo tràng kính tôn hiển cúng

Niệm hồng danh công đức

Tụng kinh điển nhưt thừa

Ngưỡng nguyện mắt xanh biếc rửa soi

Tay vàng phủ ánh sáng trong rừng bảo thọ

Vọng nghe tiếng Phạm âm bàn thật tướng

Dây vàng trong cõi chiêm ngưỡng diệu tướng vắng sanh.

Lại nguyện:

Hồng ân thương xót chứng minh nạp thọ. Đứng nguyên và cử tán bài: Lạc Bang giáo chủ... Xong lạy 3 lạy rồi lui ra.

Chúng nghĩa ghi rằng: đức Phật A Di Đà là chỗ nương tựa vững chắc của chúng sanh cõi Ta Bà này như niệm danh hiệu Ngài, tụng các Kinh Tịnh Độ đều đã có nói rõ. Nhưng tổ chức lễ Thánh đàn của Phật là chưa thấy phổ thông mà hầu như thiếu kinh điển. Đức Phật Thích Ca xưng tán cõi Tịnh Độ chỉ cho ta trở về nhà mà Phật A Di Đà là chôn gia hương thân thuộc ta đó. Chúng ta yêu thương quốc độ đó, lao nhọc lâu tựa cửa ngóng trông, nay gặp ngày dẫn sanh của cha lành không thể tự ý mà có được. Cho nên vía Phật A Di Đà phải do đức Phật Thích Ca khởi xướng. Vả từ trước tới nay người niệm Phật bình thường gọi là chuyên tu, đến khi cầu thọ mạng (sống lâu) đòi tụng Kinh Dược Sư; muốn giải tội khiên tụng Kinh Lương Hoàng Sám, cứu nạn nguy cấp tụng chú Tiêu Tai, cầu trí tuệ niệm danh hiệu Quán Thế Âm.

Như có ý hướng niệm Phật A Di Đà nên đặt ở một chỗ cao mà không nghĩ là niệm Di Đà mới cảm được thọ mạng lâu dài, hưởng gì Ngài hiện thân sống lâu vô lượng ư? Niệm Phật A Di Đà có thể diệt được tội sanh tử trong 8 ngàn ức kiếp, hưởng gì tội chướng lâm nguy trước mắt ư? Kinh Di Đà ghi rằng: “Ta lấy trí huệ quang soi sáng vô số cõi, hưởng người đời xưng trí huệ ư?” Cho nên Phật A Di Đà như cây thuốc (lương dược) quý trong núi Tuyết Sơn, chữa trị được bá bệnh; không chỉ riêng cầu sanh về Tịnh Độ như chúng sanh mong mỏi.

Căn cứ theo báo Sơn Am tạp lục ghi: Đời Nguyên Triều niên hiệu Chí Chánh 15 vào mùa đông có Trương Sĩ Thành xâm nhập Hồ Châu vùng Giang Triết phòng ngự, thắng được loạn tặc hơn 40 người, ban đêm lưu lại chùa Ô Sào tại Tây Hồ. Lê Minh Thích trước ở chùa Thiên Ninh tại Nhiêu Châu, vị tăng bày mưu lớn. Hai dãy nhà hai bên có lối đi bộ, gã tù nhân thấy nhà sư lập mưu; tụng Kinh không dứt, nguyện cầu rằng:Thầy cứu con. Sư nói: “Ta cứu con không được. Nếu con hết lòng thành niệm Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn A Di Đà Phật mới cứu được con.” Trong đó có người thành tâm niệm Phật lớn tiếng ngày đêm không dứt mà quan tòa đã bỏ tù họ, trói lỏng lẻo. Đến người thứ ba do thiếu đồ trói nên chỉ cột bằng dây. Đưa đến quan xử, quan tòa riêng vặn hỏi người thứ ba này. Người thứ nhất khai canh

tác ruộng lúa mạch, bị bắt; người thứ nhì khai làm nghề thợ cưa ở Ninh Châu tới đây làm việc, bị bắt; người thứ ba bèn được miễn. Bèn đến chùa Ô Sào lễ tạ Thầy đã bày mưu kế rồi từ giả. Do quán xét việc này đến như tội tử hình, niệm Phật có thể khỏi, huống gì việc khác chứ? Cũng cần ghi thêm ở đây: để khuyên người niệm Phật không thành khẩn nên không như nguyện.

---o0o---

1.6 Vía Phật Di Lặc

Ngày mồng một tháng giêng âm lịch (ngày đầu năm) là lễ Phật Di Lặc đản sanh. Nghi thức giống như cúng Phật Dược Sư. Niệm hiệu:

Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật (3 lần).

Tiếp tụng Kinh Di Lặc hạ sanh thành Phật hoặc Kinh Hoa Nghiêm, phẩm nhập pháp giới; Chương Di Lặc, Thiện Tài đồng tử tán thán đức Di Lặc:

- “Phật tử ở trong đây, hiện khắp trước chúng sanh, như vàng mặt trời, mặt trăng dứt trừ sanh tử u ám.
- Phật tử ở trong đây thuận khắp tâm chúng sanh, biến hiện vô lượng thân trong khắp 10 phương.
- Phật tử ở trong đây dạo qua các thế giới của hết thầy chư Phật trong vô lượng kiếp.
- Phật tử ở trong đây nghĩ sâu về Phật pháp trong vô lượng vô số kiếp mà tâm không mệt mỏi chán nản.
- Phật tử ở trong đây mỗi niệm nhập thiên định, mỗi một môn thiên định làm hiển sáng cảnh giới chư Phật.
- Phật tử ở trong đây hẳn biết tất cả mọi cõi trong vô số kiếp, cũng biết danh hiệu Phật và chúng sanh.
- Phật tử ở trong đây một niệm bao hàm mọi kiếp, chỉ tùy tâm chúng sanh mà không có tướng phân biệt.
- Phật tử ở trong đây tu tập các thiên định, trong mỗi một tâm niệm hiểu rõ các pháp trong 3 đời.

- Phật tử ở trong đây thân ngồi kiết già bất động, hiện khắp ở các cõi trong tất cả mọi loài.
- Phật tử ở trong đây uống biển Phật pháp, thâm nhập trí tuệ rộng sâu, đầy đủ công đức hải.
- Phật tử ở trong đây ắt biết số cõi, số đời, số chúng sanh và số chư Phật cũng vậy.
- Phật tử ở trong đây một niệm đều hiểu rõ tất cả 3 đời sự thành hình, biến hoại cõi nước.
- Phật tử ở trong đây biết rõ hạnh nguyện chư Phật, chỗ tu hành của Bồ Tát, cũng như căn tánh dục của chúng sanh.
- Phật tử ở trong đây thấy trong một hạt bụi có vô số đạo tràng, số chúng sanh và kiếp số.
- Phật tử ở trong đây thấy hết thấy bụi cũng thế, chủng loại hàm đủ, nơi nơi đều không ngại.
- Phật tử ở trong đây quán khắp hết các pháp, cõi chúng sanh và kiếp sống không khởi cũng không sở hữu. Quán sát các chúng sanh, các pháp, chư Phật, các cõi, các nguyện 3 đời thấy bình đẳng.
- Phật tử ở trong đây giáo hóa các chúng sanh, cúng dường các đức Phật, suy niệm các pháp tánh trong vô số nghìn vạn kiếp, có hạnh tu nguyện lớn không đo lường, tán dương cũng không thể hết được.
- Các việc đại dũng mãnh ấy đã hoàn tất không có chướng ngại, an trú trong đây, Con chấp tay đánh lễ. Là trưởng tử của chư Phật, Thánh hiệu Từ Thị, Con nay cung kính đánh lễ, mong Phật dĩ lòng thương xót nghĩ đến Con.”

Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật (108 biến). Tiếp tụng chú Biến Thực, Cam Lộ Thủy, Phổ cúng dường... như nghi cúng vía Phật Dược Sư.

Duy Na đọc lời bạch:

Cung kính nghe rằng: Di Lạc đại sĩ vào ngôi bồ xứ, hiện ở Cung trời Đâu Suất sẽ kế đức Thích Ca, sanh vào cõi Diêm Phù Đề, nhận di huấn của đức Năng Nhân (Phật Thích Ca); vì chúng sanh làm thầy dẫn đường, không có sự bức ngặt của 3 tai ách. Cõi Diêu Nghiêm an lành của năm phước¹⁸ thấm nhuần mọi loài. Dưới cội Long Hoa ắt nghe âm giáo ba hội¹⁹; trước tòa bảo liên được thọ ký đời sau thành Phật. Nay gặp tiết đầu xuân nhằm ngày Khánh Đản, chúng con thành tâm thiết lễ phẩm cúng dường, tán dương tôn hiệu.

Lại nguyện: hiện tại gió lành che cõi nhân gian, tương lai giáng sanh vận truyền chánh pháp sâu rộng.

Đọc xong, cử tán:

Pháp thân hiển hiện, lâu các mở bày

Từ bi nở rộ hội Long Hoa.

Độ chúng sanh thoát khỏi trần ai

Cung kính lễ liên đài

Phật bồ xứ trong tương lai.

Nam Mô Đương Lai Di Lạc Tôn Phật (3 lần).

Tụng Bát Nhã, niệm Phật, sám nguyện, hồi hướng, phục nguyện, tự quy y...

Chứng nghĩa ghi rằng: ở đây bài kệ trên trích Kinh Hoa Nghiêm quyển 79 có ghi: tiếng Phạn là Di Lạc, Trung Hoa dịch là Từ Thị. Kinh Bất Thục Nhục ghi rằng: vào đời quá khứ có một thế giới tên là Thắng Hoa Phu, ở đó có đức Phật hiệu là Di Lạc luôn đem lòng từ giáo hóa tất cả. Đức Phật đó thuyết Kinh Từ Tam Muội quang đại bi hải ghi rằng: lúc đó cõi kia có một vị tiên nhờn tên là Nhứt Thiết Trí Quang Minh, nghe Kinh này có công đức, nguyện trong đời vị lai thành Phật cũng hiệu là Di Lạc. Lúc ấy ông bỏ tục xuất gia vào tu trong núi sâu, sau đó gặp năm mất mùa không thể khát thực được. Bây giờ trong rừng có 2 mẹ con con thỏ, thấy tiên nhờn 7 ngày không ăn, lấy làm lo cho huệ mạng Phật pháp đoạn tuyệt; nguyện xả thân mạng hiến cho tiên nhờn ăn, nên nhảy vào lửa. Lúc ấy thọ thần bảo tiên nhờn rằng: mẹ con thỏ chúa vì cúng dường mà nhảy vô lửa. Bây giờ thịt đã chín, ông có

thê lấy ăn được rồi. Lúc vị tiên nghe thọ thần nói thế, cảm động không thốt lên được, lấy lời Kinh viết để dưới lá cây, lại nói bài kệ rằng:

Thà tan thân mất banh

Không nỡ giết ăn thịt chúng sanh

Chư Phật rành thuyết Kinh từ bi

Kinh ấy dạy mở lòng lành

Thà vỡ xương tủy, lòi óc não

Không nhả nhai nuốt thịt chúng sanh

Như Phật dạy kẻ ăn thịt

Người ấy không đủ làm hạnh lành

Hiện mang nhiều bệnh và chết yểu

Chìm trong sanh tử Phật chẳng thành.

Khi tiên nhơn nói kệ xong, liền phát lời thề rằng: nguyện con đời đời không khởi ý tưởng sát hại, luôn luôn chẳng ăn thịt cho đến khi thành Phật.

Phật chế giới đoạn ăn thịt có rõ lời này: Tự nhảy vô hầm lửa và căng thân mạng, sáng chiếu soi cả nước. Người ta thấy ánh sáng tìm đến, thấy tiên nhơn và 2 con thỏ chết trong lửa. Thấy vậy Phật nói bài kệ:

Tim Kinh Phật đem về dâng vua

Vua truyền dạy mọi người đọc tụng

Khiến cho người nghe

Đều phát tâm vô thượng Bồ đề.

Phật nói kệ xong, bảo rằng: nay các người nên biết, bạch thố vương (thỏ chúa trắng) lúc bấy giờ, nay chính là thân Ta - Phật Thích Ca Mâu Ni; còn thỏ con ấy nay chính là La Hầu La; vị tiên nhơn trước kia nay chính là Di

Lạc đó. Sau khi Ta nhập Niết Bàn, 56 vạn ức năm vị ấy được thành Phật v.v...

Lại Kinh Hoa Nghiêm, phần khuyến tu từ bi quyển 1, cũng Ngài Di Lạc hỏi pháp. Từ đó trở đi hiệu Ngài là Di Lạc tức là Từ Thị vậy. Dẫn rộng như trong Kinh tạng không thể nêu hết được. Thế thì Phật Thích Ca là giáo chủ hiện tại, còn Phật Di Lạc là giáo chủ tương lai, đều là chỗ nương tựa của chúng sanh. Ví phỏng sanh về cõi Cực Lạc gặp đức Phật Di Đà, rồi trở lại cõi Ta Bà nhưng phụng sự Phật Di Lạc, đâu có thể khác gì.

Hay hỏi:

- Phật Di Lạc khi nào thành Phật?

Đáp:

- Nói cách đại khái (ước chừng), thế giới qua 4 thời kỳ: thành, trụ, hoại, không. Mỗi thời kỳ là 20 kiếp. Như vậy kiếp trụ là tiểu kiếp thứ 9 trong 20 tiểu kiếp, từ một vạn 4000 năm trước, cứ 100 năm giảm 1 tuổi, giảm đến khi còn 20 vạn năm lúc đó đức Phật Ca Diếp ra đời. Sau khi Phật Ca Diếp tịch diệt lại 100 năm giảm 1 tuổi, giảm đến khi thọ mạng con người 100 tuổi, khi ấy thân con người cao 1 trượng, là lúc Phật Thích Ca ra đời. Phật Thích Ca sau khi diệt độ, thọ mạng con người giảm xuống còn 30 tuổi, Phật pháp diệt hết, chỉ còn Kinh A Di Đà phần nhiều lưu lại ở đời 100 năm. Đến khi thọ mạng con người còn 10 tuổi, thân cao hơn một mét, lúc đó kiếp đao binh khởi lên luôn gây sự chém giết nhau, con người tận diệt hết. Sau kiếp đao binh, người trong đời tuổi thọ dần tăng lên 100 tuổi; con người ham tu thiện, lúc đó có 16 vị đại A La Hán cùng với quyến thuộc lại xuất hiện trong cõi người hoàng dương Phật pháp. Như thế cho đến khi con người cõi này thọ 6 vạn tuổi, Phật pháp hưng thịnh đến 7 vạn năm. Giáo pháp Phật Thích Ca dạy hoàn toàn không còn nữa. Từ đây có 7 vạn vị Độc Giác cùng lúc xuất hiện, lúc đó thế giới này biến đờ thành sạch không còn gai góc, suối khe gò nông bằng phẳng, cát vàng trải đất, khắp mọi nơi chỗ nào cũng có ao sạch, cây xanh, kỳ hoa dị thảo và đủ loại báu vật hợp thành. Thật là hình ảnh sáng đẹp đáng yêu thích. Con người đều có tâm từ quanh năm trở nên sung túc, đầy đủ như Kinh Di Lạc thành Phật có nói. Đến khi tuổi thọ con người tăng lên cực cao 84,000 tuổi, lại lần lượt giảm xuống 8 vạn tuổi. Lúc đó Phật Di Lạc giáng sanh cho đến khi thành Phật, vì chúng Thanh Văn thuyết pháp 3 hội, làm cho chúng ra khỏi sanh tử, đạt đến Niết Bàn. Hội thuyết pháp thứ nhất độ 96 ức chúng Thanh Văn, hội thứ nhì độ 94 ức chúng Thanh Văn, hội

thứ ba độ 92 ức chúng Thanh Văn. Song số chúng được độ trong 3 hội đều trong 3 thời kỳ Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp của Phật Thích Ca; hết thầy hành giả đều giữ giới chân thật, tu hạnh bố thí, tạo phước v.v... Y cứ kinh tạng dẫn: có tất cả 6 tạng có Kinh Di Lạc: ngoại hữu Di Lạc tạng, Long Hoa tạng, Đâu Suất Qui Cảnh, các Kinh lưu hành. Ngoài ra, nước Tề niên hiệu Kiến Võ thứ tư vào ngày 8 tháng 5 năm Đinh Sửu, Di Lạc xuống trần tại Vụ Châu huyện Nghĩa Ô, họ Truyền tên Hấp, năm 16 tuổi cưới cô gái họ Lưu tên là Diệu Quang, sanh 2 người con trai là Phổ Kiến, Phổ Thành. Vào đời Vua Lương Võ Đế, họ hiển phép thần thông và ngộ thiên. Song Lâm truyện Đại Sĩ ngữ lục tu hành biệt hiệu là Thiện Huệ, mà đời sau mới biết đó là ứng hóa thân của Đức Di Lạc. Ngoài ra, vào thời Ngũ Quý tại huyện Phụng Hóa tỉnh Ninh Ba có Bồ Đại Hòa Thượng không ai rõ gốc gác người vùng nào, tự xưng như thế; thường đeo túi vải chống gậy mà đi. Người đời gọi là con của Trường Đinh, thỉnh thoảng đem thiên cơ chỉ mọi người mà ít ai lãnh ngộ. Ngài tịch ngày 3 tháng 3 năm Trinh Minh tại Phụng Hóa, chùa Nhạc Lâm. Nay chốn ấy là sơn môn trong thiên hạ, đều thờ tượng là vị Phật Di Lạc này vậy.

---o0o---

1.7 Vía Chuẩn Đề

Ngày mùng 6 tháng 3 âm lịch là vía đàn sanh Phật Mẫu Chuẩn Đề. Nghi thức giống như lễ vía Dược Sư.

Trước tiên niệm:

Nam Mô Thất Cu Chi Phật Mẫu Đại Chuẩn Đề Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

Án lăm xi lăm hồng (21 biến)

Án Ma Ni Bát Nạp Minh Hồng (108 biến)

Khê Thủ quy y Tô Tát Đế, đầu diện đánh lễ thất cu chi; ngã kim xưng tán Đại Chuẩn Đề; duy nguyện từ bi thù gia hộ. Nam mô Tát Đa nẫm, tam miệu tam bồ đà, cu chi nẫm, đát điệt tha. Án chiết lệ, chủ lệ Chuẩn Đề ta bà ha (7 lần)

Án bộ lăm (108 biến).

Tụng chú biến thực, cam lồ thủy, phổ cúng dường; giống nghi cúng Phật Dược Sư.

Duy Na bạch:

Cung kính nghe rằng, Chuẩn Đề Phật mẫu là tổng lãnh của 25 bộ chúng (hữu tình) có thuyết thần chú, là chủng trí của chư Phật, Bồ Tát, không cô chọn nhiệm tịnh, luôn giữ niệm không phòng hộ; chẳng nệ thiếu đủ, lòng thành hẳn cảm ứng. Ba cõi đều lợi nhuận, muôn loài hàm an ổn. Nay nhằm ngày mồng 6 tháng này, cung nghinh vía Phật mẫu giáng sinh. Chúng con vân tập tăng chúng hiến cúng kính chú, hương hoa, lễ phẩm.

Lại nguyện: 10 độ đều thu nhiếp, định huệ hiển bày ra, năm uẩn đều không, khổ ách dứt hết. Thần chú Diệu Trạng Tổng Trì gia bị cho chúng sanh đồng quy về bí tạng.

Duy Na bạch xong, cử tán Chuẩn Đề:

Lành thay Phật Mẫu đức hiệu Chuẩn Đề

Diễn nói ba mật Đà La Ni (thân, khẩu, ý)

Ứng nghiệm do tâm thành cầu nguyện

Công đức thật khó nghĩ suy

Tin sâu chắc hẳn không nghi.

Nam Mô Thất cú chi Phật Mẫu Đại Chuẩn Đề Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Tụng Bát Nhã, niệm Phật, sám nguyện, hồi hướng, phục nguyện, tự quy y...

Chứng nghĩa ghi rằng: Mật chú Chuẩn Đề bao hàm 25 bộ chúng. Mật bộ chia thành 5 bộ:

- 1) Phật bộ: ở giữa đức Phật Tỳ Lô Giá Na làm chủ, chú đa số do Phật thuyết
- 2) Kim Cang bộ: hướng Đông Phật A Súc là chủ, chú đa số do Bồ Tát Kim Cang thuyết
- 3) Bảo bộ: hướng Nam Phật Bảo Sanh là chủ, chú đa phần là chư thiên nói

4) Liên Hoa bộ: hướng Tây Phật A Di Đà là chủ, chú đa số do các vị Bồ Tát thuyết

5) Yết Ma bộ: hướng Bắc Phật Thành Tựu là chủ, chú phần nhiều do hóa nơn và qui thần nói.

Trong 5 bộ này, mỗi bộ đều có đủ 5 bộ thành 25 bộ chúng. Ấn lam gọi là tịnh pháp giới; hoặc suy niệm hoặc đọc tụng có thể làm cho 3 nghiệp (thân, miệng, ý) được thanh tịnh. Bao nhiêu tội chướng thấy đều tiêu trừ, tùy theo nơi trú xứ đều được thanh tịnh. Y phục không sạch sẽ bèn trở nên sạch, thân thể không tắm gội, liền phải được tắm gội. Nếu được ngoại duyên đầy đủ, trước tắm rửa, kể mặc y phục sạch sẽ, rồi mới tụng niệm chữ (án). Ấn sắc trắng sáng, tỏa chiếu như ánh trăng. Sáng soi tự thân tức là nội ngoại đều sạch hết mê hoặc. Xiêm là hộ thân, tụng chú này hay trừ hết mọi bệnh khổ, tai chướng, ác mộng, tà mị, qui thần, cùng những việc chẳng lành.

Ấn ma ni bát nập minh hồng tức là Ấn ma ni bát di hồng - gọi là chú lục tự (6 chữ); là bản tâm vi diệu của Quan Âm, nên phải tụng cùng với chú Chuẩn Đề, thật là vô cùng lợi ích. Ngài Chuẩn Đề, Phật Mẫu thấy chúng sanh ở cõi bản trước này khó giữ trai giới nên thuyết chú này. Chẳng kể bợn rược, không luận dơ sạch mà chỉ chí tâm trì tụng có thể làm cho chúng sanh mạng ngắn ngủi tăng thêm tuổi thọ; hết thấy bệnh khổ đều được tiêu trừ. Phạm người cầu nguyện thấy đều mãn nguyện, nếu y pháp tụng đủ 100 vạn biến, sau khi mãn báo thân này được vãng sanh cõi Tịnh Độ, phụng sự chư Phật, được nghe diệu pháp, chứng đạo Bồ Đề. Người chưa trì chú Ấn bộ lâm như trì tụng sợ không có kết quả liền nên dùng chú này. Giống chân ngôn ở trên, ở một nơi trì tụng chắc chắn thành tựu. Tụng 108 lần xong là hồi hướng, chỉ nghi cúng vía bên trên đọc thêm chú biến thực, cam lồ thủy, phổ cúng dường, mỗi câu 3 lần.

Phân kệ hồi hướng:

Con nay trì tụng Đại Chuẩn Đề

Tức phát tâm đại nguyện Bồ Đề

Nguyện con sớm tròn sáng định huệ

Nguyện công đức tu tập thành tựu

Nguyện phước lực đầy đủ trang nghiêm

Nguyện cùng chúng sanh thành Phật đạo.

Bài này thích hợp giới xuất gia, nếu cầu cho người tại gia nên đổi lời như sau:

Cúng Phật tụng chú Chuẩn Đề

Con (tên) cầu (việc gì) cho con sớm được thành tựu v.v..

Phàm người tụng chú Chuẩn Đề, mỗi ngày 6 thời, ít nhất sáng, tối phải 2 thời. Nếu suốt đời trì tụng tùy nghi mà tụng không cần ghi số. Nên dùng kiếng Chuẩn Đề một mặt - trừ 2 thời sáng tối trì tụng vào mặt kiếng, lấy túi đựng kiếng để đeo nơi thân. Gia tâm trì tụng lâu ngày chắc chắn đạt được sự cảm ứng. Ngoài Kinh Chuẩn Đề trong các Tạng ra, còn có Hiền Mật viên thông thành Phật tâm yếu, Chuẩn Đề tịnh nghiệp tạp yếu v.v.. là những sách lưu hành.

---o0o---

1.8 Lễ vía Văn Thù

Ngày mùng 4 tháng Tư âm lịch là lễ vía Văn Thù đại sĩ đản sanh. Theo như nghi lễ vía Dược Sư. Nhưng niệm danh hiệu là:

Nam Mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Ma Ha Tát

(3 lần).

Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật phẩm Nhập Pháp giới, chương quán Văn Thù ghi rằng: Lúc bấy giờ tôn giả Xá Lợi Phất đang hành đạo quán sát trong chúng Tỳ Kheo, bảo Hải Giác rằng:

“Này Hải Giác, người nên quán sát Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, thân thanh tịnh, tướng tốt trang nghiêm, hết thấy người trời khó thể nghĩ lường. Người nên quán sát Văn Thù Sư Lợi, tròn sáng thấu suốt làm cho vô lượng chúng sanh phát tâm hoan hỷ. Người nên quán sát Văn Thù Sư Lợi sáng rõ trang nghiêm trừ hết mọi khổ não cho chúng sanh. Người nên quán sát Văn Thù Sư Lợi với số hội chúng đông đảo đều là Bồ Tát mà trước đây đã gieo trồng căn lành. Người nên quán sát Văn Thù Sư Lợi chỗ bước đi – bên phải bên trái –

tám bước bằng phẳng trang nghiêm. Người nên quán sát Văn Thù Sư Lợi ở nơi nào trong khắp 10 phương thường có đạo tràng theo đó mà chuyển hóa. Người nên quán sát Văn Thù Sư Lợi trên lối đi có đủ vô lượng phước đức trang nghiêm; hai bên tả hữu có kho chứa đủ các loại trân quý, tự nhiên hiện ra. Người nên quán sát Văn Thù Sư Lợi từng cúng dường Phật, căn lành lưu lộ nên hết thấy cây cối lên xanh tươi tốt ngay thẳng. Người nên quán sát Văn Thù Sư Lợi, vua của các cõi mây mưa cung cấp đầy đủ, cung kính đánh lễ để cúng dường. Người nên quán sát Văn Thù Sư Lợi được 10 phương tất cả chư Phật Như Lai, lúc sắp nói pháp, ắt phóng tia sáng trắng giữa lông mày, chiếu tới thân từ đầu đi vào.

Đọc xong tiếp tụng chú Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát tám chữ Đà La Ni: Án A mật la hồng khước triết la (108 biến). Tụng thần chú xong, đọc biến thực chân ngôn, cam lồ thủy chân ngôn, phổ cúng dường chân ngôn. Xong, Duy Na bạch:

Cung kính nghe Đại sĩ vốn là thầy của 7 đức Phật nên xưng là đại trí. Xưa Ngài ở cao trên Ngũ Đảnh, hiệu là Thanh Lương, ánh sáng chiếu rõ chân thường đến nơi là nhà, sắc thân thanh tịnh. Do nhân đó mà liên tưởng tới đại nguyện của Mạn Thù đã duy trì như tam muội huyền xoay chuyển, không vuông, không thể, chẳng sắc, chẳng không là để đốt hương đánh lễ hàm dưỡng tuệ minh bát nhã. Ca tụng tán dương gieo giống Bồ Đề. Nay nhằm ngày thanh sáng mùng 4 là lễ giáng sanh của Đại Thánh, chư tăng tề tựu đầy đủ hiến lễ cúng dường.

Lại nguyện: nghiệp thức mịt mờ, phiền não ngút ngàn thăm thẳm, mong mỗi sạch tiêu.

Duy Na đọc xong, cử tán Văn Thù:

Ngài ở trên Ngũ đảnh (núi cao)

Thân cõi sư tử xanh;

Mây từ che khắp chốn,

Mưa pháp rải ban cho,

Khéo diễn pháp Đà La Ni,

Là thầy của 7 đức Phật,

Hóa độ mãi đến ngày nay.

Nam Mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Ma Ha Tát

(3 lần).

Chúng nghĩa ghi rằng: tiếng Phạn là Văn Thù hay Mạn Thù Thất Lợi, Trung Hoa dịch là Diệu Đức, cũng gọi là Diệu Kiết Tường. Do vạn đức tròn sáng thấy rõ bốn nguyên (tánh chơn) nên gọi là Diệu Đức; xưng danh hiệu, niệm chú kẻ thấy nghe đều lợi lạc nên gọi là Diệu Kiết Tường. Trước tụng Chương Quán Văn Thù, trích Kinh Hoa Nghiêm quyển 61, tiếp theo tụng chú trích Kinh chú gốc về Văn Thù Sư Lợi.

Phật bảo Bồ Tát Kim CangThủ rằng: Tám chữ chú Đà La Ni đại oai đức này thuộc về chư Phật quá khứ đã thuyết để ủng hộ hết thảy các quốc vương tu thập thiện làm cho họ được như ý; thọ mạng dài lâu, phước đức không lường, đao binh chấm dứt, quốc gia an ninh nên vô cùng lợi ích lớn lao cho hết thảy chúng sinh, dứt ba đường ác, các nguyện được thỏa mãn. Nếu người nghe nhớ niệm câu chú này liền diệt bốn tội trọng, năm tội nghịch, hưởng gì thường niệm, người ấy có phước đức sanh nơi thập địa được bồ xứ (thành Phật); có của sở hữu không bị cướp đoạt, hưởng gì là chư thiên. Như người trì chú, gặp việc bức bách hay ngăn chặn được ba nghiệp thân, khẩu, ý; 10 điều ác dứt sạch, do trì tụng chú này mà được thành tựu, trừ tâm bất chánh, tâm không phát Bồ Đề tâm v.v...

Ngũ đánh tức là Ngũ Đài hay gọi là núi Thanh Lương. Kinh Hoa Nghiêm, phẩm trú xứ Bồ Tát ghi rằng: hướng Đông Bắc có một nơi là núi Thanh Lương, từ xưa tới nay chư vị Bồ Tát ở đây. Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi và quyển thuộc của Ngài, cùng chúng Bồ Tát là một vạn người tụ hội lại thường ở trong núi đó mà diễn nói pháp. Ngoài ra, Kinh Bảo Tạng Đà La Ni, Phật bảo vua Kim Cang Mật Tích rằng: sau khi Ta diệt độ ở Đông Bắc, Nam Thiệm Bộ Châu có nước tên là Đại Chấn Na mà ở đó có ngọn núi tên là Ngũ đánh, Văn Thù đồng tử tu hành tại đó, vì chúng sanh mà thuyết pháp; và cũng có vô số trời, rồng, tám bộ chúng vây quanh cúng dường. Núi này ở Đại Châu thuộc huyện Ngũ Đài đúng như địa chí nói. Lại Văn Thù vì làm thầy của 7 đức Phật, như các Kinh Tâm Địa Quán v.v.. đều nói như thế.

Ngoài ra, Kinh Xứ Thai ghi rằng: xưa vì làm thầy Phật Năng Nhon, nay làm đệ tử Phật. Tôn trọng chẳng cùng giáo hóa nên ta làm Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát Di Lạc, bảo Thiện Tài rằng: Văn Thù Sư Lợi đồng tử hạnh tu rộng lớn, nguyện lại vô cùng, phát sanh mọi công đức của Bồ Tát không

hề ngưng nghỉ. Nay thiện nam tử, Văn Thù Sư Lợi thường là mẹ của vô số chư Phật; luôn là thầy của vô lượng Bồ Tát, giáo hóa chúng sanh đều thành tựu viên mãn v.v..

Trở lên đều y cứ sách nói, nếu dựa theo sự tích theo Kinh Văn Thù Bát Nê Hoàn ghi rằng: Phật bảo Ngài Bạt Đà La: Văn Thù Sư Lợi, vì tâm đại từ bi mà sanh nơi cõi nước đông đúc xóm làng này, trong gia đình Bà La Môn đạo đức. Lúc Văn Thù sanh trong nhà sáng rực rỡ như hoa sen, Ngài ra đời từ hông phải của mẹ, thân ánh vàng tía; vừa lọt lòng mẹ đã nói được. Như Thiên đồng tử đem lọng báu che chở thân, hiện 10 tướng lạ kỳ. Có thể nói rằng vị Bồ Tát này trụ định Thủ Lăng Nghiêm tam muội (đại định) nên ở 10 phương hoặc hiện sơ sanh, hoặc hiện nhập diệt làm lợi lạc chúng sanh. Có bài kệ tán dương Văn Thù rằng:

Đại Bồ Tát Văn Thù

Không bỏ nguyện đại bi

Thân tự tại dị kỳ

Đội mào hoặc thân trần

Hoặc dắt theo hài nhi

Vui chơi nơi xóm làng

Hoặc hiện người nghèo khổn

Người già bệnh nhược suy

Hiện kẻ đói lâm nguy

Du phương mà xin ăn

Khiến người phát tâm thí

Mong sao mãn nguyện kỳ

Khiến phát tâm tin nghĩ

Ba la mật truyền đi

Thống lãnh vạn Bồ Tát

Nơi ngũ danh tu trì

Phóng vô số tia sáng

Người thấy tội tiêu phi...

Lại nói, sau khi Phật diệt độ 450 năm, Bồ Tát Văn Thù phải đến dãy Tuyết Sơn vì 500 tiên nơn để thuyết pháp giáo hóa làm cho tất cả được chứng quả; rồi cùng chúng tiên bay lên không và đến nơi sanh địa, Ngài xuống ngồi thiền nơi cây Ni Câu nhập định Thủ Lăng Nghiêm, hiện các tướng lạ giống 500 tiên nơn, mỗi người hiện thần thông và đều nhập Niết Bàn. Bồ Tát dùng đủ lực thần thông, thuyết đủ pháp môn quan trọng, nhiều hạnh lợi ích, vô số sự cảm ứng... như trong Kinh-Luật-Luận có ghi rõ, nên ở đây không thể nêu hết.

---o0o---

1.9 Vía Phổ Hiền

Ngày 21 tháng 2 âm lịch là vía Phổ Hiền đại sĩ đản sanh. Nghi thức giống như vía Phật Dược Sư. Trước hết niệm:

Nam Mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Tiếp theo tụng: Kinh Hoa Nghiêm Chương Quán Phổ Hiền Bồ Tát hạnh ghi rằng: có một vị Bồ Tát ngồi thiền định gọi là Phổ Hiền, thân màu bạch ngọc với 50 loại tia sáng, mỗi tia sáng có 50 màu hợp thành làn ánh sáng lớn. Các lỗ chân lông đều phát ra ánh sáng vàng; mỗi ánh sáng vàng nghiêm túc đó có vô số hóa Phật, các hóa Bồ Tát chọn làm quyến thuộc, bước đi thông thả nhẹ nhàng, tung hoa lớn như mưa rơi trước hành giả: các tượng hóa nhân miệng mở các răng. Các ao ngọc nữ, trống nhạc đờn ca âm thanh vi diệu tán dương đại thừa, là đạo chân thật. Hành giả thấy xong lòng vô cùng hoan hỷ lễ lạy, rồi lại đọc tụng Kinh thâm diệu, lễ khắp 10 phương Phật, cũng lễ tháp Phật Đa Bảo và lạy Phật Thích Ca Mâu Ni, cùng lễ Ngài Phổ Hiền và chư vị đại Bồ Tát. Phát thệ nguyện rằng: nơn phước đời trước nên con được gặp Phổ Hiền, mong tôn giả hiện điềm lành cho con thấy sắc thân.

Nam Mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát (108 biến).

Tiếp theo tụng chú biến thực, cam lồ, phổ cúng dường như nghi cúng Phật Dược Sư. Thầy Duy Na bạch: Cung bạch Đại sĩ bên được bồ thánh của hoa tạng, làm bến thanh lương của pháp giới trong vô số cõi nước đều trải qua đại hạnh; trong ngàn pháp môn vẫn giữ đại nguyện, cùng với Kinh Hoa Nghiêm mà làm trưởng tử. Lý sự viên dung làm thầy dẫn dắt ở cõi Cực Lạc; trí lực sâu rộng, nay là ngày 21 tháng 2 giữa mùa xuân gặp lễ Khánh đản đại sĩ, chúng con tăng chúng vân tập trước Phật đài, thiết lễ cúng dường. Lại nguyện: phổ môn đi vào lực Đại Thừa đem lại lợi lạc cho hết thảy mọi loài chúng sanh dứt sạch chướng nhiễm không còn thừa. Hết thảy diệu hạnh đều thành tựu. Tiếp tán bài Phổ Hiền:

Hạnh nguyện Phổ Hiền, Phước đức vô biên

Trí huệ bực ấy, Danh hiệu Phổ Hiền

Thầy đều mãn viên, Muôn đức trang nghiêm

Lợi khắp nhưn thiên.

Nam Mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Chúng nghĩa ghi rằng: dựa theo hoa tạng mà luận, nơi hội Tỳ Lô bên trái là Phổ Hiền, bên phải là Văn Thù; xem trên hội Hoa Nghiêm, Phổ Hiền dụ như trưởng tử, Văn Thù như con trai út. Theo trí hạnh mà nói, Văn Thù tiêu biểu đại trí, Phổ Hiền tiêu biểu đại hạnh. Hạnh lấy trí dẫn đạo cho nên Văn Thù ở bên trái, Phổ Hiền ở bên phải. Nay cúng lễ trước thánh tượng đều nương trí hạnh làm chuẩn mực thì trước Văn Thù mà sau Phổ Hiền. Cho nên bốn danh sơn lớn của Trung Quốc, thứ nhất Ngũ Đài là chỗ cư trú của Văn Thù, thứ nhì Nga Mi là nơi cư trú của Phổ Hiền, thứ ba Phổ Đà là đạo tràng của Quán Âm, thứ tư Cửu Hoa là chỗ cư trú của Địa Tạng. Theo Kinh Bi Hoa, trong kiếp xa xưa Phật A Di Đà làm Vua Chuyển Luân, lúc đó là đệ nhất thái tử tên là Bất Hủ; Thế Chí là thái tử thứ hai, tên là Ni Ma, Văn Thù là thái tử thứ ba tên là Vương Chúng, đến thái tử thứ 8 tên Mãn Đồ mà nay là Phổ Hiền Bồ Tát vậy. Thế thì bốn và tích tương đồng, nhân và quả cùng loại; do đức tướng, thần thông, thuyết pháp, lợi ích, hạnh nguyện, lễ tụng, cảm ứng đều cùng khắp 3 đời. Bút mực chẳng có thể diễn tả đầy đủ hết được. Vào đời Đường tại núi Thiên Thai có Hàn Sơn, Thập Đắc 2 tăng nhân có nhiều thuật linh dị, mỗi vị có tập thơ truyền lại đời hàm ý như là hóa thân Ngài Văn Thù và Phổ Hiền mà cô kim còn lưu truyền tích lạ này.

---o0o---

1.10 Lễ vía Quan Âm

Ngày 19 tháng 2 âm lịch là lễ đản sanh của đức Quan Âm. Nghi thức như vía Phật Dược Sư. Trước hết niệm:

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lần)

Tiếp tụng Kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn, phần bài kệ:

Thế Tôn tướng đẹp lạ

Con nay lại hỏi kia

Phật tử nhân duyên gì

Tên là Quán Thế Âm

Đầy đủ tướng đáng tôn

Phật đáp Vô Tận ý

Ông nghe hạnh Quan Âm

Khéo hiển mọi nơi chốn

Nguyện rộng sâu như biển

Nhiều kiếp khó nghĩ bàn

Hầu nhiều nghìn đức Phật

Phát đại nguyện thanh tịnh

Nay Ta vì người nói

Nghe danh và thấy thân

Tâm niệm không bỏ qua

Hay diệt các khổ não

Như người sanh tâm hại
Xô rớt hầm lửa lớn
Ra sức niệm Quan Âm
Hầm lửa biến thành ao
Hoặc trôi giạt biển cả
Các nạn qui, cá rồng
Do sức niệm Quan Âm
Sóng dôi chẳng chìm được
Hoặc tại núi Tu Di
Bị người xô rớt xuống
Do sức niệm Quan Âm
Như mặt trời treo không
Hoặc bị người dữ rượt
Rơi vào núi Kim Cang
Do sức niệm Quan Âm
Không tổn đến mây lông
Hoặc gặp oán giặc vây
Cầm dao muốn làm hại
Do sức niệm Quan Âm
Liên khởi niệm từ tâm
Hoặc gặp khổ nạn vua

Hành hình muốn dứt mạng

Do sức niệm Quan Âm

Dao liền gãy từng đoạn

Bị giam cầm tù tội

Tay chân trói buộc chặt

Do sức niệm Quan Âm

Liền được mở trói hẳn

Bùa chú các thuốc độc

Muốn làm hại đến thân

Do sức niệm Quan Âm

trở lại nơi người hại

Hoặc gặp ác la sát

Rồng dữ các loài quỷ

Do sức niệm Quan Âm

Tức thì không dám hại

Hoặc thú dữ vây quanh

Nanh vuốt nhọn đáng sợ

Do sức niệm Quan Âm

Vội vàng bỏ chạy thẳng

Rắn độc và bò cạp

Khí độc phun khói lửa

Do sức niệm Quan Âm

Nghe tiếng tự bỏ đi.

Mây chớp nổi sấm sét

Tuôn xối giáng mưa đá

Do sức niệm Quan Âm

Tức thời liền tiêu tan.

Chúng sanh bị khổ ách

Vô vàn bức bách thân

Quan Âm sức trí diệu

hay cứu khổ thế gian

Đầy đủ lực thần thông

Rộng tu trí phương tiện

Mười phương các cõi nước

Không cõi nào chẳng hiện.

Nhiều loại các ác thú

Địa ngục, quỷ, súc sanh

Sanh, già, bệnh, chết khổ

Dần dần khiến diệt sạch.

Chơn quán, quán thanh tịnh

Rộng lớn quán trí huệ

Từ quán và bi quán

Thường nguyện thường chiêm ngưỡng

Sáng thanh tịnh không nhờ

Tuệ nhật phá tối tăm

hay dẹp tai, gió lửa

Khắp soi sáng thế gian

Lòng bi răn như sấm

Ý từ diệu dường mây

Rưới mưa pháp cam lồ

Diệt sạch lửa phiền não

Cải kiện qua cửa quan

Trong quân trận sợ sệt

Do sức niệm Quan Âm

Cừ oán đều lui tan

Diệu Âm, Quan Thế Âm

Phạm Âm, Hải Triều Âm

Hơn hẳn âm thế gian

Vì thế nên thường niệm.

Niệm niệm chớ sanh nghi

Quan Âm bực tịnh thánh

Nơi khổ não nạn chết

Hay làm nơi nương tựa

Đầy đủ các công đức

Mắt lành thương chúng sanh

Biển phước đức khôn lường

Cho nên phải đánh lễ.

Niệm danh hiệu Quan Âm 108 biến, như nghi thức thông thường. Tiếp theo Duy Na bạch:

Vì đang giữa tiết trung hòa

Trăng nước chiếu soi bóng tự tại

Giá chuông, hợp luật hoa đàm hiện tướng viên thông

Hiện bi nguyện trong 32 tướng nơi cõi ta bà

Chúng đệ tử thấy đều xung tán

Phóng từ quang 10 vạn ức sáng

Thầy dẫn đường giúp đưa về Lạc Bang.

Mong cho... lặn hụp trong biển trần, mắc vòng phiền não, 6 căn ngang dọc, rong ruổi bốn ba tấm dạng. Ba tuệ vẫn mịt mờ chưa nhận ra chân tánh. Ví thử không nhờ đại bi của đấng cha lành cứu vớt những đứa con cùng khổ. Nay nhân ngày Khánh Đản, kính dâng hoa hương mong Ngài chứng tâm lòng thành của đệ tử chúng con, thương xót mà đón nhận.

Tiếp theo cử tán bài:

Tay cầm nhánh dương

Đầu đội mào Phật

Ngồi thiền nghiêm mật

Trên tòa hoa sen

Cứu khổ thương tình thật

Một niệm tâm thành

Độ hết thủy chúng sanh

Mở vô lượng cửa từ tâm.

Nam Mô Thánh Quan TỰ TẠI BỒ TÁT (3 lần).

Hôm nay hoặc lễ sám hoặc niệm hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát hay luân phiên tụng Kinh Phổ Môn.

Chứng nghĩa ghi rằng: Quan Âm cứu khổ độ sanh, nên niệm danh hiệu được cảm ứng. Các Kinh như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm đều ghi rõ như vậy, nhiều kinh điển khác ghi chép cũng khó biết số bao nhiêu. Ở đây cô kết lại những việc cảm ứng nổi bật nhất trong tạng, lược ghi một số việc thấy rõ ràng còn dấu thiêng hay là loại giống như vậy.

Sơn am tạp lục ghi rằng: trước đây hòa thượng Cổ Đảnh ở Kính Sơn mới sanh ra dáng người tũn mủn, môi trắng, răng lộ chân răng, tiếng tất khô khan, thớ da nứt nẻ, có thể nói thịt lòi trơ ra. Vì 4 tướng xấu như vậy hưởng chi thân thể còn lùn xịt ư; lúc còn mạnh khỏe không nói người ta cũng biết. Thầy cầu đức Quan Âm ban ngày niệm hiệu Ngài không cần đếm, ban đêm lay tượng Bồ Tát tới số nghìn, làm như thế trong 20 năm. Tướng xấu biến thành phước tướng, môi đẹp đỏ mà răng ẩn bên trong, tiếng nói trong trẻo mà da dễ hồng hào. Sau gặp lại tướng công chúc mừng rằng: Thầy nay tướng tốt nên ngồi sông trên pháp tòa làm đại chấn tông phong mà năm ra đời làm hưng thịnh giáo pháp, nhấn đến ở Kính Sơn 12 năm và thọ 79 tuổi. Tụng Kinh, lễ đức Quan Âm dễ thay đổi yếu thọ thành thọ mạng vậy. Ngoài ra, chùa Thọ Xương tại Ôn Châu có Tuyết Chiếu Huy ngồi hạ yên lặng, nơi phòng ngủ treo Thánh tượng Quan Âm mỗi đêm lễ lay. Một hôm bỗng thấy bình nước sạch từ suối xuất hiện làm toàn thân ông vô cùng khoan khoái. Từ đó thêm niệm cung kính càng sâu, gương trí càng sáng; do tụng kinh lay Phật mà cảm huệ vậy.

Lại một câu chuyện khác, có người tên Chiếu Liêu Nguyên ở chùa Thiên Đồng vốn mang nhiều chứng bệnh, năm Bính Thìn niên hiệu Hồng Võ, bệnh tình ông ngày càng nặng, thầy trụ trì khuyên ông niệm thánh hiệu Quan Âm. Mỗi ngày Chiếu niệm 10,000 hiệu tới năm sau vào ngày 17 tháng 10 lúc giờ Ngọ ông tự nghĩ bệnh tình mình dẫn tới cái chết không xa; nếu không đổi lại niệm hiệu Phật A Di Đà việc niệm mới hăng hái hơn. Bỗng nhiên thấy một người đàn bà tay cầm tịnh bình xuất hiện mà lại hiện ngay trước mặt, Chiếu

thất kinh hồn vía lên mây. Sau định thần nghĩ kỹ lại, biết đó là Bồ Tát thị hiện, Chiếu khóc sụt mướt kể tội lỗi cầu xin sám hối. Chốc lát không còn thấy gì cả trải qua 5 ngày bệnh khổ tiêu hết. Đây do lễ bái mà trừ dứt bệnh như thế.

Sách Cao Tăng truyện ghi rằng: niên hiệu Nghĩa Hy năm đầu ở chùa Gia Tường huyện Sơn Âm có tăng Huệ Kiên tự biết sắp chết bèn phó thác nghĩ an dưỡng, tâm thành cầu đức Quan Âm dự thấy được tướng Thánh. Bệnh tuy chưa lành nhưng thần sắc như bình thường; người thị giả thường nghe hương lạ trong khoảnh khắc Thầy viên tịch. Tăng tục nghe vậy ai cũng rất đẹp lòng. Đây do lễ bái mà cảm ứng sanh về Tịnh Độ vậy.

Nói tóm lại, Quan Âm đại sĩ đối với chúng sanh chuyên niệm thật tin sâu, thật hành lâu ngày, thành khẩn tha thiết, hoặc tụng kinh hoặc lễ lạy đều đạt được sự cảm thông tới nguyện lực của Bồ Tát không thể nghĩ bàn.

---o0o---

1.11 Lễ vía Đại Thế Chí

Ngày 13 tháng 7 là lễ vía đàn sanh của Bồ Tát Thế Chí. Nghi thức giống như vía Phật Dược Sư. Trước tiên niệm:

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc thế giới Đại Thế Chí Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Kể tụng:

Phật thuyết Kinh Quán Vô Lượng Thọ, chương Quán Thế Chí, kể quán Bồ Tát Đại Thế Chí. Vị Bồ Tát này thân hiện lớn nhỏ cũng như Quán Thế Âm, mặt tròn sáng mỗi mặt 125 do tuần chiếu sáng 250 do tuần, nhắc thân lên hào quang chiếu tới 10 phương các cõi hiện sắc vàng tía. Chúng sanh có duyên đều được thấy, chỉ trông thấy vị Bồ Tát này nội một lỗ chân lông phát ánh sáng là thấy hết ánh sáng thanh tịnh của 10 phương chư Phật. Vì thế danh hiệu của Bồ Tát này là Vô Biên Quang, lấy trí huệ quang chiếu khắp tất cả khiến lìa 3 đường ác được lực vô thượng. Do đó hiệu vị Bồ Tát này là Đại Thế Chí. Bồ Tát Đại Thế Chí đội mão Thiên quan có viên 500 hoa báu, mỗi hoa báu có 500 đài báu, trong mỗi đài là cõi nước thanh tịnh của 10 phương chư Phật. Thân tướng cao lớn đều ở trong cõi đó, hiện trên đỉnh đầu có nhục

kể nổi lên như hoa Bát Đầu Ma, ở trên nhục kế có một bình báu đầy cả ánh sáng hiện làm Phật sự. Ngoài ra, các hóa tướng khác như Quan Âm v.v... không có khác. Lúc Bồ Tát bước đi 10 phương các cõi đều chấn động; đang khi chấn động ấy hiện ra 500 ức hoa báu, mỗi hoa báu cao tốt trang nghiêm như cõi Cực Lạc. Khi Bồ Tát ngồi, cõi nước, 7 báu đồng loạt dao động, từ hạ phương cõi Phật Kim Quang đến phương trên cõi Phật Quang Minh Vương, ở khoảng trung gian có vô số phân thân. Phân thân Phật Vô Lượng Thọ, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí thấy đều nhóm họp. Cõi nước Cực Lạc ở trên không, các vị ngồi tòa liên hoa diễn thuyết pháp màu, độ chúng sanh khổ. Làm pháp quán này là quán sát thấy Bồ Tát Đại Thế Chí, tức là thấy sắc thân Đại Thế Chí. Quán tướng vị Bồ Tát này gọi là pháp quán thứ 11, trừ sạch được tội sanh tử trong vô số kiếp a tăng kỳ. Làm pháp quán này không ở bảo thai mà thường du hành qua các Phật quốc thanh tịnh. Tiếp theo tụng:

Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát (108 biến).

Tụng xong, niệm chú biến thực, cam lồ, phổ cúng dường. Kế Duy Na quý bạch:

Cung kính nghe rằng: Thế Chí đại sĩ, vốn trước kia nhân duyên lấy tâm niệm Phật mà nhập cõi vô sanh. Nay ở cõi này người nhiếp tâm niệm Phật quy về Tịnh Độ. Đó là vì Chức Thánh cõi Tây phương thường hiện pháp niệm Phật tam muội. Nhớ Phật niệm Phật, hiện tại, tương lai, ắt được thấy Phật, như người nhiễm mùi hương, thân thoảng hương thơm. Pháp thí dụ này thật là thâm thiết. Nay gặp ngày Thánh đản kính lễ cúng dường.

Lại nguyện: Đại sĩ thương tưởng chúng sanh như mẹ nhớ con thường cầu mong gia bị; cũng như Đại sĩ tịnh niệm kế tục được đại định hết báo thân này được sanh về nước Cực Lạc. Bạch xong, cử tán:

Thế Chí Đại sĩ, bình báu lung linh

Thâu nhiếp niệm Phật thệ nguyện rộng thênh

Biển cả bao la, hầu cận Di Đà

Trừ mê cứu khổ thoát khỏi Ta Bà

Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát (3 lần).

Tụng Bát Nhã, sám nguyện, hồi hướng, phục nguyện, tự quy y...

Chúng nghĩa ghi rằng: 3 vị Thánh ở Tây phương là Phật Di Đà ở giữa, Quan Âm bên trái và Thế Chí bên phải. Hôm nay lễ vía dùng pháp quán của kinh mà quán Đại sĩ. Theo nghĩa viên thông mà hiển tỏ bốn hơn, nguyện lớn rằng, Bồ Tát Đại Thế Chí trong vô số kiếp trước lấy niệm Phật nhập đại định; Ngài thường ở thế giới này đốc nhắc chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật hỏi Bồ Tát Viên Thông nơi chương tựa thứ nhất rất rõ ràng, đời nay đã xưng các Tổ liên tông là Viễn Công, hưởng chi hệ truyền thừa chư Tổ Trung Hoa mà Bồ Tát Đại Thế Chí là Tổ của pháp môn niệm Phật lâu đời. Trong chương đó có ghi rõ: pháp niệm Phật đã là tuyệt vời không pháp nào hơn, như mẹ con tương nhau thật là thuần khấn khó nói. Tôi trước một lần thấy sanh tâm cảm động mà không tự biết, tiếp 3 lần đọc tụng niệm cảm càng sùi sụt, càng than thở ân đức Phật, chư Bồ Tát khó báo đáp. Từ đó trở về sau mỗi lần niệm Phật, trước tiên tôi tụng chương này một lần thành kính như là khóa tụng quen thuộc. Một lần đọc tụng là một lần phản tỉnh, có thể nói sự lợi ích không nhỏ vậy. Tôi đã tu pháp môn này mà được sự gia bị, mong các bậc thiện nhân cũng hành trì như thế. Mỗi lúc niệm Phật, trước nhất tụng chương này để niệm Phật đắc lực. Quả như đúng pháp tu hành ắt được tiếp dẫn vãng sanh. Nguyện rộng lớn nơi chương này tưởng rằng giải thích sơ lược thêm, thấy trong ngày giỗ Ngài Viễn Công lấy niệm Phật khởi đầu và niệm 10 niệm. Lúc ngủ nhập pháp quán văn, quán Kinh Chương 13, quán có kèm theo lời khuyên 4 điều:

- 1- Khuyên phát tâm niệm Phật
- 2- Khuyên thật tâm niệm Phật
- 3- Khuyên cầu sanh Tịnh Độ
- 4- Khuyên niệm, tụng tu cùng lúc.

Như thế hợp nhất gọi là niệm Phật thiết yếu, cho in ấn để lưu hành thật là cần thiết nên truyền đạt sâu rộng.

---o0o---

1.12 Vía Địa Tạng Thánh Đản

Ngày 30 tháng 7 âm lịch là vía Địa Tạng đản sanh. Sau thời Kinh Lăng Nghiêm sáng, tới phần đánh lễ Phật, Trụ Trì niệm hương, cắm hương lên lư. Duy Na cử tán: Lư hương... Nghi thức giống như Phật Dược Sư. Niệm:

Nam Mô Đại Từ Địa Tạng Vương Bồ Tát (3 lần).

Tiếp theo tụng Kinh Địa Tạng bốn nguyện, bài kệ phẩm thấy nghe được lợi ích như sau:

Ta quán Địa Tạng lực oai thần

Vô số kiếp nói không cùng tận

Thấy nghe đánh lễ trong một niệm

Lợi lạc trời người khó định phân

Hoặc nam hoặc nữ hoặc long thần

Hết báo thân phải đọa đường ác

Chí tâm quy y Đại sĩ thân

Tuổi thọ thêm tăng trừ tội chướng

Sớm mất mẹ cha, biệt người thân

Chưa rõ thân hồn nương chốn nào?

Anh em, chị em và thân nhân

Trưởng thành tới nay chưa nhận rõ

Hoặc vẽ hoặc họa Đại sĩ thân

Niệm lễ thiết tha không rời bỏ

Hăm một ngày niệm hiệu ân cần

Nhiều thân hình Bồ Tát hiện ra

Cho biết nơi nào quyền thuộc sanh

Giá rơi ác thú tìm cứu sạch

Nếu ai không lui sụt sơ tâm

Liên được sờ đầu truyền Thánh ký
Người muốn tu vô thượng Bồ Đề
Nhấn đến 3 cõi khổ thoát ly
Chính là đã phát tâm đại bi
Trước nên quán lễ tượng Đại sĩ
Hết thấy các nguyện sớm đạt thành
Nghiệp chướng toàn dứt chẳng còn chi
Có người phát tâm tụng kinh điển
Muốn qua bờ giác độ quần sanh
Duy lập nguyện này khó ví sánh
Độc rồi quên rồi phé bỏ nhanh
Người này bị nghiệp chướng trói buộc
Kinh điển Đại Thừa chẳng nhớ rành
Cúng dường Địa Tạng với hương hoa
Y phục, uống ăn, tọa cụ và
Nước trong trước Đại sĩ bày ra
Một ngày một đêm đem uống đó
Phát lòng tôn trọng cử cay nồng
Rượu thịt, tà dâm, vọng ngữ không
Trong 21 ngày chớ sát sanh
Hết lòng niệm tưởng Đại sĩ danh

Trong mơ thấy nhiều loại tướng hình
Tỉnh ra mới biết ấy điềm lành
Đúng lúc tai nghe dạy đọc Kinh
Chẳng quên trong ngàn vạn lần sanh
Do vì Đại sĩ khó nghĩ suy
Hay khiến người này đạt tuệ trí
Chúng sanh nghèo cùng và tật bệnh
Quyến thuộc chia ly, nhà cửa suy
Trong cơn mộng mị thấy bất an
Người cầu sai quấy không toại ý
Chí tâm niệm lễ tượng Địa Tạng
Mọi điều xấu ác đều tiêu tan
Thậm chí giấc mơ được bình an
Y, thực dồi dào quý thần can
Vào núi rừng, qua biển an toàn
Cầm thú độc và người hung ác
Ác thần, ác qui và gió độc
bao nhiêu khổ não hết thảy nạn
Chỉ nên lễ lạy và cúng dường
Bồ Tát Địa Tạng đại sĩ tượng
Như vào núi rừng, hoặc đại dương

Bấy giờ các ác đều tiêu sạch
Quan Âm lắng nghe Ta giảng tường
Địa Tạng sâu rộng khó nghĩ lường
Trăm nghìn vạn kiếp nói không cùng
Lục Đại sĩ đây rộng tuyên dương
Người nào nghe được danh Địa Tạng
Nhẫn đến chí tâm kính lễ thường
Dâng y phục, ẩm thực, hoa hương
Nhận trăm nghìn phước báu cúng dường
Hay chi nhân đây cầu pháp giới
thành Phật thoát sanh tử đại dương
Vì thế Quan Âm người nên biết
Báo cho khắp hết các cõi tường.

Tiếp tụng:

Án Tam Đà ra già đà ta bà ha (108 lần).

Duy Na bạch:

Lại vì gió vàng chuyển động, mở khai điềm tốt kim dung, sương ngọc thấm nhuần, hiển bày tướng đẹp ngọc hào. Đại sĩ dẫn sanh lung linh tuyệt đẹp. Trăng thu vừa tắt, ngược lên khắp bầu trời sáng tỏ, thánh đức trong sáng hồng ngọc. Nghĩ lại chúng con đang ở đời mạt pháp, tội lỗi chồng chất, mong thoát vòng khổ, ắt nhờ gió lành phủi quét được lên cõi an vui, toàn nương ánh từ để thông dong tự tại. Nay gặp lúc Hoa Đàm xuất hiện, kính dâng hương hoa phụng hiến. Đệ tử chúng con lại nguyện: gậy vàng hươi sáng, minh châu chiếu rạng; cuồng si u ám, mở ngục sắt không môn; nóng bứt trừ sạch; ngôi nhà lửa tiêu tan. Trời người đều lợi lạc, âm dương thay nhờ ân.

Bạch xong, cử tán:

Đại sĩ Địa Tạng nguyện rộng sâu

Phá thành sắt bằng ngọc minh châu

Gậy vàng động u minh thông thấu

Đánh lễ tôn tượng niệm xưng danh

Vô số cõi chan hòa tiết trời xuân

Nam Mô Địa Tạng Vương Bồ Tát (3 lần).

Chúng nghĩa ghi sự độ sanh của Ngài Địa Tạng theo các Kinh Bồ Tát Địa Tạng bốn nguyện, Địa Tạng thập luân Chiêm Sát thiện ác nghiệp báo v.v.. mà bản kinh sau thuyết minh đầy đủ. Nay nêu lên sự tích Ngài ở Đông độ như sách Thần Tăng truyện ghi: đức Phật diệt độ 1500 năm, Địa Tạng giáng sanh vào nước Tân La, nhà họ Kim tên là Kiều Giác vào năm Vĩnh Trung thứ tư. Năm lên 24 tuổi cạo tóc dặt theo bạch khuyến khéo vâng lời theo tàu buôn ra biển. Đến vùng núi Cửu Hoa, huyện Thanh Dương, phủ Trì Châu Đông, tỉnh Giang Nam, tọa thiền trên núi Cửu Tử sơn tuế nguyệt 75. Năm Khai Nguyên thứ 16, đêm 30 tháng 7 Ngài thành đạo năm 99 tuổi. Lúc bấy giờ có bậc kỳ lão, Mãn Công rất thiện cảm nghĩ tưởng đến. Mỗi lần mời 100 vị tăng dự cúng trai tăng, hẳn còn thiếu một vị, nên mời vị tăng tu trong động cho đủ số. Vị này bèn xin một mảnh đất bằng áo cà sa, Mãn Công ưng thuận. Y phủ giáp núi, Công hết sức lấy làm hoan hỷ. Người con trai Mãn Công cầu xin xuất gia tức là Hòa Thượng Đạo Minh. Mãn Công về sau cũng bỏ tục xuất gia, lại bái người con làm thầy, cho nên nay hầu bên tượng mà bên trái là Đạo Minh, còn bên phải là Mãn Công, đó là sự tích này vậy...

Bồ Tát nhập định 20 năm đến năm Chí Đức thứ 2 vào ngày 30 tháng 7 hiển thánh bước ra khỏi tháp, đến nay trở thành một đại đạo tràng. Hiện Quả Lục ghi rằng: chúng tôi là Vương Kiến một hôm không có bệnh bỗng lia đời. Có một người áo xanh dẫn đến mình phủ trình thưa khúm núm. Kết quả là bắt làm Vương Kiến ở núi Đông. Do đó cho thả ra khỏi điện Minh phủ, thấy địa ngục Hắc Diệm ở giữa không, gào thét như sấm vang, có 3 lão tăng ngồi thiền bên cây sao dùng tịnh thủy rảy nước cho. Ngục tốt nghiêng răng hét lớn: hãy dừng lại. Kế phía trước có viên tuần đi qua đó là Quan Âm, Phổ Hiền và Địa Tạng vậy. Y cứ theo tích đây có thể thấy trong Kinh Địa Tạng nêu rõ:

niệm danh hiệu Địa Tạng, lễ tượng Địa Tạng được phước tiêu tội, thật không thể nghĩ bàn.

Hết quyển ba.

---o0o---

Quyển Bốn - Bách Trượng Hoài Hải biên soạn tại núi Bách Trượng vào đời Đường tại Hồng Châu.

Tỳ Kheo Nghi Nhuận chứng nghĩa, chùa Chân Tịch tại Hàng Châu.

Trụ Trì chùa Giới Châu Diệu Vĩnh duyệt lại tại Việt Thành vào đời Thanh.

Chương bốn - Ân Đức Tổ Sư

Lời thuật ghi rằng, mỗi người đều có Tổ cúng giỗ để ôn nhắc lại sanh bình của các Ngài. Hình hài lúc sanh tiền đáng yêu quý, song thể xác có lúc rồi cũng tiêu vong, yêu quý có lúc cũng hết. Chỉ có tánh linh hiển nhiên không mê mờ, chẳng do sanh mà tồn tại, chẳng do mất mà quên lờ. Cho nên Phật dạy người hiền tánh minh mà người sau học hỏi. Lại nữa, gấn chặt nơi lời nói không gọi được nơi quy hướng. Từ khi giáo pháp truyền sang Đông Độ, người được truyền thừa quả là ít ỏi và Tổ Đạt Ma đến, do pháp trực chỉ mà người ta mới thoát thấy rõ. Luận về chỗ diệu của tự tánh từ đó trở đi truyền nhau không dứt. Tổ truyền đạo về sau thờ Tổ như lửa của củi, bình chứa của nước liên tục truyền thừa cho đến ngày nay có thể nói là thanh vậy.

Song công ơn đức Tổ làm sao quên được chứ? Ngày lễ giỗ kỵ đâu thể bỏ bê ư? Đến như Tổ Bách Trượng Đại Trí thiền sư viết Thanh Quy làm mô phạm cho ta nay tông lâm được chấn chỉnh. Công đức ấy thật xứng đáng là Sơ Tổ truyền lưu không dứt. Cho nên pháp hội Ngài chủ tọa gọi là tông lâm. Tổ đường nên thờ Tổ Đạt Ma bên trong, Tổ Bách Trượng kế bên tay trái mà là Tổ khai sơn của bản tự. Nay đều xếp vào hàng trí giả cúng theo nghi chú tôn đức để giữ pháp gìn luật, báo ân đức người khởi xướng không làm sao quên được vậy.

---o0o---

1.1 Giỗ Sơ Tổ Đạt Ma

Ngày mùng 5 tháng 10 là lễ giỗ Sơ Tổ Đạt Ma. Tự viện, tông lâm viết thông báo đọc trên đài, đăng báo hay dán tại trai đường, phòng khách ở chùa. Thông cáo ở chùa viết như sau: ngày mai là lễ kỷ niệm Đạt Ma lão tổ thị tịch, tối nay và sáng mai sau khóa lễ, nghe hiệu lệnh, đại chúng vân tập Tổ đường đánh lễ Tổ, trưa có cúng ngộ.

Chú ý: quét tước lau chùi long vị Tổ, tượng thờ, bàn thờ, thay nước cúng; sắm hoa quả tươi dâng cúng. Tối mùng 4, sau khi khóa lễ xong, Trì Khách thỉnh 3 hồi chuông, chúng tề tựu vào bàn Tổ, Trụ Trì niệm hương, xướng lễ:

Nam Mô Tây Thiên Đông Độ lịch đại tổ sư,

Nam Mô Đông Độ truyền giáo truyền giới chư vị Tổ sư,

Nam Mô Đông Độ truyền thừa thiên tông sơ tổ, Đạt Ma đại lão Tổ sư.

Sau đó, rót trà dâng cúng, đại chúng lễ 3 lạy, chiêm trà lạy 3 lạy; đọc chú biến thực, cam lồ, phổ cúng dường v.v... Chiêm trà lần thứ 3, đồng lạy 3 lạy rồi đại chúng lui ra.

Sáng mùng 5, sau thời Kinh Lăng Nghiêm xong, đại chúng đến trước bàn Tổ dâng hương đánh lễ, dâng trà như hôm trước. Trụ Trì niệm hương:

Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Duy Na cử niệm:

Nam Mô thiên tông tông chủ Bồ Đề Đạt Ma tôn giả

(3 lần).

Tiếp theo, tụng kinh Lăng Già A Bạt Đa La Bảo, phẩm tâm ngữ của chư Phật: Chẳng sanh câu sanh khắp, thường câu vô thường câu, sanh tướng câu, vô sanh tướng câu; trụ khác câu, chẳng trụ khác câu; sát na câu, phi sát na câu. Tụ tánh câu, lia tụ tánh câu; không câu, chẳng không câu. Đoạn câu, chẳng đoạn câu; biên câu, phi biên câu. Trung câu, phi trung câu; thường câu, phi thường câu. Duyên câu, phi duyên câu; nhân câu, phi nhân câu. Phiền não câu, phi phiền não câu; ái câu, phi ái câu. Phương tiện câu, phi phương tiện câu; xảo câu, phi xảo câu. Tịnh câu, phi tịnh câu; thành câu, phi

thành câu. Thí câu, phi thí câu; đệ tử câu, phi đệ tử câu. Sư câu, phi sư câu; chủng tách câu, phi chủng tách câu. Ba thừa câu, phi ba thừa câu; sở hữu câu, vô sở hữu câu. Nguyên câu, phi nguyên câu; 3 luân câu, phi 3 luân câu. Tiêu tướng câu, phi tiêu tướng câu; hữu phẩm câu, phi hữu phẩm câu; cụ câu, phi cụ câu. Duyên do Thánh trí hiện pháp lạc câu, phi hiện pháp lạc câu. Quốc độ câu, phi quốc độ câu; a câu, phi a câu. Thủy câu, phi thủy câu; cung câu, phi cung câu. Thật câu, phi thật câu; số câu, phi số câu. Thần thông số câu, phi thần thông số câu. Minh câu, phi minh câu; hư không câu, phi hư không câu; mây câu, phi mây câu. Công xảo kỹ thuật xứ sáng câu, phi công xảo kỹ thuật xứ sáng câu. Gió câu, phi gió câu; đất câu, phi đất câu. Tâm câu, phi tâm câu; thi thiết câu, phi thi thiết câu. Tự tách câu, phi tự tách câu; âm câu, phi âm câu. Chúng sanh câu, phi chúng sanh câu; huệ câu, phi huệ câu. Niết Bàn câu, phi Niết Bàn câu. Lửa bỏng câu, phi lửa bỏng câu. Ngoại đạo câu, phi ngoại đạo câu; hoang loạn câu, phi hoang loạn câu. Huyền câu, phi huyền câu; mộng câu, phi mộng câu. Lửa hừng câu, phi lửa hừng câu. Voi câu, phi voi câu; xe câu, phi xe câu. Kiền thác bà câu, phi kiền thác bà câu. Thiên câu, phi thiên câu. Ăn uống câu, phi ăn uống câu. Dâm dục câu, phi dâm dục câu. Thấy câu, phi thấy câu; ba la mật câu, phi ba la mật câu. Giới câu, phi giới câu. Trời, trăng, sao câu, phi trời, trăng, sao câu. Chắc thật câu, phi chắc thật câu. Quả câu, phi quả câu. Khởi diệt câu, phi khởi diệt câu. Trị câu, phi trị câu. Xem tướng câu, chẳng xem tướng câu. Chi câu, phi chi câu. Xứ xảo minh câu, phi xứ xảo minh câu. Thiền câu, phi thiền câu. Mê câu, phi mê câu. Hiện câu, chẳng hiện câu; Ứng hộ câu, chẳng ứng hộ câu. Tộc (giòng họ) câu, phi tộc câu. Tiên câu, phi tiên câu. Vua câu, phi vua câu. Nhiếp thọ câu, chẳng nhiếp thọ câu; Báu câu, phi báu câu. Ghi câu, phi ghi câu. Nhứt xiển đề câu, phi nhứt xiển đề câu. Nữ nam chẳng phải nam câu, phi nữ nam chẳng phải nam câu. Mùi câu, chẳng phải mùi câu. Việc câu, chẳng phải việc câu; Thân câu, chẳng phải thân câu. Giác câu, chẳng phải giác câu. Động câu, chẳng phải động câu. Căn câu, chẳng phải căn câu; Hữu vi câu, phi hữu vi câu. Vô vi câu, phi vô vi câu. Nhân quả câu, phi nhân quả câu; sắc cứu cánh câu, phi sắc cứu cánh câu. Đốt (lóng đốt) câu, chẳng phải đốt câu. Rừng cây dây leo câu, chẳng phải rừng cây dây leo câu. Tạp câu, chẳng phải tạp câu; Thuyết câu, phi thuyết câu. Tỳ ni câu, phi tỳ ni câu. Tỳ kheo câu, phi tỳ kheo câu. Xứ câu, phi xứ câu. Chũ câu, chẳng phải chũ câu.

Luận về huệ gồm 108 câu như thế, trước Phật đã nói; người cùng chư đại Bồ Tát cần nên tu học.

Tiếp tụng chú biến thực, cam lồ, phổ cúng dường. Thời tụng kinh này, Thầy Trụ Trì niệm hương, lạy 3 lạy, dâng trà, thức ăn. Cúng bàn phía đông rồi đến bàn phía tây, quanh tới bàn thờ Tổ dâng cúng. Cúng xong trở lại lễ 3 lạy, lại đốt thêm nhang, lạy 3 lạy. Đợi chừ tăng tụng xong, mời một thầy thuyết pháp. Bài pháp xong, Duy Na quỳ gối chấp tay khẩn bạch:

Cung bạch Sơ Tổ xưa ở Tây Thiên, bằng một chiếc thuyền nang tới khai hóa Đông Độ. Hân hạnh thay giáo pháp chánh truyền. Tiếp nối dòng dõi của giác hoàng, hốt nhiên vô thánh, phá trừ mê mờ của nghĩa học, trăm sông đổ ra biển hãn khác dòng. Mặt trời hồng bám vào trời, rỗng rang không đo được bóng hình, chỉ vào tâm người mà thành Phật. Hợp diệu đạo phải quên lời đã làm cho đại chấn tông phong nên có công rất lớn khi giáo huấn. Hiện ra như hoa Đàm nơi đời xấu ác, thật là vị Tổ giữ pháp khí thần châu Đại Thừa đến tận hậu lai. Nay gặp ngày lễ nhập diệt, chúng con sắm chút lễ mọn, những mong tin lời di huấn của Phật Tổ, sức gánh vác nghìn cân. Một bông hoa nở ngoài mùa xuân phảng phất hương thơm vạn đọi. Cẩn bạch trải tác lòng thành kính ngưỡng mong chứng giám.

Đọc xong, xá một xá rồi cử bài tán:

Đức Phật giờ cành hoa

Tổ Ca Diếp mỉm cười

Ý đạo tỏ ngộ rồi

28 Tổ kế thừa

Truyền chánh pháp Như Lai

Tổ Tổ mãi truyền lưu.

(Tinh túy những bài tán Phật, Bồ Tát, tập I, trang 38, Pháp Bảo ấn tống năm 2005 của T.B ảo Lạc dịch).

Chứng nghĩa: Sơ Tổ người nam Thiên Trúc, con thứ 3 của Vua Hương Chí, giòng Sát Đế Lợi, vốn tên là Bồ Đề Đa La. Sau khi gặp Tổ thứ 27, Bát Nhã Đa La tôn giả, biết sư có điếm gì bí mật, nhân đó thử cùng với 2 anh luận việc bố thí bảo châu. Tôn giả đã phát hiện được tâm yếu rằng: người ở trong các pháp đã được thông suốt. Luận Đạt Ma có nghĩa là thông đại pháp nên

Tổ đổi tên thành Đạt Ma. Nhân đổi tên là Bồ Đề Đạt Ma nên Trung Hoa dịch là Giác Pháp. Ngài thừa tôn giả:

- Con đã đắc pháp nên đi đến xứ nào làm Phật sự; mong ân sư từ bi chỉ giáo ?

Tổ đáp:

- Con tuy đắc pháp nhưng chưa thể đi xa được. Và ở lại Nam Thiên (Ấn) đợi sau khi Ta tịch diệt 60, 70 năm nên qua nước Chấn Đán thiết lập đại pháp trực tiếp giúp kẻ thượng căn. Căn thân chớ đi xa về sau sẽ suy kiệt.

Đời Lương niên hiệu Phổ Thông năm thứ 8 nhằm năm Đinh Mùi (520), Ngài vượt Nam Hải đến Quảng Châu, thứ sử Tiêu Ngang dâng biểu cho Vua Võ Đế cho sứ nghinh tiếp. Ngày mùng 1 tháng 10 Ngài đến Kim Lăng cùng đàm đạo với nhà vua nhưng không hợp. Ngày mùng 9 tháng 10 Ngài qua đất Giang Bắc. Ngày 23 tháng 11 Ngài vào Lạc Dương lúc đó nhằm đời Ngụy Hiếu Minh niên hiệu Thái Hòa, năm thứ 10, dừng lại ở chùa Thiếu Lâm núi Cao Sơn và ngồi xoay mặt vào vách tọa thiền. Suốt ngày Ngài làm thình, người đời khó hiểu nên gọi là bích quán Bà La Môn²⁰. Lúc đó tại Chấn Đán kẻ có học chấp tướng phần nhiều kẹt vào danh tướng. Trong số người có học lại chú mục vào tôn chỉ, Tổ nêu tướng chỉ tâm không ai lãnh hội được. May gặp Thần Quang chặt cánh tay cầu an tâm, Ngài truyền y bát và dạy tụng Kinh Lăng Già lấy đó làm tâm ấn. Thái Hà năm thứ 19 ngày 5 tháng 10 năm Bính Thìn, Ngài ngồi kiết già ngay ngắn mà viên tịch. Cùng năm đó, lễ an táng Ngài tại núi Hùng Nhi vào ngày 28 tháng 12 và khởi sự việc xây tháp tại chùa Định Lâm. Về sau này vào đời Hậu Ngụy, Tống Vân đi sứ về gặp Tổ tại Thông Lãnh, vai quảy một chiếc giày hương phía Tây mà đi. Tới Đường Ích Viên Giác đại sư đề tháp là Không quán, nay trên tháp còn ghi lời Kinh tụng Lăng Già 108 câu, là tâm yếu của thiền tông.

Tiếng Phạn Lăng Già, Trung Hoa dịch là không thể trở lại. Nghĩa rõ ràng là cảnh giới, thánh trí, thiền tông tự giác, lia tâm vọng tưởng, ý thức, chẳng phải tà trí có thể đạt được. Tiếng Phạn A Bạt Đa La, Trung Hoa dịch là Vô Thượng, có nghĩa là biết rất rốt ráo, không còn gì trên nên gọi là bảo. Hết thấy chư Phật qua tâm ngữ mà chỉ có Phật với Phật hiểu nhau. Một là tất cả nên chỉ lấy một Kinh làm sáng tỏ. Hiểu rõ nghĩa của tâm, tức hiểu nghĩa trực chỉ của Đạt Ma, cũng hiểu ý nghĩa giờ cảnh hoa của đức Thế Tôn. Như nói: Niết Bàn diệu tâm là để phó chúc cho Tổ thứ 2 mà Kinh Lăng Già quyển 4 nêu làm tâm ấn. Nay lấy 108 câu dựa theo lời đức Thế Tôn đáp chung chỗ

Ngài Đại Huệ đã hỏi. Trong mỗi câu đều có nửa câu trên, nêu hỏi tướng; nửa câu dưới tùy đó quét sạch mối nghi. Dựa tâm chân như quét sạch hết các tướng nên đều gọi là phi, là vô, là lìa. Nói chung ngoài cái tâm này, không pháp có thể thuyết, khiến người tin sâu để tu học như những câu Kinh tụng ở trên cũng giống ý ở đây vậy. Ngài Kính Sơn Diệu Hỷ nói rằng: hậu duệ của thiên, ban đầu do từ đức Thế Tôn giờ cảnh hoa tại hội Linh Sơn chỉ Ca Diếp mỉm cười. Thế Tôn nói: “Ta có chánh pháp nhãn tạng Niết Bàn diệu tâm, nay phó chúc cho người”. Do đây từ đời này sang đời kia truyền thọ nhưng đến đời Đạt Ma, Đạt Ma đến Trung Quốc chủ trương không lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, thấy tánh thành Phật, đó là thiên tông vậy. Cũng như nói: luận Thiên cùng giáo, Luật vốn là một thể. Ví như trăm sông nước đều quy về biển mà không khác vị (vị mặn). Nếu các nhà giáo - luật chỉ chấp văn tự, lời nói hẵn không đạt ý chỉ gốc-ngọn. Như thiên tông dù tọa thiên nhưng bỏ bỏ đoàn chưa hẵn chứng ngộ, cũng là ngọn vậy. Căn cứ theo đó cho thấy thiên, giáo, luật khác tông nhưng đồng gốc chẳng phải hợp nhau chỗ chứng ngộ sao?

---o0o---

1.2 Lễ Kỳ Tổ Bách Trượng

Ngày 29 tháng giêng âm lịch là lễ kỳ Tổ Bách Trượng. Nghi thức giống như cúng Tổ Đạt Ma. Trước hết cử tán:

Nam Mô Nam Nhạc nhị thế Bách Trượng Hoài Hải thiên sư giác linh thù từ chứng giám (3 lần).

Tiếp theo tụng Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phạm Hạnh như:

“Lúc đó Thiên Tử Chánh Niệm, thưa Bồ Tát Pháp Huệ rằng: thưa Phật tử, hết thầy thế giới các chúng Bồ Tát y lời dạy của Phật, bỏ thói nhiễm xuất gia, làm sao đạt phạm hạnh thanh tịnh - từ địa vị Bồ Tát nhanh đạt đạo Bồ Đề?

Pháp Huệ Bồ Tát đáp:

- Nay Phật tử, đại Bồ Tát tu phạm hạnh phải lấy 10 pháp làm điểm tựa, ý nghĩa, quán sát gọi là nương nơi thân – thân nghiệp; nơi miệng - khẩu nghiệp; nơi ý – ý nghiệp. Phật, Pháp, Tăng, giới nên quán xét như thế lấy thân là phạm hạnh ư? Cho đến giới là phạm hạnh ư? Nếu thân là phạm hạnh nên biết phạm hạnh như thế là chẳng thiện, là vì chẳng phải pháp, là vì như

nhiễm, vì xấu ác, bất tịnh, đáng che dấu, vì trái nghịch, vì tạp nhiễm, là như thân chết, là vì vi trùng nhóm. Nếu thân nghiệp là phạm hạnh, thế thì phạm hạnh là đi - đứng - nằm - ngồi; ngó trông 2 bên; co - duỗi - cúi - ngước. Nếu khẩu là phạm hạnh thì phạm hạnh ấy là tiếng nói, hơi thở, môi, lưỡi, cổ họng, súc, nhổ, đưa vào, vắn ép, ngang, cao, thấp, trong, đục. Nếu ngữ nghiệp là phạm hạnh thì phạm hạnh ấy là đứng dậy, hỏi han, nói hẹp, nói rộng, nói thí dụ, nói thẳng, khen, chê, nói an lập, nói theo tục, nói rõ ràng... Nếu ý là phạm hạnh thì phạm hạnh phải là giác, là quán, là phân biệt, nhiều loại phân biệt, là niệm nhớ, đủ thứ nghĩ ngợi, suy tư, đủ thứ suy tư, là hư ảo, là mơ ngủ... Nếu ý nghiệp là phạm hạnh nên biết phạm hạnh ấy là tư tưởng lạnh, nóng, đói, khát, khổ, vui, lo, mừng...

- Nếu Phậ là phạm hạnh, thế Sắc là Phậ ư? Thọ là Phậ? Tưởng là Phậ? Hành là Phậ? Thức là Phậ ư? Tướng là Phậ sao? Tốt là Phậ ư? Thần thông là Phậ? Nghiệp hành là Phậ ư? Quả báo là Phậ ư? Nếu Pháp là phạm hạnh, như thế tịch diệt là pháp? Niết Bàn là pháp? Bất sanh là pháp ư? Bất khởi là pháp? Bất khả thuyết là pháp? Vô phân biệt là pháp? Không chỗ hành là pháp? Không nhóm họp là pháp sao? Không tùy thuận là pháp ư? Không chỗ đắc là pháp ư? Nếu Tăng là phạm hạnh thời lấy quả dự lưu hướng là Tăng? Dự lưu quả là Tăng? Nhứt lai hướng là Tăng? Nhứt lai quả là Tăng? Bất hoàn hướng là Tăng ư? Bất hoàn quả là Tăng sao? A La Hán hướng là Tăng? A La Hán quả là Tăng ư? Ba món minh²¹ là Tăng? Sáu phép thông²² là Tăng ư? Nếu giới là phạm hạnh như vậy lấy đàn tràng làm giới ư? Vấn thanh tịnh là giới? Dạy oai nghi là giới sao? Hỏi ba lần bạch yết ma²³ là giới ư? Hòa Thượng là giới sao? A Xà Lê²⁴ là giới sao? Cạo tóc là giới ư? Mặc đắp y ca sa là giới? Khất thực là giới? Sống nghề chân chánh là giới ư? Đã quán xét như thế không chấp thủ thân, không chỗ vướng buộc tu, không trụ nơi pháp. Quá khứ đã qua, vị lai chưa đến, hiện tại vắng lặng, không có người tạo nghiệp, không kẻ thọ báo. Đời này không di động, biến đổi, trong đó pháp nào là phạm hạnh? Phạm hạnh từ đâu đến? Ai là kẻ sở hữu? Thế nó là gì? Do ai tạo thành mà có? Đó là không, là sắc, là phi sắc, là thọ, phi thọ, là tưởng, phi tưởng, là hành, phi hành, là thức, phi thức. Quán xét như thế cho thấy rằng phạm hạnh không thể đạt được. Các pháp 3 thời đều vắng lặng nên ý không chấp bám, tâm không chướng ngại, việc làm không hai nên phương tiện tự tại. Thọ vô tướng nên quán pháp không tướng để biết Phậ pháp bình đẳng. Vì hết thấy đều là Phậ Pháp và như thế gọi là phạm hạnh thanh tịnh.”

Tiếp theo tụng chú biến thực, cam lồ, phổ cúng dường như nghi cúng kỵ Tô Đạt Ma. Chỉ thay đổi lời bạch:

Cung kính nghe rằng một lời vì thiên hạ ban pháp trong đó có qui củ phép tắc thì muôn đời biết tôn sư trọng đạo, có kỷ có cương (mối giềng) lấy lễ nhạc tông lâm làm thanh; pháp tánh làm phát long tượng; thiên giáo cùng đeo đuôi sự phong phú, vệt đá tảng hưởng lộc trời. Kinh luật đều nhuần nhuyễn như nén vàng thoi ngọc; đáng nên bồi đắp tổ thiên lấy tế tự nên tuân ngày húy nhứt mà cúng kiến. Lại nguyện: Không bỏ tục để cảm được thân thanh tịnh, tiếp nối khêu đèn trí soi sáng đêm tăm tối.

Bạch xong, xá 1 xá; Duy Na cử tán, đại chúng hòa theo:

Bực thầy thiên hạ, truyền bá chánh tông

Tuy tu diệu hạnh trụ pháp chân không

Thiền, luật lâu thông

Muôn đời làm chấn song

Bách Trọng tông phong.

Nam Mô Nam Nhạc nhị thế Bách Trọng Hoài Hải Tồ Sư (tam bái).

Ngoài ra, theo như nghi thức cúng Tổ Đạt Ma. Chứng nghĩa ghi rằng: nơi bàn thờ Tồ, chính giữa thờ Tổ Đạt Ma, bên trái Tổ Bách Trọng, bên phải Tổ Khai Sơn. Tuy do tăng già qui định, nhưng chỉ có thiên tông theo đúng như vậy. Trong khi Luật tông, chính giữa thờ Tổ Đàm Vô Đức, bên trái Tổ Đạo Tuyên, bên phải Tổ Khai Sơn. Tông Sám Ma, ở giữa thờ Ngài Chí Công, bên trái Ngài Ngô Đạt, bên phải Tổ Khai Sơn. Tông Thiên Thai, chính giữa thờ Tổ Long Thọ, bên trái Tổ Trí Giả, bên phải Tổ Khai Sơn. Tông Hiền Thủ, chính giữa thờ Ngài Đỗ Thuận, bên trái Ngài Hiền Thủ, bên phải Tổ Khai Sơn. Tông Từ Ân, chính giữa thờ Ngài Huyền Trang, bên trái Ngài Khuy Cơ, bên phải Tổ Khai Sơn. Tông Pháp Tánh, ở giữa thờ Ngài Tăng Triệu, bên trái Ngài Đạo An, bên phải Tổ Khai Sơn. Mật tông chính giữa thờ Ngài Kim Cang Trí, bên trái thờ Ngài Đại Quang Trí, bên phải thờ Tổ Khai Sơn. Tông Phiền Dịch chính giữa thờ Ngài Ca Diếp Ma Đằng, bên trái Ngài Trúc Pháp Lan, bên phải thờ Tổ Khai Sơn. Tông Tịnh Độ chính giữa thờ Tổ Huệ Viễn, bên trái thờ Tổ Ưu Đàm, bên phải thờ Tổ Khai Sơn.

Cách thờ tự như thế mới làm nổi bật các nhà lập phái, 10 hệ phái không hơn mà các ngày cúng giỗ có ghi đầy đủ trong các sách như Cao Tăng truyện v.v.. Người nào muốn hiểu rộng nên tự tìm tòi, mong mỗi thay! Thờ Tồ từ

lâu nay đã lâu mất dần tôn chỉ, nội việc cúng cũng không biết Tổ nào? Cúng ngày nào? Vong bản đến thế, Phật Pháp làm sao hưng long chứ? Tổ Bách Trượng thực hành đã nói rõ nguyên nghĩa ở trước, nên ở đây không lặp lại nữa. Nay chỉ nói tụng kinh phẩm Phạm Hạnh, điều Thanh Quy Chương 9. Thực hành tuy không giống nhau, nhưng chung vẫn là giữ giới, ngăn lỗi là hình thức các tông giống nhau. Lấy vô sở đắc quán tự tánh; quán lý nếu sáng tỏ; phạm hạnh tự tịnh. Tâm thuần là pháp cùng với pháp ứng hợp nhau; đó là không bị trần cảnh làm chướng ngại. Sự và lý tu song hành, chân và tục không hai thì một phẩm Phạm Hạnh đây thật là hữu ích trợ duyên tu thiền cũng như trợ lực Thanh Quy vậy. Không phải chỉ dâng cúng tụng kinh mà có khi cũng còn cần nên tham cứu lời Tổ dạy nữa.

---o0o---

1.3 Lễ Kỳ Trí Giả Đại Sư

Ngày 24 tháng 11 là lễ giỗ Tổ Thiên Thai Trí Giả đại sư. Nghi thức giống như cúng Tổ Đạt Ma. Trước hết niệm:

Nam Mô Thiên Thai Tông Chủ Trí Giả đại sư (3 lần).

Tụng Kinh Pháp Hoa, kệ Như Lai Thọ Lượng:

Từ khi Tôi thành Phật

Trải qua vô số kiếp

Vô lượng trăm nghìn vạn

Ức a tăng kỳ kiếp

Thường thuyết pháp giáo hóa

Độ vô số chúng sanh

Khiến nhập vào Phật đạo

Đến nay vô lượng kiếp

Vì độ thoát chúng sanh

Phương tiện nhập Niết Bàn

Mà thật không diệt độ
Trụ cõi này thuyết pháp
Ta thường trụ ở đây
Dùng đủ lực thần thông
Khiến chúng sanh điên đảo
Dù gần mà chẳng thấy
Nếu thấy Ta nhập diệt
Rộng cúng dường xá lợi
Thêm đem lòng kính mộ
Mà sanh tâm khát ngưỡng
Chúng sanh đã tin phục
Chân thật ý nhu hòa
Nhất tâm muốn thấy Phật
Không tự mền tiếc thân
Lúc ấy Ta cùng Tăng
Ra khỏi núi Linh Sơn
Ta hay bảo mọi người
Thường ở đây bất diệt
Vì dùng sức phương tiện
Hiện có diệt không diệt
Các cõi có chúng sanh

Kẻ ưa kính tín thành
Ta lại tới nơi đó
Thuyết pháp độ thoát họ
Các người không nghe rõ
Nên nghĩ Ta diệt độ
Ta thấy các chúng sanh
Chìm ngập trong khổ não
Vì thế chẳng hiện thân
Họ sanh lòng khát ngưỡng
Do có tâm mến tưởng
Mới nói pháp thật tướng
Lực thần thông như thế
Trải qua vô số kiếp
Thường tại núi Linh Thứu
Và tại những nơi khác
Chúng sanh thấy kiếp hết
Lúc hỏa tai thiêu sạch
Cõi này Ta an lạc
Trời người thường hân hoan
Vườn rừng cùng lầu các
Bằng vật báu trang nghiêm

Cây báu sai hoa quả
Chúng vui chơi sẵn sàng
Chư thiên đánh trống trời
Những kỹ nhạc thường trôi
Rải hoa Mạn Đà La
Cúng Phật cùng đại chúng
Tịnh Độ Ta chẳng diệt
Nhưng chúng thấy thiêu sạch
Luôn khổ não sợ sệt
Đầy dẫy việc như trên
Do ác nghiệp nhân duyên
Tội báo chúng gây nên
Qua vô số kiếp liền
Không nghe tên Tam Bảo
công đức những ai tạo
Tâm nhu hòa chánh trực
Đều được thấy thân Ta
Đang hiện thân thuyết pháp
Hoặc có lúc vì chúng
Nói Phật thọ vô lượng
Kẻ lâu không thấy Phật

Bèn cho Phật khó gặp
Trí lực Phật như thể
Tuệ quang chiếu khắp cùng
Thọ mạng không thể lường
Nhân tu lâu chứng được
Kẻ trí các người thường
Chớ sanh tâm nghi tưởng
Phải dứt nghi vĩnh viễn
Lời Phật thật không dối
Nhu lương y phương tiện
Chữa trị đưa con hoang
Cha sống mà nói chết
Lời này chẳng dối gian
Ta cũng như người cha
Cứu thoát bao khổ nạn
Vì phạm phu điên đảo
Ta còn, nói thác oan
Những ai thường thấy Phật
Mà sanh lòng kiêu căng
Buông lung theo ngũ dục
Rơi vào đường xấu ác

Ta cũng biết các hạng

Tu tập, kẻ chẳng tu

Tùy đó mà độ họ

Nói pháp hợp căn cơ

Mỗi loài tự nghĩ suy

Tự biết phải làm gì

Đạt được vô thượng trí

Mau thành Phật uy nghi.

Tiếp theo tụng chú biến thực, cam lồ, phổ cúng dường v. v... như nghi thức cúng Tổ Đạt Ma, tuy chỉ thay đổi lời bạch như sau:

Cung kính nghe rằng, đức Như Lai một đời giáo hóa, đời sau nhắc lại các triết thuyết đã tuyên dương. Chúng sanh 6 thức mê lầm, ngưỡng trông bậc đạo sư giác ngộ. Vì vậy, Ngài hóa hiện nơi cõi người, giáng sanh chỗ phức tạp, phiền hoa. Thánh đức đủ đầy, mộng thấy khói hương 5 sắc; thần kỳ hiện tướng; phẩm cách phi thường. Tụng Pháp Hoa mà vào định, thấy Linh Thứu hiển bày, cảm kích Kim Lăng, thoát áo quan mà thuyết pháp; thân cao chót vót ở chóp đài nơi đất vàng để chuyển pháp luân. Từ đây giáo pháp truyền thừa muôn đời không dứt, còn lại sắc thân thị tịch, 5 uẩn tạm nương. Nay nhân lễ hỷ nhật, sắm sửa lễ phẩm cúng dường, ngưỡng mong chiếu giám, làm điểm sáng cho người sau.

Tiếp theo đại chúng cùng tán:

Linh Sơn phó chúc,

Kim khẩu truyền thừa,

Như Lai giao trọng nhiệm đảm đương,

Ba quán tỏ tường soi chiếu,

Tổ Tổ kế lưu truyền,

Đèn pháp mãi sáng vô biên.

Nam Mô Thiên Thai tông chủ Trí Giả đại sư (3 lạy).

Chúng nghĩa ghi rằng: Tông chủ Thiên Thai là Ngài Trí nghiêm, tự là Đức An, họ Trần nguyên quán tại Dĩnh Xuyên. Cha làm lương tán kỵ tử Dương Công Trần, mẹ họ Từ. Sự tích cuộc đời Ngài xem Tục Cao Tăng truyện, quyển 21 và sách riêng có đăng tải. Ngài tịch ngày 24 tháng 11 năm Khai Hoàng 17 đời Tùy, hưởng thọ 67 tuổi. Căn cứ theo việc tụng Kinh Pháp Hoa của Ngài phẩm Dược Vương đến câu:

Là chân thật tinh tấn

Gọi là chân pháp cúng

Cúng dường đức Như Lai.

Hốt nhiên đại ngộ chứng được Pháp Hoa tam muội, tinh hoa của Kinh Pháp Hoa, bình luận một đời Phật giáo hóa và dẫn phẩm Tín Giải để phân định 5 thời thuyết giáo. Quan trọng ở chỗ Như Lai phóng một đạo hào quang trắng ánh sáng thấu đến 10 pháp giới, 6 độ vạn hạnh, cho nên nói tri kiến Phật sớm đã quay lượn bay đi. Do trong chúng không ngộ nên Xá Lợi Phất 3 lần thỉnh Phật thuyết pháp. Phật vì khai quyền hiển thật mà khai khẩu nói pháp do một đại sự nhân duyên duy nhất Ngài xuất hiện ra đời. Đó là không ngoài khai thị chúng sanh tỏ ngộ tri kiến Phật, đến phẩm Như Lai thọ lượng này nói đến tột cùng nguồn chơn, vì mọi người mà phá nốt. Song Phật, hiện Niết Bàn mà Ngài Trí Giả cũng hiện diệt độ. Nay là ngày lễ kỷ niệm Ngài, đại chúng tụng phẩm Kinh này chính để cho thấy rõ không phải chỉ vì Phật, Tổ mà không nhập Niết Bàn. Vậy nên phàm phu chúng ta đã từng ở trong sanh tử lâu dài. Người bị khổ luân hồi trong sanh tử bèn vọng tưởng là do nhân duyên. Nếu lìa vọng tưởng vốn hiện 3 thân, bốn trí, Niết Bàn - sanh tử sánh như không hoa, do tụng phẩm Kinh này mà được mở bày ngộ tri kiến Phật.

---o0o---

1.4 Lễ Kỵ Ngài Pháp Sư Hiện Thủ

Ngày 14 tháng 11 lễ kỵ Tông chủ Hiện Thủ, là Quốc Nhất, là tạng Tổ kỵ. Nghi thức giống như cúng Tổ Đạt Ma: Nam Mô Hiện Thủ Tông Chủ quốc nhất pháp sư (3 lần). Tiếp theo tụng Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, phẩm Như Lai xuất hiện ra đời:

Này Phật tử, Đại Bồ Tát phải làm sao để biết Như Lai Chánh Đẳng giác nhập Niết Bàn? Này Phật tử, đại Bồ Tát muốn biết Như Lai nhập đại niết bàn cần phải biết rõ tự tánh căn bản chân thật NHƯ là Niết Bàn, Như Lai Niết Bàn cũng thế. Như thật tế Niết Bàn, Như Lai Niết Bàn cũng thế. Như pháp giới Niết Bàn, Như Lai Niết Bàn cũng thế. Như hư không Niết Bàn, Như Lai Niết Bàn cũng thế. Như pháp tánh Niết Bàn, Như Lai Niết Bàn cũng thế. Như ly dục Niết Bàn, Như Lai Niết Bàn cũng thế. Như vô tướng tế Niết Bàn, Như Lai Niết Bàn cũng thế. Như ngã tánh tế Niết Bàn, Như Lai Niết Bàn cũng thế. Như hết thấy pháp tánh tế Niết Bàn, Như Lai Niết Bàn cũng thế. Như chân như tế Niết Bàn, Như Lai Niết Bàn cũng thế. Tại sao? Vì Niết Bàn không sanh không xuất. Nếu pháp không sanh, không xuất thì không có diệt.

Này Phật tử, Như Lai không vì Bồ Tát mà nói Niết Bàn rốt ráo của Như Lai cũng không vì sự thị hiện kia mà nói Niết Bàn. Tại sao? Vì muốn làm chúng sanh thấy tất cả thường trụ của Như Lai về trước, trong một niệm thấy chư Phật quá khứ, vị lai sắc tướng tròn đầy như hiện tại; cũng không khởi hai chướng ngại tướng. Tại sao? Vì đại Bồ Tát xa lìa hết thấy mọi chấp tướng. Này Phật tử, chư Phật Như Lai vì làm cho chúng sanh sanh tâm hoan mà xuất hiện ra đời, muốn làm cho chúng sanh có lòng luyến mộ mà hiện Niết Bàn nhưng thật Phật không có ra đời cũng không Niết Bàn. Tại sao? Vì Phật thường trụ cảnh giới thanh tịnh, tùy theo tâm chúng sanh mà thị hiện Niết Bàn.

Này Phật tử, ví như mặt trời mọc chiếu sáng khắp thế gian, vào nơi tất cả đồ chứa nước sạch mà không hiện bóng. Này Phật tử, ý ông nghĩ sao, bóng mặt trời không hiện là mặt trời có lỗi không?

Đáp: Không có lỗi. Chỉ do đồ chứa hư (bể) không phải lỗi ở mặt trời. Này Phật tử, trí Như Lai cũng như thế, chiếu sáng khắp pháp giới không có trước sau. Tất cả chúng sanh tâm lắng thanh tịnh, Phật hiện thân ngay; tâm tánh thường lóng trong luôn thấy Phật hiện. Nếu tâm dơ vật hồng không thấy Phật.

Này Phật tử, nếu có chúng sanh phải dùng Niết Bàn mà độ đó Phật hiện Niết Bàn, nhưng thật Như Lai không sanh không diệt, không có diệt độ. Này Phật tử, thí dụ như lửa cháy lớn khắp hết thế gian, ai cũng phải lo chữa cháy hoặc có nơi một lúc, lửa liền tiêu hết. Ý Ông nghĩ thế nào, tất cả lửa thế gian đều dứt hết chăng?

Đáp: Không thể dứt hết. Nay Phật tử, Như lai hiện Chánh Đẳng giác cũng lại như thế, trong các thế giới làm các Phật sự hoặc nơi một thế giới làm việc xong mới thị hiện Niết Bàn; đâu phải các thế giới chư Phật Như Lai đều diệt độ hết cả đâu! Nay Phật tử, đại Bồ Tát phải biết như thế, Như Lai hiện Chánh Đẳng giác, nhập đại Niết Bàn. Lại này Phật tử, ví như huyền sư khéo làm trò huyền thuật, vì lực huyền thuật trong hết thấy mọi quốc độ ở 3000 đại thiên thế giới nào thành ấp, xóm làng hiện thân huyền. Vì duy trì lực huyền trải qua kiếp số mà tồn tại, nhưng nơi các xứ khác việc huyền đã xong, huyền sư ẩn thân không hiện.

Này Phật tử, ý Ông nghĩ thế nào, đại huyền sư kia đâu phải ở một nơi ẩn thân không hiện mà làm cho tất cả mọi nơi đều diệt hết sao?

Đáp: Không phải như vậy.

Này Phật tử, Như Lai hiện Chánh Đẳng giác cũng lại như thế. Khéo biết vô số trí phương tiện bằng mọi huyền thuật trong các cõi mà hiện thân khắp nơi; giữ cho luôn tồn tại đến vị lai tế hoặc ở một nơi, tùy theo tâm chúng sanh mà làm việc xong lại thị hiện Niết Bàn. Đâu có thể lấy một nơi nhập Niết Bàn mà cho là tất cả đều diệt độ. Nay Phật tử, đại Bồ Tát phải biết như thế, Như Lai hiện Chánh Đẳng giác, đại Niết Bàn. Lại này Phật tử, Như Lai hiện Chánh Đẳng giác lúc hiện Niết Bàn nhập bất động tam muội, khi vào tam muội này trong mỗi mỗi thân đều phóng ra vô lượng trăm nghìn ức vô số ánh sáng lớn; mỗi ánh sáng đó xuất vô số lượng hoa sen. Mỗi hoa có vô số nhụy hoa báu, mỗi nhụy hoa có một tòa sư tử. Trên mỗi tòa sư tử đều có Phật ngồi kiết già thiền định, các đức Phật phân thân vô số hợp với số chúng sanh đều đầy đủ công đức trang nghiêm. Do bản nguyện lực phát sanh, nếu có chúng sanh thiện căn thuần thực thấy được thân Phật đều được Phật giáo hóa. Song thân Phật kia ở trong ngàn mé đời vị lai hoàn toàn an trụ tùy cơ hóa độ hết thấy chúng sanh chưa từng thôi nghỉ. Nay Phật tử, thân Như lai không ở một phương sở nào, chẳng thật chẳng hư, chỉ vì bản thể nguyện chư Phật mới kham độ chúng sanh, bèn xuất thế. Đại Bồ Tát phải biết như thế, Như Lai hiện Chánh Đẳng giác đại Niết Bàn. Nay Phật tử, Như Lai trụ trong vô số pháp giới, an ổn vô ngại cõi hư không, chân như pháp tánh không sanh không diệt. Và vì thật tế, vì chúng sanh tùy lúc thị hiện để duy trì bản nguyện không có chấm dứt; không bỏ chúng sanh, cõi nước và các pháp.

Tiếp theo tụng chú biến thực, cam lồ, phổ cúng dường như nghi cúng Tổ Đạt Ma, chỉ thay đổi lời bạch:

Cung kính nghe rằng pháp sư, theo dấu Thiên Thai tôn xưng Hiền Thủ, là Tông chủ tông Hoa Nghiêm, thành một nhà giáo quán. Nhưng một tôn chỉ ở Kỳ Châu muốn ngộ Phật thừa, giảng pháp đại thừa vào đời Đường bọn tả đạo hồi tâm. Từ đó 10 tông thành lập, 5 phái thường còn làm kim chỉ nam của ngàn sau, làm thầy dạy pháp cho muôn đời... Nay gặp ngày húy nhật Ngài xin phụng hiến hương hoa cúng dường kỷ niệm. Lại nguyện, đèn trí sáng soi mãi mãi, ấn Tổ rạng ngời, xin gia hộ cho người sau tiếp tục duy trì tông phong lâu dài.

Bạch xong, đại chúng cử tán bài:

Lành thay Hiền Thủ

Mô phạm muôn đời

Bao năm lập nguyện truyền thừa

Chí cầu pháp mạch sâu

Trước thuật mãi truyền lưu

Chớ bàn chỗ thâm huyền

Nam Mô Hiền Thủ tông chủ Quốc Nhất pháp sư (3 lạy).

Chúng nghĩa ghi rằng: Tông Chủ húy là Pháp Tạng, tự Hiền Thủ, Vua phong là Ích hiệu Quốc Nhất, là Tổ thứ 3 tông Hoa Nghiêm ở Đông Độ. Ngài họ Khương, người nước Khương Cư sinh ngày mùng 2 tháng 11 năm Trinh Quán thứ 17 đời Đường, cùng với ngài Thiên Thai Trí Giả trước sau gần 200 năm, chuyên giảng Kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm có 1 phẩm là Hiền Thủ, lại là trong 10 vị Bồ Tát có một vị tên Hiền Thủ. Nên lấy 2 chữ Hiền Thủ đặt pháp tự; cũng như lấy chữ này thành lập tông. Cũng giống lập giáo quán tông Thiên Thai có chỗ đại đồng tiểu dị. Phần Kinh tụng ở trên, phẩm Như Lai xuất hiện chương Niết Bàn, lấy lời dạy chính của Phật thành lập tông, mà nay việc cúng giỗ thích nghi vậy. Tông Thiên Thai dùng Kinh Pháp Hoa phẩm Thọ Lượng cũng là ý này. Về sau ngày giỗ kỵ tụng Kinh phần nhiều tụng Tâm Kinh, chú vãng sanh hoặc tụng Kinh A Di Đà, nếu cúng trước linh của người thế tục. Như các bậc Tổ Sư cao tăng sớm đã ra khỏi 3 cõi đâu có như phạm phu mà cầu siêu độ ư? Cho nên đối với chư Tổ mỗi vị tùy theo tông phái mà tụng niệm cho thích hợp. Như Tổ Thiên Đạt Ma ở trước tụng 108 câu Kinh Lăng Già, lấy tâm ấn thiên tông, không như

108 câu ở đây. Tổ Bách Trượng ở trước tụng phẩm Phạm Hạnh, Kinh Hoa Nghiêm lấy chỗ giống với Thanh Quy. Lại như Đạo Tuyên luật sư tụng bài kệ Kinh Phạm Võng; Liên Xã Tổ Huệ Viễn tụng chương Đại Thế Chí. Ngăn các môn phái không đặt lẫn lộn cho con cháu, dễ nắm rõ mỗi tông về tôn chỉ riêng mà sự linh hiển của chư Tổ cũng gia tăng theo sự yêu thích riêng. Ý nghĩa chung không đặt thẳng thừng, theo danh tham khảo thích hợp cơ nghi. Tuy mới bỏ túc cho lớp sau, nhưng cúng chư Tổ cũng phải giữ nguyên kế tục như trước như mỗi phái đã có quy định.

---o0o---

1.5 Giỗ Đạo Tuyên Luật Sư

Ngày mồng 3 tháng 10 lễ giỗ Nam Sơn tông chủ, Đạo Tuyên luật sư. Nghi thức giống như cúng Tổ Đạt Ma. Trước tiên cử tán: Nam Mô Nam Sơn tông chủ Đạo Tuyên luật sư (3 lần).

Tiếp theo tụng Kinh Phạm Võng, bài kệ phẩm Bồ Tát tâm địa rằng:

Người sáng nhãn huệ mạnh

Trong lúc đạo chưa thành

Hay giữ được pháp này

Đạt được năm điều lợi:

Một là 10 phương Phật

Thương tưởng hộ niệm luôn

Hai là lúc mạng chung

Chánh niệm tâm hoan hỷ

Ba là sanh chỗ nào

Bồ Tát kết bạn lữ

Bốn là nhóm công đức

Giới độ đều thành tựu

Năm là đời này, đời sau

Phước huệ trọn đầy đủ.

Như thế, này chư Phật tử, kẻ trí khéo suy nghĩ: người nào ưa chấp ngã trước tướng không có khả năng tin pháp này. Người thọ diệt chấp chứng đắc cũng không hạ quyết tâm gieo căn lành; muốn nảy mầm Bồ Đề sáng soi rọi thế gian, phải nên quán sát kỹ. Các pháp tướng chân thật, không sanh cũng không diệt; không thường cũng không đoạn; không một cũng không khác; không đến cũng không đi; trong thể nhứt tâm ấy, phương tiện để trang nghiêm. Chỗ đáng làm của Bồ Tát cần phải tuần tự học:

nơi học nơi vô học, chớ sanh tướng phân biệt. Đó gọi là đệ nhứt đạo, cũng gọi là ma ha diễn; hết thấy ác hý luận, ắt theo đó mà tiêu diệt. Chư Phật tướng vắng lặng, hẳn từ đây ra. Vì thế chư Phật tử, nên phát tâm đại dũng mãnh nơi tịnh giới chư Phật gìn sạch như minh châu. Chư Bồ Tát quá khứ cũng đã học như thế, và vị lai sẽ học, hiện tại nay đang học. Đây là Phật hành xứ, bậc thánh chúa xưng tán. Ta đã tùy thuận nói phước đức, nhóm không lường đem ban cho chúng sanh, cùng hướng tới nhứt thiết trí. Nguyện người nghe pháp này, chóng đạt thành Phật đạo.

Tiếp theo tụng chú biến thực, cam lồ, phổ cúng dường... giống nghi cúng Tổ Đạt Ma, chỉ thay đổi lời bạch như:

Cung kính nghe rằng giới luật còn ở đời, Thánh đạo vững bền. Ngài Ưu Ba Ly kết tập luật tại Ấn Độ; còn đại sư xuất thân nơi Đông Độ, kế thừa lãnh đạo, truyền pháp tại Chung Nam (Nam Sơn), Trung Hoa, cùng ngưỡng phục, giới quang tinh khiết được tôn xưng luật chủ. Cảm kích sự hộ vệ của trời người, nhận rằng Phật (Xá Lợi) để biểu tượng. Y theo Phật dạy mà lập giới đàn cho đời sau nương theo mãi mãi; theo lời chư thiên để tập truyền ký, bao hàm tư liệu thời mạt pháp. Nay gặp ngày húy nhựt tôn sư xin tỏ chút lòng thành tinh khiết. Lại nguyện, luật nghi vững thanh, ấn Tổ thêm tỏ rạng, hương giới phủ che khắp 9 châu; mưa pháp đượm nhuần trong 7 chúng.

Tiếp theo cử tán:

Ưu Ba Ly tái thế

Luật học đang phát huy

Giáo chủ Nam Sơn âm chấn động

Ba tụ (giới) hai trì biển giới lóng trong

Chánh pháp mãi mãi hưng long.

Nam Mô Nam Sơn tông chủ Đạo Tuyên Trừng Chiếu luật sư (3 lạy).

Chúng nghĩa ghi rằng: Tông chủ húy Đạo Tuyên, tự Thật Tướng, hiệu Trừng Chiếu, là Tổ nguyên sơ làm hưng long luật tông. Đòi Đường Cao Tông sắc phong là Thiên Hạ tự viện, cho lập đồ hình tạc tượng phụng thờ. Khải Tông sắc phong Ích Trừng Chiếu Thánh Sư, có đăng tải đầy đủ trong Tổng Cao Tăng truyện quyển 14. Nay dâng cúng tụng Kinh Phạm Võng bài kệ cuối cùng phân thành 3 đoạn:

Đoạn 1, 16 câu: tánh thường ý nghĩa trì giới có lợi ích

Đoạn 2, 24 câu: quán sát thật tướng ý nghĩa giới thể

Đoạn 3, 16 câu: khuyên giữ gìn tịnh giới và ý nghĩa hồi hướng tự lợi cũng như lợi tha.

Ngưỡng nguyện nhân lễ dâng cúng này mà niệm nghĩ khắc ghi nơi tâm thức. Cũng có thể phát nguyện tụng 2 giới, xem chương Trụ Trì ở sau, phần dâng hương; nên tụng nhuần nhuyễn mới tinh tâm mà tự răn dè mình đó.

---o0o---

1.6 Húy Nhựt Huệ Viễn Tổ Sư

Ngày mồng 6 tháng 8 là lễ giỗ Tịnh Độ tông chủ Huệ Viễn lão Tổ. Giống như nghi thức cúng Tổ Đạt Ma. Trước hết cử tán:

Nam Mô Liên Tông Sơ Tổ Huệ Viễn Tổ Sư (3 lạy).

Tiếp theo tụng Kinh Thủ Lăng Nghiêm - Đại Phật đánh Như Lai mật ngôn tu chứng liễu nghĩa chư Bồ Tát vạn hạnh - Đại Thế Chí con đấng Pháp Vương cùng 52 Bồ Tát đồng hàng từ tòa ngai đứng dậy đánh lễ chân Phật và bạch rằng: bạch đức Thế Tôn, con nhớ trong quá khứ vô số kiếp về trước có đức Phật xuất thế hiệu là Vô Lượng Quang với 12 đức Như Lai kế tục trong một kiếp. Đức Phật sau cùng hiệu là Siêu Nhựt Nguyệt Quang, vị Phật ấy dạy niệm Phật tam muội. Như có một người chuyên tâm nhớ nghĩ, còn một người ưa quên, 2 người ấy, nếu có gặp nhau cũng như không gặp, hoặc có

thấy mà như chẳng thấy nhau. Còn nếu cả hai người cùng nhớ nghĩ và cả 2 nghĩ sâu sắc, như thế từ kiếp này sang kiếp khác như bóng theo hình không thể rời nhau. Mười phương chư Phật thương nghĩ chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu con có mất đi, mẹ nghĩ không biết con đang làm gì. Lúc con nhớ mẹ, mẹ nhớ con; mẹ con dù sanh ở đâu không phải là quá xa cách. Cũng như tâm chúng sanh nhớ Phật niệm Phật ở hiện tại hay trong tương lai, quyết định thấy Phật, cách Phật không xa. Không mượn phương tiện tâm tự khai ngộ, như người xoa nước hoa, thân thoảng mùi thơm. Đây gọi là hương thơm trang sức. Nhân gốc của ta là dùng tâm niệm Phật nhập vô sanh nhẫn. Nay ở cõi này, người nhiếp tâm niệm Phật sanh về Tịnh Độ.

Phật bảo Bồ Tát Viên Thông: Ta không chọn lựa mà đều giữ gìn 6 căn tịnh niệm liên tục đạt được tam ma địa (đại định) đây là đệ nhất.

Tiếp tụng chú vãng sanh 3 lần, niệm Phật 108 hiệu. Kế tụng chú biến thực, cam lồ, phổ cúng dường. Duy Na quỳ gối chấp tay bạch rằng:

Cung kính nghe rằng tịnh nghiệp Tông Chủ tên thật là Viên Công, hiện dấu tích còn tại Nhạn Môn, mở pháp xây nền thống nhất 123 người cùng một ý sanh Tây phương. Duy chọn ngày 28 tháng 7 là ngày hiệp kỵ tại Đông Lâm Xã mà thiên hạ tôn ngưỡng phong cách cao vời của các Ngài. Giáo thuyết Tây phương mãi mãi thơm hương, muôn đời thấm nhuần hồng ân. Nay là ngày tốt sen đang đua nở, chúng con chí thành dâng nén tâm hương cúng dường tưởng niệm.

Lại nguyện, không quên bốn thế theo Đức Di Đà dẫn dắt thuyền từ độ khắp, đưa rước chúng sanh về nơi an dưỡng quốc.

Tiếp theo cử tán:

Đại nguyện thứ nhất, quán tưởng Di Đà

Bốn mươi tám nguyện độ Ta Bà

Chín phẩm hiện liên hoa

Lưới vàng giăng bủa khắp

Cứu chúng sanh vượt ái hà (sông ái).

Nam Mô Tịnh Nghiệp tông chủ Viên Công Tổ Sư (3 lạy).

Chúng nghĩa ghi rằng: Tông chủ ghi trong các liệt truyện: xuất Cao Tăng Truyện quyển 6, ở đây không nêu ra hết. Dâng cúng tụng phẩm Đại Thế Chí chương niệm Phật Viên Thông. Lấy chương này khai thị rất là chánh đáng. Ngài U Khê giải thích rằng, niệm Phật tam muội là người niệm Phật đem tâm duyên với Phật, lấy Phật buộc tâm; tâm tâm tương tục không hề gián đoạn. Lúc đó một tâm không khởi, ngoại cảnh không xâm. Tự quay trở lại ban đầu hoàn toàn đảo ngược. Đúng không thọ những gì phải thọ mà được sao? Thọ đúng nên gọi là niệm Phật tam muội. Trước nêu ra thí dụ: như một người chuyên nhớ nghĩ, ví như Phật nghĩ tới chúng sanh, làm thế nào cứu ra khỏi 3 cõi. Một người ưa quên, dù chúng sanh chỉ vì tham 5 trần cảnh mà chịu khổ trong 6 đường. Giữa 2 người đó dù gặp nhau cũng như không gặp; có thấy nhau cũng như không thấy. Cũng như Phật luôn thấy chúng sanh mà chúng sanh thường không gặp thấy Phật. Thí dụ này cho thấy chúng sanh bỏ mất không niệm Phật. Hai người nhớ nhau, dù như khi Phật nhớ chúng sanh, chúng sanh lúc đó cũng nhớ Phật mới gọi là 2 bên nhớ nghĩ sâu. Nên niệm nghĩ như thế thì đời đời thường thấy Phật, nơi mỗi quốc độ thấy được Như Lai. Nên nói rằng, như thế cho đến từ đời này sang kiếp khác giống như bóng với hình không lìa nhau. Kế tiếp thí dụ người mẹ và đứa con là đúng nhất. Như Lai thương nghĩ chúng sanh như mẹ nhớ con, hợp nhau ở điểm chuyên nhớ nghĩ. Như con có chết mẹ nghĩ không biết con đang làm gì. Hoặc giả như một người ưa quên, đây dụ cho người bỏ mất không niệm Phật. Kế đến người chuyên niệm Phật, như con nhớ mẹ. Chỉ cách để nhớ mẹ đang lúc mẹ nhớ con. Người niệm Phật dùng công phu miên mật không một khắc nghĩ tới 5 món dục thế trần đây gọi là buộc niệm, mới gọi được là như lúc mẹ nhớ con. Mẹ con dù ở đâu cũng không xa cách nhau vậy. Lại nhớ Phật là luôn niệm nghĩ tương; niệm Phật là tâm chú ý một cảnh thì trong hiện tại và tương lai quyết định thấy Phật. Trước mắt như Ngài Viên Công, thấy 3 loại Thánh tướng, tương lai là lúc lâm chung được Phật tới rước, cho đến như hoa nở thấy Phật, cách Phật không xa, vì người niệm Phật không chỉ thấy Phật mà cũng thấy gần Phật, chẳng lâu sau chắc chắn thành Phật. Không mượn phương tiện tự tâm đạt khai ngộ, có nghĩa tự cất tiếng niệm, là duyên với cảnh Phật. Sự lý viên dung, năng-sở dứt đối đãi, có nghĩa ta là nhân chính dùng tâm niệm Phật nhập vô sanh nhẫn. Nếu không như thế cũng khó chứng ngộ vô sanh. Không mượn phương tiện là tin không sai, như người xúc nước hoa, dù chúng sanh vốn không phải Phật, nhân niệm Phật mà có hương thơm của Phật gọi là hương trang sức. Phật tròn đầy do niệm Phật mà hiển bày; niệm nhờ Phật mà huân sâu. Có nghĩa lấy hương pháp thân chư Phật mà trang sức chẳng? Sắc thân chúng sanh vốn nhân 3 câu: Kết tự hành nhân quả tương ứng nay ở cõi này có 3 câu mà quả ấy về sau lợi người, lấy đó làm tự độ. Lấy đây dạy người cũng như lấy lực này mà nhiếp

hóa chúng sanh. Ta không chọn lựa mà đều thu nhiếp 6 căn. Niệm thuộc về ý căn nên nhận biết, tu tập cũng đều thâm nhiếp các căn, căn căn niệm Phật vậy. Ý căn nếu thanh tịnh hẳn các căn đều thu nhiếp cho nên nói không chọn lựa là vậy. Trong thời gian hành trì chỉ niệm Phật Di Đà, và cầu sanh Tịnh Độ, niệm không gián đoạn, tức niệm thanh tịnh liên tục. Niệm Phật theo phương pháp đó thật là vượt hơn các pháp môn khác, nên nói rằng nhập tam ma địa, là như vậy.

---o0o---

1.7 Cúng Tổ Khai Sơn

Phàm gặp ngày giỗ Tổ Khai Sơn bốn tự hay ngày giỗ lịch đại chư Tổ, tri khách phải cho chúng biết trước, bạch qua vị Trụ Trì và ra thông báo gọi đại phát thanh, đăng báo. Thông báo viết: ngày mai là ngày... tháng... năm... gặp ngày kỵ Tổ, xin đại chúng sáng sau thời Kinh Lăng Nghiêm vân tập vào chánh điện lễ Phật, cúng ngọc. Thụ giả vào hậu Tổ thiết đặt hình hoặc tượng Tổ trang nghiêm, dâng hoa quả, một vài món thức ăn để gọi là cúng tiến thực. Sắp đặt hương đèn, trà bánh buổi tối đó, nghe 3 hồi kiếng đại chúng tập hợp trước bàn thờ Tổ, thầy Trụ Trì niệm hương, dâng trà cúng, lạy 3 lạy. Duy Na xướng cho đại chúng cùng lạy Tổ 3 lạy. Lạy xong, lui ra hoặc dự thời tụng Kinh.

Thầy Duy Na và Tri Khách phải mời các thầy tham gia lễ tụng. Nghi thức giống như cúng Tổ Đạt Ma trước. Tới giờ cúng ngọc, đại chúng vân tập đại điện, thầy Trụ Trì niệm hương, xong lạy 3 lạy. Duy Na cử tán bài Lưu Hương... Tiếp theo hoặc tụng Kinh Di Đà hay chỉ cúng ngọc. Xong tất cả đến nhà Tây. Trước Trụ Trì chúng đứng 2 bên, đứng theo thứ tự, mỗi bên 6 người thành một ban trên dưới, gần phía trước cửa đứng ngay ngắn. Thủ Tòa vào nhà Tây, Thầy Trụ Trì, Duy Na 3 người quỳ để, 2 thầy Tri Khách đứng hầu 2 bên tượng, tuần tự dâng thức ăn lên cúng Tổ, các thầy tiếp đồ hiến cúng để lên bàn thờ; kế dâng trà, thứ tự từ vị đầu mỗi người châm trà một lượt truyền cho Thủ Tòa. Thủ Tòa bung ngay ngắn đưa sang Thầy Trụ Trì. Thầy Trụ Trì châm trà xong chuyển sang ban phía Tây theo thứ tự, tới điểm phạn xong, tụng chú biến thực, cam lồ thủy, phổ cúng dường...

Mời Hòa Thượng Phương Trượng đứng chính giữa, đại chúng đứng 2 bên, tụng Kinh Di Đà xong mới tụng chú và niệm danh hiệu Phật 108 biến. Duy Na cử tán, tùy nghi tán bài nào thích hợp và đợi Thầy Trụ Trì châm trà và lạy xong, bài tán chấm dứt. Duy Na xướng, đại chúng lạy Tổ 3 lạy. Lễ Tổ xong, xướng đánh lễ Hòa Thượng xong, đại chúng lui về chỗ. Đây chỉ cho

Tổ Khai Sơn, các Tổ Trung Hưng (kế thừa), kế thừa thọ học như Thầy thế độ (xuống tóc cho ta) cũng như vậy. Các Tổ khác không có tụng kinh, cũng không nhất nhất quỳ cúng mà chỉ dâng cúng trà mà thôi. Song Tổ Khai Sơn là người có công với bốn tự và chỉ định trụ trì mới vào đúng vị; nhận sự lễ lạy của đại chúng. Không thể so sánh giống nhau, các lễ kỵ khác làm đơn giản, không nên lâm lẩn.

Chúng nghĩa ghi rằng: đây là báo đáp ân đức sáng lập, cùng kế thừa để duy trì pháp mạch. Uống nước nhớ nguồn, ngày lễ cúng giỗ không nên quên sót.

---o0o---

1.8 Lễ Cúng Thầy Nội Thừa Pháp

Phàm gặp ngày giỗ bốn sư nối thừa pháp. Những phẩm vật cúng đã nói đầy đủ phía trên. Riêng Phật sự này Thầy Trụ Trì phải tự xuất tiền chi dụng, và mở kho lấy vật liệu thiết trí đầy đủ. Nhờ thư ký viết một lá sớ, giả như không có lòng sớ nào đầy đủ hơn nên dựa sớ này mà viết; phải ghi đầy đủ quê quán, năm sanh, ngày mất của Thầy như sau:

Kính ôn lại bốn sư, tánh người hiền hậu, dứt tuyệt tướng ngã nhơn, nói giòng mô phạm tông lâm, hạnh giống như Tổ Bách Trượng, đường đường tăng tướng, đức vượt cao phong, truyền tâm đặng đời thứ... giòng Lâm Tế; ngón tay vạch mây thấy trăng; nương dấu tích mà hạ sanh hưởng thọ... năm trong trần thế, đáp tạ trần lao mà quay gót quy thân. Nay gặp ngày húy nhật, môn nhơn đệ tử chúng con rất trân quý ví như mầm non được thừa ân y bát. Do vậy vân tập chúng tụng kinh... nhứt diên, trái tâm thành trước Từ Tôn bày pháp tịch của nhơn thiên. Nguyên đem công đức này kính mong đền đáp phần nào công ơn trong muôn một.

Lại mong trên đỉnh Linh Thứu trước kia đấng Diệu Giác cao siêu chiếu ánh quang vào cõi này thân thường lạc phi tướng. Môn nhơn chúng con chí thành dâng sớ. Phật lịch 2551.. ngày... tháng ...năm 2007.

Chúng nghĩa ghi rằng: Đây là việc báo ân truyền pháp. Cha mẹ sanh ra sắc thân ta, bốn sư sanh pháp thân huệ mạng cho ta. Sắc thân giả tạm không thật; huệ mạng lợi ích vô cùng. Đó là ân cha mẹ mà còn báo đền, huống nữa ân Thầy lại càng khó đáp báo hơn. Mạo muội dâng chút rau dưa tâm thành mà chẳng lưu ý đó sao? Cũng như Ba Lãng ba lần chuyển ngữ làm cho Vân Môn lễ giỗ cúng thầy. Bậc tiền bối dụng tâm sâu sắc như thế, nhưng ngày nay trong thời mạt pháp không nghĩ tới sự cúng tế, lại càng lạnh nhạt như

chẳng quan tâm. Rốt cũng chỉ bọn ưa danh vị, quên gốc phụ lòng mà lãnh truyền pháp cho người khác, thật là đáng buồn thay!

Sách Thiên Tông bí yếu ghi rằng: Diễn Thiên sư Ngũ Tổ ngồi bên dưới có một học giả tên là Khai Thánh Học. Đầu tiên tham vấn đi hành cước với Trường Lô Phu Thiết lâu ngày mà không đạt ngộ. Nghe uy đức Diễn Thiên sư bèn tạo một chỗ ngồi. Một ngày kia vào thất hỏi rằng:

- Thích Ca, Di Lặc là do người khác chọc giận, vãi đạo để cho ai?

Giác đáp:

- Râu Trương ba chòm, bốn cây mạn trước sân.

Sư Diễn nghe liền ngộ. Hòa Thượng ngồi nguyên, Sư lặp lại câu nói trước, hỏi:

- Ngộ không?

- Tốt thì có tốt, nhưng e chưa phải thật, không nên buông phóng.

Bèn ngay đó tìm tòi, hôm sau tới thất bạch hỏi như trước. Giác nói:

- Việc hôm qua Hòa Thượng hiểu không?

Sư Diễn hỏi:

- Đạo là gì?

Giác đáp:

- Râu Trương ba chòm, bốn cây mạn ngoài sân.

Sư Diễn nói:

Không đúng, không đúng.

Giác nói:

- Hòa Thượng hôm qua thật đã hiểu đạo.

Sư Diễn đáp:

- Hôm qua hiểu, hôm nay không hiểu.

Giác nhân lời nói đó mà đại ngộ. Sau này Giác ra làm Trụ Trì chùa Khai Thánh, thấy đạo tràng Trường Lư hưng thịnh bèn nối thừa Phu Thiết Cước, nguyên chẳng đạt ngộ sở đắc. Lúc niệm hương bỗng cảm biết ngực trước đây như bị đâm, liền cảm thấy đau nhói thành nhọt có lỗ; dùng bột sữa thơm trét lên lâu không hết, rồi sau qua đời. Ôi, cô phụ bốn trọng ân mà được phó pháp như thế để chịu khổ báo! Kẻ hậu học chớ dẫm lên dấu vết ấy.

Ngoài ra, sách Vân Thê Sùng Hành Lục ghi rằng: đời Tống có người tên Hoài Chí người Kim Hoa, lúc nhỏ đang đi học, nhân gặp một thiền tăng cổ võ, bỏ học đi tham phương cầu đạo. Sau đến Động Sơn được đắc pháp với pháp hiệu là Chân Tịnh Văn Thiên Sư. Lâu sau đó viên tịch. Sư Chân Tịnh phó chúc rằng: Thiền ta tuy miễn cách, tích lục chẳng đâu hơn. Chí bái thọ rồi đi tới Viễn Châu, người trong vùng mời trụ trì chùa Dương Kỳ, Ngài khoát tay đi luôn. Rày đây mai đó tới Tương Thượng, Đàm Mục mời trụ lại phong Bắc thiền, từ chối không nhận. Ở ẩn nơi Hành Nhục hơn 20 năm, Ngài có bài kệ:

Vạn duyên bật dứt cảm như người si

Tung tích lờ mờ khác chi nai lạ

Thong dong cởi áo gác tay làm gối

Hết đời mộng mơ ẩn cư duyên hội

Tối ném long án, long án một nơi

hường trọn tuổi già, nơi nhà rất vui

Ngài Liên Trì tán thán rằng: người đạt sở cầu tuân theo di mệnh mà sức mạnh địch lại những sự thịnh mời đó không khó sao? Người bây giờ háo danh đắm lợi bỏ phước lễ nghĩa, không mời mà đến, là những phần tử như thế! Há không tức lắm sao! Vâng mạng lệnh thầy đi vào nề nếp.

---o0o---

1.9 Lễ Giỗ Hai Thầy Thế Độ và Giáo Thọ

Gặp ngày giỗ 2 Thầy thế độ và giáo thọ, theo như nghi trên, Trụ Trì cũng lại xuất tiền lo lễ. Thiết trí lễ phẩm, viết sớ cúng đại ý như:

Thiết nghĩ rằng, con tên...trăm kiếp nghìn đời trôi lăn trong dòng sanh tử, may được cạo bỏ tóc râu (thầy giáo thọ nên đổi lời là “dạy nghiêm từ”), được vào cửa Phật (đổi lời là pháp môn), nghĩ ân đức sâu dày thật khó báo đền. Từ những ngày xa vắng chân linh quy tịch, thật là một sự xao động của hải triều; chỉ ngày giỗ hôm nay chúng con nội tự thống thiết nghĩ trời cao khó báo đáp ân sâu. Do đó vân tập chúng lại tụng Kinh nhứt diên biểu tỏ chút lòng thành, cúi xin thầy chứng giám.

Lại nguyện, Phật nhứt phóng quang chiếu phá tội chướng đời này, gió từ phủ khắp quét sạch oan khiên kiếp trước; trong khoảnh khắc sanh về Cực Lạc quốc, được ngồi đài liên hoa. Bồ Đề tâm bất thoái, trí bát nhã thường sáng soi. Toàn thể hiếu đồ đệ tử chúng con chí thành dâng sớ.

Phật lịch... ngày...tháng...năm...

Chúng nghĩa ghi rằng: Thầy thế độ và y chỉ là 2 trong 5 bậc a xà lê nêu ở trước. Những vị này tuy không làm cho ta đắc pháp nhưng ta đã từng theo xin cạo tóc hoặc học kinh điển. Nếu lên đây chúng tỏ ta không quên nguồn gốc vậy...Người đệ tử ngày xưa thầy mất mà niềm tin vẫn kiên cố, đệ tử ngày nay thầy còn sanh tiền nhưng vẫn xem nhẹ, hướng gì nhớ ngày lễ giỗ cúng kính chứ? Lý do dễ hiểu lúc đầu xuất gia thật không muốn y chỉ bậc chân sư, lao theo sanh tử mà chỉ nhất thời tùy tiện (tùy hứng) mà thôi. Tâm người như thế thấy lợi thì dễ sa, gặp bạn ác lời kéo cũng dễ ngã. Cần thận lời dạy của thầy làm đúng thời dễ nhưng lại bỏ chánh theo tà; hình tướng là tăng nhưng tâm lại theo tục. Như thế, làm sao Phật Pháp không suy đồi cho được! Y cứ trong luật Phật dạy, đệ tử lìa thầy quá sớm. Nếu thầy thật bất minh hoặc không giữ giới mới tìm cách xa thầy.

Sách Vân Thê Sùng Hành Lục ghi rằng: Đường Thanh Giang lúc ấu thời ngộ lý vô thường giả ảo, lạy Luật sư Đàm Nhất làm thầy y chỉ, nhờ tụng Kinh bái sám giáp mặt mà thông. Kể thức giả nói rằng: Sư này tài năng trác tuyệt, luôn cùng với thầy hơi ngang ngược, bỏ đi du phương qua các đạo tràng và tự trách rằng, nửa hạnh của thiên hạ như thầy tôi là tuyệt vậy. Bèn trở về lại Thầy xưa đương lúc chư tăng nhóm họp, xử phạt đề nghị rằng: Thanh Giang trở lại nương nhờ Hòa Thượng, mong Ngài nhận cho. Lúc đó có một thầy chế nhạo cho rằng: Thanh Giang lấy 2 giọt nước mắt sám hối tạ tội. Niệm

trước vô tri, tâm sau tỏ ngộ, mong Hòa Thượng đại từ hoan hỷ tha thứ, thương xót lại lần thứ tư. Luật sư thương tình tha thứ nhận làm thầy như lúc ban đầu. Sư Đàm Nhất tịch, hầu hạ thầy hết lòng và được truyền tâm pháp. Tổ Liên Trì ca tụng rằng: bỏ Thánh hiền mà biết lỗi trái, đang bị nhục mạ mà không thoái tâm, đáng gọi là thành thật sáng suốt, sau được truyền tâm ấn, chẳng có lý do hay sao? Bọn thiếu tin kia, ngờ vực thời đi mất hút không trở lại; bị mắng đuổi ắt giận không nguôi. Không gặp mình sư chung cục có lợi ích gì, như gặp mình chúa mà không giữ được 3 chức quan, đáng tiếc thay!

---o0o---

1.10 Phụ: Cúng Giỗ Cha Mẹ

Cúng giỗ cha mẹ, nghi thức đơn giản, không giống nhau. Chỉ người thân không phải những quan chức. Thầy Trụ Trì dự định ngày, sai thị giả đi thông báo, thay thế cho thiệp mời nghi cúng. Nếu có tụng kinh, thị giả bạch Thầy Duy Na ở phòng khách cùng dán thông báo tại đây hay tại trai đường.

Thông báo rằng: ngày mai (mấy) là lễ giỗ thân phụ Hòa Thượng đàn đầu hoặc thân mẫu (tùy theo đó đổi chữ thích hợp), tụng Kinh..., mời bao nhiêu vị Kinh sư nêu danh tánh như dưới đây:

.....

.....

.....

Vào thời Kinh tối tại chánh điện, Thầy Trụ Trì sai thị giả hầu bên trái Hòa Thượng Phương Trượng. Sắp xếp đầy đủ vật cúng như hương hoa, trà quả đặt trước bàn thờ linh. Khóa lễ xong, đại chúng trở lại trai đường. Vị Trụ Trì ra trước sơn môn đến bàn linh tỏ lời mời như sau:

Tôi là... ngày mai nhân ngày giỗ phụ (mẫu) thân của Hòa Thượng bốn sư. Vì thế bốn tự có thiết lễ cúng Phật, tụng kinh cầu siêu mong cho chân linh cụ ông (cụ bà) nhờ lực bất tư nghi của Phật, chư tôn Bồ Tát, Thánh hiền, long thiên hộ pháp chứng minh tiếp độ. Tôi là ... , đây mời chân linh tới chùa ngày mai lúc 10g sáng để được cầu siêu độ.

Nên thỉnh 3 lần như thế, phải quán tưởng hình dung, tiếng nói của cha, hoặc mẹ, nương nhờ uy đức lời thỉnh mà đến. Nghĩ cha, mẹ đã đến chùa thực sự. Nghĩ họ, cùng theo về chùa, rồi đem đặt vào vị trí, xá 4 xá niệm hương, dâng trà. Nghĩ rằng cha mẹ đang ngồi đó rất hoan hỷ an lạc; lại xá 4 xá rồi lui.

Đêm đó, Thầy Trụ Trì tự lấy bồ đoàn trải ngồi trước bên dưới bàn thờ, trì niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát 10 ngàn lần. Sáng hôm sau, sau thời Kinh Lăng Nghiêm, Thầy Trụ Trì một mình tới trước bàn thờ đốt hương, cúng trà. Buổi trưa, mời đại chúng cúng ngọ, cúng linh. Nghi cúng như các phần trên, nhưng không cần phải quỳ cũng như không lạy mà chỉ xá. Thỉnh một thầy thuyết pháp, đợi thuyết pháp xong tụng hồi hướng. Duy Na xướng: đánh lễ Tam Bảo xong, đánh lễ Hòa Thượng xong lui về chỗ. Buổi tối, tụng kinh xong, phục nguyện, hồi hướng. Trong đó lời lễ đại loại như sau:

Cúi mong Thích Tôn điều ngự, đấng đạo sư toàn giác hàm 3 tạng, Kinh văn, chữ vàng, bậc đại sĩ lục hòa, giám trông chứng minh tác lòng thành, ngưỡng vọng oai thần gia hộ (tiếp nhập tục định cư tại...), phụng Phật tụng kinh tiến phụ (hoặc mẫu) hay tiến Tỳ Kheo (tên...) chuyên vì truy tiến hiển khảo (cha)... ở số... đường... vùng... quận... tỉnh... nhứt vị chân linh (nếu mẹ đổi lại là) hiển tử tánh danh, ở số... đường... vùng... quận... tỉnh... , hoặc cúng chung phụ mẫu truy tiến 2 người đều đọc tên cả hai. Hôm nay chí thành dâng hương, quy mệnh 2 bậc giáo chủ Di Đà, Thích Ca nơi Cực Lạc quốc, chư Phật, các bậc Thánh hiền tọa trên đài sen, xin cảm thông tình cảnh. Lại vì, hiển khảo hưởng thọ... tuổi, nguyên tạ thể ngày.. tháng... năm; hoặc cúng mẫu thân hoặc tiến cả 2 theo đó mà đọc cho đúng. Tha thiết nghĩ rằng; cha nghiêm (mẹ từ) đức trọng tự non thái cao vòi vọi, ân dưỡng dục khôn dò dường như biển cả khó mong đáp đền. Bất hạnh thay sớm mất, con chưa được đền ân trong muôn một. Ngày tháng qua nhanh, bóng quang âm biên biệt. Hôm nay ngày... tháng... năm... nhân gặp tuần húy nhật, ngưỡng mong ân đấng đại giác, trên đền đức cù lao (khó nhọc); do vậy mời chư tôn đức tăng già tụng kinh... cầu siêu độ, lấy đây làm vãn lộ đưa lối chân linh sớm thoát cảnh u đồ mà siêu sanh thoát hóa.

Lại nguyện: ở cõi trời người được tăng 5 phước, mãn ý tùy tâm, nếu chưa thoát ra các thú, cầu được lên 9 phẩm sen tùy thời an trú. Dâng số, cung thỉnh Tam Bảo chứng minh. Phật lịch 25... ngày... tháng... năm... Đệ tử Tỳ Kheo...

Chứng nghĩa ghi: Việc báo đáp ân đức dưỡng dục của cha mẹ và nghe lời nhắc nhở ân của người xuất gia, theo Kinh Đại Thừa Bản Sanh Tâm Địa

Quán ghi: Phật dạy 4 ân mà ân cha mẹ là đứng đầu. Lương Hoàng Sám pháp ghi: kể lại nên nghĩ tưởng đến ân dưỡng dục của cha mẹ, bế ẵm, cho bú mớm, ái trọng tình thâm, thà mình chịu nguy hiểm để cho con an ổn. Phật dạy: ân trong thiên hạ không gì hơn ân cha mẹ, luận người bỏ tục xuất gia, chưa thể đắc đạo chỉ cần việc học hành, làm thiện chớ bỏ, tích đức không ngừng, ắt cảm được ân đức khó nhọc. Lại nói rằng, trong đó có ân cha mẹ, kẻ mồ côi từ nhỏ khó thể gặp lại, tưởng không lo lắng sao! Chưa đắc thần thông thiên nhãn không biết được cha mẹ xả báo thân thức đi về đâu, sanh ở chốn nào? Chỉ nên lo tạo phước để đền đáp thâm ân, làm thiện không ngừng, công thành ắt đạt được. Kinh dạy rằng, vì người mất mà tạo phước như tặng tiền người đi xa; nếu sanh cõi trời, người công đức càng tăng thêm, như gặp 3 đường ác hoặc bị tám nạn²⁵ vĩnh viễn lia được các sự khổ. Nếu người đủ tín tâm chân chánh học chánh pháp làm cho 7 đời cha mẹ siêu ngộ, bà con quyến thuộc nhiều đời lo sợ đều dứt trừ và được giải thoát. Là mẫu người trí nên thành tâm chí hiếu hết lòng báo ân. Sự truy tiến cúng hương linh nên vâng lời Phật dạy.

Sách Vân Thê Sùng Hành Lục ghi: Lương Pháp Vân người Dương Tiễn, xuất gia năm lên 7 tuổi là đệ tử Bảo Lượng pháp sư Chùa Trang Nghiêm; Cầu Lãng Anh Tú ở chùa Diệu Âm giảng 2 Kinh Pháp Hoa, Duy Ma. Học giả qui tụ lại có người tên Thành Hiếu ham sắc khiến cho mẹ lo lắng, đến đời thân gầy gò quá đỗi, qua nhiều ngày không ăn uống. Lượng pháp sư nói rằng: Thánh nhân dạy lễ, bậc hiền cúi trông không để thất thổ sai sót. Vả ngoài tánh bất diệt còn phát xuất từ Nho giáo huống nữa Phật có lời chí thiết: muốn báo ân sanh thành, gần thời phụng dưỡng chăm sóc đúng nghi cách, xa khuyên cha mẹ phát tâm Bồ Đề để hướng dẫn thần thức nên sớm nghĩ việc xa. Giả sử gặp việc đến làm sao trở tay cho kịp! Đang trong lúc còn sanh tiền, gần gũi chia ngọt xẻ bùi, hầu hạ cháo cơm. Ngài Liên Trì ca tụng: mẹ Tăng Tử chết, cơm cháo không vào miệng trong 7 ngày là việc cư tang của Vân Công, dù sao với Tăng Tử ai làm sao hơn chứ?

Tục ngữ có câu: Thích Tử từ bỏ đấng thân đâu có như vậy sao? Lại nữa, đời Hậu Chu Đạo Không ở Trường An mà trọng bao tử hương lý, tức kẻ có thể lực địa phương (phép vua thua lệ làng). Đường Tôn Thất xuất gia năm lên 7 tuổi, năm 19 tuổi may mắn đạt được kỳ thi ở Trường An; lại gặp thời binh biến, phải cống mẹ vào Hoa Sơn dừng lại tại một hang núi lánh nạn. Lúc bấy giờ lúa gạo, củi nước đều quý hiếm chẳng kiếm ra gạo ăn, ông chỉ đi xin ăn nuôi mẹ. Mẹ hỏi: “Con đã ăn gì chưa?” Vì sợ mẹ động lòng lo nên đáp là đã ăn rồi. Mẹ nói: “Cha con chết trận ở Hoạc Sơn (Nam Nhạc – Hành Sơn), con có thể tới đó tìm lấy cốt đem về chôn cất được không?” Thất vâng lời mẹ đi

Hoặc Sơn thu nhật hài cốt. Qua nhiều ngày đêm trì tụng kinh chú chí thành những mong đạt mục đích. Người xưa có tâm thành mà cảm, chích máu đổ xuống đồng xương, mong cho trong đồng xương ấy cái nào cục cựa là đúng hài cốt cha mình. Nhất tâm chuyên chú mắt không tạm rời mà chỉ chăm chăm nhìn đồng xương. Qua nhiều ngày như vậy, có một hài cốt từ trong đồng xương nhô ra, lay động. Thất kiệt sức một hồi rồi tỉnh lại, nhật cốt đựng trong bình lớn mang về gặp mẹ. Đêm đó, bà mẹ mộng thấy chồng về, sáng hôm sau quả nhiên hài cốt đã về tới nhà. Con người do lòng hiếu mà cảm được như thế! Người sau dạy đạo, luận kinh phần nhiều y cứ gốc xưa lấy cội nguồn làm trọng. Việc này Ngài Liên Trì có 2 câu thơ tán thán rằng:

Nhịn ăn nuôi đói mẹ hiền

Tụng Kinh cảm động phăng tìm cốt cha!

Có thể nói đại hiếu gồm việc còn mất đầy mà lòng chí thành đã vượt cả cỏ kim vậy. Than ôi! lạ thay và sau đây là câu chuyện Tăng Đạo Kỷ rất gần gũi mẹ, cung kính các bậc tôn túc, dệt vải may áo dăng mẹ. Hiếu của con nhà họ Thích đôi bậc thân sinh khác xa với người đời. Sách truyện đăng tải đủ nêu những gương hiếu hạnh người xưa. Đời nay do bệnh, con nhà Thích không trọng người thân có 3 loại bất tài là cái tội của ông Tăng; hưởng của thập phương cúng mà không nhớ nghĩ tới ân cha mẹ. Ba loại bất tài đó là:

- 1- Ngồi tòa cao nhân hạ mà không đoái tới cha mẹ lao khổ như người làm công
- 2- Cắt lia nóm ruột xuất gia mà nhận người khác làm cha mẹ nuôi
- 3- Sống đã như vậy, chết không cúng kiến thật là không còn lời thống thiết nào hơn.

Vong bản đến thế còn mong gì chấn hưng Phật Pháp chứ?

---o0o---

1.11 Lễ Tháp

Phạm vào dịp Tết đêm trừ tịch (30 Tết) hoặc tiết đông chí có thể tùy đó thay đổi, là định kỳ cúng tháp.

Nơi trai đường, phòng khách dán thông báo cho chúng biết, chẳng hạn, thông báo như sau:

Sáng mai, sau công phu, dùng điếm tâm xong, nghe hiệu lệnh chuông, đại chúng đắp y chỉnh tề vân tập tại trước tháp Tổ. Hôm trước cho dọn dẹp quét tháp, lau chùi sạch sẽ các tháp trước sau, dọn sạch cả lối đi vào tháp. Tới giờ, thầy Tri Khách thỉnh 3 hồi và 3 tiếng đại hồng chung (xưa), bây giờ dùng 3 hồi 3 tiếng khánh đồng hay bảng gỗ. Đại chúng đắp y vào thiên đường, vào Tổ đường lễ Tổ, lên Phật điện đánh lễ Tam Bảo, sau theo thứ tự đến trước tháp Tổ Khai Sơn đứng theo vị trí. Đốt nhang đèn, thầy Trụ Trì niệm hương xong lễ 3 lạy. Đại chúng xá 3 xá, xong tất cả đi nhiễu tháp 3 vòng. Niệm hương lần nữa, đại chúng đứng theo thứ tự, dẫn khánh, đọc Kinh, trì chú, xướng lễ Tổ sư 3 lạy. Lần lượt đi các tháp cũng làm như vậy. Tại các tháp thầy Trụ Trì không niệm hương mà thầy Giám Viện niệm hương, xướng lễ 3 lạy xong lui vào (không phải đi nhiễu nữa). Nếu như con đường cong queo hoặc gặp mưa, đại chúng tề tựu trước Tổ đường lạy Tổ 9 lạy, chờ trời tạnh ráo hãy tiếp tục hành lễ. Hay chọn ngày khác hẳn lễ thế, tuy phải cho kiểm điếm cây nhánh rơi rớt, bùn đất, đường đi tới tháp... có hư hỏng gì không.

---o0o---

1.12 Thiết Đặt Cúng Dường

Tiết Thanh Minh thường là tháng 3 âm lịch, đúng ngày hoặc trước đó một ngày, buổi tối cúng tiên thường, sắp thức ăn cúng chung bày ra bên trái. Vị Khai Sơn bản tự là lão Tổ thượng...hạ...thiền sư; kế tiếp là các bậc tôn sư kế thừa Tổ đức và qua các đời chư vị trụ trì. Trên thiếp vị: chính giữa viết dòng như trên, 2 bên ghi phương danh các bậc tôn sư; phía dưới là các vị Trụ Trì, là thiếp thứ nhất.

Thiếp thứ 2, chính giữa đề 2 chữ: Bản tự, 2 bên ghi: tiền hiền hậu triết chư tôn đức hữu công giác linh chi vị; và bên trái: chư vị kế vãng khai lai kế thừa Tổ nghiệp chư vị giác linh chi vị.

Thiếp thứ 3 ghi: bản tự liệt vị tôn đức hữu công, bên phải ghi: tiền vong hậu hóa chư vị tỳ kheo; bên trái: chư Sa Di hậu bối giác linh chư vị.

Thiếp thứ 4 ghi: chư tôn sư đồng bản tự, chư sư thế độ, phú pháp bên phải, tam sư: đàn đầu Hòa Thượng, Yết Ma, giáo thọ sư, bên trái: 7 vị tôn chứng và dẫn thỉnh sư giác linh chi vị.

Thiếp thứ 5 ghi: bốn tự nhất phái từ lâu xa về trước đến nay môn nhơn pháp quyển, và thầy thế độ cùng chư quyển thuộc giác linh chi vị.

Thiếp thứ 6 ghi: hiện tại cùng ở chung, đại chúng tỳ kheo mỗi thầy đều có song thân: nam công xử sĩ, nữ thị phụ nhơn chi vị.

Thiếp thứ 7 ghi: bốn tự quý vị ra công của, quý vị cúng đất đai, quý vị quyên góp lập chùa, hết thầy đàn na; nam công xử sĩ, nữ thị phụ nhơn chi vị.

Thiếp thứ 8 ghi: bốn tự khai sơn từ xưa đến nay ở chốn tối tăm thọ giới quy y đệ tử tại gia cùng chư vị hộ pháp: nam công xử sĩ, nữ thị phụ nhơn (vợ các quan) chi vị.

Thiếp thứ 9 ghi: bốn tự địa chủ, khác tánh tiên linh, tiền hậu, viễn cận cao lân: nam công xử sĩ, nữ thị phụ nhơn chi vị.

Thiếp thứ 10 ghi: bốn tự cận sự, từ trước đến nay, những vị tịnh nhơn, chấp lao phục dịch chư phương xử sĩ chi vị.

Trở lên 10 thiếp vị từ số 6 đến 9 thích hợp cho nam nữ chân linh hữu công với chùa, cũng thích hợp cho 2 giới tại gia hoặc xuất gia ngày đại lễ. Sau đây là phần phụ lá số:

Lại vì đáng đại sĩ xuất thế, rộng mở các hội âm dương. A Nan thỉnh giáo khai mở pháp cam lồ, trời, người, quỷ, thú hàm đủ trong đó được siêu thăng. Tôn thân chư vị xuất gia hướng về đây gọi nhuần ân giải thoát.

Phật lịch... Úc Đại Lợi... (thành phố)... ngày... tháng... năm... chùa... Thừa Thích Ca Như Lai di giáo vãng hành, chính nay giỗ Tổ pháp diên, đệ tử sa môn... nay y bốn tự mỗi năm vào tiết Thanh Minh tươi đẹp thiết lễ phổ tiến cúng hậu duệ Tổ. Trụ Trì, sa môn... Giám viện tỳ kheo... ở chùa cùng chúng tăng tất cả. Hôm nay chí tâm niệm hương đánh lễ, quy mệnh Hội chủ Du Già Thích Ca Văn Phật, trên hội hiển mật, chư Phật cùng Thánh hiền trên tòa liên hoa, xin cảm thấu cho lòng tỏ bày mà nghĩ tưởng chúng con. Thọ ơn cha sanh mẹ dưỡng sâu dày, nhờ Thầy giúp đỡ, hồng ân của việc hộ thí đã nhiều năm mà hoàn bị tư lương, và đồng thời xin xót thương; mong nhờ nước cam lồ thấm đượm khô khát của u tuyền, thừa ân pháp lạc đều được lên đài sen. Do vậy đáng ghi dấu ngày mấy tháng này nhằm lễ... trước hết tối nay lập đàn như pháp cúng tiến.

Lại nguyện: hóa Phật tới tiếp nghinh giữ lòng từ chiếu giám phóng quang dẫn dắt vô số ngã quý hướng quy về pháp diên bình đẳng, thí thực khắp 6 đường, tứ sanh thọ dụng vô biên cam lộ pháp vị. Tông môn giòng Thích cổ chẳng phù hư tiêu hao của tín thí, chóng nhuần lợi lạc, đồng về Tịnh độ, cảm thọ Thánh thai. Hồi hướng công đức này cho kẻ âm siêu thoát, người sống được an lành. Cúi xin Tam Bảo thù từ chứng minh gia hộ (3 lần).

Tới giờ cúng, chuẩn bị sẵn hương đèn, hoa quả bày biện ngăn nắp. Các pháp sư ở trước đàn cúng thí thực, đốt hương khấn nguyện, niệm danh hiệu Phật tới trước đài cúng cô hồn niệm hương, xướng lễ, tụng chú vãng sanh 3 biến, xong đọc tiếp:

Nam Mô Diện Nhiên Đại Sĩ Bồ Tát (3 lần)

Chấp tay đứng trước tượng đại sĩ bạch lời này:

Cực sáng thanh tịnh dung thông vắng lặng hàm cả hư không, tới lui xem xét thế gian cũng như việc trong mộng. Ngưỡng bạch Diện Nhiên Đại Sĩ thống lãnh pháp giới 6 đường, thông ty mười loại cô hồn, tự tha tiên linh và các quyền thuộc của các vị.

(Pháp sư một lần han hỏi rằng);

Chỉ mong đồng thừa lực Tam Bảo, mỗi người ngộ nhất chân tâm, linh minh không mê muội thọ được pháp vị no đủ trong lúc này. Nghiệp thức buông thả, xa thoát trần lao trong nhiều kiếp, sự lợi ích này mong nhờ thần minh dẫn dắt.

Đọc xong, đại chúng cùng cử tán rằng:

Phật tử cô hồn, chớ ở suối hương (thôn)

Vương theo nước pháp ngộ chân thường

Thẳng tắt tự đảm đương

Phản chiếu hồi quang

Nơi nào chẳng thiên đường.

Tán xong, niệm Phật:

Nam Mô A Di Đà Phật (108 biến).

Xong đi tới niệm hương trước mỗi bàn thờ, đọc câu thần vãn trên và quay trở lại trước đàn để cúng thí thực (nghĩ thức thông thường).

Biện giải: Chương Trụ Trì sau, phần chứng nghĩa thí thực.

Chứng nghĩa ghi rằng: nghĩa của phở tiến là vì cha mẹ, sư trưởng v.v.. chưa ra khỏi 3 cõi, nên phải sắm sửa đồ cúng tiến vào những dịp lễ Thanh Minh, Rằm tháng 7, theo thể tục mà làm, nhằm mục đích mở thức thần của người quá cố, nhưng đó là ý nghĩa tận hiếu của nhân sinh. Thậm chí như việc cúng tuy không phong phú (thịnh soạn) nhưng cốt là ở sự thanh khiết. Cho nên mới có câu rằng: thờ lúc chết như thờ lúc sống vậy. Khổng Tử nói rằng: “Không phải việc ăn uống mà chí hiếu sao?” Qui thần xét luận lời chí hiếu thì tự làm dù tiết chế, cúng tế hảnh đầy đủ mới là biết vậy. Gần đây thấy tăng tục, do người có chỗ không kham nổi cái ăn để cung cấp, là ý của tâm không hiếu kính mà chuốt lấy tội càn rỡ cao ngạo, thật đáng lấy làm buồn thay!

---o0o---

1.13 Quét tháp

Tiết Thanh Minh tại phòng khách, trai đường chùa viết tờ thông cáo dán cho biết ngày quét dọn tháp. Thông cáo viết: ngày mai là lễ Thanh Minh quét tháp. Chư tăng sau khi nghe hiệu lệnh, đắp y chỉnh tề đến trước tháp Tổ để làm lễ và quét dọn.

Thầy Trì Sự phân phối người quét dọn các tháp từ trong ra ngoài cũng như con đường tới tháp. Thầy Trì Khách lên phòng Phương Trượng hỏi thầy Trụ Trì thời giờ, phân định giờ giấc và thông báo cho Duy Na biết lễ tiết, chuẩn bị mọi việc.

Đúng ngày Thanh Minh sau thời Kinh sáng hoàn tất, đại chúng điễm tâm, công tác xong. Khi nghe hiệu lệnh, tất cả tập trung tại Tổ đường lễ Tổ, Thầy Trụ Trì có thể nói sơ về công hạnh Tổ hoặc cắt đặt lau quét tháp. Hòa Thượng Phương Trượng chỉ định việc phải làm. Sắp xếp đồ cúng trên bàn thờ Tổ, bàn thờ chư hương linh đàn na đều bày đồ cúng, hương hoa, đèn nến, thức ăn. (Xem 2 chương đầu, trong điều chấp sự).

Đến giờ hành lễ, đại chúng vân tập lên chánh điện. Thầy Trụ Trì niệm hương (nghi thức xem nghi lễ tháp có đầy đủ), lễ 3 lạy xong. Thầy Trụ Trì cầm chổi quét tháp từ trên chóp đến dưới nền, bỏ chổi, quay lại bàn, tái niệm hương.

Thầy Duy Na cử tán:

Lư hương....Nam Mô Thanh Tịnh pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật (3 lần).

Kế tụng Tâm Kinh, chú biến thực, cam lồ thủy, phổ cúng dường... Cúng xong, Thầy Trụ Trì thuyết pháp. Tháp Tổ Khai Sơn và các vị kế thừa, ngoài ra tùy nghi. Thuyết pháp xong, kết thúc hồi hương. Dẫn khánh tiến ra ngoài cúng tháp. Nghi thức như trên. Sau khi cúng xong, đại chúng phân đều ra thăm các tháp, Thầy Trụ Trì lui về.

Thầy Giám Viện niệm hương, lễ tháp, đại chúng tụng Kinh Di Đà, chú vãng sanh (3 lần), cúng ngọ. Cuối cùng xướng:

Nơi pháp hội liên trì

Có đức Phật A Di

Và Quan Âm, Thế Chí

Rước người lên sen quý

Xin giữ nguyện kiên trì

Cõi trần quyết thoát ly

Nam Mô Tịnh Độ Phẩm Bồ Tát (3 lần).

Đại chúng cùng lạy 3 lạy rồi lui. Ban Kinh sư tới bàn cúng cô hồn tiếp tục cúng thí hoặc tới các tháp Tổ, hoặc một ngày khác, chỉ Thầy Trụ Trì và 2 thầy có phận sự quét tháp và dâng đồ cúng, đại chúng không cần đi. Như chi phái chính hoặc có giới tử hay đệ tử thế độ (xuất gia) từ nơi khác đến tảo tháp, nên tiếp ở phòng khách; hỏi họ tôn ti mối liên hệ, nếu là đệ tử cả của Trụ Trì xử lễ như bậc tôn túc (xem chương Trụ Trì ở sau, điều nói về các bậc tôn túc). Nếu như đồng hàng trở xuống thông báo cho Thầy Trụ Trì, thủ khổ, Duy Na biết và mời ấn định thời gian theo nghi cúng đầy đủ như nghi tảo tháp có cúng ngọ như trên. Nhưng mời đại chúng cùng tụng kinh, Trụ Trì phụ quét hay chỉ quét một tháp hoặc 2 tháp tùy theo sự thích hợp của cá

nhân; hoặc tách riêng đại chúng không phải tụng kinh, hoặc trừ Trụ Trì không dám phiền sự lao nhọc, cũng tạm đủ. Việc lễ các bậc tôn túc tùy nghi sắp xếp, vị tri khách nên hỏi rõ ràng trước (phải cho thật tế nhị việc này).

Chúng nghĩa ghi rằng: lễ tháp, quét dọn tháp đều thích thời tôn kính tổ tiên; thấy đá tháp hư hao, xem xét cây cối suy tàn. Trên do Tổ linh, dưới đặt mối liên hệ thường trụ không thể bỏ lơ là được. Gần đây phần nhiều bỏ việc tảo tháp, chẳng phải chỉ làm mất gốc lại còn là nỗi lo tổ ấn khiếm khuyết không còn người nữa. Là đệ tử của Tam Bảo, ta nên cúng kiến chư Tổ chu đáo để mong ân đức Tổ gia hộ tâm thành của hàng hậu bối.

Hết quyển 4

---o0o---

Quyển năm - Bách Trượng Hoài Hải biên soạn vào đời Đường tại Hồng Châu

Tỳ Kheo Nghi Nhuận chứng nghĩa chùa Chân Tịch tại Hàng Châu.

Trụ Trì Diệu Vĩnh chùa Giới Châu duyệt lại tại Việt Thành vào đời Thanh.

Chương năm - Trụ Trì

Lời thuật rằng, Trụ Trì gọi là chủ trì Phật Pháp; lập trụ trì ở Tông Lâm là mượn người gìn giữ pháp làm cho tồn tại lâu ở đời không diệt. Luận về pháp là đạo của bậc đại thánh; có giới - định - huệ để duy trì được pháp; người làm việc trong tăng viện, duy trì là việc giữ pháp. Gốc có đứng vững thì mọi việc mới yên; việc yên nên gốc càng bền chắc. Cho nên người trụ trì có quan hệ rất trọng đại đối với Phật Pháp. Đáng đánh lễ Linh Sơn Trụ Trì là Ngài Ca Diếp thống lãnh hết; trụ trì Trúc Lâm Tinh xá là Xá Lợi Phất trông coi.

Từ khi Phật giáo du nhập Trung Quốc trải qua 400 năm rồi Tổ Đạt Ma đến, lại truyền đến Tổ Bách Trượng; thời gian đó chỉ đem đạo truyền dạy, tuy cùng chúng đồng sống chung nhưng luật lệ lại đơn giản, qui tắc chưa hoàn bị, chưa có từ gọi Trụ Trì của thiền tông. Tổ Bách Trượng làm cho thiền tông hưng thịnh, trên từ vua tới dưới đến sĩ dân đều hướng về học đạo. Thống nhất đưa Thiền về một gốc, thế chẳng thể không chuyên môn một

người mà người này tạm chẳng xưng vị thì đạo chẳng sáng, chẳng được người tôn sùng thể đạo ắt pháp không lập được.

Trong khi đó mới công hiến một mẫu người lỗi lạc là Trụ Trì thiền tông, nhưng gọi là Trưởng Lão, vì đức độ rộng đáng tôn. Dành lại tạo nhà rộng để chúng ở lập thành hai dãy; chia phân người trông coi mà chế độ nấu ăn bắt đầu cụ thể. Nhưng cái thể của Trụ Trì tuy tôn trọng mà đến như làm việc chúng cũng chia đều làm việc. Như Ngài Bách Trượng, hễ một ngày không làm việc là một ngày không ăn (nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực), là qui tắc hàm ý nghĩa mà Trụ Trì phải biết. Cho nên đương thời do chúng thúc đẩy hoặc do lệnh quan trên, do lời mời cất nhắc đưa lên mà Trụ Trì không nhận chức. Trọng trách thật nặng mà không đáng hâm mộ tới việc quan; thậm chí như ngày nay nhờ sự dồi dào của thuế má, chiếc xe chở an ổn đều là việc của Trụ Trì không lạ sao? Sang giàu lẩn xen như món hàng kỳ lạ. Than ôi! Trụ Trì chẳng phải người như thế. Một ngôi chùa bỏ hoang phế phương hại đến đời sau như thế nào rồi, thậm chí trong vòng một nghìn năm mà không có thể phục hồi được không đáng tiếc lắm thay! Người sau cử người vào Trụ Trì thật là may mắn thay! Xử lý vai trò Trụ Trì nên phải thận trọng; chọn người thành thật hơn là ở cho có người đạo pháp mới mong sáng tỏ. Thành lập Ban Điều Hành mọi việc sẽ được giải quyết êm đẹp.

---o0o---

1.1 Thượng Đường

Phàm có Phật tử tới chùa cúng dường nên định ngày, chùa ra thông báo: mời hoặc sau khóa lễ Tịnh Độ tối có buổi họp chúng. Tại phòng khách, gõ 3 hồi 3 bảng tập họp chúng, chuẩn bị thức ăn đầy đủ. Tri Khách mời người cúng dường ra trước đại chúng lễ chư tăng 3 lạy xong, Tri Khách bạch chúng: Hôm nay, tỉnh... phủ... huyện..., tên họ thí chủ tới chùa đặc biệt thỉnh 2 liêu chúng, tới thỉnh Hòa Thượng Phương Trượng, ngày mai thượng đường. Bạch xong, gõ 3 hồi khánh và 3 tiếng, chúng 2 dãy phòng trước hết tới phòng Hòa Thượng Phương Trượng, sắp hàng đứng 2 bên; kẻ trai chủ bưng khay lễ để lên pháp tòa Phương Trượng. Tri Khách hướng dẫn trai chủ chấp tay tác bạch Hòa Thượng Phương Trượng. Thị giả báo chư Tăng hay, Thầy Phương Trượng đến chư tăng xá một xá, nhưng vẫn đứng nguyên hai bên. Tri Khách hướng dẫn trai chủ ra phía trước đứng chính giữa xá 3 xá rồi lui phía sau. Tri Khách một mình đứng giữa tác lễ, chấp tay bạch rằng: ngưỡng bạch Hòa Thượng từ bi nhận nghe, nay có trai chủ (tên) hộ pháp, vì việc... đến bồn sơn tự cúng dường trai phạn. Kính mời đại chúng hai liêu và cần

cầu thỉnh Hòa Thượng ngày mai thượng đường, vì đại chúng thuyết một thời pháp. Ngưỡng mong Hòa Thượng mở lượng từ bi mặc nhiên hứa khả (chấp thuận) đến chứng minh. Bạch xong, chờ Hòa Thượng đáp: Mô Phật, được ngày mai Thầy sẽ đến. Lễ 1 lạy rồi lui. Mời trai chủ vào cầm nhang lên vái, lạy 3 lạy. Thầy Trụ Trì đáp từ xong. Thầy Duy Na nói: 2 hàng đại chúng chur tăng, đánh lễ Hòa Thượng 3 lạy. Lễ xong, người sau cùng đi trước lui ra phòng khách, mời trai chủ cảm tạ, đại chúng lui về chỗ.

Sáng hôm sau, công phu xong, điểm tâm, công tác hoàn tất, nghe hiệu lệnh đại chúng vân tập Tổ đường lạy Tổ. Phân 2 bên đi vào chánh điện chấp tay nghiêm chỉnh. Thị giả thỉnh Hòa Thượng Phương Trượng chứng minh, Hòa Thượng niệm hương, cắm hương lên lư. Tiếp theo, trai chủ niệm hương, cắm hương lên lư, đánh lễ Tam Bảo. Đốt 3 cây nhang cắm lên thảo lư, chuông trống bát nhã trời 3 hồi, 4 tiếng. Đại chúng tránh qua 2 bên, thỉnh Hòa Thượng... Duy Na hô hàng sau đi trước vào phòng khách. Tại phòng khách mời 2 vị là Duy Na, Duyệt Chúng hướng dẫn lễ. Thị giả bưng khay lễ đi trước, kế đến lư nhang, kế nữa là bê tích, lọng 4 hoặc 6 người bưng. Trụ Trì cầm chuỗi Như Ý, chống tích trượng; thị giả theo sau; đại chúng tới pháp đường hay Phật điện, phân ra đứng đều 2 bên. Tri Khách mời trai chủ đứng một bên phía dưới. Trụ Trì tiến ra chính giữa phía trước lên tòa ngò; thị giả đứng bên cạnh. Duy Na câu chung bãng, trống, tán: Lư hương... Tri Khách mời trai chủ niệm hương, Trụ Trì niệm hương, thị giả đỡ hương cắm vào lư.

Duy Na xướng:

Nam Mô Vân Lai Tập Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Lễ 3 lạy xong, chúng đứng đối diện 2 bên; Duyệt Chúng gõ 3 hồi, 3 tiếng khánh. Duy Na bạch: “Pháp diên chúng long tượng, đương quán đệ nhứt nghĩa”. Trụ Trì mở lời, tùy cơ mà khai thị. Hàng hạ tọa (thấp) muốn thỉnh vấn nên thành tâm chân thật tham cứu; phải chấp tay hỏi bằng giọng nhỏ nhẹ hòa nhã, xong rồi Trụ Trì thuyết pháp hoặc mời một thầy khác. Chờ cho thời pháp xong, Duy Na bạch rằng: “quán kỹ pháp Phật, Phật Pháp như thị”; nhập một hồi khánh. Chúng lui ra, người sau cùng đi trước. Khay lễ, bê tích, phát trần ra trước đến liêu phòng Hòa Thượng Phương Trượng. Tri Khách hướng dẫn trai chủ đánh lễ tạ Hòa Thượng và chur tăng.

Phản Cúng Ngọ... Xem thêm nghi thức phạn tăng ở sau.

1.2 Các Ngày Thánh Tiết

Tết Nguyên Đán, lễ Phật Đản, Phật Thành Đạo, Kiết đông, giải hạ (ra hạ sau mùa an cư), không thường cũng phải ở Phật điện. Thầy Giám Viện được mời điều động nghi thức trên, duy chỉ không hương tín, tỵ thần, tề thần, công thần. Khi vào chánh điện, tu tập mùa đông chúng phải bỏ nón mũ ngoài không nên đem theo bên mình. Thí chủ mời pháp sư thăng tòa thuyết pháp.

Chúng nghĩa ghi rằng: phàm người thăng tòa thuyết pháp phải chí tâm nghe kỹ không nên gây khó khăn cho đại chúng làm cho mọi người thoái tâm, cũng như không làm động chúng mà nên dung dị. Nghe tới những sự thành bại, ắt có cơ hội phát sanh. Đó không phải là ngôn ngữ của người có học. Chỉ nghe miệng bàn luận có thể như rắn uống nước thành nọc độc; bò uống nước thành sữa; người tin tưởng học thành Bồ Đề, kẻ ba lơ học thành sanh tử là vậy. Pháp không phải là người; cũng như không được sanh nơi cao mà có tư tưởng khinh thường, ngược lại làm ngăn ngại tự tâm. Do vậy nên nói rằng, y theo pháp chứ không y người là vậy. Cho nên lúc nghe pháp, phải lắng lòng thanh tịnh mà nghe, thu nhiếp các căn, trần để lãnh hội. Giá có nghi vấn phải tìm hỏi ngay không nên che dấu, lấy đạo làm tâm niệm; trừ sạch mọi thói xấu, giữ cho được nhất tâm. Cần tu quán dùng lực chuyên sâu, rèn luyện mà tu tập để đạt lợi ích thanh tịnh. Như thế, một thời gian lâu định huệ phát hiện ngay nơi tự tâm. Người chí thành thuyết pháp phải đưa ra điểm chính để cho giới có học nắm được lợi ích; bằng hình thức vấn đáp, nói chung vì vấn đề sanh tử là việc lớn phải chặt đứt mối hồ nghi; không thể dùng người mù dắt người mù, người ngu dẫn người ngu. Giá tự mình thấy kém không bằng người, chẳng cần phòng giữ mà có thể chuyển qua; mời một vị pháp sư hiền đức thay thế. Như có thiền khách nêu hỏi, nên thành thật trả lời, chân thành bày tỏ ý mình. Ví mua tài lộng ngôn hấn chiêu lấy ác báo.

Sách Thiên tông bí yếu ghi: Căn cứ theo sách thiên tông Thiên Thai, dưới tòa Thiệu Quốc Sư có Hòa Thượng Minh Hưng giáo hỏi rằng:

- Âm Quang mặc y 6 trọng của Thích Ca, vào núi Kê Túc chờ Phật Di Lặc hạ sanh. Y dài 6 trọng đắp lên thân một nghìn thước hợp cỡ là dễ dàng. To lớn như Thích Ca thân cao 6 trọng, Di Lặc 1000 trọng, phải thu thân ngắn lại ư? Hay y mở rộng thêm ra?

Quốc Sư trả lời:

- Ông không lãnh hội, ngày mai cuốn áo đi ra.

Sư nói tiếp:

- Thằng con nít, sơn tăng nếu trả lời ông không đúng, phải có nhân quả; nếu ông không đúng ta phải thấy đó.

Ngày hôm sau trở về chỉ ngày đêm ra thổ huyết. Phù Quang Hòa Thượng khuyên rằng:

- Ông mau tới sám hối.

Sáng hôm sau Sư bèn tới liêu Phương Trượng (Quốc Sư), khóc kể rằng “mong Hòa Thượng từ bi cho con sám hối”.

Quốc Sư nói:

- Như người ngã xuống đất, từ đất mà đứng lên, không hiểu lời ta dạy, ông đứng lên ngã xuống, mai lại nói tiếp. Nếu hứa cho sám hối thì một người suốt đời cứ dựa thế. Quốc Sư bèn nói một hơi:

Phật Phật đều đạo

Chẳng có thấp cao

Thích Ca, Di Lặc

Như ấn, đóng vào.

Căn cứ vào câu chuyện này cho thấy nêu lên vấn nạn không phải là dễ. Lộng ngôn xảo ngữ như lưỡi búa trong miệng há không thận trọng hay sao ?

---o0o---

1.3 Phần phụ: 5 cách tham vấn

1.3.1 Tham Vấn Tối - Tiểu Tham

Công việc hằng ngày của Trụ Trì là hoàng pháp, trừ ngoài giờ thượng đường ra, ngày rằm giữ theo lệ thuyết pháp hẳn việc này không thể lơ là buông lỏng

được. Nếu tham vấn lúc thuyết pháp, hai dãy ghế ngồi bên dưới chúng đứng lên. Thầy Trụ Trì dâng tòa (vào chỗ ngồi) trước khi ngồi phải lạy Phật, để chúng tham chiếu học theo. Phạm nhóm chúng khai thị đều phải tham cứu cố nhân. Khuôn rập theo khiến chúng sớm tối không buông lung; không phải thời mà chẳng kích bác đạo. Mỗi tối phải có thời tham vấn riêng gọi là tham vấn tối, hoặc sáng sau khóa lễ, chúng tới phòng Hòa Thượng Phương Trượng tham vấn. Nghi thức giống như thượng đường, gọi là tiểu tham. Ngoài ra, gặp khi an cư, giải hạ, đêm đông, tiết đông, đối trước chư linh v.v.. đều nói tiểu tham (một bài khai thị ngắn gọn, ý nghĩa sâu sắc). Mới đầu không định nơi chốn, mà xem số chúng nhiều ít, hoặc tại phòng Ngài Phương Trượng, hoặc tập trung nơi giảng đường, trước trai đường v.v.. chuẩn bị cuộc tiểu tham. Hoặc tại chánh điện, quét dọn sạch sẽ chúng cùng ngồi dưới đất hoặc trải tọa cụ, xong đâu đó một vị đi mời Hòa Thượng hoặc một vị pháp sư dâng tòa ban lời khai thị. Chúng nêu nghi vấn những gì không hiểu để Thầy giải đáp về việc tu tập, công phu, bái sám, việc chùa, việc chúng v.v...

Chúng nghĩa ghi rằng: Xưa ở Phần Dương, Chiêu Thiên Sư ở viện Thái Tử tại Phần Châu, vì một phần đất sông Phần quá lạnh nên bỏ tham vấn tối. Có một tỳ kheo lạ chống tích trượng đi tới gọi Sư hỏi:

- Trong chúng hội đại sĩ có 6 người, tại sao không thuyết pháp?

Nói xong lẫn vào hư không mà biến mất. Có để lại Sư bài mật kệ, ghi rằng:

Hồ tăng cầm tích trượng vàng

Vì pháp đến đất Phần Dương

Sáu người là bậc Đại sĩ

Khuyến thỉnh vì pháp tuyên dương.

Lúc bấy giờ Sở Viên giữ vườn hiệu Thượng Thủ mà Sở Viên từ là Từ Minh. Về sau có một thời ở Thạch Sương, là Giám tự Hội Công tại Dương Kỳ, chúng mời thuyết pháp ban đêm. Từ Minh nói rằng;

- Tối mà thăng tòa, quy tắc này từ đâu có?

Hội chúng đáp:

- Phần Châu tham vấn tối, không phải là mực thước sao?

Từ Minh lãnh hội được ý.

---o0o---

1.3.2 Phụ: Trà Đàm – Ngày Rằm, Mồng Một

Mỗi tháng 14 và 30 cạo tóc, sám hối, mặc y phục sạch sẽ. Sau giờ Ngọ trai, có chỉ tịnh (nghỉ ngơi), tắm rửa. Buổi chiều, giờ học xong, dùng dạn thạch. Đại chúng nghe hiệu lệnh y hậu chỉnh tề lên Tổ đường lễ Tổ, vào chánh điện lạy sám hối hồng danh. Sau khi sám hối xong đại chúng lui ra giải y, chờ có hiệu lệnh vào Thiền đường hoặc trai đường dự buổi trà đàm hay tiểu tham. Qui tắc buổi tiểu tham như sau: Hòa Thượng Phương Trượng mời 2 liêu chúng tham gia: một bên quán sát hỏi chỗ kiến giải; bên kia bình luận công việc thường trụ (y luật kỳ Bồ Tát vào 2 ngày này).

---o0o---

1.3.3 Lễ Thù Ân Vào Sáng Rằm, Mồng Một

Sau thời Kinh Lăng Nghiêm, tới thượng lai hiện tiền... đánh lễ Phật, Bồ Tát, Tổ Sư, ân Thầy, cha mẹ, thí chủ, quốc vương, những người làm công quả, chư vị thiên thần giữ gìn ủng hộ già lam v.v...

---o0o---

1.3.4 Vào Thất Thỉnh Giáo

Mỗi tháng các ngày mồng 3, 8, 13, 18, 23 và 28 là những ngày Hòa Thượng Phương Trượng treo bảng nhập thất. Nhập thất có nghĩa là người kham nhẫn chuyên tu học đạo. Văn sách người ấy chưa đạt đến, điều chánh bị tà chấp, như lò luyện kim, bao nhiêu quặng, chất chì lọc sạch không còn lưu lại gì. Người ngọc sánh với ngọc, đá ngọc bỏ hết không nệ tối sáng, không chọn nơi chốn ở đâu cũng có thể thực hành được. Người học vào thất thỉnh giáo phải thành tâm, đắp y tề chỉnh mang theo tọa cụ. Trước phải thưa cho Thầy Trụ Trì biết để Thầy ấy cho người dẫn tới thất Hòa Thượng. Người hướng dẫn thường là thị giả, thị giả đứng trước cửa khảy ngón tay 3 lần hay bấm chuông 3 lượt. Ngài Hòa Thượng mở cửa, xá chào rồi đưa người tham vấn vào, lạy 3 lạy quỳ gối chấp tay cầu xin khai đạo nói:

- Kính bạch Hòa Thượng, con tự nghĩ suốt đời tham học chưa tỏ ngộ được hết, chưa khám phá được một tơ hào chỗ bí tàng, chưa đủ hiểu biết cái vọng chấp của tự thân, ngang tạo dị thuyết, múa may quay cuồng.

Hòa Thượng đương nhiên sẵn từ tâm xót xa nghe đệ tử như kim châm vào mình. Ngài đề cập gìn giữ duy trì sự tiến bộ là điều trước nhất. Hòa Thượng khai thị xong, đứng lên lạy tạ rồi lui ra; theo thị giả về phòng khách không nên tự ý không theo khuôn khổ. Không để thì giờ trống không mà cô phụ chí phát tâm xuất gia ban đầu.

Chúng nghĩa ghi rằng: Việc nhập thất, là người có học nên thật thận trọng thỉnh giáo. Vị Thầy nhập thất nên tận tâm chỉ bày để không phụ người hỏi. Nếu người học tham vấn không thật tâm, vị thầy đạo nhân thiếu sáng suốt nào có khác chi nương hình dáng vẽ mèo, chỉ phỏng dựa đáp ứng sự tích xưa mà thôi. Thời gian gần đây các Ngài trừ một vài vị chân tu ở thiền lâm, chuyên việc nhập thất ra, đa số thiếu hành, thật là đáng tiếc thay.

---o0o---

1.3.5 Đi Tuần Liâu

Theo Thanh Quy cổ mỗi tháng ngày mùng 3 và 28 chùa tụng Kinh Nhân Vương. Một năm bốn dịp đi tuần liâu. Trước tăng xá dán bảng tuần liâu, thông báo để chúng các liâu biết. Chuẩn bị hương đèn, trà nước, chúng nghe hiệu mộc bảng tập trung trước liâu, đợi Thầy Trụ Trì đến cùng đi vào các liâu. Liâu trưởng đốt nhang đưa cho Thầy Trụ Trì niệm, xong toàn chúng đều xá xuống 3 lần. Tất cả cùng ngồi xuống hỏi thăm nhau về sức khỏe, việc học hành, ăn uống, tu tập, kiểm điểm việc thiếu đủ ra sao; mỗi việc Trưởng Liâu cứ tình thiết trình bày để chùa bổ túc, cải thiện, nếu việc bất cập. Xong rồi chúng đứng lên tiễn Thầy Trụ Trì lui về. Cũng có thể tuần liâu vào 2 ngày Rằm và Mùng Một không cần treo bảng. Ngày nay tuần liâu tháng 4 lần, ngày mùng 3 và mùng 8 tụng Kinh cũng không làm. Mỗi khi gặp ngày Rằm, Mùng Một lễ thù ân chúc Thánh có nơi thay vào tụng Kinh; nói chi việc tuần liâu, Trụ Trì mỗi ngày sáng chiều 2 thời khóa tụng, lúc lạy Phật đi chung quanh lạy các thánh tượng, tùy nghi đi tới các liâu hỏi thăm huynh đệ, kiểm điểm việc chùa viện...

Chúng nghĩa ghi: Luật Tăng Kỳ ghi rằng; Thế Tôn lấy 5 việc, thường nên 5 ngày một lần đi tuần các tăng phòng vì:

1- Sợ đệ tử đắm việc đời

2- Sợ mắc vương luận bàn thế tục

3- Sợ đắm mê ngủ

4- Vì để xem xét chúng bịnh

5- Làm cho các tỳ kheo nhỏ tuổi quán oai nghi Phật, sanh lòng hoan hỷ.

Ngày nay vị Trụ Trì tuân lời Phật cũng đi tuần các liêu chúng như vậy. Đó là lý do đi tuần liêu mỗi tháng 4 kỳ.

---o0o---

1.3.6 Giữa chúng

Nói công khai là nghi cách khởi sự dừng lại cùng với tiêu tham, tương tự gần giống tiêu tham. Chỉ có Trụ Trì nói lời khai thị ngay tại thiền đường; trong khi nói công khai có nhiều loại không giống nhau. Như Trụ Trì nói, hoặc cáo hương, hoặc thông báo trước khi kiết hạ, giữa hạ, hay làm một Phật sự gì đặc biệt. Hoặc nhân thỉnh khai thị, hay cầu thầy giải quyết nghi vấn, vì hành giả mà thuyết, hoặc cảnh sách để khuyên bảo hành giả, hoặc khích lệ đạo đức cổ nhân... Vì lời văn dài ý nghĩa đầy đủ nên gọi là nói rộng (hay công khai). Bắt buộc hoặc ra lệnh khiến mọi người đều phải nói, tùy theo lời của họ mà bàn luận. Dùng giấy bút viết thành câu văn thật đàng hoàng nghiêm chỉnh ghi lại những ý chính quan trọng.

---o0o---

1.4 Cáo Hương

Tòng lâm cổ y theo luật kiết hạ, mỗi lần trước kiết hạ có phần cáo hương, chưa làm lễ cáo hương không cho nhập thất. Lễ cáo hương ở phòng Phương Trượng hoặc tại thiền đường. Nay theo thiền tông trong mùa kiết đông có thêm một ngày.

Khi có hiệu lệnh cáo hương, chúng đắp y hậu chỉnh tề vào bàn Tổ hay trước điện Vi Đà hộ pháp. Trụ Trì niệm hương, cắm hương lên lư, lễ 3 lạy.

Duy Na xướng tán:

Lư hương... Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát (3 lần).

Chúng đứng thành 2 hàng đối diện nhau. Thầy Trụ Trì bạch lớn giữa chúng rằng:

Nhà tối tâm giảm, mắt thần như điện sáng; thiện ác báo ứng như bóng theo hình chỉ có đến sớm hay chậm mà thôi, trốn không trốn lọt được. Cẩn bạch đại chúng, nghĩ kỹ mỗi sự thực càng nôm nớp càng kinh sợ thêm, hầu răn dè cẩn thận đó.

Bạch xong, đến trước tượng Vi Đà niệm hương, lạy 3 lạy, quỳ gối chấp tay bạch rằng:

Con tên... Trụ Trì, như tòng lâm không thông suốt, Phật pháp không lưu truyền là do chúng yểm che, tổn hại của tín thí, cho con đang trong số đó, bớt lộc giảm thọ, tật xấu vây thân, hoặc gặp nạn dữ, chỉ cho đại chúng thấy rõ. Khi mạng chấm dứt đọa vào trong 3 đường ác thú. Chỉ thần giáng lâm, lấy đó cảnh báo người sau.

Từ đây trở đi, mỗi vị nên chuẩn bị nhuần nhuyễn cho lời đọc cáo hương. Cáo xong xá một xá rồi lui về vị trí. Các chúng trưởng tiến vào niệm hương, quỳ bạch rằng:

Chúng con là... các chúng trưởng chúng A, B, C... Nếu 3 nghiệp không tinh chuyên, 4 oai nghi không toàn vẹn, buông lung thô tháo, nợ của thường trụ khiến cho chúng con hiện đời bị chìm đắm trong 3 đường ác. Ngưỡng mong oai quang chúng giám gia hộ chúng con tội báo tiêu trừ, căn lành tăng trưởng.

Kế tiếp, Duy Na niệm hương, quỳ gối chấp tay và đọc lớn tiếng:

Con... Duy Na: như do tư tâm tà chấp, ý thể khinh khi áp đảo, cô phụ nhiều người; chấp sự không tròn khiến con hiện đời...

Tiếp theo các vị Đô Giám, Giám Viện, Phó Trụ Trì, đệ tử kế thừa v.v... tiến ra trước điện Vi Đà đứng giữa niệm hương, xá 3 xá, quỳ gối chấp tay bạch rằng:

Con Giám Viện, nếu dung chúng hẹp lượng, tâm thương chúng mỏng bạc, xâm công lợi tư, mê mờ nhân quả khiến con đời này...

Kế Phó Trụ Trì, Trì Chúng, Trì Khách, Chúng Trưởng, đệ tử kế thừa v.v...
hề người điều hành việc chúng đều ra bạch cả.

Con... Trì Chúng, nếu ghét nghèo chuộng giàu, trọng tục khinh tăng, phí của
thường trụ (Tam Bảo), do ý đồ ưa thích, khiến con hiện đời ...

Kế thiên đường thanh chúng... Nếu người điều hành nhiều lên 10 người
cùng ra trước bạch giống như vậy.

Con... Thanh chúng, nếu giải đãi (biếng nhác) tìm nhẹ lánh nặng, không làm
xong việc, tổn hao của tín thí, nợ của thường trụ...

Kế các chức sự khác 5, 10 người cùng lên tác bạch:

Chúng con... (nêu chức vụ đảm trách trong chùa), nếu không hết lòng làm
phận sự, cố hiệu làm chúng, phí của thường trụ mà giữ cho riêng mình an,
khiến chúng con hiện đời v.v...

Cáo còn có nghĩa kính cáo, bày tỏ cho bề trên biết, hương là thơm, là tinh
khuyết. Người dâng hương tỏ bày tận tâm lòng mình trong lúc làm việc không
tránh khỏi va chạm, mục đích là để thân mình chứng minh; cho đại chúng
hiểu rõ phận sự điều hành của mình, và cũng để tự thân khắc phục sửa sai lỗi
lầm sai phạm. Tất cả chức sắc điều hành viện đã ra dâng hương bày tỏ xong,
đứng thành 2 hàng chúng xây mặt đối nhau. Duyệt Chúng lấy mỡ nhỏ tất cả
cùng ngồi xuống tụng Kinh Phạm Võng về 2 giới không phát thệ nguyện,
như sau:

Phật thuyết Kinh Phạm Võng, phẩm Bồ Tát tâm địa, nếu Phật tử, thường
phải phát nguyện hiếu thuận với cha mẹ, sư tăng, mong gặp được thầy hay,
bạn tốt, bậc thiện tri thức, thường dạy ta Kinh Luật Đại Thừa về 10 phát thú
²⁶, 10 trường dưỡng ²⁷, 10 Kim Cang ²⁸, thập địa ²⁹, khiến cho ta khai mở,
như phát tâm tu hành, kiên trì giữ giới luật Phật chế, thà bỏ thân mạng, niệm
niệm không rời tâm. Nếu Bồ Tát không phát tâm nguyện như thế, phạm
khinh cấu tội.

Nếu Phật tử phát 10 đại nguyện rồi, gìn giữ cấm giới của Phật, đọc lời phát
nguyện này: Thà đem thân này ném vào lửa dữ hừng cháy; hầm lớn, núi đao
trọn không hủy phạm Kinh Luật 3 đời chư Phật; và cùng tất cả người nữ làm
hạnh bất tịnh. Cũng nguyện rằng: thà lấy lưới sắt nóng buộc nghìn vòng
quần quanh thân trọn không để thân phá giới này. Nhận của đàn việt tín tâm
tất cả y phục cũng phát nguyện rằng: Thà dùng miệng này nuốt hòn sắt nóng

và chịu lửa dữ cuốn đi trải qua trăm nghìn kiếp trọn không để miệng phá giới này. Ăn của tín thí đàn việt trăm vị thức ăn, lại phát nguyện rằng: thà để thân này nằm trên lửa dữ lưới bao quanh sắt nóng trên đất, trọn không để thân này phá giới. Nhận của tín tâm đàn việt trăm loại giường, tòa ngồi lại cũng phát nguyện rằng: thà để thân này chịu 300 kim nhọn đâm vào mình qua một kiếp, hai kiếp, trọn không để thân này phá giới. Thọ của tín thí đàn việt trăm vị thuốc thang cũng phát nguyện rằng: thà đem thân này ném vào vạc đồng sôi trải qua trăm nghìn kiếp trọn không đem thân này phá giới. Nhận của tín thí trăm loại phòng xá, nhà cửa, ruộng đất, vườn tược, rừng cây cũng lại phát nguyện rằng: thà lấy dùi sắt dùi thủng thân này từ đầu đến chân khiến thành tro bụi, trọn không để thân này phá giới.

Nhận của tín thí đàn việt sự lễ bái cung kính lại cũng phát nguyện rằng: thà để trăm nghìn mũi dao sắt cháy đỏ đâm vào 2 con mắt, trọn không để tâm này phá giới. Thấy người hiếu sắc cũng lại phát nguyện rằng: thà lấy trăm nghìn dùi sắt đâm thủng nhãn căn trải qua một kiếp, 2 kiếp, trọn không để tâm này phá giới. Nghe âm thanh hay cũng phát nguyện rằng: thà lấy trăm nghìn mũi dao nhọn cắt bỏ mũi đi, trọn không để tâm này phá giới. Tham nếm các mùi thơm cũng phát nguyện rằng: thà lấy trăm nghìn mũi dao nhọn cắt đứt lìa lưỡi ra, trọn không để tâm này phá giới. Người ăn trăm món cao sang cũng lại phát nguyện rằng: thà lấy búa bèn búa rả thân ra, trọn không để tâm này phá giới. Tham đắm vuốt ve xúc chạm cũng phát nguyện rằng: nguyện tất cả chúng sanh đều thành Phật, thành Bồ Tát; nếu không phát nguyện ấy là phạm khinh cầu tội.

Tụng xong, đại chúng cùng đọc bài kệ hồi hướng:

Cúi lạy Vi Đà tôn thiên,

Oai linh thường phạt phân minh,

Kẻ thiện hay giáng phước,

Người gian ác gặp tai ương.

Cúi lạy Vi Đà tôn thiên,

Oai thường phạt phân minh,

Người trung thường giáng phước,

Kẻ nịnh bị cực hình.

Cúi lạy Vi Đà tôn thiên,

Oai linh hộ tòng lâm,

Người nào phá quy tắc,

Ương họa gặp tức khắc.

Cúi lạy Vi Đà tôn thiên,

Xét tra chân giả tình,

Hiện tại người bạch hương,

Thề ghi nhận tình tường.

Cúi lạy Vi Đà tôn thiên,

Tuần tra chúng phân minh,

Một câu hợp một câu,

Mỗi câu đáp rành rành.

Phật thuyết Kinh Phạm Võng, vì có người phát nguyện thọ giới, giữ giới nhân đây khuyên gắng giữ gìn; kẻ phá giới nhân đây chữa lành (bịnh). Nếu nói tâm chân chánh cần dùng lời thề nguyện làm gì: đây với người ngôn từ hoa mỹ muốn lung lạc tâm kẻ khác để thủ lợi, sợ đứng thề trước thần, tại sao phải tại tòng lâm? Vi Đà thiên cầm chày đáng sợ nên cần trọng chớ tự dối mình mà phụ lòng người cáo hương. Bướng bỉnh ngẩng đầu phanh da khẩn lạy thần linh hiển gia tăng gấp 3 lần làm cho tòng lâm sắp suy hoại bại, gian tà dần tiến tới; khẩn cầu lực Thần Thánh chóng ban ân phước để trừ sạch.

Tụng xong cử tán bài:

Thần Vi Đà thiên tướng

là Bồ Tát hóa thân

Ủng hộ Phật pháp nguyện cao thâm

Cầm Bảo xử trừ ma quân

Công đức thật khó lường

Tùy loài giúp quần sanh.

Nam Mô Phổ Nhãn Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Chúng nghĩa ghi rằng: cáo hương lập thệ; lời thệ hẳn là tâm phải bền vững; mới đầu tâm còn yếu nên phải cần hành trì. Nên phát thệ nguyện để giữ mình. Nếu không phát tâm thệ nguyện đạo do đâu thành chứ? Kinh Tăng Nhất A Hàm quyển 38 ghi rằng: Tỳ kheo không phát thệ nguyện trọn không thành Phật đạo. Phước của thệ nguyện vô cùng không thể kể hết, như vị cam lồ rưới sạch một nơi. Muốn duy trì tông lâm hẳn cần nên cáo hương để chứng tỏ sự thanh bạch. Nhưng thanh bạch cùng không chỉ mình tự biết, người khác không biết được. Con người không biết nhưng thần minh biết rất rõ. Giả như có ngu tăng dối láo dối với thần tự cho rằng thần là gỗ, bùn đất; nếu tỏ ra khinh thường tham muốn bùng bít ắt rơi vào quả báo xấu ác. Giả sử hiện thời chưa bị quả báo, cuối cùng hẳn thọ nhận lấy họa tai. Không ai chạy trốn được, không đáng sợ hay sao!

Hỏi: Nguyện phân nhiều là mong đợi, thề là loại nguyện rửa, dường như không thích hợp với người tu hành?

Đáp: Thề, nguyện là ý chí vô cùng mạnh mẽ; trong khi nguyện rửa có hàm chứa ý thâm độc oán hận bên trong. Có chi cho tâm dũng liệt, mạnh mẽ là độc hại chứ? Cũng như 4 nguyện sâu rộng chẳng phải thề ư? Bồ Tát tu hành không có 4 lời thệ nguyện đó hẳn không có cơ sở thành Phật; cũng đâu giống như đem lời nguyện rửa để nghi sao?

Tóm lại, điển tích cáo hương quan hệ ở tông lâm không nhỏ vậy. Hành cáo hương là người biết sợ. Giả sử người có lời hoa mỹ cũng bỏ bớt được. Cáo hương phé bỏ nên lỗi nhỏ cũng không chừa. Vì vậy, tông lâm được hưng thịnh do hành cáo hương; tông lâm sắp suy, vì bỏ cáo hương vậy. Thẹn hưng suy là ở điểm này.

Ngu Am Chích Cổ ghi rằng: Từ Thoàn Phúc thiền sư chủ trì Thiên Đòng 20 năm ăn không trái chúng, dù bịnh cũng không trái chúng vâng theo rất là chặt chẽ, đãi chúng thật là tốt đẹp. Có một sư chú tri khó (coi thủ kho ở chùa) biết trong kho đã cạn, đến xá sư bạch:

- Con đã hết sức xoay xử thêm được một lần; kho trống trơn không dám tự chuyên xin nạp vào Tam Bảo.

Sư Phúc giận nói:

- Ông để kho trống rỗng ắt giữ theo cái xảo ngôn vô nghĩa đối với vật; tiền bạc của Tam Bảo dung túng cho Ông làm việc bất nghĩa ư?

Không nạp vào là tranh của người khác, đâu phải của riêng tiểu sư? Nạp vào của thường trụ đã hiếm nghe thấy; còn giận không nạp đều là tranh đoạt của người khác. Duy trì việc cáo hương đây rất là trong sáng. Người xưa như thế kham nhẫn làm sư biểu (thầy người) mà cáo hương cần phải biết đó.

---o0o---

1.5 Tụng niệm

Việc tụng Kinh hoặc chúng ở chùa tụng, hoặc thí chủ phát tâm tụng cũng phải nên qui định trước. Nay dựa theo thí chủ nêu thí dụ: quan chức tới chùa; Thầy Tri Khách và Thầy Trụ Trì tiếp đón (như tiếp khách tăng vậ). Nếu không phải nhân vật quan trọng, tiếp tại phòng khách như vị tăng khách. Dự định ngày lập đàn tràng trang nghiêm (xem chương Chúc Diên), viết thông báo như sau:

Tháng này ngày... quan chức... hộ pháp, vì việc... xin tụng Kinh... hồi hướng công đức, đánh lễ...sám hối, cùng chư sơn thiên đức; ngày kế luân phiên mỗi ngày... vị như bên dưới:

1- Thầy A Thủ Tọa

2- Thầy B dầy nhà Tây

3- Thầy C dầy nhà Đông

Hoặc dành ngày khác, hoặc 3 ngày thay đổi một lần, từ Chúng Trưởng đến đại chúng, trong ngoài đều tham gia.

Lúc vắng, Kinh sư trước hết lên phòng Phương Trượng đánh lễ Hòa Thượng. Thỉnh Ngài khai thị (cho tôn ý) trước khi vào nghi. Tri Khách mời thí chủ niệm hương thành kính trang nghiêm, cắm hương lên lư, lễ 3 lạy; Thầy xướng cho thí chủ đánh lễ chư Tăng 3 lạy. Nếu nhân vật quan trọng thì

tỳ nghi không cần đánh lễ. Ngày kế khai Kinh. Mời thí chủ niệm hương, cắm vào lư, lễ 3 lạy. Hôm nay chính lễ có đọc sớ, cúng ngọ. Thời tụng Kinh viên mãn trở lui về phòng Phương Trượng để trai chủ hậu tạ Sư, không nên tạ bên ngoài làm mất trang nghiêm.

Nguyên sách về tụng niệm sau, tiếp theo phần cúng thủy lục qui định 9 môn. Nay để lại sau cuối quyển.

---o0o---

1.6 Qui Ước Tụng Niệm, 11 Điều

Tòng lâm cỏ ả nơi non cao không liên hệ với thế tục; ngoài nghi chúc Diên (Ly) ra, không theo thông thường đáp ứng. Đúng là đại sự không rõ, việc nhỏ không bận tâm; cứ chạy theo thù ứng làm tán thất đạo niệm. Ngoài ra, như chưa tự độ lấy gì độ người, nên kinh ghi rằng: chỉ một việc Du Già cũng là việc lợi sanh của đấng địa Bồ Tát, không phải việc thích nghi của phàm phu sơ tâm. Song sợ đời sống tòng lâm thanh đạm thiếu thốn làm cho nhà tu giải đãi; lui sụt pháp tu không đạt được, nên cần phải tụng niệm để được tinh tấn. Nhờ đạo tràng đối trước kinh tượng, tưởng như đối trước Phật vậy. Tụng Kinh vẫn nghĩ tới nghĩa Kinh; làm việc gì cho đạt kết quả ắt làm cho thân, miệng, tâm hợp nhau, không hôn trầm (ngủ gục), không tán loạn, không giải đãi, không tham lợi; biết nhân quả, biết tâm quý, sợ nghiệp lực. Nếu như thế không cần độ người mà tự độ người; không chờ lợi ích mà tự lợi ích. Cho nên nói rằng: người lấy của cho ta, ta đem pháp cho người, so ra 2 việc bố thí không khác mà do nơi ta có thể quyền phương tiện làm, như đánh trống. Không đọc ra tiếng hoặc không biết chữ mà xem Kinh, lễ sám như chà gạo. Không quán tưởng nên tâm không thành thật; thân đối trước tôn tượng mà mắt nhìn hướng khác, miệng tụng kinh sám mà tâm dấy niệm riêng tư. Như thế cho thấy trước mắt đạo tràng tòng lâm suy vi, tương lai chính ta chịu khổ. Lấy pháp tự lợi làm lợi người; trái lại lấy cái sai lầm của mình gán cho người tội sai lầm, há không cần thận sao?

Những qui định (11 điều) ghi rõ như dưới đây:

1- Người tụng Kinh, ngày hôm trước thấy tên mình có nêu trên bảng lo tắm gội sạch sẽ, sáng hôm sau tụng kinh sám hối. Nên để mắt, để miệng và để tâm đến lời Kinh, không nên lúc tụng kinh sám mà nói bàn tạp nhạp; cũng không được ngưng tụng để nói chuyện. Nếu bàn tạp đùa cười trong lúc tụng kinh sám sẽ bị phạt tiền là một tiền 8 phân (khoảng US\$10,- bây giờ). Người

ở sau mình bàn tạt phạt 8.01 phân. Lúc tụng niệm không được quay đầu liếc xem người, trông vật 2 bên.

2- Nhứt tâm tụng Kinh chữ chữ rõ ràng, tụng không ra tiếng, sau khi khóa lễ xong, phạt rất nặng. Nếu làm mất sự nghiêm tịnh không chí thành phạt 3 phân tiền; tụng lớn tiếng một mình át chúng phạt 6 phân tiền. Kinh sám nên tụng hòa nhau với chúng.

3- Người chủ lễ không được tán tâm vọng tưởng mà phải nhứt nhứt đúng kinh văn, chí thành niệm quán.

4- Chỉ cho Phật tử không nên gấp gấp gián lược mà nên nhứt nhứt theo văn, tụng có thứ tự. Xử dụng chuông trống cũng phải nhẹ nhàng trang nhã không nên làm phiền người khác.

5- Tụng kinh và thí thực, khóa lễ chưa xong, không được thâu tượng Phật, dọn đồ đạc trước, làm mất trang nghiêm.

6- Cúng thí thực nhất nhất theo văn chí thành kết ấn, tụng chú, quán tưởng. Ba nghiệp hợp nhau không nên sân si cãi lầy; đọc nhanh cho xong khóa lễ, văn bạch cũng vậy.

7- Người phụ trách việc hương đăng trong ngoài đều phải thanh khiết, chú ý tới đèn nến. Giữa đàn tràng thủy lục lại càng phải thận trọng hơn về đèn đuốc.

8- Hương đèn, quả phẩm v.v... nếu có rớt dưới đất không dùng; đồ đã cúng cũng không dùng lại.

9- Rau dưa, cơm nước v.v. phải nấu chín có vị, không được thêm các mùi, không nên cúng đồ khô, vật sống.

10- Người phạm tranh cãi phạt tiền 8 phân. Nếu tranh cãi làm mất oai nghi phạt 1 tiền 8. Người không tuân hành cho ra khỏi chùa. Khoản tiền phạt đó cho ghi vô sổ tài chánh để chùa tu sửa tượng Phật, kinh điển.

11- Kho lẫm nên để tâm trông coi sắp đặt các đồ dùng ngăn nắp, không nên bỏ bừa bãi.

Những điều qui định trên nên chấp thuận tuân hành; nếu không như vậy, tự chuốt lấy hoạn họa mà việc trước mắt là phạt người phạm Thanh Quy, và về sau ắt chịu nhân quả, há không thận trọng hay sao!

Ngày...tháng...năm... Trụ Trì....sao lục.

Chúng nghĩa ghi rằng: phạm tụng niệm là chuyển pháp luân. Xưa tăng chúng xưa nay phần nhiều hay cầu thả, tội lỗi không nhỏ. Vân Thê Pháp vưng ghi: Xưa tại Ô Trấn có vị tăng chùa Lợi Tế, hai thầy trò đều nổi tiếng được khen rất nhiều, nhờ tụng kinh sám ngày càng lợi nhiều. Nhân vì đầy đủ sung túc nhưng lại dè xén không hưởng cũng không bố thí. Về sau, mắc bệnh người nhà đón về trị bệnh, chẳng bao lâu bèn qua đời. Khi sanh tiền lo tích chứa, rốt cuộc để thân tộc hưởng. Mười năm sau ông hiện về báo mộng cho người thân biết rằng, Kinh tụng chưa đủ, âm phủ hạch tra rất gấp, khổ không thể tả hết! Người đời còn truyền tụng câu rằng: Điện chớp ánh sáng thấy chữ đọc hết không lừa dối! Ghi câu chuyện ấy để nhắc nhở cho người hữu duyên. Ngoài ra, cúng thủy lục trước sau có liên quan tới tụng kinh sám tiếp tục không gián đoạn; kể làm gấp gấp như chọn quan chức, mời Kinh sư, bận rộn như báo tin mừng... Tụng Kinh sám ngày càng thịnh; đạo đức ngày càng suy. Tông lâm đến như thế, không báo động hay sao! Quả là đáng buồn!

---o0o---

1.7 Lập Hộ lường đồ cúng

(đóng hộ đong lường đồ cúng)

Phạm tiết Thanh Minh, Trung Nguyên, rằm tháng mười, đêm trừ tịch... lập hộ cúng. Trước tiên ngay hôm lễ buổi chiều dán thông báo ở phòng khách. Thông báo rằng, tối nay... tại giảng đường thiết hộ (hoặc thí chủ có việc tùy đó thay đổi). Chính giữa là Hòa Thượng hay Sám Chủ (tùy theo thay đổi), tả bạch Thầy A, B; hữu bạch Thầy C, D, 4 vị. Tòa chính giữa do chức sự mời vị chủ sám trình bày rõ tại trai đường. Mời các chức vụ Duy Na, Duyệt Chúng, Trì Khách, công văn (viết sớ, giấy tờ), ẩm thực, hương đăng, hầu đàn, trà nước, tiếp tân, thủ quỹ... đều chiếu theo các pháp cụ lập.

Chúng nghĩa ghi rằng: Việc thiết hộ đến nay phần nhiều là ngụy tạo, nói tóm có 10 điểm. Chiếu theo Mật bộ nghi quy: sắp sửa muốn cúng thí thực, trước hết phải kiết giới hạn để trở thành nơi thanh tịnh. Phép kiết giới hạn:

lấy cây cắm 4 góc làm mốc, lấy dây giăng làm cho người, vật không vào được phạm vi; sau đó lập đàn thí thực, đàn quỷ thần. Tục thường gọi là đài Hàn Lâm cũng còn gọi là đài Cô Hồn; và lập 2 bên giới nội bàn chư tiên linh. Đàn thí thực đến đàn cô hồn khoảng giữa lấy 3 mét vải trắng ngăn ra 3 đường. Đợi cho tới đầu giờ Tuất, pháp sư cùng vào ngồi đàn. Trước hết tụng chú đại bi, chủ sám sái tịnh bốn góc đàn tràng, quán tưởng giới nội dùng lực thần chú và lực quán tưởng biến thành tịnh địa. Vì nền đàn tụng 3 biến chú đại bi, vị pháp sư trước bàn thí thực đứng ngay chính giữa; tả bạch, hữu bạch xướng, Kinh sư theo đó quán tưởng giới nội đất tịnh rộng lớn vô cùng. Trống phách khua vang sáng tỏa 7 vì sao, như xướng A Di Đà Phật thân kim sắc, tất cả đồng xướng kệ tịnh địa như sau:

Hết thủy cạnh vuông chỗ có đất

Ngói, sỏi, cát, sa mạc đều không

Lưu ly đất báu như bàn tay

Vì diệu uyển chuyển mong an trụ

Như cõi Cực Lạc thật trang nghiêm

Đất báu hoa phô trở sắc hương

Vườn rừng, ao rạch không thiếu chi

Vì đại pháp âm mong đầy đủ

Vượt ngoài thế gian lại hay hiện

Vô số thất bảo đều thành tựu

Vô lượng ánh sáng chiếu khắp nơi

Mong chư Phật, Bồ Tát an trụ.

Xướng xong, hồi 1 hồi 3 tiếng trống; pháp sư đọc kệ:

Trước kết đại luân minh vương ấn

Gia trì đàn tràng thủy thanh tịnh

Con nay y giáo tụng mật ngôn

Cho con đều đạt thành như nguyện.

Đọc rồi, liền thầm đọc Chú đại luân minh vương 21 lần. Chú nêu rõ nghi cách cúng thí thực. Đọc chú xong, tiếp tán:

Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Đây là Mật bộ không ảnh hưởng, không theo kết giới là một sự thất cách. Lại theo Kinh bốn Phật thuyết tại nước Ma Già Đà, có chỗ dùng học, vì đồ ăn, đồ uống này lượng như pháp giới; thức ăn vô tận. Nay y cứ theo nước ta (Tàu) một học tương đương với 5 đấu (thăng). Phàm thí thực phải dùng 5 đấu gạo nấu cơm để thành núi cơm; 5 đấu bỏ thùng hấp chín có mùi thơm, để thành núi rau. 5 đấu nước trong thanh khiết để thành biển sữa mới hợp lời Phật dạy. Cúng xong, sáng sớm hôm sau đem cơm này chia thành 3 phần:

- 1- Cho loài sống dưới nước tức tại hồ phóng sanh hoặc sông lớn, hay biển
- 2- Cho loài bay tức chỗ phóng sanh hoặc nơi núi vắng
- 3- Cho phương khác, tức cho kẻ ăn xin hay những người nghèo khổ.

Nếu không có chỗ phóng sanh, đem cho người thiếu thốn nơi biên địa; thấy cơm không đầy một chén, rau không trái một đôi dưa hoặc ăn ngẫu nhiên quả một ít thì gọi là 7 hạt biến 10 phương; nhưng nước hoàn toàn không có; còn hơn là chẳng biết 7 hạt biến 10 phương, đó là phép cúng thí xuất sanh 2 bữa ăn mỗi ngày. Lúc chur tăng dùng bữa, nhưng luôn thực hành là đối thứ nhưt. Lực hành động, cúng xuất sanh không nhiều, thí thực chuyên làm vậy để duy trì. Phải cần hình tướng hoàn bị nên y lời Phật dạy, dùng pháp Ma Già học nên gọi là thiết học tu trai. Thêm pháp lực thần chú có thể làm cho một món ăn biến thành vô số thức ăn cung cấp cho hết thấy mọi loài đều được no đủ. Lại sợ các loài lấy sang khinh hèn, lấy mạnh hiếp yếu, lẫn át kẻ cô thế yếu đuối khiến không được ăn làm mất sự phân đều, vượt ngoài tâm từ của Phật nên thỉnh Tam Bảo và chur thần linh gia tăng sắc lịnh duy trì của bố thí cho ta. Hết thấy vô ngại, không cao không thấp, không chọn lựa oán thân mà cho đều bình đẳng. Xưa nay phần nhiều không theo đúng pháp chỉ dùng đấu (hộc) bằng tay, không đong lường cơm. Đúng là đồ ăn chưa phân đều, hoàn toàn thành hư thiệt, đó là điểm lấp lũng thứ hai.

Lại việc thí thực hoàn toàn chú trọng vào tự răn có quán Định, quán Huệ, có thủ ấn, có chân ngôn, cho đến ca xướng nhằm trợ giúp đạo mà thôi. Đây không đặc giới định, không quán tưởng kỹ, tay ấn bắt sai, chân ngôn mơ hồ, nhằm xướng không cốt để làm đúng việc ứng phó mà vị tăng không cần làm như thế. Đạo đức tông lâm cũng bắt chước mà không tế nhận, thậm chí lấy rượu làm đồ trọng kính, đào lựu cung hiến mà không biết lỗi. Đó là ngụy tạo gian dối thứ ba.

Lại tế cô hồn nguyên là để gọi việc thí thực mà chú trọng tới cơm rau nhiều. Nước nhiều, có thể biến khắp nơi làm cho đỡ khát tới cõi âm; vật cứng loại như áo giấy mà cũng đem bố thí nhưng nay thì đã chấm dứt. Nay ngược lại, cơm rau, thức uống không hợp nghi cúng Phật dạy; nhưng gia chủ ham uống mua sắm tốn phí thật nhiều mà không thành tâm tạo niệm cảm thông; không cứu khổ được cô hồn đói khát. Mãi theo tục cố nhiên đều điên đảo, là điều ngụy dối thứ tư.

Lại lập đàn tế cô triệu mời các hồn đến, quan trọng nơi 3 đàn thí: đàn thí ăn uống, những vật tư sanh, thí các thứ đó phá ngục trừ dứt các tội; vô úy thí là cho 3 pháp quy y 7 đức Phật; và pháp thí là ban cho giáo pháp giải thoát. Song 3 môn thí này có đủ trước đàn pháp để chúng được lợi ích, có chiếc đỉnh u minh cũng nên đặt trước đàn; đợi tụng xong chú Tôn Thắng sau mới đem đốt. Sắp đầy đủ các thức ăn, đúng pháp, đủ đồ vật là đã cứu đói khát rồi. Lại chuyển sang con đường thiện mới là điều hữu ích. Nhưng trước cúng Diêm Khẩu chưa triệu quỷ xong mà đã tới trước che lói đốt đỉnh u minh khiến bọn quỷ không được đầy đủ 3 pháp. Vì chúng quỷ thọ đồ mình khí nên không nghe được pháp; thọ thức ăn, yêu pháp là quỷ mất đồ mình khí. Ngoài ra, không đốt đồ mình khí trước đàn thì không linh kỳ, giám quan tin bọn quỷ kia ý mạnh khi yếu giành lần không trừ, thí không bình đẳng. Hoặc cây đào lựu ở bên, liền hóa giấy tan đồ ăn là quỷ sợ khiếp không dám tới nhận, hoặc đốt lửa chưa cháy hết mà quét tro, làm tan bột không dùng. Ngay việc đời chẳng biết đó là trái, là dối thứ năm.

Lại nữa, thí đàn pháp thực toàn phát xuất từ Mật bộ (Mật giáo) nay chỉ nói sơ lược. Dùng 2 chiếc bàn vuông lớn, một cái phía trước thiết bàn Phật cao hơn, rồi tới lư hương, chân đèn, bình hoa, đĩa quả. Ở bàn thứ nhì, hoa, hương đèn, đồ quả, nhạc. Tượng Mẫu lục thiên hoặc lấy gỗ chạm, hoặc dùng đồng nhuộm đúc với nhan sắc y trang đẹp. Sáu vị mỗi vị một màu, một mặt, 4 tay đồng kiết ấn; 2 chân, chân trái múa, chân phải quỳ. Hai tay, mỗi tay cầm sách dâng lên, mặt hướng về Phật. Hoa Mẫu cầm hoa, áo màu hồng nhạt, tiêu biểu ban thí. Hương Mẫu cầm hương, áo màu vàng, áo giới. Đấng

Mẫu cầm đèn, áo màu hồng, tiêu biểu nhĩn. Đồ Mẫu bung nước, áo màu trắng, tiêu biểu tán. Quả Mẫu cầm quả, áo vàng hồng, tiêu biểu định. Nhạc Mẫu cầm nhạc khí, áo màu xanh lục tiêu biểu huệ. Dưới chân tượng đạp lên hoa sen, dưới hoa đều có chữ Ân hồng. Chữ đứng ở mặt đài. Đại chúng xướng chữ Hồng phát ra đồng xuất. Lúc tán, pháp sư tay không cần bắt ấn, chỉ lắng lòng nhắm mắt tưởng sắc tướng 6 mẫu thiên theo mỗi hướng một chữ Hồng. Chữ Ân đồng xuất, đã hiện rồi mặt tay phóng quang. Mỗi mẫu cầm hương, hoa v.v... cúng dường Tam Bảo, đây gọi là vận tướng cúng dường. Hàng thứ ba kiệu Phật ở giữa vẽ giống như hình bảo tháp, bên trong đặt hình Phật Tỳ Lô Giá Na. Sau kiệu Phật đặt một cành tre trên có móc nhỏ treo một lá phan, viết chính giữa Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Ngoài ra, ở 4 hướng đặt 4 tượng Phật mặt hướng vào Phật chính giữa. Sau ngọn lửa liên tòa đang cháy cũng có một cành tre trên đầu có móc nhỏ, 4 phía đều treo mỗi bên một lá phan trên đó viết: Đông phương A Súc Như Lai, Nam phương Bảo Sanh Như Lai, Tây phương Vô Lượng Thọ Như Lai, Bắc phương Bát Không Thành Tựu Như Lai. Hai bên Phật giữa lại đốt một cây đuốc lớn. Sau Phật trung ương tức là sau bàn bát tiên, hàng thứ nhất dùng giá để một kiếng lớn lên tượng trưng cảnh đàn, chỗ Chuẩn Đề thuyết pháp. Trước tấm kiếng là bàn Mạn Đát, sở dĩ nói Mạn Đát vì gọi theo tiếng Phạn, Trung Hoa gọi là Đàn. Đàn này dựa theo một thế giới mà luận chung, không phải chỉ nói có một châu Nam Thiệm Bộ; đàn như núi Tu Di của trung thế giới. Chỗ tòa pháp sư ngồi như châu phía Nam, 4 châu đều châu núi Tu Di. Châu Nam ngồi phía Nam hướng về phía Bắc; sau đây dựa theo phương Nam mà luận. Núi Tu Di ở phía Bắc, vị trí của Nam Bắc đã định thì châu phía Đông hợp bên phải, châu phía Tây hợp bên trái. Nương theo đây bày gạo nhập quán. Trước Kinh sư là bàn đặt hoa, gạo, chà, linh; 2 bên theo nghi thức có 4 bản khác nhau, đây là bản quy định chính. Trước kia phía trước đàn, ngự dùng 5 phương đồng tử, giữa đàn bày cúng nước, trái cây, chẳng biết Phật quá ngộ không dùng; sao còn dùng quả, thức ăn đặt bày ra trước đàn? Lầm lấy hướng Nam trên hướng Bắc dưới; Tây bên phải, Đông bên trái, là ngự tạo thứ sáu.

Lại, văn thí thực một cuốn dày, phần sau nửa cuốn trong đó có cả kệ văn, ấn chú đều nên tụng chậm rãi. Nửa quyển trước từ phần mở đầu đến triệu thỉnh Địa Tạng đều là câu Phật Pháp Tăng Tam Bảo chứng minh, xin tế độ bạt trừ khổ mà thôi. Chỗ có kệ có thể ca giọng xướng tụng khoan thai trầm bổng. Ngày nay trái lại trước tiên ở dưới đàn tất cả thiết trí phía trước, mọi phần tụng niệm, thậm chí thượng đàn và nhĩn đến thỉnh riêng biệt than kể mỗi mỗi cao xướng, hòa hườn lúc yên vắng; ngay đến phá ngục triệu thỉnh nga qui, cũng như đọc chú Tôn Thắng, nên phải vận tâm quán tưởng tụng hòa

hườn đi đến gấp rút như gió thổi. Thậm chí tụng Kinh chưa xong mà thu dọn đàn, trên là khinh mạn Phật thánh, dưới dối trá quỷ thần. Cả việc đời không biết đó là điều dối thứ bảy.

Lại việc thí thực, kết giới thượng đàn hợp tại cuối Dậu, đầu Tuất trong khoảng 2 giờ Tuất, Hội hoàn toàn thuộc ban đêm (âm) là thời gian quỷ thần không sợ. Thí thực cho họ lúc đó hẳn thọ được nhiều lợi lạc hơn. Giờ giao nhau là đầu giờ Tý dương khí chuyển thanh nhưng khí âm suy, quỷ sợ hãi, cúng thí pháp thực, bọn quỷ không dám tới thọ. Sát tới gần giờ Mậu, Mùi còn chưa đăng đàn đến canh 5 mới xong, hoặc một đêm đăng đàn 2, đăng đàn 3 là hao tổn đồ vật, lừa đảo quỷ thần. Chỉ biết rõ tâm nguyện không nghĩ tới âm linh, đó là điều dối thứ tám.

Lại thí thực là kết duyên rộng cùng chúng quỷ, trước hết nên ban cho họ pháp vô úy. Vì thế trước kết giới hạn không cho người vật nhập vào giới nội để làm cho đàn tràng được thanh tịnh; lợi ích người còn sống và loài quỷ cõi âm. Âm thường sợ dương nên trước đàn thí thực không người nào được chạy qua lại. Giá như bất đắc dĩ nên đứng phía sau đàn. Gần đây hoặc vì ngày Vu Lan Thắng Hội tiêu biểu, hoặc vì cầu được bình an là chính mà kết đầy đèn giấy treo khắp chỉ thân, mời gọi nam nữ tụ tập như xem trò vui chơi, quán sát những màn lạ mắt, đôi khi cả đại nhạc hội làm náo nhiệt; thuần lấy khí dương của người lấn át đó, xua đuổi quỷ thần tránh xa, không dám tới theo lời mời thỉnh; còn tổ tiên của bản địa cũng sợ mà lánh sang một nơi khác. Như thế dù cho có bày đồ vật cúng cũng khó mà kết nạp quỷ tới thọ hưởng; trái lại còn làm quỷ giận nữa. Việc đời chẳng biết, đó là điều dối thứ chín.

Lại khảo cứu nơi kinh tạng, duyên khởi ban sơ của việc thí thực, chỉ Phật thuyết Kinh cứu bạt diệm khẩu nga quỷ Đà La Ni, do Ngài Bất Không dịch. Ngoài ra, Ngài Thật Xoa Nan Đà dịch là Kinh Phật thuyết cứu diệm nhiên nga quỷ Đà La Ni thân chú, tức dịch trùng Kinh trên, mà đầy đủ chỉ có biến thực chân ngôn mà thôi. Ngài Bất Không lại dịch: Du Già Tập Yếu, Kinh cứu A Nan Đà La Ni Diệm Khẩu nghi quỷ. Nối tiếp A Xà Lê lại cũng dựa Kinh này đưa vào chi tiết là Du Già Tập Yếu, Diệm Khẩu thí thực nghi quỷ. Quyển này hiện còn thấy trong Đại Tạng, đơn giản quan trọng chỉ một điều là triệu thỉnh chung pháp giới 6 loài, và nghi triệu thỉnh nga quỷ ẩn chú v.v.. Không nại người đời, thích trau chuốt miệng lưỡi thêm triệu thỉnh riêng, thán kê v.v.. những việc đời, thường gọi là Hải Thượng Diệm Khẩu là đây vậy. Thậm chí như tìm lục trong Đại Tạng nguyên bản tra xét nhưng không gặp. Nói pháp có Thiên Cơ đại sư mắt thấy đi trên biển là trái lời Phật dạy.

Lược bớt, bỏ chỗ phức tạp rườm rà không hợp ý người sau. Nhưng thêm vào phức tạp là sách lưu thông tới ngày nay. Ngoài ra, y cứ sách Vân Thê, khảo cứu bản chánh đều không thấy có kết giới ngũ phương. Xưa nay việc tốt hơn hết nên mời 5 vị pháp sư thiết 5 đàn đông, tây, nam, bắc, trung ương 5 đàn pháp. Đương nhiên gọi là 5 phương kết giới; nên như phần trên nói về kết giới để kiết giới; tức 4 phương 4 vị pháp sư, mỗi vị nên trì một bài chú: Đông Bắc chú Lăng Nghiêm, Đông Nam chú Đại Bi, Tây Bắc chú Tôn Thắng, Tây Nam chú Tùy Cầu. Ngày nay 4 phương bỏ trống mà chẳng trì chú, đối xung niệm quán, đó là điều nguy thứ mười vậy.

Trên đây là 10 điều đối, thiếu nghĩ suy không lợi ích mà còn e có tổn hại nữa. Tục ngữ có câu: đoản thọ miệng lừa, đúng là đây vậy. Người cúng thí thực há không thận trọng ư? Vì thế, muốn học cúng thí thực, ngoài phải đối 10 điều đối này thành 10 điều chân thật, trong phát tâm vô thượng Bồ Đề, trước tập quán chiếu và các ấn chú đều làm cho thuần thực không được sai lầm. Nếu như lỗi lầm không thành khế ấn, hiền thánh không hoan hỷ. Phạm việc cầu nguyện mà không đạt thành tựu, người chủ trì phải biết đó. Sách chư gia thí thực sơ có giải thích điểm này.

---o0o---

1.8 Xông Hương Tháp

Xông hương tháp, trai chủ và quý Thầy, mỗi vị cầm hương mà đi nhiều tháp, nên gọi là xông hương tháp. Nay chỉ tụng kinh mà không cầm hương làm mất chỗ cung kính.

Trai chủ đến phòng khách nên tiếp mời cơm nước giống chư tăng; lập tức thông báo như sau: hôm nay... giờ, có đạo hữu... tới xông hương tháp, xin mời ... vị như danh sách dưới đây... A, B, C, D... liên báo cho tháp chủ, trên dưới trong ngoài tháp quét dọn sạch sẽ. Cử 2 người vô kho lấy đèn dầu, đèn bảo, đèn bàn, chén nhỏ các thứ. Mỗi chén để dầu đầy, đèn bảo 7 ngọn. Tới giờ tập họp chúng để xông hương tháp, Thầy Trì Khách mời trai chủ niệm hương, Thầy Duy Na cử tán bài: Lư hương... Thí chủ lễ 3 lạy xong, Duy Na bắt tán bài kệ nhiều tháp sau:

Cung kính quán tháp

Nguyện cho chúng sanh

Người và chư thiên

Cùng được chiêm ngưỡng.

Đi nhiều bên hữu tháp

Cầu nguyện cho chúng sanh

Bước đi không trái nghịch

Thành tựu như thiết trí.

Nhiều tháp 3 vòng

Nguyện cầu chúng sanh

Đạt thành Phật đạo

Tâm không giải đãi.

Tán kệ xong, Duy Na cử nhịp, đại chúng tụng hòa như:

Nam Mô Đa Bảo Như Lai,

Nam Mô Bảo Thắng Như Lai,

Nam Mô Diệu sắc thân Như Lai.

Nam Mô Quảng Bác thân Như Lai,

Nam Mô Ly Bồ Úy Như Lai,

Nam Mô Cam Lô Vương Như Lai ,

Nam Mô A Di Đà Như Lai.

Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật.

Vừa tụng vừa đi nhiều, bắt đầu từ hàng đầu đi phía tay phải, tiếp theo hàng thứ hai cho tới hàng sau cùng, đều đi nhiều 3 vòng. Rồi từ trên xuống dưới cũng đi nhiều 3 vòng như vậy. Xong Duy Na dứt niệm Phật, liền bắt sang bài kệ tán thán tháp:

Đánh lễ tôn tháp

Nguyện cho chúng sanh

Hết thấy nhân thiên

Không thể thấy đảnh.

Tán xong Duy Na xướng lễ:

Nhứt tâm đảnh lễ Đa Bảo Như Lai, (7 Phật như trên) Thích Ca Mâu Ni Như Lai, chúng đều lạy 48 lạy, ít nhất là 12 lạy. Trước giờ ngọ phải cúng ngọ, nếu sau ngọ, không phải cúng. Mỗi ngày 3 lần hoặc 2 lần tụng Kinh tùy ý, tối lại đốt đèn để cho tới sáng hôm sau, lại đi nhiễu xông hương tháp như trên một lần nữa.

Duy Na đọc sớ như sau:

Lại vì, thấy ánh sáng của xá lợi lung linh trải cùng khắp pháp giới, cao rộng như cõi Diêm Phù Đề phảng phất biến chiếu cõi nhân thiên. Rưới nước thơm xin quét bụi bặm, đốt đèn sáng mà giao bái, hết lòng thành khẩn thiết, ngưỡng mong chiếu soi.

Kê đèn vào hương quán (đền miếu làng), ngày... tháng... năm... vì việc...

Thành tâm niệm (tên)...trải qua bao kiếp trôi lăn không ngộ nhập cảnh giới thay đổi của Pháp Hoa, nhiều đời đắp đổi gặp được ánh sáng tận nơi hai cây song thọ, may nhờ ở đó có bảo tháp nguy nga, tin pháp thân Như Lai thường trụ; vui mừng tu tập hạnh nguyện bày tỏ để chí thành cung kính. Hôm nay ngày...tháng...năm... chuẩn bị đầy đủ hương hoa, đèn nến cung tỳ (tên) chùa, đảnh lễ bảo tháp, xưng dương Phật hiệu...lần, đốt đèn...đêm; kết nạp nhân lành này mong đáp đền ân đức sâu dày.

Lại nguyện, lọng báu che không, nhạc trời tấu khúc, phạm âm vi diệu. Sen vàng vọt khỏi đất, hoa chiên đàn tung rải đó đây, Phật hiện thân tướng đẹp ở Ta Bà, khiến chúng sanh đều biết quy ngưỡng. Phật phóng hào quang ở cõi trần sát, đưa muôn loài vượt khỏi biển khổ. Nhân lễ xưng tán hôm nay, mong kết thành quả vị Bồ Đề.

*Như có việc nguyện cầu gì nên cho vào đây. Chỉ một điều là không được gán việc thế tục mà xa rời Phật pháp; phải chí thành suy nghĩ cho kỹ.

Sớ như trên là cung thỉnh Tam Bảo chứng minh, văn sớ xông hương tháp, ngày...tháng...năm.. (tên) cần sớ.

Đọc xong, đốt sớ như thường lệ. Tiếp đọc hồi hương:

Xông hương tháp công đức hạnh nhiệm màu....

Phục nguyện và cuối cùng là 3 tự quy y.

Chứng nghĩa ghi: trong nghi nhiều tháp này có 4 bài kệ, trích từ Kinh Hoa Nghiêm phẩm Tịnh Hạnh. Lại trong Đại Tạng có Kinh Công Đức nhiều tháp 1 quyển. Phật dạy việc nhiều tháp thù thắng cao quý không thể nghĩ bàn. Người xưa nói rằng, không có việc gì đừng lên điện Phật, đợi lúc rảnh mới đi quanh tháp, nếu không quét dọn rưới nước thơm, dù phước như vua chuyển luân cũng tiêu sạch. Bởi bảo tháp là nơi gìn giữ pháp thân chư Phật nên phải tin và ngưỡng mộ. Lúc hiện đời tăng thiện giảm ác, mà lại lễ lạy được phước không thể đùa cợt, giỡn chơi được. Viết ra đây để cảnh cáo những ai ngày nay vui đùa trước điện Phật cũng nên cẩn thận vậy.

---o0o---

1.9 Đốt Đèn Tháp Dược Sư

Đốt đèn tháp Dược Sư như Kinh ghi rằng, nếu có người bệnh muốn thoát khỏi bệnh nên vì người ấy mà thọ 8 pháp trai giới 7 ngày 7 đêm. Phải sắm đồ ăn thức uống và các thứ tùy sức mình đem cúng dường tỳ kheo tăng; ngày đêm 6 thời lễ lạy tu tập, cúng dường Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, do tụng Kinh Dược Sư 49 biến, đốt 49 ngọn đèn, tạo 7 hình tượng Dược Sư Như Lai, trước mỗi tượng để 7 ngọn đèn cho đến 49 ngày ánh sáng cháy mãi. Làm tràng phan 5 sắc, phải phóng sanh các loài chúng sanh, đến ngày thứ 49 thoát khỏi mọi hoạn nạn khổ ách, không bị các hoạn họa, ác quỷ làm hại.

Y cứ theo Kinh này, đàn tràng cúng rất là đơn giản dễ thực hiện. Nay đổi lại đốt đèn tháp Dược Sư. Đó là y cứ theo Đại Quán đánh bộ hình thành. Nếu không có đèn tháp, nhưng theo Kinh vẫn đốt đèn cúng được. Lại nếu không có tượng 7 đức Phật bên trên phải treo hình 12 đại tướng Dược Xoa, phan 5 sắc và các thứ trang nghiêm khác. Hoặc tụng Kinh hay lễ sám, một ngày, 3 ngày, 7 ngày cho đến 49 ngày, tùy ý trai chủ. Sau đó đọc sớ hồi hương như sau:

Mong vì, mặt trời trí tuệ tròn sáng soi khắp 10 phương thế giới; đèn trí sáng ngời phá tan u tối của địa ngục theo 12 lời nguyện, vượt biển khổ ba kỳ (ba đời).

Tiếp theo: đình làng...ngày...tháng...năm.. cầu việc gì...

Cung kính: Mười hai nguyện thế độ hết trăm luân, 49 ngọn đèn soi rọi ánh sáng tới khắp chốn u minh, 7 tầng thấu tận tới thiên cung, ba đức gọi nhàn khắp mọi cõi. Mạng sống lâu đến vô cùng, đức rộng sâu khó so lường.

Nay ngày... tháng... năm... cung tỳ tới (tên) chùa...

Lại nguyện: vô minh phá sạch, tánh giác hiển bày, thường chiêm ngưỡng Kim dung (Phật) như trăng rằm, luôn thấy xe ngọc cõi trời rợp bóng từ khắp chốn, tai nạn hoàn toàn tiêu dứt. Nguyện giáo pháp lưu truyền mãi mãi bền lâu. Cung thỉnh Tam Bảo chứng minh xét soi chứng sớ.

Ngày...tháng...năm... đệ tử...chí thành dâng sớ.

Đọc xong, đốt sớ. Tiếp theo tụng: Đốt đèn công đức hạnh nhiệm màu...

Ngoài ra, cũng có thể đốt đèn cúng vong linh người quá cố, có ghi đầy đủ như trong Kinh Bản.

Chứng nghĩa ghi rằng: có thể cúng đọc danh hiệu 7 đức Phật, y cứ theo Kinh Dược Sư 7 đức Phật đó là:

- 1- Thiện Minh Xung Kiết Tường Vương Phật,
- 2- Bảo Nguyệt Trí Nghiêm Quan Âm Tự Tại Vương Phật,
- 3- Kim Sắc Bảo Quang Diệu Hạnh Thành Tựu Phật,
- 4- Vô Ưu Tối Thắng Kiết Tường Phật,
- 5- Pháp Hải Lô Âm Phật,
- 6- Pháp Hải Thắng Huệ Du Hý Thần Thông Phật,
- 7- Dược Sư Lưu Ly Quang Phật.

12 tràng phan tên 12 vị thần Dược Xoa như sau:

- 1- Đại tướng Cung Tỳ La – Kim Long Thân Thủ Oai Quang Đồng Vương
- 2- Phật Chiết La Đại tướng - Cháp Kim Cang xử đồng nhan trường thọ
- 3- Mê Sý La Đại tướng – Yêu Thúc Kim đỏi đa chủng phước thiện
- 4- An Đễ La Đại tướng – Trú Trì 10 đại danh sơn
- 5- Át Nễ La Đại tướng – Thân như cõi tịnh châu hương quang nghiêm
- 6- San Đễ La Đại tướng - Thủ quang hoa mãn hiện hình thạch nữ
- 7- Nhơn Đạt La Đại tướng – Hay vì thiên chủ hộ trì điền địa
- 8- Ba Di La Đại tướng – danh hiệu Kinh ngư đủ các huyền thuật
- 9- Ma Hổ La Đại tướng – hành đồng long mãng chấp nhật hý nhạc
- 10- Chân Đạt La Đại tướng - đầu có một sừng, người thấy liền khởi nghi
- 11- Chiêu Đổ La Đại tướng – Oai nghiêm như sát thân sáng như nguyệt
- 12- Tỳ Yết La Đại tướng - rộng tìm thiện nghệ giáo hóa tự bản.

Lại Kinh bản ghi rằng, đem thiện căn này nguyện sanh về cõi Tây phương Cực Lạc, của Phật Vô Lượng Thọ, được nghe chánh pháp mà chưa quyết định. Nếu nghe danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thời lúc lâm chung có 8 vị đại Bồ Tát theo hư không hiện đến dẫn đường người đó liền sanh về Cực Lạc quốc; tự nhiên hóa sanh hoặc nhân đây được sanh lên cõi trời, nhân đến sanh trở lại làm người nhân gian. Y cứ theo đó, niệm danh hiệu Phật có thể độ thoát vong linh mà tiến bạt vãng sanh.

Đốt đèn cũng có thể độ thoát hương linh mà tiến bạt vãng sanh; không những hiện đời tai họa tiêu, mạng sống kéo dài thôi đâu. Nghi cúng bên trên, xem chương báo bản ở trước, như nghi thức lễ Khánh Đản Phật Dược Sư.

---o0o---

1.10 Phổ Phật

Tiếp đón trai chủ như đã ghi rõ giống tiếp mời chư tăng, liền ra thông cáo là Phổ Phật, đến giờ thỉnh đại hồng chung 3 hồi 3 tiếng hoặc hiệu lệnh thường

nhật như mộc bản, vân bản hoặc khánh (bảo chúng). Đại chúng vân tập chánh điện, Tri Khách chỉ trai chủ niệm hương, lễ Tam Bảo.

Duy Na cử tán: Lư hương sạ nhiệt... tụng Kinh Di Đà, đại sám hồi hồng danh chư Phật, nhiều Phật kinh hành niệm Phật 1000 lần, lạy 12 lạy Phật A Di Đà, Quan Âm, Thế Chí, Địa Tạng, hải chúng mỗi vị 3 lần; đọc sớ, tụng Bát Nhã, hồi hương, phục nguyện, 3 tự quy y. Phần đọc sớ có thể đưa ra trước, sau bài tán lư hương...

Nếu siêu độ hương linh, sau phần niệm Phật, tới trước bàn linh cúng tiền hương linh. Đốt sớ, hồi hương xong, Thầy Tri Khách hướng dẫn trai chủ lễ tạ chư tăng.

---o0o---

1.11 Bạch Giữa Chúng

Phàm tông lâm có việc công, tại phòng khách gõ 3 hồi 3 tiếng bảng, 2 dây liêu chúng tề tựu nơi phòng khách, tuân theo quyết định trình vị Trụ Trì rõ, Trụ Trì chấp thuận mới làm; nếu không chấp thuận nên bàn thảo lại. Nếu có người tranh cãi, thủ chúng đứng lên dàn xếp. Tri Khách đem xử tội v.v.. Mỗi trường hợp chiếu theo sự tình mà xử phạt nặng hoặc nhẹ. Nếu phạm giới căn bản tội trọng hoặc gây sự, gây họa trầm trọng, bạch Hòa Thượng Phương Trượng đưa ra xử trước chúng hoặc báo với tư pháp, hay tự tuyên bố đuổi khỏi chùa. Sắp đuổi chúng phải dán niêm yết rõ trước cửa sơn môn. Lúc dán giấy tẩn xuất phải thúc trống lớn 3 hồi 3 tiếng họp chúng để đưa ra khỏi chùa. Người bị đuổi, phải theo lối đi nhỏ bên cửa mà ra. Nếu có bọn đảng xấu tới ủng hộ, đồng lúc tổng ra khỏi viện. Nếu vung tay chửi thề, xỉ vả không luận hữu lý vô lý đều mời ra khỏi viện. Nếu lớn tiếng xăn tay hung hăng, tốt nhất nên làm thỉnh không phản ứng. Cứ theo lý luận lý đuổi, chỉ còn biện pháp cho ra khỏi viện là hợp lý nhất; hay lặng thỉnh không phạt. Nếu đuổi lý làm thỉnh đối lại kẻ lớn lối đều là cách phạt công khai giữa chúng. Kẻ ương ngạnh đuổi ra khỏi chùa hoặc phạt sám hối, lạy trước đại chúng, quỳ gối ở trai đường, trị nhựt phục vụ cơm nước chư tăng, tác bạch như:

- Hôm nay, con.. phạm lỗi gì? Ở trước chư tăng cầu xin sám hối.

Đại chúng cùng đáp:

- A Di Đà Phật.

Thầy Trụ Trì khai thị với người phạm nội quy.

- (Tên)... Thầy đã ở tông lâm phải giữ gìn Thanh Quy (nội quy) cẩn thận, rộng tu thiện pháp. Tại sao trái lại làm việc không biết hổ thẹn như thế này! Nay Thầy (huynh) đã cầu xin chúng sám hối, phải thành thật sửa đổi lỗi lầm để làm mới lại. Nếu tái phạm căn cứ theo Nội Quy sẽ phạt cho Thầy ra khỏi viện. Ngoài đời luật pháp xử phạt, chết đi thọ báo nơi 3 đường dữ há không đáng sợ sao? Thầy có thật sự sám hối sửa đổi lỗi lầm không?

Đương sự đáp:

- Mong Hòa Thượng từ bi thương xót, con... con xin thật lòng sám hối.

Đáp xong, đứng dậy lạy Hòa Thượng Phương Trượng 3 lạy (hoặc Trụ Trì) và xá đại chúng 3 xá. Xong kết trai hồi hương và chư tăng đồng đứng lên lui ra khỏi trai đường.

Nếu người phạm tội nhẹ, phạt quỳ một cây nhang hay phạt làm việc nặng trong chúng. Ngoài ra, phạm xâm vào sự yên tịnh đều theo qui định phạt quỳ hương, hoặc để sửa lại lỗi lầm, bắt gióng chuông, đắp y quỳ trước trai đường hầu chúng thọ trai, hoặc tại phòng Phương Trượng, trước các liêu chúng, tại chánh điện cầu xin sám hối chữa lỗi. Phạm quỳ hương là phạm qui củ thiên môn; quỳ tại chánh điện là phạm ngoài tông lâm. Quỳ hoặc nơi điện Phật, hoặc trai đường phải là nơi chúng cùng thấy rõ. Quỳ ắt chấp tay quỳ gối cảm nghe như người buông lung dùng roi gậy phạt đòn vậy. Phần này có trình bày đầy đủ ở mục nói về qui ước các đường ở sau. Lại nếu phạm việc ngoài do Tri Khách phạt, nếu phạm bên trong nội tự do Duy Na phạt, phổ biến ra ngoài không thể được. Lánh nặng tìm nhẹ không nghe lời Tri Chúng, Giám Viện phạt căn cứ theo tuổi tác. Như ở non cao không tuân Nội Quy, trước hết do Tri Khách cử tội và trình Hòa Thượng Phương Trượng dạy dỗ.

Chúng nghĩa ghi rằng: Tăng chúng nên tôn trọng giới luật Phật dạy, đâu thể vi phạm Thanh Quy. Nếu như có phạm, trừ tội danh nặng hình sự ngoài cơ quan tư pháp xử ra, nếu ông tăng tự mình can phạm nên đem Thanh Quy xử phạt. Nếu phạm việc tranh cãi, hoặc phạm hạnh ô uế buông lung, hay những lạm của thường trụ, hoặc dối đoạt tiền vật tư nên nhờ gia đình khuyên không cho tiếng xấu ra ngoài. Bởi lẽ, được gọi là con giòng họ Thích làm mẫu mực đầu giống người thế tục, nên giữ gìn phép Tổ, tùy theo phạm giới trọng hợp chúng đề tấn xuất; nếu nhẹ phạt công tác, phạt quỳ, nhưng chỉ rõ để người ấy thấy. Tội liên quan tới tiền, đồ vật như nợ, tìm cách bồi thường, song thần thần mà thành thực khiến đương sự tự cải hối. Cổ Thanh Quy có bài tụng:

Trộm của và đánh nhau

Tử sắc nhiệm tăng hạnh

Mau lia chúng tịnh thanh

Dung dưỡng bại hoại sanh.

Lại cũng nói:

Phạm trọng đốt y bát

Phải họp chúng xem xét

Dây núi hờ lay tróc

Cửa chùa mời ra gặp.

Ngày xưa Đại Huệ thiền sư ở chùa A Dục Vương đưa tới công đường xử, vì tăng chúng cãi chỗ vô minh. Hẳn đó không phải tăng hữu lý hay vô lý đều cho ra khỏi viện. Nếu xét thấy hữu lý mới nên đuổi, hoặc còn nghi chưa quyết chắc chẳng biết tăng đó như thế nào nên nhẫn nhục. Nếu chấp lý mà tranh cãi tức là vô minh, cho nên cũng cho ra khỏi chùa, nhằm để tôn trọng qui cách tăng đoàn vậy. Sách Ngũ Am Chích cổ ghi rằng, xưa đệ tử Ngài Viên Thông Pháp Vân thiền sư là Minh Thủy Tôn làm thị giả (hầu cận), gặp Lâm Thiền Sư quảy chiếc áo; Tôn mời khách tới dùng trà. Thiền sư Lâm bảo y đi ra, Tôn lấy tay nâng giường ông tăng kê bên lên di động một lúc bỏ đó luôn, tới gặp Ngài Phương Trượng. Chỗ ngồi không thấy Lâm, sư Viên Thông đi mời đến bèn khiến chỗ ngồi mất đi. Đứng trước đại chúng Ngài trách rằng:

- “Sơn môn lễ kính để bày tỏ sự tôn trọng, lại khinh nhờn, tại sao?”

Thiền sư Lâm nói:

- “Cái trống lịnh rỗng bên trong...”

Cho nên về sau không dám khinh thường nữa.

Ngài Viên Thông ban lời khuyên nhưng có ý trách rằng:

- Cái trống của Ta chẳng phải ba đậu đánh trúng nước tiểu Ngài chẳng?

Tổn ra trước thỉnh thị rằng:

- Con thất lễ, nên phải phạt.

Ông tăng giuờng bên đứng lên nói:

- Việc này không phải lỗi của thị giả, tội mới xảy ra cũng chẳng biết, tôi nhận đỡ giúp nhưng sơ ý, nên phạt cho ra khỏi chùa.

Ba người bàn tính không dứt, Viên Thông nghĩa cử cao đẹp rộng dung tha thứ đó. Ôi! tiêu biểu chúng như thế đó, nhận lỗi như thế đó! Cao vọi vọi đáng ngưỡng phục, xứng đáng gọi là sư biểu. Hoặ cũng nói, có ác tăng phải can ngăn thời không theo phép tẩn xuất nên không thể thí dụ đượ. Việc cương thường – luân lý - ở đời theo pháp quốc gia không thể lấy pháp tăng xử đượ, phải ứng xử ra làm sao?

Trả lời: Việc này nên tưng quyền tùy nghi, không nên chấp nhất. Chấp nơi hộ trì pháp mà ngược lại làm pháp diệt vậy. Vì cầu toàn nơi một người mà làm thiệt đến Tam Bảo; thà giữ Tam Bảo toàn vẹn mà chỉ làm hại đến một người. Nếu ít không có phương hại nên dựa Thanh Quy lượng xét từng việc, nếu có phương hại ương ngành gian xảo không thể cải hóa đượ nên đưa ra pháp luật, chiếu theo vương pháp xử trị, không đượ tha thứ.

Như cho rằng, tâm Phật là nhân từ, nay áp dụng Thanh Quy quá nghiêm khắc, há chẳng không theo ý Phật sao?

Đáp: Người không biết nghiêm khắc của Thanh Quy, không nghiêm nhưng khích lệ đó là nghiêm, là nghiêm của nghiêm chính. Lấy nghiêm chính khiến tăng, tăng chúng trang nghiêm; lấy nghiêm chính duy trì pháp, pháp đứng vững. Lấy nghiêm chính nhiếp tâm tâm địa chánh, cho nên khiến trách đó, tẩn xuất đó đều là từ bi vậy. Lấy nghiêm làm từ là đại từ vậy. Nếu như dùng bất cứ một mưu toan nào có tính hung bạo để thị uy; lấy nghiêm chính của Thanh Quy xử phạt thật là cốt lõi vậy. Không thể chẳng bàn câu hỏi này trích từ sách Vân Thê Pháp vụng.

---o0o---

1.12 Dạy Hành Đồng (Chú Tiểu)

Cổ Thanh Quy biết phỏng theo tâm lý khách quan người đời nên gọi là hành đồng. Ngày nay ở tông lâm dùng chữ tăng nên không cần phải gọi là hành

đồng, cần phải biết. Hành đồng mà ở tông lâm tùy theo hạng tăng, cũng gọi là tùy chúng. Xưa, người ở ngoài phát tâm xuất gia hay người muốn xin cầu học; sợ họ gian, thật - giả khó lường cho nên trước phải cho 3 pháp quy y gọi là hành đồng. Cũng còn gọi là Tịnh nhơn. Chúng tỏ người đó có hạnh thanh tịnh vào Tam Bảo mà không bị 5 món dục ràng buộc. Từ đó được giao công việc phục dịch công quả thừa hành phận sự. Lạm gọi là đạo nhơn (tịnh hạnh nhơn) nói theo thuyết vô vi; Tam Quy là vui khoái vậy. Phật Ân thiền sư dạy rằng: từ lúc nhỏ lia cha mẹ trước hết quy y Phật Tổ, sáng sớm kinh kệ chuyên cần, ban đêm mặc niệm tham thiền; được giao công việc nên chu toàn; vật của thường trụ phải yêu quý giữ gìn, một hạt gạo nặng ngàn cân. Có người hỏi nên đáp ra tiếng; nếu phải tiếp xúc không nên cằn rỡ suồng sã. Phát ngôn nhỏ nhẹ ôn tồn; ra vào nên thúc liễm thân tâm; bước đi oai nghi nghiêm túc. Ra khỏi chùa gặp chư tăng nên hỏi thăm, vẫy tay chào tiễn. Đã xả tục tất nhiên phải tôn trọng quy tắc tông lâm, lúc vị thầy lớn dạy khuyên, không được lớn tiếng cãi lại. Ban ngày rảnh việc nên đọc sách học hỏi những điều kinh điển dạy, ghi lại cho dễ nhớ. Cẩn thận cùng thay nhau làm việc đừng coi thường Tam Bảo. Áo ngắn đen, áo dài chớ khoe mới tốt, phải tế nhị bó buộc thân tâm, chớ để nhiệm sâu tình đời. Nghĩ kỹ 6 đường luân hồi đáng khiếp mà lo tự răn nhắc. Người xuất gia cần phải vâng lời Phật dạy, không tin là thọ khổ trong 3 đường ác. Để tâm phụng sự chư tăng, kính tôn Tam Bảo ban ân phước; tuổi nhỏ phải kính trên hòa dưới, tửu nhục, đồ đen chớ nên rình mò la cà; rãnh rảnh không nên bàn nhiều mà luôn luôn nghĩ tới lời Phật dạy. Đầu thể để luống qua tác bóng, sau khi chết trồng cây vào đầu. Không khéo chỉ cô phụ bốn ân, lại cũng phiền lụy đến tiên tổ. Từ bỏ gia đình cắt đứt yêu thương, tìm thầy học đạo là ý muốn xuất trần cứu độ; khẳng khái quyết chí tu hành, luôn luôn tỉnh giác luân hồi nơi tâm niệm. Muôn kiếp mới làm được thân người nên biết hổ thẹn kiếp sau mà trừ bớt ham mê ngủ nghỉ. Điều phục thân tâm nhẹ nhàng từng giới một áp dụng thật cẩn mật. Trưởng thành là bậc thầy vững vàng lo tham thiền để báo đáp ân đức Phật mà quyết cần tu pháp môn đốn ngộ. Đời này may mắn được xuất gia, khó gặp mà gặp được, trong mỗi niệm không lui sụt thiện căn, tâm luôn trưởng dưỡng giác đạo. Nếu tu hành được như thế ắt chúng đạo Bồ Đề không lâu.

Lời dạy trên đây nên chép dán nơi liêu phòng để mắt nhìn thấy mà cảnh tỉnh tâm thân trong mỗi niệm.

Chúng nghĩa ghi rằng: Kẻ đồng chơn học đạo tu hành cố chấp ủng hộ tăng nên cũng gọi là đạo nhơn hoặc người thanh tịnh. Do vậy ngay lúc niên thiếu cần phải khếp mình nghiêm chỉnh, hầu như không làm ác. Sơn Am tạp lục ghi rằng: Vu Lại ở Gia Hưng thuộc phủ Thiên Ninh, có vị tăng trộm chó của

người trong khu phố giết hằm cho thịt ăn. Vu Lại được thịt chó hằm. Ngoài ra, Hình Thạch ở Cô Tô, Thừa Thiên chèo thuyền tới nhà tín chủ giảng Kinh ở một biệt thự sang trọng. Có Ông Tăng trộm dê của người lồi xóm giết hằm cho ăn. Hình Thạch được ăn thịt dê ấy. Ôi! trộm chó, trộm dê chỉ có hạng người thấp kém mới làm thế, có sao Trụ Trì phải mang danh xấu ác kia? Bởi vì việc tầm thường làm mất hết nghĩa giáo huấn. Và chẳng phải lưu tâm xem xét kỹ, là trụ trì luôn luôn phải nên thận trọng đó!

---o0o---

1.13 Vì Hành Giả Mà Nói Rộng

Hành giả có chung có riêng; chung là không chỉ có bên ngoài biết riêng rẽ, nhưng hễ tất cả người tu hành đều gọi là hành giả, cho nên phải nói Phật sự chung cho tất cả biết; còn riêng là chỉ giữ riêng biệt nơi phương trượng, những người làm công quả ở chùa. Nhưng trước hết dạy các chú tiêu, rồi tới số chúng nhỏ tại gia. Hành giả nói đây là cho chúng xuất gia cần phát tâm cầu giải thoát đích thật. Trước đây gọi là lời phổ thuyết nhưng không có văn phổ thuyết. Đại khái, do vị Trụ Trì tùy cơ dạy khuyên hành giả đều chấp tác hay làm công việc chùa.

Phụ thêm: sáng sớm có lệnh 4 tiếng bảng, đốt đèn nơi chánh điện, đốt nhang, lấy nước tịnh (trong) cúng Phật. Trụ Trì lễ Phật, cầm đèn rọi sáng sớm, cho quét dọn trong ngoài, lau bàn, gánh (bơm) nước, nấu ăn, trông coi phòng khách trong ngoài, giường nệm, bàn ghế v.v... nên cho gọn gàng sạch sẽ; đến các việc bưng trà, lấy cơm v.v... sau khi dùng xong, dọn dẹp, rửa chén bát... Hễ có gọi là đến ngay; làm sai bị phạt, nên cần kiem ngăn nắp, đừng tránh việc nặng, để tâm thực hiện cho hoàn tất.

Chứng nghĩa ghi rằng: Ba đời chư Phật, chư đại Bồ Tát đều từ thực hành mà thành tựu. Phạm người có tâm đạo chưa ai từng không lao tâm dụng lực làm việc cả. Ngu Am Chích Cổ ghi rằng: câu chuyện Tuyết Độc là khách lúc sáng. Ban ngày cùng bàn chuyện với khách ban đêm về đủ chuyện cổ kim và chuyện Ngài Triệu Châu, 2 bên bàn mãi không dứt. Người đứng bên, là kẻ tu hành che miệng cười. Khách lui đi. Tuyết Độc gọi hành giả tới trách rằng:

- Đối với tân khách dám làm như vậy sao?

Đáp rằng:

- Tôi nghe khách bàn chuyện đông tây kim cổ: nam mô định cổ kim ngân nên mới dám cười chứ.

Tuyết nói:

- Ý Triệu Châu, ông hiểu không?

Hành giả dùng bài kệ trả lời rằng:

Chú thỏ ngang thân đường cỏ lộ

Ứng xanh vừa thấy vồ đớp ngay

Rượt theo chó chậm khôn linh tính

Hướng không nghe rụng một cành khô.

Tuyết Bảo rất lấy làm kinh ngạc, liền cùng người nói chuyện văn chương. Hoặc cho rằng, hành giả là kẻ vâng ý trời, hay còn gọi là Hàn đại bá. Ôi! cô nhân có đủ tri kiến như thế, tiềm ẩn nơi cốt cách của hành giả. Phải thấy nơi các hành giả, không nên lấy việc chấp lao phục dịch mà khinh thường đó. Thân tuy là hành giả nhưng chí cũng cầu xuất thế; mượn việc để giúp đạo không thể yên chỗ phục vụ lao tác mà không có chí lớn cao xa đâu.

---o0o---

1.14 Thọ Pháp Y

Phàm có người sứ đem pháp y đến trước hết mời vào phòng khách, chào khách rồi mời uống trà, xin phép khách cho Thầy Trụ Trì hay. Trụ Trì hoặc ngay lúc đó đích thân tới phòng khách tiếp hoặc hẹn giờ mời tới phòng khách riêng. Sớm tới hỏi han khách trước hết lấy mâm để pháp y, là vật đáng giá đặt lên chỗ cao, xong rồi tiếp mời khách. Gặp Trụ Trì xin làm lễ, cho người sứ trình bày....

Tôi... (tên) đem pháp y này dâng lên Hòa Thượng thượng A hạ B xin được dâng cúng Ngài.

Thầy Trụ Trì hướng dẫn người sứ tới gặp Hòa Thượng, Hòa Thượng mời dùng trà, nói chuyện xong đưa tiễn khách.

Hôm sau, thời công phu xong, Hòa Thượng khai thị phép nhận y hoặc ngồi trên tòa hoặc đứng tại chánh điện. Nếu nhận vật riêng không cần nói pháp. Nếu thờ thầy bốn sư đã viên tịch nên ở bên phải chánh điện có thiết bàn linh đầy đủ. Khi thuyết pháp xuống là cúng tiến giác linh và tụng Kinh Chú, như đọc lời di thư... xem phần sau có nói rõ.

Chúng nghĩa ghi rằng: đây là lễ cúng tôn sư, không phải chỉ có pháp y là đủ, ngay cả thầy ban cho lời dạy nào cũng phải thành kính mà nhận mới tỏ ra lễ của người đệ tử cầu pháp. Vân Thê Sùng Hành Lục ghi rằng: đời Tấn có Thầy Pháp Ngộ tôn Ngài Đạo An làm thầy, sau tới ở chùa Trường Sa tại Giang Lăng giảng thuyết các Kinh. Người tới học có hơn 400 trong số có một ông tăng phạm giới uống rượu, Sư Ngộ bắt phạt nhưng không nghe. Ngài Đạo An nghe chuyện lấy ông tre đựng một cây gậy dán lại gởi cho Sư Ngộ. Sư Ngộ nhận được mở ra xem thấy cây gậy liền nói: đây do ông Tăng uống rượu tôi dạy bảo không nghe, ở từ xa Ngài nghĩ ban ân cho. Bèn đánh kiếng hạp chúng, đem ông tre đặt ở phía trước, đốt hương thành tâm quỳ xuống, sai Duy Na đánh 3 gậy, rồi rơi lệ tự trách thâm. Trong chúng tăng tục không ai là chẳng tức tối cho vị tăng kia. Nhân đấy mà khuyên chúng, nên người tới học rất đông. Ngài Liên Trì ca ngợi rằng: ôi, khiến người đời nay mở phong bì của lão Đạo An, người không gởi cây gậy xếp mà là lời trách. Độc đáo thay! Bậc thầy là đệ tử thánh hiền mấy thưở ra đời, tôi do 2 vị mà công bố cho số đông trong đại chúng biết.

---o0o---

1.15 Đóng Cửa Tịnh Tu (Yếm Quan)

Cách thức việc đóng cửa khóa tu khởi đầu từ Kinh Viên Giác, Phật vì hành giả tu thiền quán mà qui định thời gian tu tập. Nhưng thường kỳ (dài nhất) phải ngưng ở 120 ngày (4 tháng) đến nay ở Đông độ việc đóng cửa tịnh tu phần nhiều lấy 3 tháng làm một kỳ để tăng hành cước nghỉ ngơi trong vấn đề tu tập. Đến giờ nhóm chúng tại chánh điện hay điện Vi Đà, phân chính cúng ngộ. Duy Na cử bài tán: Lư hương... Quan chủ niệm hương, đánh lễ. Đại chúng cúng ngộ, đọc sớ, quan chủ quỳ phía sau Duy Na; văn sớ nội dung như sau:

Từng nghe rằng (lại vì): nghiên chân bỏ vọng, ngôi cao ở tận non sâu. Quán chiếu minh tâm giữ chí lánh mình nơi thanh tĩnh, cần tu không bao giờ thối chuyển, được điều thiện nhập môn, phóng túng buông lung là gốc của khổ đau hoạn nạn. Đọc tên người cúng, tuổi và cầu việc gì...

Nhiếp niệm, đã lia tục nhiễm phải xa lánh nơi phố thị phồn hoa, mới tăng thêm tuổi thọ; đang trong cảnh thanh nhàn bày một cửa thí, chuyên vì việc gì...

Ba tháng là thời kỳ nhiếp niệm tu trì, lễ bái, tụng kinh. Nay là ngày ...tháng...năm.. bắt đầu cho đến ngày...tháng...năm... chấm dứt, tại chùa... bệ quan như pháp tu hành.

Lại nguyện, nghĩ suy do tịnh mà đạt, nhất chân bản tánh hiển nhiên, tuệ từ đó mà sanh; vạn hạnh tô bồi thêm tăng trưởng. Một mảy trần chẳng nhiễm, đóng cửa cũng như ở trong núi sâu; 10 trí toàn chân, lia niệm liền lên bờ giác. Nay chí thành dâng sớ, cung thỉnh Tam Bảo chứng minh gia hộ cho đạo tràng chúng con.

Ngày...tháng... năm...

Đến phần chính cúng ngọ xong, Quan chủ đắp y tới phòng ngài Phương Trượng, thầy Trụ Trì mời Hòa Thượng khai thị đóng cửa tịnh tu. Trụ Trì cùng Quan chủ lễ 3 lạy rồi lui ra. Mời thầy Trụ Trì ra cổng ngoài, đứng chính giữa, tung phát trần lên rảy một cái; chúng đứng 2 bên, Quan chủ đứng sau Trụ Trì. Duy Na cử bài tán: Dương chi tịnh thủy... Tán xong gõ khánh mời thầy Trụ Trì thuyết pháp, thuyết pháp xong, tụng Bát Nhã, hồi hướng, phục nguyện... Trụ Trì dẫn Quan chủ ra đóng cửa. Sau khi khóa chặt cửa xong, trở vào tụng 3 tự quy y.

---o0o---

1.16 Mở Cửa Kết Thúc Khóa Tu

Khi tới thời mở cửa (mãn hạ) bèn nhóm chúng ra trước cổng, trước hết nói ý nghĩa mãn hạ xong mới mở tung cửa ra, đại chúng tiến vào chánh điện cúng ngọ. Duy Na đọc sớ viên thành tâm nguyện như sau:

Từng nghe rằng, an cư thâm diệu, ắt đạo hoằng truyền rực rỡ qui mô. Nhập định Na Già thể hiện oai nghi tấn chỉ thường hằng bất biến. Đâu cần phòng cơ duyên ứng dụng, cực tịnh mà thông đâu ngại đi vòng khắp pháp giới.

Ghi tên người cúng vào đây và cúng cầu việc gì...

Nhiếp niệm (tên): hình vóc thô phù, trí như lửa phùng, hương nhứt thừa mà cầu đạo, như đũa cùng tử xa xe trâu. Đóng 3 tháng cửa không như thỏ châu

mà mê tượng kính, tổn hao của tín thí, vùi lấp thảng ngày thân tạm yên nơi nhà bé nhỏ, toàn thọ ơn Phật để hộ trì. Hạ kỳ kết thúc được mở cửa, đặc biệt gia tâm lễ sám mà đáp tạ thâm ân.

Lại nguyện: đem công đức kết thúc kỳ hạ viên mãn này, trên chúc quốc gia bền vững, đạo lý xương minh, dân an vật thịnh, mưa hòa gió thuận; 6 đường đều nướng nhờ 6 độ, ba cõi dứt hết 3 tai. Tiên vong chứng quả vãng sanh, đàn na gội nhuần quả phước. Thứ cầu cho Trụ Trì (tên) đạo phong ổn cố, Phật pháp uyên thâm, tông lâm hưng thịnh, chúng lý an hòa, đức nghiệp tu đồng, phước huệ viên dung.

Chí thành dâng sớ, cung thỉnh Tam Bảo chứng minh viên mãn đáp tạ sớ cầu an.

Ngày...tháng...năm...

Tụng Bát Nhã, hồi hướng, phục nguyện, tự quy y... như nghi thông thường.

Chúng nghĩa ghi cổ nhân nói rằng: Triệu Châu 80 tuổi còn đi hành cước, chỉ vì tâm đầu chưa đốt cháy; cứ theo đó với nửa bài kệ; tin việc đóng cửa, nên sau khi ngộ đạo chọn việc tu dưỡng. Vân Thê Sùng Hành Lục v.v... đều đăng tải: Cao Phong Diệu thiền sư sau khi đón ngộ ẩn tại Long Tu 9 năm, kết gỗ làm nhà dưới núi, mùa hạ một áo. Về sau tạo thiên mục Thạch động Tây Nham, mở rộng căn nhà nhỏ như chiếc thuyền, ngoài đề bảng “Cửa Tử”. Trên nước chảy xiết, dưới bùn lầy, gió mưa xiêu vẹo, không người hầu hạ, căng quần áo che chắn; ngày ăn một bữa, an nhiên như vậy. Hang động không có thang để lên, vớt thang là dứt duyên; dù đệ tử muốn được lễ Thầy. Ôi! bệ cửa quan như thế này là cái đạo thánh hiền, đâu chẳng thành tựu chứ? Hiệu quả việc bệ cửa ngày nay trăm màu sắc tạo thành thật là vô vàn quái dị, tổn hại đạo làm sao!

---o0o---

1.17 Nghinh Tiếp Bậc Tôn Túc (có 6 phép)

Nghinh tiếp bậc tôn túc phải đủ lễ nghi, phép tắc. Có 6 phép như sau:

1.17.1 Cung nghinh bậc tôn túc

Phàm bậc tôn túc chùa khác đến, người trông cửa liền báo cho Trì Khách, Trì Khách bạch cho Hòa Thượng Phương Trượng. Cử 3 hồi chuông trống

bát nhã nghinh tiếp. Tăng chúng y hậu chỉnh tề tiếp mời; Trụ Trì rước Hòa Thượng lên phòng Phương Trượng. Mời khách ra hậu Tổ cho đại chúng đánh lễ.

Bạch trên Hòa Thượng thượng... hạ... hôm nay tăng chúng bốn tự chúng con có duyên sự đầu thành đánh lễ xin tác bạch:

Kính bạch Hòa Thượng: Chúng con từng nghe rằng, nhứt tăng đáo, nhứt Phật lai, được nhân duyên hiếm có Hòa Thượng tới thăm thầy chúng con, chúng con xin thành tâm đánh lễ cúng dường tam bái, ngưỡng mong Hòa Thượng dĩ lòng từ bi nạp thọ và ban bố cho chúng con những lời giáo huấn thực tế để chúng con lấy đó làm tư lương tu hành. A Di Đà Phật.

Chờ Hòa Thượng ban pháp ngữ xong, bạch tiếp:

Trên Hòa Thượng đã hoan hỷ hứa khả cho rồi, chúng con xin y giáo phụng hành (3 lần).

Tất cả đồng lễ 3 lạy rồi hướng lễ Hòa Thượng Phương Trượng 3 lạy. Đại chúng giải y. Thị giả trị nhứt pha trà bung tới phòng khách để hai Hòa Thượng dùng trà. Rồi lui ra lo cụ bị phòng ngủ tươm tất mọi thứ mừng mền, gối nệm, và tọa cụ xong, trở lại phòng khách: “Bạch Hòa Thượng, con xin thỉnh Hòa Thượng về liêu an nghỉ”. Buổi tối, sau thời kinh, thỉnh Hòa Thượng tôn túc thuyết pháp. Đại chúng nghe chuông đến trước tòa Hòa Thượng tôn túc, chờ Hòa Thượng niệm hương, lễ Phật xong, thỉnh Hòa Thượng đăng pháp tòa. Giới thiệu Hòa Thượng tới đại chúng. Trong lúc Hòa Thượng khai thị nên lắng lòng nghe ghi nhớ những điều cần yếu quan trọng để học hỏi noi gương.

Chúng nghĩa ghi nhận: Từ khi tiếp mời đến lúc tiễn chân khách ra về đều tỏ lòng tôn kính như thầy mình. Trọng lễ nghi đạo đức. Sở dĩ xưng tôn túc vì người đạo đức đáng tôn vậy. Đạo đức tuy không thể biết được nhưng đã thuộc khách quý, phải phân biệt chủ-khách, nên giữ lễ nghi phép tắc. Vả để làm cho chúng tăng học thói quen quý kính đạo đức của bậc tôn trưởng; mà bỏ tánh cao ngạo. Ngu Am Chích Cổ ghi rằng: Ngài Tuyết Nham Mãn thiên sư cùng Thắng Mặc là bạn tham thiền, thường quỳ nhận khăn ban hay hỏi những việc lạ.

Sư nói: “Nay các vị hoặc tư cách ông thầy thuộc về pháp, rồi tranh cãi đôi co như vi trùng trong thân sư tử. Chỉ sư tử mới tự ăn thịt nó được, đáng buồn thay!”

Tôi suy nghĩ để khuyên quý vị đó. Ôi! Người xưa đối với bạn như thế tiếng tốt lưu lại thiên cổ, đối bậc tôn túc ở xa tới lại coi thường ư? Không những thế mà còn luôn gần gũi để học hỏi nơi bậc tôn túc, không khá cần trọng lắm hay sao?

---o0o---

1.17.2 Thăng Tòa (thuyết pháp)

Sau khi xem xét giường nằm đâu đó xong, Tri Khách tới trước bậc tôn túc lễ một lạy rồi chấp tay bạch rằng: “Phượng Trọng Hòa Thượng thượng A hạ B cùng đại chúng sáng sớm ngày mai thỉnh Hòa Thượng từ bi thăng tòa thuyết pháp. Bậc tôn túc hứa khả bèn lạy một lạy. Hoặc Trụ Trì đích thân thỉnh không luận cao hay thấp. Sáng hôm sau, thời Kinh vừa xong, thị giả cầm y đồ tới liêu Hòa Thượng tôn túc, rồi báo hiệu cho chúng sẵn sàng đón bậc tôn túc. Lúc Hòa Thượng tới đại chúng xá một xá. Trụ Trì thỉnh Hòa Thượng thăng tòa, giới thiệu với chúng:

Thưa đại chúng, hôm nay có Hòa Thượng thượng A hạ B, là bậc kỳ lão đạo cao đức trọng, Ngài trú tại... là hàng tôn túc trong hàng chúng trung tôn, Hòa Thượng vì Phật sự đến đây, nhờ đại chúng có túc duyên mới gặp Ngài, chúng con xin có đôi lời giới thiệu và kiến thỉnh Hòa Thượng khai đạo. Đại chúng đồng lễ một lạy rồi ngồi xuống nghe Hòa Thượng ban lời pháp ngữ.

Chúng nghĩa ghi: đây là việc kính trên trọng dưới, là nghi cách hồ tương cho việc khích lệ. Chích Cổ có câu chuyện rằng: Xưa có Duyệt thiền sư đến thăm sư Tuyết Bảo, cung cách nghiêm trang, luận bàn kỳ đặc. Thiền sư Tuyết Bảo bước xuống tiếp mời trà, sẵn dọn giường tôn kính khác thường. Việc đó tiếng đồn rất xa, ngăn cản được Sư Duyệt ra đời. Có Thượng Tọa Lan từ thiền sư Tuyết Bảo đến bàn Sư Duyệt xét lại việc của mình rồi từ bỏ ý định, do cảm mến đức độ người pháp lữ. Ngu Am tán thán rằng: Sư Duyệt móng vút đường sư tử

Tuyết Bảo trước nghiêm khiến phản tỉnh

Thấy hiện bất kính là phi lễ

Cánh nhận khai diên tấn dịch hương

Trống ta khua hê Ngài gảy đàn

Gió lành vọng đạo hóa Mán Mừng

Lan Công Lan Hương tới Vân Phong

Tuyết Bảo tiếp trà nay còn vương...

---o0o---

1.17.3 Tại Phòng Hội

Quả như có bậc đại tôn túc tới phải mời tới phòng hội. Buổi chiều, sau khi dùng cháo xong, Trụ Trì chính thức mời Ngài tôn túc khai thị; nếu hứa khả liền cho thị giả trị nhựt thông báo nơi phòng khách rằng: “Có Hòa Thượng...tôi nay khai thị tại phòng hội, mời đại chúng đến dự nghe đông đủ.” Tới giờ Hòa Thượng đến, đại chúng đứng chấp tay xá chào. Duy Na mời Ngài lễ Phật. Lễ Phật xong, mời Hòa Thượng sang thiền đường tới phòng hội, mời nhị vị Hòa Thượng đăng pháp tòa. Chủ khách nhường nhau ngồi. Duy Na xướng: “Đại chúng đánh lễ nhị vị Hòa Thượng tam bài”. Lạy xong, đứng sang 2 bên quay mặt vào nhau. Trụ Trì thưa bạch rằng: “Nhơn vật đặc biệt đến đây chúng ta một lòng khiêm cung đón rước, ta không ngại đó là người trí thiên lực mông, không thể vì quý Thầy có tư kiến mà phụ lòng người đến. Nay có Hòa Thượng... quang lâm tới đây, thật là đầy đủ túc duyên vinh hạnh cho chúng ta đón tiếp. Trong đạo Ngài là bậc thâm niên tu hành nghiêm mật, đầy đủ pháp lực. Chúng ta phải suy nghĩ trong tư tưởng khó gặp Ngài. Giờ này đại diện chúng, đạo tràng... chúng con xin kiến thành cung thỉnh Hòa Thượng ban lời khai thị, ngưỡng mong Hòa Thượng dĩ lòng từ bi mà hoan hỷ cho chúng con.”

Hòa Thượng đồng dặc khai đạo ngắn gọn, súc tích trong vòng 10-15 phút. Xong Duy Na hướng dẫn đại chúng đánh lễ Hòa Thượng và tụng hồi hướng. Tiễn Hòa Thượng và Phương Trượng về hậu liêu. Thị giả lo trà trước để Hòa Thượng Phương Trượng tiếp ở phòng Ngài, dùng trà xong, thỉnh về liêu nghỉ.

Chúng nghĩa ghi rằng: Ngày xưa Trụ Trì tiếp các vị học giả, duy đưa thêm việc này vào để chủ khách hợp nhau. Lúc mới nhập môn (vào đạo) nên coi việc tiếp khách là quan trọng, thay vì huấn luyện, sao chùa vẫn chấp hành vậy. Ngày nay pháp tu không đạt, chủ khách bàn lung đủ mọi vấn đề mà đại để nói toàn việc thế gian. Khai thị là cách thuyết đạo hy hữu cô đọng, có hiệu quả đối với người nghe. Giả như có kẻ học thức từ xa tới thăm dự nghe,

cũng không uổng phí việc tham vấn. Đẹp thay qui cách người xưa! Ôi, biết ngày nào mới phục hồi được cung cách như thế?

---o0o---

1.17.4 Thỉnh Thọ Trai

Phàm thỉnh bậc tôn túc thọ trai, trước nhất thị giả tới phòng Phương Trượng sắp đặt bàn ghế, ly chén, đĩa muống, cơm nước, bánh trái... thứ tự ngăn nắp. Trụ Trì cho thị giả mời 2 Hòa Thượng đến, rồi cung kính thưa: “Chúng con xin cung thỉnh nhị vị Hòa Thượng thọ trai”. Hai Hòa Thượng xá chào nhau, rồi ngồi vào chỗ ngồi. Thị giả đánh lễ Hòa Thượng, nếu Ngài cho miễn thì khỏi lạy mà chỉ xá một xá. Rồi trông coi quan sát mâm cơm chu đáo, mỗi bàn 2 thị giả, lo như đơm cơm, sốt thức ăn, dâng trái cây, trà nước, bồi thêm nước tương, giấy lau mặt ... Tất cả đều làm nhẹ nhàng oai nghi để hết tâm hầu hạ, không được đi giày lớn tiếng, không khua chén đĩa, không khạc nhổ v.v...

Dùng cơm xong, chủ khách uống nước, mật niệm hồi hương, rửa tay, xĩa răng, súc miệng xong, đưa các Ngài ra phòng khách. Thị giả dâng trà và đứng hầu khi các Ngài nói chuyện.

Chúng nghĩa ghi rằng: Xưa Cao Am nói rằng, giáo hóa quan trọng nhất không chi bằng trước hết là lễ nghi đạo đức. Trụ Trì tôn trọng đạo đức thời người học mới cung kính; thi hành lễ nghi để chúng ganh đua cho kỳ được. Trụ Trì không có oai nghi thiếu tư cách nên tăng chúng mắc phải cái tệ hung bạo; Trụ Trì xách động tranh biện thời học chúng mắc họa kinh chống nhau. Các bậc tiên thánh biết chúng chưa được thuần bèn chọn bậc minh triết mô phạm tông lâm, khiến cho người chiêm nghiệm chẳng phải thí dụ mà để giáo hóa. Lễ nghi kính trọng khách chính là cách tiếp đãi nhỏ nhẹ, lời nói ôn nhu, đều đáng làm mô phạm cho hậu thế, là chỗ dụng ý sâu xa vậy. Thời buổi gần đây lại quá giản tiện, chủ khách xem thường lễ nghi đạo đức nên dần dần bỏ mất hết. Đáng tiếc thay!

---o0o---

1.17.5 Viếng Thiền Đường - Tuần Liâu

Phàm bậc tôn túc đi thăm thiền đường, tuần các liâu, trước tiên phải thông báo tại phòng khách rằng chiều nay sau 2 giờ có Hòa Thượng...A, B ...tới thăm thiền đường, tuần các liâu. Kế cho Duy Na biết, Duy Na thưa trong

chúng: “hôm nay có Hòa Thượng A... tới thăm thiền đường, quý thầy nên giữ oai nghi.” Nơi thiền đường chuẩn bị sẵn 1 chiếc ghế ngồi, Tri Khách đưa bậc tôn túc tới đứng đợi ngoài thiền đường. Chúng đứng 2 hàng đón Hòa Thượng vào bên trong. Hòa Thượng lễ Phật, đại chúng tác lễ Hòa Thượng. Duyệt Chúng đem chiếc ghế đặt ngay chính giữa, thỉnh Ngài an tọa. Duy Na giới thiệu Hòa Thượng, nếu như Ngài cho miễn nên thôi không phải giới thiệu. Sau khi thăm hỏi chúng, Hòa Thượng khuyến tấn, an ủi xong, Hòa Thượng rời thiền đường. Tri Khách dẫn khách thỉnh bậc Tôn túc đến các liêu hỏi thăm chúng; Tri Khách cho biết: “Thưa quý huynh đệ, hôm nay có Hòa Thượng...chùa...đến tuần liêu, thăm hỏi quý huynh đệ. Thăm hỏi xong, mời tôn túc về phòng Phương Trượng dùng trà, luận đạo.

Chúng nghĩa ghi rằng: tiếp đãi bậc tôn túc hoặc đưa vào lễ Tổ, lễ Phật. Nhưng trong khi đáp lễ phải có sự linh động uyển chuyển thăm phòng khách, trai đường, thiền đường, nhà kho; hoặc chỉ thăm các liêu mà không đưa tới nơi chúng thọ trai. Đây là nghi cổ, nay không theo như vậy. Ôi, quá đơn giản khiến chúng không còn cẩn trọng lễ nghi phép tắc như trước nữa!

---o0o---

1.17.6 Tiễn Khách Hồi Sơn

Bậc tôn túc sắp hồi sơn, Tri Khách thông báo như sau: ngày mai... Hòa Thượng A, B...hồi sơn lúc... giờ, đại chúng y hậu chỉnh tề tới đánh lễ tiễn chân Hòa Thượng. Tới giờ, nghe hiệu lệnh đại chúng vân tập đánh lễ Hòa Thượng một lạy, Trụ Trì bạch: “thưa đại chúng, sơn môn... chúng ta hôm nay kính tiễn Hòa Thượng... hồi sơn, cầu chúc Hòa Thượng thọ mạng lâu dài để cho chúng con được gọi nhuần ân đức. Hòa Thượng chúc chư tăng tinh tấn tu hành rồi Ngài xá chào từ giả. Trụ Trì, đại chúng đưa Ngài ra tới cửa sơn môn, đứng thành hàng chấp tay xá tiễn. Chờ một lát cho tới khi khách khuất dạng chúng trở vô chùa. Sau đó tuần tự giải tán về lại liêu mỗi người.

Chúng nghĩa ghi rằng: lễ bậc tôn túc lúc đến, khi đi là tôn trọng đạo đức, không phải trọng danh vị. Quả thật bậc tôn túc tuy không danh vị cũng nên trọng pháp mà lễ kính phải đạo để khuyến khích người học đạo. Sách Ngũ Am Chích Cổ ghi rằng: xưa có vị La Hán là Nam thiền sư thọ pháp Ngài Vân Cư chưa được nhiều người biết đến. Sau tới thăm chùa Đông Lâm, Sư Chiếu Giác gióng chuông tập chúng ra nghinh đón tới bờ Thanh Khê. Chúng vô cùng kinh ngạc mới phát hiện ra là Sư Nam. Ngoài ra, Ngài Phật Ấn có

lúc cũng ở chỗ Vân Cư, Linh Nguyên Tàu thiền sư từ chùa Long Sơn tới thăm, dầu tung tích, chỗ ở. Phật Ấn biết thẳng tòa mời Linh Nguyên ngồi vào giữa, kính lễ rất mực, chúng thấy vậy đều cảm kích. Đạo học ngày mới, lại đòi Tống giữa niên hiệu Thiệu Hưng, Trúc Am Khuê thiền sư vâng chiếu khai sơn Chùa Năng Nhon tại Nhạn Thang. Lúc đó có Chân Hiết Liễu thiền sư ở bên sông nghe Sư Trúc đến sợ sắc xanh chưa chín (đạo hạnh chưa nhuần), bèn qua sông đón Sư Trúc về phương trượng trải tọa cụ lạy 9 lạy, để nhắc nhở nhiều người và đương nhiên được mọi người kính mộ. Ôi! Như 3 vị Trụ Trì trên đây đáng gọi là người trọng đạo đức mà hết lòng nghinh tiếp lễ lạy các hàng tôn túc. Người sau nên lấy đó mà bắt chước vậy.

---o0o---

1.18 Hộ Trì Pháp

Phàm quan chức tới chùa, người trực phải báo cho Trì Khách biết, Trì Khách bạch cho Ngài Phương Trượng. Trụ Trì lãnh chúng và Giám Viện ra trước cửa tiếp đón. Chúng đắp y đứng sắp hàng trước chánh điện. Mời quan niệm hương, dâng hương và đánh lễ xong, mời xuống dùng trà cùng Hòa Thượng Phương Trượng. Trụ Trì tiếp mời trà thân mật. Khi khách ra về, chức sự tiễn ra tới cổng sơn môn. Ngoài ra, tất cả những đàn na hộ pháp tới chùa đều phải đầy đủ lễ nghi phép tắc, không thể xem thường mà làm cho việc ngoại hộ lơ là thiếu sót.

Nếu có cư sĩ nổi danh ở xa đến cũng ân cần tiếp đãi như đàn tín hộ pháp vậy. Sau khi chỉ phòng nghỉ, đơn (giường) xong cho đi tham quan một vòng và viếng các liêu chư tăng, có bàn về đạo pháp cũng đừng để lỗi quấy; tất cả đều nên lấy phép chủ khách mà tiếp đãi.

Chúng nghĩa ghi rằng: Tông lâm ở gần phố xá đa phần đều có việc tiếp rước này. Nói chung nên giữ oai nghi đàng hoàng làm cho người sanh tâm kính nể; thậm chí như việc khách đến thỉnh linh thời cũng phải giữ lễ với người. Sơn Am tạp lục ghi rằng: pháp sư Phụng Sơn Nghi tại Hàng Châu có sang Ấn Độ trong khoảng năm Diên Hựu nguyên niên; sau có Cao Lệ phò mã Phan Vương được chỉ đến tham lễ Quan Âm tại Phổ Đà Sơn. Qua khỏi Hàng Châu Phan xuất tiền tới chùa Minh Khánh thiết lễ trai tăng, mời chư sơn trụ trì các nơi; Phan Vương ngồi tòa cao, các quan ngồi dưới thấp. Chư sơn sắp thành 2 dãy để Phụng Sơn ngồi ở đầu, Sơn hỏi vương rằng:

- Hôm nay trai tăng vì việc gì?

Vương đáp:

- Cúng dường chư sơn

Phụng Sơn nói:

- Đại Vương đã biết cúng dường chư sơn, trai chủ không sắp chỗ mà Vua tự choán ngôi chỗ cao, còn chư sơn ngôi 2 bên; đến đôi có người trải chiếu ngôi dưới đất, có khác gì Bà La Môn! Đối với lễ nghi e không đúng phép như thế được!

Vua nghe thế hoảng hồn xin lỗi và bước xuống khỏi tòa ngay, nhường trước cho các bậc tôn túc để phân biệt ngôi chủ khách; các quan lui ngôi sang 2 bên. Thọ trai xong, vua nắm tay Phụng Sơn nói:

- Không nhờ thầy, Ta đã không giữ đúng lễ.

Đây gọi là cơ hội thi thiết mà có thể mở rộng được hơn tâm, đó là Phụng Sơn vậy. Người đời nay ưa mắc lỗi quấy, phép tắc đây không thể khinh suất được. Song phong cách cổ nhân sáng ngôi lan xa cũng không thể không biết như thế.

---o0o---

1.19 Đến Chùa Khác

Phần tiếp bậc tôn túc bên trên có 6 cách, là lúc họ tới thăm. Còn đây là việc đến thăm các chùa chư tôn túc, là ta tới họ. Họ và ta tuy khác nhưng lễ giống nhau. Xem thêm phần tiếp bậc tôn túc ở trên để biết rõ. Có sự dị đồng. Xem Chương Trụ Trì tiết xuất nhập ở dưới có nói rõ, ở đây không ghi hết.

---o0o---

1.20 Mừng Sinh Nhật

Mỗi khi gặp ngày sinh nhật Hòa Thượng Phương Trượng, chuẩn bị trước một ngày đầu đó dọn dẹp, quét tước, sắp đặt hương đèn, hoa quả các bàn thờ chu đáo. Trì Khách tới phòng Phương Trượng hỏi Trụ Trì: “ngày mai tụng Kinh gì?”. Nếu có tụng kinh phải thông báo cho chúng biết để chuẩn bị sắp xếp kinh tụng. Hôm sau đúng giờ nghe hiệu lệnh, chúng y hậu chỉnh tề vân

tập chánh điện, đốt nhang đèn, Trụ Trì niệm hương, cắm nhang lên lư, đánh lễ Tam Bảo. Xong Duy Na cử tán bài: bảo đánh nhiệt danh hương... Không chúc tán, tụng Kinh Lăng Nghiêm, đi nhiễu Phật như thường lệ. Trở lại chỗ xướng lễ chư Phật, Bồ Tát, Thích Ca, Dược Sư, Văn Thù, Phổ Hiền, Nhật Quang, Nguyệt Quang, Hải Hội mỗi vị 3 lạy. Khóa lễ xong, 3 hồi chuông và 3 tiếng, đại chúng theo sự hướng dẫn của Duy Na. Thầy Duy Na bạch: “Thưa Đại chúng, giờ này đại chúng chúng ta đến khánh chúc Hòa Thượng Phương Trượng sinh nhật.” Tại phòng Phương Trượng, chúng đứng sắp hàng 2 bên, Duy Na mời Hòa Thượng vào chỗ ngồi. Hòa Thượng ngồi xong, Duy Na xướng:

“Đại chúng kính chúc Hòa Thượng thọ mạng lâu dài”.

Chí thành đánh lễ 3 lạy. Lạy xong, hoặc khai thị hoặc không; tối hôm trước phải hỏi để quyết định. Nếu thuyết thì theo nghi thức tiêu tham thường lệ; còn không, lạy xong đại chúng lui ra, chuẩn bị dùng điếm tâm. Trưa có cúng ngộ, đặc biệt tại trai đường có thiết bàn đặt lễ phẩm chúc mừng sinh nhật. Nếu có tụng kinh, theo nghi thức ở trước, chỉ khác tờ số như:

Tùng nghe rằng, đèn ngọc vừa sáng, ánh vàng chiếu soi, thọ như âm nhạc, ngọc báu hiện lên, mệnh môn pháp thủy sóng lung linh nhôi. Nương Phật Pháp thường trụ, mừng nay gặp được minh sư đời này. Ngài sanh quán... năm nay ... tuổi. Lại niệm: Hòa Thượng A-B là hoa sen sáng rỡ của Phật Tổ, y bát có ẩn nơi bảo sát do bản chất phạm phu phân đoạn. Thiện duyên phát khởi nơi tâm từ. Nay nhân ngày sinh nhật của tôn sư, công lao khổ cực diu dặt hậu lai. Nay chúng đến trước Phật đánh lễ Tam Bảo, hiến tụng kinh...

Lại nguyện: Phật Pháp vững trường tồn, tông lâm mãi hưng thịnh, sư trưởng, cha mẹ quá cố, hiện đời được ân triêm công đức. Lại nguyện: Tổ đức tôn thân thêm phần phước lợi. Đồng cầu nguyện... đạo hạnh tinh chuyên, trí bi nhuần đượm, thân tâm khương thái, tuổi hạc tươi vui. Đời đời vun vạt điều thiện để trang nghiêm, phẩm phẩm chứng 6 thông ung dung tự tại. Kính nguyện đem công đức này mong tình thức đều siêu hàm chứa trong một thiện niệm thành tựu phước đức vô biên.

Chí thành dâng số, cung thỉnh Tam Bảo chứng minh. Bảy tám chín mười tuổi chúc thọ văn số.

Ngày.. tháng... năm... Tỳ kheo... căn số.

Sau khi hồi hương, thầy Trụ Trì thay Phương Trọng cảm tạ các thầy đại chúng tặng.

Chúng nghĩa ghi rằng: đây là lễ chúc theo đời, tôn kính Hòa Thượng đức báo ơn hồng pháp. Xưa Đường Văn Hoàng chủ chùa Vạn Thừa, ngày sinh nhứt chẳng lấy làm vui, hưởng gì chư tăng lại chúc thọ ư? Cho nên có câu nói rằng: ở chúng nên làm, ở chủ nên ngưng; làm thì tụng kinh cũng được, ngưng nên chấm dứt mọi duyên ồn náo là chánh, vì không cần thiết đối với người tu từ bỏ các pháp ngoài Phật Pháp.

---o0o---

1.21 Cúng Trai Phạn Chư Tăng

Có thí chủ cúng trai phạn chư tăng đến chùa, nên tiếp ở phòng khách và báo cho Phương Trọng ngay, kế mời vào phòng khách rồi hướng dẫn đến gặp Trụ Trì. Gặp Phương Trọng Trụ Trì liền làm lễ; Thầy Trụ Trì lấy lễ tiếp đãi qua mấy lời thăm hỏi ân cần, rồi mời dùng trà. Xong, Tri Khách đưa tới phòng nghỉ hoặc trong ngày trở về thời không cần phòng ngủ. Nếu người cúng dường là quan chức, phải cần gióng chuông nhóm chúng ra cửa đón (Xem nghi hộ pháp ở trước có đề cập). Phương Trọng cắt Giám Viện chỉ vẽ thí chủ chuẩn bị bữa cơm cho đại chúng thọ trai. Không được làm tốn hao của Tam Bảo, không nên buộc đại chúng quá khắc khổ. Căn cứ phần cúng thí có niêm yết trên thông báo như sau:

“Đại chúng khi nghe chuông vân tập chánh điện để cúng ngộ. Cúng xong thông báo lễ cúng trai phạn hôm nay. Có gia đình Ông, Bà... từ đến xin phát tâm cúng dường cầu ... Mời quý Thầy tới trai đường thọ trai”. Tới giờ, Tri Khách hướng dẫn trai chủ tác bạch cúng dường (bài tự viết hay nhờ Thầy Tri Khách chỉ dẫn trước). Trai chủ tác bạch, Phương Trọng đáp từ, khuyến tấn tu hành, tán dương công đức cúng dường v.v.. Xong, đại chúng cử bát cúng dường (Đọc bài cúng dường thanh tịnh..) Chư tăng thọ trai xong, Tri Khách hướng dẫn trai chủ đến nhà trừ cảm ơn sự lao nhọc của ban trai soạn lo chu tất bữa trai phạn rồi cùng đi thọ trai. Nếu cúng tiền tùy hỷ phát tâm, cúng đều mỗi vị; Tri Khách giúp cung cấp bao thơ, nếu chưa chuẩn bị, cúng công khai hoặc cúng đưa riêng từng người tùy ý trai chủ. Nếu số tiền nhỏ, không cần cúng vào quỹ chung mà đưa riêng mỗi vị; số tiền từ \$30 - \$50 trở lên phải để lại 20% cúng quỹ chung để điều hành Phật sự.

Chỉ nói sơ như vậy, tùy trường hợp mà định liệu.

Chúng nghĩa ghi: theo như Kê Cổ lược ghi: vào đời Tống, cư sĩ Hồng Khánh Thiện làm tiết độ sứ Giang Đông, đêm tá túc ở chùa Ngũ Khâu tại Trì Châu được Tông thiên sư tiếp đón. Ban đêm đàm đạo, Hồng cư sĩ hỏi:

- Cúng dường trai phạn tăng nói ở Kinh nào?

Tông thiên sư đáp:

- Trong Kinh 42 Chương dạy rằng: cúng dường trai phạn cho 100 người phạm không bằng cúng cho một người làm thiện; cúng 1000 người thiện không bằng cúng cho một người vô trụ, vô tu, vô chứng. Qui định đó là người chân chánh giải thoát, có thể người ấy là phạn tăng, công đức bằng chư Phật. Tiền bối biết đó là người nhiều công đức vậy.

Hồng cư sĩ hỏi:

- Ai làm được như thế?

Sư Tông đáp:

- Và như gần đây nói Tần Thiệu Du châm biếm Đằng Châu làm văn đi điếu, có câu ai là nhà tu phạn tăng áo vàng? Tô Đông Pha nghe Tần cáo phó cũng gởi 5 lạng đi đám, nghĩ Phạm Nguyên Trường là Tần phạn tăng. Tới khi Tô Đông Pha lui về phương Bắc đến ở Lu Lăng, do bệnh không ra làm quan Thái học sinh, túng thiếu ở Đông Kinh. Huệ Lâm cúng trai phạn tăng hoàng phái chọn ra ngôi vị Tô Đông Pha để hàng đầu.

Hồng cư sĩ hỏi:

- Cúng trai tăng có căn cứ tiền không?

Sư Tông đáp:

- Chỗ công đâu chẳng thấy biết của tư tóc, thí chẳng thanh tao; giết dê bày yến đãi khách quần thần cho ăn uống phủ phê. Lại còn lụa trắng, thúng mễ là do hậu ý. Bởi ăn uống chưa đủ kính trọng hết lòng mà còn tặng thêm nữa mới tỏ dạ ân cần.

Hồng nói:

- Nay nghe Thầy nói mới biết rõ nghĩa cúng dường phạn tăng, tôi mỗi năm tới chùa cúng phạn tăng một lần vậy;

Và còn hỏi thêm rằng:

- Cúng phạn tăng không cúng tiền là một việc khác, nghĩa như thế nào?

Đáp:

- Nhân quả chẳng hợp.

Xưa tại Hồ Nam thuộc Vân Cái sơn có Trí thiên sư, ban đêm ngồi thiền nơi thiền thất bỗng nghe tiếng lớp bộp lửa bốc cháy sáng lò, nên đích thân tới xem mới hay lửa phát cháy (giá) tòa sen, chuôi giá vắt ngang cửa, bèn thất kinh hỏi:

- Người là ai?

Đáp rằng:

- Tôi là... trước kia ở núi này; không thích hợp, lấy tiền cúng chư tăng tạo nhà tăng, sai với tín tâm người cúng khiến không hợp nhân quả nên phải chịu khổ báo này; mong vì tôi đánh, trị tội khi tăng, lấy tiền đó thiết lễ cúng tăng mới có thể khỏi được khổ này!

Trí thiên sư lấy đó ghi tâm nói là sẽ lo liệu. Một đêm kia mộng thấy có người tới cảm tạ rằng: “Nhờ vào lực Thầy, tôi đã ra khỏi địa ngục sanh vào cõi nhân thiên. Ba đời nữa tôi lại được làm tăng, nay cửa chùa vẫn còn lưu vết cháy.”

Nhân vì lấy tiền cúng tăng làm tăng xá mà tiền đó đúng ra để cho chư tăng dùng; còn chịu quả báo khổ như thế. Ngày nay phần nhiều người lấy của thường trụ làm của riêng, họ thọ báo thích đáng phải như thế nào? Song đây dựa vào việc thọ nhận vật thí mà nói, đến như tín thí phát tâm cúng cũng phải cho bình đẳng. Căn cứ theo Trí Độ Luận, xưa có thí chủ cúng dường trai phạn tăng chỉ cúng chư vị trưởng lão mà không cúng chư tăng trẻ. Lúc đó các vị La Hán vì lòng thương xót dùng lực thần thông, liền hiện toàn lão tăng cho thí chủ cung kính cúng dường tất cả chư Tăng. Sau khi chú nguyện xong, sắp sửa thọ trai họ hiện nguyên hình là những tỳ kheo trẻ tuổi. Thọ trai xong theo căn cơ mà thuyết pháp khiến tâm của người thí chủ kia liền nghĩ tới pháp bình đẳng trong sự bố thí cúng dường.

Ngoài ra, tại Ấn Độ, có trưởng giả Thọ Đề thường thiết đại trai như ý cúng dường 7 ngày, vì muốn cúng dường tôn giả Tân Đầu Lư nên đem hoa tươi đặt dưới chỗ ngồi của vị Thánh tăng này. Lại căn cứ việc cúng dường chỉ một bình hoa tươi như trên cũng đủ, nên lấy đó mà chiêm nghiệm. Nếu Thánh tăng ứng cúng trải qua 7 ngày một tuần mà hoa vẫn còn tươi không héo. Đấng này không phải như vậy, sau 7 ngày cúng hoa đều héo tàn cũng như hoa đã khô rụng. Trưởng giả bất mãn vì nguyện không thành, lại càng lo lắng càng hối tiếc, lại xin cúng dường tiếp để cầu được như ý nguyện. Nhưng kết quả cũng không mãn nguyện, trong lòng lấy làm hổ thẹn, không còn cách nào có thể khả thi được nữa. Ông bèn phát đại thệ nguyện quyết cầu được Ngài giáng lâm, nếu như việc không thành, ông hẹn lấy cái chết làm chứng. Đến ngày thứ 7, ông kêu khóc cầu khẩn để mong được sự cảm ứng; lúc ấy có một hành giả khát thực tới nhà, chỉ tay gọi ông trưởng giả nói rằng: “Đây không phải tôn giả Tân Đầu Lư ư?” Trưởng giả vui mừng đánh lễ, Tân Đầu Lư nói rằng:

- Ngày đầu Ta muốn phó hội, nhưng người giữ cửa làm cho Ta vô cùng lạnh lẽo, thân không che y, sức không cự lại nổi, đập đầu xuống đá, thịt rơi thành vết thương. Ngày thứ nhì Ta lại phó hội người canh cửa thấy Ta áo quần rách rưới phơi da, lại ngăn không cho Ta vào. Nay vì thương cảm đến lòng thành của Người coi Ta như thân hữu, Ta mượn được một cái áo che thân mới tới dự hội đây. Từ nay về sau, Người muốn chọn chân tăng cúng dường nên khởi tâm bình đẳng, không phân quý tiện, bố thí rộng rãi không ngăn ngại, phước không cùng tận vậy. Ngoài ra, Hàn Sơn có bài thơ rằng:

Chọn Phật cúng đốt hương

Lựa Tăng để cúng dường

La Hán xin trước cửa

Xua đi làm Hòa Thượng.

Không hiểu người vô vi

Bản lai vô tướng trạng

Dâng sớ thỉnh danh tăng

Tiền cúng 3 lạng chẩn.

Pháp sư tốt Vân Quang

Đặt sừng ngay trên đỉnh

Tâm Ngươi không bình đẳng

Thánh hiền nhanh xa lánh.

Phàm Thánh đều lẫn lộn

Khuyên ngươi đừng chấp tướng.

Ngoài ra, Kinh Địa Tạng chỉ bày trai tăng độ hương linh cũng phải tinh thành, càng thanh tịnh cúng dường Phật Tăng, ngõ hầu kẻ còn người mất đều được lợi ích.

---o0o---

1.22 Cúng Dường Đất Đai

Cúng ruộng (núi), cúng đất, cúng thuốc, cúng nhà... nghi thức đều giống nhau, chỉ thay vật muốn cúng thôi.

Tiếp đãi thí chủ như trên, nghi cách giống nhau, Trụ Trì sai thị giả mời người đứng chủ chốt điều hành biết trông coi trong ngoài, cất đặt người phụ trách phòng khách, nhà kho, thư ký, tri sản. Đây nói tổng quát, nếu nêu riêng phải gọi người trông coi sơn môn là tri sơn, lo việc đất đai là tri điền, cùng tới Ngài Phương Trượng tạ ơn thí chủ bằng cách lập thành bản văn để dễ dàng sau này làm bằng. Thí chủ, Trụ Trì và luật sư đều ký tờ cam kết (giao kèo), giao bằng khoán bản chính, thân nhân thuận cúng, lúa thu, thuế khóa... đều giao đầy đủ. Phương Trượng vào chánh điện thuyết pháp để đáp tạ ân thí chủ. Sau thời thuyết pháp, mời chúng cùng thí chủ đi xem đất; cũng đem theo 10 cành tre để làm mốc ranh giới, cho rõ ràng đất cúng chùa. Không được lẫn lộn phạm vi đất người khác để tránh sự tranh tụng. Mỗi năm, tiết mùa xuân 2 bên cùng tới xem lại hạn giới đất một lần. Trong năm, Giám Viện phải khai báo chủ mới và nộp thuế, tức là đất đã thuộc chùa quản trị, khắc đá làm dấu, lập sổ bộ lâu dài. Ngày viết giấy giao kèo có cúng Phật và đãi cơm chay khách dự. Đọc số như sau:

Cung kính vì: Cây Bồ Đề cao lớn tỏa rợp bóng che mát khắp 10 phương; hoa Ưu Đàm ngát hương khôn sánh, biển quốc độ này trải rộng mùa xuân, vui

ngắm già lam đại giác, dũ lòng chiếu giám cho đàn na... tên thí chủ..sinh năm... tuổi... làng, xã, huyện... đem sớ đất số... cúng cho chùa... Trụ Trì tên... Thành tâm niệm tưởng thí chủ... gia duyên ràng buộc, theo nghiệp luân hồi. Tuy tỏ đường giác 1 trương nhưng chưa ra khỏi trần lao nghiệp hệ. May nhờ vạn đức đáng tôn mở bày thiện pháp, nay vì muốn trồng căn lành nên dâng cúng đất làm tài sản tăng chúng. Vì chọn hôm nay nên cung kính trước điện, kính dâng tác lòng thành hiến cúng, nguyện đem công đức này hồi hướng nhân duyên, cúi xin Tam Bảo chứng minh.

Lại nguyện: trai chủ... túc nghiệp tiêu trừ, phước thọ càng tăng; cúng Phật và tăng nhờ công đức này không bao giờ cùng tận. Bỏ tham tạo phước, quả báo 3 đời thường tan, toàn gia sum họp vui vầy, cháu con gọi nhủ ân đức. Nương nhờ phước điền này cho đến trọn thành Chánh giác. Kính thành dâng sớ thỉnh Vi Đà tôn thiên Bồ Tát chứng minh, chúng con nguyện xin hồi hướng.

Ngày... tháng... năm... Trụ Trì... dâng sớ.

Sớ này đọc trước bàn Phật xong, đem trình trước bàn hộ pháp Vi Đà rồi mới đem đốt. Nếu thí chủ muốn cúng cho tiên linh ông bà, nên ghi tên tuổi vào lòng sớ, hoặc cầu nguyện cho cha mẹ, ông bà còn sanh tiền được sống thọ, phước lộc dồi dào. Cũng chính dịp này tới nơi thờ linh lạy tạ hay thiết trai cúng đầy đủ, như nghi tiên linh.

Chúng nghĩa ghi rằng: cúng ruộng như trên là cách cúng dường cao thượng để hộ trì Tam Bảo, giúp việc hoằng pháp lợi sanh nhờ đó mà đầy đủ thiện duyên, đây là chân chánh phước điền. Bởi vì thiết trai phạn cúng dường tăng chỉ trong nhất thời hay hiện thời. Còn cúng đất ruộng kéo dài nhiều đời, công đức thật hết sức to lớn. Cúng đất, cúng thuốc, cúng nhà... các thứ như thế mà suy ra. Cho nên phải cúng ngộ, tuyên đọc sớ để đáp tạ ân đức thí chủ.

Xưa thiên sư Sơ Sơn Tánh vì thí chủ cúng ruộng nên vào Phật điện nói rằng:

- Mỗi người ngồi một tọa cụ vuông, tròn trang nghiêm, xưa nay hành tọa chưa từng dời đổi, ngày tiết lạnh mồn kiếp thạch, đêm chẳng thuộc âm dương. Lại cũng không lương dịch, 4 tiết đến phân minh, bằng khoán thấy rõ ràng đủ chứng minh lô đất thật. Mọi việc đều tự tại, nếu vấn đề (giấy tờ) không đầy đủ, xử dụng thật khó khăn. Như vậy nên người bố thí làm sao không cảm kích, trưởng dưỡng Phật tánh 10 phương, thường sanh lòng đại trí, thí thực sang bố thí các bậc phạm thánh công đức không thể nghĩ bàn. Nếu không tâm cầu cũng không tâm đạt được, nên hiểu rõ ý xuân phong chớ

nhận làm ngọc xuân sơn. Đại nhân duyên vô thượng biết nguồn gốc tâm niệm; nhân quả đã hiển nhiên nên mới tồn đạo lực. Phòng công người đem đến canh cơm, đồng thiếc, nước sôi... mặc nhiên 3 luân vắng lặng (kẻ thí, người nhận, vật thí). Hư không ảnh vô tung tích, đèn lồng mờ tỏ sáng thâu canh, nướng cụ sơn chất đá cao; liễu uốn theo chiều gió, hoa hương dương hướng mặt trời.

Thuyết pháp như thế có thể nói là không phụ ân thí chủ vậy.

---o0o---

1.23 Cúng La Hán

Tiếp đãi trai chủ giống như cúng trai phạn tăng, dự định ngày viết thông báo dán tại thiền đường phòng khách. Thông báo rằng, “ngày mai sau khi điểm tâm sáng, đại chúng chuẩn bị cúng La Hán, ban hương đăng coi sóc trên chánh điện, 10 thầy cúng ngọ liệt danh sách như sau: Đại Đức A, B, C, ... Chuẩn bị nhang đèn, chân đèn, lư hương, chén bát, đĩa muổng, tách trà, cơm nước, bánh trái... lo cho hơn 500 người dự. Người phụ trách trai soạn sắp xếp các Ban nấu nướng, để cung cấp 500 phần ăn. Ngày hôm sau 5 vị phụ trách hương đăng tới nhà kho lấy nước, lấy chén, đèn nhỏ 500 cây, chân đèn 250 đôi, lư hương. Mỗi người coi sóc 100 vị La Hán, trước mỗi vị đặt một tách trà, một đôi đĩa, một đĩa quả, một cây đèn. Lư hương 2 vị chung một lư. Nước trà, cơm, bông trái, đèn đặt cúng quanh tượng, rồi mới lên nhang đèn; kế pha trà, hiến thức ăn. Lại mặt tiền chính giữa thiền đường, đặt một bàn vuông lớn, 2 chiếc bàn nhỏ có thể để 16 vị La Hán. Chung bông trái, nhang đèn, thức ăn đầy đủ. Mỗi vị có một bài vị, một tách trà, một đôi đĩa, một chén cơm. Ở phía mặt tiền để chừa ra 3 mét, đặt 3 chiếc bàn dài trên để bàn số 13 vị nhìn trên dưới, chính giữa; cũng đặt hương đèn và cúng 10 bộ La Hán, mỗi bộ dùng kính che kín, 10 cái thủ lư đều chuẩn bị sẵn. Tới giờ cúng, vị Tri khách mời 10 Thầy cúng ngọ đáp y hậu tới chỗ thờ A La Hán, kế mời trai chủ niệm hương. Các Thầy đánh lễ Tam Bảo. Trai chủ lần lượt đến bàn giữa niệm hương, rồi các bàn khác cũng vậy. Duy Na cử tán:

Lư hương vừa ngún, cõi pháp được xông

Khói trầm ngào ngạt một lòng kính dâng

Khắp hòa vũ trụ xa gần

Hoa sen rực rỡ đơm bông cúng dường

Chư Phật, Bồ Tát giảng phàm

Hiện hình La Hán trên vòm Thiên Thai

Vào đời thọ cúng hôm mai...

Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.

Duy Na xướng: tất cả cung kính, Chúng cầm hương xướng hoà: “Chí tâm đánh lễ thập phương pháp giới thường trụ Tam Bảo”.

Duy Na nhập khánh đọc:

Lại nguyện, người chia thành phương tiện từ Gia Hạnh đến vị Đình Tâm, vị như 4 sa môn, do vô học cầu nơi kiến đạo, đó đều biết khổ, đoạn tập, thọ đạo tạo nhân là gốc quyền của tích pháp, hội ngộ lý KHÔNG của con người. Đến như chứng bực Biện địa, vào Đại Thừa môn, chỗ học họ đồng Bát Nhã. Vì thế cùng với Bồ Tát trong giữ kỷ hạnh mật, ngoài nghe âm thanh Phật đạo, đều được gọi là thánh hiền tăng, nên đáng thọ của nhân thiên cúng.

Chỉ mong sao kham thọ Phật phó chúc, ở phương này đủ duyên làm hưng long giáo pháp, đáng cho phàm tình nhận đàn na cúng dường hôm nay. Tuệ chiếu hồi tinh mật, bao bọc bởi lòng thương, cứu khắp chốn mê tình đưa lên miền Cực Lạc.

Đại chúng đọc hòa theo: “Cho nên con nhất tâm kiên thành phụng thỉnh”.
Tất cả đồng lạy 1 lạy.

- Nhất tâm phụng thỉnh tận hư không biến pháp giới thập phương thường trú chư Phật, Pháp, Tăng

- Nhất tâm phụng thỉnh Ta Bà giáo chủ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Văn Phật

- Nhất tâm phụng thỉnh tận hư không biến pháp giới thập phương thường trụ chư Thanh Văn Tăng cùng chư quyền thuộc

Từ đây trở xuống 9 lạy mỗi lạy đều xướng “Nhất tâm phụng thỉnh” và phần cuối thêm “cùng chư quyền thuộc”

... Thường tùy tùng theo Phật, 1250 đại A La Hán, Lộc Uyển trước độ 5 vị tỳ kheo, sau cùng độ Tu Bạt Đà La các vị A La Hán... Đại đệ tử Thế Tôn Ca Diếp, A Nan Đà cùng 10 đại đệ tử... nghe pháp tại Linh Sơn chúng đại tỳ kheo một vạn 2 nghìn đại A La Hán... tại hội Linh Sơn được thọ ký học, vô học chư đại Thanh Văn chúng... Năm thời nghe pháp học, vô học các vị chúng đại Thanh Văn... sau khi Thế Tôn tịch diệt kết tập 3 tạng A Nan Đà và chư vị A La Hán... Hiện thế 16 vị đại A La Hán, 16,900 chúng đệ tử cùng các quyền thuộc. Trú xã... huyện... tỉnh... tên chùa... hiện tại 500 vị A La Hán cùng các quyền thuộc.

Lại nguyện: không trái bốn thế, thương xót hữu tình, giờ này hôm nay quang lâm đạo tràng, chứng minh công đức.

Thỉnh xong, xá một xá. Trong lúc thỉnh, Duy Na nghĩ tất cả A La Hán đều dùng thiên nhãn soi sáng, thiên nhĩ thấy nghe, tha tâm biết được, oai nghi nghiêm túc từ hư không mà đến đây.

Ngoài ra, bốn mặt thêm huệ đầy đủ thông giáo hai vị, như trên biệt xuất 10 vị nhưng không cần thêm nữa. Thỉnh xong xướng kệ tán thán:

Lần đầu độ 5 người thành Tăng Bảo

Cao đệ đức Thế Tôn đạo âm quang

Linh Sơn một hội thật huy hoàng

Chúng vô học một vạn 2 nghìn

Tu Bạt Đà La độ sau cùng

Năm thời nghe pháp số chúng đông

Hàng Thanh Văn Niết Bàn chúng thông

Ba tạng lưu truyền nhờ công kết tập

16 vị chân nhân được phó chúc

Đời vị lai làm bậc phước điền sư

Là thường trụ thánh hiền tăng 10 phương

Đều được tôn phụng cúng dường nơi đây.

Tán xong, Duyệt chúng gõ mõ nhỏ đại chúng cùng đọc: Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Chư tăng, thí chủ đều hướng về Phật điện từ từ bước tới tiền về phía bàn thờ La Hán đi kinh hành một vòng. Xong, đứng tại chỗ ngung niệm Phật. Đại chúng quỳ và cùng đọc:

Nam Mô thường trụ Phật, Pháp, Tăng,

Nam Mô bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam Mô khắp hư không biến pháp giới, 10 phương thường trú chư Thanh Văn tăng.

Nam Mô thường tùy theo Phật 1250 vị đại A La Hán

Kính lễ Lộc Uyển trước Phật độ 5 tỷ kheo, sau cùng độ Tu Bạt Đà La các bậc A La Hán.

Kính lễ hàng cao đệ đức Thế Tôn Đại Ca Diếp, A Nan v.v.. đại A La Hán

Kính lễ chúng đại tỷ kheo nghe pháp tại hội Linh Sơn một vạn 2 nghìn đại A La Hán

Kính lễ các đại Thanh Văn được thọ ký học, vô học tại hội Linh Sơn

Kính lễ chúng đại Thanh Văn đạt học, vô học nghe 5 thời thuyết giáo

Kính lễ A Nan tôn giả, chư vị A La Hán kết tập 3 tạng sau Phật diệt độ

Kính lễ lịch đại Tổ sư, chư vị A La Hán trong thời chánh pháp, tượng pháp sau Phật diệt độ

Kính lễ 16 vị đại A La Hán cùng 16,900 đệ tử A La Hán

Kính lễ hiện trụ 500 vị đại A La Hán đang thờ tại bốn tự.

Lạy xong, tiếp theo đọc chú: biến thực 21 lần, cam lồ 7 lần, phổ cúng dường 7 lần, rồi tiếp:

Nam Mô thập phương thường trú Tam Bảo (3 lần).

Duy Na quỳ đọc sớ như sau:

Lại nghe rằng: Tại rừng chiên đàn mùi thơm phảng phất, nơi hang sư tử đều nghe tiếng gầm vang dội. Dám mong thành khẩn ngưỡng đức từ bi.

Nay tại Úc Đại Lợi, Sydney thành phố, chùa... phụng Phật thiết lễ cúng dường La Hán, mong ân gia hộ đệ tử... pháp danh... tuổi, đầu thành đánh lễ nhất tâm thượng kính; trung thiên chí thánh Mâu Ni Thế Tôn thượng tỳ Thánh chúng các vị đại A La Hán trên đài Kim Liên chứng giám cho lòng thành tỏ bày của chúng con.

Lại nghĩ: trí siêu vô lậu, đạo hợp chân không, thần thông thông tỏ trong thoáng chốc ở thiên thượng nhân gian. Bí hiện u thâm, quên hết nỗi ưu lo Thanh Văn, Đại thừa; phần khởi gặp được thắng duyên thấy thánh tướng nơi điện tiền, dâng khiết hương bày tỏ, nghinh phan báu mà cúng phớ, mong đũ soi huệ nhãn, doãn nạp tác lòng thành. Do vậy, nhân nay ngày... tháng... năm... đệ tử cung kính đến chùa... thực tỏ lòng thanh tịnh, nương nhờ đức chúng trai giới nghiêm minh thật tu thiền tịnh. Trên cúng Phật, Pháp, Tăng thường trú Tam Bảo tại bảo điện bốn tợ cúng 500 La Hán hóa thân đại sĩ, các bậc tôn giả Thánh hiền, với chút hương hoa này cúng dường cùng khắp tất cả.

Lại nguyện: pháp môn nổi bật đèn Tổ thêm rạng soi; đàn na tịnh lạc, hải chúng an hòa, mong thương phạm tình toàn nương nhờ từ lực.

Chí thành dâng sớ, cung kính thỉnh Tam Bảo chứng minh, cúng dường La Hán.

Ngày... tháng... năm... Đọc sớ xong, tán rằng:

Phước đức cúng dường,

hạnh cả mệnh mông;

trong mật ngoài hiển

mãi mãi lưu phương.

Thay Phật rộng tuyên dương,

thọ lĩnh khó quên;

vào đời làm chiếc thuyền nang.

Nam Mô chư đại A La Hán tôn giả.

Đại chúng về chỗ của mình. Tri Khách mời trai chủ đến phòng khách dùng trà. Chúng hương đăng thu dọn ngay đồ cúng đem xuống nhà trù để sửa soạn cúng dường đại chúng. Những đồ vật khác cất vô kho chờ dịp cúng khác. Hiến cúng đại chúng, ngoài nghi cúng xem thêm nghi thức cúng trai phạn như trên. Sau khi điếm tâm sáng, 10 Thầy đã được phân phiên lên chánh điện cúng ngọc; tới bàn thờ La Hán lễ A La Hán. Lễ lạy La Hán chia nhiều thời, mỗi thời 100 lạy từ số 1 tới số 12 như trên. Xem phần trước có đầy đủ, kể lạy 16 vị La Hán hiện thế.

Chí thành đánh lễ Tân Đầu Lô Bạt La Đọa Xà tôn giả.

Sau đây mỗi vị đều đọc “Chí thành đánh lễ”:

- Ca Nặc Ca Phạ tha tôn giả
- Ca Nặc Ca Bạt triền đọa xà tôn giả
- Tô Tần Tha tôn giả
- Nặc Cự La tôn giả
- Bạt Đà La tôn giả
- Ca Lý Ca tôn giả
- Phạt Xà La Phát Đa La tôn giả
- Mậu Bác Ca tôn giả
- Bán Thác Ca tôn giả
- La Hồ La tôn giả
- Na Già Bình Na tôn giả
- Nhân Kiệt Đà tôn giả

- Phật Na Bà Tư tôn giả
- A Thị Đa tôn giả
- Chú Trà Bán thác ca tôn giả.

---o0o---

1.24 Trăm thứ nhất của 500 La Hán

1. Chí tâm đánh lễ A Nhã Kiều Trần Như tôn giả.

Sau đây mỗi vị mở đầu đều có “Chí tâm đánh lễ” và “tôn giả” ở cuối:

2. A Nê Lô, 3. Hữu Hiền Vô Cấu, 4. Tu Bạt Đà La, 5. Ca Lưu Đà Di, 6. Văn Thanh Đắc quả, 7. Chiên Đàn Tạng Vương, 8. Thí Tràng vô cấu, 9. Kiều Phạm bàn Đề, 10. Nhân Xà Đắc Huệ, 11. Ca Na Hành Na, 12. Bà Tô Bàn Đậu, 13. Pháp giới tứ lạc, 14. Ưu Lâu Tần Loa, 15. Phật Đà Mật Đa, 16. Na Đề Ca Diếp, 17. Na La Diên Mục, 18. Phật Đà Nan Đề, 19. Mạt Điền Đề Ca, 20. Nan Đà Đa Hóa, 21. Ưu Bà Cúc Đa, 22. Tăng Ca Na Xá, 23. Giáo thuyết thường trụ, 24. Thương Na Hòa Tu, 25. Đạt Ma Ba La, 26. Ca Na Ca Diếp, 27. Định Quả Đắc Nghiệp, 28. Trang Nghiêm Vô Ưu, 29. Ưc Thị Nhân Duyên, 30. Ca Na Đề Bà, 31. Phá Tà Thần Thông, 32. Kiên Trì Tam Tự, 33. A Niều Lô Đà, 34. Cru Ma La Đa, 35. Độc Long quy y, 36. Đồng Thanh Khể Thủ, 37. Tì La Thị Tử, 38. Phật Tô Mật Đa, 39. Xà Đề Thư Na, 40. Tăng Như Da Xá, 41. Từ Mẫn thế gian, 42. Hiến Hoa Đề Ký, 43. Nhãn Quang Định Lực, 44. Đà Da Xá Na, 45. Sa Đề Bí Sô, 46. Bà Xà Đề Bà, 47. Giải Không vô cấu, 48. Phục Đà Mật Đa, 49. Phú Na Dạ Xa, 50. Ca Da Thiên Nhân, 51. Bất Trước thế gian, 52. Giải Không đệ nhứt, 53. La Độ vô tận, 54. Kim Cang Phá Ma, 55. Nguyễn Hộ thế gian, 56. Vô Ưu Thiên Định, 57. Vô Tác Huệ Thiện, 58. Thập Kiếp Huệ Thiện, 59. Chiên Đàn Đắc Hương, 60. Kim Sơn giác ý, 61. Vô Nghiệp Tố Tịnh. 62. Ma Ha Sát Lợi, 63. Vô lượng Bồn hạnh, 64. Nhứt Niệm Giải Không, 65. Quán Thân Vô thường, 66. Thiên Kiếp Bi nguyện, 67. Cù La Na Xá, 68. Giải Không định không, 69. Thành Tựu Nhân Duyên, 70. Kiên Thông Tinh Tấn, 71. Tát Đà Ba Luân, 72. Càng Đà Ha Lợi, 73. Giải Không tự tại, 74. Ma Ha Chú Na, 75. Kiến Nhơn phi đẳng, 76. Bất Không bất hữu, 77. Châu Lợi Bàn Đạc, 78. Cù Sa Tỳ kheo, 79. Sư Tử tỳ kheo, 80. Tu Hành Bất Trước, 81. Tát Lăng Già Sai, 82. Ma Lợi Bất Động, 83. Tam Muội Cam Lộ, 84. Giải Không vô danh, 85. Thất Phật Nan Đề, 86. Kim Cang Tinh Tấn, 87. Phương Tiện Pháp Tạng, 88. Quán Hành Luân Nguyệt, 89. A Na Phần Đề. 90. Phát Trần Tam Muội, 91.

Ma Ha Cụ Di, 92. Bích Chi Chuyển Trí, 93. Sơn đánh long chúng, 94. La
Võng tư duy, 95. Kiếp Tân phú tạng, 96. Thần thông ức đản, 97. Cụ Thọ
Câu Đề, 98. Pháp Vương Bồ Đề, 99. Pháp Tạng Vĩnh Kiếp, 100. Thiện
Vãng

100 vị A La Hán trong số 500 xong.

---o0o---

1.25 Trăm Vị Thứ Hai của 500 La Hán

101. Chí tâm đánh lễ Trừ Ưu tôn giả,

102. Đại Nhân, 103. Vô Biên Tự Tại, 104. Diệu Cù Nghiêm Độ, 105. Kim
Cát, 106. Lôi Đức, 107. Lôi Âm, 108. Hương Tượng, 109. Mã Đầu, 110.
Minh Thủ, 111. Kim Thủ, 112. Kính Thủ, 113. Chúng Thủ, 114. Biện Đức,
115. Bình Đề, 116. Ngô Đạt, 117. Pháp Tăng, 118. Ly Cầu, 119. Cảnh giới,
120. Mã Thắng, 121. Thiên Vương, 122. Vô Thắng, 123. Nguyệt Tịnh, 124.
Bất Động, 125. Hưu Túc, 126. Điều Đạt, 127. Phổ Quang, 128. Trí Tích,
129. Bảo Tràng, 130. Thiện Huệ, 131. Thiện Nhân, 132. Bảo Dũng, 133.
Bảo Kiến, 134. Huệ Tích, 135. Huệ Trì, 136. Bảo Thắng, 137. Đạo Tiên,
138. Đế Võng, 139. Minh Võng, 140. Bảo Quang, 141. Thiện Điều, 142.
Phán Tấn, 143. Tu Đạo, 144. Đại Tướng, 145. Tôn Vãng, 146. Trì Thế, 147.
Quang Âm, 148. Quyền Giáo, 149. Thiện Tư, 150. Pháp Nhân, 151. Phạm
Thắng, 152. Quang Diệu, 153. Trục Ý, 154. Ma Đế, 155. Huệ Khoan, 156.
Vô Thắng, 157. Đàm Ma, 158. Hoan Hỷ, 159. Du Hỷ, 160. Đạo Thế, 161.
Minh Chiếu, 162. Phổ Đăng, 163. Huệ Tác, 164. Trợ Hoan, 165. Nan Thắng,
166. Thiện Đức, 167. Bảo Nhai, 168. Quán Thân, 169. Hoa Vương, 170.
Đức Thủ, 171. Hỷ Kiến, 172. Thiện Túc, 173. Thiện Ý, 174. Ái Quang, 175.
Hoa Quang, 176. Thiện Kiến, 177. Thiện Căn, 178. Đức Đánh, 179. Diệu
Tý, 180. Long Mãnh, 181. Phát Sa, 182. Đức Quang, 183. Tán Kết, 184.
Tịnh Chánh, 185. Thiện Quán, 186. Đại Lực, 187. Lôi Quang, 188. Bảo
Phục, 189. Thiện Tinh, 190. La Tuần, 191. Từ Địa, 192. Khánh Hữu, 193.
Thế Hữu, 194. Mãn Túc, 195. Xiển Đà, 196. Nguyệt Tịnh, 197. Đại Thiên,
198. Tịnh Tạng, 199. Tịnh Nhân. 200. Phục Long Vương.

---o0o---

1.26 Trăm Thứ Ba Của 500 A La Hán

201. Chí tâm đánh lễ Ba La Mật tôn giả,

202. Câu Na Xá, 203. Muội Thanh, 204. Bò Tát Thanh, 205. Kiết Tường Chú, 206. Bát Đa La, 207. Vô Biên Thân, 208. Hiền Kiếp Thủ, 209. Kim Cang Vị, 210. Thừa Vị, 211. Bà Tư Tra, 212. Tâm Bình Đăng, 213. Bất Khả Tỉ, 214. Nhạo Phú Tạng, 215. Hòa Diệm Thân, 216. Phả La Đọa, 217. Đoạn Phiền Nảo, 218. Bạc Cù La, 219. Lợi Bà Đa, 220. Hộ Diệu Pháp, 221. Tồi Thắng Ý, 222. Tu Di Đăng, 223. Một Đặc Già, 224. Di Sa Cơ, 225. Thiện Viên Mãn, 226. Ba Đầu Ma, 227. Trí Huệ Đăng, 228. Chiên Đàn Tạng, 229. Ca Nan Lưu, 230. Hương Diệm Tràng, 231. A Thấp Tì, 232. Ma Ni Bảo, 233. Phước Thủ, 234. Lợi Bà Di, 235. Xá Già Độc, 236. Đoạn Nghiệp, 237. Hoan Hỷ Trí, 238. Càng Đà La, 239. Sa Già Đà, 240. Tu Di Vọng, 241. Trì Thiện Pháp, 242. Đề Đa Ca, 243. Thủy Triều Thanh, 244. Trí Huệ Hải, 245. Chúng Cụ Đức, 246. Bất Tư Nghì, 247. Di Già Sơn, 248. Ni Đà Già, 249. Thủ Chánh Niệm, 250. Tịnh Cư Đề, 251. Phạm Âm Thiên, 252. Nhân Địa Quả, 253. Giác Tánh Giải, 254. Tính Tấn Sơn, 255. Vô Lượng Quang, 256. Bất Động Ý, 257. Tu Thiện Nghiệp, 258. A Dật Đa, 259. Tôn Đà La, 260. Thánh Phong Huệ, 261. Mạn Thù Hạnh, 262. A Lợi Đa, 263. Pháp Luân Sơn, 264. Chúng Hòa Hợp, 265. Pháp Vô Trụ, 266. Thiên Cổ Thanh, 267. Như Ý Luân, 268. Thủ Quang Diệm, 269. Vô Tỉ Hiệu, 270. Đa Gia Lâu, 271. Lợi Lợi Bà Đa, 272. Phổ Hiền Hạnh, 273. Trì Tam Muội, 274. Oai Đức Thanh, 275. Lợi Bà, 276. Danh Vô Tận, 277. A Na Tát, 278. Phổ Giải Sơn, 279. Biện Tài Độ, 280. Hành Hóa Quốc, 281. Thanh Long Chủng, 282. Thệ Nam Sơn, 283. Phú Già Da, 284. Hành Truyền Pháp, 285. Hương Kim Thủ, 286. Ma Nỗ La, 287. Quang Phổ Hiện, 288. Huệ Y Chánh, 289. Hàng Ma Quân, 290. Thủ Diệm Quang, 291. Trì Đại Y, 292. Tạng Luật Hạnh, 293. Phục Long Vương, 294. Đức Tự Lại, 295. Xà Dạ Đa, 296. Tần Ma Lợi, 297. Nghĩa Pháp Thắng, 298. Thí Bà La, 299. Xiển Đề Ma, 300. Vương Trụ Đạo.

---o0o---

1.27 Trăm Thứ Tư Của 500 A La Hán

301. Chí tâm đảnh lễ Vô Cấu Hạnh tôn giả,

302. Khả Ba La, 303. Thanh Quy Y, 304. Thiên Định Quả, 305. Bát Thoái Pháp, 306. Tăng Già Da, 307. Đạt Ma Chân, 308. Trì Thiện Pháp, 309. Thọ Thắng Quả, 310. Tâm Thắng Tu, 311. Hội Pháp Tạng, 312. Thường Hoan Hỷ, 313. Oai Nghi Đa, 314. Đầu Đà Tăng, 315. Nghị Tẩy Trường, 316. Đức Tịnh Ngộ, 317. Vô Cấu Tạng, 318. Hàng Phục Ma, 319. A Tăng Già, 320. Kim Phú Lạc, 321. Đốn Ngộ, 322. Châu Đà Bà, 323. Trụ Thế Gian, 324. Đăng Đạo Thủ, 325. Cam Lộ Pháp, 326. Tự Tại Vương, 327. Tu Đạt Ma,

328. Siêu Pháp Vũ, 329. Đức Diệu Pháp, 330. Sĩ Ứng Chân, 331. Kiên Cố Tâm, 332. Thanh Hưởng Ứng, 333. Ứng Phó Củng, 334. Trần Kiếp Không, 335. Quang Minh Đãng, 336. Cháp Bảo Cự, 337. Công Đức Tướng, 338. Nhẫn Sanh Tâm, 339. A Thị Đa, 340. Bạch Hương Tượng, 341. Thức Mục Sanh, 342. Tán Thán Nguyên, 343. Định Phát La, 344. Thanh Dẫn Chúng, 345. Ly Tránh Ngữ, 346. Cưu Xá tôn, 347. Uất Đa La, 348. Phước Nghiệp Trừ, 349. La Dư Tập, 350. Đại Dược Tôn, 351. Thắng Giải Không, 352. Tu Vô Đức, 353. Hỷ Vô Trước, 354. Khốt Cái Tôn, 355. Chiên Đàn La, 356. Tâm Định Luận, 357. Am La Mãn, 358. Đảnh Sanh tôn, 359. Tát Hòa Đàn, 360. Chân Phước Đức, 361. Tu Na Lợi, 362. Hỷ Kiến Tôn, 363. Vi Lam Vương, 364. Đề Bà Trường, 365. Thành Đại Lợi, 366. Pháp Thủ, 367. Tô Đôn Xà, 368. Chúng Đức Thủ, 369. Kim Cang Tạng, 370. Cù Già Lợi, 371. Nhứt Chiếu Minh, 372. Vô Cấu Tạng, 373. Trừ Nghi Vãng, 374. Vô Lượng Minh, 375. Trừ Chúng Ưu, 376. Vô Cấu Đức, 377. Quang Minh Vãng, 378. Thiện Tu Hành, 379. Tọa Thanh Lương, 380. Vô Ưu Nhân, 381. Khử Cái Chương, 382. Tự Minh Tôn, 383. Hòa Luân Điều, 384. Tịnh Trừ Cấu, 385. Khử Chư Nghiệp, 386. Từ Nhân Tôn, 387. Vô Tận Từ, 388. Phiêu Xà Nộ, 389. Na La Đạt, 390. Hạnh Nguyên Trì, 391. Thiên Nhân Tôn, 392. Vô Tận Trí, 393. Biến Cự Túc, 394. Bảo Cái Tôn, 395. Thần Thông Hóa, 396. Tư Thiện Thức, 397. Hỷ Tín Tịnh, 398. Ma Ha Nam, 399. Vô Lượng Quang, 400. Kim Cang Huệ.

---o0o---

1.28 Trăm Thứ Năm của 500 Vị A La Hán

401. Chí tâm đánh lễ Phục Hồ Đà Tôn Giả,

402. Huyền Hóa Không, 403. Kim Cang Minh, 404. Liên Hoa Tịnh, 405. Câu Na Ý, 406. Hiền Thủ Tôn, 407. Điều Định Tạng, 408. Lợi Ích La, 409. Vô Lượng Quang, 410. Vô Cấu Xung, 411. Đại Âm Thanh, 412. Đại Oai Quang, 413. Tự Tại Vương, 414. Minh Thế Quả, 415. Tội Thượng Tôn, 416. Kim Cang Tôn, 417. Quyên Mạn Ý, 418. Tội Vô Tỉ, 419. Siêu Tuyệt Luân, 420. Nguyệt Bồ Đề, 421. Trì Thế Giới, 422. Định Hoa Trí, 423. Vô Biên Thắng, 424. Tội Thắng Tràng, 425. Khí Ác Pháp, 426. Vô Ngại Hành, 427. Phổ Trang Nghiêm, 428. Vô Tận Từ, 429. Thường Bi Mẫn, 430. Đại Trần Chương, 431. Quang Diệm Minh, 432. Trí Nhân Minh, 433. Kiên Cố Hạnh, 434. Chú Vân Vũ, 435. Bất Động La, 436. Phổ Quang Minh, 437. Tâm Quán Tịnh, 438. Na La Đức, 439. Pháp Thượng Tôn, 440. Sư Tử tôn, 441. Tinh Tấn Biện, 442. Nhạo Thuyết Quả, 443. Quán Vô Biên, 444. Phá Tà

Kiến, 445. Sư Tử Phan, 446. Vô Ưu Đức, 447. Hạnh Vô Biên, 448. Huệ Kim Cang, 449. Nghĩa Thành Tụ, 450. Thiện Trụ Nghĩa, 451. Tín Chứng Tôn, 452. Hạnh Kính Đoan, 453. Đức Phổ Hiệp, 454. Sư Tử Tác, 455. Hành Nhẫn Từ, 456. Vô Tướng Không, 457. Dũng Tinh Tấn, 458. Thắng Thanh Tịnh, 459. Hữu Tánh Không, 460. Tịnh Na La, 461. Pháp Tụ Tụ, 462. Sư Tử Giáp, 463. Đại Hiền Quang, 464. Ma Ha La, 465. Âm Điều Mẫn, 466. Sư Tử Úc, 467. Hoài Ma Quân, 468. Phân Biệt Thân, 469. Tịnh Giải Thoát, 470. Chát Trục Hạnh, 471. Trí Nhân Từ, 472. Cụ Túc Nghi, 473. Như Ý Tụ, 474. Đại Thức Diệu, 475. Kiếp Tân Na, 476. Phổ Diệm Quang, 477. Cao Viễn Hạnh, 478. Đắc Phật Trí, 479. Tịch Tịnh Hạnh, 480. Ngô Chân Thường, 481. Phá Ma Tặc, 482. Diệt Ác Thú, 483. Tánh Hải Thông, 484. Diệu Pháp Thông, 485. Mẫn Bất Túc, 486. Nhiếp Chúng Tâm, 487. Đạo Đại Chúng, 488. Thường Tùy Hành, 489. Bồ Tát Từ, 490. Bạt Chúng Khổ, 491. Tầm Thanh Ứng, 492. Số Kiếp Không, 493. Chú Pháp Thủy, 494. Đắc Pháp Không, 495. Huệ Quảng Tăng, 496. Lục Căn Tận, 497. Bạt Đà La, 498. Tư Tát Đòa, 499. Chú Trà Ca, 500. Bát Lợi La.

Lạy xong, tụng Bát Nhã, hồi hướng, phục nguyện, ba tỳ quy y. Hương Đăng đốt nhang cầm sẵn nơi tay; Tri Khách hướng dẫn thí chủ lễ tạ chư Tăng. Tiếp theo Duy Na cử tán:

Trên trời dưới thế không ai như Phật

Mười phương các cõi không ai bằng

Những gì chính mắt thấy ở thế gian

Tất cả không ai giống như Phật.

Tiếp niệm Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật, vừa đi nhiễu Phật 3 vòng rồi đứng vào chỗ cũ. Tuyên đọc số xong, đốt số. Duy Na cử tán hồi hướng: Phúng Kinh công đức..., phục nguyện, ba tỳ quy y.

Chúng nghĩa ghi theo Tam Tạng Pháp số rằng: tiếng Phạn A La Hán, Trung Hoa dịch là vô học, nghĩa là vị đã dứt sạch sanh tử không còn pháp để học nữa; lại cũng gọi là vô sanh, tức là đã đoạn sạch kiến hoặc và tư hoặc³⁰ không còn thọ sanh trở lại trong 3 cõi; hay còn gọi là ứng cúng có nghĩa bậc thích hợp thọ của nhân thiên cúng dường; lại còn gọi là sát tặc tức là vị có khả năng giết giặc phiền não. Vì A La Hán đầy đủ ba minh, sáu thông và vô lượng công đức, nên gọi là Đại. Vị A La Hán vâng lời Phật dạy dùng lực thần thông diên trì thọ mạng lâu ở thế gian để duy trì ủng hộ Chánh Pháp

đến nay vẫn chưa nhập diệt. Nếu gặp trong đời thiết vô giá hội cúng thí liền cùng với các quyến thuộc ấn hình Thánh chung sống cõi phàm phu ấn mật tới thọ của cúng, làm cho thí chủ được lợi ích thù thắng.

Kinh Pháp Hoa ghi rằng: nay chúng ta đây chính là Thanh Văn, vì nghe tiếng Phật Pháp hợp với tánh nghe. Nay chúng ta đây chính là Thanh Văn ở trong các cõi trời, người, ma, phạm cùng khắp trong đó ứng hợp thọ của cúng dường. Y cứ cúng dường La Hán đây được phước đức vô lượng không thể nghĩ bàn. Xưa có vị vô tướng chân thiên sư cúng dường La Hán bài tụng rằng:

Chân nhân ứng cúng mắt nhìn cao

Nước non qua lại chẳng nề lao

Cũng biết điềm lành tốt nơi nao

Nhận được thiên hoa trên áo bào

Đá mát vuông tròn đường chẳng ngại

Trước nhà níu chặt tay hái vào

Năm trăm tôn giả ai là chủ

Trời nước mây xanh vàng trắng cao.

---o0o---

1.29 Phóng Sanh

Sanh mạng con gì bắt được cũng phải thả đi không nên giam nhốt, sợ bị hại đến mạng sống chúng. Nên đặt bàn ngoài trời để làm lễ phóng sanh, có nước tịnh, cành dương, thủ xích... Pháp sư, thí chủ làm lễ, đại chúng đem mắt từ nhìn chúng khác loại, nghĩ thương xót cho kiếp sống trầm luân trải qua nhiều lần đọa lạc. Lại nghĩ Tam Bảo có đại oai lực hay bạt sạch sanh tử. Quán tưởng như thế xong, pháp sư cầm thủ lư lên đọc:

- Chí tâm phụng thỉnh trên hội quang minh Chư Phật, Bồ Tát, 10 phương từ phụ, Quán Thế Âm Bồ Tát quảng đại linh cảm, thiên long thần kỳ tại đạo tràng này gia trì cho nước tịnh thủy này đủ công đức dày rưới khô muôn loại, khiến thân tâm họ thanh tịnh, nhẫn nghe diệu pháp.

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lần)

Chúng hòa theo. Tiếp tụng chú Đại Bi (3 biến), pháp sư cầm thủ lư niệm hương:

Ngưỡng bạch 10 phương Tam Bảo, Thích Ca bốn sư, Từ phụ Di Đà, Bảo Thắng Như Lai, Quan Âm Bồ Tát, cha con trưởng giả Lưu Thủy, Thiên Thai, Vĩnh Minh, các bậc đại sĩ v.v..

Ngưỡng nguyện: đức từ bi chứng tri hộ niệm, nay có các chúng sanh bị người bắt nhốt sắp đưa vào cửa tử, may gặp được...(tên người phóng sanh) tu hạnh Bồ Tát phát tâm từ bi, gieo nhân trường thọ tạo việc phóng sanh, cứu thân mạng của những con... này thả chúng ung dung tự tại.

Tỳ kheo... bèn theo Kinh Đại Thừa Phương Đẳng truyền Tam Quy, niệm 10 hiệu Phật. Lại cũng vì các chúng sanh này mà nói pháp 12 nhân duyên chỉ vì các chúng sanh này tội chướng sâu dày thân thức hôn mê. Ngưỡng cầu Tam Bảo oai đức gia bị thương xót chở che. Pháp sư đập thủ xích một cái, rồi cất tiếng thuyết 3 quy y:

Hiện giờ các chúng sanh quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Nói xong 3 lần, đại chúng cùng hòa theo:

Quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi; từ nay trở đi tôn Phật làm thầy, không quy y tà ma ngoại đạo, tôn Pháp là thầy không quy y kinh điển của ngoại đạo, tôn Tăng là thầy bèn không quy y bọn đảng xấu ác. Nay các Phật tử, đã quy y Tam Bảo rồi, nay tôi vì các người mà niệm: Nam Mô Bảo Thắng Như Lai, 10 hiệu công đức khiến các người được nghe như những con cá (bơi) chim (bay) tự do liền được sanh lên cõi trời không khác.

Nam Mô quá khứ Bảo Thắng Như Lai, ứng cúng, chánh biến tri, Minh hạnh túc, ThiệThệ, thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều Ngự trượng phu, thiên nhơn sư, Phật Thế Tôn.

Pháp sư đập thủ xích một cái rồi nói:

Các Phật tử, nay tôi vì các người mà nói 12 nhân duyên tương sanh tương diệt cho các người hiểu pháp sanh diệt; ngộ bất sanh diệt đồng như chư Phật chứng ngộ Niết Bàn. Bởi vì do vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên

thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử, buồn thương, khổ não v.v.. vô minh diệt thời hành diệt, hành diệt thời thức diệt, thức diệt thời danh sắc diệt, danh sắc diệt thời lục nhập diệt, lục nhập diệt thời xúc diệt, xúc diệt thời thọ diệt, thọ diệt thời ái diệt, ái diệt thời thủ diệt, thủ diệt thời hữu diệt, hữu diệt thời sanh diệt, sanh diệt là lão tử, buồn thương, khổ não diệt. Nói xong, pháp sư vỗ thủ xích một cái rồi nói:

Này chư Phật tử, nay tôi dựa Kinh Đại Thừa truyền cho các người 3 quy y, 10 hiệu Phật, 12 nhân duyên đã xong. Nay vì các người đối trước Tam Bảo, phát lồ sám hối tội khiên cầu xin sám hối. Mong cho nghiệp tội các người hết thảy đều được tiêu trừ được sanh vào xứ lành, gần Phật nghe pháp. Các người phải chí tâm theo tôi mà sám hối:

Con xưa lỡ tạo các ác nghiệp,

đều do vô thi tham sân si

Từ thân miệng ý mà sanh ra,

hết thảy con nay xin sám hối

Nam Mô Thanh Lương Địa Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Bưng chén nước chú nguyện rảy lên những con vật sắp được thả, rồi mở cửa lồng cho chim (thú) bay ra. Pháp sư trở lại đọc:

Ngưỡng mong từ ngày được thả hôm nay trở về sau, hoàn toàn các người không gặp ác ma nhai nuốt, lưới sập bẫy giăng, mà thông dong tự tại mãi mãi lâu dài. Nương lực Tam Bảo, Bảo Thắng Như Lai, từ lực bốn nguyện mà sau khi chết được sanh cõi trời Đạo Lợi, hoặc sanh làm người, giữ giới tu hành, không tạo ác trở lại nữa. Tin tưởng niệm Phật, tùy nguyện vãng sanh. Lại cầu nguyện thí chủ... hiện đời được như ý, qua đời khác báo ứng tùy tâm Bồ Đề hạnh nguyện, niệm niệm càng sáng cứu khổ chúng sanh được như tâm nguyện. Do nhân duyên đó được sanh cõi Cực Lạc thấy Phật A Di Đà và chư Thánh chúng, chúng được vô sanh nhĩ. Phân thân vô số độ khắp hữu tình đều thành chánh giác; Nay đại chúng đồng thanh niệm Kinh Hoa Nghiêm phẩm 10 hồi hướng, thần chú vãng sanh Tịnh Độ.

Đọc xong, Duyệt chúng gõ mõ nhỏ, đại chúng đồng tụng:

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm phẩm 10 hồi hướng tùy thuận thiện căn thật kiên cố, xin hồi hướng chư Phật tử... đại Bồ Tát làm đại quốc vương, đối với pháp được tự tại, thực hành sâu rộng lời giáo huấn làm dứt trừ nghiệp sát. Trong cõi Diêm Phù Đề³¹ thành ấp, xóm làng hết thấy kẻ sát sanh đều bị cấm ngăn. Chúng sanh không chân, 2 chân, 4 chân, nhiều chân, những loại sanh thân đều ban cho điều không sợ sệt; không dục xâm chiếm tâm, rộng tu các hạnh Bồ Tát, nhân từ lợi vật, không làm xâm tổn. Phát tâm trân quý để làm an ổn chúng sanh ở các cõi Phật. Lập chí sâu bền thường tu 3 môn tịnh giới và cũng làm cho chúng sanh an trụ như vậy. Các đại Bồ Tát khiến chúng sanh tu giữ 5 giới trừ dứt hẳn nghiệp sát. Dem thiện căn này hồi hướng cho hết thấy nghĩa là nguyện cho khắp mọi loài chúng sanh phát tâm Bồ Đề đầy đủ trí huệ, bảo vệ thọ mạng lâu dài không chấm dứt. Nguyện hết thấy chúng sanh trong vô lượng kiếp cùng với chư Phật cùng khuyên nhau tu học, làm tăng thêm thọ mạng. Nguyện khắp chúng sanh tu hành nghiêm túc xa lìa sanh tử, hết thấy hiểm nạn, không làm hại đến thân mạng kẻ khác. Nguyện tất cả chúng sanh được thành tựu mọi điều không bệnh, tổn hại thọ mạng tự tại đều được tùy tâm... Nguyện hết thấy chúng sanh được thọ mạng không cùng tận tới kiếp vị lai, nương hạnh Bồ Tát điều phục giáo hóa chúng sanh. Nguyện tất cả chúng sanh vì việc thọ mạng, đầy đủ thiện căn trong 10 lực tăng trưởng. Nguyện cho chúng sanh căn lành đầy đủ được thọ mạng vô tận thành tựu đại nguyện. Nguyện hết thấy chúng sanh được thấy chư Phật vãng phụng cúng dường tu tập thiện căn thọ mạng vô lượng. Nguyện cho khắp hết chúng sanh ở cõi Phật khéo học những pháp cần học, đạt được pháp an lạc thọ mạng vô cùng. Nguyện tất cả chúng sanh được không bệnh, không già, thường trong mạng căn tinh tấn dũng mãnh, nhập Phật trí tuệ. Đó là Bồ Tát ma ha tát trong 3 tụ tịnh giới dứt hẳn nghiệp sát hồi hướng thiện căn để làm cho chúng sanh đạt được 10 lực của Phật, trí tuệ viên mãn.

Tiếp tụng chú Vãng Sanh (3 lần) và Duy Na đọc:

Trở lên công đức phóng sanh để đền đáp 4 ân, 3 cõi đều nhờ. Pháp giới chúng sanh đều trọn thành chủng trí. 10 phương 3 đời chư Phật, hết thấy chư đại Bồ Tát, đạt đại bát nhã ba la mật.

Tụng hồi hướng, 3 tự quy y. Bên trên là lược nghi thức phóng sanh xong. Nếu lễ phóng sanh mà có thêm tụng kinh hoặc cúng dường trai phạn v.v.. đều xem nghi thức trước, chỉ có phần hồi hướng và số vãng thay đổi theo việc cầu nguyện của thí chủ.

Chúng nghĩa ghi rằng, nghi phóng sanh đời Lương dịch từ Kinh Kim Cang Minh như thế. Nếu căn cứ 2 bản dịch đời Tùy-Đường đều có lời chú Kinh Phạm Võng cũng có nói việc phóng sanh. Ngoài ra, khảo cứu luật tạng, kẻ nữ sĩ trước thọ tam quy, sau truyền 5 giới không cho vượt bực. Cho nên nay phóng sanh nhưng chỉ nói Tam Quy mà không cần nói thêm 5 giới. Có người hỏi Ngài Vân Thê Liên Trì rằng:

- Thuyết pháp đối với người do người chưa tin nên khuyến khích phát tâm, súc vật làm sao hiểu được?

Sư đáp rằng:

- Tánh nơi hàm linh không thể nghĩ bàn, đặt kỳ vọng nơi loại súc vật hoàn toàn không biết được. Con linh (giống như chuồn chuồn mà không bay xa được) sống trong bầu trời, chim đại bàng biết luật, con cọp vãnh tai nấp đất nghe ngóng, con lân đổ nước mắt cảm tâm. Những loại như thế so sánh ở đây đủ biết... Giả như nghiệp nó nặng không biết cũng là một loài thiện ở vị lai. Ví như mùa đông trời lạnh xuống thấp, mùa xuân âm áp tự nhiên cây cối nảy mầm. Chỉ lấy tâm từ hướng đến để nói, hành giả tự có được phước, nên phải giáo hóa không phân người, súc vật, cho chí phóng sanh cảm ứng đời sống bên trong rất nhiều.

Nay lược nêu ra một số điều rất cổ như Kinh Kim Quang Minh quyển 4 nói về cha con trưởng giả Lưu Thủy trên đường đi thấy một ao nước cạn có 10,000 con cá sắp chết, 4 bề vùng vẫy. Lúc đó trưởng giả cho nước và thức ăn cho cá mà cứu được chúng rồi cá lội xuống ao. Ông trưởng giả giảng cho cá pháp 12 nhân duyên và niệm “Nam Mô Bảo Thắng Như Lai”. Về sau, 10,000 con cá ấy đều sanh lên trời Đạo Lợi, chúng biết đời trước mình là cá và được cha con ông trưởng giả cho nước uống và thức ăn. Lại vì bọn chúng, ông giảng pháp 12 nhân duyên và niệm danh hiệu Phật Bảo Thắng Như Lai. Vì nhân duyên đó khiến đời sau chúng được sanh cõi trời. Đây là cách báo ân, mỗi con cá cầm một chuỗi trân châu anh lạc tới nhà ông trưởng giả Lưu Thủy dâng ngọc báu, tán hoa. Ông trưởng giả Lưu Thủy lúc đó, nay chính là Phật Thích Ca Mâu Ni; 10,000 con cá lúc đó nay là 10,000 thiên tử đều mong Phật truyền đạo Bồ Đề.

Đời Tùy Ngài Thiên Thai trí giả đại sư ở chùa Tu Thiên tại Đài Châu, lấy y mặc khuyên người bán một sớ đất làm ao phóng sanh: Ngài thường ở đó giảng Kinh Kim Quang Minh, bỗng một hôm thấy vô số chim hoàng tước tới trước giảng đường tụ tập về đây trong nửa ngày, rồi kêu lên tiếng buồn rồi

bay đi. Đại sư thấy chim nói rằng: “đây là cá sông hóa làm chim hoàng tước tới tạ ân Ta đó, nay là chùa Đại Từ vậy.”

Lại đời Tùy, có Kế Vũ nhậm chức ở Đài Châu làm quận trưởng, thường mời Thiên Thai trí giả giảng Kinh Kim Quang Minh phẩm Lưu Thủy trên sông, ngư dân nghe pháp đều tôn trọng sanh mạng bỏ nghiệp sát hại. Vũ sau trở lại kinh đô ngồi thiền thấy mình mắc tội bị hạ ngục. Đương gặp lúc lâm nguy ấy bèn trực nhớ tới cầu đại sư, thân tới cứu hộ. Đêm đó mộng thấy đàn cá thối bọt tung nước. Sáng sớm hôm sau, Vua ra lệnh bắt Kế Vũ hài tội. Căn cứ chuyện này lấy từ Kinh Kim Quang Minh một đoạn chỗ trưởng giả Lưu Thủy mà phóng sanh là việc điển hình sớm nhất. Cho nên Kinh Kim Quang Minh phẩm phóng sanh là pháp quan trọng đáng tin mà về sau các bậc hiền phải biết đó.

---o0o---

1.30 Phụ: Qui Ước Chỗ ở loài vật, có 15 Điều

Phật dạy: tình nhiều tướng ít sanh vào hoạnh sanh, nên biết chúng nó khác loài. Trước vì ngu si ám độn không tu chánh niệm nên đời này mang lông cánh, vẫy vi trong thân hình thấp kém, ở nước, trên cạn, bay trên không, nhiều loài không phải một. Chúng ta phải tuân theo lời Phật dạy nên tùy lực phóng sanh và cho đồ ăn uống mong những loài khác hết báo thân này được sanh về cõi Tịnh Độ. Có quyền chăm sóc các loại sanh linh, phát tâm thương tưởng mong chúng dứt hết kiến chấp. Tùy nghi phóng thích phải có qui định rõ như liệt nêu sau đây:

- 1- Phạm đem con vật phóng sanh có cần nói 3 quy y không? Nếu chưa nói, cần đưa tới trước Phật, đốt nhang thuyết 3 pháp quy y, kê phóng sanh: loài chim bay thú chạy, loài dưới nước liền niệm Phật thả chúng bay đi;
- 2- Trâu dê, gà vịt đặc biệt là gà trống, mái không nhốt chung một chỗ.
- 3- Những loại sanh đầu như gà trống là kê đầu, toàn quyền coi sóc chúng cẩn thận, mỗi con phải đăng ký, sáng chiều kiểm điểm số lượng để giả sử có chết phải cho tri khó, tri khách biết tới khám nghiệm, sau mới đem chôn.
- 4- Chỗ ở thường phải khô ráo sạch sẽ, không được để hôi hám xông mùi khó chịu, làm cho loài vật thân, miệng dơ dáy.

5- Những con vật mới đẻ phóng sanh hẳn phải nhốt riêng một chỗ, đợi ban đêm mới cho nhập bầy (đàn)

6- Thức ăn mỗi ngày cho 2 lần sáng, chiều. Ăn xong nên thu dọn đồ đựng cát, không được vung vãi bùn phân vấy vào bồn đựng đồ ăn.

7- Sanh đầu: đánh loài súc vật bị thương, chiếu theo lớn nhỏ phạt tiền, đánh chết bị phạt đuổi khỏi chùa. Chăm sóc thiếu cẩn thận bị các giống ác thú làm hại hay bị kẻ xấu bắt trộm đem đi cũng căn cứ theo lớn nhỏ mà phạt tiền. Thả trâu bò làm hại lúa mạ người chiếu số thiệt hại đền tiền.

8- Lúa thóc, hạt lúa mạch v.v... phàm ẩm ướt liền hong phơi hoặc sấy khô, không được để sâu mọt đục khoét cắn phá.

9- Phàm tặng thức ăn sống, tiền bạc không được dùng riêng.

10- Trong ao không thả cá đen, câu cá, dâm vây, lươn vây cá v.v... sợ làm hại những con cá khác; cũng như không thả ốc sên, cá xanh ăn bắt ốc sên, nên lập ao riêng để thả.

11- Không được dùng thuốc tẩy, dầu mỡ và các thứ võ đậu, trấu... bỏ vào trong ao.

12- Cá ăn rêu xanh nên chẳng cần cho ăn.

13- Trong ao không được ngâm tre trúc, cật tre vàng v.v... hay tất cả những vật tương tự.

14- Nước ao không được khuấy động, nếu xử dụng nên lấy bình đựng cho êm nhẹ.

15- Phàm loài thủy lục mỗi loại sanh đầu đáng giá thường sinh sống theo quy củ; không được riêng nói với thí chủ đòi lấy tiền bạc, người nào trái được một, thường 2 để mua thức ăn sống cho loài vật.

Ngày... tháng... năm... Trụ Trì... sao lục.

Chúng nghĩa ghi rằng: Chỗ ở có qui định mà bảo hộ sanh mạng là tu hạnh từ vậy. Kinh Phạm Võng dạy rằng: nếu Phật tử đem tâm từ bi làm việc phóng sanh, xem hết thấy người nam là cha ta, hết thấy người nữ là mẹ ta. Ta đời đời sanh ra hẳn từ đó mà sanh nên 6 đường chúng sanh đều là cha mẹ ta, giết

ăn thịt họ tức là giết cha mẹ ta vậy. Lại phóng sanh là làm thiện thể hiện tâm từ không giết hại. Đầy đủ các giới hạnh là chỉ thiện, chỉ tác 2 việc hành trì đúng nghĩa hộ sanh. Có người hỏi Sư Liên Trì rằng:

- Mặc Tử với thuyết Kiêm Ái bác cho là dị đoan; còn Phật giáo làm sao chúng sanh đều lấy đó quán làm cha mẹ ta được?

Sư đáp:

- Đạo Nho chỉ luận đời này, đạo Phật bàn tới tiền thân (nhiều đời trước). Con người thọ thân này đã trải qua nhiều đời, thác thai ắt sanh nơi các loài. sáu đường chúng sanh đều là cha mẹ ta há chẳng hiển nhiên hay sao?

Chỉ theo dõi tích gần không cần luận xét duyên xa, so sánh với việc dị đoan cũng đã vượt xa rất nhiều rồi vậy.

---o0o---

1.31 Cúng Pháp Y

Phép vai choàng (kiệu) lọng báu, tràng phan v.v... những loại pháp khí³² đều giống như nghi thức này.

Nghi thức cúng pháp y không giống như nghi trên. Việc thọ pháp y nói đây là hàng đệ tử nhận y ban từ vị pháp sư hoặc bậc trưởng thượng, đã gia ân nơi chiếc y. Vì thế vị Trụ Trì tới phòng khách đích thân nhận và đến đánh lễ Phương Trượng. Đây là việc cúng pháp y tức thí chủ cúng cho vị Trụ Trì.

Nghi thức đãi khách như mục cúng trai phạn chư tăng trên có nêu rõ. Song Trụ Trì là chủ của một ngôi chùa, phạm thí chủ cúng pháp y, đồ pháp khí đều phải đem bạch chúng để ghi sổ vạn niên của chùa. giao y bát trang trọng, việc thu nhận vật dụng về trú phòng cũng phải ghi rõ ngày tháng năm..., tên thí chủ, không được lấy vật cúng nhận làm của riêng, hấn sai luật Phật dạy.

Chúng nghĩa ghi rằng: Thí chủ cúng pháp y, nếu Trụ Trì biết trước phải hỏi thí chủ chi tiết không được thu Phật trên y. Sách Vân Thê Chánh Ngoa tập ghi rằng: gần đây trên Ca Sa thù đủ loại hình Phật gọi là y nghìn Phật. Đây là nguy dối vậy. Hình Phật chỉ nên đội trên đầu, mang vác trên vai, đeo quây bên hông đã là quá lắm rồi, huống gì còn khâu dính mặc nơi thân. Từ lưng, đầu gối trở xuống đều có Phật, quả thật là lỗi quấy lắm lắm! Vua Luân

Vương có phước đức, nên tin chắc đó chẳng phải lời hư mà đã thành sự thật lâu đời không tự hay biết. Mong mình phủ quán xét cẩn thận đừng chấp chặc vào lời, như nói: “y thiên Phật, quả có đúng hay không?”

Đáp: Có, ngày nay là y 25 điều, là y tương truyền của Phật. Phật dạy các thầy tỳ kheo rằng: Ta có y Tăng Già lê này của chư Phật quá khứ, vị lai đều mặc mà được giải thoát và lấy đó chứng minh. Hoặc thêu chữ Thọ gọi là vạn thọ y cũng thuộc loại sai trái, hoặc thêu hoa hòe gọi là thiên hoa y cũng không hợp. Lại, thiên hoa là phạm lỗi với ý nghĩa Thiên Hoa đài thượng của đức Phật Lô Xá Na. Cũng sợ làm tổn mất phước vậy.

---o0o---

1.32 Thọ Thông Tuệ

Thông tuệ là đốt sáng, nhen nhúm ý chí, thông tuệ là nói bừa tiểu thực. Lễ thọ thông tuệ sáng hoặc Trụ Trì trở lại chùa Tổ; nhưng về lại Tổ đình phải có người hầu cận. Vì phải lấy lễ xử Thầy như bậc tôn túc, Thầy cũng phải lấy lễ đáp lại; kính chúng Tổ đình đã lập pháp thọ thông tuệ này, có nghĩa là thiết trai mừng Thầy vậy. Thầy đến địa điểm thọ trai, nhưng sai thị giả lễ thay, không dám làm động chúng. Như hoặc lấy vai trên tiếp vai dưới hoặc dưới kính trên, hoặc tôn trọng ngang vai hay kính trọng đặc biệt như tạ pháp, báo ân, đáp lễ, phát tâm hoặc bị hành phạt mà đặt ra nghi này.

Ở đây lớn nhỏ tùy theo sức mình hoặc thiết cúng trai, cúng bánh, đãi trà... đều gọi là nghi thọ thông tuệ sáng giống như nghi cúng trai phạn ở trước.

---o0o---

1.33 Thông Tin Thư Từ, Thư Truyền Pháp Đến, Di Thư

Đầu tiên làm Trụ Trì ắt hẳn thông báo thư từ để không vong bản. Nếu thư truyền pháp đến Trụ Trì phải thăng tòa thuyết pháp, tùy cơ mà nói, bởi vì lập đàn pháp giáo hóa phải tương tục làm cho giáo pháp tồn tại mãi. Nếu pháp sư nổi dòng pháp (hoặc thầy thế độ hay y chỉ sư có di thư đến lập tức đưa vào giảng đường đặt lên bàn, treo hình Thầy lên để cúng giác linh. Trụ Trì xuất tiền sai thị giả mời vị đại diện tới cúng, phải cho trang nghiêm thanh tịnh; cho 2 dây (liêu) đại chúng biết hoặc trong ngày hoặc cách đêm trước lên chánh điện cho chúng hay (nghi thức thượng đường xem ở trước), nói pháp thương cảm rồi xuống tòa đến bàn giác linh niệm hương, đọc lời buồn kể.

Lập đàn tụng Kinh, nhóm chúng để tụng niệm (tụng kinh gì, ngày nào tùy ý quyết định). Ngày đầu cúng ngọ, phải quỳ dâng cúng sớ. Xem chương tôn Tổ ở trước về phần lễ kỵ. Song tiếp di chúc thư đến, nghi tiết cũng giống nghi này. Chỉ có điều nên lập long vị (nên đặt nơi thật yên tịnh) không treo hình. Cúng đất đai không cần phải quỳ, cũng không phải đắp y, không lạy (chỉ xá) mà chỉ tiến lùi với tâm trạng lặng lẽ mà giữ vẻ bình tĩnh mong đợi. Muốn rõ hơn xem chương khách đường có qui định.

Phụ: Lời Sớ Cúng Tiến Pháp Sư (Giác Linh) như sau:

Từng nghe rằng, linh tánh vắng lặng, quán bào ảnh biết cuộc phù sanh chìm nổi; sửa pháp lên lảng; tìm đạo phong mà suy gốc ngọn; giọng cáo tang chợt đến; kính trái lòng thành, ngưỡng mong đức Thế Tôn điều ngự chứng giám đức của tiên giác. Thiết nghĩ rằng: Tôn sư viên tịch thượng A hạ B Hòa Thượng, tên đời... quê quán... tên chùa và ngày sanh, ngày tịch... Thêm: hiện tướng sanh diệt như đài gương soi không đến đi, hợp cơ Phật Tổ, như thổi lông đủ lung linh tác dụng, tiếp tục huệ mạng nơi thâm viễn. Chấn chỉnh tông phong trong thời mạt pháp, làm cho đèn Tổ rạng ngời ánh sáng chiếu soi việc Phật mới nên thành tựu. Thương tiếc pháp tràng bỗng gãy đổ... tên người được phó chúc. May mắn được thấm nhuần ân giáo hóa, đau đớn thay giờ này cô quả; tưởng áo khăn còn đó hình ảnh khó phai mờ. Những bữa cơm vắn vẻ đượm tình, đặc biệt điển hình tụng Kinh Phạm Võng (thay...). Ngưỡng trông từ lực để báo đáp ân sư. Lại nguyện: giác linh thầy... Hòa Thượng đại vắng lặng trong ánh sáng sánh với tỳ lưu thọ dụng. Nhất chân pháp giới, lấy bảo tạng để trang nghiêm. Hồi hướng mưa pháp nhuận khắp quần sanh khiến cho tông lâm hưng thịnh, mong cho đạo mạch được lưu thông. Cung thỉnh Tam Bảo chứng minh phúng kính văn sớ cúng tiến thầy.

Ngày ...tháng... năm... môn đồ pháp quyến đệ tử... chí thành dâng sớ.

Ghi chú: Trong sớ phải đọc thêm: bản sư đức hạnh ở đây sợ rườm rà nên không ghi ra hết. Cúng bản sư thế độ, thầy giáo thọ, y chỉ sư tùy đó thay đổi, theo như các nghi thường.

Chúng nghĩa trích Ngu Am Chích Cổ ghi rằng: Hòa Thượng Chân Tịnh có lúc bảo thị giả: “Đi mời lão Hòa Thượng đến”. Thị giả mời thiền sư Nam đến thật đúng lúc. Ngài Tịnh lấy tay sờ trán than rằng: “Không phải lão Hòa Thượng đây đâu mà đến nổi như thế này!”. Hòa Thượng Tiềm Am Nguyên mỗi lần thấy Nam thiền sư liền rơi lệ, than rằng: “2 người này có thể nói nghĩ tới hiểu không rời”, nên ghi thêm vào đây.

1.34 Mời Tân Trụ Trì

Phàm các tự viện 10 phương thiếu Trụ Trì, cần phải tinh tế tìm bậc cao tăng đạo đức mới có thể thỉnh cử. Cần phải họp chúng luận bàn kỹ để quyết định. Giám viện cũng phải biết rõ việc chùa, đất đai, tài sản và lễ nghi tiếp rước... Mọi việc phải hoàn bị tức là mời 2, 3 ban có Trưởng Ban điều động và tín đồ vài 3 người chuyên môn giúp việc. Tới ngày dự định họp đến các liêu chúng cho hay, phòng khách chuẩn bị sẵn sàng. Gióng đại hồng chung 3 hồi 3 tiếng nhóm chúng vân tập lên chánh điện. Có khách đặc biệt tới chùa tiếp nơi phòng khách, dùng lễ tiếp đãi, mời trà, chuyện vãn. Tri Khách trước bạch Hòa Thượng Phương Trượng biết và cho nhà trụ hay để lo liệu. Kế hỏi thăm khách cho rõ, lễ phẩm dâng cúng đặt lên bàn, hướng dẫn khách lễ Phật. Tiếp theo đưa khách đến gặp Phương Trượng Trụ Trì chào hỏi, ngồi lại dùng trà, đàm đạo, trình bày lý do thỉnh tăng Trụ Trì. Nếu đường xa xôi khách cần nghỉ lại, đưa khách tới phòng ngủ. Nếu nội trong ngày rồi về, khỏi đưa khách tới phòng ngủ.

Nếu lời thỉnh không được đáp ứng thời viết thư từ chối, nhưng việc mời Trụ Trì nên dò ý trước xem có được hay không. Chấp thuận mới tiến hành thỉnh; không được thời ngưng; nếu thuận đích thân đến hoặc chuyển qua Trưởng Ban lo. Như ta nhận sự cầu thỉnh, liền thông báo đến 2 dãy liêu cho chúng biết. Kế, sáng hôm sau, sau thời công phu, họp chúng tại chánh điện, nói rõ lý do, thăng tòa nói đã nhận lời mời thỉnh. Người có trách nhiệm được chùa phái đến mời Trụ Trì là duyên may, liền thiết trai cúng dường. Người được thỉnh có một chỗ ngồi đặc biệt, thết đãi như một chuyên viên.

Thầy Tân Trụ Trì liền chọn một số người thân tín cùng đi tới chùa mới với người mời. Một buổi lễ bàn giao sổ sách, khế ước, giao kèo, long trọng diễn ra. Tiền bạc, lúa thóc, vật dụng v.v.. nếu cam kết trên giấy tờ không rõ ràng, không nhận, vì văn bản vĩnh viễn này rất là quan trọng làm chứng từ pháp lý. Chọn ngày ấn định, tới ngày nhập tự, tân Trụ Trì dùng điếm tâm xong, ra giữa chúng tác bạch từ giả, kế lên chánh điện lễ Phật, lạy tạ Phương Trượng rồi chuẩn bị lên đường. Chuông trống bát nhã, đại chúng vân tập trước chánh điện, đợi Trụ Trì lễ Tổ xong, vào chánh điện lễ Phật 3 lạy; đại chúng đánh lễ Trụ Trì 3 lạy, Trụ Trì xá đáp lễ. Đại chúng đi trước ra cửa đứng 2 bên đối diện trang nghiêm, chấp tay cung kính. Thầy Trụ Trì lễ Hộ Pháp Vi Đà, Phật Di Lặc xong rồi chào từ giả đại chúng mà đi. Đại chúng tiễn một đôi xa cho bóng người mất hút rồi mới trở lại.

Nếu ban thỉnh Sư ở lại chùa áp dụng giống các nghi trước. Người được phái đến trước gặp Trụ Trì hành lễ xong, chấp tay bạch rằng: “Vùng đó ... (tên), chùa A... không có Trụ Trì, nay đủ lễ nghi xin cung thỉnh Đại Đức... vì chúng con nhận chức Trụ Trì. Ngưỡng mong trên Hòa Thượng từ bi đoãn nạp và mong được cung thỉnh Đại Đức ... về trụ trì chùa...”

Trụ Trì đáp: “Kính vâng lời dạy của Hòa Thượng Phương Trượng, chúng tôi hoan hỷ đáp lời thỉnh cầu của quý vị.”

Nếu người được thỉnh là môn nhơn, Hòa Thượng Phương Trượng trao pháp y, kèm theo lời pháp ngữ dặn dò mọi điều cần thiết để hành giả thi hành nhiệm vụ mới. Tân Trụ Trì chí tâm chấp tay lắng nghe Hòa Thượng nói xong: đáp “Con xin y giáo phụng hành” rồi lạy 3 lạy, bạch rằng: “ngưỡng mong ân đức Tam Bảo và hồng ân Tổ đức gia hộ, sự thỉnh cầu quá ân cần của Phật tử, thật cũng khó từ nan Phật sự chung, con chỉ e không đáp ứng được nhu cầu trông đợi. Cúi xin, trên Tam Bảo và Hòa Thượng chứng minh cho tâm nguyện của con.” Bạch xong, xá 3 xá.

Hòa Thượng đáp: “đạo đã qui định, rõ một tơ hào không làm người nhân đức, Thầy chỉ mong cho con chu toàn trách nhiệm”.

Trụ Trì: “Mô Phật, con xin vâng hành.” Rồi đứng lên xá 3 xá.

Đại chúng ra trước đứng ngoài cửa sắp hàng đối diện 2 bên đợi để tiễn chân tân Trụ Trì ra khỏi cửa.

Lời phụ: Bạch thỉnh tân Trụ Trì:

Phàm bạch thỉnh tân Trụ Trì nên tùy theo mỗi hoàn cảnh mà làm, giá không có ai làm nên dựa theo đây cũng thành nghi, chỉ sửa từ cho thích hợp mà thôi.

Từng nghe rằng: ngoài xem bảo vật, Tây phương chư Thánh rộng mở mang. Vua mộng thấy người vàng pháp truyền qua Đông Độ cho pháp luân thường chuyển. Trang nghiêm vi diệu, hào quang chiếu khắp 3000 cõi, Phạm Âm diễn pháp Đại Thừa, viên âm kết Mậu Ni 108 pháp. Nên biết, nguyên xưa Thánh giáo do nhờ thiện duyên mà hưng thịnh. Riêng vì từ xưa tăng viên ắt do người lập thành. Cung kính Hòa Thượng thượng A hạ B... tên vùng... tên tăng... tên chùa... do phước đức đời trước, tham cầu diệu đế chân như, niềm hoa mỉm cười mà ngộ đạo Bồ Đề vô thượng; dấu ấn còn in như tuyết, một y một bát không ngăn đến nơi nào đều rủ ánh từ. Lục diệu, 6 thông để tùy thân

mà ứng hóa. Nay làng của... tên chùa... thay thế danh lam... gọi là cổ sát. Tàng kinh các còn đó, ảnh hưởng tới cả nghìn sau, cơm Hương Tích thơm lừng, huệ mạng diên trường bao nhiêu năm tháng. Từ ngày... bốn sư (tôn sư) quy tịch (hoặc lui về ẩn tu... thay đổi cho thích hợp) do đó chùa không người trông coi. Tuy không bị thiên ma quấy nhiễu mà con đường giác còn bị cách ngăn, nếu không nhờ tích trượng gõ đầu thế ai biết được có bảo châu nơi trán. Do đó hết sức nỗ lực, xin chẳng từ khó nhọc, cho chúng con phục hồi, làm chôn Tổ rạng ngời để an ủi niềm hoài mong của con cháu; vì... cổ đại thọ ban phát ân từ che chở. Từ nay trái vàng trên đất, mở rộng cam lồ môn, trụ hội Linh Sơn, nghiêm nhiên còn mãi cho tới hôm nay. Đạo tràng tuyển người làm Phật được hứa khả; cảnh quan này ngày càng thêm sáng tỏ. Kính mấy lời tỏ bày ngấn ngùi, với tấm lòng thành không phải dụng tâm, ngưỡng mong chứng giám.

Những lời bày tỏ nêu trên kính xin Hòa Thượng thượng A hạ B chứng minh liên tọa. Hộ pháp (tên), thí chủ (tên); Trụ Trì (tên)... xin cúi đầu tác lễ.

Chúng nghĩa ghi rằng: Việc hưng suy của tông lâm do nơi Trụ Trì cả. Trụ Trì không đủ tâm vóc (uy tín) làm sao thỉnh cử đảm trách vai trò thường trụ. Biết mà vẫn nhất định đề cử làm suy hoại Tam Bảo; cũng nhân đây mà người được cử gặp họa, phúc, thăng trầm v.v... hết thảy đều do nhân duyên cả. Cho nên đôi bên đều phải thật cẩn thận chọn lựa cân nhắc kỹ càng. Sơn Am tạp lục ghi rằng: Dịch Hưu Am người Dương Châu là khách thường lui tới cửa chùa Thiên Đồng, mặc áo nạp, ngày ăn một bữa, đêm không ngủ; theo phong cách của cổ đức. Lúc bấy giờ ở Phụng Hóa thượng chùa Tuyết Đậu thiếu Trụ Trì, mọi người mời Dịch tới Trụ Trì; Dịch hân hoan cầm một chiếc nón lá ra đi. Chưa đầy một năm thay đổi hết mọi việc trong chùa. Lại hủy bỏ áo nạp, nay bị khinh miệt. Huống chi ăn ngày một bữa nay ví như cái đánh chứa thóc kho trước sau, sân giận nổi lên. Người phạm trai ngã lãn xuống đất dùng quyền cước công kích, lòng ung dung tự nghĩ hết bị buộc ràng Trụ Trì. Y bèn ra vùng ngoại ô mua nhà dân lập am mà ở, hằng ngày lấy cửa riêng sinh hoạt. Tranh chấp nhà với Tăng chùa Trúc Lâm, việc kiện tụng đưa ra pháp luật xử, đuối lý thua kiện đương sự buồn bực mà chết. Ôi, Trụ Trì tệ hại như thế! Nhưng Dịch không Trụ Trì nữa sao lại như thế được? Việc này đều do người thỉnh cử không xét kỹ thật hư, chỉ tin người bề ngoài mà đưa tới sự việc rối rắm ấy. Sốt sắng mời thỉnh Trụ Trì mà làm hại đến như thế! Lại nói rằng Đông Nham năm 81 tuổi, người Giang Tây mà cả tăng tục đều tự nhiên mời Trụ Trì chùa Thiên Đồng. Lúc đó chùa Thiên Đồng bỏ trống, Nham nghĩ tuổi già nhận trọng trách này chẳng qua để được ở yên, bèn gọi tín đồ Đông, Viên, Khánh, 3 người phân chia việc chùa. Chưa tới 5

năm mà ổn định được trăm sự chùa bỏ hoang phế. Ngoài ra đáng kể, tài sản, tôn tượng, ruộng đất để cung cấp cho Tam Bảo. Người Phật tử vui mừng, người xuất gia yên ổn. Xem 2 việc trên để biết có sự khác biệt sâu xa, thành bại xem hiển nhiên thời việc đề cử thỉnh mời rất quan trọng không thể không cẩn thận, sáng suốt.

---o0o---

1.35 Nhập Tự (Tân Trụ Trì Nhận Việc)

Chọn ngày đã quyết định phải kể đến chùa gần hay xa. Nếu gần, Thủ Tọa cho chúng rước đến; nếu xa, 2 vị quản chúng 2 liêu sắp xếp đi sang chùa mới trước. Người đại diện phải thưa bạch với tân Trụ Trì, nếu từ chối liền thôi. Phạm nhập tự nên chuẩn bị các thứ bông hoa, trà quả, đèn nhang... sẵn sàng. Tới ngày dự định tổ chức lễ đón Trụ Trì về chùa. Thông báo ghi rõ: “ngày... tháng... lúc... giờ... toàn viện chư tăng đại chúng nghe hiệu lệnh đáp y hậu chỉnh tề ra trước cửa chùa đón vị Tân Trụ Trì nhập tự.”

Đúng ngày, thỉnh 3 hồi chuông trống Bát Nhã, đốt hương đèn các bàn thờ tươm tất. Đại chúng ra cửa đón từ xa tới gần, đứng 2 hàng đối diện nhau chấp tay cung kính. Tân Trụ Trì vái chào, vào bàn thờ Tổ lạy Tổ rồi bước ra. Chánh điện trước đặt tích trượng, tràng phan, thủ lư, bát nhang, phát trần, thủ xích Như Ý để sẵn theo thứ tự. Chúng đứng đối diện 2 bên, Tân Trụ Trì đứng giữa niệm hương, lễ Tam Bảo. Tri Sự giới thiệu với đại chúng, mời tân Trụ Trì đăng tòa thuyết pháp. Trong lúc giới thiệu Thầy đến lễ Phật Di Lặc, Quan Âm, Địa Tạng hay Phổ Hiền, Văn Thù Bồ Tát, bàn hộ pháp Vi Đà. Duy Na cử tán:

Vân lai tập Bồ Tát ma ha tát (3 lần).

Đại chúng hành lễ xong, Duyệt Chúng dẫn 3 hồi Khánh và 3 tiếng xướng đánh lễ Tam Bảo. Tụng nghi thức cầu an ngắn gọn xong. Đại chúng làm lễ Tân Trụ Trì và mời Thầy ngồi vào pháp tòa ở trước đại điện Phật, nói vài câu thăm hỏi, lý do tới Trụ Trì. Tân Trụ Trì chỉ ngồi mà thuyết một vài câu sâu sắc ý nghĩa và chúc nguyện ngôi chùa bền vững, tứ chúng an hòa. Kế quan chức (nếu có) niệm hương, thị giả tiếp hương cắm vào lư. Chỉ người nói pháp kế thừa niệm hương, Trụ Trì đáp tạ thâm ân giáo dưỡng Thầy Tổ, đại chúng chúc mừng, quan chức bày tỏ niềm hân hoan. Kế đến người trong viện chúc mừng trước tăng sau tục; tiếp theo là mời Thầy thăm nhà kho, viếng phòng khách, lễ đường, nhà trù, các nhà phụ, liêu chúng... Khi nghe hiệu trống, chúng trở lại chánh điện làm lễ cúng ngộ. Nếu bận rộn, cúng ngộ

có thể dời qua ngày hôm sau cũng được. Tân Trụ Trì nhất nhất niệm hương đánh lễ, và cúng ngọ xong tới trai đường thọ trai. Thọ trai hoàn tất những vị cụ Trụ Trì, chuyên sứ, hộ pháp mời Tân Trụ Trì duyệt xem lại kỹ tờ khế ước giao kèo, tất cả vật dụng và tiền bạc, gạo thóc các mục xong, mọi người lui về. Tối chúng vào phòng Trụ Trì mời thầy nói tiểu tham. Xem nghi tiểu tham có đề cập ở trước. Chừng 15, 20 phút xong, mời xuống trai đường uống trà và xem qua Nội Quy chùa. Phạm đặc sứ và những người đi thỉnh sư nhất loạt đều mời cùng uống trà chung, cho tới khi tiễn họ về phòng nghỉ. Sáng hôm sau công phu xong, sau giờ điếm tâm, đại chúng công tác. Tới giờ cúng ngọ, theo hiệu lệnh chúng vân tập làm lễ cúng ngọ trước chánh điện. Sau khi thọ trai xong, Trì Khách hướng dẫn Tân Trụ Trì thăm lối xóm. Ngày thứ 3, sau thời công phu sáng, vì tín chủ lập chùa nên hôm nay có thời thuyết pháp. Khi điếm tâm xong, chúng công tác, chuẩn bị mọi việc tươm tất đàn na đặt bàn và thiết đặt các đồ cúng. Trì Khách bạch Duy Na mời 10 thầy cúng ngọ. Tân Trụ Trì châm trà cúng Phật, cúng Tổ. Tân Trụ Trì đãi cơm chay cảm tạ người sứ và đền đáp công lao đại chúng. Nếu đông người, nên dọn sang phòng khách cũng được. Những người công quả, chấp lao phục dịch ở chùa đều nên đền công lao bằng tiền. Mỗi người trả đồng nhau xem hôm nay như là ngày khai sơn và cũng là ngày cúng Tháp chư Tổ, như nghi tảo tháp ở trước. Ở cách xa nên chuẩn bị trước. Buổi lễ tối hoặc thông báo ban chức sự, Tân Trụ Trì nên lưu lại dự, nếu không chấp thuận muốn lui về, nghỉ nên để qua vài ngày sau, đợi cho Tân Trụ Trì hơi rảnh việc một chút rồi hẳn tổ chức cúng lễ cũng không muộn.

Chúng nghĩa ghi: Có một giác mộng được kể rằng, trước đây chư sơn đường đầu (trụ trì) một lần nhập tự nhậm chức có thu nhận của đàn na thí chủ cúng dường một án hương, tức là lễ nhập phương trượng, nhưng phẩm vật lại đưa vào kho chùa. Việc đơn giản cúng hương bằng tiền bạc, cúng dường đã chuẩn bị sẵn như của khách nhưng thuộc Tam Bảo. Nếu của để dành lo việc riêng thời chẳng nên nghĩ của thuộc về thường trụ, cho vật của ta là vật của Tam Bảo. Dù là cúng hương cũng phải thuộc của thường trụ. Nếu vạn bất đắc dĩ phải nhận dùng vào việc riêng, cũng nên tình thật bạch chúng biết mà không được một mình tự tiện. Đây là bốn phận của Trụ Trì theo đúng nghi cách.

Xưa Đông Sơn Không thiền sư trả lời tài năng của mình bằng cách mượn dấu chân làm sách tóm lược như sau: Trong sách bàn về dấu chân chẳng biết xuất xứ của thường trụ ư? Không Thượng Tọa hỏi: “nếu xuất phát ở hư không, không cũng có gì?” Nếu xuất phát của thường trụ là lấy của Tam Bảo

làm của riêng. Một việc liên hệ tư là ăn trộm, đâu biết trộm dùng của Tam Bảo chứ? v.v...

Lại như Sơn Am Tập Lục ghi rằng: Vân Ngoại Hòa Thượng về già trụ trì chùa Thiên Đồng, lấy Tam Bảo làm việc mình, trăm việc hoang phế đều làm mới lại, không cao ngạo, chẳng tham tích trữ, không ăn riêng, được của cúng dường đem chia cho tăng thường trụ; tiếp xử chúng rất cẩn trọng. Dù với kẻ hậu sanh cố chấp cũng bỏ qua không để ý tới. Hai buổi cháo cơm vẫn mang bát tới trai đường dự bữa, thân tuy thiếu thốn mà tài đức vẫn dồi dào. Cho tới khi viên tịch, tư hào không chứa làm của riêng. Giới học giả cảm mến đức độ hết lời ca ngợi. Ôi, Trụ Trì như vậy mới kham làm được những việc lớn như thế!

---o0o---

1.36 Việc Đi Lại Của Trụ Trì

Phàm Trụ Trì có việc đi xa nên cho ở chùa biết trước một ngày và ra thông báo cho chúng biết như sau: “ngày mai... lúc.. giờ Thầy Trụ Trì có công tác Phật sự tại... trong vòng... ngày. Đại chúng khi nghe hiệu lệnh vân tập lại tiền Thầy lên đường Phật sự.”

Sau giờ ngọ trai, Thầy Trụ Trì bạch chúng tại trai đường; giao phó việc chùa lại cho Giám Viện trông coi trong thời gian Thầy đi vắng. Tới ngày đi, đại chúng tập trung lại đưa tiễn, Thầy vào lễ Tổ, lạy Phật xong; đại chúng lễ Thầy và đưa ra tới cửa rồi mới trở vào. Phàm Trụ Trì đi vắng vào những ngày Mông Một, Rằm ở nhà vẫn lễ bái như thường cho tới khi Thầy về. Thị giả trước tiên báo Tri Khách biết ngày Thầy về, và đại chúng cũng rước mừng Thầy trở về như lúc đi. Nếu vắng trong nửa tháng hoặc một tháng; còn như sáng đi chiều về hoặc đi vài ba hôm chỉ cần cho Tri Khách, nhà trù biết là đủ, đại chúng khỏi cần đưa đón. Lại nếu Thầy về mà đại chúng không hay để chào hỏi liền sau thời Tịnh Độ xong, chúng lên phòng đánh lễ, thăm hỏi và xin lời pháp ngữ.

Chứng nghĩa ghi rằng: Việc ra đi trở về của Thầy Trụ Trì, là theo qui định Phật sự xưa, có ngày đi cũng như ngày về. Trụ Trì xưa lãnh chúng làm đạo, nếu không phải là việc chung của Tam Bảo chưa hề dám ra khỏi chùa. Nay thì thân làm Trụ Trì mà chẳng biết lãnh chúng luận đạo, suốt ngày kiếm cơ ra ngoài du hí để cầu danh, mong lợi, họ làm mất đạo đức nguy thay! Song lại có nơi dung túng trưởng dưỡng, cho là thư giãn sự khổ nhọc. Tuy gặp

việc chung phải đi nhưng cũng để lại người xử lý, trái lại là làm mất sự quân bình, tức là động chúng.

Ngu Am Chích Cổ ghi rằng: xưa ở Phụng Tân viện Huệ An, có Lâm Hồng Châu đạo Khổng, ở quận có Sư Chân Tịnh chọn người làm chủ vì một nhóm đạo không chịu làm việc. Lúc đó có Tuệ Uyên thủ tòa, ương ngành tự chuyên, dù đối với ông Chân Tịnh đã có giấy giao kèo. Việc tranh chấp lâu ngày làm tức tối, người ta không biết cho rằng, ý số đông không tuân mệnh lệnh, bèn thưa Sư Chân Tịnh rằng:

- Tuệ Uyên là người như thế nào?

Tịnh nói:

- Y có đi cũng được, bèn đuổi luôn.

Uyên được công nhận bèn bỏ đi. Trạm Đường hỏi:

- Công Trụ Trì như thế nào?

Uyên đáp:

- Tuệ Uyên này vô phúc vác cái giỏ tre gõ phổ cúng chúng.

Trạm Đường làm kệ tiền chân. Đã ở Huệ An như chỗ đèn bù, như thế suốt 30 năm, gió mưa không thay đổi; trăm việc hư hỏng đều sửa sang; chết ở Viện Huệ An, thiêu xác được xá lợi, 6 căn không rã; có mùi hương lạ thoảng nhiều ngày. Ôi, từ cổ chí kim thường đem “gõ phổ cúng chúng” làm trụ trì, chỉ có Sư là một người duy nhất mà thôi. Cho nên, chép câu chuyện ra đây làm niềm vui để khuyến khích kẻ khác.

---o0o---

1.37 Thoái Viện (Không Nhận Chức Vụ)

Trụ Trì hoặc nhận lời của chùa khác thỉnh, hoặc tuổi già hay do bệnh hoạn, hoặc duyên đời không thuận... tự xét thấy phước mỏng liền biết điều nên thoái chức. Âm thầm cho 2 trưởng chúng hay thương lượng để họ tìm cách nói trước đại chúng, cho biết rõ lý do thoái chức.

Phàm cử vị khác thế phải cân nhắc cẩn thận, tìm người đạo đức hoặc biết tông tích rõ ràng, hoặc thành tích trong sạch, đáp ứng được sự mong mỏi của

số đông mới có thể rước về trụ trì. Nếu có nhiều người kham nhận nhưng cùng một lúc khó quyết định nên đối trước tượng hộ pháp Vi Đà cầu nguyện. Nếu được chấp thuận, Trụ Trì là người hợp đạo lý đáng tôn trọng, chùa viện được mở mang. Nhất định không thoả thuận riêng với người làng, cùng các bô lão và người thôn trưởng. Nên biết họ không lấy việc Tam Bảo làm trọng, e có bè nhóm riêng hợp tác sẽ rơi vào tệ sang đoạt. Cần nhất phải thận trọng đó. Nếu việc mời thỉnh Tăng đã hứa, liền đem của Tam Bảo như tiền bạc, lúa thóc, vật dụng các thứ đăng ký lưu vào sổ, nhất nhất rõ ràng nên kê ra từng mục, mỗi thứ 3 bản. Trụ Trì giữ một bản, cự Trụ Trì giữ một bản và người có trách nhiệm giữ một bản; dùng con dấu Tam Bảo đóng vào đó để lưu chiếu về sau.

Trụ Trì trước một ngày tới giữa trai đường nói lời từ giả chúng. Sau đó lên chánh điện nói lời thoái lui không nhận việc nữa và sang dãy nhà đông chính thức mời một người có đức quán xuyên thay Trụ Trì. Đợi sau khi Trụ Trì đến, cùng 2 lãnh chúng giao ước minh bạch. Tân Trụ Trì nên rõ ràng tuân tự coi xét việc chùa vừa mới được giao phó. Nên đối với từng việc rành mạch, giá như Trụ Trì trước có làm hư hỏng hẳn phải lo tu bổ lại các thứ. Ban chức sự nếu có báo cáo điều gì nên chờ cho tân, cự Trụ Trì bàn giao việc rõ ràng, dứt khoát, nếu không đợi tân Trụ Trì đến mà đi trước, thì Thầy Giám Tự chấp quyền thay. Và đến dãy nhà Đông ôn tồn hỏi tân Trụ Trì để bàn giao việc.

Chúng nghĩa ghi: Việc tông lâm hưng suy do quan hệ việc nhận chức, thoái chức, giá như có một dự định của Tam Bảo bị tổn thất, cho nên không thể không cẩn thận. Đến như việc thoái chức, nếu người có đạo đức, biết sống lương thiện đạm bạc, hẳn không quá tham quyền. Sách Thiên Hoàn Bí Yếu ghi rằng: có vị thủ tọa tới tham vấn Long Môn Phật Nhãn thiền sư là Đồng Trần Nguyên Áo. Phật Nhãn phái đến ở phân viện, Sư cố từ chối nói rằng: “đây không phải là việc nhỏ, như kim châm vào mắt, nếu sai một tơ hào ắt làm hỏng cả mắt. Nguyện đời đời ở học viện mà tôi luyện.” Phật Nhãn nhân đó dùng kệ tán dương rằng:

Biết đạo chỉ nhân lần nhượng bộ

Khiêm hòa do tự ngộ bản tâm

Chẳng biết mình đưa lên mây xanh

Chỉ đem thân ở chúng thực hành.

Lại như Phước Châu ở viện Chương Sơn làm am chủ, phạm hạnh không ai bằng, chí tham cầu Tổ đạo. Nhà Nguyên Sa ở châu Dự (nay thuộc phía Nam tỉnh Hà Nam) biết rõ việc này. Nguyên Sa ghi lại rằng: thiên tôi đã vượt ngoài quy tắc. Về sau, sự cần một người hầu cũng không có. Từ đó Sư không cần qui tụ đồ chúng, không nuôi trẻ nhỏ hầu mà ở ẩn tại một dãy núi nhỏ; chùa lớn bề thế mà giống như thảo am chỉ cốt dung thân mà thôi.

Tại vùng Nam Đẳng thuộc Hàng Châu có thiền sư Pháp Không hầu hạ Tử Tâm đã lâu, sau được trao pháp muốn từ khước bỏ đi. Tử Tâm ấn ký rằng: Ông phước mỏng, nên lấy đạo tự tu dưỡng. Sau sống ở Nam Đẳng, chưa đầy một tháng chùa bị cháy. Biết là không người để di chúc Sư than rằng: “ Ta trái lời tiên sư nên gặp khổ nạn ngày nay.”

Ngoài ra Ngu Am Chích Cổ ghi rằng: Cảm thiền sư ở Hoàng Long, thấy người kiểm lâm trong quận lấy việc xâm hại rừng lấy làm trò cười, bèn làm kệ ném vào y, rồi bỏ đi. Kệ rằng;

Chùa viện thuộc trong nước đại Tống

Châu thuộc châu cũng của đại Tống

Trong châu có viện chảnh nương sống

Một bát du phương rộng Ngũ Hồ...

Khiến sứ giả đuổi theo thì đã sang bên kia sông rồi. Xem 4 việc này hẳn thấy khí tiết đẹp của cổ nhân cũng có thể biết trách nhiệm của Trụ Trì quan trọng ra sao. Không thể đề bạt người không phước đức hành xử mà nên cử người xứng đáng đã lượng định cân nhắc kỹ càng trước.

---o0o---

1.38 Bản Chẩn (Chẩn Bệnh)

Phàm Trụ Trì bệnh biết rằng bệnh nặng, Giám Viện phải bàn thảo với Thủ chúng, người chấp việc đến phòng xem xét. Nếu có đông người nên đưa vào phòng khác. Giám Viện thưa bạch:

Bạch Hòa Thượng hôm nay là ngày... tháng... năm ... Trụ Trì bỗng tự bỗng gặp bệnh duyên, sợ gió máy không lường được phải dời sang dãy nhà Đông. Nếu có vật tùy thân như y bát, mời thầy thư ký ghi chép để tiện việc hậu sự.

Mong đại chúng tri tường, kể mở các món đồ ra xem xét gồm những thứ gì. Dưới đề ngày... tháng... năm... Thủ tọa ký; Giám Viện ký, Duy Na, Tri Khách ký tên.

Cất giữ những món tùy thân đó, đợi khi nào hết bệnh mới giao lại cho chủ nhân.

Chúng nghĩa ghi rằng: Từ xưa Thánh hiền lâm chung, nếu có bị những bệnh hiểm nghèo đoan vầy bút ngắt không thể tránh khỏi được đó do nghiệp báo trước đã đến. Song chẳng làm tổn hại tới tư cách của người bệnh. Nếu các thầy nhỏ trông nom bệnh phải cẩn thận với hiếu tâm, chớ thấy bệnh nguy mà tỏ ra khinh thường. Ngu Am Chích Cổ ghi rằng: Từ Tâm Ký con của Nam Công, nằm mộng thấy thần mách bảo: “Sư đang bị chứng bệnh đầu phong (điên dại) hiểm nghèo, nghỉ việc chùa lui về nơi tiểu am để dưỡng bệnh.” Sư Kỳ nhờ tiểu nhắc Từ được gọi là Dương Kỳ Am chăm sóc bệnh, đi khát thực trong làng, giữ hiếu tâm không chán nản. Sư Kỳ gọi Từ bảo rằng: “ Ta nói pháp Hoàng Long, vì việc hành đạo quá nặng không ngờ nửa đời cảm ác báo thế này. Ta không gây nhân đó sao có ngày nay? Như bây giờ buông bỏ hết không tu hoàn toàn được tự do.” Thét lên một tiếng rồi tịch. Lễ trà tỳ có mùi thơm lạ, lưu lại nhiều xá lợi. Ngu Am có bài tụng rằng:

Đại Thánh hiện oan khiên

Cũng đau nhói triền miên

Nghiệp sư Ta đáng trả

Thần nhân báo mộng liền.

Tiểu sư nghe câu chuyện xong liền đi tham vấn mới hiểu được, rồi trở về thấy tâm định tĩnh: công nâu lá xanh cỏ xanh, vắng người, chim đậu. Đẩy cửa cầm bát ra xóm khát thực, bệnh tăng, người mất.

---o0o---

1.39 Sắp Viên Tịch

Giờ viên tịch sắp đến, phàm người sẵn sóc bệnh nhân cần niệm Phật lớn tiếng để trợ giúp vãng sanh. Sau khi viên tịch chờ tàn một cây nhang mới sắp xếp tang lễ, hoặc đưa ra một số việc cần làm, nên chia đều để tránh tranh cãi nhau. Nếu y pháp cận bên nên liệm theo, để lại tiểu sư không thể đắp

được; vãi gai khóc thống thiết. Thịnh thủ tọa chủ tang, những người khác túc trực ở phòng khách, nhà kho, nhà bếp lo liệu công việc. Mọi Phật sự tùy nghi mà làm, đừng quên thể ông tăng để không phí của Tam Bảo, không phiền lòng đại chúng. Nếu Trụ Trì có công với Tam Bảo, tăng chúng nên niệm nghĩ ân đức, như y bát chưa truyền đều nên tiến hậu thương tiếc.

Chúng nghĩa ghi rằng: Công tích người lúc sanh tiền tới lúc lâm chung mới trắc nghiệm, không hẳn là người có bệnh hay không bệnh, mà chỉ xem trước giờ ra đi có nhẹ nhàng, tự tại hay không mới biết được mà thôi. Sách Thiền Tông Bí Yếu ghi rằng: thiền sư Động Sơn Lương Giới lúc thị tịch, hỏi chúng rằng:

- Lìa bỏ cái xác như này hướng về đâu để chúng ta gặp nhau?

Chúng không trả lời. Theo lời Ngài dạy bảo: cạo tóc, tắm rửa thân thể sạch sẽ, cho thịnh đại hồng chung để Ngài từ biệt chúng. Ngài an nhiên ngồi mà hóa, lúc đó đại chúng thương quá kêu lên, níu lại không cho đi. Sư bỗng mở mắt bảo chúng rằng:

- Người xuất gia tâm không tùy vật là tu hành đúng; tham sanh úy tử, thương tiếc giá có ích gì!

Nhưng chủ sự khiến bày thiết trai kéo dài 7 ngày, đồ ăn đầy đủ, Sư cũng tùy chúng thọ trai xong, bèn nói:

- Nhà tăng vô sự, đại hạn lâm hành đừng nên náo động.

Nói xong về lại phòng, ngồi ngay ngắn mà tịch.

Lại như thiền sư Thúy Nham Khả Chân lúc sắp lâm chung hiện bệnh rất ngặt nghèo, nằm vật vả dưới đất, nghiêng qua một bên không cựa cựa. Triết khai thị tỏ lòng thương cảm nói rằng:

- Bình sanh chê Phật mắng Tổ, nay làm gì thế kia?

Sư thâm thía quát lên rằng:

- Ông cũng làm vậy thấy giải không?

Liên ngồi dậy kêu thị giả đốt hương khói xông lên rồi thị tịch. Hai bậc cổ đức này lúc lâm chung đều có bệnh khổ nhưng đều tự do tự tại như thế, há không nhờ tích lũy công huân tu tập hay sao!

Lại trong kinh ghi rằng, người lúc lâm chung muốn nghe tiếng chuông, tiếng khánh làm tăng thêm chánh niệm cần thiết ngay trước lúc hơi thở chưa dứt hẳn. Ngày nay thời đi thẳng, người mất tất thở chưa bao lâu đã tới lúc nhập quan, tụng Kinh, gõ khánh đã không kịp nữa rồi. Tuy nhiên, đây là việc của người còn lại; nếu người chết lúc sống tu hành tịnh nghiệp đến lúc này thời hẳn được người khác trợ lực cũng như gắm có thù hoa. Nếu người chết lúc sanh tiền không tu tịnh nghiệp đến lúc này đây hoàn toàn trông vào tha lực, chính là từ trước lúc tắt hơi thở trở đi niệm Phật ngay cho tới khi nhập quan về sau. Tuy không mong được lợi ích, nhưng lợi ích có thừa. Nhưng chắc chắn việc trợ niệm không thể thiếu được mà luận về đạo có thể đem an lạc giúp đỡ chứ? Chỉ có lúc lâm chung mới qui tụ được người đồng chí phân ban niệm Phật, giúp người mất được chánh niệm vãng sanh. Nên niệm Phật là điều không thể thiếu được.

Ngoài ra, nên sắp xếp với nhân viên nhà thương hay nhà quàng không được động tới thân xác trong vòng mấy tiếng đồng hồ. Trong thời gian đó nên luân phiên niệm Phật không dứt. Sau đó mới tắm rửa, thay quần áo và di chuyển thi hài đi nơi khác.

---o0o---

1.40 Lễ Nhập Quan

Quan mà có sách gọi là khám, là rất sai lầm. Có bàn rõ ở phần chứng nghĩa. Phàm người bệnh nguy kịch, phải chuẩn bị cỗ quan tài trước như kiệu, vật liệu ra sao v.v... càng đơn giản bao nhiêu càng tiện việc thiêu bẩy nhiều và cũng đỡ được một phần chi phí. Hơi thở người mất vừa dứt là dẫn mõ theo tiếng niệm Phật cho tới lúc nhập quan. Mời các thầy nhiều chùa tới làm lễ nhập quan. Vị chủ sám làm phép sái tịnh trên – trong quan tài, đây nắp xong, liền thuyết pháp ngữ. Nên quỳ thuyết nếu người mất lớn tuổi hơn (sám chủ) đáng hàng hậu bối cần phải chấp tay nghiêm chỉnh. Ban lời pháp ngữ xong, Duy Na bạch:

Trở lên công đức niệm tụng, phụng vi đại Hòa Thượng tân viên tịch (thay đổi theo phẩm vị: Thượng Tọa, Đại Đức v.v...) của lễ nhập quan trang nghiêm báo địa, 10 phương ba đời chư Phật, hết thầy chư đại Bồ Tát, ma ha bát nhã ba la mật.

Tụng bát nhã, hồi hướng. Kim Quan đặt tại phòng khách luân phiên tụng niệm 4 người một ban tụng Kinh A Di Đà, niệm Phật, đêm ngày không gián đoạn cho tới khi đi quan. Các khóa lễ sáng, tối đại chúng đều đến trước Kim Quan tụng Kinh, tới giờ ngọ cử 2 người cúng ngọ mỗi ngày và tiến giác linh:

Giác linh đã tạo các nghiệp ác

Đều do vô thi tham sân si

Từ thân miệng ý mà sanh ra

Hết thầy gốc tội, đều xin sám hối.

Ngưỡng mong giác linh bất loạn, chánh niệm rõ ràng vãng sanh ngay về cõi an lạc, diện kiến Phật Di Đà và các Thánh chúng, tu hạnh 10 địa chứng Niết Bàn lạc.

10 phương 3 đời hết thầy chư Phật, chư đại Bồ Tát chứng minh tiếp độ.

Nếu giác linh có di chúc vật gì nên tụng thêm Kinh Phạm Võng. Căn cứ qui tắc xưa nhập quan vị tăng, phải giặt giũa quần áo cũ, ngoài mặc y 7 điều từ trên dành cho tới dưới chân, chuỗi hạt đeo tay, tọa cụ đặt dưới chân, ếm trà 2 bên thân thể, đậy nắp quan dùng tro niêm kỹ. Dù người thân đến thăm cũng không được mở nắp quan tài, không phô trương hiếu tâm, không rộng nêu liên hệ đi điều, không mặc đồ gai bố đội vải trắng, không bày từ cáo phó, không chiêu nhóm thí chủ làm thân thuộc, không làm đám theo thể tục, chỉ chú tâm tụng niệm mà thôi. Những vật dụng, y bát hết thầy đem cúng cho chúng. Trụ Trì còn như thế, những vị khác phải biết noi theo.

Chúng nghĩa ghi rằng: gần đây có một việc gọi là khám ngòi đã thành thói quen mà không biết là trái lời Phật dạy. Căn cứ theo Kinh Niết Bàn quyền hạ, đức Thế Tôn ở thành Câu Thi Na giữa 2 cây song thọ, Ngài nằm vững yên lặng thị tịch nhập quan mà hóa. Than ôi! Phật là bậc chí tôn của 3 cõi mà còn nằm như ngủ nhập quan, người tăng sĩ học Phật cũng phải dùng quan tài rõ ràng. Vì thế Lục Tổ Đàn Kinh ghi rằng: người chết nằm không ngòi! Chỉ một câu này cũng cho thấy đương thời Lục Tổ mắt cũng nằm trong quan tài. Việc nói về tọa khám hoàn toàn do háo danh mà phát sanh, nếu quả thật bình thường thiên định lực sâu có thể ngòi mà hóa thì tọa khám không có trở ngại. Nếu lúc sanh tiền một đời lo việc ngoài không học tham thiền, lúc lâm chung gượng ép ngòi khám, thật là phí khí lực. Và lại thần thức chưa hoàn toàn thoát hẳn cũng khó qua được nạn khổ.

Ngu Am Chích Cổ ghi rằng: Hòa Thượng Phổ Hóa ở Trấn Châu đòi Đường Hàm Thông nguyên niên (năm đầu) sắp thi tịch hưởng sang mọi người xin một cái áo dài, có người cho một áo ngủ hoặc đưa cho miếng vải tang. Ngài đều không nhận. Ngài Lâm Tế sai người đưa tới một áo quan liền cười nhận ngay, rồi lên từ biệt chúng mà rằng: “ngày mai Phổ Hóa chết ở Đông môn”. Người trong quận nghe đồn rủ nhau kéo ra xem, Sư bảo: “hôm nay chôn không hợp quạ xanh, ngày mai đi ra Nam môn mà hóa”. Mọi người cũng đi theo xem. Lại nói rằng: “ngày mai ra Tây môn tốt hơn”. Mọi người ra đợi ở đó càng lúc càng đông, đi ra rồi lại đi về, khiến ai nấy mỗi chán cho tới ngày thứ tư, Ngài tự bung quan tài đi ra cửa Bắc rồi thúc mõ nhập vào quan mà hóa. Đây cũng là một chứng minh việc dùng quan tài của cổ đức vậy.

---o0o---

1.41 Phép Đặt Quan Tài

Đã nhập quan xong đặt quan tài nơi trượng thất chỉ cách ngăn treo màn trướng, bày các đồ cúng như lúc sống. Giữa pháp tòa trên đặt chân dung và long vị. Nhân tuần thất trần thiết phẩm vật cúng, ngoài ra, lư nhang, bình hoa phải chăm sóc gọn gàng sạch sẽ, đốt nhang liên tục, 2 buổi dâng trà, cơm, thức ăn cúng dường. Nếu chư sơn trưởng lão và quan chức hàng tôn quý phúng viếng, môn đồ lay đáp lễ cho phải phép. Ban đêm kéo màn che quan tài lại, để quan tài tối đa 3 tuần rồi hỏa táng nhập tháp. Tháp cao 6 mét, không nên phí quá nhiều công; gạch đá và vùi xác vô ích. Như có múa hát, âm nhạc v.v.. các loại thầy đều không nên dùng mà chỉ chư tăng niệm Phật dẫn đường mà thôi. Đám tang Trụ Trì hết thầy phải thật qui mô và theo nghi cách xưa.

Tiếp đón các vị khách cho đủ lễ nghi không nên thiếu sót, thì đám mới trang trọng; đồ đạc của họ không di dời chỗ khác. Phạm pháp tử, giới tử, đệ tử thế độ (xuất gia) nhiếp tâm lo việc tang lễ mà thôi. Lục Tổ Đàn Kinh ghi rằng: “Sau khi Ta diệt độ đừng theo thế tình thương khóc rơi lệ. Nhận người điều tang trên mình luôn mặc đồ tang.” Đó là lời Tổ dạy nên tuân thủ, nếu không, chẳng phải là đệ tử Phật, cũng chẳng theo đúng chánh pháp. Nếu 2 bên biết rõ bệnh nặng phải đưa tới phòng khách chờ viên tịch, đặt quan tài trong 3 ngày. Phạm tịnh nhân lâm trọng bệnh sau khi chết, nhập liệm hành lễ để chỉ một vài ngày liền đem hỏa thiêu, không để lâu hơn, cũng như không thiết cúng đủ các nghi.

Chứng nghĩa ghi, ngài Vân Thê Liên Trì nói rằng: người để tang chỉ buồn thương bên trong không nên để lộ bi thương sầu khổ. Căn cứ theo Kinh Đại

Niết Bàn, dù không dạy để tang song lúc Phật lâm Niết Bàn, chúng vỗ về kêu khóc thống thiết đến đôi có người thổ huyết. Nay đệ tử ta gặp tang há không buồn sao? Chỉ có điều không nên giống người đời gào khóc, lăn lộn thối. Lại như gần đây các vị Trụ Trì viên tịch, hàng đệ tử lấy lụa viết chữ lên đó cầu chuyên gia khắc vào tháp. Hẳn lúc còn sinh tiền cha mẹ thấy điềm lạ... sau khi chết hỏa thiêu, lưu lại vô số xá lợi v.v... đâu phải không có điềm lạ này là không thành bậc tôn túc đâu? Vả lại, do tông môn chúng ta tôn trọng, chỉ lo giới-định-huệ mới thật chân tu, mới là thật đức; dù thiền, giáo hay luật cũng thế, những việc khác đều là phụ không đáng kể. Đến như việc hỏa thiêu mà hỏi có phần nào còn nguyên vẹn (các căn bất hoại), lưu lại xá lợi... đều do bình nhứt người ấy có tu hành nghiêm tịnh, cũng đâu phải dễ đạt lắm sao? Nói về áo quan có bài thơ rằng:

Luận xét cổ quan

Quý giá tự phân

Như muốn trọng sang

Bị người khinh thay!

Học đồ làm một bài thơ chế giễu như trên, đều ghi nhận như thế để lưu lại cho đời đả tạc vị sư mà không được như trong nhà đạo. Ngu Am Chích Cổ ghi rằng: thiền sư Vân Môn Yên thuyết pháp như mây mưa hoàn toàn không còn ai ghi chép, thấy có người nghi liền mắng rằng: “Ông ngày không tu, trái lại ghi lời tôi để dịp khác bán tôi chằng.” Nay trong phòng có dịp bàn đều là rừng hương dùng giấy làm áo, theo chỗ nghe sách mà đạt. Ôi! lời pháp ngữ còn chằng vui ghi, huống gì là lời hoa mỹ dối gian khác ư?

---o0o---

1.42 Lễ Hòa Táng - thiêu xác

Phàm việc tổ chức lễ hỏa táng phải dự định ngày giờ trước. Cung thỉnh ban chức sự đâu đó xong rồi. Sáng hôm hành lễ tụng Kinh Di Đà, thỉnh di ảnh đánh lễ Tổ trước giờ di quan. Chủ sám tuyên pháp ngữ trước Kim quan, sám tịnh, niệm Phật rước linh mô ra xe. Thủ chúng đi trước hướng dẫn niệm Phật, chúng theo sau cùng niệm, mọi người đều tỏ lòng thương cảm. Hiếu đồ đi theo xe Kim quan đi chậm tới lò thiêu. Tới nơi, đưa Kim quan vào địa điềm, hành lễ theo thủ tục hành chánh: chủ sám hoặc một vị tôn túc thuyết pháp cho người dự nghe và cũng nói pháp ngữ nhắc giác linh nữa. Phát biểu

cảm tưởng của quan khách, điệu văn, đọc điện tín phân ưu, hiểu đồ cảm tạ... Chủ sám hành lễ, mọi người đứng chấp tay nghiêm chỉnh theo lời xướng của chủ sám:

Tân viên tịch đại Hòa Thượng thượng A hạ B... đã thâm thân an nhiên thị tịch, theo như pháp thiết lễ trà tỳ, Ngài hóa thân trăm năm hồng hóa, nhập Niết Bàn vắng lặng từ nay. Mong đại chúng thành tâm xưng dương Phật hiệu.

Ngưỡng mong được tuệ rạng soi

Thân phạm hoại thể, tánh giác vẫn hoài

Hoa giác ý tuần tự mở khai

Biển pháp tánh trái đầy

Rưới sạch bụi dầy trần tâm

Ba lượt trà châm

Hương xông một nén

Phụng tiễn Kim quan

Tôn linh chứng giám.

Ngưỡng mong đại chúng tề thanh xưng dương Phật hiệu trợ niệm giác linh sớm vãng sanh Tây phương Cực Lạc quốc.

Nam Mô A Di Đà Phật (3 lần).

Đại chúng cùng niệm và màn vừa kéo lại. Mọi người cúi đầu chào tiễn biệt rồi lên xe trở về chùa làm lễ an sàng.

Chúng nghĩa ghi rằng, Phật dạy: Tăng viên tịch nên thiêu táng, làm cho lìa phần đoạn thân tạm thời đó mà chứng pháp thân thường trụ. Người thế gian thấy việc này không theo kịp, cho rằng thiêu xác là vô tình bất nhẫn. Ngày nay có một số vị tăng sợ thiêu nên dấn dờ dềng thiêu, thật là chí tệ thậm tệ. Lại có ngộ nhận cho rằng, người truyền một đời Trụ Trì không cần thiêu, cũng làm vậy. Đúng như Lục Tổ phái Tào Khê đã chứng được pháp thân bất hoại, xác lưu lại không hư rã, nếu chưa được bất hoại thiêu đã cháy trọn.

Xưa thiền sư Sở Thạch thị tịch đời Hồng Võ năm thứ ba vào thời kỳ đó cấm hỏa thiêu. Ngài di chúc lại là muốn tuân lời Phật dạy, vua Minh Thái Tổ đặc biệt mở biệt lệ. Ôi, bậc Thánh minh còn đạt được vậy; hưởng hạng ngu tăng nên tầm quý không có đất chôn! Có người hỏi Ngài Liên Trì rằng:

- Ngài muốn lâm chung thiêu xác được không?

Sư đáp:

- Phép thiêu xác Đại Thừa cho phép; Tiểu Thừa cấm ngăn.

Đại Thừa lòng bi sâu rộng, nhẫn lực hoàn bị nên nghe tối thiểu chấp nhận được. Tiểu Thừa chỉ biết tự lợi, bi nguyện mỏng cạn, cộng thêm nhẫn lực chưa cao, giá gặp lâm nguy mà mất mạng thì sự phương hại có thể thắng được sao? Huống gì hoặc tham thân do cái danh gắn liền sau, hoặc do nhất thời khích động không còn giữ chánh niệm phải chuốt lấy quả khổ, nên Phật cấm vậy. Lại các pháp hữu vi, bị ma trói buộc lúc sanh tiền ưa làm điều bất chánh, si mê, tà kiến, gần gũi cùng ác ma, nhân đó bám riết theo. Tác động đầu tiên về ý niệm thiêu thân, kể trở thành việc thiêu thân, lấy ma lực thêm vào. Ngồi ngay gần ngọn lửa dường như không thấy nóng, như không có gì cả? Ma lui tan bị thảm hại đau khổ, không thể dùng lời gì dụ được. Trải qua trăm kiếp ngàn đời, chết làm oan hồn thật là đáng thương xót. Cho nên biết rằng chết mà không thiêu cũng như chưa chết mà thiêu đều chẳng đúng luật Phật. Thời mạt pháp tăng đồ phải biết thích nghi mà làm cho đúng. Lại vì tăng viên tịch mà thuyết pháp, chỗ hiểu đạo mình chưa thông làm cho thần thức có chỗ bị trở ngại; thật tế là muốn khai thông người mất. Phạm sau khi vị Trụ Trì viên tịch, phải thỉnh một vị danh đức thuyết pháp là việc trước tiên trong các Phật sự. Ngoài ra, những việc khác như dậy nắp quan, mở nắp quan v.v.. do chư tăng. Duy Na và Thủ Tòa thưa hỏi Trụ Trì hoặc tự thuyết, hoặc nhờ vị khác thay thuyết. Duy việc mời lửa tức thiêu xác phải là Trụ Trì (vị danh đức) đích thân đảm trách. Ngày nay cũng có nơi đặt Ban Thủ lo, đã sai qui tắc xưa; thậm chí còn nhân danh này nọ để thuyết pháp. Còn cổ đức một khi gặp đủ cơ duyên mới thuyết không câu nệ buộc ràng.

Sơn Am Tạp Lục ghi rằng: Vô Chuẩn trụ trì chùa Kính Sơn, vì xem Thượng Tọa hạ lửa nói: “Quán sát biển cả khéo là nước, tận cùng của sóng chỉ là bọt nước, bây giờ biển tan, bọt cũng mất; Quay đầu ngo lại nhà mình chìm đáy nước!” Đả danh thuyết pháp, từ đó trở đi nhân đó bắt chước gọi theo, đến nay chốn tông lâm dùng từ “đả danh” làm định thức lôi kéo đầu có thích hợp, hoàn toàn không góc gác mà cho là khai ngộ người chết, kết quả là gì?

Ngoài ra không vì tăng viên tịch thuyết pháp đả danh, tức là kệ phú pháp; mà cũng có nhiều người nhân danh dựa cảnh để nói, đã không hợp bản chất thật tế mà chỉ theo ngọn bàn thảo thật khô hài. Giả sử nói được 10 sự thật cũng thuộc lời trau chuốt mà thôi chứ nào có ích gì đâu!

---o0o---

1.43 Nhập Tháp

Thieu xác xong tới ngày thứ nhì phải nhập tháp. Chuẩn bị mọi việc, thông báo giờ giấc, cử hiệu lệnh... Đại chúng vân tập trước tháp, đưa linh cốt nhập vào tháp. Nếu là đường xa, chỉ mời ban chấp sự chừng 20 người đến trước tháp, đứng trang nghiêm, niệm hương, xướng lễ, tán. Duy Na bạch: “Tân viên tịch đường thượng Hòa Thượng thượng A hạ B; y như pháp đã trà tỳ, còn xương cốt đem nhập tháp, lưu trăm năm cho đời; nhập vào đường Niết Bàn. Ngưỡng mong đức chúng thành tâm trì tụng kinh chú, niệm danh hiệu Phật trợ lực giác linh.”

Bạch xong, tụng Kinh Di Đà, chú vãng sanh (3 lần). Chờ cho một vị tôn túc thuyết pháp xong. Vị đại diện bốn tự cảm tạ, đại chúng đồng niệm: Nam Mô A Di Đà Phật. Tri Khách mở tháp cho hộp tro cốt nhập vô xong, đóng tháp lại. Duy Na chấm dứt câu niệm Phật. Xướng tán Di Đà, phục nguyện. Duy Na bạch:

Trở lên việc tụng niệm để trợ lực giác linh vãng sanh Cực Lạc quốc. Ngưỡng mong cỏ sạch trên chõm, hoa nở tốt tươi quanh tháp. Sáng tỏ bên trong tương vô kiến đánh tròn đầy. Cõi Ta Bà ở thế gian, đầy phiền não trần lao mong thoát khỏi. Chí thành 3 lạy, một nén tâm hương, phụng tiễn đường mây, cúi xin chứng giám.

Chí tâm đánh lễ Nam mô Từ Lâm Tế Chánh Tông... thế..... Hòa Thượng Giác Linh (3 lạy).

Chứng nghĩa ghi: Cứ theo lệ cổ chỉ có Tổ khai sơn và kế thừa có công lớn đối với Tam Bảo mới tôn tạo tháp, những vị Trụ Trì bình thường khác nhập tháp phổ đồng, tháp chung các đời Trụ Trì mà thôi. Chùa tạo tháp hoặc 3 tầng, 5 tầng hoặc 7 tầng hay 9 tầng khác nhau. Nếu xây 3 tháp, chính giữa tháp Trụ Trì, bên tả chùa và là tháp chung của các tỳ kheo thập phương, bên hữu bốn tự là tháp chung của các Sa Di thập phương. Nếu tháp Ni đưa về chùa am Ni, không lập trong chùa tăng. Như dùng tháp 5 tầng, giữa thờ Trụ Trì, ở giữa bên trái phía trong chùa thờ các tỳ kheo, bên phải phía trong thờ

thập phương tỳ kheo, bên trái các Sa Di, thêm Ưu Bà Tắc, bên phải 10 phương Sa Di cũng thêm Ưu Bà Tắc. Hay tháp 7 tầng, 5 tầng giống như trên. Chỉ phân riêng Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đặt thành 2 tháp riêng. Gần đây bên tả chùa lại có thêm tháp tỳ kheo ni, bên hữu chùa thêm tháp Sa Di Ni. Và tháp Ưu Bà Di thờ chung thành ra tháp 9 tầng. Lại gần đây tháp Ni đại bộ phụ thuộc nơi chùa Tăng, không hợp cúng tế, viếng thăm gây ra trăm điều phức tạp nên không thể không xét lại.

---o0o---

1.44 ĐẤU GIÁ ĐỒ VẬT

Sau lễ nhập tháp, tại nhà kho, phòng hội, 2 dãy liêu chúng ban chức sự, Giám Viện, Duy Na, Tri Khách, Trị Nhựt, Thủ Khố, đồ tắm giặt, y bát v.v... đồ dùng của người mất. Trừ khi có dặn dò đem tặng cho người nào. Mời Giám Viện, Duy Na đem mỗi món đấu giá, chiếu theo thời giá bớt 7%, Thư Ký ghi vào sổ sách, Tri Khách biên số, Trị Nhựt kiểm lại; liệu để lại một vài món tạ công khó người chăm sóc bệnh. Phàm y cụ, mùng mền v.v... có 4 góc nên để vào cửa thường trụ. Ngoài ra, đem viết số hiệu, số mấy, món gì... giá bao nhiêu chẳng hạn buộc vào trên món đồ chính, định giá đầy đủ chi tiết. Nếu là vị khác, phải bạch Trụ Trì biết. Duy Na bạch rằng:

Mây bay tan mà ảnh không còn

Đèn tắt lịm nên sáng tự mất

Lưu y làm biểu tượng để tin

Qui cách khéo liệt Tô phải gìn

Dùng pháp phá dứt sạch xan tham

Vâng mệnh trên làm gương quy phạm.

Hôm nay xưởng đấu giá dùng theo giá bất thường, ngưỡng mong đại chúng niệm Thanh Tịnh pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật. Nam Mô Tỳ Lô Giá Na Phật (108 hiệu) xong, hồi khánh chấm dứt.

Lại bạch rằng:

Hôm nay bạch đại chúng, đấu pháp y theo giá thường định; cũ mới, dài ngắn mời quý vị nên đấu theo món đồ giá biểu. Mỗi món có số ghi rõ, sau khi nghe tiếng khánh dứt là ngã giá không kéo lui lại nữa.

Bạch xong, Giám Viện cầm món đồ giơ lên đấu giá từng món một. Duy Na gõ dứt một hồi khánh, là món đó đấu xong. Thư Ký ghi số, món gì, thầu tiền. Tri Khách, Tri Nhựt đối chiếu lại, hoặc cùng lúc tiền và vật giao 2 món, phó Trụ Trì so lại đúng rồi nhận tiền. Tri Khách đưa đồ cho khách. Hoặc hẹn ngày tới kho lấy đồ và giao tiền. Phạm quần áo nên ủi thẳng nếp, định giá tiền; trường hợp Thầy viên tịch có để lại tiền bạc cũng ghi vào sổ lưu. Nếu tài chánh dồi dào, chia thành 3 phần: 1 phần lo việc tang lễ các thứ, kể cả hương đèn, hoa quả..., một phần cho vào quỹ Tam Bảo và một phần cúng dường công đức chư tăng dự tang lễ. Nếu người mất thanh đạm, nghèo, phải lấy quỹ Tam Bảo lo tang lễ. Các Thầy cũng phải thông cảm trường hợp này.

Đấu giá xong, niệm Phật, hồi hướng. Duy Na bạch rằng:

Trở lên công đức tụng Kinh, đấu giá, phụng vì kỳ nguyện Hòa Thượng tân viên tịch thượng A hạ B được thập phần viên mãn. Ngưỡng mong thập phương thường trụ chư Phật, Thánh hiền chứng minh tiếp độ giác linh cao đăng Phật quốc. Nam Mô A Di Đà Phật.

Chứng nghĩa ghi rằng: Việc đấu giá có thể vì thấy rõ đạo tâm của người mất. Đạo tâm mới quan trọng, của cải tự xem nhẹ; người xem của cải nặng, hẳn coi đạo tâm mỏng cạn, đó là điều hiển nhiên vậy. Ngu Am Chích Cổ ghi rằng: xưa có một vị tôn túc mà hàng hậu bối trong tông môn đều kính trọng. Vào cuối đời bị chỉ định trụ trì một ngôi tự viện; chính vì được Vua ban ân thưởng trọng hậu. Lúc lâm chung nhà vua rất tiếc thương ban cấp tiền lo lễ tang. Quần thần tâu, tiền của vị tăng quá giàu nên có sự tranh chấp làm cho trên không vui, Ngài liền ngủ trước khi mất. Ngài Ngu Am có bài tụng rằng:

Bạn không thấy trên núi Tuyết Sơn

Có đồng tử con vua Kim Luân (Phạm Vương)

Bỏ vương vị như bỏ giày rơm

Trong 6 năm sống giữa tuyết sương

Gần kiệt sức còn da bọc xương

Có gì là đời một đế vương!

Lại nữa, há không thấy Tổ Ca Diếp tu hạnh đầu đà ³³ ngày ăn một bữa, áo quần gai bố thô sơ đó sao!

Trăm vạn tòng lâm đoạt gấm hoa

Hai độ tôn sư được thủ khoa

Tôn túc thân giáo sư

Thuyết pháp phải như hà (sông)

Tôn túc của các gia

Trên giận y bát quá đà...

---o0o---

1.45 Đặt trí Bài Vị

Đến tuần thất 5 đem bài vị thờ chung vào Tổ đường. Tới tuần thất thứ 7 cúng tuần chung thất. Mỗi tuần cúng thất hoặc vị kế thừa hoặc đệ tử thọ giáo thiết lễ cúng hay chúng thường trụ cúng tiến. Lúc đặt bài vị nên cúng ngọ tại Tổ đường.

Chứng nghĩa ghi rằng: Kinh Phạm Võng quyển 39 phần giới khinh cho rằng: cha mẹ, anh em, Hòa Thượng, A Xà Lê gặp ngày chết, tuần thất thứ 3, 5, 7 cho đến tuần 49 ngày cũng nên giảng Kinh luật Đại Thừa, làm lễ truy tiến. Phật đã chỉ dạy đâu há quên sao? Chỉ nên làm sao thích hợp không tiêu phí quá mức mà làm hao tổn của Tam Bảo.

---o0o---

1.46 Tân Tạo Tượng Phật

Sách Tam Quy Chánh Phạm ghi: sau khi Phật diệt độ, dùng khắc, họa, nặn hình tượng Phật để lại cho đời. Đó là tượng Phật còn để lại, về sau vì trụ trì Phật bảo là chỗ dựa hợp lý với niềm tôn kính của ta; tượng ánh vàng sáng chói có thần sắc như sống động. Nếu bị hư hại phải tự tu bổ sửa lại, chỉ e chùa nghèo không thể quyên góp đủ tiền, hoặc có tín chủ phát tâm thành tu sửa cũng không có gì trở ngại. Mong rằng không phải là mệnh lệnh cưỡng

bức khiến người không vui, làm cả đôi bên đều chẳng có lợi gì. Lại như ngày nay nghe tăng đúc tượng Phật có hai tội:

Thứ nhất: Mượn có đúc tượng làm nhân duyên quyên góp của tín thí cho vào túi riêng là chánh phạm. Kinh Lăng Nghiêm quyển 3 nêu rõ lời dạy: Có tâm trộm là phạm lỗi lầm.

Thứ nhì: Đàn tín bỏ tiền đúc tượng Phật mà vẫn dùng của Tam Bảo cũng phạm tội. Kinh Niết Bàn có nêu rõ: ăn cắp vật của Phật mắc tội thuộc tội thứ hai này. Vì thế phải răn dè cái tệ hại trộm của Tam Bảo này vậy. Ngu tăng chỉ tham thấy lợi trước mắt chứ không sợ quả báo đau khổ về sau; bèn nói tăng là Phật tử. Y thực đều nhờ ánh quang Phật nhưng phóng ý làm dối tự cho là được, thật là đáng thương xót! Đến như tu tạo tuy không nhất nhất cho đầy đủ tướng hảo, nhưng cũng phải giống một phần lớn chẳng để đến độ bị nhầm lẫn. Nay tạo tượng Phật với tướng nhục kế³⁴, lông trắng giữa chận mày, chữ vạn ba tướng ấy hoàn toàn mất gốc tướng Phật. Căn cứ 32 tướng tốt của Phật, một tướng nhục kế phải ở ngay đánh có màu hồng nổi cao nên gọi là vô năng kiến đánh. Nay đa phần cho ra trước, lại chẳng nổi cao thật là sai lầm. Đến như 2 tướng bạch hào, tướng chữ vạn đều không thấy thợ tạo chi cả. Việc đúc tượng của Tây Tạng, chỉ có nhục kế là đúng pháp, còn chữ vạn làm cho có, đến như tướng bạch hào cũng lại không thấy. Ngoài ra, tượng Phật miền Tây lung nhỏ làm lệch hơn là đúng pháp; tượng các nước phía Đông lung thô không phải là tướng Phật. Đây chỉ là mới đề cập một vài nơi có liên quan tới đại thể (việc chung). Và lại, đề cập việc tu tạo như thế cho người sau có tạo tượng Phật cần nên lưu ý. Nội chỉ một tướng bạch hào thôi mà thợ nặn không biết tô lên một lớp nước châu xương (đỏ) nơi giữa 2 hàng lông mi cũng tạm được, vì xem đây là ngoại lệ. Tướng hảo phải thấy mà sức thợ có thể làm được. Vì thế trích dẫn kinh để hoàn bị điêu khắc đúng pháp gần giống như Phật thật. Phạm đúc tượng Phật quan trọng là trong ngày khai công, trước nên cúng nguyện, đọc sớ đầy đủ để cầu mọi sự tốt đẹp. Sớ rằng:

Từng chiêm ngắm thân sắc vàng tía của Phật là làm mô phạm cho toàn pháp giới. Hiện tướng bạch hào sáng soi rọi khắp cõi Diêm Phù Đề này cảm hóa lòng thành của sự ngưỡng phục, đặc biệt sắc vàng tử kim dùng cho tượng gỗ, tượng đất; chừng biết có 14 trời hạ giới. Thành tâm niệm... (xưng tên người niệm) không gặp đời tượng pháp, thương thân mắc tội báo sâu dày. Tượng nghĩ bóng từ dung, may nhờ thiện căn làm duyên khởi. Nay cung trụ tại chùa... tạo lập tượng bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, tượng tốt một pho, bên trái tôn giả Ca Diếp, bên phải Ngài A Nan, khiến cho người người

ngưỡng vọng để sanh tâm kính lễ, chón chón theo gương tạo phước điền lương hảo. Đặc biệt chọn giờ... ngày... tháng này, trước nghĩ tượng hồng ân; mong xin gia bị. Kể từ hôm nay lập mô hình bắt đầu cho tới ngày tượng hoàn thành viên mãn. Mọi việc rắc rối phức tạp không bị ảnh hưởng; mọi duyên hỗ trợ được thuận chiều; nhờ oai thần che chở, công tạo tượng được suôt thông. Đẹp tốt lạ thay nhờ kiệt xuất công phu của tay người thợ khéo không thể sánh ví. Sáng soi các biểu tượng uy nghi, y chánh báo viên thành; trăm ức cõi hàm mông gió hòa mưa thuận, nước thịnh dân an, tín thí gội nhuần ân, tòng lâm hưng thịnh, long thần hộ vệ đời - đạo mong nhờ. Lờì bày tỏ bên trên, ngưỡng mong Tam Bảo chứng minh gia hộ. Công trình khởi công tạo tượng Phật văn sớ.

Phật lịch 2550, ngày... tháng... năm... Trụ Trì Chí thành dâng sớ.

Nếu sửa tượng Phật cũ, đợi giờ cúng ngộ Phật xong, sau đó người thợ mới che tượng lại và sửa.

Chứng nghĩa ghi rằng: Hầu cạnh bên Phật người đời cho là A Nan, Ca Diếp là theo cách nhìn của thiên tông như Kinh, luật, luận đã đề cập. Người luôn theo hầu Phật thật ra là Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên chứ không phải Ngài Ca Diếp và A Nan. Căn cứ luận Tỳ Bà Sa quyển 135, Ưu Ba Cúc Đa tôn giả tự vì chưa từng thấy dung nghi Phật khiến ma vương hiện hình. Nhờ quán Phật tượng, ma phải phục; tức ma hóa hình làm Phật, bên phải là Xá Lợi Phất, bên trái Đại Mục Kiền Liên. Con ma này bèn thân tới gặp Phật, điều này đủ để trưng ra bằng chứng vậy. Nhưng theo thiên tông, người hầu Phật là Ca Diếp và A Nan tôn giả. Giảng giải người hầu Phật là Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên tôn giả, nhưng Luật tông suy luận phải là Ưu Bà Ly và Đại Ca Diếp tôn giả. Tùy theo các nhà lập phái chủ trương mà tạo tượng thích hợp. Theo lý cũng đúng thôi, vì pháp không nhất định vậy. Công đức tôn tạo Phật tượng như Kinh Pháp Hoa ghi rõ: nếu người nào vì Phật, tạo lập các hình tượng, điêu khắc các biểu tượng Phật đều sẽ thành Phật. Hoặc dùng 7 món báu tạo (hoặc), sắt gỗ và bùn đất, hoặc dùng vải sơn dầu vẽ tranh hình Phật v.v... những người như thế đều sẽ thành Phật đạo.

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Hiền Thủ ghi rằng: Phật lại phóng quang gọi là Hoan hỷ, ánh sáng làm cho hết thảy chúng sanh giác ngộ, khiến cho họ yêu quý Phật, Bồ Tát mà phát tâm Bồ Đề nguyện chứng đạo vô thượng. Tạo lập tượng Như Lai đại bi, các tướng tốt trang nghiêm ngồi trên tòa sen, luôn hoan hỷ đủ công đức cao đẹp, vì thế nên đạt được ánh quang minh này. Đây

đủ như các Kinh Lô Các chánh pháp, Kinh Cam Lộ cổ và Kinh Công Đức tạo tượng v.v... đều có nói thân Phật đủ 32 tướng tốt.

Kinh Phật thuyết bá phước Đại Thừa ghi rõ 32 tướng như:

1. Bàn chân bên dưới bằng phẳng,
2. Tay chân có màng thiên bức luân (như chân ngỗng),
3. Các ngón tay, ngón chân thon dài,
4. Tay chân đều mềm mại,
5. Gót chân đầy đặn,
6. Bàn tay, bàn chân ngón bao lớp màng mỏng,
7. Mu bàn chân cao bằng phẳng,
8. Bước dài như nai chúa,
9. Đứng thẳng cân đối, tay thả xuống quá gối,
10. Âm tàng ẩn kín,
11. Thân cao lớn như cây Ni Câu Đà,
12. Mỗi lỗ chân lông chỉ một lông mọc,
13. Trên lông ngã theo một chiều sắc xanh mềm mại rợp về bên phải,
14. Thân sắc vi diệu hơn cả vàng cỏi Diêm Phù,
15. Thân sáng tỏ một trượng ,
16. Da láng mịn trơn không dính bụi,
17. Hai vai tròn trịa,
18. Thân to lớn nghiêm oai,
19. Ngực như sư tử chúa,

20. Hai nách dưới đầy đặn,
21. Răng trắng lớn 2
2. Có 42 răng
23. Răng trắng khít đều mà chân sâu,
24. Bảy chỗ đầy đủ (thất khiếu),
25. Trán vuông như sư tử chúa,
26. Trong cổ được chất thượng vị (nước miếng thơm),
27. Lưỡi mềm nhuyễn có thể che tới mặt đến mí tóc,
28. Giọng trầm sâu như chim Ca Lãng Già,
29. Mắt như hoa Ưu Bát La,
30. Tròng mắt như râu chúa,
31. Giữa 2 hàng lông mày có sợi lông trắng màu như tuyết bạch,
32. Trên đầu có nhục kế (cục thịt mô lên như búi tóc).

Và lại có 80 vẻ đẹp tùy hình: bắt đầu từ nhục kế cao lộ lên tướng vô kiến dành cho đến tóc dài không rối, bên phải trở lại xanh cam. Ngoài ra 80 vẻ đẹp như Kinh tả rõ, ở đây không ghi ra hết, cộng lại gồm có 192 tướng. Nếu tạo hình tượng Phật do mục đích thủ lợi thì phạm tội như Kinh Lăng Nghiêm phần 3 quyết định khuyến giáo giới rõ ràng. Kinh ghi rằng: 6 đường chúng sanh mà có tâm không trộm cắp thì không theo dòng sanh tử. Tâm tham không trừ đọa trong sanh tử không có kỳ ra khỏi. Ta dạy các Thầy Tỳ Kheo đi tới các miền để khát thực làm cho mình bỏ tâm tham chúng đọa Bồ Đề. Nay các Tỳ Kheo: không nên ăn đồ chín mà tàn sát sanh mạng, qua lại 3 cõi chỉ một lần, đi rồi không trở lại nữa. Nếu bọn tặc mượn y phục ta giả dạng thì sao? Buôn thần bán Phật, tạo vô số nghiệp mà nói Phật pháp; phỉ báng xuất gia có đủ trong Tỳ Kheo, là hạng Tiểu Thừa. Do vậy vô số chúng sanh nghi ngờ đọa vào địa ngục vô gián (tra tấn liên tục không hề gián đoạn).

Tạo hình Phật để thủ lợi cũng phạm tội như Kinh Niết Bàn quyển sau phần trên ghi rằng: nếu sau Phật tịch diệt, kẻ thật tín tâm làm việc bố thí nên tạo

hình tượng Phật và y Phật, dùng 7 báu, phan lọng, nhang dầu, hoa quý để cúng dường Phật. Trừ cúng dường Phật, không được dùng việc khác, dùng vào việc khác ắt phạm tội trộm cắp đồ của Phật. Ôi, cúng dường Phật mà còn chẳng xử dụng vào việc khác, huống gì tiền bạc đúc tượng Phật, đâu có thể đem dùng vào việc khác sao? Nhân quả rõ ràng việc thặng trầm đọa lạc đều do đây mà chuốt lấy.

Tạo hình tượng Phật hoàn thành viên mãn nên chọn ngày khai quang. Đúng ngày khai quang, đốt hương đèn và các đồ cúng trang nghiêm, với 6 món đồ diêu cúng đều bày biện đầy đủ. Trước mời những người đúc tượng, điếm đèn quang minh. Chư tăng và trai chủ đánh lễ Tam Bảo, trai chủ quỳ dâng hương, đại chúng tán lư hương xong, Duy Na xướng lớn: Nam Mô Thích Ca Như Lai (đại chúng hòa theo) liên tọa giảng lâm. Các danh hiệu Phật, Bồ Tát khác cũng xướng như vậy. Đại Ca Diếp tôn giả, A Nan Đà tôn giả (đại chúng hòa theo), Bồ bật liên tọa chứng minh, xong chúng cùng tụng bài kệ:

Diện Phật sáng ngời như trăng sáng

Như mặt trời chiếu diêu thế gian

Sáng chiếu soi tỏ khắp mười phương

Hỷ xả từ bi đều sẵn sàng

Như ở hội này tạo Phật tòa

Hết thảy như thế trong trần gian

Phật thân không khứ cũng không lai

Bao nhiêu quốc độ thảy hiện ra.

Điểm chuông trống 1 hồi 3 tiếng, Duy Na đọc văn khai quang như sau:

Từng nghe rằng, mắt sáng rỡ thân vàng tía hiện thân 48 diêu tướng, lông trắng giữa chạn mày, tướng chữ vạn phóng ra trăm ức tia sáng, tin diêm lành ứng hiện ở ngay lúc này thật là mở đường vận thông. Lại nguyện: ... và chúng con, mong khát khao được giáo pháp Thế Tôn diêu dụng thanh tịnh. Ngưỡng mong đức đại từ khai ngộ nơi tượng báo ở kim thân quang tụ, đã trộn hòa đất vàng để hoàn thành bảo tượng. Hôm nay chọn được ngày tốt khai quang điểm nhãn. Lại nguyện Phật hiện tướng chân thật, phóng vô

lượng ánh quang uy nghi đài sen, làm nhân cho quần sanh đê đầu kính lễ .
Rực rỡ ánh sáng kim thân chỉ cho đệ tử chúng con cung chiêm lời dạy. Quy
y Phật dứt sạch 3 đường ác, vâng theo lời dạy mà siêu lên 9 phẩm sen vàng.

Nhất tâm chí thành phụng thỉnh; chúng hòa: hương hoa đặng phụng thỉnh.
Đệ tử ... (tên Trụ Trì) chúng con nhất tâm phụng thỉnh.

Nam Mô Ta Bà giáo chủ bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, trăm ngàn ức hóa
thân Thích Ca Mâu Ni Phật (những vị Phật, Bồ Tát khác tùy thay đổi). Mong
nguyện chẳng trái bốn thế, thương xót hữu tình phân thân hiện hình ở trên
đài sen. Thỉnh 3 lần xá 3 xá. Duy Na và sám chủ đều vận tâm thành thỉnh
Phật Thích Ca theo lời thỉnh mà đến, nghiêm nhiên đã ngồi trên đài bảo liên.
Trai chủ niệm hương, đại chúng đọc cúng bài kệ như sau:

Tròn đầy cõi pháp giới Phật thân

Hiện ra trước mắt mỗi chúng sanh

Tùy duyên ứng hiện khắp tướng không đồng

Nhưng luôn ngồi tòa Bồ Đề này.

Án chiên mộ già, Bát đầu ma, tôn nã lệ, đà la đà la nê, mạn nễ lệ hồng (3
lần).

Xong hồi trống 1 hồi 3 tiếng. Duy Na lại tuyên dương Đại Ca Diếp tôn giá,
văn khai quang như sau:

Từng nghe rằng, tánh linh trôi nổi nương gá, thiên thu nghĩ khó tròn huệ
mạng. Một phái diễn nói dối mạch người của Long Hoa, phụng vì Tây Thiên
Sơ Tổ Ca Diếp tôn giá; tại hội Linh Sơn ngộ tâm ấn niêm hoa trước tháp đa
tử; đón gió mát linh reo, làm tiêu biểu cho cổ kim truyền đặng, mở suối
nguồn truyền pháp khắp Đông Tây; y bát lưu lại đượm nhuần chốn nhơn
thiên ngưỡng phục. Lại nghĩ: chúng con (thay đổi) chìm đắm mê mờ nhiều
đời nhiều kiếp, chớ nên thấy từ nhan mà mỉm cười; vội yêu kính dung thánh.
Đặc biệt giống tôn tượng của Đại Âm Quang (Ca Diếp) kính chọn ngày lành
khai quang điểm nhãn. Lại nguyện: ánh sáng vàng kim rải khắp pháp giới
làm cho rực rỡ, tâm từ mở rộng ân che chở muôn loại quần sanh, khiến Tổ
đạo được quang huy làm cho chánh pháp trụ lâu dài. Duy Na thỉnh: một lòng
phụng thỉnh, đốt nhang thỉnh, đệ tử... (tên Trụ Trì), chúng hòa theo: một
lòng phụng thỉnh...

Nam Mô đầu đà đệ nhất, niêm hoa ngũ chỉ thiên tông Sơ Tổ Đại Ca Diếp tôn giả. Xin nguyện chưởng trái bồng thệ, thương xót hữu tình, phân thân hiện tướng vào ngôi liên tọa nơi đây.

Nam Mô thiên tông Sơ Tổ Ma Ha Ca Diếp đại tôn giả, mong nguyện Ngài theo Phật quang lâm đến đây thọ bửu tòa cúng dường này. Án chiên mộ già, Bát đầu ma, tôn nã lê, đà la đà la nê, mạn nồ lệ hồng.

Tiếp tục Duy Na đọc văn khai quang tượng Ngài A Nan.

Chứng nghĩa ghi rằng: tiếng Phạm là Đại Ca Diếp, Trung Hoa dịch là Đại Âm Quang. Trong số đệ tử Phật có thập lục Ca Diếp, Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp cùng họ nên phải thêm chữ Đại để phân biệt với các vị khác. Gọi Tất Bát La ,Tàu dịch là cây Bồ Đề, cha mẹ cầu thọ thần mà sanh Ngài nên theo cây đặt tên; người nước La Duyệt Kỳ thuộc thành Vương Xá. Cha là Ca Tỳ La mà đương thời xưng là đại phú trưởng giả. Ca Diếp nhân trong khi cùng với một người đàn bà nghèo khổ đồng tạo tượng Phật Tỳ Bà Thi cúng dường và họ thề cùng nhau thường làm vợ chồng. Thân sắc vàng thật lẩy thật, thân Ca Diếp có sắc vàng đủ 30 tướng. Người phụ nữ kia cũng được kết quả thân sắc vàng như vậy. Tuy là chồng vợ nhưng tỏ rõ không có oan trái, sau xuất gia được gặp Phật, nghe pháp liền đạt vô lậu (dứt hết phiền não), Ngài sống lâu đến 130 tuổi. Người phụ nữ kia cũng chứng 4 thánh quả. Ca Diếp tu hạnh khát thực, thực hành đầu đà cho tới lúc tuổi già không thôi bỏ. Phật dạy:

- Ông lúc về già các căn suy nhược có thể bỏ khát thực và nhận y cúng dường.

Ca Diếp đáp:

- Con phải suốt đời tu hạnh đầu đà

Phật bảo:

- Lành thay! Nếu Ca Diếp hành đầu đà mà thực hành suốt đời, pháp Ta hản trụ lâu dài. Nơi hội Pháp Hoa Phật thọ ký cho trong đời vị lai được thành Phật hiệu là Quang Minh Như Lai.

Đến hội thuyết Kinh Niết Bàn, Phật bảo các Tỳ Kheo rằng:

- Ta nay có chánh pháp vô thượng đem phú chúc cho Ca Diếp, vì các người làm đại y chỉ.

Sau khi Phật diệt độ, có cuộc kết tập tam tạng Kinh điển tại thành Vương Xá để hoàng dương chánh pháp, và đến 20 năm sau mới đem giáo pháp phó chúc cho A Nan. Ca Diếp nhận phó chúc tới núi Kê Túc (Trung Hoa) nhập định an trú, đợi Phật Di Lặc xuất thế; giao phó pháp y xong mới nhập diệt bằng nỗi hỏa thiêu thân.

Văn khai quang tượng A Nan như sau:

Từng nghe rằng: Ngài là Khánh Hỷ, xưa được di huấn Cửa Âm Kỳ Đồ, thân nghe pháp tạng, đón nhận phó chúc tại hội Linh Sơn, cung kính A Nan Đà tôn giả qua công lao kết tập, quán diệu nghĩa nơi thiên hoa. Ngài trí huệ đa văn, truyền một giọt nước khác đồ chứa, cảm tức duyên cân bình. Nhận tâm ấn nơi sư huynh Ca Diếp, lần theo giáo pháp, thích ngắm vóc thanh như bạc, khát ngưỡng dung nghi. Đặc biệt tôn tượng thiếp vàng hoàn tất, chọn lựa ngày lành khai quang điểm nhãn. Ngưỡng mong bậc Thánh sư đủ lòng cảm cách.

Lại nguyện: đèn huệ sáng soi bằng vô lượng ánh sáng của mặt trời mặt trăng; sữa pháp mênh mông như mạch nguồn của sông ngòi lưu chuyển. Cháu con không ngừng nghĩ, Tổ đạo vững trường tồn.

Hương hoa thỉnh, hương hoa thỉnh. Đại chúng hòa: nhứt tâm phụng thỉnh.

Nam Mô đa văn đệ nhất thị giả Phật, Tổ thứ nhì của Thiên tông, A Nan Đà tôn giả. Ngưỡng mong không trái bản thể, thương xót hữu tình phân thân hiện tướng đến ngự nơi liên tòa này. Ba lần thỉnh xong xá 3 xá. Duy Na niệm tưởng A Nan tôn giả theo lời thỉnh mà đến nghiêm nhiên ngồi trên tòa bảo liên. Đại chúng tụng kệ dâng hiến tòa:

Nam Mô Thiên tông đệ nhị Tổ, kết tập tam tạng A Nan tôn giả, mong Ngài theo Phật quang lâm thọ bửu toà cúng dường này.

Án chiên mộ già, bát đầu ma, tôn nã lê, đà la đà la nê, mạn nỏ lệ hồng (3 lần).

Chứng nghĩa ghi rằng: tiếng Phạn là A Nan Đà, Trung Hoa phiên âm là Khánh Hỷ. Vì sanh nhằm ngày Phật thành đạo khiến tâm Vua hoan hỷ, toàn quốc hân hoan nên đặt tên là Khánh Hỷ. Là em chú bác của Phật. Con Bạch

Phạm Vương, là em ruột Điều Đạt. A Nan mặt đầy đặn như trăng rằm, mắt như sen xanh, năm 8 tuổi xuất gia, 13 tuổi thị giả Phật, là đa văn số một. Nơi hội thuyết Kinh Pháp Hoa được Phật thọ ký cho A Nan trong đời vị lai thành Phật hiệu là Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai. Phật lại bảo chư Bồ Tát rằng: Ta cùng A Nan thời Phật Không Vương cùng lúc phát tâm Bồ Đề. A Nan thường ưa thích đa văn, còn Ta luôn tinh tấn, do đó Ta được chứng quả Bồ Đề, còn A Nan hộ trì pháp Ta, cũng hộ trì giáo pháp chư Phật trong tương lai nữa. Đến hội Niết Bàn, Phật khen ngợi A Nan có 8 công đức khó thể nghĩ bàn và những việc thù thắng khác. Lúc A Nan gặp nạn Ma Đăng Già, Phật sắc lệnh cho Văn Thù đem chú hàng ma đưa A Nan về với Tăng đoàn. Theo như Kinh Đại Bát Niết Bàn, sau khi Phật diệt độ, Ngài Đại Ca Diếp kết tập pháp tạng, đưa A Nan lên ngôi tòa sư tử trùng tuyên lại các Kinh. Ca Diếp lúc sắp nhập diệt đem pháp giao phó cho A Nan gìn giữ. A Nan đi khắp nơi giáo hóa 20 năm, thường đến ngoài thành Vương Xá nơi tinh xá Trúc Lâm, nghe các Tỳ Kheo tụng kệ rằng:

Nếu người sống trăm tuổi

Chẳng thấy nước mưa cạn

Không bằng sống một ngày

Mà được thấy nước tràn...

A Nan thương cảm nói rằng, đây không phải kệ của Phật nên nói, nên tiếp theo:

Nếu người sống trăm tuổi

Chẳng hiểu pháp sanh diệt

Không bằng sống một ngày

Mà hiểu được pháp này.

Có vị Tỳ Kheo hướng về các Sư thuyết, Sư nói: A Nan cô lỗ, nói không ai tin được. A Nan sau khi nghe Tỳ Kheo kia nói thế, do đọc bài kệ trước liền tự nghĩ: Nay các tỳ kheo không nhận lời dạy, tôi ở đời vô ích nên nhập Niết Bàn là hơn. A Nan liền đến cung Vua cáo biệt nhà Vua, từ giả Vua ra đi. Vua cho người đuổi theo tới sông Hằng, A Nan lên thuyền ra giữa dòng, họ cúi đầu bạch rằng: “Ba cõi cần đèn sáng mong Sư đừng nhập Niết Bàn”. Lúc

bấy giờ tại Tuyết Sơn có 500 tiên nhơn quán xem thấy A Nan muốn nhập Niết Bàn, liền phi không mà đến cầu xin xuất gia. A Nan dùng thần lực biến sông Hằng thành đất vàng, vì nhóm Mạt Điền Địa và các tiên nhơn mà thuyết pháp được chứng đạt quả A La Hán. Lúc ấy Mạt Điền Địa muốn nhập Niết Bàn trước, A Nan phó chúc rằng: “Phật thọ ký cho ông phải tới nước Kế Tân kiến lập Phật Pháp; nên xua tan ý định nhập diệt, chờ đủ thời gian hẳn nhập diệt.” A Nan phi thân lên hư không biến hóa 18 pháp thông đi như gió với Phần Tấn tam muội phân thân làm 4 phần: một phần cùng với Thích Đề Hoàn Nhân³⁵, một phần cùng với Bà Già Long Vương, một phần với Tỳ Xá Ly tử và một phần cùng Vua A Xà Thế. Bốn nơi tại mỗi nơi đều khởi sự xây tháp cúng dường xá lợi.

Duy Na bạch rằng:

Trở lên phụng thỉnh bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, nhị vị đại tôn giả Ca Diếp, A Nan. (Ngoài chư Phật, Bồ Tát khác tùy nghi thay đổi), dùng thiên nhãn xa thấy, thiên nhĩ nghe rõ, tha tâm ắt biết, thân thông suốt tự tại. Nhất niệm hay cảm hiện nhiên Thánh ứng, thay tụng mật ngôn bao dung thâm rộng. Phật Như Lai có chân ngôn phụng thỉnh ân cần nên trì tụng như sau:

Nam mô tam mãn đa mẫu đà nẫm. Ân ô tá bát la đế, hạ đa đế, tát phược đác đa nguyệt đa, cu xá mạo địa. Ân sa lý giả một lý, bố la ca dã tát ha.

Duy Na lặc linh tụng chậm rãi 3 lần, nghĩ tưởng một vị tôn giả, hai vị tôn giả ngồi trên liên tòa có ánh sáng giao thoa và bạch rằng: mong nhân bí mật sáng soi hào quang, trai chủ cùng đại chúng lạy 3 lạy. Tụng chú Kiết Tường an vị Thánh tượng.

Đánh lễ Thế Tôn không ai trên, Ca Diếp, A Nan dĩ lòng từ, con nay y giáo an Thánh vị. Nguyên đức Từ Bi xót thương nạp thọ, Ca Diếp Như Lai đủ đại bi, trong các điềm lành kiết tường tối cao thượng, xin Phật hằng đến nhập điện này, vì thế nơi đây rất an lành.

Câu Na Mâu Ni thấy rõ ràng, trong các điềm lành kiết tường tối cao thượng, Phật Ngài hằng đến nhập điện này, vì thế nơi đây rất an lành.

Ca La Cưu Đà như núi vàng, trong các điềm lành kiết tường tối cao thượng, Phật Ngài hằng đến nhập điện này, vì thế nơi đây rất an lành.

Tỳ Xá Phù Phật sạch ba cầu, trong các điềm lành kiết tường tối cao thượng, Phật Ngài hằng đến nhập điện này, vì thế nơi đây rất an lành.

Thi Khí Như Lai lìa phân biệt, trong các điềm lành kiết tường tối cao thượng, Phật Ngài hằng đến nhập điện này, vì thế nơi đây rất an lành.

Tỳ Bà Thi Phật như trăng rằm, trong các điềm lành kiết tường tối cao thượng, Phật Ngài hằng đến nhập điện này, vì thế nơi đây rất an lành.

Phát Sa Minh đạt đệ nhứt nghĩa, trong các điềm lành kiết tường tối cao thượng, Phật Ngài hằng đến nhập điện này, vì thế nơi đây rất an lành.

Đề Xá Như Lai luận vô ngại, trong các điềm lành kiết tường tối cao thượng, Phật Ngài hằng đến nhập điện này, vì thế nơi đây rất an lành.

Ba Đầu Ma Phật sạch vô cấu, trong các điềm lành kiết tường tối cao thượng, Phật Ngài hằng đến nhập điện này, vì thế nơi đây rất an lành.

Nhiên Đăng Như Lai quang minh rực rỡ, trong các điềm lành kiết tường tối cao thượng, Phật Ngài hằng đến nhập điện này, vì thế nơi đây rất an lành.

Tụng kệ xung tán 10 vị Phật xong, tiếp cúng ngọc. Xem nghi cúng Phật đầy đủ có nơi Thiên môn nhứt tụng nên ở đây không ghi hết.

Phần phụ: Đọc văn sớ như sau:

Từng nghe rằng: Phật ứng hiện thân tùy chúng sanh mà kết duyên hoan hỷ; diệu tướng đoan nghiêm hằng bất động mà thặng điện quang minh, lúc ấy có 14 trời hạ giới v.v...

Nhiếp niệm: tên... vào ngày... phát tâm thành tạo tượng Thích Ca Như Lai, Ca Diếp, A Nan, 3 bức Thánh tượng. (các tượng Phật, Bồ Tát khác tùy đó thay đổi). Nay vào ngày ... đã thành tựu, tuân thừa quy tắc của chư Thánh, không như lãng tâm đời thường phi ánh sáng bị che bởi cây đạo thọ, nghiêm nhiên thiên tọa tại Kỳ Viên cho người duyên phước quy y; hăm hở thẳng lướt mong lựa chọn giờ... ngày ... tháng này an vị tòa sen viên thành pháp tướng. (Nếu tụng kinh bái sám nên tiếp vào đây). Nguyện đem công đức này, cần xin hồi hướng.

Lại nguyện: bảo tọa phân thân, ứng cơ độ khắp quần sanh hiện tướng bạch hào rộng mở nhân duyên cõi pháp giới. Xin cúi đầu chấp tay cung kính gieo căn lành. Như tâm niệm miệng xưng đều gọi nhuần ân phước huệ, cầu chúc nước nhà ổn cố, đạo pháp hưng long, tông lâm yên tịnh; lớp lớp đệ tử hiền thánh tới lui, chúng tăng hòa hợp, luôn luôn xứng đáng là con của bậc long

tượng. Bên trên văn sớ cung thỉnh Tam Bảo chứng minh, tạo tượng viên mãn, sớ văn khai quang.

Đọc sớ xong, tụng Tiêu Tai Kiết Tường chú, đốt sớ, trai chủ châm trà, đánh lễ, tiếp đại chúng cùng đọc kệ chú này:

Án Sa ma la, sa ma la, di ma nã, tư cấp la ma, tư cấp la hồng (3 lần).

Nguyện ngày an lành, đêm an lành,

Ngày đêm 6 thời thường an lành,

Hết thảy các thời đều an lành,

Nguyện các thượng sư thương nhiếp thọ,

Nguyện ngày an lành, đêm an lành,

ngày đêm 6 thời thường an lành,

hết thảy các thời đều an lành,

nguyện chư Tam Bảo thường nhiếp thọ.

Nguyện ngày an lành, đêm an lành, ngày đêm 6 thời thường an lành, hết thảy các thời đều an lành, nguyện chư Hộ pháp thường ủng hộ.

Tiếp theo tụng Bát Nhã, sám văn, hồi hướng, phục nguyện, 3 tự quy y.

Ngoài ra, như tạo tượng Dược Sư, Di Đà, Văn Thù, Phổ Hiền v.v.. các thánh tượng khác lúc khởi công tạc tượng, khai quang, các nghi đều giống nhau, chỉ khéo đổi văn kệ mà thôi. Kinh Hoa Nghiêm 10 Phật kiết tường kệ, chỉ liên quan tới Phật mới dùng; lập điện Phật, lễ gác đôn đông, lễ khánh thành cũng có thể dùng được. Tới ngày lễ, niệm Phật Thích Ca hoặc Phật khác hay Bồ Tát tùy theo tượng tạo mà đối xứng cho thích hợp.

Chứng nghĩa ghi rằng: kệ kiết tường trích Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ 16, liên hệ đức Thế Tôn lần đầu tiên thăng lên đỉnh núi Tu Di, Vua trời Đế Thích trải tòa ngồi cho Phật và thỉnh Phật an tọa; xong liền tụng bài kệ 10 Phật Kiết Tường này. Nay lễ khai quang cũng tụng bài kệ đó để an vị tôn tượng Phật, vì tiêu biểu biểu tượng tượng Phật mới hoàn thành. Đức Phật lúc

giáng sanh cũng như thiên chủ thỉnh Phật an tọa, là biểu tượng việc an lành này, để dứt trừ những việc bất tường.

Lại căn cứ theo Kinh Hoa Nghiêm, Phật lên các cõi trời Dạ Ma, Đâu Suất, những vị thiên chủ ở đó thỉnh Phật vào tòa ngai, trước cũng tụng kệ thập Phật Kiết Tường này, huống gì người đời đâu há lơ là ư? Theo ý tôi (người chứng nghĩa), phàm tạo tượng Phật mới hoặc xây chánh điện nên in bài kệ 10 Phật Kiết Tường này nhiều bản để tại điện Phật, nhờ Kinh này nói để ngăn ngừa được người tin tà, do người đời tạo với ý như tin tử vi, giờ hoàng đạo...

---o0o---

1.47 Tu Sửa Kinh Điển

Sách Tam Quy chánh phạm ghi rằng: Kinh Lá Bối quyển vàng – ba tạng Thánh giáo – là Pháp bảo. Kinh điển đã là trụ trì pháp bảo, là chỗ nương tựa, chân lý nên phải kính tôn, khiến sửa sang tu bổ hoàn chỉnh theo thứ tự rõ ràng. Giả hoặc để lâu ngày đóng bít trong phòng kinh bị sâu mọt, trùng đục khoét hư hao hoặc trang chỉ sờ rớt, bộ pho hư hỏng mất mát v.v.. nên gấp lo tu bổ lại. Hoặc quyên góp của thí chủ sửa lại cũng được; nhưng không được dùng làm việc khác. Luận, Phật lấy pháp làm thầy, mà Tăng lại không trọng pháp hay sao?

Kinh Phạm Võng giới thứ 24 nói về việc không cúng dường kinh điển có ghi rằng: “Là Phật tử thường nên nhứt tâm thọ trì đọc tụng Kinh luật Đại Thừa”; thậm chí ghi rằng, “nếu không như pháp cúng dường, người ấy phạm khinh cấu tội.”

Vì thế ở tông lâm đặt tri tạng hai người chuyên trách lo việc này. Phạm hàm pho để ngay ngắn, sửa sang chỗ thiếu khuyết và những việc lấy sách ra nhập vào v.v.. đều là nhiệm vụ của Tri Tạng trông coi, nhưng tạng chủ phân chia 2 người chấp sự lo chăm sóc chu đáo. Phạm Kinh sách không được đem ra khỏi chùa là quy tắc ấn định chung. Mùa hạ, ít gió trời nắng ấm đem Kinh hong phơi, kiểm tra bộ số để trời mát dịu lại đem bỏ vào hàm cất. Tăng chúng trong chùa có mượn xem phải ghi sổ sách ngày... tháng.. năm.... Tên người mượn, tên cuốn kinh... hàm số... lúc hoàn lại mới xóa sổ. Nếu có ai báo cáo lều bằng nhiều cách muốn lấy sách đi, trước phải kiểm tra lấy lại. Người để mất sách bị phạt chép lại đèn bồi xong, tẩn xuất ra khỏi viện. Nếu mất lúc kiểm tra, Tri Tạng, Tạng chủ 2 người đều bị phạt chiếu theo sổ sách bồi thường. Nếu mượn riêng hay người ngoài vô cớ làm mất cũng phạt. Nếu

trả sách nên gấp tại phòng khách, nhà kho hay phòng tri tạng, nhất nhất nên kiểm tra lại rõ ràng. Giao công việc cho người mới đảm nhận nên phải trước chúng rõ ràng. Nếu có kính mới đặt vào chỗ phải cho thích hợp nơi có ánh sáng. Nếu để gần nắng gió thì dễ bị rách, còn đóng bít tối quá lại dễ bị hư mục... Giấy in mực đen, cho đến bìa sách, đóng gáy v.v... đều lấy sạch sẽ, bền chắc làm đẹp; tuyệt đối không nên tiếc của, uổng công làm lếu giống như khinh pháp vậy.

Chúng nghĩa ghi rằng: tu sửa bồi bổ kinh điển nên thể hiện với tâm tôn kính pháp bảo. Việc này hệ trọng liên quan tới huệ mạng Phật pháp, nên đây cũng là trọng trách của một ngôi chùa mà cần nhất là Trụ trì không tiếc chi tiền thời việc tu chỉnh mới dễ dàng. Người trực tiếp điều hành cũng là nhân tố quan trọng nên cần phải thận trọng. Ngay như ở tông lâm việc khắc in kinh lưu hành mà làm hưng long Phật pháp là quan trọng số một. Theo ngụ ý kinh điển khắc họa, biến chế in ấn càng nhiều càng được nhiều lợi ích; không giống sách vàng trực đở nguyên gốc, chẳng phải là kiệt tác lợi lạc nhiều người sau. Đây là việc chẳng mới mẻ gì như ngày nay người xuất gia, tại gia đều có đầy đủ kinh điển để đọc tụng.

Năm Gia Hưng chùa Lăng Nghiêm khắc in lại Đại Tạng Kinh mới lưu lại được bộ sách quý xưa. Nếu không có việc khắc in này Kinh sách hẳn thiếu sót rất nhiều. Sách tiếng Phạn vốn đã khó mua, lại bất tiện ngôn ngữ, đó há không phải là một khuyết điểm lớn của tăng tục hay sao? Cho nên Trụ Trì tông lâm phải có tâm hoàng pháp, nếu được vậy tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng mới sáng lạn. Từ đó có thể tùy cơ làm lợi cho người; giả như Trụ Trì nhiều việc không có thì giờ, nhưng tùy sức biết Kinh điển quan trọng mà in số nhiều, ấn tống rộng rãi, công đức vô lượng.

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Hiền Thủ ghi rằng: lại phóng quang gọi là pháp tự tại. Ánh quang này có thể làm tỉnh thức hết thủy chúng sanh khiến đạt vô tận Đà La Ni (Ấn chú); hẳn nên giữ gìn tất cả Phật pháp. Cung kính cúng dường người duy trì pháp, là cung cấp, hầu hạ, giữ gìn chư Thánh hiền, đem pháp ban cho chúng sanh, vì thế mà đạt được quang minh này. Ngoài ra, mỗi khi thấy tông lâm nơi nào Kinh tạng mà Trụ Trì bỏ bê chẳng quan tâm như không có phận sự xem xét để mưa dột, ẩm ướt, côn trùng, sâu mọt, chuột đục, dấn nhám v.v... phá hư không tu bổ, Trụ Trì như thế thời người chấp sự phải biết định liệu. Người lơ là với Kinh điển như thế phạm lỗi lầm có thể nói rất là nặng. Theo ngụ ý, phạm nơi nào có Kinh tạng nên cung thỉnh một hội đồng tăng dịch thuật làm cho Kinh điển được phiên dịch, ngày càng được nhiều người đọc tụng, tức là thường chuyển pháp luân, thật là một điều

thiện lành của tông lâm vậy. Lại còn làm lợi ích cho người học đạo nữa. Giá như một ngày nào ra công làm mới kinh điển là có thể kéo dài huệ mạng Phật pháp, đâu không đẹp thay! Đê sợ người đọc hữu danh vô thực, hoặc tư riêng mượn cớ để buôn bán đó; việc này Trụ Trì phải tức thì điều tra là hay nhất.

Ngu Am Chích Cổ ghi rằng, thiền sư Thê Hiền Thị, họ Cao, giữ giới luật nghiêm minh động thân không trái pháp. Vào lúc cuối đời Ngài xem Đại Tạng 3 lần, cho rằng ngài đọc không cung kính nên đứng tụng, lúc đi mang theo. Việc này Cổ Am có bài tụng rằng:

Pho bảo tạng chân xá lợi

Trải kiếp định huệ pháp thí sâu

Chập chờn xuôi ngược thuyền con

Ra khơi chẳng còn sợ gian nguy.

Không chỉ đứng tụng, đi tụng mà báo đền ân Phật được, nên biết hổ thẹn.

---o0o---

1.48 TẠO LẬP TẶNG XÁ (TẶNG PHƯỜNG)

Nói theo xưa của tự viện nên dùng từ “tặng phường”. Sách Tam Quy chánh phạm ghi rằng: “cạo đầu, nhuộm áo nghiêm gìn luật nghi; hoàng dương Phật đạo hành trì tặng bảo”. Nên công cuộc hoàng hóa phải nương chỗ nơi mà thành tựu; tặng phường chính là nơi đó vậy. Tiếng Phạn Tặng già, Trung Hoa dịch là hòa hợp chúng, chỉ 5 chúng xuất gia. Tiếng Phạn Già Lam, Trung Hoa dịch là chúng viên tức nơi tặng chúng cư trú. Nay nói tặng phường là gồm chung cả tiếng Hoa - Phạn để gọi vậy. Nhưng trong đó hàm ý là nơi phụng sự Phật pháp mà lấy tặng phường làm tên gọi. Điện Phật, nhà giảng không đứng riêng biệt xa cách với tự viện.

Kinh Phạm Võng, giới không tu phước huệ ghi rằng:

Nếu Phật tử thường phải giáo hóa hết thấy chúng sanh, tạo lập tặng phường, núi rừng, ruộng vườn, xây tháp Phật, an cư kiết hạ, kiết đông, nơi chốn tọa thiền, hết thấy những nơi hành đạo đều phải kiến tạo v.v...

Luận về việc tạo dựng đạo tràng, là đề cập tới phí tổn xây cất không thể thiếu được. Ở tông lâm có vị tri ốc (nhà cửa) chuyên lo việc xây dựng. Phạm các nơi xây nhà cửa vốn không có mà tạo dựng nên mới gọi là kiến tạo; đã có nhà mà hoặc bị nghiêng đổ, hư hoại nên trùng tu lại gọi là sửa sang. Phạm có sửa sang nên quyết định không thể do dự được, nếu có tính dứt khoát mới làm xong được việc. Vì lợi ích của đạo mà xuất gia chứ không phải vì tu chùa mà xuất gia. Việc tu tạo hoặc tín chủ tại gia phát tâm làm cũng được, hoặc người xuất gia đã dứt hết không còn oan trái đứng làm, nên biết hạ mình là việc cần thiết. Đây là thành phần thượng thặng lập chí xuất gia; nếu như chí không theo kịp, nhưng lập chùa là tạo được công đức. Tuy công đức về phần tánh chẳng có, nhưng phần tướng trang nghiêm cũng không thể thiếu. Phải biết không mê lầm nhân quả mà tin sâu tội phước, không làm hao tổn của Tam Bảo, như ếm nhem của tín thí hoặc không tranh đoạt lợi mà lại ham danh. Vì kiến tạo tông lâm là làm quang huy đạo pháp đưa lại mọi điều tốt đẹp. Sang đoạt, cưỡng lấy làm cho người mất tín tâm mà vẫn dung nạp, tông lâm chưa chắc đã hưng thịnh mà rốt cục rồi bị vô vàn sự oán trách đưa lại. Lòng người như thế nên rõ tâm Phật, giữ phận tăng khổ hạnh làm thiện mà vẫn chưa am tường luật học! Phải biết giới không riêng tư ai, nhưng cứ giương đông kích tây, nâng Giáp giúp Át, hoặc chuộng Tý bỏ Sửu v.v... ưa thích người này ghét bỏ người kia, là chiêu lấy ác báo. Nên có câu rằng: “thiên đường chưa đạt tới, địa ngục trước đã thành”. Đâu không sợ sao?

Lại có Trụ Trì tuy không quyên góp bên ngoài, nhưng trong tăng mượn danh kêu gọi riêng, nên ngoài chùa thông báo trên thư kêu gọi đề: bốn tự... tu tạo... công trình. Nội tự tận lực tạo dựng, mong đón nhận sự phát tâm cúng dường tùy hỷ của đàn việt, không có người nào ra ngoài quyên góp v.v...

Có 2 việc cần nên lưu ý:

- Một là miễn mượn danh nghĩa quyên góp mà tạo nghiệp phải tội đọa
- Hai là chưa ai phát hiện ra việc này càng thêm mách mung để liên lụy đến Tam Bảo không ít.

Chúng nghĩa ghi: Vân Thê Pháp vưng có nêu rằng, kiến tạo tông lâm vì chúng vốn là việc tốt. Nhưng phải biết sự biết lý rồi sau mới làm. Nếu không vậy, như gặp việc phiền toái liền bực chí, hoặc đả trước các duyên, thậm chí có người như suốt đời chưa đạt được ước vọng, có người đạt sở đắc nhưng tới giữa đường bỏ phé. Tuy lao tâm tận lực tạo dựng mọi việc vẫn canh cánh lo toan lại càng lao tâm nhọc trí, chính mình làm tổn hại không ít,

huống chi còn ra sức quyên góp của người u? Như lời tôi đứng thờ tượng Phật hư hoại ai lo xây dựng lại? Tăng chết đói dọc đường không được thức ăn, ai giúp đỡ họ?

Mọi người chỉ bàn sự mà để Tam Bảo hoang phế; đâu chẳng nghe ai tu huệ, tu phước chi; La Hán ứng cúng mông cạn vậy hay sao?

- Đáp rằng: không phải thế đâu. Chỉ nghĩ nhất thể Tam Bảo hoang phế thôi, còn thế gian Tam Bảo nữa chứ!

Từ khi Phật giáo du nhập vào Trung Quốc đến nay, việc đúc tượng, xây chùa, trai tăng v.v.. thời nào chấm dứt đâu; nơi nơi đều mong muốn, có sao lại lo lắng rồi đi kể lỗi vậy? Ngu Am Chích Cổ ghi rằng: thiền sư Diên Ân Pháp An đến viện Như Ý ở Quảng Sơn, nhà hư nên hỏng mà vẫn an trú được 10 năm; nhà lớn đổ nát hư hại, tâm ý chẳng hề chán nản, chỉ lo lợi vật, giúp người. Về già, Ngài ở nhà tranh, năm chiếu đất, tại Diên Ân, đột nát ánh sáng dội vào mà vẫn lấy đó làm vui, làm cho Duẩn phú hào động lòng cho làm chùa mới lại. Ngài Pháp An mỉm cười rằng: pháp đàn vốn để độ người, nay không người phát tâm mà cưỡng ép làm gọi là tạo nghiệp chứ không phải là làm Phật sự. Mỗi lần gọi người tới Ngài nói rằng: vạn sự tùy duyên là pháp an lạc.

Ngu Am ca tụng rằng:

Uy đó là huệ hành

Chẳng đến từ tâm thành

Lập đàn độ thúc nhanh

Khác nào vàng tô phết

Viện Như Ý tu hành

Vô tư tòng lâm thanh.

Lúc về già Ngài ở Diên Ân, chắn gió che mưa lấy cỏ lau làm vách, chỗ ở người quân tử đâu có hạn hẹp. Cửa làm bằng cỏ, then bằng dâu, vui an nhiên tự tại. Nhà đổ sụp, tối ở núp dưới góc cây. Sư già luôn ở nhà tranh, trông nhìn lại xem ta như thế nào?

Y cứ theo Pháp Vượng Chích Cổ có 2 điều người sau nên khéo lãnh hội ý này:

1- Pháp Vượng gọi người lập chí là người cầu học, việc học chưa xong, không thể vì đó mà tự bỏ học; chẳng phải là hoang phí của Tam Bảo thế gian, mà đặc biệt huệ mạng là trọng yếu.

2- Chích Cổ gọi người đại tu hành tự không chịu an ở nhà rộng lớn, chẳng cần Phật điện to mới nhận lãnh; cưỡng cầu quyên góp trái điều Phật dạy, nên không làm vậy.

Trụ Trì ngày nay không được như vậy, cũng chưa từng lập chí tham học, trọn ngày vì lợi dưỡng, chỉ lo cho mình no đủ an nhàn, không đoái hoài đến Phật điện có hư hao đổ nát cũng mặc; cố ngoảnh mặt làm ngo, lại còn cậy thế giả oai cưỡng cầu quyên góp; cũng có kẻ thật đáng thương xót !

Luận rằng, tự mình đã chẳng trang nghiêm nhất thể Tam Bảo ³⁶, quả có trang nghiêm thế gian Tam Bảo cũng chỉ vớt vát được phân nửa; lời pháp đơn sơ này chưa diễn được trọn hết ý. Dù mình ở lều tranh, nhưng Tam Bảo đương nhiên phải là nơi trang trọng, ý này Chích Cổ chưa nêu ra hết vậy.

Hết quyền năm.

---o0o---

Quyển sáu - Bách Trượng Hoài Hải biên soạn vào đời Đường tại Hồng Châu.

Tỳ Kheo Nghi Nhuận chứng nghĩa chùa Chân Tịch tại Hàng Châu.

Trụ Trì Diệu Vĩnh chùa Giới Châu duyệt lại tại Việt Thành vào Thanh.

Chương 6 - Hai Dây Đông Tây Lang

Thuật rằng, thành lập 2 dây nhà là vì chúng, nhân đó đưa ra đề cương làm đạo, chỉnh đốn tông phong, cho chí kho lẫm, mùa màng đều lo tu bổ sửa sang nên có quan hệ mật thiết nhau. Cho nên luận việc thế, xuất thế không thể không tập mà thành để được hữu dụng chung còn vậy. Thứ nữa, hoặc giữ được bản chất, làm hết khả năng không chấp, không yếu hèn nên tông lâm nhờ đó mà tốt đẹp. Nhà Đông Tây tuy xưa phân ra hai, nhưng chung làm việc không phân đây kia, không hiềm cao thấp. Xét lại đời nay đương nhiên

không còn hợp thời đại nữa. Vả lại không có trong ngoài, phân chia cao thấp, tùy thời hợp chỗ mà thích nghi. Sự tuy chẳng cũ mà lý không sai lầm, chí như lấy quyền xem công việc, kết bè đảng độc đoán cốt để huyênh hoang, đó cơ hồ chẳng xứng đáng, đâu chẳng sai lầm lắm sao!

Đây chủ yếu là do cẩn thận chọn người chịu làm việc. Thích hợp thời trung lời Phật Tổ dạy để răn dè, dung hòa các quy ước mà khéo điều hợp, ngõ hầu không bỏ phí của, người không bỏ việc, hoặc miệt mài trong việc tăng, hoặc tọa thiền, lo chuyên tu. Quy tắc lão Tổ không xa cách ngày nay vậy.

---o0o---

1.1 Ban Chức Sự

Ban Chức Sự điều hành công việc tông lâm, cũng như những công việc khác, phải có người trách nhiệm quán xuyên trông coi để thiền môn có quy củ, kỷ cương. Tuy có một số việc ngày nay không còn thích ứng, nhưng vẫn phải giữ nguyên như cũ, ví dụ gánh nước, bửa củi, tuần sơn... Vì đó là những phần vụ quan trọng nơi các tăng viện, cần đòi hỏi người có sức khỏe và trẻ trung mới chu toàn được.

(Ghi thêm của người dịch: gánh nước, bửa củi, giã gạo là 3 việc mà hầu hết ở các thiền môn xưa đều phải phân ban đảm trách lo cho đại chúng. Thế nhưng từ khi có điện nước, máy móc thay thế... mọi việc đã trở thành nhẹ nhàng đỡ phải ra sức lao động chân tay như trước nữa. Vào thập niên 1950 tại Việt-Nam, một số các chùa lớn ở miền quê, miệt núi vẫn còn xài đèn dầu, chụm củi đống trên núi, gánh nước bằng thùng thiếc hiệu con sò. Đó là chưa kể những ngôi chùa trên núi cao không có nước, phải xuống tận bên dưới đất liền lấy nước xài, là một việc không đơn giản. Muốn có gạo ăn phải xay lúa, giã gạo vát và mới có hạt cơm để ăn. Như vậy, mọi tiện nghi vật chất chỉ mới phổ biến trong vòng không đầy 100 năm trở lại đây).

---o0o---

1.2 Nhà Đông – Các Chức Vụ

1. Đô Giám
2. Giám Viện
3. Duy Na

4. Phó Trụ Trì
5. Quản Chúng
6. Tiếp Khách
7. Trì Sự
8. Duyệt Chúng
9. Trì Tuế
10. Trông coi phòng tắm
11. Trông coi lật vật
12. Thủ Quỹ
13. Y Bát
14. Y tế - Thuốc men
15. Thỉnh Khách
16. Thị Giả
17. Trông coi phòng xá
18. Trông về sửa chữa
19. Trông coi bồn sơn
20. Ruộng vườn
21. Trì Khố (nhà kho)

Phần Điều Hành

- Hóa chủ (phụ trách khóa tu, an cư kiết hạ...)

-Thâu nhận vật phẩm cúng dường

- Hóa phạn (lo việc hóa duyên gạo thóc cho đại chúng)
- Trông coi xem xét xuất nhập kho chứa của chùa
- Trách nhiệm lo về gạo, nước...
- Lo việc than củi
- Khuân vác vật dụng
- Lo việc trà nước
- Phụ trách dọn cơm chúng
- Trông coi cửa ngõ
- Đầu bếp – 2 bữa cơm
- Chuyên trách nước
- Lo về rau cải
- Lo việc củi lửa
- Nhà trù (nhà bếp)
- Hương Đăng
- Tuần quanh núi (đi tuần chúng ban đêm)
- Chuyên lo bữa củi
- Nhắc chúng cạo tóc
- Coi về viên cảnh
- Hướng dẫn khách - biết tùy nghi.

---o0o---

1.3 Nhà Tây – Các Chức Vụ

1. Thủ tọa

2. Tây đường
3. Nhà sau
4. Đường chủ
5. Thư Ký
6. Tri tạng
7. Tạng chủ
8. Tham thiền
9. Hậu Tổ
10. Đốt nhang
11. Ghi chép
12. Hậu Thánh tăng.

Phân Điều Hành

- Điện chủ
- Liêu nguyên (phân phối chỗ ở, mền mùng)
- Phân phiên thỉnh chuông (2 thời sáng tối)
- Phụ trách trống (chuông trống Bát Nhã, tán tụng)
- Lo về ấn loát (sách kinh, báo, bản tin...)
- Tuần ban đêm (canh chúng giờ giấc ngủ nghỉ)
- Thanh chúng (giữ oai nghi trong chúng)
- Hương đăng lo việc hương đèn các nơi thờ tự
- Vận thủy – cung cấp nước xài hàng ngày

- Tháp chủ (Phật tháp, Viện tháp, tháp Tổ sư...)
- Người già (kỳ cựu khỏi phải lao tác trong chùa)
- Yên ở thanh nhàn - Tịnh nhơn (người giúp việc ở chùa)
- Xem bịnh (y tế)
- Quét dọn (quyết tước phòng xá, sân vườn)
- Hành giả
- Trông coi (đất chùa cho tá điền canh tác có người trông coi).

Tăng trị (trực nhật): chức vụ này không ở trong 2 dãy Đông-Tây nên phải đề riêng rẽ ở một khoản. Ngày... tháng... năm... Trụ Trì... sao lục.

Chứng nghĩa ghi rằng: Thanh Quy cổ, Phật pháp là trọng nên trước là nhà Tây, sau là nhà Đông. Tòng lâm ngày nay cứ theo sự mà làm, nên trước nhà Đông mà sau nhà Tây, là tên gọi ban chức sự 2 dãy đông – tây lang. Đây chỉ nói đại khái mà thôi, mỗi dãy nhà thêm bớt trước sau tùy nghi chứ không câu nệ cổ; cũng như ban chức sự được niêm yết tại trai đường, mỗi ban lãnh phần hành dùng một cuốn sổ nhỏ, tên người phụ trách rồi dán lên. Ngoài ra ở phòng khách, dùng một bảng lớn chiếu theo như trai đường mà viết đủ chi tiết hơn. Viết từ trong đến bìa theo hàng ngang, trên đề: Ban chức sự, dưới ghi rõ các chức vụ và người phụ trách chữ đứng, dòng bên phải viết đề mục, dòng cuối cùng bên trái đề ngày tháng năm, Trụ Trì... Bởi vì, chúng ở tòng lâm khó biết hết được từng người, như có việc mới đề ra, khó kiểm soát hết, một khi thấy rõ phần hành nhân sự, vì thế chấp hành dễ dàng làm việc, trước hết ở bản này nêu rõ các phần vụ khiến mỗi chúng hiểu rõ không để có sự lầm lẫn. Ngoài ra, theo qui định ở thiền đường, giảng đường đều có ban chức sự, đây không đưa vô, vì không có trong nguyên bản, chẳng dám trái vậy. Lại, phàm sung vào ban chức sự, không luận trình độ cao thấp mà phải là người nhiệt thành tận tâm biết lo cho Tam Bảo, không vì nhân ngã, vinh nhục mà sanh tâm phân biệt. Ví như vì quên tình nghi bỏ qua hẳn phạm Thánh vắng lặng; bữa củi, gánh nước v.v...hết thầy là thiền cơ, chấp lao phục dịch (làm việc lao tác) đều là diệu dụng. Mỗi một vị đứng đầu hiểu rõ thiền định, các pháp thông tỏ là viên dung duy thức. Do vậy, trí hiểu biết, hạnh nguyện không kém khuyết. Hai dãy Đông-Tây chia ra thành 10 liêu như mục lục ở trước.

---o0o---

1.4 Nhà Tây

Thủ Tòa: Nếu nhà Tây gọi là Thủ lãnh tiêu biểu tông lâm phụ tá Trụ Trì phân phiên thuyết pháp, khai thị đàn em lớp sau. Lãnh chúng ngồi thiền, giữ gìn qui củ, lo cơm cháo thiếu đủ, nhắc nhở các ban làm việc. Có tăng sinh nào làm mất nghi cách, chiếu Nội Quy xử phạt. Người già bệnh qua đời, lo lễ lược, chôn thiêu... Phạm làm việc chúng phải được công cử, như áo có bầu, như lưới có móc vậy. Tuy các bậc tôn túc ở phương xa, Trụ Trì đều nên lấy lễ tiếp xử, vui trong phận sự để làm hài lòng người lớn tuổi. Như Ngài Văn Thù làm Thầy của 7 vị Phật, cũng như trợ giúp Phật Thích Ca giáo hóa, vì chúng làm Thượng Thủ (lãnh đạo). Cho nên Ban Chúc Sự phải chọn lựa kỹ người mà giao phó để chúng phục tùng. Phải là người có đức và hạnh tu đảm trách công việc mới trôi chảy.

Tại giảng đường là việc của vị Đô Giám. Vai trò thứ nhì của nhà Tây là Thủ Tòa, người phải có tài đức mới xứng hợp lãnh đạo. Song dù ở cương vị lãnh đạo cũng đều là huynh đệ đồng học nên cần trọng, khiêm nhường, hòa nhã; không nên ngã mạn, công cao để chúng chê trách.

Những công việc chính tại giảng đường, hậu đường do Thủ tọa đứng đầu nhà trên trông coi, còn đây là hậu đường (nhà sau) nên nói vị đầu của ban sau là vậy. Để tán thán tông phong làm mô phạm chúng chẳng phải công việc thường trụ Tam Bảo mà theo qui tắc là phương trượng đó.

Đường chủ: Công việc là trông coi các dãy nhà (nội tự) trong vai trò đơn đốc, kiêm luôn công việc lo cho người bệnh. Song vì là chủ của một tăng viện cũng phải có tài đức kiêm toàn, từ bi vì chúng mới là quan trọng. Cho đến thiền đường, Đường chủ kiêm luôn việc phụ trách khai thị đại chúng nên cũng liên quan rất nhiều tới ban thủ.

Chúng nghĩa ghi rằng: trở lên tông lâm có 4 chấp sự, chia phân thành 4 trưởng ban, nhưng vai trò quan trọng nhất là Thủ Tòa. Bởi Trụ Trì công việc nhiều không có tâm phân biệt đối xử, nếu có là có người chuyên quyền. Khai thị răn nhắc, có biện pháp ngăn dè để không cô lập người tới học, là đều do vai trò Thủ tọa. Xưa có Linh Thọ Chi ở với Vân Môn phải đợi trải qua nhiều năm mới được cử làm vai trò này, há không thận trọng hay sao? Nếu các

chức vụ nhà Tây chưa có người trách nhiệm, nên để trống, trừ những chức vụ khác khuyết phải bổ túc, làm cho ngọn đèn Tổ được lưu truyền mãi mãi.

Thư Ký viết các văn bản, nhất là nét chữ phải rõ ràng, không viết thảo khó đọc, nghiên cứu kinh điển căn bản đạo Nho, đạo Phật tinh thông mới có thể thích hợp trong vai trò này.

Chúng nghĩa ghi rằng: Cổ nhân chỉ vì việc lớn là thoát ly sanh tử. Khi rảnh nhàn lấy văn tự làm thú tiêu khiển điều hành công việc; sau việc vui nhàn để khai mở nhãn quan cho những người sau; không chuyên dùng từ văn vẽ là công vậy. Nhưng gần đây trong tầng giới hầu như muốn dùng văn hoa như là sở trường, đến nỗi hoặc lưu lại nét bút thần tình, gợi hứng nơi cầm kỳ (đàn và cờ tướng) thi họa gọi là thú tao nhã; nhưng toàn quên hẳn tịnh tu, việc sanh tử đến nhanh không đợi một ai.

Chích Cổ ghi rằng: Bạch Trưởng Lão núi Nga Mi làm cả nghìn bài tụng cổ để ép Tuyết Bảo sơn chủ Đại Hòa, nhổ nước bọt vào mặt nói: “con quạ đen này thôi lắm nên bay đi kéo mùi hôi dính tới người ta, huông chi còn muốn hơn người ư?” Ngu Am có bài tụng rằng:

Vì tăng tăng say men văn tự

Tham thiền thiền tại tụng thiên thủ

Từng hiểu văn không nằm trên giấy

Cùng luận đạo đạo chẳng khai thông.

Ông không thấy Đại Tạng có tới nghìn quyển, pho sách dày 2 giá, văn chương tuyệt kỹ như vậy sao? Đạo sáng là cái tinh tế, cái thấy của Không Tử về tuyết trắng uống một giọt sáng cười lên không có gì là Hữu, Thượng Tọa Tú giống mọi rợ miền Tây Nam. Một bên không biết làm lưng, một bên ít văn tự, y pháp ai truyền không mất? Tuyết Bảo trầm, ta nghìn, tiếng mèo rừng kêu, sư tử rống, ôi! Là thư ký phải nên biết đó, từ trưởng lão trở xuống đều phải biết đó.

Tri Tạng tinh thông kiến thức, tạng chủ trông coi về đại tạng kinh cũng thuộc phần vụ, nên hợp lực bảo vệ kinh tạng. Phạm kinh để theo pho hàm, tu bổ trang thiếu rách, cho đến việc cho sách vô lấy ra v.v...đều do Tri Tạng trông coi tổng quát; còn Tạng Chủ phân công việc. Tạng chủ giữ Kinh, giữ khóa tử Kinh, phạm sách Kinh không cho mượn mang ra ngoài mà chỉ giới

hạn trong sơn môn. Ngày trời hạ nắng tốt đem Kinh ra phơi, lúc thu cất vào hàm phải kiểm tra số thứ tự, không nên để số rớt mất thứ tự. Người mượn xem phải ghi vô sổ, ngày tháng năm, tên người mượn, mượn Kinh gì, hàm số mấy. Khi trả kinh lại mới xóa sổ. Nếu người mượn tạm và do việc riêng cần đi xa, trước kiểm tra lấy lại; làm mất kinh bắt đền bồi hoặc cho ra khỏi chùa. Phạm giao trả cho ban quản lý nên tại phòng khách, nhà kho hay tại phòng Tri Tạng. Mỗi mỗi kiểm điểm lại rõ ràng, giữa chúng bàn giao qua người mới; người làm thiếu phải chịu trách nhiệm bồi thường (Niêm yết tại thiền đường).

Chúng nghĩa ghi rằng: pháp là một trong Tam Bảo mà Phật lấy pháp làm Thầy, thì pháp quan trọng đứng đầu. Hai vị chuyên trách Đại Tạng (pháp bảo) nên trân trọng cẩn thận.

Duy Na, dẫn chúng thủ chuông ngắt nhịp, dứt đoạn Kinh. Việc nội tự do một người trông coi, hai thời công phu, đôn đốc lãnh chúng giờ giấc thuyết pháp, thủ hiệu lệnh và hết thầy các việc hồi hướng, phục nguyện... lấy âm thanh làm Phật sự mà trách nhiệm này rất quan trọng. Phạm trong viện làm mất oai nghi tuân theo nội qui xử phạt, không được dung dưỡng, nên phải huấn luyện người chánh trực nhận vai trò này. Như Trụ Trì có phạm cũng phải không một chút tư vị (riêng tư). Nếu có trình thưa Hòa Thượng phải chấp tay, quỳ gối ngay ngắn tỏ bày.

Duyệt Chúng thủ mõ, cùng Duy Na thay nhau làm việc tùy theo số người. Nếu đông là 2, 3, 4 người. Trường hợp Duy Na vắng mặt, Duyệt Chúng thay thế. Mỗi tuần lễ 7 ngày luân phiên nhau phụ trách 2 thời khóa tụng; ngoài ra những lễ quan trọng khác lập thành 2 phó ban để bổ sung với số đông người. Rằm, Mồng Một thu nhận đồ vật cúng, dạy người mới tham thiền, chỉ cách lễ v.v... Mọi việc Phật sự tụng niệm phân công rõ ràng. Người rành lễ nghi phép tắc có thể nắm giữ vai trò này.

Tham Đầu (tham câu thoại đầu), người đứng đầu thiền đường trông coi việc tham thiền, tham học kẻ hậu học. Là người chủ trì quán sát xét nghiệm công phu, khai thị kẻ hậu học, giúp đỡ tham thiền, chẳng phải việc thừa. Việc thiền đường bắt đầu từ Thủ Tọa đến Tham Đầu là ngừng; cần phải chọn nói câu thoại đầu nào đầy đủ không vượt trình độ người nghe. Thủ Tọa ở nhà Tây đều không được thuyết (thoại đầu). Tây đường, hậu đường trở xuống không được thuyết, cho chí Duyệt Chúng trong lúc tham thiền cũng không thuyết thoại đầu.

Chúng nghĩa ghi rằng: y cứ sách phiên dịch danh từ, Duy Na là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là thứ tự, có nghĩa là biết việc tăng theo thứ tự. Sách Tam Bảo cảm ứng lục ghi rằng: thời Lưu Tống niên hiệu Thái Thủy có Ngài Thích Huệ Quả chùa Ngõa Nghi tại Dương Châu, lúc trẻ tụng Kinh Pháp Hoa và Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Địa, bỗng nhiên thấy có một con quỷ xuất hiện chỗ nhà xí, Ngài thành kính nói rằng:

- Người trước kia trong tăng làm Duy Na không đúng như pháp bị đọa địa ngục, nay sanh làm quỷ thích ăn phần nhà xí.
- Pháp sư vì lòng từ bi xin mong cứu giúp hộ. Trước tôi có 3000 quan tiền chôn dưới cây thị, mong Ngài lấy lên làm phước.

Ngài Huệ Quả bảo chúng đào lên quả nhiên thấy tiền, rồi cho tụng Kinh Pháp Hoa, thiết lập hội thí. Đêm mộng thấy con quỷ hiện ra nói: “Đã được thoát khỏi khổ báo xưa” rồi biến mất.

Ngoài ra, như chư tăng tụng Lương Hoàng Sám đều nghiệm thấy có báo rõ ràng. Người phụ trách vai trò này phải xét cẩn thận. Ngoài các phần vụ khác nêu rõ ở đây cần phải biết.

Thanh Chúng gồm trong ngoài, mà bên trong là giữ oai nghi, ngoài nhà gọn sạch, hết thầy chiếu theo nội quy, áp dụng tùy chúng bàn công việc sao cho thích hợp.

Chúng nghĩa ghi rằng: Đại bộ thành Phật, làm Tổ đều do từ nơi Thanh Quy thiên môn mà ra. Xưa qui định các công việc trong ngoài, không chỉ một việc tham cứu. Nay tuy không hiếm người nhưng chỉ nhận người phát tâm, tu tập đạo giác ở chùa. Tọa hương, an cư, giải hạ, các công việc chùa không một mảy may phiền toái mà chỉ muốn mọi người làm xong phận sự. Ôi! Đây là trường chọn người làm Phật, làm chúng thanh tịnh phải như thế nào để có sự phấn khởi chứ? Nếu dựa nơi chùa viện làm chỗ lánh việc đời quả thật là đáng tiếc; thậm chí kẻ ẩn nấp an nhàn không chịu bị ràng buộc (không theo nội quy) cũng thật đáng thương xót! Song Ban Thủ chúng kinh nghiệm phải tùy nghi thường chỉ chỗ mê không được quá nhiều làm động chúng; cũng chớ nên gượng ép nhận công việc để làm hại sơ tâm. Phần nhiều tụng Kinh sám để giữ vững chánh niệm, nếu công phu ngưng trệ lâu ngày là không thành. Đến như đồ dùng bên ngoài nhà, phẩm của Tam Bảo nên bảo vệ, không được đòi đòi, dẫu cất chỗ khuất, có cất dẫu phải bạch trước cho chúng biết.

Thiền Đường Hương Đăng: Đốt nhang, cúng nước, mời đèn, tắt đèn, tan lớp học, lúc đại chúng lên chánh điện, quét tước, lau bàn, thầy quản lý lo hành lý, 2 bữa cháo cơm quá đường; nửa tháng đến kho lấy hương đèn, dầu, giấy. 5 ngày nhận giày rơm, nồi nấu cơm; kỳ thất chung trái, tham phóng, tập họp trên chánh điện, yết bảng... Những việc khác chiếu theo nội quy chúng. Coi về nước mỗi ngày sáng sớm: nước nóng rửa mặt, nước súc miệng, súc bình, nước dùng. Nên quét tước trước sau trên các thềm bậc và vắn vòi nước nhỏ để rửa mặt v.v.. không phí phạm nước. Trong chùa có việc cùng nhau giúp sức. Đốt đèn tham phóng, điếm tâm, thâu cất đồ dùng mọi việc v.v... Lúc rảnh, cắt cảnh dương, thỉnh thoảng dọn dẹp liêu chúng. Buổi sáng, trưa, cúng xuất sanh ở trai đường, chiều cúng thí thực nơi chánh điện. Ngoài những việc trên, chiếu Nội quy trong chúng thi hành.

Trở lên là những việc của liêu thứ nhất, thứ nhì là tịnh nghiệp đường. Xem chương đại chúng ở sau – ban chức sự giống thiền đường.

Chúng nghĩa ghi rằng: hương đăng, coi nhang đèn, nhưng chuyên trách là người của ban chức sự thiền đường. Nếu biết quán xuyên hết mọi việc lớn, chúng lý rất tiện làm việc chúng mà thực tế không có chỗ nào bị gượng ép cả. Song người làm việc này phải biết lo nước, đốt nhang, tận lực gia tâm. Quét bụi, rửa lau, sáng sạch mát mẻ để dứt trừ tâm duyên hẳn dứt cảnh, nơi động mà đạt được; tịnh thẳng là công phu.

Hầu Tổ kiêm ảnh đường lo hương đăng: Hầu phụng Tổ nên làm ảnh đường luôn thường quét dọn. Các việc cúng ngọ, vào bếp kho lấy đồ thức ăn; rằm, mồng một lấy hương đèn, dầu; sáng tối đốt đèn rọi đường. Cúng tháp Tổ khai sơn, hầu Tổ quỳ dâng các thứ: trà, quả, dưa, rau, đồ điếm tâm, nước sôi, cơm, trà xanh... những vật đặt cúng trước tháp, hầu Tổ châm trà. Phàm cúng giỗ chư Tổ, bạch trước với Phương Trượng có cúng ngọ. Cúng giỗ liệt Tổ niêm dán nơi liêu chính; hề quên sót, lầm lộn ngày kỵ Tổ không thưa trình bị phạt. Người lãnh đạo trông liêu, Trụ Trì thuyết pháp v.v... như tiểu tham tại chánh điện. Nhịp 3 hồi khánh, đốt 3 nén nhang, Trụ Trì niệm hương, trải tọa cụ, lễ 3 lạy; thẳng tòa thuyết pháp, đại chúng lên điện cúng ngọ. Cúng giỗ, quét tháp, tiểu tham các việc nên chuẩn bị trước: lư nhang, đồ cúng, 2 tay bung nâng cao đi trước Trụ Trì.

Chúng nghĩa ghi rằng: người xưa gần thiện tri thức phần nhiều ở hậu liêu, vì trưởng lão bình thường tiếp xúc người với lời thích nghi nên ở sát bên cạnh không rời để tùy nghi cắt đặt việc làm. Xưa Nam Tuyền sắp xếp tới ngày thết trai đãi Mã Tổ.

- Hỏi: Mã Tổ đến có không?
- Động Sơn đáp: đợi có bạn liền đến.

Thị giả Vân Cư cầm đèn tới thấy bóng trên tường. Ông tăng hỏi

- 2 hình giống nhau là như thế nào?
- Vân Cư đáp: một cái là bóng cái kia là hình.

Nay đang hầu Tổ, đây có phủ nhận tánh lạnh lợi chăng?

Quy Sơn hầu Bách Trọng, có lần Bách Trọng bảo:

- Con lại lò bươi xem có lửa không?
- Bạch, không có lửa, Quy Sơn đáp.

Bách Trọng bươi sâu được chút lửa, đưa lên hỏi:

- Chứ cái gì đây?

Quy Sơn liền ngộ.

Nay trong lúc đột nhang có nên nhanh nhẹn đáp phủ nhận chăng?

Ký Lục lo việc bên trong (nội tự), thư ký lo việc ngoài (hành chánh). Phàm có các việc như tiêu tham, lên chánh điện, vào thiền đường v.v...viết bản thông báo niêm yết ngoài cửa sơn môn. Mời Phương Trọng thuyết pháp, viết câu pháp ngữ (lời dạy ngắn gọn ý nghĩa) dán lên bảng. Ban này lấy giấy bút ghi lại bài pháp; mỗi việc đều do ban lo. Cho nên lời ngữ lục (lời dạy) của trưởng lão Hoà Thượng phần nhiều đều do tay Ban Thủ ghi. Chức vụ này nên cân nhắc kỹ, mời người đảm trách, vì rất là quan trọng.

Chúng nghĩa ghi rằng: ở tông lâm tiếng văn hay chữ tốt do người đứng đầu là Ký Lục, vị này phải nhanh nhẹn, khiêm hạ, có phẩm hạnh. Sách Vân Khê Sùng Hành Lục ghi rằng: vào đời Đường có thiền sư Lỗ Chánh ở chùa Chí Tương núi Chung Nam, tu trong động 28 năm không tiếp xúc việc đời. Đệ tử là Trí Hiện vâng lời Thầy trước thuật gương tu mô phạm, tọa thiền tư duy. Trí Hiện cầm giấy đứng hầu bên, Thầy nói ra câu gì theo đó viết lại, đứng suốt ngày không ngồi. Một hôm bị đau nhức nên sanh buồn phiền, bất chợt ngã lăn ra đất. Sư Lỗ Chánh bèn nói:

Người xưa nhón gót (đứng chân hồng lên) 7 ngày được. Nay Ông mới đứng chưa lâu đã ngã quy, tâm yếu đuối thể!

Ôi, cô nhân quên mình vì pháp, cung cách như thế, là vai trò của Ký Lục, ta há không được vậy sao?

Y Bát: Phận sự Giám Viện lo việc ngoài, trong lo y bát, đảm trách việc Tam Bảo cho trang nghiêm. Các đồ pháp khí, vật dụng trông coi cử người lớn tuổi, tâm phải chín chắn, gặp việc biết ứng phó ngay, ngỏ hầu giữ trên dưới điều hòa trôi chảy. Cho nên người bộp chộp hay câu chấp không thể dùng được.

Liều phòng quy định 7 điều nên ghi nhớ kỹ lưỡng như sau:

1. Đồ pháp khí trang nghiêm nên lấy ra, cất vào phải nhẹ tay cẩn thận
2. Tiền bạc thu chi theo sổ sách mỗi tháng kiểm toán 2 lần
3. Trái cây, thực phẩm nên quý tiếc cất giữ cho tinh khiết
4. Trụ Trì đi xa, mọi việc trong ngoài phải để ý lưu tâm tới
5. Khách đến muốn gặp Phương Trượng, cần biết tên và hỏi việc gì; đã có Tri Khách giải quyết và Giám Viện quyết định
6. Tiếp đồng liêu và hành giả phải đàng hoàng nghiêm chỉnh, không được nói cười đùa giỡn thô tháo
7. Vật dụng ở phòng khách xử dụng hay cất phải có chỗ thích hợp không để tổn thất, hư hao.

Ngày... tháng... năm... Phương Trượng ấn ký.

Chúng nghĩa ghi rằng: y bát là người tâm phúc của kẻ xuất gia, đi đâu phải mang theo bên mình (y pháp bất ly thân), vật nâng thay vai trò nặng nề của Trụ Trì. Vì uy tín Trụ Trì nên tiền của tổn thất (hao hụt) hoàn toàn do vai trò này (Giám Viện) không thể không cẩn thận.

Sách Chích Cổ ghi rằng: thầy Thạch Song Cung đạo hạnh sáng ngời, đặc biệt có tài, nương theo học Thiên Đồng Hoàng Trí lâu ngày, làm nhiều việc

quan trọng rất cẩn thận, lịch lãm; không chịu ra ứng thí. Khi về nhà (làng) mẹ hỏi:

- Ông là người chủ sự, đâu không hiểu rõ nhân quả mà sắp chôn tôi xuống đất vậy?

Cung nói:

- Con đối với của Tam Bảo một sợi tóc cũng không khinh thường.

Không đáng suy nghĩ sao? Ôi! Lãnh phần trách nhiệm này một sợi tóc không khinh thường, đây quả không hổ vậy.

Thuốc thang là bên trong lo về thang dược, bên ngoài thuộc phần điển tào; hợp thời cung cấp đúng mực. Hai bên ứng tiếp lo liệu an ủi khuyến khích hành giả. Chức vụ này nên giao người cần kiệm đảm trách mới thích hợp.

Thị giả nghĩa là theo hầu có chung và riêng. Thị giả chung từ việc đốt nhang đến hầu các bậc thánh tăng tôn túc làm hết phận sự; còn riêng là hầu thầy Phương Trọng Trụ Trì để khi cần giúp đỡ. Mỗi ngày hầu Phương Trọng tại liêu, phòng giảng pháp, điện Phật, thay nhang, thay nước, lau bàn, quét dọn hết thầy sạch sẽ, rồi đứng hầu Thầy. Nước tắm, châm trà, giặt giũ quần áo, thay giày, sớm tối thăm hỏi, hầu lúc đi khi về, làm mọi công việc lao nhọc, trước hết phải tỏ lòng hoan hỷ vâng phục. Khách đến châm trà, cúng xuất sanh lúc thọ trai; hữu sự tới phòng khách làm việc. Thị giả như người con hiếu thờ cha mẹ mới phải phép. Công việc này không nên giao cho người quá trẻ mà phải là người trưởng thành có ý tứ mới chu toàn được.

Chứng nghĩa ghi rằng: xưa nay hầu hết những vị thầy lớn tuổi đều có người hầu; trước hết phải ở bên cạnh thay thầy làm việc khó nhọc, nhẫn nhục làm việc mới có thể đạt được pháp vô đắc. Điều này có nghĩa là trọng pháp mà xem nhẹ bản thân, từ ngàn xưa đã vậy. Nơi luật tạng và Sa Di yếu lược có ghi đầy đủ rõ ràng. Ngoài ra, sách Vân Thê Sùng Hành Lục ghi rằng, vào đời Đường Chiêu Hiền Thông một thời làm chức lục cung; nhân đến gặp Ô Sào thiền sư xin xuất gia học đạo. Ô Sào không chấp thuận, ông kiên nhẫn xin mãi mới cho xuống tóc; rồi làm thị giả hầu cạnh chuyên cần không rời thầy, trải qua 16 năm không được khai thị muốn bỏ đi. Ô Sào hỏi tại sao?

Trả lời:

- Đi tìm các nơi khác cầu học Phật Pháp.

Ô Sào nói:

- Phật Pháp ở đây cũng đâu phải thiếu.

Liên lấy ngón tay nâng tấm vải lông lên thổi. Hiền Thông bỗng nhiên đại ngộ, do đó hiệu là thị giả bố mao. Ngài Liên Trì nói: “Người ta chỉ thấy thị giả qua tấm vải lông liền đạt ngộ mà không biết qua 16 năm nhẫn nại với bao nhiêu chịu đựng lao khổ, há chẳng nói lên được sự ân cần lắm sao? Nếu nay gặp được minh sư là điều may mắn không thể tâm dao động mà đón nhận được.”

Hầu Thánh Tăng: trải giường, quét tước, dọn dẹp tòa ngồi, dâng trà, lau bụi, kéo màn, bung cơm, hầu nước, đả thất, đáp ứng mọi việc, có mặt túc trực chờ có việc cần. Buổi quá đường lo cúng xuất sanh, dọn rửa sau khi Thầy dùng xong.

Trở lên bên trên là phần việc trưởng liêu có 8 mục, có đầy đủ như bảng niêm yết ở Thiền đường.

Chúng nghĩa ghi rằng, Thánh Tăng tức là trong Thiền đường nơi tôn trí tượng các bậc Thánh Tăng. Thiền đường xưa gọi là tăng đường, do chúng tăng cùng ở chung một nhà. Trong tăng đường có chỗ tôn trí A Nhã Kiều Trần Như đại thánh tăng. Việc hầu bậc thánh tăng, như ở thiền đường lo hương đèn cúng dường thánh tăng. Phòng, chỗ ở trụ trì kiêm việc trà nước, hương đèn v.v... nên gọi là hầu thánh tăng. Xưa nay thiền đường phần nhiều thờ Phật nên tượng thánh tăng đương nhiên không có. Nay đổi tên tăng đường là thiền đường, nhưng nghĩa 2 chữ thánh tăng không làm sai ý nghĩa.

Trở lên hầu liêu có 8 việc nên tuân thủ quy tắc: Không được ở trước Trụ Trì kể lỗi người, không được cùng người đồng phòng cười giỡn, không được biếng nhác lãnh nặng tìm nhẹ. Ba việc này cần phải giữ gìn.

Chích Cổ ghi rằng: riêng Phong Ấn ở với Tuyết Bảo có một thầy nhỏ tô lỗi của vị lãnh chúng. Ngài Phong Ấn nghe được quở trách hỏi rằng:

- Ông là sư tiểu có tâm bao dung - trên dưới thì được, ngược lại bươi móc lỗi người mà ở bên hẳn làm hư việc của Ta.

Bèn dùng gậy đánh cho; người đời nghe thế lấy làm thán phục.

Văn Hoằng Trí ở với thiền sư Thuần làm thị giả; trong tăng dùng lời bốn cột mia mai; Trí bắt chợt cười lớn. Sư Thuần đi ngang qua nghe được đến tối gạn hỏi, Trí nói “lỡ nói lời thô với chư tăng”; bị cấm không được cười lớn. Sư Thuần nghiêm khắc quở trách.

Lại nữa, thị giả Chân Như Triết tập ngồi thiền, cảm thấy khó khăn, lấy cây tròn làm đồ kê ngủ say làm rớt gậy tiếng động, biết rồi đứng dậy ngồi ngay ngắn lại như cũ. Vì do dụng tâm quá sức. Triết nói: “đối với tôi, phần tuệ trí còn mỏng cạn, nếu không chuyên cần gắng sức e bị vọng (mê) nhiễm làm mê mờ, huống gì mộng chẳng thật mà an ổn lâu dài”.

Ôi, đó là phần Tây đường bên trên xong. Hành giả tịnh nhơn, đây là 3 việc nên cẩn thận theo gương người xưa, 2 phần phụ Chương Trụ Trì trước.

---o0o---

1.5 Nhà Đông

Đô Giám cũng gọi là Đô tự, từ này thời xưa không có; về sau do tông lâm đông người nhiều việc nên mới đặt thêm chức đó. Trên là giúp Trụ Trì, dưới là phụ tá Giám viện, tuy công việc không vất vả cực nhọc như Giám viện, nhưng đại bộ là phải trông coi tổng quát, vì thế cũng gọi tên khác là tổng lý. Nơi Phật điện đứng cuối phía đông, quỳ kế Duy Na bên tay trái; đi sau Giám viện; tại trai đường ngồi trên Giám viện. Ở chúng thường trụ trên 10 năm đã lao cho Giám viện mới được cử sung phần vụ này; đó cũng như thưởng công lao an ủi, ngang hàng với Thủ tọa lo việc bên ngoài.

Chúng nghĩa xem phần sau:

Giám viện là quản nhiệm khu nhà Đông như cánh tay mặt của Trụ Trì làm những việc tổng quát như vun bón ruộng vườn (bồi dưỡng nhân tài), thu hoa lợi, nộp thuế, thu chi tiền gạo, tính toán sổ sách, lo việc cơm cháo hết còn cho chúng, tiếp đãi thí chủ...hết thấy đó đều là công việc của Đô giám vậy.

Nhưng phạm công việc gì hẳn phải nhóm họp, thưa vị Trụ Trì thỏa thuận ý kiến trước mới làm. Không được tự ý quyết định, khuyến khích người làm công tác, không tự tung tự tác ra oai, sắp xếp kho lẫm, công tác ắt phải công bình. Không theo vậy cánh riêng, nói chung hẳn phải có đủ 5 đức mới có thể đảm trách chức vụ này:

1- Từ bi ban bố cho đại chúng

- 2- Công bằng trong công việc hoàn toàn không thiên vị
- 3- Chăm thận việc lớn việc nhỏ không màng
- 4- Nỗ lực làm việc không chuộng an nhàn
- 5- Nhạy bén làm việc không để lại khó khăn cho người khác.

Như thế Giám Viện là người được cậy nhờ vả; trái lại là tổn hại cần phải biết. Vai trò của vị này như sau: nơi chánh điện đứng ở cuối phía Tây, và quỳ sau Trụ Trì như Phó Trụ tức là Phó Trụ Trì, nhưng công việc làm ngang với Giám Viện.

Đô Giám công việc cùng chia sẻ với Giám Viện cùng làm; bao nhiêu việc chi li phức tạp Giám Viện không làm hết, nên xử lý quán xuyên thay Phó Trụ làm. Cửa cái, gạo thóc thu chi tùy nghi ghi chép, thu nhập chi dụng mỗi ngày giao qua Trì Khố. Việc thu chi hoàn toàn kiểm soát trình báo cho Phương Trượng, chi mỗi ngày, 10 ngày báo cáo một lần là tuần nhật, mỗi tháng kết toán một lần, cuối năm báo cáo tổng kết, hoặc mỗi tháng 2 lần vào ngày 14 hay 30 họp tại phòng khách với 2 dãy Đông-Tây có một phần kết toán cho biết đủ thiếu chi thu gọi là kiểm sổ sách chung; sao cho Phương Trượng, Trì Khố mỗi người 1 bản.

Tri sự cũng gọi là tri lương chính là lo về tư lương (thực phẩm) vào ra quan phủ, kiêm cả việc trông coi đất đai, sơn môn hạn giới các việc v.v... Mỗi năm chi thu lúa thóc phải lo nộp thuế, không để kẻ thu thuế vào chùa, là việc quan trọng hàng đầu. Hoàn tất giấy tờ giao Trụ Trì cất giữ mà không tự giữ riêng.

Chúng nghĩa ghi rằng: 4 việc như trên là những việc quan trọng, nhân quả thật rõ ràng không thể không cẩn thận. Sách Thiên Tông Bí Yếu ghi: tông Thiên Thai trước đây có Đai Đắc thiền sư ở chùa Quốc Thanh chấn trâu; chur tăng ở chùa thuyết giới, Thập Đắc cõi trâu đến trước tăng đường vỗ tay cười lớn nói rằng:

- “Người đông đặc nhóm lại.” Thủ Tọa kêu trách rằng:
- Này người điên, tại sao lại làm náo động chỗ tụng giới?

Thập Đắc nói:

- Ta không nuôi trâu, bầy trâu này đa số là của tăng chấp sự chùa này.

Chư tăng mỗi người đều la lên mà quên rằng mình là tăng. Bầy trâu nghe tiếng bỏ chạy làm cho ai nấy sợ rồi lên, và họ nghĩ muốn sửa đổi lỗi lầm. Ôi, há đó không phải tấm gương sao!

Chích Cô ghi rằng: Xưa có sư Bảo Thọ ở chùa Ngũ Tổ làm chức Tri Khố. Thầy Trụ Trì khuyên ông: “Gặp ai bịnh uống thuốc, cần phải có gừng sống”. Có người vào kho lấy, Bảo la quát dạy phải biết điều, rồi sai lấy tiền trả lại, Bảo Thọ làm thỉnh nhận. Sau có Động Sơn Thiết nhân việc này đặt giới; nêu ra chỗ hiểu biết và răn nhắc rằng: “mua gừng sống mà được đi sang Hán, Thọ ở nơi Động Sơn”; nên có câu truyền lại muôn đời: “Bảo Thọ sanh gừng cay” còn truyền tụng trong nhân gian như sau:

Vật nấu nướng nhà kho

Tiền, vật của bếp núc

Trà, rau, quả các mục

Thậm chí dùng làm thuốc

Mọi thứ đều tùy thuộc

Cửa chùa dùng cẩn mật

Kho lẫm khóa nghiêm ngặt

Là người giữ đúng luật.

Chứng nghĩa ghi: Sơn am tạp lục cho rằng: Hôn Nguyên ở với Tử Trạch làm Tri Khố, tinh cần làm việc ở nhà trừ giữ đúng qui tắc không phạm một tơ hào. Nhưng do sợ có lỗi nên viết lên tường nơi liêu phòng rằng:

Giọt nước, hạt gạo toàn thuộc chúng tăng

Vui việc với người, lý hăng khó phá

Phải biết mang lông đội sừng nợ trả

Năm tháng rộng dài, rõ ràng nhân quả

Ai người biết rõ nên suy nghĩ qua...

Thủ Khố (thủ kho) chuyên lo việc chi xuất, kiểm kê hết thủy đồ ăn uống của chùa bao hàm việc kho lẫm, cho tới trách nhiệm lao công. Phải là người cẩn trọng ý tứ mới giữ chức vụ này.

Chúng nghĩa ghi rằng: công việc này chỉ đề cập sơ lược. Ở đây nên xem một quyển khác để bổ túc đầy đủ hơn. Dầu, đèn các thứ nhất loạt không nên phí phạm, rau cải, thức ăn đại chúng tươi khô có khác nhau. Y cứ theo người xưa, nêu lên để lấy đó làm chuẩn. Hết thủy mọi việc phát dầu cũng đều phải theo qui định. Ở thiền đường giày cỏ (rơm) 5 ngày phát một đôi, giày đi thường 3 ngày một lần; rằm, mồng một phát đèn dầu các phòng, trà, hương vòng, giày cỏ v.v...tùy theo nhu cầu mà phát. Phàm khi cúng thức ăn, hoa quả phải chọn đủ 5 màu; trừ trai đường, tháp Tổ dùng thêm nước nóng, chùi lau, có thức ăn chay phát cho trú phòng dưới viện. Trong nhà trú, việc giúp làm thức ăn tùy theo người quản lý cần và tất cả mọi đồ dùng đều là người chí công vô tư, mới được đề cử giữ phần hành này.

Mễ đầu (trông nom gạo thóc): gạo về nhiều quá số lượng trong kho sàng sảy hạt lép không có thì giờ xem xét, đừng để meo mốc mục nát. Công việc này lấy công lao, tâm thanh khiết làm chính. Thóc mùa xuân tốt thơm thu được đừng trộn lộn lúa tạp cứng vào làm cho cơm khó ăn. Ngoài ra, 5 loại ngũ cốc và những đồ dùng đều phải hong phơi đúng cách, đậy che không làm hư hại quá đáng. Khách dùng cơm hay mì theo nhu cầu mà cung cấp.

Chúng nghĩa ghi rằng: trước kia các công tác trong ngoài vốn không có lớn nhỏ. Lục Tổ (Huệ Năng) giả gạo mà đắc pháp. Đừng cho việc ngoại vi mà khinh thường, nên phải sung vào phần vụ này; cũng như chớ tự ti mà lượng sức mình để đóng góp.

Thán đầu kiêm lư đầu (lo việc than củi, lò đốt củi): chuẩn bị củi than để dự phòng mùa lạnh. Hoặc hỏi vị Hóa chủ hay bỏ tiền mua sắm sao cho đủ dùng, cũng đừng lãng phí. Việc này kiêm luôn trông coi lò đốt, cần chú ý đèn đuốc, củi lửa. (ngày nay đã có điện, việc dùng củi, than không còn cần thiết nữa. Lời người dịch chú).

Chúng nghĩa ghi rằng: người kiêm luôn quản lý lò đốt, che chắn chung quanh lò đốt công cộng. Bóng quang âm dễ qua mau nên mỗi người tự lo tu tập, không nên đọc sách ngoại giáo và những sách thiếu đứng đắn. Không được sấy hơ giày dép và mô hôi cáu bẩn trong lửa. Không được đánh (hui)

lửa bay tro, không được đứng lâu gây động phải nên tiến tới trước. Kẻ vi phạm đưa ra cáo bạch trước chúng xử phạt.

Phòng ấn loát: quản lý in ấn kinh sách, các văn ngữ lục v.v... thường phải xem xét kỹ không để hư mục, rách nát; không để người khắc ấn chữ ký riêng. Để bản in một chỗ phải cho thích hợp sáng tối; để gần gió, ánh nắng dễ bị hư sách, nơi thiếu ánh sáng dễ hư mục. In ấn dùng giấy trắng mực đen cho chỉ bìa sách, gáy sách v.v... đều chuộng sự chắc bền, sạch đẹp làm chuẩn. Không được đòi hỏi tiền bạc giá cả các thứ, không nên tự ý tăng hoặc giảm. Phải dùng sổ sách cập nhật ghi chép rõ ràng hoặc chiếu theo quý, hay theo năm, giao trình thầy Trụ Trì kiểm toán. Đây là công việc có liên hệ tới Pháp bảo lưu thông nên mỗi người phát tâm tận lực làm việc. Nhân quả không mất nên cẩn thận mà học hỏi đó.

Chứng nghĩa ghi rằng: phòng ấn loát quản lý việc in ấn hẳn phải nhìn xa thấy rộng điếm lợi, phải biết sách nào chánh sách nào tà. Nhân gần đây đa phần ưa thích đám si tăng, lạc dẫn lời dạy của Phật, Tổ rơi vào cố chấp tà kiến. Tự cho mình là đúng biên ra ngữ lục; quyết đoán dạy tín đồ in ấn, cơ hồ không biết tà chánh, phải trái, thật hư. Một cuốn Kinh in phân phát như thế làm cho nhiều người lầm không ít. Sách Sơn Am tạp lục ghi rằng: Thiên Giang Thiệu, Trúc Chi Viên, Hưu Am Dịch, cả 3 người đều là ngu tăng, trong vùng ai cũng biết, hoàn toàn không có chánh kiến, họ tự dối in khắc ngữ lục. Ngoài ra như Huy Tạng chủ đem Kinh Kim Cang phân tích mỗi phần đoạn, dối làm các bài tụng cho khắc bản lưu truyền. Lúc bấy giờ có Thứ Trung Uẩn ở Đồng Cốc, Huy tới vặn hỏi Uẩn, Uẩn hỏi lại Huy:

- Kinh này lấy gì làm tông?

Y liền ngơ ngác không hiểu. Đây chẳng phải kinh thường, mượn danh là gì? Đời nay chư vị danh đức tôn túc, những người hộ pháp tri thức (học giả) gặp những sách lục như thế, cần phải tố giác để ngăn chặn bớt. Vạn nhất chớ cậy tình uốn cong lời tức là vượt bậc vậy. Nên suy nghĩ kỹ Kinh Đại Bát Nhã ghi: quả báo phải thọ ở ngục A Tỳ. Cho chí 5 bộ sách tà giáo từ lâu đã tuân lệnh nghiêm cấm. Tự mình không dám nhận sách tạp hay có tiếp tục ra sách, chớ màu mè dựa lời Phật, Tổ mà xen lộn tạp nhạp lời sai lầm của tà giáo như luyện đơn, xuất thần các loại. Hoặc đem Tâm Kinh, Kim Cang v.v... chú giải sai lệch bỏ lửng, rồi in ấn lưu truyền đều là cái nạn tài liệu sai trái, cần phải ngăn chặn triệt đứt. Luận về hộ trì chánh pháp là để đứt mọi hậu họa về sau.

Phụ trách kho lẫm: Kho chứa ngoài những đồ đạc mua sắm ra, còn phải khuân vác củi, gạo, tre, gỗ v.v...vào, hẳn phải minh bạch việc thu nhập, hết còn để theo đó bổ túc thêm. Phòng kho có nhiều việc, lúc rảnh rỗi cùng nhau tiếp tay phụ lực dọn dẹp cho mọi việc được tươm tất gọn gàng và cũng tiện lợi dễ dàng.

Chúng nghĩa ghi rằng: cần nên bổ túc thêm: nếu người vác đồ nhiều, một người lãnh chúng đứng ghi trông coi mọi việc theo dõi, y lúc ra đi thì nặng vai, về thời tay không. Lãnh chúng nếu thiếu sự coi sóc để mất đồ, qui ra thành tiền phạt đền bồi. Hễ ai lạm dụng tiền lộ phí mà điều tra ra là phải bồi thường.

Phần phụ: đồ dùng của Tam Bảo thu, chi có qui định ghi chung thành 18 điều ở sau:

Quý tiếc của Tam Bảo như giữ tròn con mắt vậy, thấy nhiều chớ làm hao tổn mà tận dụng vào việc công một cách vô tư. Của tín thí trơn như dầu mỡ nuốt khó trôi, tham nhiễm lâu thành biển nghiệp; nhân quả tòng lâm quán kỹ tức là cội phước. Lời minh ghi rằng: vật thuộc của chiêu đề (thường trụ) một tơ tóc cũng không phạm, giữ mình phải kính ắt hẳn sợ kiêng. Nước trong đầm lắng trong như cán thẳng không cong không vạy còn phiên lo gì nữa; như một ao nước lóng sạch trời rông tới soi bóng để sửa sai lỗi lầm.

Giám viện là người chúng tin cậy nên phải có lòng quảng đại để duy trì tông lâm. Canh cải những việc lỗi thời, cần làm mới để đem lại lợi ích. Không thể lếu láo qua ngày chỉ có hư danh. Như nếu làm trái phép, chúng khuyên không theo phạt, cho ra khỏi viện.

Làm việc chúng đều có người giúp phụ. Giám viện trông coi việc gì? Trông coi xem xét tổng quát mọi việc, luôn luôn phải xem để ý việc, đi tuần hành từng nơi từng chỗ, chớ nên sai lầm việc chúng. Nếu chúng có việc gì làm đều phải thưa cho thầy Giám viện biết. Người nào tự ý làm bị phạt. Người làm lỗi cho ra khỏi viện. Như Giám viện tự chuyên không họp bàn với 2 chúng Đông Tây đường, việc nhẹ thì phạt; nặng phạt tẩn xuất.

Phó Trụ Trì trông coi tài sản thu chi của Tam Bảo, ghi chép rõ ràng; ghi thiếu sót: phạt; sổ sách thiếu phân minh: xử phạt. Phạm ruộng, vườn của sơn môn cho chí huê lợi, tiền bạc phải thông báo cho 2 chúng cùng biết để xem xét duyệt ký khi dùng, cũng như mở đóng giữa chúng; như tự ý mở sổ xem riêng bị phạt.

Tri Khố: quản lý các vật dụng thuộc phận sự của người nào? Đó là viên Tri Khố, bốn phận đã quá rõ ràng. Khi Tri Khố thôi việc cũng giống như Giám Viện, y cứ như trên mỗi mỗi điểm phải ghi rõ. Người nào phạm bị phạt. Nếu vật mất, hư hao ghi vào sổ để mua thế; nếu lỡ quên ghi là phải bồi thường; có thể thường tiền nhưng mua lại món đồ nguyên không gian dối. Ai làm trái là bị phạt.

Khố Đầu - Tri Khố - quản lý các việc trong ngoài nhận vào, chi ra, cái nên cho nhưng không cho là phạt; món không nên cho mà tự ý cho: phạt gấp đôi.

- Cấp phát hương đèn, dầu gạo, rau quả v.v...không chiếu theo qui định mà tự ý thêm bớt bị phạt.

- Mua bán thu nhập trong sự mờ ám cốt thu lợi là phạt bồi thường hay cho ra khỏi viện.

- Gạo, thóc v.v...cho đến kiểm kê thu nhập minh bạch ghi ngay vô sổ để theo dõi. Việc này có liên hệ tới huệ mạng của đại chúng; lấy không hứa xuất trả lại, và các việc khác như sửa sang, mua sắm và bán thóc. Như vi phạm, đại chúng công khai đuổi.

- Hết thầy của cái nếu lấy của công tiêu việc riêng và tự ý mượn, đổi xấu lấy tốt một cách thiếu minh bạch phạt đền bồi.

- Ăn uống dẫu chúng hay tự ý phí phạm nhiều đèn dầu các thứ v.v.. bị phạt.

- Ăn uống v.v...không đúng thời điểm qui định. Nếu lấy thức ăn nấu chín, đồ nuôi bệnh, -vật cúng chúng đều bị phạt, làm hư hoại phải đền bồi.

- Vật của tăng để quên, không được dùng lầm. Mua đồ cho bệnh nhơn, ắt phải đưa, dù ít nhiều cũng từ của công. Người nào vi phạm bị phạt.

- Mỗi chỗ nên có đồ dùng như các loại hương đèn v.v... lúc dư đem cất, khi cần không đưa ra bị phạt.

- Phạm phạt qui ra tiền bạc đều đưa vào dùng việc công; miễn công việc liên quan nhau; nhưng đưa vào dùng lẫn lộn là phạt.

- Giám sát thực phẩm, sáng tạo những đồ dùng: phạm những món đồ thu chi do tay mình ghi nhận rõ ràng, không ghi bị phạt; làm mất phải bồi

thường. Nếu lười không kiểm tra công tác và ghi sổ sai lầm không rõ ràng bị phạt (phận sự giám tu).

- Mỗi tháng vào 2 ngày 14 và 30, họp 2 chúng Đông –Tây liêu kiểm sổ sách, thư ký báo cáo chi thu, nếu tính sai bị phạt.

- Mỗi năm biên lai trả thuế phải trình cho Phương Trượng cất giữ, giữ riêng bị phạt.

- Người thủ kho nên làm việc hiệu quả, đối với chúng nhứt nhứt phải rõ ràng; giao cho người mới tiếp tục, nếu trái bị phạt.

Ngày... tháng... năm... Trụ Trì sao lục.

Chúng nghĩa ghi rằng: căn cứ theo luật tạng, vật của tăng có bốn thứ:

1- Thường trụ thường trụ, có nghĩa là nhà cửa, ruộng vườn, cây cối, người, súc vật, lúa gạo v.v.. vì hình thức chúng giới hạn ngay tại chỗ, không chung ở những chỗ khác. Chỉ được dùng mà không được phân chia đem bán, đem cho nên lặp lại 2 lần chữ “thường trụ”.

2- Mười phương tăng, là vật cúng chư tăng quen thuộc như các phẩm vật, đồ dùng ăn uống trong chùa thuộc của 10 phương tăng không giới hạn tăng ở chùa. Luật Thiện Kiến ghi rằng: không thỉnh chuông tức ăn không hiệu lệnh, là phạm tội trộm. Vì thế, rõ ràng 10 phương tăng đều có phần vậy.

3- Hiện tiền thường trụ, trong đây có 2 loại:

a. Vật hiện hữu

b. Tăng chúng có mặt.

Chỉ có vật hiện hữu đem cúng chư tăng tại chỗ mà thôi.

4- 10 phương hiện tiền Tam Bảo, có nghĩa là đồ vật của vị tăng qua đời; hình thức giống như của thập phương, vì 10 phương hiện tiền tăng được có phần vậy.

Luận Tì Bà Sa ghi rằng: trộm vật của tăng quá cố, ai xử cho là tội nặng (căn bản)?

Đáp: Vì đã làm pháp yết ma, đối giữa chúng tác pháp yết ma xử được. Nếu chưa làm pháp yết ma phải khéo đem ra công khai giữa chúng cũng được. Nay qui định rõ vật của tăng quá cố là của 10 phương tăng, trước đã làm pháp yết ma thì được, sau yết ma là không được.

Sách Lại Am ghi: Bốn vật của thường trụ này không được lấy một tơ hào, nếu lấy đắc tội rất nặng. Trước Thánh sau Thánh đều dạy răn điều chí thiết: Sơn tăng hoặc hiền hoặc ần chưa từng không lấy lời chí thiết này răn dè ý mình. Do e người không thấu hiểu nên có bài kệ cảnh giác rằng:

Vật 10 phương tăng nặng như sơn

Muôn kiếp nghìn đời dễ trả hơn?

Nay bàn chả mấy người tin tưởng

Ngày kia khó thoát tội hàm chông

Thân người khó được khéo suy lường

Sanh ra đội sừng thán năm trường

Tham chi từng hạt gạo đáng thương

Sa chân lỗ mắt nửa đời lương!

Sách Chích Cổ ghi rằng: Thiền sư Hoàng nói dòng pháp của Tú Phong Tường Công núi Khải Hà, có quý như giúp bốc mộ cha đưa cổ quan đến, Hoàng cho đào huyết sâu chôn xuống mà chẳng hay trong túi vải đó có gì. Người cùng quận giữ mối thù đợi mẫn tang, sai người tới chiêu dụ, nói:

- Của thường trụ muôn đời tăng một sáng, trường lão sao khổ tâm tranh chấp làm gì chứ?

Hoàng nói rằng:

- Không thể đem tăng một sáng phá hoại được tăng lâu năm thường trụ.

Việc đó đã xong rồi.

Tăng Trị (Tăng trực nhật) nguyên chức vị này không thật, nghĩa là cắt đặt tăng chúng luân phiên trị nhật, cũng có ý rằng trong tăng ưu tiên ngày của vị

đó trực (dọn cơm chúng) Người làm việc này phải không a dua nịnh bợ, không cong queo mách quẻ, không phòng ngừa, không phe nhóm, thay Phương Trọng giám sát những gì thiếu sót sáng tối, ra vào, đại chúng trong ngoài đều phải nể nang. Cho nên cũng gọi là ty sát, do từ nơi Ban Thủ mà ra đến tham đầu là chấm dứt. Phàm 5 ngày thay đổi một ban, giữa mới và cũ thay phiên làm việc. Nơi chánh điện sau khi thời tụng kinh tối xong, chư tăng phiên trực trước mời đại chúng ngồi lại trước điện, cả Ban trực ra lễ Tam Bảo, lễ xong mời Ban mới đến, đối trước Ban trực mới giao việc và chỉ dẫn rõ. Ban Tăng trực mới nhận việc giao phó lễ Tam Bảo 3 lễ, lạy xong mọi người lui về chỗ. Mỗi buổi sáng điểm 3 hồi bảng thức chúng, từ Phương Trọng đến các liêu đốc chúng lên chánh điện công phu. Đi tuần các phòng nghiêm cần chu đáo, trời sáng mở cửa sơn môn. Khi đại chúng dùng quá đường, hay lên chánh điện... Ban này trông coi cửa ngõ, cháo cơm 2 bữa dọn lên trai đường và báo hiệu đúng giờ. Đại chúng ra vào để các đồ dùng đúng pháp. Thời Kinh tối đốc thúc chúng tập trung lên chánh điện. Mặt trời vừa lặn xem xét cửa ngõ đóng khóa cẩn thận. Đốt hương trong phòng, nhớ bật đèn đường và các nơi, đèn lưu ly. Có việc, gõ 2 hồi bảng chúng tới phòng khách họp bàn, không việc gì thì thôi. Sau giờ chỉ tịnh đi tuần hết mọi chỗ. Ba cây hương lớn sau khi cháy hết cắm ngật đốt đèn, dập nén hương vòng; xem tắt đèn đường, trông coi kỹ nhà bếp, phòng trà lửa củi, đèn đuốc. Phàm gặp kỳ thiên thất lo cung cấp thức ăn các thứ trong ngoài. Việc này không cứ Trụ Trì hay các Ban công tác phải tránh mắc lỗi, làm sai là phạt, không theo tình riêng nhưng theo việc chung của tông lâm. Hẳn nên cư xử tâm như nước, chấp pháp như sơn mới có thể điều khiển chúng đúng quy tắc trật tự được. Ra vào theo qui định, gặp việc khó không lười biếng; giờ tọa hương đều phải đến, giờ quá đường tụng Kinh tập trung đúng giờ giấc không sai. Chuông trống phân minh, trong ngoài lễ tiết. Bất tuân lời Phương Trọng phạt quý hương tại bàn Tổ. Đại chúng không tuân lên bạch Phương Trọng chiếu Nội Quy xử phạt. Nhắm người nắm được vai trò này liền sung vào, không nên thay đổi. Có thừa thỉnh lúc dùng cơm tại trai đường, trước hết Tri Khách, đem trình bày nơi phòng ăn, trước bàn với Trụ Trì. Ban Trị Nhựt ra trước trải tọa cụ đánh lễ 3 lạy. Tri Khách đến trước ngồi hỏi qua một lúc rồi mới giờ ông trúc lên; phía dưới Ban Tăng trực nhựt nắm một đầu giờ lên, đưa ông trúc qua người đối diện hỏi. Tân Ban Trực dương lên hỏi, Tri Khách liền bước ra ngoài phòng ăn, Tăng trực dự bị đèn lồng đích thân cầm sẵn giao qua. Ngoài các lễ nghi khác chiếu theo thỉnh cầu của Ban chức sự mỗi việc mà làm.

Chúng nghĩa ghi rằng, sở dĩ gọi Tăng trực vì số chúng ở tông lâm đông, việc sắp đặt phải nghiêm chỉnh, nên chọn trong chúng người trực không a dua

làm việc. Kiểm điểm trong lúc làm việc công tác rất là nhiều việc, e một người không đủ sức cáng đáng khó làm lâu được, nên chia cho 2 dãy Đông-Tây luân phiên nhau trực. Đây gọi là tăng trực vậy. Đến như việc liên quan tới đại sự của tông lâm không thể để chậm trễ được. Không luận việc trong hay ngoài đều tùy thời trông coi quản lý. Đương nhiên phải có người đề nghị, cũng như mỗi người tự thấy được nói thẳng không dấu, hà tất đợi tăng thay phiên trực; giá Trụ Trì có lỗi, cũng có thể lúc chúng thợ trai ở trai đường, ra quỳ bạch giữa chúng. Sở dĩ Vua có bày tội tranh tụng, cha có con tố, nếu như việc nhỏ không đáng để đưa ra giữa chúng không sao, vì chẳng phương hại tới thường trụ, Ban Tăng trực cũng nên khéo phân xử. Bởi vì mỗi người không ai tránh khỏi lỗi nhỏ.

Sách Thiên Tông Bí Yếu ghi rằng: chỉ có Phật là người duy nhất không có lỗi lầm, ngoài ra mọi người ai lại không lỗi. Đệ tử thấy lỗi của Thầy hư hư thật thật rồi làm cho tâm lui sụt, chẳng có được lợi ích nơi giáo pháp. Cần phải suy nghĩ điều này: đời trước phước đức ta yếu kém nên không gặp được Phật. Nay gặp Thầy bất minh, ta không nên nghĩ tới lỗi người mà tự làm hại đời tu. Lỗi lầm của Thầy chẳng vướng bận tới ta, ta chỉ theo Thầy thọ học trí tuệ. Thí như túi da đựng đầy báu vật; không nên vì cái túi mà bỏ vật báu. Như người nghèo cầm đuốc soi đường, không thể vì người nghèo mà bỏ mất ánh sáng để tự rơi xuống hố sâu hang hiểm. Vì thế nên nói y pháp không y nhơn là vậy. Nếu không thể nương tựa Thầy, tình thế cũng rất khó mà cư xử. Ở qua một thời gian, ta có thể bỏ Thầy mà đi sao còn lăm lờ?

Tri Chúng đứng hàng đầu trước Tri Khách; ngoài ứng đối với thí chủ đàn na, trong điều hòa đại chúng là muốn lợi lạc chung. Vả lại, càng làm việc cực nhọc càng oán, lúc theo dõi sát đại chúng, than chẳng cần tình, nêu thẳng lỗi quấy; không được yêu ghét bất công. Hễ ngoài phòng khách gặp việc lớn nhỏ phải lưu tâm xem xét, quán xuyên. Phạm tiền khách hẳn có lời khai thị cho thích nghi bản chất của khách, làm cho họ còn lưu tâm mà còn hẹn gặp lại.

Chứng nghĩa ghi: sách khác bổ túc rằng: Tri Chúng hợp lý tức biết tình hình khách khứa và hết thấy mọi việc. Nếu có trai chủ thiết trai đưa trình với ban chức sự. Hễ tiếp khách phải có trà nước, mời ngồi, thăm hỏi v.v... Tri Khách hỏi chỗ khúc mắc nên giữ tế nhị và thật vén khéo không nên giốc hết việc rắc rối ra hỏi.

Tri Khách lo việc tiếp đãi tân khách; nếu khách đến, dù tăng hay tục, dù chưa biết mặt, không luận sang hèn, đều phải khiêm tốn nhã nhặn. Hỏi

khách tánh danh (tôn hiệu), nơi chốn và đến có việc gì. Không được coi thường hay gặp người khả nghi nên phải ngoài giữ phép trong đề phòng; không nên một mực không tin, đến nỗi làm thất cách. Nếu có tặng phương xa tới xin ở lại, như để ở phòng ngủ nên hỏi rõ lai lịch. Xét xem tướng dạng, tư cách có thể không cho ở lại bằng lời từ chối khéo. Thảng hoặc có bậc tôn túc thượng khách một mặt lo tiếp đãi, tùy theo tôn ý khách, thông báo cho Thầy Trụ Trì; sau đó đưa khách tới gặp. Tiếp đến mời vào phòng khách tiếp chuyện; chỉ bàn thảo giáo lý chứ không bàn lan man tới việc đời, những nhân vật đặc biệt v.v... Ngoài ra, nên theo Nội Quy đã qui định.

Chứng nghĩa ghi rằng: Tri Khách là một chức năng phải hiểu rõ thế thường kiêm thông thơ văn nghĩa thú mới có thể tiếp một cách tự nhiên được. Bởi vì khách lui tới kẻ thanh người tục vô chừng không nút định, cho nên Tri Khách biết người, không chỉ tôn trọng Phật Pháp cũng làm cho tăng chúng khỏi chê bai, không chán ghét.

Phần phụ: nêu thêm một số việc tiếp khách. Cơm nước đãi khách dọn nơi phòng khách phải cho thơm tất sạch sẽ. Khách đến mời tiếp trà nước, đưa hương lễ vật cúng Phật; đưa tới gặp Phương Trượng; giao qua thị giả trực chăm sóc. Khách ở lại sẵn sàng giường mền, gối, nệm v.v... và đưa hành lý khách vào phòng, cũng như chỉ đèn đuốc, chìa khóa trao tay v.v... Nếu làm mất đồ phải bồi thường. Phàm hầu khách, không hỏi các việc chừng nào rời khỏi, tuổi tác việc làm. Vi phạm điều tra ra được bị phạt nặng. Mời tiếp trà nước, lo cơm mọi việc v.v... nên ân cần niềm nở, không được làm mất oai nghi. Hễ muốn gọi khách phải tới đứng trước chấp tay cung kính; không có việc gì nên ở phòng riêng. Không nên quá xa lạ, cho chí châm trà, mời rước khách nên giữ theo ngôn từ của Tri Khách mà hành xử đúng phép lịch sự.

Trà Đầu (lược bớt 5 dòng), có Phật sự bất thường nên trông coi việc tắm rửa. Tới sáng hôm sau nên lấy nước sôi cho khách rửa mặt, nhất là cho người già bệnh và khách quý. Khăn lau phải giặt sạch sẽ, giặt gya quần áo mở nước khẽ nhẹ, hợp thời.

Hành Đường: Trước tiên lau sạch bàn, dọn chén bát, dũa muống. Phàm cơm cháo phải đơm trước rồi mới khai bưng. Đốt nhang bàn kim đài (trước trai đường). Cơm xới đầy chén không được trống rỗng, không chạm tiếng chén bát phát ra thành tiếng. Kết trai hồi hương xong mới thu dọn bát rửa.

Ban Trục nhựt dùng sau chúng, vì phải hầu chúng nên chu toàn phận sự hành đường. Chúng dùng xong, đũa bát dọn khẽ nhẹ, nên lưu ý việc này: làm tôn thất, bề hông phải đèn bồi.

Gặp lúc đông người uống trà đến thiên đường, lấy bình trà, tách trà, hộp trà đem lại chế pha. Gặp nơi chật hẹp, khách uống qua liền thu dọn. 3 ngày quét dọn một lần, tùy chúng phân chia. Trị nhựt xem xét phòng xá trong ngoài chu đáo. Khi đã thất, lưu ý giờ giấc: thọ trai, tham thiền, đốt đèn nến, gõ bồng 3 hồi 3 tiếng. Tọa thiền xong, dọn dẹp hoàn tất liền tắt đèn. Phạm người nào trực nhựt, miễn thời tụng kinh buổi tối, ngoài ra tùy chúng quyết định.

Môn Đầu (người gác cổng): ngày đêm có mặt trước cổng lo việc mở đóng cổng. Không được làm lẫn. Người ra vào phải để ý xem xét đề phòng kẻ gian trà trộn lẫn lộn trộm lấy đồ vật, hoặc ban đêm có tiếng gõ cửa trước phải thông báo cho người bên cạnh biết, rồi sau mới mở cửa. Có các bậc tôn túc, quan viên, sĩ phu v.v... tới viếng phải nhanh chóng báo cho Tri Khách biết. Tăng tục ở xa đến vui vẻ đón tiếp chớ từ chối. Ban Trục nhựt xem xét phòng xá, cửa nẻo chu đáo cẩn thận.

Chúng nghĩa ghi rằng: trước kia có một người gác cổng làm bài thơ rằng:

Người gác cổng tam quan

Thấy khách tiếp hỏi han

Đâu phân biệt nghèo sang

Cần lấy lễ đãi nhơn

Quét tước trong ngoài sân

Nói cười chớ huyênh hoang

Nên tôn trọng xóm làng

Trẻ nhỏ phải xem quán

Cửa tòng lâm mở toang

Người thăm chẳng oán than

Nếu cố tâm ngăn cản
Vô tư chối tệt nạn
Thức dậy lúc mờ sáng.
Đêm tối liền bế quan
Chú ý phòng đèn đuốc
Lửa củi chẳng vấy lan
Người nào giữ chức quen
Hầu chẳng lia sơn môn
Tối tối nên xét xem
Ngủ nghỉ mặt tĩnh êm
Phàm có Kinh, sách văn
Phân phối định phân minh.
Nếu có người hỏi riêng
Xả định xem xét liền.
Phụ nữ, bọn thiếu niên
Chớ cùng họ hàn huyên.
Tam Bảo tịnh già lam
Cẩn thận tránh nghi hiềm.
Xin ăn hạn tặng quèn
Bỏ đời nhập đạo hẳn
Sợ sống chốn tòng lâm

Cũng sợ chẳng làm xong.

Mỗi ngày cơm phát phân

Trước mắt phải nhận chân

Vào ra đêm khuya vắng

Nên kiểm tra cẩn thận

Chớ xem đây việc nhỏ

Trọng trách thật vô ngần

Người tinh tế: mắt, tâm

Mới giữ gìn già lam.

Phản phụ: Tại phòng khách có 27 điều qui định rõ. Vác túi, mang bát vốn là tham vân cầu học; nhổ cỏ, quét tước từng không phải việc riêng. Các việc như ngược cúi, thăm hỏi v.v.. nên nói lời nghiêm nghị. Mọi sự hòa hài, trăm việc theo chúng. Việc động tĩnh mỗi mỗi trình thưa rõ ràng; rảnh nhàn, bận rộn có an trụ chẳng?

Đối với chúng trước tiên theo phép phải nghiêm, có nghi phải giữ, làm bực pháp khí như thế mới đáng gọi là cao quý; có chỗ hướng về nên rất hân hạnh cùng nhau soi sáng. Sau đây là 27 điều Nội Quy nhà khách:

1. Khách đến lo trà nước, điểm tâm, giường gối, mền nệm v.v...mọi việc sẵn sàng. Nếu không biết mặt nên hỏi tên họ, chỗ ở, không nên bộp chộp thất thố, vi phạm bị phạt.
2. Trục nhựt tri khách: không cứ có việc hay không việc nên túc trực tại phòng khách. Vắng mặt bị phạt.
3. Sáng tối trên chánh điện, nếu không người trực, Tri Khách phải mở đèn, và cổng cửa; cũng như trông coi hàng ngũ, vị trí chỗ đứng của chúng. Nếu tới giờ chưa đến phải hỏi xem chúng có làm việc ở đâu không. Ai sai là phạt.
4. Nghe tiếng bảng, đại chúng đi quá đường. Nếu không có tăng trực, Thầy Tri Khách phải gõ bảng, câu bảng và đứng chờ ở trai đường, ai tới trễ phạt.

5. Trưởng nhóm phân công lau quét hoặc thướng công; hoặc hai chúng đi công tác Phật sự ra khỏi chùa v.v...Tri Khách hỏi một lần trước, sau mời khách chính thức tham gia công tác
6. Có quan chức tới viếng thăm đưa danh thiệp trước, liền trình bạch Thầy Trụ Trì. Trước hết, Tri Khách tiếp rước, mời trà, cho chỉ đưa khách tới gặp Trụ Trì, làm sai: phạt
7. Nghe hai hồi chuông nhóm họp có việc ở phòng khách. Phó Trụ Trì báo cáo chi dụng của chùa. Gặp tháng Bồ Tát, Duyệt Chúng báo cho trong chúng biết. Thị giả thưa rõ Trụ Trì đầu đuôi mọi việc; Tri Khách khởi đầu nêu thời điểm, nguyên nhân xảy ra những việc nhỏ lớn; bàn xong đem trình cho Thầy Trụ Trì biết.
8. Các Thầy có việc muốn ra ngoài cần tác bạch tại trai đường và cho tri nhựt, tri khách biết. Làm không đúng, bị phạt. Nếu có cuộc đấu khẩu, tại phòng khách cứ công tâm nói thẳng. Nếu không tuân, mời chúng và tri khách bàn thảo, công bố xử phạt. Giả sử tái phạm bất tuân, tuyên cáo tẩn xuất khỏi viện. Nếu theo tình riêng xử bất công, bị phạt.
9. Đem việc tạp nhạp ngoài đời vào chùa làm huyên náo động chúng. Tri Khách khuyên giải, cũng như trực nhựt can ngăn lại giận dữ, cự thẳng thẳng không sợ, phạt.
10. Tri Khách không có công việc, đi quá đường, tụng Kinh, các việc khác...Không đi: phạt; trừ khi bệnh.
11. Các Thầy ra vào mà không tới trai đường tác bạch, cố tình che dấu ra ngoài vui chơi phóng túng, Ban chức sự biết mà không nêu ra cùng bị phạt.
12. Nhà (phòng) khách phải nên nghĩ tới một việc: chuyên quyền lấn lướt hoặc kết vây cánh với bạn cùng phòng ghét ganh cũng như cố ý bênh vực nhau, đưa ra giữa chúng xử phạt.
13. Tri Khách dù không trực nhựt cũng không được ra ngoài vui chơi, vi phạm bị phạt.
14. Có thiện khách tăng đến – không hẳn nhứt luật – các bậc tôn túc nghỉ lại nơi phòng; người đi làm việc trở về, có công với Tam Bảo được ở lại nơi phòng khách 5 ngày làm khách; thứ đến các hiền giả từ xa đến tu thiền và ở lâu: 3 ngày được làm khách. Ngoài ra người sơ cơ mới tới tham dự học: một

ngày làm khách, sau đó theo chúng làm việc. Cho chí khách qua đường ở lại qua đêm nên cho sinh hoạt riêng, không ở phòng khách, làm xáo trộn bị phạt.

15. Các bậc trưởng lão chùa khác tới thăm nên lấy nước rửa mặt, đổi thay quần áo, châm trà...liền cho Trụ Trì biết, hạ hồi nhận ý kiến rồi mới sắp đặt các việc phòng, giường. Khách là bậc Phụng Trượng, sắp đặt một thị giả lo một phòng riêng; ngoài ra mời khách ở phòng khách. Nếu vị ấy vào thiền đường, thăm các liêu, đại chúng nên làm lễ và đặt ghé bên phải giảng đường thỉnh ngồi. Nếu Ngài muốn thăm 2 dãy Đông-Tây lang, nên hướng dẫn đi tham quan bên ngoài. Vị tôn túc nếu không vào thiền đường, các liêu mà chỉ viếng sơ qua, chúng không phải làm lễ.

16. Thí chủ thiết lễ cúng dường trai tăng các việc...Phó Trụ Trì hợp cùng Trì Khách hợp bàn trong chúng đúng pháp.

17. Cúng dường trai phạn, nhà khách dùng để tiếp khách; ví dụ như ăn riêng, ăn chung 2 người, theo đó tự định liệu.

18. Khách khứa và người nhà của gia chủ, đạo hữu...đến đều tiếp tại phòng khách, sau tùy theo đó hướng dẫn; nếu cho vô phòng, lộn xộn bị phạt.

19. Phàm người xin ở chúng, trước tiên cho xem Nội Quy cư trú. Nếu muốn nhập chúng, nên đọc quy tắc thiền môn trước. Sau bàn với Ban chức sự, xem chí nguyện và hảo ý muốn cầu học của người ấy để hứa cho ở. Nếu gặp người ngang ngược, thô lỗ, ù ù cạc cạc...không cho lưu trú; đề phòng giữa chúng lộn xộn, phạt.

20. Giường, mền nệm phòng khách nói chung mọi thứ phải cần nên kiểm điểm đúng mức; không được mượn xài riêng những đồ đem ra ngoài, và các việc như ở không hoặc đem cũ đổi mới...Chiếu theo đó một đèn gấp đôi, nếu không chịu đèn lại tách riêng cho đơn.

21. Phàm có Phật sự gì theo mệnh lệnh cho khách biết hiệu bảng, sai lỗi bị phạt.

22. Có thư từ hay quà biếu gì đến, nên hỏi rõ từ đâu rồi ghi vô sổ hoặc trong lúc nhận giao liền, nhưng giao tận tay, người nhận làm thất lạc, sai trái phạt.

23. Nơi phòng khách chúng vi phạm cãi vả ồn ào, liền lúc đó cất đơn cho ra ngoài. Chớ bàn việc phải trái hay ý mạnh, tà kiến mà làm chướng ngại bạn đồng liêu còn chấp; chẳng chịu bàn thảo. Làm trở ngại việc Tam Bảo thường phạt cho ra khỏi chúng.

24. Phàm rời đơn nên xem kỹ đồ trên giường, đề phòng lấy nhầm vật của Tam Bảo; như lầm lỗi bị phạt.

25. Có người tới xin thọ giới hỏi kỹ lai lịch; cũng như kinh luật, y bát, hương tín, tiền bạc v.v... đã có chuẩn bị đầy đủ chưa? Dẫn giới tử tới gặp thư ký đăng ký đầy đủ các chi tiết. Nếu không đúng như pháp mà hứa sai lầm là phạt.

- Hương tín các thứ, xem quyển 7, mục giới kỳ có nói rõ

- Đúng như pháp: dẫn người cầu giới tới gặp Trụ Trì tức là hướng dẫn tại chùa, trước lạy Phật, lễ thập phương Tam Bảo; kể nói rõ việc cầu giới. Sau khi lạy Phật 3 lạy xong, tiếp xin lễ quý Thầy 3 lạy. Lạy xong, người dẫn lễ xướng: cầu giới tử tiến lên lễ chư giới sư 3 lạy. Lễ 3 lạy xong chờ Thầy đáp rồi lễ Phật một lạy và lui ra.

26. Ứng dụng theo tình đời, tiền, đồ vật và nơi công thự, lễ tiết v.v... nên thảo luận cùng với 2 liêu chúng. Nếu theo ý kiến riêng mà làm là phạt; phạm lỗi, phạt nặng.

27. Điều lệ của Ban Tăng Trục xem phần công việc ở trước có nêu rõ.

Ngày... tháng... năm... Trụ Trì.... sao lục.

Chúng nghĩa ghi rằng: Thí chủ thăm viếng, tiền bạc thu chi v.v... phần nhiều đều do tay Trì Khách. Nhân quả thiện ác hiển nhiên không sai lầm. Luật Hành Hộ ghi rằng: xưa chùa Bạch Tháp ở Dương Châu, ông Đạo Sưởng cầm chắc biết vật của tăng mà vẫn lấy dùng tự nhiên. Bồng đầu các minh quan giữa ban ngày vô chùa lôi Sưởng xuống đất định chém đầu. Sợ quá Sưởng van xin tha mạng. Phán quan hần giọng nói rằng: “Đồ vật trong phòng phải đem trả lại hết cho chư tăng, ta mới tha người sống sót”. Sưởng dập đầu nói: “Không dám trái mệnh”. Chuông chùa liền báo hiệu nhóm chúng, đồ vật trả y nguyên lại như cũ; y tạo tượng, thiết trai cúng dường hồi hướng sám hối. Ba ngày sau minh quan trở lại thấy Sưởng với một bình bát, một áo nạp (vá vúi chồng chéo lên nhau), chẳng nói gì rồi bỏ đi. Từ đó Sưởng khắc phục tinh tấn tu hành cho tới ngày công viên quả mãn. Kinh Bửu Lương ghi rằng:

thà ăn thịt mình, chứ quyết không lấy trộm vật của Tam Bảo. Ngài Động Sơn Lương Giới có bài tụng như sau:

Chư tăng phải nương giới tu trì

Chớ nên phóng túng tham, sân, si

Của Tam Bảo lấy đi cất dấu

Vẫn ràng ràng như cặp nhãn châu

Trong bóng tối mờ sâu tính kỹ

Chôn u minh chúng quỷ thần tru

Một tơ hào cố thủ riêng tư

Thân lừa ngựa đên bù kiếp sau.

Điền Tọa trước gọi là Thủ Tọa tức là điều hòa tánh. Điền Tọa là điều mạng, lo việc ăn uống trong chúng chớ xem là công việc tầm thường. Vì mọi sự cúng dường cốt ở chỗ tinh khiết. Biết tiếc giữ gìn của Tam Bảo không được phá tán, tiêu hao. Như ăn uống không được khác chúng. Trên thúng cơm chín trước hết đơm cúng Phật, sau mới đơm cúng quá đường. Ngoài ra, như qui định rõ ở nhà trù, hậu liêu. Phụ: phạm cúng Phật như thức ăn nên nấu chín cho thơm tho, không nên nếm trước, không được cúng đồ sống v.v... đơm rộng là khinh lờn Thánh Phật, như thế tội lỗi không nhỏ. Không được mua sắm đồ ăn riêng chúng. Như thức ăn của đại chúng và của khách nên thử vị trước xem có vừa không. Không nên lơ đễnh làm mất mùi vị cũng như không được làm vì tình riêng v.v...Người nhận, người cho đều bị phạt, trừ người bệnh không phạt. Công việc này kiêm luôn hô bãng, hồi bãng đều thuộc quyền điều khiển của Điền Tọa.

Chúng nghĩa ghi rằng, y cứ theo Kinh Tăng Hộ, đức Phật dạy rằng: “Ông thấy chiếc bình thứ hai đó thậm chí làm Tăng lo việc nhà trù nấu đồ ăn mềm nhuyễn thơm ngon cúng dường mà ăn trước, bủn xỉn, xấu ác như thế với chư Tăng.” Vì nguyên nhân ấy nên sa vào địa ngục làm cái bình thịt vĩ đại bị lửa thiêu đốt khổ sở vô cùng đến nay vẫn chưa dứt. Ông thấy cái bình thứ ba hồi Phật Ca Diếp, là tăng tịnh nhơn lúc làm đồ ăn uống thấy ngon liền nếm thử trước hoặc đem cho sản phụ ăn. Ở trong tăng làm hạnh thô tháo xấu xa, do

đó nên đọa địa ngục làm cái bình thịt to tướng bị lửa đốt cháy chịu khổ đến nay chưa dứt.

Phạn Đầu: người phụ trách tới giờ khai mỗ lớn, báo giờ cơm. Trước giờ cúng xong, nghe hiệu lệnh đại chúng tập trung tại trai đường. Dọn cho khách tại phòng khách, người già, người bệnh dọn riêng. Ngoài những nơi ấy ra, đem cung cấp thức ăn riêng bị phạt. Về mùa hạ nên lượng số chúng lo việc cơm cháo để gia giảm gạo cơm. Như dư thừa nên sớm điều chỉnh không để phung phí.

Hai bữa ăn tức là 2 buổi chính cho khách: mỗi ngày dọn đồ ăn sáng, ăn trưa tại phòng khách hay liêu phòng; cần biết số bao nhiêu người để tiện việc tiếp đãi. Khách dùng cơm xong, nôi niêu, chén bát...dọn xuống gọn nhẹ. Đợi khách đi, phát tâm dọn giường gối, chiếu mền gọn gàng. Mỗi ngày luân phiên quét dọn nhà khách, trai đường, thiền đường...

Thái Đầu (phụ trách xào thức ăn): ngày 2 bữa rau xào đều nên hội ý Điền Tòa. Nấu nướng thanh khiết đãi đại chúng thức ăn thực lòng chớ không bừa bãi cho xong việc.

Chúng nghĩa ghi: Kinh Tăng Hộ chép rằng: Người thấy chiếc bình thứ nhất thời Phật Ca Diếp, là người xuất gia làm tăng lo việc nhà trù, nhân buổi ăn sáng thức ăn còn thừa để đến ngày hôm sau cho chúng ăn; thậm chí qua đến ngày thứ ba... Vì nguyên nhân đó nên đọa địa ngục làm cái bình thịt to tướng bị lửa thiêu đốt thọ khổ đến nay chưa dứt.

Hỏa Đầu (bếp chánh) có phân 2: chánh và phụ. Đại Hỏa Đầu mỗi sớm mai sau 3 hồi chuông, bắt nôi cháo lên. Thiền đường báo hiệu giờ tọa thiền. Sau khi nôi cháo chín bèn ngồi đó trông chừng không cho ai vào lấy lửa. Sau khi gõ chuông dứt, lo bữa sáng cho khách, bữa tối cũng giống nhau là đốt lửa hết lực. Tiểu Hỏa Đầu (phụ): hầu thiền đường, đốt nhang, nấu thức ăn, dọn thức điểm tâm cho khách, cho lửa nhỏ ngọn. Có món chung tàu hủ, nếu chung nôi đồng nên để tâm theo dõi. Hết tắt lửa phải quét dọn bếp (lò gaz, điện) nên cẩn thận đề phòng đèn đuốc. Dưới bếp không nên chắt củi. Mỗi tối nên dọn dẹp quét tước sạch sẽ. Lò đốt củi nên dọn sạch mỗi tháng một lần.

Chúng nghĩa ghi: Kinh Tăng Hộ chép rằng: người thấy cây thịt đó thời đức Phật Ca Diếp, là người xuất gia, làm việc hái củi cho chư tăng. Lấy củi của tăng đem về phòng riêng đốt hoặc cho người khác. Vì nguyên nhân đó nên đọa địa ngục, làm cây thịt cao lớn bị lửa đốt chịu khổ đến nay chưa dứt. Lại nữa, sách Thiên Tông Bí Yếu ghi rằng, Đạt Ma Mật Đa tôn giả bên Tây Vực

trí huệ sâu rộng, công đức đầy đủ khéo biết thông các pháp thiên định tam muội. Tại Nam Thiên Trúc có 2 Thầy tỳ kheo tánh tình hòa nhã, ưa làm việc thiện; nghe tôn giả là người tọa thiền số một liền muốn diện kiến bèn tìm đến chỗ tôn giả ở, nhưng phải qua 3 lớp hang. Lúc đó 2 người vào sâu trong hang thấy một vị tỳ kheo mặc y rách, tướng mạo xấu xí ngồi thiền trước ông táo, vì vị tăng mà đốt lửa.

Hai vị tỳ kheo hỏi:

- Thưa trưởng lão, Đạt Ma Mật Đa đang ở đâu?
- Hiện đang ở rất sâu trong hang này, các Ngài phải gấp gấp tới gặp Ngài.

Lúc đó 2 người vào tới hang sâu thấy vị tỳ kheo ngồi thiền. Lúc ấy, một thầy tỳ kheo xưng là bạn của lão tỳ kheo kia, làm sao để được gặp mặt. Lúc đó, vị tỳ kheo bạn thông tuệ ngộ thiên liền nói: “Nay tôn giả đây uy danh đồn khắp sao không đến đây mà ngồi”, rồi ra phía trước làm lễ và hỏi rằng:

- Đại Đức uy danh trong đời hiếm có tại sao tự khép mình làm tăng đốt lửa?
- Ngài hãy nghe cho kỹ: tôi nghĩ tới việc sanh tử khổ vô cùng tận. Như làm thủ đầu để được đốt nên tôi phải làm tăng đốt lửa đó, huống gì nghĩ tới thân ư? Còn việc đốt lửa lấy gì đủ làm khó? Tôi nghĩ tới 500 đời về trước làm thân chó đói khổ cùng cực chưa hề được no đủ. Ngay thuở đó có một gã say ói mưa văng ra trên đất, tôi được ăn đồ đó. Lại một thuở xưa nữa, có 2 vợ chồng người kia nấu nồi cháo chín rồi có việc phải đi ra ngoài. Tôi thấy không có người liền chun đầu vào nồi ăn cháo no nê rồi mắc luôn trong đó không chun đầu ra được. Vợ chồng người kia trở về đem cháo ra múc ăn liền chần dứt đầu tôi. Trong 500 đời tôi thọ thân chó tuy có một lần ăn no, nhưng lại mất thân mạng. Lấy đó suy, việc sanh tử dài lâu cùng khắp 5 đường, thọ khổ vô cùng tận. Cho nên tôi nay chẳng nản hạ mình làm việc vì chư tăng mà nhận công việc đốt lửa này.

Lúc ấy, hai Thầy tỳ kheo nghe lời đó xong bèn quán sâu lẽ sanh tử khổ bức không cùng, liền được chứng quả Tu Đà Hoàn.

Thủy Đầu trông coi nước ăn uống ở nhà bếp, phòng khách và các nơi, nước luôn luôn cho đầy đủ sạch sẽ. Nước là nhu cầu thiết yếu chớ để thiếu hụt; cũng như không được tiếc giữ không cho hay đổi đầu là giận dữ. Thùng nước dùng xong phải đầy lại; tháng mùa hạ phải dùng dây lượt đặt bên cạnh

để tiện lúc dùng thì lọc. Theo chúng đi quá đường (ngọ trai), tôn trọng khách, xách mang giúp hành lý và nên tiếp xúc thân mật. Vàng, vật quý theo lệ cũ thường trụ đòi hỏi riêng bị phạt.

Chúng nghĩa ghi: Kinh Tăng Hộ chép rằng: người thấy một người đứng trong nước, vào thời đức Phật Ca Diếp xuất gia làm tăng gánh nước; thấy tăng dùng nước tâm hẹp hòi đầy lỗi lầm, hành xử theo ý, thay vì đủ nước dùng, lại không cho những người khác lấy. Vì nguyên nhân đó mà sa vào địa ngục đứng mãi trong nước và kêu réo “nước! nước!” Người kia thọ vô vàn thống khổ cho đến nay chưa dứt.

* Xay bằng cối đá, có khô, có nước: khô là xay lúa mạch, các loại (tùy nhà kho xử dụng); nước là làm đậu hủ, các thứ v.v...Phàm việc xay nên lọc cái tinh khiết không được giã đập bừa bãi hoặc lấy riêng cho người, bị phạt. Công việc tạp nhạp gồm có: thùng nước, thùng sạch trai đường, thùng đựng cơm cúng, bồn sạch, nồi sạch, tương dầu của đại chúng; nấu thức ăn cho khách, nghe Điện Tọa dán thông báo, vào nhà kho, nghe pháp, phòng ăn, lúc dùng cơm.v.v...Làm việc lật vật hành đường, lật rau, nấu thức ăn. Phàm công việc bếp núc nên làm với trách nhiệm không được giao khoán và luôn thay nước rửa sạch.

Hương Đăng lo việc đèn nhang, hoa quả trên chánh điện, các bàn thờ trong ngoài dọn dẹp quét tước sạch sẽ, châm trà, đốc thúc người đồng liêu lên chánh điện tụng kinh, trừ phi có việc công. Nếu giờ chỉ tịnh (ngủ nghỉ) chưa đến, bạch Thầy điện tọa. Ngày mồng một, ngày rằm tới kho lấy đồ cúng trừ thần như hoa quả, hương đèn và đồ dùng, cả trà lá mà nhà trừ có 10 điều phải cần người khoẻ mạnh. Nên chọn người trung hậu, công bình sung cử chức này.

Phần phụ: Nội Quy nhà trừ gồm 10 điều: từ một que củi, một hạt gạo nên quán tới sự gian khổ khó khăn của người đem đến; một giọt nước, một cọng rau phải nghĩ tới công lao tạo thành, không dễ. Đã không làm hư hao của trời mà còn nên suy nghĩ cách chế biến sao cho hợp khẩu vị của đại chúng; mặn nhạt, chua cay.. thích hợp, thơm tho, mềm nhuyễn thích nghi, thận trọng cho gia vị chớ sanh tâm khinh suất. Vì cúng dường là mong mọi nhưng không tham cầu quả phúc. Tuy theo chúng làm việc mà luôn giữ đạo tâm; ngày 3 bữa cháo cơm đầy đủ nên không được bỏ một thời khóa công phu sáng nào. Sớm tối 2 thời giờ khắc thanh tu, phòng ngăn được biết bao tạp niệm. Có lời Minh rằng: “Tuyệt Phong nấu cơm, Quy Sơn làm điện tọa, bậc cổ đức còn phải phát hương thơm cho đến nay chưa mất. Hãy nhiếp phục

tâm tán loạn, thận trọng lỗi lầm nơi miệng người, gánh nước, bửa củi không quên mỗi việc làm. Nơi thiền đường chú tâm tọa thiền, ngoài viện giữ oai nghi. Ai cũng biết truyền y không ngoài cối giã gạo. Cho nên đây là hạnh môn, Phật trời có chỗ hoan hỷ, cầu phước liền được; tạo tội (nghiệp) liền tiêu. Tinh tấn, cần mẫn, khiêm cung là gốc của việc cầu phước. Khuyên chúng trẻ lười là nguồn của tạo nghiệp, nên tuân lời Minh học hỏi lấy đó làm bậc minh sư các người vậy.”

Sau đây là 10 điều Nội Quy:

1- Những người cùng làm việc nhà trừ lo cháo cơm điểm tâm, đều lo việc bếp núc cùng chúng chịu cực khổ; nhứt loạt không cho lấy đem ăn riêng và giữ lại phần tươi ngon cho mình là phạt. Thời khóa công phu khuya không lên chánh điện tụng Kinh phạt. Ăn cắp của Tam Bảo gạo, dầu, đồ thức ăn bị phạt đuổi khỏi viện.

2- Người nấu nướng: xét, rửa rau, nấu thức ăn cho đại chúng. Nghe lời Điền Tọa điều động, bàn về món ăn một mực giúp hợp tác, không theo là phạt.

3- Phạn đầu: người chính lo việc nấu cơm cháo cho đại chúng cũng như rửa nồi, nấu 2 bữa cơm cùng tiếp tay khiên nồi cơm. Nồi niêu cũng như rửa dọn chén bát; có đám trai tăng phải dùng nồi lớn và phải 3 người nấu cơm tùy nghi phân công. Từ chối bỏ việc là phạt.

4- Dọn bàn, thau dọn đồ ăn khách là người phụ tá (tiểu hỏa đầu), đốt lửa, rửa nồi, các việc tạp nhạp; giữ thức ăn riêng cho mình, phạt nặng. Xem giờ giấc gõ mộc bảng, vân bảng và đốt hương trước các bàn thờ, sai lầm: phạt.

5- Những việc vặt vãnh như tới kho lấy thức ăn cho khách. Lấy cắp để riêng cho mình, phạt nặng đuổi khỏi viện.

6- Trừ ngày trị nhứt không theo chúng tụng niệm các thời khóa: phạt.

7- Nơi nhà bếp lớn tiếng cãi vả: phạt; cất rượu uống bất được phạt nặng đuổi khỏi viện. Thêm phần mới: hút thuốc phạt.

8- Ngày cúng dường trai tăng, thức ăn, còn thừa đậu, rau... dùng lại trong bữa cháo chiều cho đại chúng, không được vứt bỏ, ai phạm bị phạt.

9- Không được đem nước sôi đổ ra trên đất giết chết trùng, kiến, ai phạm bị phạt.

10- Hương đăng xem xét hành lý của mọi người, mất là đền hay bị phạt.

Ngày... tháng... năm... Trụ Trì sao lục.

Chúng nghĩa ghi rằng: ba đời chư Phật chư Tổ đều từ hạnh môn mà ra, như Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn, đầu tiên ở với Ngài Đức Sơn, làm việc nấu cơm, sau làm chủ núi Tuyết Phong là một đạo tràng lớn tới 1500 người thiện tri thức theo học. Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu ở Đàm Châu đầu tiên ở với Ngài Bách Trượng làm điền tọa, về sau ở non Qui Sơn cũng lãnh đạo đồ chúng hơn 1500 người. Cho nên nay còn ghi rõ, nêu 2 vị làm gương khuyên nhau phát tâm, cũng như thấy cỏ nhọn sắp xếp đầu vào đó; vốn không phân biệt cao thấp trong ngoài. Sách Vân Khê pháp vụng ghi rằng: tính lui về thời niên thiếu 10 ngón tay không đụng tới nước; trăm việc chẳng can dự tới, ngồi hương thì bảo nhức chân, đi lại bảo rằng đau lưng. Sớm tối tinh chuyên tu tập bèn cho rằng thân tôi ốm yếu nhiều bệnh. Hoặc có người gạn hỏi, bèn nói: người ngu dùng sức, kẻ trí dùng tâm; kẻ ngu tu phước, người trí tu huệ. Ôi! quả thật nếu nói như thế đâu chẳng thấy Tổ Ca Diếp theo hạnh Đầu Đà là ngu sao? Lục Tổ giả gạo là ngu; Tuyết Phong, Quy Sơn nấu cơm, điền tọa là ngu hết; đến Phật còn không bỏ việc xâu kim (cho cụ già) làm phước không chừng Phật cũng ngu ư? Ngoài ra, sách Sùng Hành lục ghi rằng: đời Tống Vân Cư Giản lúc đầu vào hầu Lịch, Lịch cho nói liền 3 ngày, lấy làm kỳ lạ. Nhưng sau dạy khắc khổ làm việc chúng, trong lúc đó Giản thưa bạch rành mạch: chủ việc, củi đuốc là phần vụ quản trị trong chùa, cỏ kim không so đo phòng giữ. Ôi! người xưa phong thái cao vời đến như thế cũng khiến cho người nghe sanh lòng phấn khởi. Nhưng đây chẳng riêng là nhà trụ khuyến làm 10 việc như thế mà tất cả mọi hành động đều cần phải biết ý nghĩa này.

Trị tuế: đúng lý ra là ruộng rẫy, vụ canh tác cày bừa các loại, như công việc thu hoạch (hoa lợi như lúa, đậu); kiêm quản lý trông coi cây cối tre trúc của chùa. Như sửa chữa phòng ốc phải dùng vật liệu chắc chắn, nếu như được chúng bàn nhau và đều cùng thuận. Trước trình ngài Phương Trượng rồi sau mới đốn hạ cây cối. Nếu tự ý đốn một gốc cây phạt bồi thường hay kỷ luật; như đem làm vật trao đổi hay tự ý cho người đều phải đền lại hay bị phạt cho ra khỏi viện. Đối với những công tác ruộng rẫy, canh tác, thu hoạch v.v.. mà lười biếng tránh nặng tìm nhẹ không thật tâm phải áp dụng biện pháp phạt hay cho ra khỏi viện.

Chúng nghĩa ghi theo sách khác bổ túc cho rằng, mùa hạ chuẩn bị củi cho tháng tiết trời mưa ngâu; mùa đông chuẩn bị đủ chất đốt cho nhiều tuần

phòng khi tuyết rơi. Đây là công việc tối cần thiết. Đốn chặt cây, củi cần phải lựa chỗ đất hầu giữ lại những cây làm cho phát triển bảo vệ môi trường. Hễ đốn củi phải lên núi chặt đốn lấy đem về dùng. Đại chúng ra ngoài làm việc nông đều phải nhiệt tâm không được lẩn trốn. Dao, búa, dây buộc, đồ chuyên chở v.v... phải luôn kiểm tra; người nào ở chỗ thâm sơn có thể làm công việc này an toàn.

Tri sơn: người trông coi về ruộng nương gọi là tri đầu; quản lý tổng quát là tri sản; phải biết đất đai của chùa giới hạn rõ ràng phân minh không được xâm lấn phạm vi người khác đến phải đưa tới kiện tụng. Mỗi năm tiết mùa xuân họp 2 chúng lại để làm việc và cùng xem xét lại giới hạn một lần. Đất đai nên khai khẩn kịp thời hợp vụ mùa trồng trọt, chậm trễ: phạt. Nếu có tư riêng phạt cho ra khỏi viện. Tới mùa thu hoa lợi phải đích thân tới nơi kiểm việc giao thu rõ ràng. Hễ có người mới nhận công việc, đưa đi xem xét các nơi phòng khách, nhà kho và việc làm về trước; chỉ cho biết giới hạn rõ ràng tường tận; 2 bữa ăn thay đổi cơm cháo và nên đề phòng việc mất trộm. Nếu có người chộm lấy cắp phải đưa tới phòng khách xử lý, không được tự ý đánh đập đưa tới sự lôi thôi rắc rối.

Tuần sơn - hợp tác với Tri sơn làm việc: tre, gỗ, trà, măng tre... đều phải biết để quản lý. Như có kẻ trộm tre, gỗ không được tự thả dông mát, nếu điều tra biết được là phạt nặng.

Cơm cháo 2 buổi ở trai đường cũng quán sát y như vậy.

Sài đầu (chủ việc củi đốt) tức là việc nhỏ, mỗi ngày lo bỏ củi cung cấp đủ cho nhà bếp. Chừng ấy công việc như quy định, nếu nhiều hơn phải chi thêm tiền, ít lại giảm bớt tiền chi tiêu. Quanh năm không được dẫn cây, đốn gỗ, như phá núi, đốn củi bán v.v... làm thiệt hại môi trường sống.

Tri sơn không được tự chuyên làm chủ, đốn củi không được bán riêng. Điều tra ra được phạt bồi thường. Dao, dây, đồ dùng trong nhà đều phải lo sắm đầy đủ. Trường hợp gặp vị tăng trong chùa viên tịch, nên luân phiên canh giữ kim quan; cử người tiếp nhận lễ vật, và bàn thảo lễ hỏa thiêu. Công việc này phần nhiều do Phật tử đảm trách.

Hương đăng sơn liêu: thay trà, châm nước, lo cơm cúng, đốt đèn suốt 3 ngày. Vào kho lấy giày cỏ cho khách. Mòng một, rằm lấy nhang đèn, trà quả cúng Phật phải tới kho lấy để dâng cúng. Quét dọn liêu phòng khách, trông coi hành lý (khách), nếu để bị mất phải đền bồi.

Phụ: sơn liêu qui định 7 điều. Luận về sơn mạch (sung thanh) là một ngôi chùa núi có long mạch tốt; lâm thọ là một chùa có rừng cây (có sự che chở) sum thanh. Tre, gỗ, hoa, quả, phòng chừ tăng, kho chứa, đất đai, núi đá...nhờ phong thủy không làm thương tổn mọi vật chung quanh là hợp sự hưng thanh của thiên môn. Tăng chúng vui hòa và được sống chung yên ổn. Vì vậy, nên giữ môi trường không nên đốn chặt bừa bãi; mọi đất đá không được tự tiện đào xới làm long lở.

Đây là điều đại cương của sơn liêu: ngoài ra, những điều khác có nêu rõ trong các quy tắc sau:

- Tuân núi bất luận gió mưa: chùa núi cử người tuần tra trong ngoài, trên dưới, chung quanh, không nên lười biếng đến đời có kẻ trộm vào lấy đồ đạc. Người nào lười biếng lánh nặng tìm nhẹ, phát hiện được phạt nặng.
- Ở sơn môn có tre, gỗ, hoa, quả, củi v.v...không được tự đem bán. Nếu phạm bị phạt cho ra khỏi chúng.
- Công tác nhẹ phải nghe lời Tri sơn phân phối; đốn chặt cây gỗ, củi, cây cối; không được tự ý đốn chặt ngọn (cây lớn) hay phứt trụi không chừa lại cây nào. Vi phạm là phạt.
- Công tác, nếu chùa có công việc, vừa nghe kêu gọi liền đáp lời, nếu người nào cố tình phạm bị phạt.
- Nơi sơn liêu mà đánh bài không luận tăng tục, hễ ai phạm đuổi ra khỏi chúng.
- Nếu đánh mắng ngay trong liêu phòng, không luận tăng tục, hễ phạm là phạt ra khỏi chúng.
- Tri sơn, trông coi chúng các liêu nên thưởng phạt phân minh, nếu như thiên lệch là phạt.

Ngày.... tháng...năm... Trụ Trì.... sao lục (dán ở sơn liêu).

Chúng nghĩa ghi rằng: như chung quanh tông lâm có tre, gỗ cần nuôi dưỡng làm cho cảnh trí thêm đẹp, phải chăm sóc cho xanh tốt để giữ long mạch. Vì phong thủy tốt thời tông lâm mỗi ngày càng hưng thanh; sơn khí ngày càng linh; không xuất hiện người tài cũng làm đẹp cảnh quan.

Trông coi dọn dẹp quản lý nhà tắm, kiêm việc coi sóc bệnh nhân về thuốc thang, cơm cháo các việc, hay chỉ xem xét các phần nhà tắm, củi rác v.v...phải lo dự trữ củi, đề phòng khi thiếu hụt, là phận sự các Ban liên hệ như đã nói trên.

Phần phụ: Qui tắc nhà tắm, nêu rõ trong 3 điều: đun nước nóng, dọn quét sạch sẽ, chà rửa tươm tất, vì đó là bộ mặt xưa nay, dù không là bậc chân nhân chưa đạt sắc không; nhưng thần thánh luôn thân đến cõi trần, biết hết nóng lạnh mới làm sáng cái tự tánh vốn linh:

Cho dù vắng khách lại qua

Thánh nhân cũng hẳn đoái hoài ghé thăm

(Tảo địa - lời ghi chú của người dịch).

Quả thật một tư hào cũng chẳng buộc chân thiền khách được, chỉ có tâm hướng nội tìm lại chân diện mục mà thôi. Có bài minh rằng:

Núi cao đường xa

Đón củi gia công

Nấu đót nhiệt hòa

Công sức bỏ ra

Người mê không biết

Tắm rửa tối đa

Trẻ thơ cười vui

Nước nóng ngâm đã

Việc tắm thích thỏa

Mọi sự an hòa

Rửa tâm tẩy ý

Ngày càng sáng ra

Báo đức làm sao

Chợt hiểu nước là

Nguyên nhân tất cả

Lời minh tuân thủ ...

Sau đây là 13 điều quy tắc thuộc về nhà tắm:

1- Mỗi ngày tắm gội đầu sạch sẽ, chuẩn bị đủ vật dụng tắm như đốt củi, nước nóng cho vào bồn tắm

2- Đốt hương, mặc niệm cầu Thánh tăng thân lâm tới trong khoảnh khắc. Trước mời Phương Trượng, kế thỉnh khách lớn tuổi; sau gõ 3 tiếng bảng nhỏ cho 2 vị lãnh chúng 2 dãy tắm, tiếp đến 4 tiếng bảng cho chư tăng thiền đường.

3- Sau đó gõ 2 hồi 4 tiếng cho đại chúng; kế 3 hồi lại 6 tiếng cho khách khứa tắm. Không đợi bảng nhảy vô tắm đại bị phạt.

4- Có khách quý như các vị Kinh sư lo việc Kinh sám. Đun nước nóng trước mời khách tôn túc; kế các vị Kinh sư, sau hương đăng và người làm việc; tiếp theo những người làm việc nặng và sau cùng là đại chúng.

5- Những tiết Cốc Vũ đến Hạ Chí năm ngày tắm một lần. Mùa hạ đến xứ nóng mỗi ngày tắm một lần. Xứ nóng tiết thu 5 ngày tắm một lần; Thu phân đến Cốc Vũ nửa tháng tắm một lần.

6- Trong phòng tắm có treo một bảng nhỏ; nước vừa lạnh gõ 2 tiếng, nước đun sôi gõ 3 tiếng; phải cho thêm nước lạnh vào, gõ một tiếng bảng. Tắm không được réo gọi lớn tiếng, vi phạm là phạt.

7- Phàm khi tắm mỗi người phải nghe theo thứ tự hiệu lệnh bảng, không được làm trái (trừ tuổi nhỏ), người nào sai trái cuối cùng bị phạt.

8- Phải xem ngó 2 bên và mọi sự nói cười ồn ào, cũng như khạc nhổ v.v... bị phạt.

9- Thay quần mặc áo mỗi mỗi nên từ từ không được buông lung, vi phạm là phạt.

10- Khi tắm mỗi người tự lượng, không được tắm lâu quá làm trở ngại người sau, vi phạm bị phạt.

11- Xử dụng chủ giác (sùng nhọn) bị phạt

12- Có bình ghẻ lở nên từ từ tắm sau, không được tắm trước, người nào phạm bị phạt.

13- Tăng trực lo việc tắm gội lưu tâm quán sát xem có ai phạm, y theo Nội Quy để xử phạt; không chiếu Nội Quy bị phạt.

Ngày...tháng...năm..... Trụ Trì.... sao lục (dán bên phía ngoài tường phòng tắm).

Chúng nghĩa ghi rằng: Phật dạy lập phòng tắm để tẩy rửa thân thể hầu chuyển tải đạo. Phật dạy Bồ Tát - tụng giới - để nhập giới vào thân phát sanh định huệ. Sao lúc tắm còn phóng túng thì thân dơ chưa sạch; tâm dơ sanh trước, là người không biết tầm quý vậy. Vả lại, đã làm ông tăng tiểu giải, tắm gội nên tránh trông trãi; hong phơi đồ lót chớ nên phơi chỗ đường qua lại. Dựa theo sách Phật Tổ Thống Kỳ, có vị tăng Như Bảo tại Thường Xuyên, chùa Giác Hoa. Nghe cổ đức nói lấy nước cho chư tăng tắm, có công đức để hồi hướng sanh về Tịnh Độ; bèn sửa nhà tắm cúng chư tăng; cho đến 81 tuổi còn mời chư tăng đến nhà uống trà, nói lời giả biệt mà qua đời. Y cứ câu chuyện trên cho thấy rằng, người lo một công việc tắm rửa mà công đức thật là nhiều như vậy. Việc tạo lập nhà tắm hoặc do quyên góp hay xuất của Tam Bảo, tùy nghi thiết lập không thể thiếu được.

Tịnh đầu (dọn rửa cầu tiêu) 3 thời, thời quá đường sau khi đóng cửa: 4 tiếng bằng, bật đèn sáng, thời khóa tụng tại chánh điện, chọn thay các thùng sạch. Miền Bắc phần nhiều không dùng thùng sạch, chỉ dùng phòng vệ sinh nên phải quét dọn sạch sẽ. Đi xong cần rửa tay bằng nước sạch, lau khô bằng khăn tay. Sau thời công phu tối xong đem cất các thùng sạch vào. Phạm ngày tắm, nếu không có người lo, liền cử người thay thế theo qui tắc nhà tắm. Nồi nấu nước tắm có thể nhờ Trì viên lo liệu cũng được.

Chúng nghĩa ghi rằng: nhà xí dơ nhưng gọi là tịnh đầu có 2 nghĩa gồm cả sự và lý. Sự như trong luật có rất nhiều như để sám hối tội phá giới mà các tỳ kheo phạm; có nghĩa tỳ kheo phạm giới thường phải lau quét dọn cầu tiêu sạch sẽ làm cho chúng tăng hoan hỷ để phục giới đã phạm mà được lại giới thanh tịnh. Lý như luận Đại Thừa Chỉ Quán ghi rằng: phạm đại tiểu tiện cũng đọc lời quán tưởng để quán...Đang ở chỗ dơ nghĩ tới lời này: đây là

những việc bất tịnh. Hẩn làm cho tâm Hữu liền thành phi hữu. Nay ta phải biến nơi bất tịnh này làm cho thanh tịnh, tức quán chỗ dơ thành ao bấu, suối bấu, trong đầy nước thơm thanh tịnh, hoặc đầy sữa lạc. Tự nghĩ thân ta thành thân 7 bấu để vớt bỏ đại tiện liền thành sữa thơm, mật ngon v.v...Lại phải biết tướng tịnh này do tâm tạo, nó giả dối không thật. Đó là pháp quán được gọi là phương pháp chỉ (dùng, dứt), biết đây là chỗ bất tịnh từ thân thải ra cũng là vật bất tịnh. Do tâm quá khứ huân tập ác nghiệp nên hiện tại mới hiện tướng bất tịnh này. Nhưng nghĩ tâm Hữu tức phi Hữu, chỉ nhưt tâm bình đẳng vô niệm gọi là chỉ (pháp dùng dứt).

Hỏi: như trên nói có pháp tịnh, bất tịnh tuy do tâm tạo cũng đều do nghiệp quá khứ huân tập thành, làm sao có thể biến thân giả hiện tại gọi là chuyển tâm được?

Đáp: Tâm có đủ pháp tánh, nhưng không gặp duyên thời không khởi. Cho nên nhuộm trong dơ ứ do nghiệp quá khứ mới có hiện tại. Ao bấu, sữa lạc...nếu không qua các duyên hẩn không thành. Nếu giả tâm quán tướng tức trừ dứt các pháp bất tịnh; tâm huân thanh tịnh nên các tướng dơ phải diệt. Đây nói cách ngăn dứt nghiệp quá khứ mà định có thể huân tâm khởi tướng. Công phu hiện đời cũng do tâm huân tập mà phát ra diệu dụng. Như đang trong nhà cầu (rest room) mượn quán tâm huân tập các giả tướng như thế. Vì tâm đã thay đổi tướng cũ nên trong hiện tại trừ bỏ được niệm yêu, ghét.v.v...Ngẫu Ích đại sư nói: “Quán tướng đại tiện dơ là sạch có thể trừ dứt tâm yêu, ghét. Quán đồ ăn sạch là dơ liền trừ hết tâm yêu, nên yêu, ghét ắt hẳn dứt sạch, bèn dứt hết phiền não.” Quán giả thuần thực (nhuần nhuyễn) ắt theo niệm chuyển đổi; phương tiện xuất thế thuần thực qua tiến trình này. Nếu ngộ được bản chất tịnh - ứ này là có thể ngộ được cõi đại thiên không ngoài tâm. Từ đây dơ dứt tâm tịnh mà không biết thân là pháp giới, pháp giới là thân ta. Thân pháp giới của ta chẳng phải một chẳng phải 2 tức 3 độ tự trừ, các tội tiêu diệt. Đây chẳng phải do tịnh đầu là gì, nên quán sát như thế. Hết thấy mọi người đều có thể quán xét như vậy.

Tri ốc: trông coi bảo trì vật dụng, điện đường, phòng xá, nhà bếp, nhà kho các nơi, nóc nhà v.v...luôn luôn xem xét có chỗ nào dột hư phải gấp sửa lại; hoặc sửa chữa hay tạo mới cũng thưa cho Thầy Giám Viện biết để kịp thời sửa sang. Tháp Tổ và các tháp khác cho chí đường xá hư hỏng, đồ đạc tổn hại v.v...bàn thảo với Giám Viện tìm cách sớm lo tu bổ. Như sửa sang các cửa ngõ đều phải thận trọng, không nên xem thường. Nếu thực sự sửa không được nên thỉnh ý vị cao minh chịu khó xem qua mới được. Phàm ao, giếng không được lấp bừa; nhà mát không được tạo lộn xộn. Tre, gỗ, không được

đón chặt bừa, đất đai không được đào xới lung tung...Nếu cố tình đào lấp, đón hạ bị ảnh hưởng gió mưa. Tri ốc cùng với chủ sự làm, đồng bị phạt cho ra khỏi viện. Nếu Trụ Trì đứng ra chủ chốt; 2 chúng thống nhất đồng ý đưa ra bàn công khai giữa chúng. Nếu người can gián lãnh thế Trụ Trì. Giám tu cho chí Tri ốc lo việc phụ. Nếu không có Tri ốc thì Giám tu sửa sang tu tạo trông coi thợ thầy, nhân công, tiền bạc vật liệu v.v... công việc này nên khéo nơi công tác, người lão luyện mới cử sung công việc này.

Hai phần này phải tuân tự mà làm. Điều quy định này, xem “Chứng Nghĩa, Chương Trụ Trì”, phần mục tu tạo tăng phòng ở trước có nói rõ.

Hóa chủ: Có nhiều dạng khác nhau, như nói gặt tòng lâm đơn sơ vô sản, lỡ ngộ năm mất mùa lúa thóc không đủ dùng phải xin Hóa chủ tiền mua gạo thóc; những việc liên hệ tới đại trùng tu Phật điện cũng thỉnh xin Hóa chủ để sửa chữa. Ngoài các việc ấy ra, còn có Hóa chủ thực phẩm, Hóa chủ muối, Hóa chủ giấy cỏ, Hóa chủ hương đèn v.v. Phạm Hóa chủ phải hóa duyên xin tiền bạc, vật dụng, đi nhận ở các địa phương, giả sử gặp trùng hợp chỉ nên xin tùy hỉ cúng dường mà không nên nài ép miễn cưỡng. Nếu dưới hợp nhân tâm trên mới ứng với tâm Phật. Lời lẽ ngôn từ ứng xử cần phải cho thật khéo léo. Nếu có một chút gì sơ sót câu thả là phạt hay cho ra khỏi viện. Nói chung khởi sự không nên quyên góp nếu thấy bất đắc dĩ, như công việc điều hành tốt hẳn không lập công tác quyên giáo này. Nếu ai mượn danh nghĩa ra ngoài quyên góp riêng, lập tức tẩn xuất khỏi viện.

Chứng nghĩa ghi rằng: Tòng lâm xưa nay phần nhiều được an ổn là do Hóa chủ tiếp xúc, lạc quyên; Trụ Trì tán dương công khó nhọc, tưởng thưởng công lao đáng kính, cho đến kẻ khoe công, khi chúng, giữ bám đàn gia hoặc chứa của riêng, sai lầm nhân quả làm thoái tâm đàn việt. Thời Phật tại thế có các đệ tử từ xa về ghé qua các thôn lạc, dân trông thấy nhưng đóng cửa lại. Hỏi họ vì có gì, họ bèn nói rằng, sợ chư tăng tới quyên giáo. Ôi! Há không lấy đó làm bài học soi sáng hay sao! Không biết ý nghĩa chữ “Hóa” có nghĩa là lấy đức cảm hóa người, chứ không phải chỉ việc quyên góp đồ vật của người; nên xem lại ý nghĩa này mà suy nghĩ cho kỹ.

Kinh Hoa Nghiêm phẩm Tịnh Hạnh ghi rằng: “thấy người không xả, cầu cho chúng sanh, thường chẳng xả lìa, được công đức hơn. Thấy người hay xả, nguyện cho chúng sanh, trọn được xa lìa, 3 đường ác khổ”. Căn cứ 2 bài kệ này đối với người không xả còn phát tâm từ, đâu thể khẳng quyết với người đã xả của cải mà ý còn giữ lợi lộc. Người làm Hóa chủ phải hiểu rõ việc này.

Hóa phạn: vai trò này so với Hóa chủ ở trước không giống. Đây chỉ hóa duyên để nhận trai phạn mà thôi, do lấy ý từ chữ “khất thực” mà ra, tức tiếp nạp ghi nhận để thu thập đồ cúng. Công việc này phần nhiều giao cho người rành việc. Không thể nhân đây làm chiếu lệ, lơ là được, hoặc quản lý nhân sự hoặc đến nhà người nhằm chỗ khuất nói chuyện với người nữ, gởi tặng vật qua lại v.v... đều bị phạt.

Chúng nghĩa ghi rằng: Hóa phạn (xin cơm) cũng gọi là hóa duyên. Công việc này phần nhiều gán gũ người thế tục. Cho nên tránh không được ở chỗ khuất cùng người nữ nói chuyện để tránh 2 việc: ngoài tránh sự gièm pha, ty hiềm, và trong phòng hộ tâm mình. Kinh Pháp Hoa chép rằng: nếu có nhân duyên lúc vào nhà người một mình, chỉ nhất tâm niệm Phật. Nếu có thuyết pháp cho người nữ nghe không được cười hở răng, không để lòi ngực bụng mà nhấn đến vì pháp; do không muốn thân cận, huống gì là việc khác ư? Đây là lời vàng tha thiết răn nhắc đó. Ngoài ra, Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm Tịnh Hạnh ghi rằng: thấy người nghiêm túc, nguyện cho chúng sanh, đủ 32 tướng tốt, lấy làm trang sức. Thấy người tướng xấu, cầu cho chúng sanh, bỏ trang sức hảo, hành hạnh đầu đà. Thậm chí nói rằng: Thấy người đoan chánh, cầu cho chúng sanh, đối với Phật, Bồ Tát, thường sanh lòng tin thanh tịnh. Thấy người xấu xí, nguyện cho chúng sanh, đối với việc bất thiện, không sanh ưa đắm.

Luận về tướng đoan nghiêm đối với người nữ chiếm đa phần. Cho nên 4 bài kệ trên để giáo hóa cần phải ghi khắc trong tâm; không chỉ vị Hóa chủ mà tất cả tăng chúng cũng nên ghi nhớ. Thu nhận đồ cúng là vai trò của Hóa phạn. Người đem cơm cúng vị tăng; vị tăng liền dùng cơm này dâng cúng Phật trước, sau mới thọ dùng. Phần nhiều những vị tăng tu khổ hạnh mà người phát tâm làm việc này được phước. Bởi vì, tông lâm ngày nay đa phần liên hệ loại hóa phạn này, quy ra tiền bao nhiêu cúng bấy nhiêu. Giả sử cúng một ngày đủ số 30 cân, đem 30 cân tính ra số tiền bao nhiêu. Tiền do sức lực tạo nên không thể không quan tâm; huống nữa nhân được cúng dường đại chúng là đã có công đức rồi. Duy phải thật tâm hết lòng mà làm, những việc khác qui định nói rõ ở sau. Nhận cơm đầy đủ rồi đem tới nhà khách mời các Thầy trong chúng chia đều.

Ngày Tết: mông một mỗi người lãnh trách nhiệm trông coi tiếp khách, chuẩn bị thức ăn. Sáng mông 2, lên phòng Phương Trượng dùng cơm, dùng trà; rồi phân nhau đưa thiệp chúc Tết tới thí chủ.

(Trong nguyên bản, có một số việc thấy không thích hợp như: cơm chúng thường trụ qui ra mỗi cân bao nhiêu tiền, mỗi quý hợp bàn giao công việc, phân phối giày dép, mỗi tháng cấp phát mỗi người bao nhiêu v.v...Người dịch lược bỏ không dịch chừng 6, 7 dòng. Mong các vị cao minh hoan hỷ).

Nếu có cúng trai tăng, đại chúng đến trai đường theo chúng thợ trai.

Chúng nghĩa ghi rằng: người được đề cử vào việc thu vật cúng là thay thế sự vất vả khát thực của chúng tăng. Trong lúc thu nhận đồ vật cúng đó mà tìm hiểu ý nghĩa của việc thu nhiếp bản tánh mình. Luận khi Phật còn tại thế lưu tiếng thơm, chỉ lấy khát thực làm món ăn chánh mạng.

Tiếng Phạn là Tỳ Kheo, Trung Hoa dịch là khát sĩ. Có nghĩa là người xin ăn; trong xin Pháp để dưỡng tánh; ngoài xin đồ ăn để nuôi thân. Xin ăn để nuôi thân, xem phần sau nói rõ. Xin Pháp để dưỡng tánh như nói, tôi xin tức đồng với kia xin. Kinh Hoa Nghiêm phẩm Tịnh Hạnh ghi rằng, vào xóm khát thực, nguyện cho chúng sanh, nhập sâu pháp giới, tâm không chướng ngại, đến cửa nhà người, cầu cho chúng sanh nhập vào hết thảy trong cửa Phật Pháp. Vào nhà người rồi, nguyện cho chúng sanh, đạt được Phật thừa, bình đẳng 3 đời. Dựa theo 3 bài kệ đây, ta thấy rõ ràng, nghĩa lý sâu xa cần phải tham cứu kỹ lưỡng. Như nói nhập sâu pháp giới tức lấy tục hiển chân, lấy sự đạt lý. Pháp giới tức bản thể thân tâm chúng sanh vậy. Từ xưa tới nay, sáng suốt rộng thông, rộng lớn như hư không chỉ có một chân cảnh mà thôi, không có ngăn mé mà bao hàm muôn loại, rõ rõ ở khoảng giữa mắt tâm nhưng cùng chẳng thấy nhau. Lòng lộng ở nơi sắc trần mà lý không thể phân biệt; không thấu triệt con mắt pháp, lìa minh trí của nghĩ suy, không thể thấy tự tâm không chướng ngại như thế đấy. Đây gọi là nhập vào hết thảy cửa Phật Pháp, và cũng còn gọi là đạt nhập Phật thừa 3 đời bình đẳng vậy.

Xin Pháp để dưỡng tánh như thế, trọn ngày nhận vật cúng nhưng không thấy chỗ thu nhận đồ; suốt ngày vất vả nhưng không thấy có vất vả vì trong đó phước huệ không thể nghĩ bàn. Đây chính là nghĩa của việc thu nhận vật cúng vậy.

Lời phụ: thu cúng vật dụng có qui định 18 điều. Ba đời chư Phật đều từ hạnh môn mà ra, huống chi chấp một việc thu cúng, khuôn nước, vét bùn, xông pha với lạnh lẽo, dãi dầu với nóng bức, cũng thành không. Tâm thành cúng chúng mà không nghĩ tới đạo thật cũng khó đảm trách công việc này.

Cổ nhân nói rằng: nhận đồ của 10 phương thí chủ cúng làm cho họ tăng thêm phước huệ; cúng dường cơm cho 10 phương tăng, người cúng thành

đạo nghiệp. Phi người phát đại nguyện không thể làm được như đã phát nguyện thực hành nên cần dựng cờ tinh tấn, mặc áo nhũ nhục, ngồi xe cửu vĩ, mang tâm lợi tha ắt được phước báo trong tương lai. Người gây tội lỗi sợ hãi vây chặt thêm sâu, tâm buông lung khởi lên, nhân sắp thành Phật lại là địa ngục, có ăn năn cũng đã muộn. Cho nên Thanh Quy lập ra để giữ chí, nay đặt cử 2 người thủ liêu để kiểm soát người ra vào sớm tối; có lỗi hấn nêu lên, lỗi nhỏ chỉ thưa bạch nơi nhà khách, lỗi nặng trình lên Phương Trượng. Nếu thủ liêu biết lỗi nhưng vẫn dung túng che đậy, bị chúng phát giác cùng bị phạt theo như nguyên tắc sau đây, mỗi người phải tôn trọng:

- 1- Ra ngoài bôi bác Tam Bảo, phạt nặng đuổi ra khỏi viện
- 2- Nhận vật cúng về (khất thực), rửa chân, về phòng, tọa thiền, không được đàm luận làm động người khác, ai vi phạm bị phạt
- 3- Người đồng hành cãi cọ gây náo loạn, phạt nặng
- 4- Thùng đựng cơm mỗi năm sửa mới một lần; như cố ý làm hư hỏng mà không chịu sửa lại bị phạt
- 5- Khiêu khích, kinh cãi om sòm động chúng, cho ra khỏi viện
- 6- Phàm có việc gì, trước thưa cho chúng trưởng, đưa lên Phương Trượng, người nào vi phạm bị phạt
- 7- Quyên góp tiền của riêng hoặc lấy cơm canh, tiền gạo bị đuổi khỏi viện
- 8- Nhân lo việc riêng đến đổi bỏ việc ăn uống bị phạt
- 9- Gió mưa, lạnh nóng không chịu nấu ăn, phạt
- 10- Ra ngoài gây sự tranh đấu với người, phạt
- 11- Đem của Tam Bảo như tre gỗ, hoa quả v.v.. cho người bị phạt
- 12- Tối bữa ăn không theo chúng, xài tốn nhiều củi nước của Tam Bảo và dầu chứa củi riêng, nấu đồ ăn riêng trong phòng, phạt
- 13- Vô cớ một ngày không đi khất thực, phạt như nấu cơm một số ngày
- 14- Nếu có bệnh phải nhờ người thay thế, cho đến nửa tháng không hết bệnh, giao qua người khác đảm trách, vi phạm bị phạt

15- Để tăng hay tục ở trong phòng ăn uống tại nhà ăn

16- Tự ý ra ngoài ngủ qua đêm hoặc đem cơm cho người bị phạt

17- Ngoài phòng ngủ nói cười lớn tiếng, thán hạ ngủ cởi trần mặc quần đùi là vi phạm Nội Quy; chúng trưởng không đưa ra, đồng bị phạt

18- Không chờ hiệu lệnh bưng, chuyên lấy đồ đựng cơm cháo ngoài 3 bữa ăn, lấy thức ăn như cơm canh mà không đem trả lại nhà trù. Quá thời đem trả bị phạt

Ngày... tháng... năm... Trụ Trì sao lục.

Dán Nội Quy ngay trong trai đường chỗ nhận đồ cúng.

Chúng nghĩa ghi rằng: Thời Phật tại thế phân chia đi khát thực, xem đó là qui định đúng đắn. Ngày nay ở Đông độ số nhà cúng dường rất ít không đủ cúng cho chư tăng một bữa ăn. Vả lại, tăng chúng đa phần phức tạp không có oai nghi, nếu cùng ra ngoài khát thực không khéo khiến mọi người không phục. Hơn nữa, ngăn gìn giữ đạo nghiệp nên lập công tác này thay cho chúng đi khát thực. Nhưng việc nhận đồ cúng để thay sự lao nhọc cho chúng rồi, chư tăng có sao ngồi an hưởng? Cho nên luật định lúc thọ thức ăn, phải tương 5 phép quán này:

1- Kể công nhiều ít, xem của kia từ đâu đem đến

2- Xét đức hạnh mình đủ thiếu để nhận của cúng

3- Ngăn phòng tội lỗi mà tâm tham là gốc

4- Đúng là món lương dược để trị liệu thân khô gầy

5- Vì muốn thành đạo nghiệp nên mới thọ thức ăn này.

Do 5 phép quán này thích hợp với việc tăng tấn đạo nghiệp, cho nên nói rằng thân nhờ thức ăn mà tồn tại; đạo do thân tu mà thành. Như thế, lần lượt không để tiêu hao của tín thí, nếu không như vậy, cũng khó mong đền trả. Sách Thiên Tông bí yếu ghi rằng: xưa tôn giả Đề Bà sau khi đắc pháp đến nước Ca Tỳ La, ở đó có một trưởng giả tên là Phạm Ma Tịnh Đức. Một hôm có một cây trong vườn mọc tai nhưng thoảng mùi thơm rất ngọt ngào. Chỉ có trưởng giả và người con trai thứ hai La Hầu La Đa hái ăn; ăn xong thân

thành cao lớn. Ngoài ra, những quyển thuộc khác không ăn. Tôn giả Đề Bà biết nguyên nhân đời trước bèn đến sanh vào nhà kia. Ông trưởng giả hỏi nguyên nhân đó, Đề Bà đáp:

- Ông từng cúng dường một vị Tỳ Kheo phải không? Song vị Tỳ Kheo này đạo nhân chưa minh, tiêu hao của tín thí mà quả báo là làm tai cây. Chỉ ông và đứa con trai tinh tấn cúng dường nên mới được hưởng.

Đề Bà hỏi ông trưởng giả:

- Ông bao nhiêu tuổi?

- 79 tuổi.

Đề Bà nói:

- Ông học đạo không thông lý, chuyển thân trả nợ tín thí. Năm Ông 81 tuổi thời cây ấy không mọc tai nữa!

Như qua câu chuyện này nên lấy đây làm bài học.

Kinh Phạm Võng ghi rằng: “Thà vì miệng này nhai nuốt hoàn sắt nóng, và lửa đỏ hùng hực cháy trải qua trăm nghìn kiếp, chứ trọn không phạm khẩu nghiệp.” Ăn thức ăn trăm vị của tín thí đàn việt mà không biết xét nghĩ. Đây là lời chân thật của chư Phật dạy. Tăng thọ nhận của cúng dường phải nên suy xét nghĩ đó.

Trang chủ hay cũng gọi là Tịnh chủ: làm chủ tịnh thất. Người đời hay gọi là viện dưới. Phàm trang trại, công việc đất đai đều là chuyên gia làm chủ. Đất ruộng, nhà cửa, nông cụ... hẳn đều thuộc quyền kiểm soát, tu bổ. Nông trại nhỏ tùy thời phân phối; còn như trang trại lớn phải bạch chư tăng thường trú định đoạt việc canh tác, thuế má...nhứt loạt phải minh bạch. Đừng để chủ tá điền xéo bót, như canh tác ruộng rẫy trước hết phải kiểm tra rõ người điền chủ tốt xấu, và trình chư tăng thảo luận rồi mới cho lãnh ruộng canh tác. Đừng vì tham lợi nhỏ mà đem tâm riêng tư chia cấp đến nỗi về sau gặp khó khăn khốn đốn. Giám thu trông coi việc thu xuất lúa gạo, nộp thuế các khoản phải giao nộp rõ ràng minh bạch, đừng để sai sót. Lấy nhiều trả ít, lấy ít trả nhiều... không thể như vậy được. Thuế má phải xem xét chi li việc này. Trang chủ giám sát 2 việc: thu, chi; việc đơn giản phải có là người liêm chính, lão luyện mới phát tâm làm; phụ tá Trụ Trì sung chức này.

Qui tắc cổ cho rằng Trang chủ, Giám thu đều liên hệ công việc trên; ngày nay đổi lại là Tụ chấp.

Chúng nghĩa ghi: Kinh Tăng Hộ chép rằng; người thấy người chủ đất đầu tiên thời Phật Ca Diếp, là người xuất gia; trong số ruộng chư tăng lấy làm của riêng, không trả lại cho tăng trực. Lúc đó có một vị Tỳ Kheo giữ giới luật, y giới quả trách:

- Người nay tại sao không trả lại cho tăng trực?

Lúc đó người kia dựa thế lực vua không nghe lời dạy khuyên, trả lời các vị tỳ kheo:

- Tôi là tôi tớ các Ngài, nếu các vị có sức tại sao không tự trồng trọt lấy?

Do vì nhân duyên đó nên sa vào địa ngục bị lửa đốt cháy đến nay chưa dứt. Người thấy người chủ đất thứ nhì thời Phật Ca Diếp, là người cư sĩ làm ruộng cho chư tăng, không trả lại cho tăng trực. Do nhân duyên đó đọa vào địa ngục làm đại nhục địa, thọ vô lượng khổ đến nay chưa dứt.

Viên đầu hay người trông coi viên cảnh - vườn hoa. Bốn mùa vun bón không nên bỏ hoang phế. Mọi vật sản hợp thời quản lý đừng để hữu danh vô thực mà không giúp gì được cho đại chúng. Phạm tới mùa rau dưa tươi tốt không được tự ăn trước hoặc đem rau vườn gửi bán riêng. Nếu phát hiện được, phạt nặng.

Chúng nghĩa ghi: Kinh Hoa Nghiêm phẩm Tịnh Hạnh chép rằng:

Thấy vườn rau cải,

Cầu cho chúng sanh,

Năm dục thanh sạch,

Dọn trừ cỏ ái.

Y cứ vào bài kệ trên tức lấy sự hiển lý. Người làm tri viên không những phải tận lực dọn cỏ rác mà còn phát đại tâm nhẫn đến khi đạt ngộ đại đạo.

Dựa theo sách Thiển, xưa dưới tay Lương Sơn Quán Hòa Thượng, có một Tri viên tham thiền đạt định. Trong chúng phần nhiều nghi ngờ không tin.

Một hôm có vị tăng đến trên chốc tức ông ta mới lộ chân tướng, bèn hỏi Tri viên:

Tại sao không tới hỏi Hòa Thượng một vài công án để kết duyên?

- Trừ tôi ra không đến hỏi ai hết. Nếu xuất hiện phải bị giáo hóa, lão quê mùa này dưới thấp nơi quê, so với Lương Sơn đứng ở trên cao.

Viên đầu lại hỏi:

Lúc đạo tặc vào nhà phải làm sao?

- Biết rồi không gây oán cừu.

Biết rồi sau đó phải làm gì?

- Nhận nhục hướng về cõi vô sanh.

Đề đừng cho y có nơi an thân mạng chăng?

- Nước tù không dung được rồng.

Rồng bơi trong nước như thế nào?

- Sóng êm chẳng tạo nên sóng dữ.

Bồng chóc ao nghiêng đổ, sụp núi thì sao?

Lương Sơn bỗng từ pháp tòa đứng dậy đi xuống nắm ghi chặt hỏi:

- Xà Lê (A Xà Lê) đừng dạy lão tăng mặc chéo cà sa ướt!

Ngài Đại Huệ Cảo nói rằng, phải biết người triệt ngộ, cùng gặp người triệt ngộ tự nhiên đạt đến nhất quán. Ôi, y cùng làm tốt vườn chùa, do đây làm gì chẳng được!

Lời phụ: Qui Tắc Tri viên, liêu phòng có 9 điều. Tri viên xả thân lao động, gieo trồng đúng cách. Vườn 4 mùa không để cỏ mọc, đất phải tận dụng canh tác không để một tấc đất bỏ trống. Mỗi ngày lao động tưới cây, sáng sáng găng gỏi bừa xới đất gieo hạt; trưa cúng ngộ Phật, tích tụ công đức ít nhiều. Tới mùa thu lợi cho chúng hưởng mà tự thành nhân duyên rộng lớn. Nên

suy nghĩ làm việc hết mình, không tự bỏ bê biếng nhác, có những Qui Tắc ở liêu phải chân thật tôn trọng 9 điều sau đây:

1- Rau cải các loại đem bán riêng bị phạt đuổi. Tự đem cho người hay dùng ăn một mình, phạt đền bồi.

2- Làm mất dụng cụ, đồ đạc, các thứ v.v.. phải thường

3- Chứng trưởng lãnh chúng trồng cây, như có người lánh nặng tìm nhẹ hoặc ra ngoài ngao du hoặc không theo sự sắp xếp phân công, trách phạt cho ra khỏi

4- Trừ chúng trưởng, mỗi người phải luân phiên trị nhựt, nấu cơm cháo, châm trà. Người nào tháo thác từ chối, phạt

5- Xối nước tưới không hợp thời, hữu danh, không thực, phạt

6- Lấy rau dưa xài riêng trong các phòng, chúng trưởng vị nể không đưa ra giữa chúng nghị bàn, phạt cả hai bên.

7- Cho khách tặng tục đến ở trong phòng riêng và dọn cơm nước đãi, bị phạt

8- Ăn mặn (hành), uống rượu, đánh bạc v.v. phạt đuổi

9- Như những điều Nội Quy trên nếu có phạm, chúng trưởng phải nêu lên; biết mà không đưa ra, đồng bị phạt.

Ngày ... tháng... năm... Trụ Trì.... sao lục.

Dán Nội Quy tại liêu chúng.

Chúng nghĩa ghi rằng: y cứ như trong luật, tự trồng tía ruộng vườn là hoàn toàn trái lời Phật dạy. Song thời mạt pháp, đời sống tòng lâm quá khó khăn không thể không làm vậy. Duy người phụ trách việc này nên nghĩ cần duy trì sắc thân đại chúng có liên hệ tới huệ mạng, phải thật tâm quản lý, tận lực lao tác, ngõ hầu mới không hổ thẹn. Phước báo dù nhiều cũng do lấy từ đất đai mà có, như nói tâm điền của ta, tâm địa ta... hẩn hàm luôn cả phước huệ. Kinh Hoa Nghiêm quyển 77, Ngài Di Lặc tán thán Thiện Tài (đồng tử) bài kệ rằng:

Thiện Tài thấy chúng sanh

Tâm điền thậm bản như

Đề trừ 3 độ căn

Chuyên cầu lợi trí lành.

Nay lấy bài kệ ấy giải thích Tâm ta như ruộng vườn, các giống lộn không nạp; xanh, vàng cùng trắng, đổ theo đó sản sanh ra. Bồ Đề ví như lúa trồng (gieo) xuống tiết mùa thu; giữ giới làm ranh vực, nhẩn nhục đừng quên khuấy, bố thí ngăn lòng tham, tinh tấn trừ cỏ rác, trí tuệ là mưa móc kịp thời càng đượm nhuần. Trị tâm như trị ruộng, hoang phế cỏ mầm sanh. Nếu không trái thí dụ này mới thật sự biết công việc điền viên.

Lời phụ: Quy Tắc việc ngoài viện gồm Trang chủ, Tri viên lãnh phần trách nhiệm, nếu nói xa một chút nên gọi là hạ viện. Luận hạ viện tuy có liên hệ tới hạnh, hạnh của đất cũng không quên huân tu, ngũ hầu không cô phụ chí người xuất gia, đừng cho rằng công việc bên ngoài mà không chịu gia tâm thực hiện. Nên biết rằng việc gánh nước, bừa cửi... cũng đều là Phật sự: lúa mùa xuân làm nên cơm, phải chuyên cần đúng mức. Người xưa độc hành mà tri thức các bậc cao nhân không thiếu, có nghĩa bảm tánh mê muội thô kệch nhờ niệm Phật dần dần mà được, nên mỗi người cần phải nỗ lực chớ phụ sơ tâm của mình. Đã thuộc một pháp hệ tức nên giữ gìn, lời Tổ Thầy dạy khuyên; hạnh tướng bề ngoài không làm tổn tới gia phong.

Sau đây là 9 điều quy định:

1- Có thí chủ đến hết thầy đồ đạc để ở nhà ngoài - hạ viện - phải gia tâm xem xét, nhất nhất nhận số, chỗ cất, để thông báo cho người làm biết. Một mặt ứng tiếp thí chủ theo như lễ nghi quy định

2- Qui định ở chung giống như chư tăng ở chùa, nhứt luật tuân hành, ai phạm bị phạt

3- Trang chủ, tri viên, lo cửi, phụ nước, linh tinh gồm 6 việc, mỗi việc một người phụ trách. Mỗi tháng bao nhiêu gạo muối, mỗi quý (3 tháng) chừng đó ngân khoản tùy theo đó qui định thích hợp cho hai bữa ăn

4- Trang chủ, phạm ngoài viện có việc lớn nhỏ gì đều có người chuyên lo chăm sóc chịu trách nhiệm. Trừ việc công, không cho ra ngoài. Sáng tối 2 thời công phu đọc tụng kinh không được buông lơ. Không cho tự ý

lưu khách ăn trong phòng ngủ. Tất cả những người làm việc có lỗi nhẹ thì dạy khuyên; nặng nên trình chúng định cách phạt

5- Thiếp án (niêm yết thực đơn menu) liệt ra thức ăn dưới viện (nhà bếp), giờ cơm đại chúng khai bồng, gõ bồng; dọn dẹp nhà trù phối hợp cùng người phụ trách củi, nước xong theo chúng dự thời khóa tụng

6- Tri viên: vật dụng, đất vườn phải gieo trồng hợp thời, không được trễ lười bỏ đất trống

7- Hỏa đầu lo củi lửa, dập than cũng như cẩn thận việc củi đuốc. Dù lạnh không để lửa, nếu vi phạm trình Trang chủ phạt

8- Gánh nước kiêm bữa củi; tạp vụ kiêm hành đường và những việc lau quét, cùng xem xét cửa ngõ, để ý vật của Tam Bảo

9- Làm việc Tam Bảo chỉ Giám viện, Phó Trụ Trì, Tri Khách, Giám Thu v.v.. có việc được phép ăn ngủ ở trang trại. Ngoài ra, qui định chung không cho phép, ai phạm trình Trang chủ phạt.

Ngày... tháng... năm... Trụ Trì... sao lục.

Ấn ký.

Chúng nghĩa ghi rằng: đường tới viện dưới cách hơi xa, nếu chúng cùng ở chung rất khó, vì thiếu chỗ đủ rộng dung nạp mọi người hiền; sự thật còn tùy hình thức viện lớn, nhỏ nữa. Nếu bảo rằng đã sung vào công tác hạ viện hẳn tâm không có dụng thứ hai, theo Thanh Quy trong việc huân tu như mọi người. Tại sao vậy?

- Đáp: Nếu lấy tọa thiền, quán tưởng làm đề mục rồi ngưng chấp tác là không đúng; chưa nói đến gặp việc thành ra trở ngại. Sách Vân Thê Sùng Hành Lục ghi rằng: đời Tống có Viên Chiếu Bồn thiền sư theo học dưới Ngài Vĩnh An Thăng mà Ngài An Thăng đạo cao đức trọng, nhận làm đồ đệ. Bồn mặt mũi lem luot, áo rách dơ, giữ phần việc nấu đồ ăn cung cấp chúng. Ban đêm nhập thất tham thiền, ngài An Thăng bảo:

- Dầu đà (người tu khổ hạnh)! Đeo mang chúng chi thêm khổ, lại chịu vất vả nữa chứ?

- Nếu bỏ một pháp chẳng gọi được là viên mãn Bồ Đề, hẳn muốn đời này chứng đắc, đâu dám nói lao khổ!

Ngài Liên Trì nói:

- - Nắm giữ mọi việc mà không ngại, tham cứu lễ tắc cổ kim, nấu ăn nhưng chẳng trở ngại nhập thất tham thiền. Sa môn đời nay ngửa tay nhận của cúng cho rằng, ta là người làm đạo. Kia làm việc đó là cho cái gì so với xưa có khác, cho nên đạo ngày càng suy vi là vậy.

Liêu nguyên: Trước đã nói công việc các liêu, phần phụ có thêm tự chấp. Phần này nêu không liên hệ công việc các liêu, cho nên liệt riêng ở đây.

Xưa người nắm giữ vai trò này lo hàng chục thứ: trà nước, củi lửa cung ứng theo nhu cầu; rưới quét, hong phơi, cạo tóc, trải khăn v.v... các việc. Ngày nay chú trọng một ngày quá đường – cũng gọi là Vân thủy đường (Vân Thủy là Tỳ Kheo) tức nhà phục vụ chư tăng. Phạm có khách tăng đến lấy lễ tiếp đãi, phân phối dĩa Đông hay Tây dọn đơn (giường); chỉ cho xem Nội Quy để giữ đạo phong chúng thường trụ. Đứng ra mặt hoặc ẩn đều là công việc của liêu nguyên. Phải chọn người chín chắn đảm trách phần vụ này.

Lời phụ: Qui tắc ngày hóa duyên cũng gọi Vân Thủy đường gồm 13 điều như sau:

1- Đặt đơn ở nhà chính hay Đông, Tây. Hễ thời công phu, tọa hương, ngồi thiền, chỉ tịnh... đều theo qui tắc thiền đường. Sáng chiều 2 thời Kinh đốt nhang dài; tối nhang ngắn. Sau giờ thiền định mới xả thiền; tối ai ra ngoài vui chơi phạt; lúc ngủ giỡn đùa cười, phạt

2- Gần đến giờ ngọ, ngọ trai phải theo chúng, cũng như đến giờ cơm tối, theo chúng dùng cháo (gọi là dục thạch). Quá giờ ăn mới đến phạt. Bữa ăn chiều đem về phòng ngủ, ngày hôm sau tới giờ ngọ trai bạch sám hối tại quá đường. Trời mưa đợi dứt mưa, có bệnh chờ hết bệnh mới đi quá đường

3- Người bệnh gọi đến phải hỏi lai lịch rõ ràng mới nhận; ghi tên vào sổ sách để lưu giữ

4- Trong chúng không giữ Thanh Quy, liêu nguyên khéo khuyên giải, nếu không nghe, liền trình Ban lãnh chúng hỏi rõ phạt qùy nhang. Không tuân đưa ra nhà khách chơ dờ đơn, nếu không bạch chúng mà tự làm âm lên, la lối làm loạn, phạt; ấu đả: phạt nặng

- 5- Bỏ đường, Thầy Hương Đăng xem xét trà nước cho khách tăng, nếu không có Liâu Nguyên phải lo quán xuyến
- 6- Tự ý đi ra ngoài, lâu không trở về bị phạt
- 7- Nghe tiếng bảng hiệu không theo chúng đi ra núi, phạt
- 8- Không giữ oai nghi chỉnh tề, phạt
- 9- Cấm hút thuốc, ai hút phạt. Cấm rượu, người nào phạm đuổi khỏi viện
- 10- Bàn luận hay dở, tốt xấu về tri thức chư tăng, phạt (ham mê ưa thích khí giới nhơn, phạt)
- 11- Đi quá đường, vào chánh điện không đáp y, phạt; trừ người chưa thọ giới
- 12- Nếu lúc đi, trong liêu chúng có người già yếu một mình phải thưa ra ở phòng khách để tìm cách giúp đỡ
- 13- Gặp người đến tỏ ra dối trá lạ lùng, ngôn từ sắc sảo liền phải xét hỏi, sợ có bợn cơn đồ trá hình mang đến hậu họa; bỏ mặc lằm lẩn thiếu quan sát, phạt.

Ngày... tháng... năm.... Trụ Trì.....sao lục.

Ấn ký.

Chúng nghĩa ghi rằng: Thập phương đệ tử có 2 loại y chỉ, tăng hành cước. Y chỉ có nghĩa chỗ nương tựa, lấy thiền đường làm chỗ nghỉ, hành cước là tăng vân thủy rày đây mai đó như mây bay nước chảy; trong đó đã thấu triệt đại sự, tùy duyên hành cước. Có việc nào chưa sáng tỏ, phải tìm thầy hỏi bạn; có cơ duyên chưa giải tỏa tìm đến bậc tri thức. Có triều sơn (lạy 3 bước 1 lạy), tán hương nên tùy hỷ kết duyên. Người có tánh thích vân du không chuyên làm đạo mà đã tới đây cũng phải tiếp đãi.

Liâu Nguyên nên tận tâm đáp ứng, có nghĩa hợp duyên khách ở lại; hợp lý, hòa nhã, rộng lượng mới có thể tiếp mời cùng tham thiền. Nếu quả đúng vì sanh tử người phát tâm luận đạo thời mời đến nhà khách thảo luận. Tới phòng khách liền thông báo cho Trụ Trì hay dẫn vào thiền đường hoặc tới phòng nghỉ. Ngoài ra, sự hưng suy của tông lâm do người mà được nên phải

giữ pháp lục hòa cùng ở chung. Ngoài không nói ly gián cho chí trong nhà, không nêu lỗi lầm, ban đêm không tới phòng ngủ khách. Hôm sau, giờ Ngọ trai liền tự động đi theo chúng. Ngày nay đôi gọi là vân thủy (nhà sư khát thực), là lấy ý kẻ đi ở bất định.

Nhàn trụ tức ở không trong liêu phòng. Nhà sư thư nhàn không làm việc gì, cũng chỉ người kỳ cựu; kỳ là niên trưởng, cựu là đã từng làm việc lâu năm, là người có công với Tam Bảo trước đây, nay tuổi lớn nên được đặc miễn ở trong liêu không phải làm việc nữa.

Phải tham gia công tác - người già được miễn. Phạm thời khóa tụng phải theo chúng. Nếu vào điện, tọa hương, chiếu Nội Quy mà thi hành. Vào trai đường thọ trai, tụng kinh, đi nhiễu Phật, làm việc nơi thiền đường sau khi xong không được cãi vả ồn ào. Theo Ích Cổ tông lâm, không có độc đơn gói chiếu cho nên liêu phòng chỉ để cho người lớn tuổi nghỉ hay người làm việc lâu năm, nhưng sức lực hao mòn nghỉ việc, được ở. Song cũng phải xem Kinh, niệm Phật, lễ bái mới được chấp thuận hay không chấp thuận.

Chứng nghĩa ghi: Kinh Tăng Hộ rằng, người xem cục thịt thứ nhất này, thời Phật Ca Diếp là vị Thượng Tọa trong tăng không tham thiền, tụng kinh, không giữ giới luật, ăn no rồi lại ngủ và chỉ bàn luận việc vô ích, lựa chọn món ngon cúng dường hưởng trước. Do nguyên nhân đó nên sa vào địa ngục làm viên thịt tròn lớn bị lửa thiêu đốt, phải thọ khổ, đến nay chưa dứt.

Lời phụ: Theo qui ước xưa nói là kỳ cựu; kỳ cựu khác với kỳ túc. Cựu chỉ niên lão nhắm người sống lâu, tức là bậc trưởng lão có đức độ.

Nhà kỳ cựu ở tông lâm là nhà Đông cũ mà người đời còn gọi là lão đường. Phạm bước vào nhà này phải sanh lòng hổ thẹn liền nghĩ tới cái thân này: mắt mờ, tai điếc, tóc bạc, mặt nhăn, bụng hóp, lưng khòm, xương nhức, gân mỏi. Bước đi bãi hoải, tinh thần lú lẫn, cho nên biết rằng thân này không tồn tại lâu, ắt sắp đến cửa tử. Đường trước mờ mờ rồi lại chẳng biết đi về đâu. Nếu đã biết việc như thế rồi sao còn vất vả nhiều lời làm gì; nếu người nào chưa tới tuổi như thế nên nhiếp tâm niệm Phật. Có 6 điều qui định người già yếu như:

1- Năm 70 tuổi ở chùa chuyên tu không lỗi lầm mới có thể đi được xa hơn, 80 tuổi lượng sức, 90 tuổi vô chừng (ít có người)

2- Người già cần thuốc men, ăn uống bất thường. Tri khổ, hỏa đầu quân, điển tọa chấp nhất không cho họ, phạt. Sự thật không phải bảo không cho nhưng đối với chúng phải nói rõ. Nếu tự ý bạc đãi bất công bị phạt

3- Người già không còn răng, hay răng yếu không theo kịp chúng nên cho họ món ăn mềm chín nhuyễn

4- Người lớn tuổi suy nhược, thời công phu sáng đi bất thường, nhưng thời kinh tối nên theo chúng, không đi tụng kinh phạt. Người 80 tuổi châm chước, 90 tuổi được miễn

5- Ở trong nhà đôi khi nổi trận tranh cãi hay ra ngoài gây sự, cho ra khỏi

6- Hương Đăng cho ở một chỗ riêng vì khổ cực, trừ khi đốt đèn, gánh nước, tưới quét, hong phơi cần gia tăng trợ lực thuốc men.v.v...cho nên sức trẻ còn mạnh khỏe phát tâm làm việc. Người lớn tuổi bổ sung, đã bổ sung vào rồi giải đãi lánh nhẹ, phạt.

Ngày....tháng... năm... Trụ Trì....sao lục.

Ấn ký.

Chúng nghĩa ghi rằng: Lão tức là xung tán bực đức cao, lập trường. Ở đây chỉ có thể xung là lão cựu tức chỉ lập trường (hạ lập hay tuổi hạ) tuổi hạ cao vậy. Luật Tỳ Ni Vô Luận ghi rằng: từ không hạ đến 9 hạ (an cư kiết hạ) gọi là hạ tọa; 10 hạ đến 19 hạ gọi trung tọa; 20 hạ đến 40 hạ xung là thượng tọa. Từ 50 hạ trở lên được chư tăng tôn kính xung là kỳ cựu (kỳ túc). Việc này y cứ năm thọ giới mà xét, căn cứ tuổi đủ 20 mới thọ tỳ kheo. Cho nên vị tăng 70 tuổi xung là vị kỳ cựu. Song do sự sắp xếp của tông lâm, trong sách Thiền Lâm Bảo Huấn đối với người già bệnh, Ngài Cao Am cho rằng, bản đạo thường đọc Tạng giáo suy ngẫm ý Phật không cho phép tỳ kheo ngồi không thọ thực mà sanh tâm sa đăm; khởi lên chỗ thấy của ta. Mỗi sáng sớm ôm bát đi khát thực, không lựa giàu nghèo để tất cả đều gieo phước; sau này xung là tăng thường trụ. Nguyên vì tỳ kheo già bệnh không thể đi khát thực được nếu không nhờ tỳ kheo tuổi trẻ không có mà ăn. Nhưng sau Phật diệt độ Phật giáo đến Trung quốc cho phép tỳ kheo thu nhận đồ cúng, thành chỗ lợi dưỡng chứa làm của tăng thường trụ để bảo đảm số chúng đông. Ngày nay nghe có một số chùa các vị Trụ Trì không biết nhân quả, chẳng phải già bệnh lại trái tôn chỉ Phật dạy làm bại hoại pháp môn tu; bê bối không ở chùa viện, lấy cố già sắp hưu. Xưa lúc Thế Tôn còn tại thế như không có người mời thỉnh, Ngài đi tuần khắp các tăng phòng xem xét những vị tỳ kheo già

bình ân cần thăm hỏi; để khuyến khích chư tăng kính trọng lẫn nhau v.v... Việc này nhằm an ủi các tỳ kheo lớn tuổi bệnh hoạn.

Điện chủ: buổi sáng 4 tiếng bảng cùng tới chỗ nước sạch, đốt hương, nghe tiếng đại hồng chung dứt, đốt đèn, gõ bảng, cúng hương. Nhịp 3 hồi khánh, cúng hương xong, lau quét bụi, bàn ghế sạch sẽ, ngay ngắn, rưới quét điện Phật và chung quanh hành lang, châm dầu, thay đèn; ngoài ra chuẩn bị thích hợp cho thời khóa tụng. Hiệu bảng cúng ngộ, buổi chiều đốt đèn Dược Sư. Ngày mồng một, Rằm và những ngày lễ vía khóa tụng buổi sáng dùng tiếng chup chả, trống cơm tán tụng tại chánh điện. Phép cúng ngộ dâng cơm lên cúng xong hạ xuống; tụng Kinh sám, đến y bát, liêu xá, các đồ pháp khí trang nghiêm mỗi mỗi ngăn nắp sắp xếp chỉnh tề. Chú ý trông coi đèn đuốc, kinh tụng xong sắp cho ngay ngắn, trả nguyên lại chỗ cũ. Các tôn tượng Phật Thánh nửa tháng lau quét một lần, mỗi năm tắm lau một kỳ; căn cứ theo nghi tắm Phật ở trước. Nếu treo đại hồng chung, xem điều 9 phần Pháp khí ở sau nói rõ.

Hương đăng nhà giảng: quét dọn nhà giảng trong ngoài sạch sẽ, trải bồ đoàn cho Trụ Trì hành lễ. Khóa tụng tối: đốt hương, châm đèn, bật đèn lồi đi 2 bên hành lang, bảng chỉ tịnh. Sáng sớm 3 hồi bảng thức chúng, trời sáng tắt đèn; lên chánh điện giống nhịp trống lớn, tùy việc nhiều hay ít; theo chúng tụng kinh; đi quá đường...

Hương đăng lầu chứa kinh tạng, sớm tối đốt nhang, đốt đèn, châm trà, lau quét, xem xét Kinh tạng, trông coi hành lý chư tăng. Hai buổi đi quá đường, lên chánh điện, giống đại hồng chung. Khi cúng ngộ, dâng cơm cúng Phật xong hạ xuống; ngoài ra, cũng lo đèn nhang ở giảng đường.

Quản thủ tháp bên trong chỉ trông coi quản lý tháp Phật lo hương đèn, lau quét mọi việc v.v... Theo chúng vào điện, đi thọ trai; như có cúng tháp các món thức ăn được, trừ tháp Phật không cúng các đồ ăn.

Trông coi bên ngoài tháp như quét dọn các ngôi tháp Tổ, và kịp thời dầy cỏ; sớm tối lo việc nhang đèn. Phạm tiết Thanh Minh có cúng tháp như trước đã nêu giống như hương đăng. Hễ chư tăng viên tịch nhập tháp cúng thức ăn đúng pháp, giả như có vị ở ngoài xin nhập tháp nên thưa trước ở trai đường cho đại chúng biết. Nếu nhận lễ riêng mà thân nhập bị phạt.

Tổ đường là nơi thờ bậc hiền đức: hương đăng mỗi tối đốt hương, lo việc sạch tịnh v.v... giống như thiền đường hay cùng đồng như hương đăng lầu Kinh các. Ngoài ra, hương đăng các chỗ tuy khác nhau, nhưng việc châm

đèn, đốt nhang, lễ bái đều giống nhau. Sớm tối đốt hương, trước phải súc miệng rửa tay sạch sẽ; kế tụng bài “Lu hương sạ nhiệt” tán hương xong, tiếp theo tụng chú:

Án thập phiệt lật đa mật nê. A bát la cú thác; tô phá ra ni ti ca tri, hô hồng (3 lần).

Tiếp tụng chú dâng hương như:

Án tát bà đất tha yết đa. Đổ ba, bố xà, minh già, tam mộ đạt ra, tốt phát ra nô, tam mật duệ hồng (3 lần).

Dâng hương, tụng chú, quán tưởng khói hương bay khắp 10 phương các cõi Phật, hết thấy thánh hiền đều khởi tâm hộ niệm. Cho nên gọi là lò hương vừa nhen nhúm cõi pháp được xông lên. Chư Phật trong hải hội thấy đều xa nghe, tùy xứ kết mây lành, lòng thành mới ân cần, các Phật hiện toàn thân. Như đốt đèn hay đốt nhang trước nên đọc chú dâng hiến đèn như:

Án tát bà đất tha yết đa, nê bà bố xà minh già, tam mộ đạt ra, tốt phát ra nô, tam mật duệ hồng (3 lần).

Châm dầu, đèn hoặc nến cũng tụng chú, tưởng quán đèn phảng phất bay đến trước các vị Thánh hiền, cho nên nói là đuốc ngọc vừa soi cõi pháp sáng trưng. Tụng 3 câu chú này rồi đốt nhang, châm đèn nên diệt tội trừ oan trái, tăng phước vô lượng. Nếu không tụng chú mà quán tưởng, là không thành tâm. Tuy đốt nhang đèn đi chẳng nữa e Tam Bảo, thiên thần cũng không thọ lãnh.

Chúng nghĩa ghi rằng: điện chủ là trưởng của chúng hương đăng, thay chúng tăng làm việc chăm chỉ, lo cho Phật đà; ngoài ra, hương đăng ý nghĩa cũng giống như đây, hương hoa, đèn dầu, quả phẩm 6 loại cúng dường. Dùng hương đèn làm danh xưng, 5 món uế trước trong đời bay mùi xú uế không thể nghe; trong đêm tối âm u không thể thấy. Muốn cầu Tam Bảo, chư vị thiên thần thường ở cõi này hộ niệm cho ta... Nên thường đốt hương thơm để trừ mùi hôi hám, gặp tối đốt đèn dùng ánh sáng soi vật, khiến không còn che lấp tối đen u ám mà thành mùi thơm vi diệu, tia sáng rực rỡ, đây là ý nghĩa hương đèn vậy. Cho nên công việc làm hương đăng hoàn toàn do tâm thành mới thật tỏ lòng dâng cúng. Nên nói rằng, hương từ tâm sanh, tâm do hương mà đạt được không ở nơi 3 thì (quá-hiện-vị lai) nhưng có thể biến khắp 10 phương chư Phật. Huệ soi tỏ tâm để thấu đạt lý; lại hân nung tụng chú mà tâm tưởng thành mới hết lòng dâng hiến là làm đầy đủ bổn phận của hương

đăng vậy. Đây không riêng hương đèn đốt nhưng tâm mọi người đều phải như vậy. Không chỉ kính Tam Bảo mà còn kính cả thiên thần đều phải như thế.

Kinh Kim Quang Minh phẩm Tứ Thiên Vương ghi rằng: là mùi hương vi diệu trong khoảng một niệm liền bay đến thiên cung. Mùi thơm biến thành vòng tỏa hương vi diệu, sắc vàng chói lọi chiếu tận thiên cung như cung trời Đê Thích, cung Phạm Thiên cho chí cõi chư Phật trong không trung trên chư Phật cũng biến thành hương vòng; ánh sáng vàng chiếu khắp cũng lại như thế.

Kinh Hoa Nghiêm phẩm Hiền Thủ ghi rằng: Lại phóng tia sáng trang nghiêm, đủ loại diệu hương nhóm tụ xông lên rải khắp các cõi trong 10 phương để cúng dường chư Phật. Lại phóng ánh sáng hương bột trang nghiêm đủ loại mật hương nhóm xông lên rải khắp các cõi trong 10 phương để cúng dường hết thảy Đại Đức tôn. Căn cứ theo đây toàn dựa vào sự thành tâm quán tưởng để làm việc cúng dường là một loại biện hương biến khắp cả 10 phương thành đài ánh sáng, trỗi thiên nhạc, đốt hương thiên bảo, trình lên các món mỹ vị, đặt áo thiên bảo, diễn nói đại pháp. Mỗi mỗi biến khắp tới cõi cõi vô ngại, chỉ thành tâm quán tưởng mà thành tựu. Sáng chiều dâng hương như thế, thời khóa tụng sớm tối như thế, lễ bái tụng kinh như thế, cầu nguyện sám hối như thế được Tam Bảo thiên thần cảm ứng như nguyện. Là mỗi ngày dùng hương hoa, đèn nước, sáng chiều dâng cúng bằng tâm thành kính nên đạt được phước báo không thể nghĩ bàn. Ngoài ra, hễ người nào thành tâm đốt đèn được cảm báo nhiều hơn.

Kinh Đồ Vương Thọ quyết ghi rằng: nhà vua thỉnh Phật thọ trai hỏi rằng:

- Phải làm sao cho thích hợp?

Kỳ Bà nói:

- Chỉ có cách là nên đốt đèn.

Vua ban sắc xuống đem đủ 100 hộc dầu mè thắp suốt từ cung đến tinh xá Kỳ Hoàn. Lúc bấy giờ có bà lão nghèo cảm kích xin được 2 tiền cũng mua dầu cúng Phật.

Vua nói:

- Bà quá nghèo tại sao không đem tiền mua thức ăn?

Bà lão đáp:

- Nay thấy nhà vua làm việc đại công đức, dù nghèo khó lão cũng muốn đốt một ngọn đèn làm nhân cho đời sau.

Người chủ bán dầu nghe vậy đong thêm 3 tiền dầu thành 5 tiền; số dầu của vua thấp không đủ tới nửa đêm. Bà phát nguyện rằng: “Nếu đời sau con đắc đạo như Phật, mong cho ngọn đèn này cháy suốt đêm không tắt”. Sáng ra, Ngài Mục Kiền Liên thấy những ngọn đèn khác tắt hết, duy chỉ ngọn đèn bà lão còn nguyên vẹn, Ngài dùng oai thần theo hơi gió thổi cho đèn tắt, đèn vẫn cháy sáng và còn cháy mạnh hơn. Phật bảo Ngài Mục Kiền Liên: “đây là ánh quang minh đức Phật tương lai, không thể dùng thần lực của ông mà có thể dập tắt được. Bà lão này đời trước gặp Phật pháp mà chưa tu tập nên đời nay nghèo khổ, sau đây 30 kiếp bà sẽ thành Phật hiệu là Tu Di Đăng Quang Như Lai.”

Lại nữa Kinh Thí Đãng Công Đức ghi rằng: nếu người nào cúng đèn thắp sáng nơi chùa tháp Phật, lúc lâm chung được 3 loại ánh sáng:

1- Trước đã tạo phước lúc chết đều hiện ra ở trước nhớ lại không mất, sanh tâm vui đẹp

2- Nhân đây mà phát tâm niệm Phật, hay làm việc bố thí nên lòng rất hoan hỷ, chết được an lạc

3- Nhân phước này mà liền có tâm niệm nghĩ tới pháp.

Lại cũng còn có được 4 thứ ánh sáng soi chiếu:

1- Thấy mặt trời hiện

2- Thấy mặt trăng hiện

3- Thấy chư thiên

4- Thấy Phật ngồi trên tòa sen

5- Thấy mình đang chấp tay cung kính hầu Phật.

Người nào thấy 4 loại ánh sáng đây bèn sanh lên cõi trời thứ 33.

Kinh Hoa Nghiêm phẩm Hiền Thủ ghi rằng: lại phóng quang chiếu diệu, ảnh trùm hết ánh sáng chư thiên. Chỗ nào có ngăn chướng được trừ hết, khắp vì chúng sanh mà làm cho được lợi ích. Đây là ánh sáng giác ngộ hết thấy chúng sanh khiến cầm đèn cúng dường Phật. Đem đèn cúng dường chư Phật nên trong đời được vô thượng đặng. Y cứ theo đây việc cầm một cây hương đèn cúng dường Phật chóng thành tựu vô lượng công đức.

Tuần chiếu tức đi tuần gồm ban ngày và ban đêm khác nhau. Đi tuần ban ngày do tự chấp, là trông coi những việc tạp chúng thường trụ, phụ giúp với ban trực nhật. Không phải lúc nào cũng ở các nơi quét dọn, làm sạch sẽ, mà cũng không cho tăng chúng ra ngoài đùa giỡn nữa. Như có quan chức đến tới trình bạch nơi nhà khách theo chúng thọ trai quá đường hai lần một ngày. Tuần ban đêm là do liệt chấp, tối định hương, đèn hầu hương, gõ 3 tiếng bảng, châm trà, bật đèn phòng, mở nước. Gõ 4 tiếng bảng đốt đèn nhà trù (bếp), dứt một tuần hương; gõ 5 tiếng bảng định hương nên phải đúng giờ. Như để trễ sáng không đúng giờ, cúng cháo sáng, giờ quá đường là phạt quỳ trước trai đường. Thời khóa tụng nghe 3 hồi đại hồng chung, gõ nhịp bảng, lên điện cúng Phật cũng như thế; thời kinh tối nghe 3 hồi chuông ở thiền đường và nhịp bảng là theo chúng lên chánh điện tụng kinh. Ban đêm sau giờ chỉ tịnh hồi một hồi bảng. Lúc rảnh việc bèn giúp điện chủ làm việc. Nếu thủ trông xem ở sau, Chương 9 nói về Pháp khí.

Quét dọn mỗi ngày: quét tước trên dưới, trong ngoài các con đường đông tây cũng như ở trước sau các hành lang không để bê bối; cần phải nhỏ cỏ sạch sẽ; kiêm luôn việc hương đăng nơi điện Thiên Vương.

Chứng nghĩa ghi: bộ luật bốn ghi rằng: ông trưởng giả Cấp Cô Độc mỗi ngày vào buổi sáng sớm thường đến rừng Thệ Đa quét đất, lạy Phật. Một ngày nọ trưởng giả bận việc không vào chùa, đức Phật thấy đất dơ, liền cầm chổi quét. Lúc đó Ngài Xá Lợi Phất v.v...thấy đều quét đất; quét dọn chung quanh xong tất cả vào nhà cùng ngồi. Phật bảo các Thầy tỳ kheo rằng: phạm quét đất có 5 điều lợi như sau:

- 1- Nhân quét đất mà tự tâm thanh tịnh
- 2- Người thấy đất sạch làm cho tâm họ thanh tịnh
- 3- Chư Thiên hoan hỷ do đất sạch không bụi bặm, liền trừ hết bản kiêu mạn
- 4- Gieo được nghiệp đoan chánh điều phục tâm

5- Nhân quét đất chùa mà công đức càng tăng trưởng, sau khi chết được sanh lên cõi trời.

Sách Thiên Lâm Bảo Huân ghi rằng: vào chùa đường tắt mở ra, lối đi (hành lang) khai thông, sửa sang. Việc này phải biết do bậc trưởng lão đảm trách.

Thỉnh tự chấp - mời biệt chấp không cần phải có nghi lễ.

Thỉnh tự chấp phải trình ở phòng khách; Duy Na đưa cho chư tăng một danh sách để mỗi người tùy nghi chọn. Trình cho Trụ Trì xem qua, nếu chấp thuận giữa Duy Na, Tri Khách; sai thị giả mời Duyệt Chúng đồng làm việc. Tới phòng Phương Trượng đánh lễ, ngồi rồi tuân tự trình bày một số công việc đã cất cử, để tùy nghi. Ngày kế, dùng cháo sáng, đi qua đường ngay tại trai đường, công bố mời thỉnh thành phần chức sự: 4 trưởng ban, một Giám Viện, Đô Giám hay Phó Giám Tự, Trụ Trì đồng ý, Tri Khách đồng ý...

Trước đó dán thông báo rằng, thừa lệnh Hòa Thượng mời Thầy A làm chức Y v.v...Sau khi nghe 2 tiếng bãng, bãng hiệu chính là để mời tự chấp mới. Đáp y, mang tọa cụ, người nhận việc trước không đáp y đều tới phòng khách. Tri Khách liền theo thứ tự đọc danh sách các Ban v.v...Đọc xong, bạch chúng rằng: “xin chúc mừng quý vị sư phó”, rồi lễ xuống một lạy. Những vị làm việc cũ đến phòng Phương Trượng đứng 2 bên; kế đến Tri Khách hướng dẫn Ban chức sự mới đến trước Phương Trượng bạch:

- Bạch Hòa Thượng, việc thỉnh tân Ban chức sự đã hoàn mãn, chúng con xin ra mắt và đánh lễ Hòa Thượng.

Lễ 3 lạy xong, tân Ban chức sự lui ra. Những vị làm việc cũ tiến vào đứng theo thứ tự, cụu chúng trưởng bạch:

Đánh lễ Hòa Thượng xong, Phương Trượng bảo:

- Vào tham đường.

Trước hết, Ban chức sự cũ tới giảng đường đứng qua 2 bên. Tri Khách gõ bãng báo hiệu 3 hồi, và nói:

- Xin mời quý Thầy tân Ban chức sự tham đường hành lễ.

Cho đến lúc lễ xong, 4 chúng trưởng, Trụ Trì trở về chỗ; tức liền lui ra, chỉ những vị khác ở lại. Duy Na tiếp tục theo thứ tự giao việc cho từng người. Giao việc từng người xong, Duy Na nói:

- Xin chúc mừng quý vị sư phó.

Rồi lạy một lạy. Lạy xong mỗi người chiếu theo từng việc thứ tự mà làm. Công việc là tụng kinh tối, trải bồ đoàn trên chánh điện, đem trở về liêu sau khi khóa lễ xong. Duy Na nói:

- Mời các Thầy tân Ban chức sự xuất ban (tiến ra trước)

Lễ 1 lạy xong, chúng trưởng chỉ việc, xem phần sau chỉ rõ.

Duy Na nói:

- Mời quý Thầy tân Ban chức sự vào Tổ đường lễ Tổ.
- Kế tới lễ Phương Trượng, lễ xong Tri Khách hướng dẫn tân Ban chức sự đi tuần tra các liêu, nhịp khánh một hồi 3 tiếng, bạch:
- Mời quý Thầy tân Ban chức sự đi tuần liêu.

Tới hỏi thăm từng Thầy cho tới khi xong; mỗi người lui về. Gõ bảng ở phòng khách nhóm chúng xem đơn. Phương Trượng mời dùng trà, uống trà xong trở về liêu phòng. Y cứ theo vị trí tọa hương cho chí trước lúc chỉ tịnh, phân ngồi hương xong, Duy Na nói rằng:

- Mời quý Thầy tân Ban chức sự đứng lên lễ thập phương Tam Bảo.

Nếu liên quan tới chúng trưởng thời lúc hành lễ, các tự chấp (nhân sự) nên xuống giường, đứng vào

vị trí của mình. Riêng người không phận sự không theo các chúng chấp sự cùng lễ. Vì đây là phần việc ban tự chấp đã được lập xong. Duy Na lại nói:

- 2 dãy các vị sư phó, thay các vị sư phó đi xem đơn.

Bạch xong, Duy Na cùng chúng đi xem xét giường các phòng, 2 dãy đông tây lang mỗi nơi cẩn thận xong, mỗi người về ngồi theo chỗ của mình vào giờ chỉ tịnh.

Việc mời Ban chức sự: dán thông báo tại chùa ở lễ đường nơi hành lễ. Nếu người hầu liêu chỉ ghi là tham đường, ảnh đường; thị giả tuy thông báo nhưng không vào tham đường. Ngoài ra, Đô Giám, Giám Viện, Tri Khách v.v.. đều không vào tham đường.

Mời xong các phân vụ, Giám Viện, Duy Na, Tri Khách, Thị Giả 4 người cùng đi xem các liêu, các đơn và phòng khách. Tại phòng khách mời tân Ban chức sự cùng dùng trà. Ngoài ra, 4 trưởng nhóm nên chọn tên Thánh đặt cho chúng như Văn Thù, Phổ Hiền v.v... để giúp ích công việc. Giám Viện, Tri Khách, Duy Na v.v.. gọi là hiền chấp. Phật, các bậc Thánh hiền đều làm như vậy. Thư Ký, Thị Liêu, Điền Tòa v.v... gọi là năng chấp, có nghĩa là hay bàn Phật sự ở thế gian hay xuất thế gian. Những công việc trên đều nên tận lực mà làm và đem toàn tâm giúp đỡ chúng; nhờ vậy đó đây đều được lợi nhuận mà không phụ người làm việc vậy.

Chúng nghĩa ghi rằng: Phật sự ở tông lâm không đầy đủ cũng có nghĩa Phật Pháp không thông và khó giữ được huệ mạng. Pháp thế gian không khác, điều khó là ở lý, thường trụ trước phải hòa rồi sau mới làm đẹp được. Chọn người làm việc nên phân biệt khách tăng mới đến không biết rõ, có thể tạm để nhàn hạ là tiện lợi nhất. Để chờ một thời gian tự thấy thông suốt, không nghi mới có thể nhận lãnh việc quan trọng; đến như người nhận công việc cũng phải chuyên cần làm việc, không được sợ khó từ chối. Đất Tam Bảo phải tận tâm tận lực chẳng than phiền không tốt.

Sách Chích Cổ ghi rằng: Vân Phong Duyệt thiền sư đầu tiên đến học với Đại Ngu tới phòng xin Thầy khai thị. Ngài Đại Ngu sai làm hóa chủ xuống phố phường đi phổ hóa; lại do trời tuyết lạnh vì chúng xin than, sư bèn thuận theo lệnh Thầy; xin than xong làm đờ nhà thiếu người dọn dẹp. Thầy lại phiên đến ông, sư gắng nhận làm. Đồ tọa cụ bề bộn sau tọa thiền, đai thùng sút rớt từ trên giá xuống, bỗng nhiên đại ngộ liền thấy ngay cái diệu của chỗ dụng; bèn đắp y vào phòng, Nham cười nói:

- Duy Na vô cùng hoan hỷ!

Sư bèn lạy không kịp thốt một lời rồi đi ra. Ôi! 3 cái việc dễ làm như đày thùng lũng, làm đâu nở phụ người sao?

Ban thủ cầm phát có 2 ý:

a- Mời người mới nhận việc:

Thủ Tọa; tông lâm tiêu biểu nơi tai mắt của nhân thiên. Tọa thiên, lãnh chúng đề xướng tông phong tìm người khó được. Hễ mời người lãnh chúng, Trụ Trì dự định ngày tại trai đường, công bố giữa chúng rằng: “nay có Thầy A, B hoặc Hòa Thượng... tài đức song toàn, chúng rất nể phục, tri kiến cao minh nơi gởi trao huệ mạng. Làm mưa pháp nhuần thấm khắp nơi không thiếu sót, đại chúng các Thầy đã cung thỉnh, mong Ngài từ bi nhận lãnh.”

Sau giờ ngộ gõ bảng hiệu, bảng nhóm chúng tại phòng khách đề cung thỉnh. Nghi thỉnh xem ở phần trước. Thỉnh xong, đưa lên phòng Phương Trượng làm lễ, xong tới tham đường; Trụ Trì trao công tác, chúng làm lễ xong đưa về hậu liêu. Thời kinh tới hôm đó, thị giả cầm bài phát lên. Trên văn bài bên phải phía trên dán tên chữ hồng. Trên bảng đề tên viết rằng: Thỉnh Hòa Thượng A làm Thủ Tọa hoặc xung đại sư, các việc khác tùy theo đó mà thay đổi... Trụ Trì vâng hậu liêu, truyền lư, đắp hồng y, tích trượng đến phòng Thủ Tọa, thăm hỏi, Thủ Tọa đáp y, thị giả cầm tích trượng đứng sau. Duy Na bạch: “Xin cung thỉnh Thủ Tọa sư!” Dẫn khánh đi trước, rước đến trước tòa, Thủ Tọa lạy, lạy xong thẳng tòa ngồi. Thị giả đứng hầu 2 bên.

b- Duy Na cử bài tán, Thủ Tọa niệm hương xong, Duy Na xướng: “Đảnh lễ Thủ Tọa Sư”. Sư nói: “Không”. Liên ngưng, đợi thời pháp xong, Duy Na xướng: “Đảnh lễ Thủ Tọa Sư 3 lạy”. Lễ xong bước xuống tòa, chúng tiến về liêu, nếu Sư từ chối bèn thôi không tiến. Thủ Tọa lên phòng lễ Phương Trượng, trình cao kiến, lễ tạ một lễ. Phương Trượng đãi trà, Thư Ký viết pháp ngữ treo lên. Ngày kế, Thủ Tọa chi tiền nhờ Thủ Khố sắm đồ đãi chúng. Nếu Thủ Tọa nghèo không có tiền, lấy tiền chùa thay thế. Ngày Mồng một, Rằm và những ngày lễ, trước lễ Phương Trượng, kế đến lễ Thủ Tọa hoặc Trưởng Chúng mới nhận vai trò cầm phát trần, nghi giống nghi này. Khóa lễ xong thiết bàn hương án khác tại chánh điện.

---o0o---

1.6 Vâng Mệnh

Nếu 4 mùa 8 tiết mời Ban Thủ cầm phát, dự định ngày Trụ Trì ra lệnh Đô Giám, Tri Khách, Thị Giả đến liêu Ban Thủ mời: sáng mai vào lúc giờ ngộ thỉnh Ngài vì chúng cầm phát. Đúng ngày, sau công phu sáng, gõ 2 hồi bảng, Đô Giám, Tri Khách, Thị Giả cầm phát một lần nữa đến phòng Thủ Tọa. Đô

Giám tác bạch cùng chúng làm lễ, sau Thị Giả bạch: “Xin tuân lệnh Hòa Thượng Phương Trượng sai A, B, C cung kính bái thỉnh Ngài vào giờ Ngọ trưa nay vì chúng mà cầm phát”. Ban Thủ cùng Thị Giả đến phòng Phương Trượng đánh lễ thưa là đã nhận tuân lệnh. Lại lễ tạ các Thầy chấp sự xong, rồi hồi liêu, khiến ngoài liêu mình cầm bảng viết đưa đến giữa nhà giảng lập bàn ngay ngắn; lại cho lập một bàn bên trái ở đầu cho Hòa Thượng Phương Trượng. Tới giờ thỉnh 3 hồi chuông, Đô Giám cầm nhang cùng 2 chúng đến phòng Thủ Tọa lễ một lễ, rồi rước tới giảng đường. Ban Thủ lạy 10 phương chư Phật, và tới trước Phương Trượng lễ một lạy rồi bước lên tòa ngồi. Đô Giám dâng hương, đại chúng đồng lễ một lạy, Ban Thủ không lễ đáp lại. Đốt hương, niệm hương, Thị Giả cắm hương lên lư. Nếu là bậc danh đức Thường Trụ làm Ban Thủ thì Phương Trượng cầm phát tới trước tòa thăm hỏi. Người cầm phát đứng một bên, nhưng rồi sau đó ngồi v.v.. Thị Giả thỉnh Hoà Thượng ngồi thuyết pháp. Duyệt Chúng nhịp khánh 3 hồi chờ lúc thuyết pháp xong, Pháp Sư xuống tòa. Lại tới trước Phương Trượng lễ một lạy, rồi 2 chúng cùng Thị Giả đồng lễ. Chúng hướng dẫn Ban Thủ về liêu, nếu Ngài từ chối không cho thời thôi. Ban Thủ lên phòng Phương Trượng lễ cảm tạ. Đô Giám sai Thị Giả châm trà, đặt một chiếc ghế tại phòng Ban Thủ. Trong ngày mời cầm phát, Ban Thủ dung cơm khách một ngày. Tối nghe hiệu 2 tiếng bảng là Phương Trượng đãi trà.

Chúng nghĩa ghi rằng: Thủ Tọa xưa gọi là “Đầu Thủ” cũng gọi là “Tọa Nguyên”. Nếu mời vị danh đức nên xưng gọi Hòa Thượng hoặc gọi Pháp tự và phải xưng đại sư. Sách Sơn Am Tạp Lục ghi rằng: chùa Vĩnh Phúc tại Nhiêu Châu có Hạo Linh Giang làm Thủ Tọa cầm phát, có vị tăng hỏi:

- Lúc tới một bước thời như thế nào?
- Giộng vách giộng tường
- Lui một bước như thế nào?
- Rơi hàm sụp hớ
- Không tiến không lui thời như thế nào?
- Đứng chết đất Hán hoặc lạy.

Thủ Tọa trả lời được 3 chuyển ngữ là hoàn tất được cơ hội tốt đến. Trụ Trì Cổ Lâm nói rằng: “tốt ở đâu mà chẳng thấy đạo; một câu thoại đầu, muôn kiếp buộc làm lừa.” Tuy nhiên, cắt nghĩa không được phải làm sao? Ngoài

ra, Tường Phương Sơn, Trạ Thiên Uyên làm Thủ Tọa cầm phát nói rằng: Trước Tường Phương Sơn đi xem mây trắng vừa mở ra vừa khép lại, Ngu Tuyên ở bên trên ngồi nghe nước chảy, hoặc đè xuống hoặc giờ lên. Chỗ mắt làm Phật sự, chỗ tai nghe, chỗ tai làm Phật sự, chỗ mắt thấy, chẳng phải chỉ có Quán Thế Âm, ta cũng từ trong đó chứng ngộ”. Trụ Trì Nhất Nguyên nói rằng: “Có lợi thấy 2 chữ; chính là cùng người nói bàn không có 2 chữ này, mới đúng là tự mình nói bàn.” Thiên Uyên nói rằng: “thuốc hoàn một viên, sắt sáng thành kim, đó là lời của đường đầu vậy.” Quán được 2 chữ này thì việc cầm phát, Trụ Trì và người cầm kiểm lại rõ ràng là tán gẫu; cùng nhau phô trương hoàn toàn hàm ý cống cao đua nịnh không có gì cả. Đó là mẩu chuyện của việc cầm phát.

---o0o---

1.7 Mời cơm chay hay uống trà

Phượng Trượng mời cơm chay hoặc mời trà: chúng trưởng trong liêu, dự biết cho hay rằng, hôm nay Hòa Thượng Phượng Trượng mời dùng cơm chay hoặc mời uống trà. Các Thầy mỗi người chuẩn bị sẵn sàng oai nghi. Ngoài Ban chấp sự, tất cả tập trung tới phòng khách, Thị Giả mời họp mặt các Thầy tại trai đường. Theo từng Ban thứ tự cùng lên phòng Phượng Trượng đứng theo hàng, Trụ Trì (Phượng Trượng) tới ngồi ghế. Duy Na xướng:

- Đại chúng đánh lễ Hòa Thượng 3 lạy

Lạy xong, phân theo thứ tự ngồi, tất cả giữ oai nghi, không được nói chuyện; không nên động tiếng ly tách, chén đĩa. Thọ trai hay dùng trà xong, nếu Phượng Trượng có dạy gì nghe rồi cùng đứng lên và đứng theo hàng ngũ. Duy Na xướng:

- Đại chúng các Thầy lễ tạ Hòa Thượng 3 lạy.

Xong mỗi người lui về chỗ. Ngoài ra, 2 liêu chúng lãnh đạo (cương lãnh) trong ngoài, ban lãnh chúng lãnh đạo hỗ trợ nhau vì thể trọng để cho giềng mối đạo được chấn chỉnh.

Khi kiết giới, giải hạ, tiết đông chí, tất niên, ngày Tết (mồng một)...và những ngày đại lễ. Trụ Trì tức Phượng Trượng dùng cơm chung với đại chúng, và thưởng công lao 2 chúng bằng cách đãi trà giữa 2 ban cũ-mới, cũng như trái cây trong một buổi tiệc vui. Như người nghỉ việc qua một

nhiệm kỳ tham dự; nên bày tỏ của chúng thường trụ bằng một lay đèn đáp công lao. Ngoài ra, những phần vụ khác hễ ai có công đức được khen thưởng, tùy theo việc làm của họ. Ngoài phần vụ công tác, khen thưởng công lao đều tại phòng khách hoặc ngay phòng ở của những vị đó. Việc tưởng tượng càng giản tiện công tâm bao nhiêu, đạo tâm càng chân thật bấy nhiêu, khiến chúng hết lòng tu hành không để vọng niệm sanh khởi.

Chúng nghĩa ghi rằng: Phương Trượng mời dùng cơm hay đãi trà là việc không phải thành một lệ. Đây chỉ nói đại khái một cách mời chung ban chức sự của viện, như vị mới vừa nhận chức hoặc mới được bầu lên làm việc, hay bất cứ một việc nào khác...đều có thết đãi cơm, mời trà; nói chung là sự khoản đãi đại chúng của Ngài Phương Trượng (Trụ Trì). Cần thận chọn lựa, thành thật để chọn được người đúng cho mỗi công việc. Trung hòa, khiêm nhượng dùng thương nghị khi có ý kiến bất đồng, hoàn toàn xử lý theo người trưởng là thành công, cũng chỉ vì việc lợi ích chung cho Tam Bảo mà thôi.

Chức sự 2 dãy xin nghỉ việc: phàm 2 dãy (đông-tây) có người từ chức, sau giờ Ngọ trước tác bạch xin nghỉ việc. Tối lại sau giờ tọa thiền các vị nghỉ việc tuyên bố rút lui giữa chúng và chính thức ra giữa phòng khách nói lời từ nhiệm. Không cần lên phòng Phương Trượng, cũng như không cần phải tới thiền đường. Giữa chúng ở trước Duy Na tác bạch nghỉ việc. Duy Na hứa thuận, sau đó tới phòng Phương Trượng lễ tạ đến tối mới chính thức tuyên bố tại thiền đường.

Ngày nay phần nhiều thay đổi nhân sự là ngay thời khóa tụng buổi tối xong, thông báo ngưng nghỉ việc liền. Sáng hôm sau ngay sau thời công phu, đại chúng nhất tề tới trai đường dùng điểm tâm, cùng với Phương Trượng. Thọ bữa xong, uống trà. Cơm nước điểm tâm xong mới đưa người mãn nhiệm kỳ vào chánh điện dâng hương lay Phật, tạ ân Tam Bảo.

Chúng nghĩa ghi rằng: Chức sự từ chức phải xem ai là người có khả năng bổ sung thay thế. Người không có khả năng làm việc e không tránh khỏi lại từ chức nữa. Như người có khả năng làm việc được không nên nghe lời bàn tán, bỏ qua vì nhân tài khó gặp. Việc của Tam Bảo thường do sự thành tựu của một người, nhưng nhờ đó thường trụ (Tam Bảo) ảnh hưởng tới sự hưng suy. Đúng ra không nên đề phòng sự bất trắc xảy đến mà nên tin tưởng lấy Tam Bảo làm trọng yếu. Người nào có lòng và thực tâm hẳn không phụ đại chúng từ chức khi mới nhận việc.

Hết quyển 6

---o0o---

Quyển bảy - Gồm có 2 phần thượng và hạ

Đời Đường Hồng Châu, Sa Môn Bách Trượng Hoài Hải biên tập

Đời Thanh Tỳ Kheo Nghi Nhuận chùa Chân Tịnh Hàng Châu chứng nghĩa;

Ngài Diệu Vĩnh Trụ Trì chùa Giới Châu tại Việt Thành nhuận duyệt.

---o0o---

Chương bảy - Phần Trên - Đại Chúng

Luận rằng, nước trở lại hư không, cây thuộc về rừng rậm, tông lâm là nơi tập họp đông tăng chúng vậy. Ngày nay nói về chỗ rộng lớn, có số chúng đông tới cả trăm, nghìn người phải cần kho chứa, chỗ nấu nướng, bếp núc; cũng như chỗ chúng ở, nơi mà 4 phương quy tụ về. Nếu đã có nơi ở cố định rồi phải làm gì đây? Bởi vì Phật dạy con người xoay vần trong 3 cõi, trôi lăn theo dòng sanh tử, mà nghĩ cách dứt khô cho chúng sanh được an lạc. Phật dạy môn đồ lấy từ bi giáo hóa hướng thiện nhân sinh. Tuy không phải hết thảy đều tuân lời Phật dạy, nhưng tâm ảnh hưởng nơi đạo cũng đủ cho ta nương tựa. Lại vì đạo tôn trọng đồ chúng nên thiết lập phòng xá làm nơi cư trú yên ổn, cũng như khâu góp lúa gạo để đủ trong việc ăn uống. Dù phải tiếp xúc mới có, nhưng chỉ sợ bắt cập không vì chúng mà nỗ lực. Đã vậy thì dù chỉ thóc đất, một đấu thóc vẫn có sự tranh chấp phức tạp. Há đem cái ngu riêng mình mà gán cho số đông chúng ư? Đó là những bữa ăn, do vì chúng ta ăn, nơi ở ta cần. Việc ăn của ta như thế, việc ở như thế, thật quả làm sao dứt đây!

---o0o---

1.1 Về việc thế độ

Một số quy tắc thế độ (cạo tóc): nhận người xuất gia như dưới đây, đại khái phân làm 4 phần:

A- Tuân theo người quy định

B-Luận chánh biện tà

C- Nền tảng 5 giới

D- Quy tắc 10 chi.

1.1.1 Tuân theo 10 điều quy định như sau:

1.1.1.1 Giới đức tuổi hạ vị thầy:

Giới đức tuổi hạ vị thầy cần có đầy đủ 5 đức³⁷ và 2 nhiếp hoá³⁸ để người nương tựa, phải đủ 10 tuổi hạ. Đồ chúng không dễ dưỡng thành nếu đứa trẻ còn bú sữa chưa dứt không nhận, bảo đảm nhất là người tuổi đủ khôn lớn. Luật Phật dạy rất nhiều, làm Thầy đâu có dễ? Y cứ theo luật tạng phần sau, phần thọ giới kiên độ³⁹ lúc các Tỳ Kheo chưa đủ 10 hạ đã độ người mà không biết rằng luật dạy phải mãn 10 tuổi hạ mới hợp pháp; thật quả là không phải phép! Đệ tử không vâng lời dạy, oai nghi chưa am tường, nên chúng Tỳ Kheo đưa ra bạch Phật.

Phật dạy: độ tăng và cho người thọ cụ túc (tỳ kheo) giới, phải bạch 2 lần yết ma giữa chúng. Người xuất gia phải ra giữa trước tăng trích áo bày vai bên phải, bỏ giày dép quỳ gối sát đất chấp tay lạy chư tăng 3 lạy chí thành cầu xin (cầu giới). Nếu không theo cách này là không còn pháp nào khác; cho chí y thực cũng đều tuân hành. Tăng nên nói rằng: “Đại Đức thôi đi, cẩn thận chớ độ người, nếu có trí huệ. Ngoài ra, lấy 2 việc nhiếp phục là: tăng phải nhóm họp và phép độ người; bạch yết ma 2 lần. Nên biết rằng làm Thầy người hẳn tuân lời Phật dạy và quy tắc.

Vị Thầy muốn độ đệ tử mà không khâm thừa lời dạy của Phật, là chưa hiểu trách nhiệm và bổn phận làm thầy. Cũng như không theo quy tắc làm sao đủ cơ duyên hướng dẫn đồ chúng trong việc thực hành giáo pháp. Cho nên tuân lời Phật dạy và pháp, toàn bằng vào nhẫn nại của vị tăng. Trong luật đâu chỉ có việc truyền giới cụ túc mà còn tuyển chọn người, tức vị thầy thế độ (y chí) cũng phải biết điều này. Vì không cản trở chí nam nhi thành là pháp khí. Nên nói ân thầy (sư) to lớn, công dạy dỗ (pháp nữ) khó đền là đây vậy.

---o0o---

1.1.1.2 Cơ duyên chọn người tín thành:

Sự nghiệp xuất gia không phải tầm thường, hẳn người phải có lòng tin kiên cố mới có thể hoạch định nhập đạo. Và ngoài ra, văn từ, đức hạnh cũng phải cần thiết trong việc học hỏi; huống nữa học giới - định - huệ há không thỏa chí trượng phu sao? Người mà niềm tin không vững, xuất gia chẳng lo nghĩ tới đạo. Thân tuy như con giòng họ Thích (xuất gia) nhưng tâm duyên thế tục. Tới khi đầu bạc theo bóng quang âm, đành ngồi đợi già chết. Buông xuôi lãng phí như thế hoàn toàn không đạt phần nào lợi ích cả. Vì thế, người cầu xuất gia trước hết biết rõ nhân địa, chí hướng quyết định và thế nguyện kiên cường. Vị Thầy, phải trải nghiệm nhiều lần làm sáng tỏ mới có thể hẹn kỳ xuống tóc. Nếu người căn cơ thấp kém nghĩ thương muốn giúp đỡ, tạm gởi một nơi âm thầm tu tập để dò xét, theo dõi chờ một thời gian cho lòng tin thêm vững. Lúc đó việc khẩn thiết cầu xin xuống tóc vẫn chưa muộn. Vì thế, cần nhất thầy thế độ phải có cặp mắt tinh vi vừa trông một người là thấu hiểu, còn với chúng đồng thì sao?

Bồ Tát Mã Minh nói rằng: Thầy và đệ tử phải hiểu tánh tình nhau, nếu trước không quán xét kỹ hẳn phạm tội vượt pháp.

---o0o---

1.1.1.3 Xin phép tăng xuất gia:

Tư cách Thầy trò đủ nhân duyên hội tụ, làm lễ xuống tóc chờ hợp thời, dạy dỗ tùy căn cơ, ứng dụng lại có khác. Nếu ở một mình không có bạn bè, đúng pháp ở với Thầy. Ở riêng hay sống chung với chúng, cũng phải dạy luật lệ phân minh. Y như trong luật, khi các Thầy tỳ kheo muốn độ người mà cho ở chung trong chúng gồm những người vô tình thân cận chất vấn đủ điều. Sau bèn thấy đệ tử cạo tóc làm tăng vào làng khát thực nên sanh tâm hiềm hận. Phạt biết quả rằng: người cạo tóc xuất gia nếu muốn ở trong tăng già lam phải bạch cho chư tăng biết trước. Nếu tăng không hòa hợp, có thể dè dặt với lời khéo cho chúng biết rồi sau mới cạo tóc. Nếu chư tăng đã hòa hợp chỉ bạch một lần là xong, kể đó mới xuống tóc.

Thế nhưng ngày nay, tông lâm tạp nhạp lẫn lộn, độ người không theo tiêu chuẩn, còn mong gì tuân giữ luật tắc? Thật là đời mạt pháp, khéo lắm mới có thể làm cho chánh pháp tồn tại. Như trên đã nói, bạch yết ma một lần pháp không hữu hiệu mà trong nghi thức dưới đây nêu rõ.

---o0o---

1.1.1.4 Giúp ngăn việc chê trách tỳ hiêm:

Mỗi giềng bản thể của tăng là thanh tịnh, trong giữ chí đạo thâm sâu không tí vết, ngoài nhóm chứa đức học thế pháp để củng cố Phật pháp, ắt do xuất gia thương giúp người tại gia. Nếu chỉ biết dẫn dắt độ người thoát tục xuất gia mà không khuyên phép từ cha mẹ, quốc vương thì nhận đủ lời chê trách của thế gian. Giữ mình làm tăng trong đạo phải làm gì, trong tăng lợi ích gì? Cho nên gặp người chức vị, kẻ sang, con nhà danh giá (vọng tộc), lễ Thầy cầu được độ, muốn làm Tỳ Kheo (tăng). Trước hết phải khéo hỏi cận kề, chính xác để mọi việc được sáng tỏ. Nếu được song thân cho phép, thoát mọi ràng buộc thế trần mới có thể tiến lên 4 cấp từng lâu, nhập vào tăng đoàn giữ 6 phép hòa kính được. Lúc này cần phải làm là vọng hướng lên không trung bái tạ 4 ân: cha mẹ, quốc vương, ân thầy, ân Tam Bảo. Đây không ngoài Phật pháp mà soi tỏ thế pháp. Nếu hỏi đương sự, duyên trần chưa dứt, theo lẽ nên khuyên quay về nhà. Tuy hứa nhận xuất gia học ba tu giới, nhờ giới sanh định, định phát huệ để tu hành mới có thể được. Còn người tại gia giữ 5 giới không lìa pháp thế gian mà kiến lập Phật pháp. Phương tiện giúp đời như thế cũng làm phát huy Phật pháp.

Y cứ theo luật, lúc bấy giờ Vua Ba Tư Nặc có vị đại thần vạm vỡ tự ý vào chùa xuất gia mà không xin phép Vua; được một Thầy Tỳ Kheo thâm nhận. Sau Vua biết được ra luật nghiêm cấm (quan chức đi tu không xin phép). Ngoài ra, các Thầy Tỳ Kheo phần nhiều độ các đồng tử dễ thương vào giòng họ Thích. Có người tâu Vua Tịnh Phạn nhờ bạch lên đức Thế Tôn. Cha mẹ phần nhiều nuôi dưỡng cho bú mớm, săn sóc đợi tới lúc con trưởng thành muốn được lợi lạc: phụng dưỡng hầu cận cha mẹ, kế thừa giòng giống không tuyệt. Mong Phật ban lệnh cho chúng tỳ kheo, không nên cho trẻ cạo tóc xuất gia khi không được sự đồng ý của cha mẹ. Do nguyên nhân đó, Phật ngăn không được thâm nhận các bậc vương thân, đồng ấu xuất gia mà không có phép của Vua quan hay cha mẹ. Nguyên bản còn dẫn luật Tăng Kỳ nêu ra 4 hạng vương thân hay quan chức; nhưng xét thấy không cần thiết nên lược. Riêng con cũng có 3 loại: Con ruột cha mẹ sanh. Con nuôi, được nuôi dưỡng từ nhỏ, dưỡng tử nương tựa làm con.

Con ruột tuổi đồng niên (đồng tử) xuất gia cho dù ở Trung Hoa hay các nước khác cũng không chấp nhận được, nhưng con nuôi có thể được.

Nếu dựa theo tiêu chuẩn trên, riêng hạng con ruột cũng có thể mở rộng 4 trường hợp vì phương tiện tế độ; Thánh hãn cũng rủ lòng từ cho phép như: Cha mẹ còn đầy đủ nhưng vì quá đông con không thể nuôi dưỡng hết. Cha còn, mẹ mất chỉ có một con, cha không săn sóc được. Mẹ còn, cha mất, gia đình đông con. Cha mẹ đều qua đời chỉ có 1 người con.

Trường hợp cha mẹ còn sống hay mẹ còn cha mất mà đông con. Nếu có một, 2 người đi phương xa (sống xa nhà) đủ tín tâm xuất gia, cầu thầy tế độ (xuông tóc). Lúc đầu mới đến dù chưa có lệnh của người thân vẫn được chấp nhận; nhưng sau đó đương sự lại trở về trình bày để xin phép xuất gia. Người thân hoan hỷ cho phép, thầy độ không có lỗi. Nhưng nếu cha còn, mẹ mất, lại con một, ý nghĩa cũng như trên. Như cả cha mẹ đều qua đời mà lại con một, đã không còn song thân để thưa trình, phát tâm tu mong báo đáp thâm ân. Trường hợp này 2 bên đều đồng ý việc xuất gia. Song luật Tứ Phần ghi rằng: song thân, nhà nước chưa cho phép không được phép cạo tóc. Y cứ luật Tăng Kỳ ghi, quần thần lựa chọn mới quyết chí xuất gia. Phạm vị mình sư hiểu biết luật phải khéo cân nhắc chớ nên mở, ngăn (khai-giá) tự ý sai luật.

---o0o---

1.1.1.5 Tôn trọng già, trẻ:

Người xuất gia khác thế tục là bỏ lợi lia danh; không phô trương giá trị mình mà chỉ trọng nơi đức. Những việc hầu thầy, công tác, phục vụ đại chúng, học tập, tụng kinh, tu thiền, quán tưởng... Nếu người nhỏ quá không am tường, còn lớn tuổi quá lại không kham nổi việc. Tinh tấn ắt muôn hạnh đều thành tựu; lười biếng hẳn trăm việc không xong. Y cứ luật Tăng Kỳ ghi rằng: người dưới 7 tuổi hoặc trên 7 tuổi mà hiểu việc tốt xấu; cũng như quá 70 hoặc chưa tới 70 mà còn mạnh khỏe có thể độ cho xuất gia được. Như dưới 7 tuổi hay trên 7 tuổi mà chưa biết việc tốt xấu, cũng như quá 70 hay chưa tới 70, yếu đuối đứng ngồi cần người giúp đỡ là không được phép xuất gia. Như gỗ mục không thể khắc chạm làm đồ gì được. Ôi! thời nay đương buổi mùa thu lời Thánh huấn nhạt mờ, pháp tu chân chánh bèn thành ngăn trở! Hoặc vì công việc khiến nên người không có tóc khó phân già trẻ; hoặc vì bị cảnh nghèo, xuất gia không vì sự tu hành mà thậm chí hợp lại để dưỡng già, mượn Phật pháp để an thân. Lạm dụng mặc áo nhà tu, tranh cãi lán lướt chúng. Hạng người như thế căn tánh đã chẳng phải xứng đáng. Bọn họ quả thật là vi trùng trong thân sư tử, làm sao còn chia liêu phân phòng; chỉ ở chợ nương thành thôi. Thích nuôi, yêu mến trẻ nhỏ, ưa gần gũi thân thiện bọn nhóc tì; không thực tâm cùng tấn tu. Chưa am tường việc Sa Di (tức từ) đã muốn lên cao lại rớt xuống. Bỏ khổ vào khổ, những kẻ hảo tâm xuất gia là vì sanh tử, là sự may mắn gặp người đồng chí hướng xuất gia đúng luật.

---o0o---

1.1.1.6 Ngăn phòng độ người vượt quy định:

Như trên đã nêu rõ về người phát tâm xuất gia. Ngoại đạo xuất gia nên tùy nghi châm chế làm cho tà độc phải nhỏ ra hết, mới uống nước cam lồ được. Kiến chấp chưa trừ, chánh tín khó phát sanh. Như vẫn theo thói nhiễm lo sợ ngoại đạo mà theo Phật xuất gia rồi phá hoại Phật pháp, là vượt ngoài sự tế độ cũng gọi là phá nội ngoại đạo. Y cứ theo luật có phái tu lửa thể Ni Kiền Tử⁴⁰ khéo giỏi luận đạo lý; gặp Ngài Xá Lợi Phất chất vấn thâm nghĩa, họ không thể trả lời được. Nhân đó, họ xin xuất gia làm Sa Môn và được cạo tóc, thọ giới Tỳ Kheo. Sau khi được mặc áo cà sa, họ lại nhập bọn ngoại đạo trở lại. Chúng tỳ kheo đem việc đó bạch lên đức Phật. Phật dạy: “Chấp thuận cho phép ngoại đạo nhập vào tăng đoàn cùng ở chung mùa an cư tháng tư, nên bạch 2 lần yết ma. Như trong lúc ở chung mà dẫu pháp ngoại đạo, chỉ trích, chê trách việc bất thiện; chính họ cũng chỉ trích châm chọc ngoại đạo không kém”. Nghe người hoan hỷ dùng đức tán thán Tam Bảo, bọn ngoại đạo cũng khôn khéo hoan hỷ tán thán. Như thế mới có thể cho thọ giới làm tăng được. Nếu như họ vẫn giữ thói quen ngoại đạo và pháp thế gian, nghe nói sự nghiệp ngoại đạo bất thiện, sự nghiệp Tam Bảo thiện lành; họ lại nổi sân hận hiện lên nét mặt không hoan hỷ; người như thế không nên cho thọ tỳ kheo làm tăng. Song ngày nay ở Trung Quốc dù chưa có đồ đảng của lục sư ngoại đạo luận tà thuyết, hiền điều quái dị dẫn dắt làm chướng ngại đạo pháp; vẫn không phải không có 5 bộ 6 sách của phái Bạch Liên, mờ ám thu nạp tuyên truyền làm mê hoặc nhân tâm. Do tệ hại đó đưa lại làm tà phong lan rộng từ thành thị tới thôn quê đều bị ảnh hưởng. Nên tuân theo lời Thánh khéo lưu tâm bảo vệ để cho đạo pháp trang nghiêm và tồn tại hợp trào lưu tiến hóa của xã hội. Đó là trách nhiệm và bổn phận người xuất gia không nhỏ vậy.

---o0o---

1.1.1.7 Cứu giúp vô tư:

Người xuất gia cất ái, người tại gia còn tình; giải thoát đạt đạo không đứng trên nhơn ngã, không tranh biện pháp môn, dứt hết chỗ thân sơ. Do vậy La Vân lễ Thu Tử (Xá Lợi Phất) làm thầy; Khánh Hỷ (A Nan) bái Thái Thực làm mô phạm. Con đấng Pháp vương còn buông xả được như thế, huống gì Sa Môn đời sau lại không theo đó tuân hành sao? Do vì cách Thánh quá xa, con người phần nhiều do tình ái, hoặc vì 5 tà chấp nên cứ nơm nớp lo nghĩ đồ vật thiếu thừa; hoặc vì sống riêng một mình nghĩ tới thân già trợ trợ liền gấp gấp cạo tóc xuất gia; một hai chiêu nạp đồ chúng. Như vậy đối với Phật

pháp thiếu đức huệ, làm sao kế tục duy trì cho được. Nghiên cứu nguyên nhân ấy lỗi do nơi chính ta, tự làm hại người khác thật là đáng lấy làm tiếc. Luật Tăng Kỳ ghi rằng: Tỳ Kheo không được có tâm vì mình mà phải độ người, phải niệm nghĩ khiến người biết nhân của mình để vượt qua; nên tu các thiện nghiệp để chứng được đạo quả. Việc này hẳn nghe ghi nhận, như mình không tự hàng phục mà muốn hàng phục người khác, chính mình không tự điều phục lại khiến người khác điều phục; ta không tự giải thoát lại khiến người khác giải thoát là không có lẽ đó.

---o0o---

1.1.1.8 Nền tảng đạo nghiệp:

Tại gia chìm đắm, u ám muộn phiền không tỉnh thức; xuất gia vắng lặng tuệ giác soi sáng tận gốc, vì gốc đó là giới-định-huệ do đây phát sanh. Định sẵn sàng thời hôn trầm chìm lắng, huệ sáng tỏ mê lầm đoạn dứt. Do vậy, bậc đại thánh lập giáo trước lấy giới luật làm đầu lại giới nhiếp độ 7 chúng dần lên tứ thánh quả⁴¹. Chân đế-tục đế tuy khác, nhưng nền tảng không hai. Tát Bà Đa luận rằng: nếu không thọ 5 giới không được thọ 10 giới, không được thọ giới tỳ kheo. Nếu không thọ 3 loại giới như thế không được thọ giới Bồ Tát. Trong luật Ngũ Phần Phật dạy Xá Lợi Phất hướng dẫn La Hầu La trước khiến truyền 5 giới Ưu Bà Tắc⁴², sau mới cho cạo tóc xuất gia truyền 10 giới Sa Di. Nên biết rằng thêm thang có 4 bậc, chỉ cho người hành trì không lẫn lộn để ứng dụng vào 2 thời: sáng và chiều, phân minh giữa chân và tục, luận người xuất gia, nếu chưa am tường giới phẩm, thân tuy xuất gia cũng chỉ là hình giống như Sa Di; hẳn phải cạo tóc theo thầy thọ giới mới thật sự xuất gia đúng pháp, gọi là Sa Di. Sơ sai giới luật chưa đủ thanh tịnh, hình thể là bạch y không đủ xứng làm bậc phước điền, bốn sự cúng dường⁴³ khó mà thọ nhận. Giả sử không lo tu tập thì ba cõi khó mong thoát khỏi. Kinh Thủ Lăng Nghiêm ghi rằng: “mặc dù đa trí thiên định phát nếu không nghiêm trì giới luật cũng rơi vào tà ma ngoại đạo”. Cho nên nói giới là nền tảng, phạm người học Phật, há khinh bỏ mà không tin thọ giới hay sao?

---o0o---

1.1.1.9 Khổ công dạy khuyên hành giả:

Do vì thân tâm đắm nhiễm ngũ dục không thấy khổ nhọc, tiếc nuối hình vóc do thói quen lâu đời, say theo si mê thế tình. Nên biết rằng những sự vui thú ở thế gian đều là nguyên nhân của khổ; xuất gia tu khổ hạnh hẳn là quả của

an lạc. Luật dạy rằng: nếu khởi sự muốn xuất gia, trước hết vì người xuất gia nói những việc khổ như: việc ăn uống, sự cư trú, ngủ nghỉ, học nhiều

Nếu thông suốt đó mới xin thầy xuống tóc, còn nghi ngờ không cho thọ giới xuất gia. Vì làm thầy độ người trước phải y theo luật khuyên răn, xem xét căn cơ mà sách tấn. Vốn biết vạn sự khởi đầu nan, lúc đầu chẳng dễ dàng đâu! Thí như người muốn mò tìm châu dưới đáy biển nhất định chẳng sợ nguy hiểm của gió lớn, sóng to, huống gì cầu Phật đạo lại có thể sợ khó, khổ của việc tu tập sao? Ở đây không nhắc đi nhắc lại chỗ buông lung, lỗi lầm đã có thầy; qua lời chỉ dạy nhắc bảo tường tận. Đương sự phải phân chân tinh thần, ngộ hậu không tự cô phụ linh căn và cũng không trái với lòng từ dạy dỗ của thầy.

---o0o---

1.1.1.10 Thiết đặt nghi thức:

Có 2 phần: a/ do việc hay pháp, b/ thiết tòa an vị.

a. Phàm cầu nơi xuất gia phải chọn thế đất tâm hướng ra 4 bên, mỗi bên bước 7 bước rưỡi, rải nước thơm tẩy sạch dơ uest. 4 góc treo cờ, chung quanh treo phan, đàn tràng đã lập đủ các nghi, đó là nghi biểu pháp. Dùng hương bày tỏ niềm tin, nước biểu hiện sự thanh khiết. Không có niềm tin, thanh tịnh không thể trừ được những phiền não. Cần phải chọn chỗ đất tượng trưng 3 cõi, nên 4 góc cắm cây treo cờ, tràng phan tiêu biểu hướng tới địa thế, lần lượt đi qua hết chu vi, 4 hướng mỗi hướng bước 7 bước. Tượng trưng người xuất gia tu hành phải trải qua 40 vị hiền, phước huệ đầy đủ. Kinh Niết Bàn ghi rằng: đức Phật lúc đản sanh bước đi 7 bước xướng lên lời này: “Ta ở trong trời, người, a tu la là tối tôn, cao tột”. Xoay về hướng Nam đi 7 bước chứng tỏ Phật vì chúng sanh muốn làm ruộng phước vô thượng; đi 7 bước hướng Tây biểu trưng dứt sanh đoạn lão, và đây là thân rốt sau, hướng Bắc 7 bước tiêu biểu đã vượt qua các cõi dứt hẳn sanh tử, 7 bước hướng Đông chứng tỏ muốn làm người dẫn đạo cho chúng sanh.

b. Thiết tòa an vị: chính giữa đàn tràng đặt hình Phật Thích Ca Mâu Ni, hướng chánh đông đặt tòa ngòì Thánh tăng, hướng Tây tòa Hòa Thượng, hướng Bắc tòa Quốc vương, hướng Nam tòa của phụ mẫu. Mỗi nơi bày biện hương hoa, quả phẩm, đèn nến hiến cúng. Nếu gặp trời mưa hay những trở ngại khác không thể thiết lập đàn tràng lộ thiên được; có thể thiết trí tại giảng đường hay nơi phương trượng đủ 5 bàn hiến cúng tinh nghiêm không thể thiếu được. Nhưng đây là người cầu thế độ xuất gia, có nghĩa là bỏ nhà

thể tục, vào nhà Như Lai; những phạm thường phải nghiêm túc, cái thể ông tăng mới tôn quý; một việc giản đơn mà người xuất gia xem thường. Do việc phát tâm hơn hết, nên hoàn toàn dựa vào các trợ duyên là cần thiết vậy.

---o0o---

1.1.2 Hưng Chánh biện tà

Sở dĩ nói hưng chánh biện tà: ngay như một việc xuất gia là việc tinh tế hàng đầu như Phật quy định rõ, chư Tổ có quy tắc hẳn hoi. Đòi sau do nhiều việc dần quên tra cứu luật, có một người ngoại đạo cầu xin xuất gia, một thầy tỳ kheo nhận cho thọ giới tỳ kheo; về sau y lộ hiện việc xấu, không muốn làm tăng nữa. Chúng tỳ kheo đem việc này trình lên Phật, Phật dạy: “Nếu muốn độ người, cho cạo tóc xuất gia, phải đặt tay lên đỉnh đầu đợi một lúc rồi hỏi rằng – người có thể xuất gia được không - rồi mới vì đó mà xuống tóc.” Tiếng Phạn là Châu la, Trung Hoa gọi là Tiểu Kết hay còn gọi là đánh hiệt (tóc trên chỏm đầu), có nghĩa lấy tâm điểm trên đỉnh để lại một ít tóc lọn thành một chùm nhỏ.

Luật quy định như Bách Trượng Hoài Hải thiên sư đời Đường biên soạn. Bởi vì đoái nghĩ giáo huấn tông lâm chuyên tu mô phạm mà nguyên trước Thầy đã đính chính, tự thấy chỗ nghĩa lý đầy đủ. Về sau do trải qua các đời bỏ túc thêm vào đến đổi sự lý phần nhiều trái lời Phật dạy. Nếu chỉ nêu lên trong thiên Sa Di được thọ giới thôi, ở phần lược thuật cũng đã sai lầm giả trá, để chứng minh trong tương lai, Ngài nói rằng: chọn kỳ ấn định cho xuống tóc cách đêm trên đỉnh còn chừa lại một chỏm tóc. Hôm sau nhóm chúng thỉnh thầy khiến kẻ thế phát quỳ sát đất lễ lạy.

Duy Na xướng lễ, đại chúng hòa âm; thân tiên, người đạt 5 phép thông tạo ra chú thuật khiến cho đương sự hồ thẹn giữ gìn những gì chưa biết hồ thẹn. Như Lai lập cấm giới mỗi nửa tháng tụng một lần đọc lên những công đức đã thuyết giới. Cúi đầu lễ chư Phật, xướng tụng lời hòa hợp; cạo tóc vừa hoàn tất, áo cà sa mặc đắp lên đầu người thọ pháp. Lấy 10 giới tướng Sa Di ban cho cận sự nam giữ 5 giới, tức liền lãnh thọ giới luật thâm sâu; ắt hẳn không phải Tổ quy định nghi thức. Có chỗ cho rằng cách đêm xuống tóc, trên đỉnh còn chừa lại một chỏm, hôm sau thỉnh thầy cạo cho chỏm tóc đó cũng lại là việc sai lầm. Nên biết việc cạo tóc đang diễn ra sáng hôm nay; theo lý không thể để cách qua đêm được mà phải ở ngay trong ngày xuống tóc. Mở đầu mình tự thỉnh thầy thăng tòa, nhấn đến khai thị xong; lễ tạ vua, song thân hoàn tất, rồi lấy nước rảy lên tóc đương sự. Thầy vừa cầm dao đưa

lên, trước tiên chừa chùm tóc trên đánh, kể từ đó hót xuống tóc chung quanh phía trên tới bên chùm tóc trên đánh đầu, thầy bèn ngừng lại, dặn kỹ hỏi 3 lần; đương sự cũng 3 lần đáp mới cho xuất gia và cạo sạch chòm tóc còn lại trên đánh, trở thành là hình đồng Sa Di.

Duy Na lại xướng tụng bài kệ quyền đầu trong bộ luật Tứ Phần thuộc về 186 câu; bài kệ trích 8 câu chót dùng cho lúc cạo tóc. Bài kệ này do Tôn Giả Ưu Ba Ly cùng với 500 vị tăng A La Hán trong khi kết tập tạng luật soạn. Trước tiên kính lễ Tam Bảo cầu sự gia hộ, tụng lời tựa nói sự lợi ích của giới thuộc quyền đầu. Vì lúc Phật còn tại thế lấy chánh pháp làm đầu mà giới luật là để nhiếp hóa chư tăng, khiến biết tầm quý giữ gìn đầy đủ phạm hạnh trong sạch. Thịnh thoảng ngoại đạo bày ra chú thuật, dẫn dắt đi vào đường tà làm gia tăng tâm tham ái. Vì thế, Phật quy định Bồ Tát⁴⁴ khiến các tỳ kheo mỗi nửa tháng tụng một lần, hòa hợp tại một chỗ đúng theo lời Phật dạy. Nói giới tức là tụng giới vậy. Vị Thầy lấy bài kệ tụng giới Bồ Tát này dùng vào việc xướng tụng lễ cạo tóc Sa Di, cũng lại là việc lầm lẫn nữa. Ngoài ra, cạo tóc xong đem 5 giới, 10 giới tương đồng thời trao cho hành giả. Do vì chưa từng tham cứu trong luật Ngũ Phần, Phật cho người chưa cạo tóc xuất gia, trước nhất phải theo 5 giới Ưu Bà Tắc tại gia. Vì e đương sự có sự hối tiếc ngược lại, khiến y gieo trồng căn lành, một mực chí thành tin tưởng không thoái tâm. Tâm đạo phải vững bền mới cho xuống tóc, sau bèn trao cho 10 giới Sa Di. Cho nên không thể lấy 5 giới tại gia mà cho là đồng 10 giới Sa Di được. Hơn thế nữa, đã là người xuất gia hình tướng Sa Di không phải Ưu Bà Tắc như thế tục buông tuồng đưng đầu bàn chuyện đó, sự bàn luận này mới đáng nói. Luận về người phải có điểm hơn người, luận pháp là việc xuất gia không phải pháp Bồ Tát (tụng giới), nên đây là một việc, hơn và pháp là 3 việc đều xem thường trái lời dạy bậc Thánh, sai phạm không phải chẳng ít. Nay như ta phát tâm xuất gia cầu Thầy thế độ nên tôn trọng theo luật Ngũ Phần quy định, cũng như không nên xướng bài kệ tụng giới. Như người đã thọ 5 giới đến cầu xin xuất gia nên tôn trọng luật Tứ Phần, Tăng Kỳ, Thập Tụng... là những bộ luật căn bản, tức cho thọ Sa Di thập giới cũng không nhất thiết phải thọ lại 5 giới rồi sau mới cho thọ 10 giới mà sai lầm theo luật Ngũ Phần, nên biết luật quy định khó sửa đổi; quy định sai phải nghiệm xét kỹ lại.

---o0o---

1.1.3 Nền tảng 5 giới

Nền Thảng năm giới phân thành 10 tiết như sau:

1.1.3.1 Hướng dẫn:

Phải xem kỹ luật để biết rõ việc gì nên làm, nếu đúng theo luật cho phép hầu như phải có lời cầu xin. Nay cạo tóc Sa Di dựa theo luật Ngũ Phần, Phật dạy, trước truyền 5 giới Ưu Bà Tắc, sau cho xuống tóc thọ 10 giới Sa Di. Phải nêu ra tiêu chuẩn trước, còn nghi cách thêm bớt tùy theo đó ứng dụng. Nếu có người phát tâm hứa xuất gia, kỳ hẹn như ấn định trước một ngày, Thầy Tri Khách nên sắp xếp cho người xin đến gặp Thầy Duy Na và các vị Thầy dẫn lễ; hướng dẫn đánh lễ các Thầy 3 lạy rồi đứng lên quỳ gối bạch rằng:

- Con...(tên) biết thân là khổ, hiểu rõ đời đều là vô thường, khổ không, nên không dong ruổi theo trần duyên, nguyện hướng về Phật đạo. Tâm tuy chưa thể thay đổi nhưng đối với thói quen chưa hề có, nay khẩn thiết cúi mong quý Thầy dù lòng từ dạy bảo, phương tiện dẫn dắt cho con xuất gia học đạo, tu hành.

Thầy Duy Na đáp:

- Thật là lành thay! Người đã nhập pháp môn, nghi cách chưa rành, nay tôi vì người mà tác bạch lên Ngài Phương Trượng, một lòng chí thành cầu thỉnh. Người nên thành tâm cung kính theo tôi, cùng đi lễ Hòa Thượng.

Người cầu xuất gia nghe rồi, lễ một lạy và đứng lên. Duy Na và Thầy dẫn lễ đi trước, người kia đi theo sau.

---o0o---

1.1.3.2 Lễ tác bạch:

Các Thầy dẫn đương sự tới phòng Phương Trượng, đứng bên ngoài cửa, trước báo cho Thị Giả biết để mời Ngài tư thế chuẩn bị nghiêm túc. Hương hoa, đèn nến sẵn sàng tới thỉnh Ngài dâng tòa, kể đến 2 vị dẫn lễ tay nhíp khánh thỉnh Hòa Thượng ra khỏi phòng. Hòa Thượng ra xong, Ngài đến lạy Phật, niệm hương rồi vào chỗ ngồi. Duy Na xoay về Hòa Thượng lễ 3 lạy, quỳ gối chấp tay bạch rằng:

- Nam Mô A Di Đà Phật, ngưỡng bạch Hòa Thượng, nay có Phật tử.... (tên và pháp danh) từng mong mỏi đức từ, hẹn kỳ thể phát, yêm tâm trần thế, đã quyết chí học đạo vững bền, nên nay cung kính đến trước điện đốt hương đánh lễ, ngưỡng mong Hòa Thượng đại từ bi nạp thọ. Trước ban giới Ưu Bà

Tắc làm cho đơng sự từ cấp sơ cơ đây mà bước lên 4 cấp, kế sau xin được xuống tóc, đắp y; bỏ nhà thế tục để nhập chúng xuất gia, đi lại thẳng lướt xông pha, vâng hành đúng luật, phạm tình không theo đuôi, chí nguyện hướng cầu.

Đọc lời tác bạch xong, lễ một lạy rồi đứng lên, lui ra trở về lại chỗ.

---o0o---

1.1.3.3 Thỉnh sư (nghị này không giống nhau):

Nghị thỉnh sư tùy theo giới trường, đàn giới mà có cầm hương. Nay Duy Na thay bạch, giới tử đứng ngoài cửa, chỉ chờ gọi mới vào gần rồi dâng 3 cây hương bạch Phật. Nếu giới tử đông cùng lúc nghe gọi tiến lên chỉ do một vị niệm hương; còn các vị khác đứng sang 2 bên. Đứng theo vị trí xong, Thầy dẫn lễ xướng rằng:

- Nay gã nam tử, nay đã đầy đủ nhân duyên mà tới. Giới tử hãy bước lên, tới gần trước pháp tòa, chấp tay quỳ gối trang nghiêm tề chỉnh.

Lễ niệm hương: cầm 3 cây nhang lên khẩn. Duy Na cử bài tán hương, đại chúng đồng hòa âm:

Phật quang đại từ tâm

Độ chúng đức bi thâm

Chí thành thọ pháp âm

Tam Bảo niệm ân cần

Cầu thọ 5 giới cấm

Ngào ngạt hương diệu vân.

Dẫn lễ nhíp khánh đánh lễ Tam Bảo 3 lạy, xong bảo giới tử quỳ ngay ngắn và chấp tay lắng nghe kỹ. Thầy Duy Na nói:

- Luận về người tại gia đầy đủ tín tâm giống như trong lửa vượn lên hoa sen; mang mái tóc quy y như trăng hiện trong nước. Nay người muốn thọ 3 quy y và 5 giới, đây là nền tảng của xuất thế. Lễ ra phải mời cho được minh sư để hộ trì cho giới đức căn bản. Nay vì người mà đốt hương, trải tòa, cầu

thỉnh thượng A hạ B đường thượng Hòa Thượng; vì người mà làm Thầy truyền Tam quy năm giới. Lời thỉnh sư lẽ ra ông tự trình bày, nhưng sợ ông chưa quen, nay tôi chỉ ông phải đọc tên mình; còn những lời khác đều do tôi hướng dẫn như sau:

- Bạch Đại Đức một lòng thương xót, con pháp danh là... xin thỉnh Đại Đức làm Thầy truyền Tam quy, ngũ giới. Ngưỡng mong Đại Đức vì con làm bổn sư truyền Tam Quy năm Giới, con nương theo Đại Đức được thọ giới thanh tịnh. Xin thương xót, đoái xin thương xót, hết lòng xin thương xót con!

---o0o---

1.1.3.4 Thầy khai đạo:

Hòa Thượng vỗ thủ xích bảo rằng:

- Này thiện nam tử, ông đã chí thành 3 lần thưa thỉnh, nên tôi vì ông mà làm Thầy truyền 5 giới. Như những lời này ông phải lắng nghe, nguyên vì giới đức khó lường, đứng đầu vượt hơn tất cả, là quy luật của 5 thừa, chính là chiếc thuyền của Tam Bảo. Thiện định, trí huệ lấy giới đây làm nền tảng; Bồ Đề, Niết Bàn do giới làm gốc, phát ý hướng cao xa lấy giới đây làm tông yếu, giới là tiền đạo của sự dứt ác, mở đầu việc nhập đạo. Cũng như xây lâu đài trước nhất nền móng phải cho thật vững chắc. Nếu xây nhà không xây nền móng như gá ở hư không ắt không thành tựu. Kinh Di Giáo dạy rằng, nên tôn trọng giới luật như tối gấp sáng, như người nghèo được của báu; giới chính là gốc của sự giải thoát. Nếu người luôn giữ tịnh giới hẳn mọi công đức lành đều được phát sanh, nên biết giới là chỗ an ổn, chỗ phát sanh các công đức. Song giới có nhiều phẩm loại khác nhau. Nay người cầu thọ 5 giới đây là đầu mối của việc hướng thiện, ra khỏi bến mê của khổ. Kinh Thiện Sanh ghi rằng: giới đây thật là khó đắc, vì là cội gốc cho giới Sa Di, đại giới tỳ kheo và giới Bồ Tát. Vì vậy, nay tôi truyền cho người 5 giới Ưu Bà Tắc nên đem tâm cung kính giữ gìn, người có thể y theo lời dạy mà thực hành không?

- Đáp: Con xin y theo lời dạy vâng làm.

---o0o---

1.1.3.5 Thỉnh Phật, chư Thánh chứng minh:

Hòa Thượng vỗ thủ xích bảo rằng:

- Nay thiện nam tử, người đã y lời dạy vâng làm rồi, người muốn thọ 5 giới căn bản này, đứng ra phải tự kiềm tỉnh Tam Bảo từ bi chứng minh, thứ nữa cầu chư thiện thân hộ vệ, nhưng vì chưa quen nên tôi nói thay, người đứng dậy chấp tay nói theo tôi trong sự thành tâm quán tưởng: nhất tâm khái tỉnh, con pháp danh là ...

Hòa Thượng đứng dậy niệm hương bạch thỉnh; Thầy Duy Na, Thầy dẫn lễ đồng hòa âm cùng đại chúng, nhất tâm chuyên chú một cảnh để được sự cảm ứng.

Hương hoa thỉnh, hương hoa đăng phụng thỉnh, đệ tử... một lòng phụng thỉnh: Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Giáo Chủ cõi Ta Bà, đức Phật A Di Đà Giáo Chủ cõi Tây phương, đức Phật Di Lặc từ tôn sẽ hạ sanh tương lai, cùng hết thầy chư Phật khắp hư không pháp giới. Ngưỡng mong không quên bổn thệ từ bi chứng minh gia hộ cho con được thọ giới. (Thỉnh 3 lần mỗi lần xá 1 xá).

Hương hoa thỉnh, hương hoa đăng phụng thỉnh, đệ tử... một lòng phụng thỉnh: Hai thừa Đại, Tiểu, tạng luật Tỳ Ni, 5 thiên 7 tụ giới luật giải thoát, 12 bộ chân Kinh, giáo điển quyền thật, ly dục thanh tịnh, pháp bảo nhiệm màu, tha thiết một lòng quy y đảnh lễ...

Hương hoa thỉnh, hương hoa đăng phụng thỉnh, đệ tử... một lòng phụng thỉnh: Quan Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, hải chúng thanh tịnh, chư đại Bồ Tát, Ưu Ba Ly tôn giả, Tây Thiên, Đông Độ lịch đại Tổ sư truyền giáo Nam tông, chư đại luật sư, trung hưng luật sư Huệ Vân Hân công đại Hòa Thượng. Từ đây trở lui lại thỉnh đăng tòa đắc giới bổn sư Hòa Thượng: ngưỡng mong không quên bổn thệ soi chiếu hào quang chứng minh thọ giới.

Hương hoa thỉnh, hương hoa đăng phụng thỉnh, chúng con... một lòng phụng thỉnh: Trên hội quang minh, nhờ các vị trời: Phạm vương, Đế Thích, Tứ Thiên vương, Thiên long, tám bộ, già lam Thổ địa, hộ giới thần vương, Kim Cang lực sĩ, u hiển linh kỳ, ngưỡng mong không quên bổn thệ giám sát đàn tràng hộ giới.

Như thế mỗi lần 3 lượt thỉnh, 3 lần cúi đầu cho tới khi Hòa Thượng ngồi xong; dẫn lễ xướng: “quỳ xuống, chấp tay chí thành lắng nghe...”

1.1.3.6 Sám hối:

Hòa Thượng võ thủ xích bảo rằng:

Chuyên tâm nghinh thỉnh Tam Bảo chứng minh thọ giới rồi nay đây Tam Bảo đã dũ lòng từ phóng quang soi chiếu, như gương có đài lướt qua không thấy rõ, riêng sợ người từ muôn kiếp đến nay tạo các ác nghiệp, bị chướng duyên giới không thể lãnh thọ được, nên gia tăng lòng tin sâu hướng trước Tam Bảo cầu xin sám hối. Ví như vết dơ dính áo liền đem giặt tẩy sạch, vị cam lồ tẩy trừ vật uế, lời sám hối người vừa tự trần, e người không quen, nay tôi dạy người tự xưng tên mình....

Tôi đọc lời gì nên đọc theo để cầu xin sám hối. Bài kệ sau đây, Hòa Thượng đọc 2 câu, Dẫn Lễ hướng dẫn đương sự đọc 2 câu, cứ mỗi 2 câu cúi đầu xá 1 xá, đọc tiếng lớn rõ ràng như:

Đệ tử pháp danh... tên là... từ vô thủy cho đến ngày nay hủy báng Tam Bảo, làm kẻ phá hoại Phật pháp, chống lại Kinh Đại Thừa, đoạn dứt tuệ giác, giết hại cha mẹ, làm cho thân Phật đổ máu, làm nhiễm ô chùa viện, phá phạm hạnh tăng ni; thiêu hủy tháp miếu, lấy trộm vật dụng của tăng. Khởi bao nhiêu tà kiến, bác không nhân quả, gán gũ bạn ác, phản bội thầy hiền. Tự làm, dạy người làm, hay thấy và nghe người làm tán đồng vui theo... Những tội như thế vô lượng vô biên, cho nên ngày nay con rất lấy làm hổ thẹn, chí thành tỏ bày cầu xin sám hối. Ngưỡng mong Tam Bảo từ bi gia hộ, phóng ánh tịnh quang soi chiếu thân con khiến cho các ác tiêu dứt, 3 chướng trừ sạch, hoàn lại tâm nguyên rốt ráo hoàn toàn thanh tịnh. (Sám hối 13 lần như thế).

Nam Mô Phổ Hiền Vương Đại Bồ Tát (3 lần).

Như trên đã tỏ trần sám hối, nếu thì giờ không có chỉ dùng 4 câu trong kinh bốn thôi. Xem phần chính bên dưới, hể thành kính 4 câu đủ tiêu trừ nghiệp chướng; còn như không thành dù có sám nhiều cũng khó hối cải.

---o0o---

1.1.3.7 Vấn già nạn (gạn hỏi trắc nghiệm):

Nạn ngăn chướng bỏ đề tâm, Hòa Thượng võ thủ xích bảo rằng:

- Nay người đã sám hối xong, tội lỗi về trước dứt sạch nên theo Kinh Thiện Sanh, trước hết hỏi 7 già nạn, sau mới cho người thọ giới. Có hay không cứ thật tình trả lời, chớ nên che giấu.

- Hỏi: Người có từng trộm cắp vật của hiện tiền tăng không?

(Nếu không, nên đáp không; giả như có nên đáp có, những câu sau đều như thế cả)

- Người có từng hành dâm với nam nữ trong lục thân không?

- Người có làm ô nhiễm phạm hạnh tăng ni không?

- Người có từng thấy cha bệnh mà bỏ đi không chăm sóc không?

- Người có từng thấy mẹ bệnh mà bỏ đi không chăm sóc không?

- Người có từng đối sư trưởng bệnh mà bỏ đi không săn sóc không?

- Người có từng sát hại chúng sanh phát bồ đề tâm không?

---o0o---

1.1.3.8 Thọ quy giới:

Hòa Thượng võ thủ xích bảo rằng:

- Đây thiện nam tử, người hiện sanh trong đời này không có 7 già nạn, thân tâm thanh tịnh, đạo quả mới hoàn tất được. Tôi nay cũng vì người trước truyền Tam quy làm thẻ, kê tuyên đọc 5 giới để khiến giữ gìn những lời đã nói về 3 quy y. Luật Tát Bà Đa luận rằng: Tam Bảo là chỗ nương tựa, người muốn được cứu hộ không được vượt qua. Nên quy y Phật nương theo pháp thân, là nhứt thiết trí, đạt đến vô học, đầy đủ công đức, thành 5 phần pháp vậy. Quy y Pháp là nương chỗ tịnh xứ của tự-tha, là đoạn dục, ly dục, đạt đến Niết Bàn chân thật. Quy y Tăng là nương theo đệ nhứt nghĩa tăng, có nghĩa bậc hoàn hảo phước điền, có đủ công đức học và vô học. Nhưng Tam Bảo đây là chân tịnh đức dụng hay làm cho 3 nghiệp thanh tịnh, có khả năng ngăn dứt 3 đường ác, có thể phá trừ 3 chướng, không rơi vào 3 cõi hữu (chúng sanh), hay vượt thoát 3 cõi, hay dẫn tới chúng 3 thừa. Do đó Phật đạo lấy 3 quy y đây làm gốc, rộng ra chung cho các giới phẩm khác để thành tựu mọi công đức. Cho nên người phải lấy ân trọng lòng từ hộ niệm khắp

cùng pháp giới, hữu tình hay vô tình đối với cảnh bị duyên. Nguyên đoạn mọi điều ác, thế tu tất cả điều thiện, phát nguyện độ hết chúng sanh. Nếu phát được tâm rộng lớn vô thượng như thế mới có thể lãnh thọ giới, đó là 3 quy y và 5 giới nói trên vậy.

Nay chính đúng lúc người thọ Tam quy, là lúc cảm nhận thọ các giới thể. Người nên chí thành quán tưởng, duyên cảnh phát tâm theo lời tôi mà thọ. Trước xưng danh tánh (nói rồi, đợi Hòa Thượng nói xong, Thầy Dẫn Lễ dạy giới tử nói theo; đọc từng câu không được sai trật) như sau:

Con pháp danh... tên là... nhất tâm quy y Phật, nhất tâm quy y Pháp, nhất tâm quy y Tăng. (Đọc 3 lần như thế, mỗi lần cúi đầu xá 1 xá).

Hòa Thượng vỗ thủ xích bảo rằng:

Trở lên 3 quy y đúng là nạp thể, nay thêm 3 kiết có nghĩa là phép yết ma, người phải chí tâm nói lên theo tôi. Nhìn xuống đoạn văn đợi Hòa Thượng đọc một câu, giới tử nói theo một câu; căn cứ theo Kinh Thiện Sanh, đọc xong cúi đầu xá Phật-Pháp-Tăng 3 xá.

Con pháp danh... quy y Phật rồi, thà bỏ thân mạng trọn không quy y các chúng ma Tự Tại Thiên v.v... Quy y Phật, bậc chí chân đẳng chánh giác, là bậc Thế Tôn của con, xin thương xót cho con.

Con pháp danh là... quy y Pháp rồi, thà bỏ thân mạng trọn không quy y giáo thuyết ngoại đạo; chỉ quy y 12 bộ trong 3 tạng mà Phật đã thuyết, cùng hết thảy Kinh điển, là chỗ tôn kính của con, xin thương xót cho con.

Con pháp danh là... quy y Tăng rồi, thà bỏ thân mạng trọn không quy y ngoại đạo tà giáo; quy y bậc tăng phước điền thanh tịnh, là chỗ tôn kính của con, xin thương xót cho con.

Sau đây là phần đọc các giới tướng, Hòa Thượng vỗ thủ xích nói:

Tôi đã vì người mà nói rõ 3 quy y xong rồi, để có được thể của 5 giới, tôi lại vì người đọc 5 giới tướng để làm cho người biết tướng mà giữ gìn, hầu cẩn trọng bảo hộ giới thể.

Giới thứ nhất là không sát sanh, thứ hai không trộm cắp, thứ ba không tà dâm, thứ tư không nói dối, và thứ năm không uống rượu. Là những giới căn bản của Ưu Bà Tắc, người có thể giữ gìn được không?

Đáp: Mô Phật, con có thể giữ được.

Này Thiện nam tử, 5 giới đây là cội gốc của các giới, là thêm thang của việc nhập đạo. Đạt đến giải thoát chứng quả Bồ Đề khởi đầu từ giới không sát sanh cho đến giới thứ năm không uống rượu, người có thể giữ đầy đủ được không?

Đáp: Mô Phật, con có thể giữ được đầy đủ.

---o0o---

1.1.3.9 Phát nguyện:

Hòa Thượng vô thủ xích bảo rằng:

Kinh A Hàm ghi rằng: đã thọ 5 giới rồi phải cần phát nguyện. Đầy đủ hạnh nguyện, phước và huệ mới thành tựu đạo nghiệp; cũng như cỗ xe quý, nếu không có bánh xe cũng vô dụng mà thôi, vì không chạy được. Do vậy, nay tôi bảo ông, ông theo lời tôi nghĩ tướng Tam Bảo, đối trước Phật, chí thành phát nguyện, đọc pháp danh của mình, rồi Thầy bảo rằng:

Nay con là...chí thành phát nguyện: nhờ công đức giữ 5 giới đây mà không đọa vào 3 đường ác, rơi trong 8 nạn. Công đức giữ giới như ân ban khắp hết chúng sanh trong pháp giới đều phát tâm Bồ Đề đồng sanh về Cực Lạc; hoa khai thấy Phật, được nghe Phật thừa, mong Phật thọ ký. Nguyện trở lại Ta Bà hóa độ chúng sanh đồng sanh về Tịnh Độ, xa lìa các khổ, được sanh thượng phẩm hoa sen.

(Đợi Hòa Thượng nói dứt 1 câu, giới tử nói theo câu đó, đọc 3 lần như thế và mỗi lần cúi đầu xá 1 xá).

---o0o---

1.1.3.10 Kết khuyến hồi hướng:

Hòa Thượng vô thủ xích nói:

- Nay thiện nam tử, do người có gieo trồng gốc đức trước nên nay gặp được duyên lành, dù cảnh đời xấu ác đủ 5 thứ bản trước mà vẫn sanh trong gia đình chánh tín, quy y Tam Bảo và giữ gìn 5 giới, ưa thích phòng hộ cẩn thận không thể sai phạm. Như rồng giữ hạt châu nơi cổ, như trâu mao mấn đuôi, như canh giữ đập ngăn nước không để rỉ chảy. Như bờ ngăn thành cấm không để cho người phá hỏng. Nếu phạm 5 giới trong đó 4 giới trước là giới trọng, như tử thi (thây chết) không dung nạp trong đại dương. Người phá giới, giới không dung, cũng không được thọ 10 giới Sa Di, giới tỳ kheo, giới Bồ Tát... Vì giới căn bản đã phá nên thiện pháp khó sanh. Nay người có thể nhứt nhứt giữ gìn được không?

Đáp: Mô Phật, con y như pháp giữ gìn.

Hòa Thượng nói:

Người đã như pháp giữ gìn, nên đứng trong hàng tăng, nay tôi vì người mà cao tóc. Từ ngôi nhà lửa nhưng dọn dẹp sạch đến được chỗ thanh lương, từ con đường mê mà biết quay về chánh đạo.

Hòa Thượng vỗ thủ xích, đứng dậy. Đại chúng chấp tay hồi hướng:

Nguyện đem công đức này

Ban cùng khắp pháp giới

Đại chúng cùng hòa âm

Niệm Phật trong nhiếp tâm...

Thầy Dẫn Lễ xướng cho giới tử lễ tạ chư giới sư 3 lễ. Xong đứng qua 2 bên.
Thầy Duy Na xướng tụng hồi hướng và đại chúng đồng tụng:

Thọ giới công đức hạnh khó lường

Bao nhiêu phước báu đều hồi hướng

Nguyện khắp chúng sanh bị thác oan

Sớm sanh cõi Phật vô lượng quang

Mười phương ba đời các đức Phật

Các đức Bồ Tát Ma Ha Tát

Từ Bi dù lòng đoái thương xót

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

Hòa Thượng bước xuống lễ Phật xong, kệ hồi hướng dứt, 2 người dẫn lễ đi trước, giới tử tiếp theo, thỉnh Hòa Thượng hồi quy phương trượng (trở về phòng nghỉ). Thầy Tri Khách hướng dẫn tân giới tử đến trước Tổ đường lễ Tổ và lễ tạ các bậc trưởng thượng cho đúng lễ nghi phép tắc.

Lại nữa, theo trong luật người nữ xuất gia, nên mời bên ni thuyết 5 giới, 10 giới; Duy Na dẫn lễ cũng đều là ni. Phân tác lễ, thay vì thiện nam tử, đổi lại là thiện nữ nhơn, dưới chữ Sa Di thêm chữ Ni cho đúng.

---o0o---

1.1.4 10 chi giới pháp

Mười chi giới pháp phân thành 10 như sau:

---o0o---

1.1.4.1 Thông bạch trải tòa:

Trở lên về việc thọ 5 giới Ưu Bà Tát, từ đây trở xuống nói về xuống tóc. Truyền 10 giới Sa Di có trước sau, pháp có 2 thời và các mục riêng cho việc thiết trí và nhóm họp chúng. Nếu gặp các duyên khác như thì giờ gấp rút chỉ diễn ra trong một ngày cũng nên phân riêng giờ dần, giờ Ngọ 2 thời. Người xin xuống tóc sáng sớm hôm sau, trước hết tới gặp Thầy Duy Na và Thầy Dẫn Lễ lễ 3 lạy, đứng chấp tay bạch:

- Con pháp danh là... hôm qua được chư tôn đức chỉ dẫn được ở trong danh vị cận sự, đã thọ 5 giới và muốn ra khỏi nhà thế tục, song 10 giới chưa tấn đàn, nay con lại kiên thỉnh chư Đại Đức một lần nữa ban cho phương tiện, để con là... cạo tóc xuất gia làm tăng, sớm trở thành nhuần đức không ngần mé trọn đời con luôn cảm niệm tạ dạ ghi ân.

Thầy Duy Na nói:

- Nay thiện nam tử, luật quy định có thêm bậc, pháp đương nhiên có thứ tự, nay tôi vì ông mà chọn nơi trải tòa, thúc hiệu kêng nhóm chúng, cung thỉnh Hòa Thượng đăng tòa chứng minh, vì người mà xuống tóc, truyền giới. Khi nghe tiếng kêng, ông nên chờ tác bạch.

Giới tử xá 1 xá rồi lui ra. Thầy Duy Na cùng với Dẫn Lễ chọn nơi trải tòa, hoặc chỗ đất trống hay nơi giảng đường hoặc ở phòng Phương Trượng. Cho người quét dọn sạch sẽ rồi mới trải tòa, như nghi trần thiết trước có nói rõ.

---o0o---

1.1.4.2 Nhóm chúng thỉnh sư:

Người cầu xuất gia nghe tiếng kêng báo hiệu, cầm 2 y 5 điều, 7 điều và bình bát theo sau vị Thầy cạo tóc và đại chúng nhóm đông đủ. Duy Na sắp cho giới tử để y bát bên phải chỗ tòa vị cao tăng, con dao cạo, chén nước tịnh (có cành bông) đặt chỗ ngồi của Hòa Thượng. Đồ gội tóc v.v... nhất nhất đều chuẩn bị sẵn sàng. (Nay có thể không cạo tóc bằng dao mà cạo bằng tondeur, cũng nên để sẵn vật đó trên bàn). Thầy Duy Na bảo:

- Nay thiện nam tử, pháp tọa đã bày, đại chúng vân tập, người nên chí tâm hướng thượng, cung cần quán tưởng, nhất tâm đánh lễ: Mười phương Tam Bảo 3 lạy cần cầu đức từ bi gia hộ.

- Lạy xong lại nói: xoay sang 2 bên tả hữu lạy hiện tiền đại tăng vân tập mỗi bên 3 lạy.

- Lạy xong lại bảo: người đứng một bên nhờ Thầy Thế Độ (cạo tóc xuất gia) ra khỏi chúng bung hương đến cung thỉnh Hòa Thượng Phương Trượng.

Hai người dẫn lễ nhíp khánh đi trước, người bung khay lễ theo sau vào phòng, đứng như lễ nghi thỉnh Hòa Thượng. Mời Ngài ra đến trước tòa ngồi, 2 người dẫn lễ tới gần trước Phật đứng đối diện tả hữu, cầm hương đứng một bên. Hòa Thượng lạy Phật 3 lạy xong, đứng dậy đến trước tòa Thánh tăng trải tọa cụ lạy 3 lạy rồi Thị Giả xếp tọa cụ. Hòa Thượng niệm hương. Duy Na xướng, đại chúng cùng hòa theo:

Nam Mô Vân Lai Tập Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Dẫn Lễ bảo:

- Người cầm nhang đến trước Phật, tới nơi quỳ xuống dâng hương lên lư, cầm hương xong lui về vị trí.

Đại chúng nghe khánh nhịp chí thành đánh lễ 3 lạy. Xếp tọa cụ, xoay sang hướng đông trước tòa thánh tăng, đến chỗ trái tọa cụ, nghe nhịp khánh đánh lễ 3 lạy. Lạy xong, xếp tọa cụ lui về chỗ, bước lui đứng sang bên trái.

Người cầu xuất gia bước ra ngoài: Thầy Duy Na nói:

Thiện nam tử, bây giờ Hòa Thượng đã thăng tòa, đại chúng vân tập sẵn sàng, chuẩn bị tác pháp yết ma (vấn hòa) là cách hỏi để tăng hòa, người phải đi ra khỏi chỗ đây, đứng chỗ thấy nhưng không nghe, đợi lúc gọi mới được phép vào.

---o0o---

1.1.4.3 Người cầu giới ra phía trước xá 1 xá rồi lui ra.

Một người dẫn lễ hướng dẫn ra chỗ có thể thấy bên trong mà không nghe, đứng đó chờ. Dẫn Lễ trở vào trong chúng nghe pháp yết ma. Pháp này tuân theo luật dạy gọi là pháp yết ma không có đương sự hiện diện.

---o0o---

1.1.4.4 Pháp yết ma hòa tăng:

Hòa Thượng vỗ thủ xích hỏi:

- Tăng nhóm chưa?
- Duy Na đáp: Tăng đã nhóm
- Hòa hợp không?
- Hòa hợp
- Người chưa thọ đại giới ra chưa?
- Đã ra
- Có các vị tỳ kheo thuyết dục và thanh tịnh không?

- Nếu không ai thuyết dục và thanh tịnh, trả lời không. Trường hợp có, tỳ kheo thọ dục liền - đáp: Có – và ra giữa chúng xá một xá quỳ chấp tay bạch:
- Bạch Đại Đức Tăng nghe: có tỳ kheo A, B,... mà con thọ dục, tỳ kheo A như pháp tăng sự gọi dục yết ma; trên Hòa Thượng đáp: được. Vị tỳ kheo thọ dục đáp: vâng, xá 1 xá rồi lui về chỗ. Sở dĩ gọi dục tức là bận vì việc cần cấp không thể có mặt với chúng nên nhờ người khác nói thay cho người bận công việc.
- Tăng nay hòa hợp để làm gì?
- Đáp: làm lễ yết ma thế phát (xuống tóc)
- Nay trong chúng đây ai có thể bằng lòng pháp yết ma?
- Vị Thầy làm pháp yết ma trong chúng chấp tay đáp: con, tỳ kheo A, B bằng lòng. Vị Thầy (trưởng lão) đã chấp nhận tiến ra giữa chúng bạch rằng: Pháp yết ma đã thành, chỗ ngồi đã được đầy đủ, chỗ đứng cũng đã đủ xong. Nếu người bạch yết ma đứng, người nghe ngồi, hay người nghe đứng, người bạch yết ma ngồi, đều phạm việc làm phi pháp. Phép yết ma bất thành với việc đi, nằm cũng như vậy. Do vậy, Hòa Thượng hỏi người biết pháp yết ma nên phải đứng nghe; người làm yết ma phải ra giữa chúng lạy 3 lạy rồi đứng chấp tay bạch rằng:

Đại Đức tăng nghe, có giới tử A muốn cầu Tỳ Kheo B xuống tóc, nếu tăng phải thời mà đến, tăng thuận nghe cho A xuống tóc; bạch như thế, tác bạch có thành không? (bạch 3 lần).

Hiện diện đại tăng đều chấp tay đồng đáp: thành.

Thầy tác pháp yết ma bạch xong ra giữa chúng xá 1 xá, rồi lui về vị trí. Vị Thầy cạo tóc nghe tăng hứa khả vâng cho thế độ, liền đứng lên theo sự hướng dẫn trước chúng hướng về 2 Hòa Thượng lễ mỗi vị 3 lạy.

---o0o---

1.1.4.5 Gọi cho người xuất gia vào

Tăng đã làm phép vấn hòa xong, Duy Na bước ra bên ngoài nơi giới tử đứng ngoắc tay gọi:

- Nay thiện nam tử, người hãy bước vào.

Người kia theo lời gọi mà vào, vào rồi đứng một bên nghe: trong đây tăng làm phép yết ma xong, đã hứa khả thuận cho người trong tăng già lam xuất gia, người nên ra chính giữa (người ấy bước ra giữa tăng) tới trước Phật, chí tâm quỳ gối chấp tay dâng 3 nén hương cần cầu thập phương Tam Bảo từ bi gia hộ. Đương sự ra trước Phật quỳ dâng hương xong, Duy Na cử bài Tán hương, đại chúng chấp tay đồng tán. Dẫn Lễ bảo giới tử đứng lên rồi nghe tiếng khánh chí thành đánh lễ 3 lạy.

Phật sanh Tây Trúc,

Giáo pháp sang Đông

Nghĩa lý uyên thâm

Nhơn ngã đều không

Nhân tin thoát lao lung

Quân, thân lợi ích đồng

Khoảng cách thật khó gần (khó gặp).

Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

Giới tử quỳ gối chấp tay, kể đến phần thỉnh sư. Thầy Duy Na nói:

Luận tâm phàm là cái thể của việc chứng Thánh, chỉ giáo mới biết được thân giả huyễn là vật chuyển tải đạo. Nếu chẳng tu không làm sao lo liệu được, người nay đã đủ tín tâm xuất gia thích tu phạm hạnh, lẽ ra phải tự cầu mình sư, nương lòng từ làm mẫu mực, nay tôi vì người mà cung thỉnh thượng A hạ B (tên pháp danh) đường thượng Hòa Thượng chứng minh, thể phát làm Thầy truyền giới cho người, hướng nữa vị thầy này tinh nghiêm giới luật, khéo dạy kẻ hậu học. Người phải nghiêm chỉnh nhất tâm theo lời tôi để đích thân thỉnh sư. Người tự trình bày sợ e chưa quen, nay tôi bảo người tự xưng tên họ, pháp danh... ngoài ra những lời gì đều theo tôi chỉ dẫn như sau:

Bạch Đại Đức một lòng thương xót, con pháp danh là... nay thỉnh Đại Đức làm thầy chứng minh, là bổn sư thế độ, truyền giới cho con; mong Đại Đức vì con mà chứng minh và làm thầy thế độ truyền giới. Con nương nơi Đại

Đức được thể phát, thọ giới, xin thương xót cho con. (Thỉnh 3 lần, lần sau cùng thêm xin đại thương xót cho con).

---o0o---

1.1.4.6 Khai đạo (văn trích nghi thức cổ)

Hòa thượng vỗ thủ xích bảo:

Này thiện nam tử, nay người ân cần 3 lần cầu thỉnh, nên tôi mới vì người làm chứng minh và thầy truyền giới, thể độ. Tôi nói lời nào người nên chú ý lắng nghe cho kỹ. Nguyên luận về gốc tâm vắng lặng, biến pháp khôn dò, người mê muôn kiếp chìm đắm, kẻ ngộ hiện đời giải thoát. Muốn truyền diệu đạo không vượt ngoài xuất gia, khoáng dãng như hư không, trong sáng lồng lộng như trăng tròn; tu hành đầy đủ các duyên, đạo quả không xa. Mới đầu gia công khắc niệm, tất chứng được vị vô vi, sở dĩ bậc đại giác Thế Tôn bỏ ngôi vị đế vương nửa đêm vượt thành cởi áo bào trân quý, khoát áo vải thô. Vào tận nơi thâm sơn cắt tóc tu hành, để mặc cho chim làm tổ trên đầu, nhện giăng nơi mí mắt. Chí tâm tu tịch diệt mà chứng chân thường, dứt trần lao mà đạt thành chánh giác. Ba đời chư Phật không nói tại gia thành đạo, trải qua các bậc Tổ sư, chưa ai từng ô nhiễm mà độ được người bao giờ. Sở dĩ giữa Phật với Phật thông nhau trao tay, giữa Tổ với Tổ truyền tâm không nhiễm duyên trần mới thành pháp khí (tinh anh) nên được thiên ma nể phục, ngoại đạo qui hàng. Trên đền đáp 4 ân sâu, dưới cứu khổ quần sanh. Bị trôi lăn trong 3 cõi, vì không thể xả bỏ ái ân; sâu vào pháp vô vi mới thật là báo ân. Sau khi xuất gia, lễ vượt thường tình không lạy quân vương, không lạy cha mẹ. Người nay có thể bỏ chỗ ngôi của tôi mà tưởng nghĩ đến ân đức cha mẹ, quốc vương lạy đáp tạ từ. Song 1 lạy đây gọi là sau cùng vậy.

---o0o---

1.1.4.7 Lời tạ từ đấng quân vương và song thân

Thầy Dẫn Lễ nói:

- Này thiện nam tử, hãy đứng lên hướng về hướng Nam. Lễ lạy tạ từ cha mẹ, và hướng Bắc lạy tạ từ quốc vương. Trước hết lấy cái lễ của thế gian từ giả quân thân, sau lấy cái nghi của xuất thế quay đầu về Phật pháp.

Thầy Dẫn Lễ hướng dẫn người cầu thể độ đứng xoay mặt về hướng Bắc, rồi bảo rằng:

Này thiện nam tử, người đứng nghiêm chỉnh hướng về hướng Bắc tướng nghĩ đến ân quốc vương, đất nước chí thành đánh lễ 4 lạy.

Giới tử lạy xong, lại hướng dẫn xoay sang hướng Nam rồi bảo rằng:

Này thiện nam tử, người đứng nghiêm chỉnh hướng về hướng Nam niệm tưởng công ơn sanh thành dưỡng dục sâu dày của cha mẹ chí thành đánh lễ 4 lạy.

Chờ cho đương sự lễ xong, lại hướng dẫn đứng xoay về hướng trung ương rồi bảo rằng:

Này thiện nam tử, người đã từ tạ quân vương, bái biệt cha mẹ, quay về với Tam Bảo làm đệ tử Phật, phải đứng chấp tay ngay thẳng chí thành quán niệm, nghe khánh nhịp đánh lễ thập phương thường trụ Tam Bảo 9 lạy.

Lạy xong, hướng dẫn đến trước tòa ngòai Hòa Thượng, Dẫn Lễ bảo rằng:

Này thiện nam tử, hãy hướng về Hòa Thượng chí thành đánh lễ 3 lạy, rồi quỳ gối chấp tay.

---o0o---

1.1.4.8 Xuống tóc:

Hòa Thượng vỗ thủ xích bảo:

Này thiện nam tử, giờ đây các duyên đầy đủ, tăng chúng đồng chúc mừng, nay tôi rời chỗ ngòai, trước dùng nước cam lồ rưới lên đánh đầu của ông, làm cho tâm địa ông mát thanh lương, phiền não không xâm lấn, kế dùng giới đao cắt đoạn tóc người khiến cho tình trần của người dứt đoạn vĩnh viễn; phạm hạnh tăng trưởng. Đây là cái nhân lành của nhiều đời nhiều kiếp; không phải mới sáng nay ngẫu nhiên mà gặp được. Người càng gia tâm tin sâu càng sanh lòng đại hoan hỷ.

Hòa Thượng một tay cầm tịnh bình rời chỗ đến trước người xuất gia dùng chén nước trong lấy ngón tay nhúng cành dương (hoa) rảy lên đánh đầu đương sự. Một thị giả phụ với Hòa Thượng cầm chén nước, một thị giả khác lấy dao nơi tòa dâng lên Hòa Thượng. Hòa Thượng cầm dao, đọc bài kệ chú, đại chúng cùng hòa theo như sau:

Lành thay đại trượng phu

Hiểu rõ đời vô thường

Bỏ tục hướng Niết Bàn

Ít có khó nghĩ lường.

(Bài kệ trích từ nghi thức cổ, nay có thay đổi).

Hòa Thượng đọc kệ chú xong, lấy dao cạo trên đầu người cầu pháp 3 nhát, rồi lui về chỗ ngồi. Thầy Duy Na bảo:

- Nay thiện nam tử, nay Hòa Thượng đã lấy dao cạo cho người, người nên đứng dậy xá một xá, rồi đến trước thầy thế độ của người quỳ gối sát đất 2 tay nâng dao xin thầy cạo nốt tóc cho.
- Đương sự tới trước thầy thế độ, thầy Dẫn Lễ xưng:
- Lễ 1 lạy, quỳ xuống nâng dao dâng lên Thầy người. Lễ ra người tự nói lời cầu xin, sợ người chưa quen, nay tôi chỉ người nói theo như sau:
- Đại Đức một lòng nghĩ, con pháp danh là... Nay cầu xin Đại Đức làm thầy A Xà Lê xuống tóc cho con, mong Đại Đức vì con làm A Xà Lê thế phát, con xin nương theo Đại Đức được xuất gia, xin thương xót cho con. Nói 3 lần và cúi đầu xá 3 xá.
- Thầy thế phát bảo rằng:
- Nay thiện nam tử, đợi tôi trước lễ đức bổn sư Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn và các tôn tượng Đông Tây xong hấn cạo tóc cho người. Người hấn đứng sang một bên lấy nước gội tóc.
- Đương sự đứng lên gội tóc; thầy lễ Phật và các bàn Đông Tây mỗi nơi 3 lạy xong, thầy quỳ trước Hòa Thượng chấp tay bạch rằng:
- Nay được Hòa Thượng chủ tọa khai đạo, quán đảnh chứng minh, con tỳ kheo... đứng vì... mà cạo tóc cho.
- Hòa Thượng đáp:
- Lành thay y đúng như pháp.

- Thầy thế độ đáp:
- Vâng,
- Xá một xá đứng lên, xoay vô giữa rồi đứng sang bên tả. Vị xuất gia gọi tóc xong, tay bung đồ đựng tóc, quỳ gối trước Thầy, Thầy nên chừa lại một ít tóc trên đánh y, rồi đưa con dao cạo xuống khắp quanh mái tóc. Duy Na bắt tụng kệ chú cạo tóc, đại chúng đồng hòa âm theo như:

Cạo bỏ râu tóc

Nguyện cho chúng sanh

Xa hẳn phiền não

Rốt ráo thanh tịnh.

Án tắt điện đô mạn đả ra bạt đà dạ ta bà ha.

- Đọc đi đọc lại 3 lần, tới lúc cạo tới đỉnh xong, bài kệ chấm dứt. Dừng dao lại, thầy hỏi đương sự rằng:
- Tôi đã vì người mà dấy trừ tóc trên đầu, chỉ còn chừa một chùm trên chòm, người nên suy xét kỹ để quyết định. Nếu như không thể quên mình tấn đạo, nhẫn khổ tu tập như chòm tóc vẫn còn. Cũng có nghĩa là người thế tục cho người trở lại nhà cũng chưa muộn vậy. Cho nên nay tôi đứng trước đại chúng đây hỏi người, người có quả thật quyết chí xuất gia để về sau khỏi có hối hận không?
- Đương sự đáp:
- Con quyết chí xuất gia, sau này không có hối hận.
- Người hứa quyết chí xuất gia, về sau không hối hận, phải không?
- Hỏi 3 lần như thế, đương sự đều 3 lần đáp giống nhau. Người đã quyết chí xuất gia mà không có hối hận, mới cạo dứt chòm tóc còn lại trên đánh dưới lưỡi dao như vậy:

Ái buộc dứt sạch

Cần tu phạm hạnh

Tăng đoàn thanh tịnh

Phước huệ toàn thành.

- Vị thầy cạo tóc xong, đến trước Hòa Thượng, tay cầm dao bạch răng:
- Con tỳ kheo..... nay được Hòa Thượng từ bi chứng minh, vì ... con đã xuống tóc xong.
- Hòa Thượng bảo:
- Được, tốt lắm.
- Bạch xong, để dao lại chỗ cũ rồi lui về vị trí của mình. Đương sự đắc độ lạy một lạy rồi đứng lên lui ra một bên phủi tóc, sửa lại y phục xong trở lại chỗ cũ, quỳ gối chấp tay, một vị dẫn lễ tới trước tòa thánh tăng phía Đông trước hết cầm 2 vật mạn y và một bình bát đặt trước mặt Hòa Thượng.

---o0o---

1.1.4.9 Truyền thọ giới Sa Di:

Hòa Thượng vỗ thủ xích bảo:

- Nay gã thiện nam, đầu của người tóc đã cạo bỏ, hình nghi khác tục, chỉ tên gọi là hình đồng Sa Di, nếu thọ 10 chi thập thiện, thân ở già lam nương theo thầy mà học; ăn uống cùng với đại tăng, mặc y mà ăn uống mới gọi là đồng Sa Di.

Vì thế nay trước hết tôi chỉ cho người, y – bát của Sa Di, kể truyền 10 giới để tiện việc hành trì không trái luật nghi.

- Hòa Thượng tay cầm mạn y, nói:
- Đây là cái mạn y của Sa Di cần mặc đắp, mạn có nghĩa là không cắt mảnh khâu lại thành. Không có điều dài ngắn. Y này mặc thường khi ra vào, tới lui trong chùa, làm việc chúng, trong mọi lúc luôn mang theo không được lìa y khỏi thân. Do vậy còn gọi là y tác vụ (làm việc).
- Để y mạn xuống nâng bình bát lên nói rằng:

- Đây là chiếc bình bát thọ dùng của Sa Di; tiếng Phạn là Bát Đa La, dịch nghĩa là ứng lượng khí. Phạm lúc thọ trai (ngọ trai) nên dùng. Mỗi khi ra vào phải mang theo bên vai hữu có dây đeo bên nách trái.

- Để bát xuống bảo rằng:

- Này thiện nam tử, y bát người như pháp, giới cũng đã thọ, người từ vô thủy cho đến ngày nay do vọng tưởng che mờ bản tâm, tình thức tham ái cảnh trần mà không biết gốc mọi pháp không có tự tánh; trong đó mỗi mỗi sự thủ xả (lấy bỏ) tạo vô số ác nghiệp đã làm cho thân tâm như bản. Tịnh giới đã thọ nay người lấy đó an tâm tu tập. Hãy đến trước thập phương Tam Bảo cầu mong cứu giúp, mong từ vô thủy chưa làm thiện, từ nay tinh tấn, một khắc lỡ tạo việc ác, hứa không tạo lại nữa. Ngưỡng mong Tam Bảo dĩ lòng thương hậu cho người thọ giới, người theo lời tôi sanh đại hổ thẹn tịnh tâm sám hối. Tự nói pháp danh... Xong, đọc kệ sau để sám hối:

Xưa con vốn tạo các ác nghiệp

Đều do vô thủy tham sân si

Từ thân miệng ý phát sanh ra

Tội chướng đây đều xin sám hối.

Xưa con vốn tạo các ác nghiệp

Đều do vô thủy tham sân si

Từ thân miệng ý phát sanh ra

Nay đối trước Phật cầu sám hối.

Xưa con vốn tạo các ác nghiệp

Đều do vô thủy tham sân si

Từ thân miệng ý phát sanh ra

Hết thấy tội căn đều sám hối.

Sám hối xong, nay tôi trước vì người tuyên đọc 3 quy y, chính là lúc nạp nhận người, người nên phát tâm phẩm thượng nhận thượng phẩm giới. Nói

tâm phẩm thượng đối với Tam Bảo phát tâm đoạn ác tu thiện, tâm lợi tha khắp cùng pháp giới. Hết thấy hữu tình, cùng cảnh vô tình nhưng cùng nơi cảnh sở duyên, nguyện đoạn hết thấy ác. Không có ác nào chẳng dứt, tịnh tu hết điều thiện; không việc thiện nào chẳng tu, nguyện độ hết thấy chúng sanh. Không có chúng sanh nào chẳng độ, có thể phát tâm như thế, là thượng phẩm tâm. Đã được giới Sa Di là thượng phẩm giới. Người nên trong phát tâm như thế, duyên cảnh như thế, ngoài theo tôi lắng nghe suy nghĩ kỹ lãnh thọ, không được biết khác, nghĩ khác, tự xưng đọc pháp danh...Đội Hòa Thượng đọc một câu xong, liền đọc theo câu đó, chớ có lẫn lộn như:

Con...suốt đời quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, con nay theo Phật xuất gia, nương theo Ngài A làm bổn sư, Như Lai chí chân đẳng chánh giác là Thế Tôn của con, xin thương xót cho con. (Lần thứ ba thêm: xin đại thương xót cho con).

Trở lên 3 quy y, chính là nạp thể nơi tâm, lại thêm 3 kết đạt được pháp viên mãn, có nghĩa là 3 lần yết ma. Tự xưng pháp danh...nói theo tôi như sau:

Con...quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi, nay con đã theo Phật xuất gia, Ngài thượng A hạ B là bổn sư, Như Lai chí chân đẳng chánh giác là Thế Tôn của con, xin thương xót cho con, cúi xin đại thương xót con.

(Đó là 3 kết đã đọc xong).

- Nay thiện nam tử, tam quy y, 3 kết đã xong. Người đã được giới thể thanh tịnh, nay đây tôi vì người đọc 10 giới tướng, khiến người hiểu qua thực hành để hộ niệm giới thể, hãy tự xưng pháp danh, con pháp danh...
- Giới thứ nhất từ đây cho đến suốt đời không giết hại chúng sanh là giới của Sa Di, nay người có thể giữ được không?
- Giới thứ hai từ đây cho đến suốt đời không trộm cắp là giới của Sa Di, nay người có thể giữ được không?
- Giới thứ ba từ đây cho đến suốt đời không dâm dục là giới của Sa Di, nay người có thể giữ được không?
- Giới thứ tư từ đây cho đến suốt đời không nói dối là giới của Sa Di, nay người có thể giữ được không?

- Giới thứ năm từ đây cho đến suốt đời không uống rượu là giới của Sa Di, nay người có thể giữ được không?
- Giới thứ sáu từ đây cho đến suốt đời không xúc ướp nước hoa hương thơm là giới của Sa Di, nay người có thể giữ được không?
- Giới thứ bảy từ đây cho đến suốt đời không ca múa hát xướng và cố đi xem nghe là giới của Sa Di, nay người có thể giữ được không?
- Giới thứ tám từ đây cho đến suốt đời không ngồi giường cao tốt rộng lớn là giới của Sa Di, nay người có thể giữ được không?
- Giới thứ chín từ đây cho đến suốt đời không ăn phi thời là giới của Sa Di, nay người có thể giữ được không?
- Giới thứ mười từ đây cho đến suốt đời không đeo giữ vàng bạc, đồ trang sức châu báu là giới của Sa Di, nay người có thể giữ được không?

(Mỗi lần hỏi, giới tử đáp: con giữ được).

Đọc 10 giới xong, Dẫn Lễ bảo giới tử cúi đầu, đọc 3 lần xá 3 xá. Xong quý xuống chấp tay, đợi Hòa Thượng khai thị cho đáp y thực hành. Dẫn Lễ bảo Sa Di, lễ 1 lạy xong đứng lên.

Hòa Thượng dạy rằng:

Việc thọ giới đã xong, nay người đủ thể tánh Sa Di, phải mặc y mạn (trong sách gọi y 5 điều và 7 điều là y mạn), mang bình bát để tượng trưng tướng bề ngoài của Sa Di. Đại Đức Dẫn lễ có thể đáp y cho giới tử (người thọ giới), dạy đọc bài kệ cho biết để hành trì.

(Phụ: Thanh Qui có phần truyền 2 y 5 điều và 7 điều cho Sa Di, cũng như 2 bài kệ chú truyền 2 pháp y đó. Nhưng theo truyền thống Đại Thừa Phật giáo Việt Nam, Sa Di chỉ thọ một mạn y; còn y 5 điều và y 7 điều là của Tỳ kheo. Thầy Tỳ Kheo thọ 3 y cùng một lúc. Tại sao có sự khác biệt này? Và khởi đầu từ đâu? Do đó người dịch bỏ hẳn đoạn văn hai bài kệ đáp y 5 điều và 7 điều. Mong chư vị cao minh cho biết tôn ý trong vấn đề này).

Thầy Dẫn lễ đến bàn lấy y, bát, tọa cụ đưa qua, đương sự trước hết tự mang bình bát lên vai, hướng tới trước tòa trải tấm tọa cụ. Và đại chúng cùng đọc kệ chú:

Ngọa cụ ni sư đàn,

Nuôi dưỡng tâm tánh thiện,

Trải bày nơi Thánh địa,

Gìn mạng mạch Như Lai.

Án đàn ba đàn ba, sa ha (3 lần).

Xong lạy 3 lạy. Thầy Duy Na xướng, đại chúng tiếp:

Nam mô bảo đảm hoa Bồ Tát Ma Ha Tát.

---o0o---

1.1.4.10 Khuyên tấn và hồi hướng:

Hòa Thượng võ thủ xích dận bảo:

- Nay Sa Di, tóc ông nay đã rơi xuống, Ca Sa mặc nơi thân, được vào tu thiện pháp, ra khỏi cảnh trần lao. Mỗi ngày làm cho đạo nghiệp thêm mới, lia dứt mọi phan duyên (vướng bận), nay tôi chỉ cho ông 5 đức, 10 số làm phần chấn đạo tâm nương đó mà hành trì.

Nói 5 đức theo kinh Phước Điền có ghi rõ như sau:

- 1- Phát tâm xuất gia luôn giữ mỗi đạo,
- 2- Phá bỏ hình tướng đẹp thích mặc pháp phục,
- 3- Cắt ân ái, dứt mọi găn gũi qua lại,
- 4- Thà bỏ thân mạng để duy trì đạo,
- 5- Chí cầu Đại Thừa vì muốn độ người.

Nói thập số theo như luật Tăng Kỳ ghi rằng:

- 1- Tất cả chúng sanh đều nhờ ẩm thực (tới bữa ăn niệm 5 phép quán để ngăn tâm tham - sân - si).

- 2- Biết danh - sắc là giả mới ngộ pháp nhị không.
- 3- Biết bệnh tướng khổ đau là vọng phân biệt, trừ dứt phiền não và sở tri chướng.
- 4- Hiểu rõ bốn chân lý biết khổ, tập, diệt phải cần tu đạo.
- 5- Soi tỏ năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) đều không.
- 6- Biết thân hư dối như mây tụ hư không. Sáu cảnh trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, như chung với giấc.
- 7- Khéo dùng 7 giác chi tức là khéo chọn lựa pháp tu.
- 8- Thường thực hành 8 chánh đạo.
- 9- Biết rõ chúng sanh nơi 9 cõi đều không... khổ, không, vô thường, vô ngã.
- 10- Quán cả 10 người tự bản tánh mỗi người không sanh, chẳng hòa hợp.

Đây là pháp Sa di phải ứng hợp như vậy, đã nghe biết rồi luôn luôn ghi nhớ đừng quên. Nếu hay chuyên học quyết hành thì 10 chi giới Sa Di thanh tịnh, 24 cửa oai nghi, 5 đức sẵn sàng, 10 số tu tiến trong tương lai đăng đàn vào hàng thập sư⁴⁵, bạch 4 yết ma thọ cụ túc thành giới Tỳ Kheo Tăng, vào nhà Tam Bảo, nối dõi giòng Thánh, công đức khó lường. Từ đây trở đi bồi đắp thêm lòng tin thanh tịnh chớ nên biếng nhác buông lung thân tâm, người có thể nương theo đó phụng hành được không?

- Đáp: Con xin y giáo vâng làm.

Hòa Thượng dạy: Đã y lời dạy vâng làm, đem công đức cạo tóc thọ giới này trên đền đáp bốn ân, dưới cứu ba đường khổ. Đại chúng đồng niệm hồi hướng.

Hòa Thượng vỗ thủ xích một tiếng rồi đứng lên chấp tay niệm Phật. Dẫn lễ bảo tân Sa Di lễ tạ Hòa Thượng 3 lạy, rồi đứng sang một bên. Thầy Duy Na xướng hồi hướng, đại chúng hòa theo:

Thọ giới công đức hạnh nhiệm mầu,

Phước báu bao nhiêu con nguyện cầu,

Nguyện các chúng sanh đang trầm nịch (lặn hụp),

Sớm về cõi Phật vô lượng quang,

Mười phương ba đời các đức Phật,

Các bậc Bồ Tát Ma Ha Tát,

Ma Ha bát nhã ba la mật,

Ma Ha bát nhã ba la mật.

Hòa Thượng xuống tòa lạy Phật xong, theo nghi thường lệ tiễn Hòa Thượng về liêu phương trượng. Đại chúng cùng vui vẽ lạy Phật 3 lạy. Sa Di thọ giới ra trước chúng lễ tạ đại chúng và Thầy Duy Na, thầy Dẫn lễ xong; chờ đại chúng đi hết. Thầy thế độ đưa Sa Di đến Tổ đường lạy Tổ; lễ xong trở lên Phật điện thu dọn đàn tràng.

Chúng nghĩa ghi rằng, đức Phật lúc sắp nhập Niết Bàn luôn nhắc đến giữ giới luật khuyên chư Tỳ kheo lấy giới làm thầy. Nhờ đó duy trì được mạng mạch tăng già, chánh pháp tồn tại được lâu dài đều do việc giữ giới vậy. Song ban sơ chế luật, trước hết chế 5 giới khởi đầu của người xuất gia. Trước tiên nói 10 chi giới mà tổ Bách Trượng sao lục lại trong Thanh Quy làm mô phạm cho người xuất gia thật là cần yếu vậy. Từ đó trở đi tạng bản phần nhiều ngụ tạo để lại nơi lâu kinh các. Lưu hành sách hay đời cũng hiếm thấy, việc cạo tóc, thuyết giới nghe chừng không nghe, lạ gì Phật pháp không suy tàn chứ ?

Ở đây tôi được duyên may thật là hy hữu, gặp thấy sách mô phạm này do luật sư Kiến Nguyệt hiệu chính tại Bảo Hoa sơn ở Kim Lăng nên truyền lưu rộng hầu vẫn hồi lại buổi suy đồi. Cho Sa Di cạo tóc theo đúng mô phạm tức là Tỳ kheo am tường giới luật; cũng phải suy nghĩ hàm ý nói tuân lời Phật dạy không để thiếu sót. Muốn nghe thấy, thọ trì cũng vì bề khổ, bờ giác truyền đúng hạnh Phật, đứng làm trụ cột vững chắc lâu dài. Trong sùng kính Pháp làm cho Phật pháp hưng thịnh; ngoài giúp vua trị vì giữ vững đất nước bền lâu. May nhờ không nhẹ nghi tắc cũng giống như diễn lại tích xưa. Sách này đề tiện việc tác pháp truyền giới nên không ghi phần trích dẫn như chứng nghĩa ghi. Quý hồ ở cái thể đạt Phật ý mới thật xứng danh, để không phụ ân sâu giúp (tế độ) bậc quân thân.

1.2 Lời phụ : qui tắc cạo tóc có 8 điều kiện

Thành lập đại tông lâm là vì thập phương đệ tử xuất gia học đạo tu hành; ở đây không nuôi chúng khu ô (Sa di nhỏ tuổi đuôi quạ) sợ thành cái tệ cho nên tuổi đồng ấu xuất gia đa phần ở am cốc (am tranh cốc lá), tịnh thất thỉnh các vị trụ trì các tông lâm tới làm thầy truyền giới. Thảng hoặc như người trai trẻ có chí hướng muốn làm đệ tử xuất gia tới tông lâm xin thế độ (cạo tóc). Sa di này được phép, đây là việc trên hết của chúng, vì nó có liên hệ rất lớn nên không thể không thận trọng chọn lọc người làm nền tảng của bực hiền thánh. Do đó mới qui định 8 điều như sau:

1- Cha mẹ không cho phép, không được giữ đương sự lại. Biết chắc là người có tâm xuất gia, bảo y nên về nhà xin phép cha mẹ; sau khi được hứa thuận mới chấp nhận.

2- Không nhận cho xuất gia người phạm pháp bỏ trốn đi tu.

3- Kẻ bị giam giữ (tù tội) không cho tu. Như quan chức cho chí hạng làm công, nếu đạo tâm vững mạnh, hoặc buộc đương sự xin gia ân thả ra; hoặc báo cho chủ nhân biết tin lành này, được chủ hứa mới nhận.

4- Người theo ngoại đạo trà trộn làm lũng đoạn chánh pháp, không cho xuất gia. Các đạo tà như vô vi của Bạch liên giáo, thuật trường sanh, thiên chủ v.v... Nếu người đó hồi tâm lỗi lầm trước cho ở chùa thời gian để xem xét nếu đúng thật, mới cho xuống tóc. Như người quan hệ đạo Lão muốn cải qua đạo Thích; nhẫn nại không có tâm khác mới có thể cho xuất gia.

5- Người không có thân nhân, lai lịch bất minh, không cho đi tu. Quán xét căn cơ định đoạt, nếu không quá xa lạ như người thật tâm cầu xuất gia nên cho đương sự quy y Tam Bảo trong vòng vài ba tháng truyền cho 5 giới; đợi đến một năm hoặc 3 năm mới cho xuất gia.

6- Sau khi được chấp thuận ở chùa phải học thuộc các thời khóa tụng; siêng năng không lỗi lầm mới cho xuống tóc. Khảo sát không thuộc kinh không cho cạo tóc.

7- Người đã xin xuất gia đối với lễ nghi, phép tắc phải nhất nhất tuân hành. Nếu buông lung phóng dăng, vô loại sàm sỡ khuyến bảo không biết cải đổi, không cho tu.

8- Xuất gia ở tông lâm nên tuân theo lệ cấm xưa. Chỉ y theo một người là vị trụ trì; Tăng chúng mỗi người đều không được làm khác, nếu trái cả thầy trò đều ra khỏi viện.

Ngày... tháng... năm...

Trụ trì... sao lục

Lời phụ: dâng số phụng cúng lễ xuất gia, nội dung như sau:

Từng nghe rằng đức Thế Tôn cắt tóc đi tu, xem ngôi vị đế vương như áo rách. Thánh Tăng xuất gia như đôi cánh chim sổ lồng, nhờ... phạm để nhập Thánh. Mong tự độ để lợi sanh, trên truyền rộng gia phong Phật Tổ mãi mãi làm tai mắt nhân thiên.

Nay tại Úc Đại Lợi... tỉnh... thành phố... chùa... theo nghi cúng Phật, Tỳ kheo thế độ... cầu độ. Sa Di... hôm nay chí thành niệm hương, hướng về đức giáo chủ cõi Ta Bà là Phật Thích Ca mâu Ni, chư Phật, Thánh hiền tại hội Linh Sơn, trên tòa sen báu. Kính cảm thông lời tỏ bày nhân vì cầu xuất gia cho Sa Di pháp danh... tánh danh... sanh ngày...tháng... năm... giờ... Hôm nay là ngày tháng năm... tại chùa... quy y, là đệ tử của thầy Tỳ kheo... đổi tên là... bỏ thế nhiễm thọ giới pháp.

Lại nghĩ: Tân Sa Di... lâu nay ngụp lặn trong đời, chưa hiểu rõ ý niệm xuất trần, thân cận tham học giáo pháp Đại thừa để ngỏ hầu biết lối nhập môn, xé nghiệp buộc ở thế trần, thế thân phạm mắc nơi lưới tục. Phát tâm thoát trần, lập chí xuất gia, may gặp thẳng duyên toại thành đại nguyện. Do vậy, kính dâng hiến thanh trai một điền, để tỏ trọn tác dạ kính thành. Ngưỡng mong hồng ân đoái thương cảm cách. Những nguyện từ quang tỏa chiếu mưa pháp thấm nhuần, làm cho tân Sa Di, được đắp y mang bình bát, làm rường cột cho Phật pháp; học đạo tham thiền, vượt ngoài cõi sanh tử; thân thể kiện khang, tâm tư thanh tịnh, ma chướng không xâm hại. Thật quả là đạt đến diệu môn bất tư nghi, làm người xuất thế đủ cơ duyên chấn chỉnh thượng cơ. Tỏ bày tâm nguyện như trên đây, thật quả như lòng mong mỏi.

Văn Số trên đây cúi xin Tam Bảo chứng minh gia hộ cho chúng con trọn thành tâm nguyện.

Ngày... tháng... năm....

Tỳ kheo thế độ... cho tân Sa Di... dâng số.

Chúng nghĩa ghi cổ như nói rằng xuất gia chính là việc của bậc đại trượng phu, nếu chẳng phải tướng ấy đâu đảm đương được!

Ngài Vân Thê Liên Trì nói rằng, tướng lấy võ công ổn định loạn; văn dùng văn học đem lại thái bình. Việc trong thiên hạ đều do tay các tướng văn võ cả; nhưng Ngài nói rằng xuất gia chẳng phải việc làm của văn võ. Nhưng mà xuất gia đâu lại quá hạn hẹp vậy sao!

Dựa theo lời ngài Vân Thê dẫn mà không luận, bởi vì người xuất gia vì muốn vượt dòng sanh tử lên bờ giác; trải qua vô số kiếp bị xoay vần. Một sớm giải thoát được lợi mình lợi người, độ sanh vô số mà khởi đầu ở một niệm xuất gia. Vì thế, ở đây nói chẳng phải việc nhỏ vậy! Bậc cao như xưa nêu chỗ thấy này nên nói xuất gia đều do đại nhân duyên 10 phần được đại hoan hỷ. Như cá thoát cạn, chim bay trong bầu trời; có đủ tâm địa rộng lớn trong hết thảy các hạnh. Nhẫn đến 10 giới, 250 giới, Bồ Tát giới: 10 giới trọng, 48 giới khinh v.v... tuân thủ thực hành không biết mỏi mệt.

Nay thời không được như vậy, cha mẹ hoặc do nghèo khổ mà cho con vào chùa xuất gia, hay bản thân đương sự gặp việc rắc rối, bức bách mà miễn cưỡng muốn đi tu, kỳ thực lúc đầu chưa từng phát tâm chân thật. Cho nên về sau người như thế cũng chẳng thật sự được an lạc. Hoàn toàn trông nhờ nơi vị thầy, trước hết thầy nhận y cứ theo giới luật, rồi theo thời gian thêm lời dạy bảo; theo đó bỏ dần thói quen để đạo tâm kiên cố. Tâm con người do giáo huấn mà thấm nhuần mỗi khi một ít, ngộ hầu kỳ vọng tánh tốt ngày càng tiến triển xa hơn.

Luật Ngũ Phần, Phật dạy Ngài Xá Lợi Phất hướng dẫn La Hầu La, trước truyền 5 giới Ưu Bà Tắc, sau mới cho thọ 10 giới Sa Di. Việc xuất gia thọ giới là mô phạm đầu tiên. Có gì ngày nay xuất gia phần nhiều người đã chẳng phát tâm mà được làm thầy. Cũng chẳng nhọc suy nghĩ tới nguồn gốc, thầy có dạy khuyên gì là đệ tử theo học. Những người với tâm lợi dưỡng háo danh do sự thù ứng ngoài đời. Người thật sự vì cầu thoát ly sanh tử muốn độ mình, độ người có khác, tức là giá như lúc đầu không lập nguyện rút cuộc hỏng phé cả. Nghĩa là vì việc thọ giới ắt hẳn phải đủ 3 đàn nói chung mới truyền giới. Không cứ y bát thiếu đủ hay sự cố xảy ra giới đàn phải đình hoãn lại chờ một năm sau. Người chưa thấm nhuần giới, giới thiếu kém nhưng được chính thức đăng đàn thọ giới và còn nhiều việc nữa, tệ xấu trái với Phật pháp, là một sự cố. Không dứt khoát một cách miễn cưỡng vẫn tiến hành thọ giới cho xong việc mà thôi. Ôi ! Thọ giới cả trăm nghìn mà đắc giới có được mấy người! Phật pháp suy đồi do việc sai trái

truyền giới này vậy. Thiết nghĩ trong đây cả thầy, trò đều phạm sai lầm cả, nhưng lỗi Thầy hẳn nhiều hơn.

Sách Thiên Lâm Bảo Huấn Ngài Hoàng Long nói: Cha nghiêm con kính. Sự giáo huấn ngày nay làm mẫu mực cho ngày sau; cũng giống như sửa sang lại các thế đất; chỗ lồi nên hạ xuống nơi lõm lấp san bằng. Người sắp leo núi cao nghìn trượng ta cũng có lời khuyên như thế. Kẻ khốn khổ ở trong 9 châu cũng như vậy. Tài năng đạt đến cùng, đối gian tự chấm dứt, đến một lúc người ta phải tự ngừng. Cũng nói: hoài bão đầy lão bà ấy; tiết xuân hạ phát dục. Sương đó tuyết đó mới thấm nhuận thu đông. Thầy không giáo huấn phỏng có được không? Y cứ theo kinh Mục Liên vấn Phật: Vào thời Phật Ca Diếp có một Tỳ Kheo đệ tử mà không dạy khuyên để làm nhiều việc phi pháp. Người đệ tử chết tái sinh làm hỏa long thành con rồng lửa, trong bảy ngày lấy lửa thiêu xác, thịt da cháy sạch chỉ còn lại xương. Sau đó rồng hoàn hình như cũ, lần này lại thiêu cháy mà không chịu nóng nổi bèn quán thấy đời trước mình làm vị sa môn không giữ giới luật, thầy không dạy dỗ, liền giận bôn sư nghĩ muốn làm hại. Về sau, sư cùng với 500 người qua biển bị con rồng tới cản thuyền. Mọi người trên thuyền hỏi:

- Vì sao cản thuyền?

- Đáp: Các ông hãy ném Tỳ Kheo đó xuống, tôi mới để các ông đi.

Hỏi rằng: Tỳ kheo can dự gì người? Sao không đòi ném những người khác mà chỉ ném một người này?

- Đáp: Vì y vốn là thầy tôi không dạy dỗ, nên nay tôi phải chịu thống khổ. Vì thế, tôi yêu cầu đó. Mọi người thấy tình thế nguy cấp chuẩn bị ném vị tỳ kheo xuống nước.

Vị Tỳ kheo nói:

- Không cần ai ném, để tôi tự xuống nước; rồi tự gieo mình xuống dòng nước mát dạng.

Mọi người đi được an toàn. Lấy đó suy nghiệm: không khuyên dạy đệ tử bị hại không phải nhỏ vậy. Ngoài ra, Kinh Ưu Bà Tắc ghi rằng, cho thợ giới bừa bãi trong một ngày giết vô số mạng sống; cho nên quyết không nuôi đệ tử mà không dạy dỗ. Kinh Thiện Giới ghi: bọn Chiên Đà La và người hàng thịt, tuy hành nghề ác nhưng không phá hoại giáo pháp của Phật, hẳn không nhất định đọa trong ba đường ác. Nhưng làm thầy không dạy đệ tử là phá

hoại Phật pháp, ắt đọa địa ngục. Do quán xét như thế, Sa Di được thọ giới chính là nhân duyên lớn quan hệ của Phật pháp. Người thọ giới mà không hành trì còn hơn là lỗi không dạy, huống nữa thầy không dạy khuyên hình đồng Sa Di giống như bạch y cư sĩ. Nếu không đặt nền móng trước quyết không thể xây lên lầu cao gác rộng được. Đi càng xa, hại càng nhiều mà còn bị chướng ngại vượt bực. Đó há chẳng phải là thầy của sự sai quấy hay sao?

Nay qui định đúng việc xuất gia như luật sư Kiến Nguyệt hiệu đính tại núi Hoa Sơn Giang Nam, trên hợp lời Phật dạy, dưới hợp thời cơ, thật là đẹp, hợp pháp. Như con giòng họ Thích chúng ta nên cùng nhau gìn giữ mà tuân hành đúng vậy.

---o0o---

1.3 Phụ Về Đàn Giới

Đàn giới đủ 3 đàn: đàn giới Sa Di truyền 10 giới, đàn Tỳ kheo, đàn Bồ Tát giới cho cả xuất gia và tại gia. Giới tử chuẩn bị đầy đủ 3 y, bình bát, tọa cụ, học thuộc kinh, luật... Nên đến bốn sơn sớm ít nhất là 3 ngày để thực tập giới luật, lạy Phật, sám hối. Đừng để đến ngày thọ giới vội vàng hấp tấp mà nên dự định trước.

---o0o---

1.3.1 Niêm yết thông báo

Giám tự (Giám viện) thông báo giới đàn rộng rãi trên phương tiện truyền thông đại chúng:

Chúng nghĩa ghi rằng, giới đàn nên thông báo trước ít nhất là 6 tháng để giới tử các nơi có thì giờ chuẩn bị. Dán thông báo ở chùa để mọi người dễ nhìn thấy nhờ đó có thể thông tin rộng, cũng là việc cần làm. Trên Thông báo có thêm phần phụ chú: Hội đồng giới sư, Hòa Thượng A làm đàn Đầu, Hòa Thượng B làm Yếu Ma A Xà Lê, Hòa Thượng C làm Giáo thọ A Xà Lê; Thượng Tọa A, B, C làm tôn chứng.v.v... Nên gửi thư cung thỉnh trang trọng (nếu ở xa) cũng có thể được, hoặc đích thân tới mời từng vị. “Thông báo giới đàn phải đầy đủ các chi tiết như ngày giờ, địa điểm...” Tiếp theo chuẩn bị các thứ: giới tử chuẩn bị 3 y, kinh luật, bình bát, tọa cụ, dây lọc nước, dây đựng bình bát, khăn lau, đồ lót bình bát v.v... cũng chuẩn bị tiền cúng dường giới đàn, giới sư tùy theo khả năng. Đây là cơ hội tạo công đức. Thông thường gọi là tiền cúng toàn đàn giới - cúng chung. Nếu giới đàn tổ

chức mà toàn ban chức sự tại chùa hấn số tiền cúng chung giảm xuống phân nửa. Còn thừa lại bao nhiêu chiếu theo đó nhập vào cúng dường trai phạn. Ăn uống, điện nước, điện thoại, tắm giặt, cạo tóc... cho chí mọi thứ nên tùy khả năng phát tâm, chứ không nên bắt buộc miễn cưỡng. Tiền cúng dường thập sư có thể tam sư khác và 7 thầy tôn chứng khác, nhưng đều nhau. Cũng có giới đàn thầy Giáo thọ nhận ưu tiên hơn tùy theo mỗi nơi quy định.

---o0o---

1.3.2 Lễ vật cúng dường

Vật dụng cúng dường chùa cho nhập kho; nhang đèn, tiền số giấy giao thầy Giáo thọ và chùa quyết định. Những bữa điểm tâm theo tiêu chuẩn của giới trường. Nếu có cúng dường trai tăng, thiết lễ đãi đàng... đều giao cho nhà trụ lo liệu mà không thuộc về công việc của giới trường.

Chúng nghĩa ghi rằng, có sách khác mở đầu nêu rõ thường trụ phải chuẩn bị các thứ tức là giới trường phải cụ bị các loại pháp khí trang nghiêm. Nếu nêu rõ bồn tự lo hết nhang đèn, hoa quả các thứ v.v... trừ những đồ dùng riêng của giới tử. Song hai điểm này mỗi nơi có khác không đồng khó mà có được một điểm chung, nên ở đây lược qua không đề cập đến. Chỉ nêu ra người cầu giới chuẩn bị các món lễ vật, tiền hương tín; cũng như sẵn sàng 3 y trước, cùng với các thứ cần thiết. Những thứ này hẳn phải sẵn sàng là việc phải có của người thọ giới. Tổ Kiến Nguyệt núi Hoa Sơn có viết một bài tán mạn trong mộng tự kể lại rằng:

Một buổi sáng trước kia tại núi Kê Túc đêm ở chùa Tịch Quang có hỏi vị minh sư của sơn môn rằng, nghe đâu hang sư tử có nhị vị lão Hòa thượng Đại Lực, Bạch Vân chuyên tu tịnh nghiệp trong 30 năm không xuống núi. Vào ngày 18 có ngài Diệu Tông Âm Sơ vào động đầu tiên đến hang lễ lạy xin xuống tóc xuất gia.

Đại Lực lão Hòa Thượng hỏi rõ đầu đuôi và may mắn được Ngài rũ lòng từ chấp thuận; sai chuẩn bị y bát, Âm Sơ nói: được thừa nhận rất là sung sướng rồi, y bát đệ tử đều đã sắm đầy đủ cả.

Bạch Vân lão Hòa Thượng nói:

- Tôi xem người này về sau thành đại khí, không phải chơi đùa, sợ e xuất gia dễ, việc trì giới không bền. Phải tự y tới gõ cửa tha thiết khẩn cầu mới trừ bớt ngã mạn, trải nghiệm xem tâm ý mình may ra được y bát; y tái đến

đây lần nữa hẳn cho xuống tóc. Suy nghĩ của 2 nhà thiện trí thức, hai lần thu nhận một lần bác bỏ làm cho người ta e sợ. Căn cứ theo đây cho thấy: ba y, bình bát, tọa cụ ắt phải chuẩn bị đủ đầy mới nên cầu thọ giới. Trong luật chỉ cho phép mình phải tự sắm đầy đủ, không được mượn dùng, mượn cũ hư hao phải trả đồ tốt. Gần đây nghe đâu giới đàn có những việc như thế, việc mượn hay vay mượn đồ rất dễ. Như vậy việc cầu giới quá dễ nên sanh tâm khinh lờn, mà không thích hợp, nên để giới tử thấy giới khó hành trì. Thật là thời buổi Phật pháp suy tàn, điềm này báo trước rồi vậy.

---o0o---

1.3.3 Dự định lập các ban kiến đàn rõ ràng.

Công việc có sắp xếp trật tự, pháp mới thành tựu được mà điều cần nhất là sự hòa hợp. Hơn nữa trọng trách một đàn giới, trên dưới đều hỗ trợ thảo bàn trước kỳ giới đàn, cũng như tập dượt nhuần nhuyễn cho tới lúc đăng đàn. Từ từ hướng dẫn giới tử thành kính chiêm nghiệm mà sanh lòng chánh tín, làm mô phạm cho người không nên cô phụ kẻ hậu học. Thảng hoặc có điểm sai trái nên dàn xếp khéo, không nên quở trách ngay trong đàn tràng, làm mất vẻ trang nghiêm thanh tịnh. Người xướng ngôn (điều khiển chương trình) nên rõ ràng, giọng phải hòa hoãn trong làm cho người dễ nghe, nhập tâm. Đạo muốn trường cửu, các thầy nên linh động đọc kỹ những từ sau đây:

- Hòa Thượng: tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là lực sanh hay Trưởng lão hoặc Trụ trì hay cũng còn gọi là Phương Trượng. Người đời thường xưng Đường Đầu hay Đàn Đầu Hòa Thượng tại Đại giới đàn.
- Yết Ma; tiếng Phạn là Yết Ma, dịch là tác pháp, tức là nhị sư hay tả sư tại Đại Giới đàn.
- Giáo Thọ: đời Đường gọi là Bạc tọa vị (thầy dạy Pháp) cũng gọi là nhị sư hay Hữu sư.
- Tôn chứng : một Hội đồng gồm 7 vị hoặc thất chứng hay xưng các sư, ngồi 2 dãy bàn hai bên tam sư tại đại giới đàn. –
- Khai đường tức là đại dẫn lễ hay cũng gọi là bốn đường; còn gọi là thầy Diển lễ, vì thầy hướng dẫn đàn giới như Duy Na tại Thiên đường.
- Bồi đường tức là người dẫn lễ thứ nhì, cũng gọi là bốn đường hoặc gọi thầy Phó, giống như Tham Đầu ở thiên đường.

- Đại tác pháp tức là người dẫn lễ thứ ba, gọi là tả ban cũng như Duyệt chúng ở Thiên đường.
- Nhị tác pháp tức là người dẫn lễ không luận nhiều ít đều gọi chung là dẫn tán; người đời gọi là chiêm ban dẫn lễ, cùng đi theo 5,6, 7, 8 vị khác mà là sư phó, đều thứ tự làm việc.
- Hương đăng trực đàn: hai vị luôn có mặt làm việc tại giới đàn. Phạm tân giới tử cũng gọi các thầy là sư phó.
- Phân công việc: Nhỏ một bậc trông coi một vị lớn, ngồi nhường chỗ, đi cũng phải nhường bước các vị trước. Hễ Sa Di thấy người thọ giới lâu tôn kính như Thượng Tọa. Giới tràng đại chúng trọng Ban Chúc Sự, Ban Chúc sự quý các ban khác, đều phân tôn ti trật tự; đã có nêu đầy đủ nơi hai chương ở đầu sách. Phạm giới đàn có việc gì cần, trước phải trình bày cho Bồn đường, Khai đường bàn tính, nếu không ổn mới đưa qua lưỡng tự. Công việc qua 3 vị mà đại bộ vẫn không xong mới bạch lên Phương Trượng. Nếu không trình qua Khai đường hẳn có xáo trộn tranh cãi với lưỡng tự; trình lên Phương Trượng lớn tiếng làm động chúng nghiêm phạt.

Chúng nghĩa ghi rằng, ngày xưa truyền giới chỉ luật tông; từ đời lịch triều phân pháp về sau, thiên tông, giáo tôn đều mở rộng. Chánh tọa thay Phật tuyên dương làm chủ vị một phương, lưỡng tự phân ba cấp, hai thầy, bảy thầy là Thánh chấp. Trong giới Bồ Tát, Ngài Văn Thù, Di Lặc làm tôn chúng, dẫn lễ là hiền chấp; 10 phương Bồ Tát là bạn lữ đồng học. Hương đăng, trực đàn và chư vị trợ tá là chúng hay làm việc biện sự. Thiên sư Tiêu Sơn Tánh Hải ở Giang Nam trong Thập Di tập có luận việc Trì Phạm Hoặc Vấn: trong thời mật pháp người truyền giới thông suốt gọi là Hòa Thượng, người thọ giới thông suốt giới là tăng mà giới đặt đầy đủ cho bất luận ai. Người phạm giới không thể vượt được, quả có tội không? Không có tội sao?

- Đáp: Người không thọ giới, như chẳng phải quan tể tướng mà hành giả lấy quyền hành để áp đặt cai trị thiên hạ. Người thọ giới mà phạm giới như nhận chức quan không xứng đáng đi ngược lại dân; vua đặt cho chức không làm xong phần vụ có bị hình phạt không? Tôi biết rõ việc đó phải đặt trong hình phạt vậy. Vì thế, người truyền giới có một giới mới có thể truyền cho người một giới, có hai giới truyền hai giới. Không có giới nào mà truyền giới, một giới ắt chiêu lấy hậu quả của một giới, như người đời mà lộng quyền thiên hạ, đâu không bị trừng phạt ư? Người thọ giới, thọ một giới ắt

giữ một giới; phạm một giới ắt hẳn chiêu báo của một giới. Như làm quan mà không xử công việc quan há không bị trừng phạt hay sao?

Lý đã rõ ràng, không đợi kẻ trí mới biết. Vì thế, đã có một giới mới có thể truyền cho người một giới; không có hẳn không truyền giới nào. Có khả năng giữ một giới thì thọ một giới; nhắm bắt khả năng không giữ được nên trả lại giới sư. Phật có dạy rõ như vậy nên y theo đó mà làm không nên ham cái danh hảo mà chuốt lấy họa.

---o0o---

1.3.4 Dự định công việc giới đàn:

Trước hết nêu 3 đàn: Đàn một, đàn hai và đàn ba.

1.3.4.1 Đàn một

Đàn một 8 việc:

- 1) dạy bung bình bát, đắp y,
- 2) thỉnh cầu xin giới
- 3) Kiểm tra lại y bát có đủ thiếu
- 4) Lạy sám hối
- 5) Hồi tâm
- 6) Giải thích giới sắp thọ
- 7) Phát nguyện sẵn sàng
- 8) Ôn tụng luật Tỳ ni nhựt tụng.

1.3.4.2 Đàn hai

Đàn hai có 13 việc:

- 1) Truyền Sa Di giới
- 2) Dạy các oai nghi

- 3) Phát thẻ
- 4) Cầu giới
- 5) Chỉ rõ tên từng món y, bát trao nạp
- 6) danh thiếp
- 7) Sám hối
- 8) Hồi tâm
- 9) Cúng ngộ
- 10) Mời thọ trai
- 11) Giải thích giới
- 12) Phát nguyện
- 13) Truyền Tỳ kheo giới.

1.3.4.3 Đàn ba

Đàn ba có 10 việc:

- 1) Cầu giới
- 2) Lạy sám hối
- 3) Hồi tâm
- 4) Khai thị pháp tu khổ hạnh
- 5) Đốt liều
- 6) Thuyết đại giới
- 7) Phát nguyện
- 8) Truyền Bồ Tát giới

9) Cấp phát chứng chỉ

10) Hồi hướng.

Tổng cộng 3 đàn gồm có 31 việc. Xem thêm sách “Tam đàn truyền giới chánh phạm” để rõ.

1.3.4.4 Phần tiếp theo phân thành 4 mục.

---o0o---

A- Tòa chính:

1) Đàn thứ nhất: phát lồ sám hối sửa đổi, cầu giới, hồi tâm, giảng ý nghĩa giới

2) Đàn thứ hai: thỉnh cầu giới, trao danh thiếp, hồi tâm, cúng nọ, mời thọ trai, giảng rộng giới

3) Đàn thứ ba: thỉnh cầu giới hồi tâm, chỉ hạnh tu khổ hạnh, giảng rộng giới. Nêu chung gồm có 16 việc... Ni phát lồ riêng, giảng bát kinh pháp và khai thị riêng. 5 giới tại gia riêng, Bồ Tát tại gia 6 giới trọng và 28 giới khinh nói riêng (xem thêm Tam Đàn thọ giới).

---o0o---

B- Phụ tòa:

1) Đàn thứ nhất: phát lồ, cầu thỉnh giới, sám hối, hồi tâm, giảng rộng giới

2) Đàn thứ nhì: cầu giới tỳ kheo, trao danh thiếp, sám hối; hồi tâm, giảng rộng giới.

3) Đàn thứ ba: Cầu giới Bồ Tát, sám hối, hồi tâm, giảng rộng giới; 3 đàn gồm chung có 14 điều. Ni phát lồ riêng 3 đàn riêng, sám hối, vấn già nạn riêng. Xem thêm phần phụ ba đàn giới.

---o0o---

C- Bật tòa:

1) Đàn thứ nhất: dạy bung bình bát, phần đầu lễ nghi cần phải thuộc rành việc cầu giới, kiểm tra y bát, thuyết giới, truyền giới; ôn tập luật Tỳ ni, phát thẻ

2) Đàn thứ nhì: cầu giới Tỳ Kheo, chỉ rõ y bát danh tướng, trao danh thiếp, cúng ngọ, mời thọ trai, giảng rộng giới, xướng lạ lễ truyền Tỳ Kheo giới

3) Đàn thứ ba: cầu giới, nói qua về tích tượng, cách thức xướng kệ tụng kinh, hạ đàn, truyền tượng, truyền Bồ Tát giới, cấp chứng chỉ; gồm tất cả 19 điều. Ni chúng dạy riêng, cách bung bình bát, phạm lỗi luật lệ riêng, giới bổn của Ni riêng, Bồ Tát riêng, cấp chứng chỉ riêng. Trong giới đàn có việc gì phải thưa bạch, phổ đồng cúng dường tiền bạc, bàn thảo giới luật. Bản văn cung cấp 2 bên, thẻ thập sư, lập chứng chỉ, vị trí thiết bàn Phật v.v... đều cần ghé mắt lưu tâm xem qua một lượt 3 đàn các việc.

---o0o---

D- Dẫn lễ:

Ban dẫn lễ có 5 phần việc:

1) Khai đường

2) Bồi đường

3) Đại tác pháp

4) Nhị tác pháp

5) Trở xuống đều gọi dẫn tán khai đường.

Dẫn lễ là người hướng dẫn tân giới tử các phần lễ nghi, trước sắp xếp các vị đồng liêu đến phòng thầy Giáo thọ, lễ thầy Duy Na thỉnh chỉ dạy nghi lễ. Những việc như đứng vào thứ tự (bài ban), đứng ngay thẳng (trạm ban), xuất ban, bái (lạy), chấp tay ngang sống mũi, đứng thẳng hàng, bước tới (tường lộ), quỳ gối, đứng lên, tiến tới, phân đứng hai bên, ra khỏi đường, hồi đường, đứng nghiêm, ngồi thẳng, xoa tay, quán tâm, cầm đũa, bung chén, đặt đũa xuống, để chén xuống, dùng cháo không gây ra tiếng, che miệng khạc nhổ, lấy tăm xỉa răng xong; lạy Phật, tụng kinh, mặc áo, đi đại tiện, tiểu giải; cách xưng pháp danh, đáp tôn hiệu thầy, chấp tay đáp lễ, đứng cung kính nhường lối, trả lời A Di Đà Phật, đi lễ thập phương, hô chuông chỉ tịnh,

nhịp bằng chỉ tịnh, dẫn khánh, gõ mõ nhỏ, chấp tay xá, đắp y, xếp y, mở sách, xếp cụ, nhứt cụ tức tùy cụ đem theo mình trải mở tọa cụ, cất tọa cụ, ứng dụng bình bát, phương pháp niêm hương, nghi thức cắm nhang, nhiều người lễ vòng tròn. Phép nhập liêu phòng, giọng điệu lời thỉnh, âm điệu lời bạch, đáp được đội đầu, đặc biệt thọ nhận đáp: y giáo phụng hành, lễ một lay rồi đứng lên, lễ một lễ thu tọa cụ, sắp ly ra, thu ly lại... cho chí luân vòng trong ngày trị nhựt, những việc coi sóc v.v... nhất nhất phải ở trước thầy Duy Na tập dượt. Tập nhuần nhuyễn đến lúc vào đàn dạy các tân giới tử.

Lại Dẫn lễ, dẫn khánh đi trước chậm rãi đứng lễ: niêm, dừng, đi, đứng... phải chỉnh tề. Phạm vị dẫn khánh không quá chậm, nhanh mà giữ mực trung. Hòa Thượng lay, 2 thầy Yết Ma, Giáo thọ lay, đại chúng cùng lay, dẫn lễ lay, tân giới tử lay, nhịp khánh đều như nhau. Lay thứ nhất, thứ nhì... đều nhịp khánh lễ một lay; nhịp kế đứng lên. Lay thứ ba lúc đứng lên nhịp khánh hai nhịp; xá lui nhịp bốn nhịp. Xá hòa hườn nhịp khánh cũng chậm lại, xá gấp khánh cũng nhịp nhanh. Lời xướng thỉnh nên hòa hườn khoan thai, đến câu dứt xong nhịp bốn tiếng. Cầu xin thương xót (từ mẫn cố) dẫn khánh nhặt ở đuôi; trước chậm rãi, sau nhặt dần, nhịp chừng độ 9,10 lần.

Phàm người thủ khánh phải để ý nhịp đều như rước tới - lui phải nhịp đúng cách. Tới chỗ làm lễ chuyên thân, hai người đều hướng lên Xá Phật nhịp 4 tiếng khánh. Đi trên đường (dẫn tới lễ đài) hai người thay phiên nhịp khánh, tiếng lại tiếp tục đến nơi hành lễ không xá. Nhịp 4 tiến thầy khởi thân; nhịp tiếng một rước thỉnh đến nơi làm lễ. Trở về vị trí không xá nhịp 4 tiếng rồi lui ra.

Nói tóm lại, phần rước trên đường đi tới liêu thầy không nhịp khánh. Trước tiên vào lễ Phật, kế lễ thầy bạch xong mới dẫn khánh bước ra tới điểm hành lễ.

Duy Na xướng lễ Phật, lễ sư dứt ba hồi khánh xong; rồi chấp tay đi đến giảng đường lui về chỗ ngồi. Đi tuần liêu theo đúng pháp mỗi một bước nhịp một tiếng khánh; hiệu lệnh hai hồi khánh; giống nghinh thỉnh rước đi.

Phàm lay Phật đầu phải chắm sát đất, khánh dẫn đầu đánh lễ trước; sau gõ mõ nhỏ cũng giống như đây. Việc dẫn lễ tại đàn giới, giảng đường không dùng khánh, tới cửa địa điểm chính các tân giới tử vào bên trong xong. Lay Phật, đứng lên ra hiệu lệnh xong dấu khánh nơi tay áo.

Phàm nâng bát, cầm luật, nâng y, bưng đứng ngay hàng, nhịp khánh hai hồi tức là đi ra khỏi nhà không cần gõ cũng không hiệu lệnh. Nếu rước về nên

thủ khánh sẵn trong tay, lại đứng theo hàng ngũ rồi thỉnh đi. Giờ chỉ tịnh lạy Phật 3 lạy, mỗi lạy một tiếng khánh, hiệu lệnh, một hồi khánh: tiểu tham hai hồi, khai đại tham 3 hồi. Giảng kinh luật, lên chánh điện, tiểu tham v.v... sau khi tán hương xong đứng xoay mặt vào nhau nhịp 3 tiếng khánh; nên nhịp hòa hườn 3 hồi xong mới khai bạch. Phàm thỉnh Thánh, cúng Phật, cúng chư thiên v.v... đều đặn mỗi chữ nhịp một tiếng khánh. Lên chánh điện, đi quá đường, trên đường đi không gõ khánh. Làm Phật sự, ra khỏi chùa, về chùa, đi có trật tự, trừ trên đường thỉnh rước, đều không dùng khánh. Nơi giảng đường ban hô chung tiếng phải hòa hườn cao rõ, để tiếng hô dội sang hai bên tả hữu. Nếu hướng miệng phía bên tả nhưng bên tả hô trước chúng đã dậy không hô nữa. Phàm tập trung nơi giảng đường, Phật điện, trai đường, phòng Phương Trượng không phải lễ lạy, nếu phải lễ lạy chỉ Dẫn lễ lạy thôi. Khi sám hối cùng sơ đàn, 3 đàn thuyết pháp, người dẫn lễ trước đến lễ Phật. Tân giới tử tập trung trước giảng đường không phải lạy Phật Khai đường, dẫn lễ tùy theo đó quyền biến. Phật sự lễ nghi giới đàn: phải rành rẽ, trước bạch lên tam sư quyết định thời gian, kể đến cho các liêu biết và sau dạy luật như pháp cho tân giới tử. Người dẫn lễ bồi đường lãnh chúng vào chánh điện, trai đường, ngủ, thức. Phàm lo Phật sự tại giới đàn, nói chung khai đường, làm chủ hoặc có điểm nào chưa thỏa đáng, hòa nhã bàn nhau trong chúng. Chúng có điều gì bất hòa khéo dùng lời lẽ khuyên nhắc nhẹ nhàng.

---o0o---

1.3.5 Vị Phụ Trách Tác Bạch

Người chủ tác pháp dẫn lễ là thủ lãnh tất cả các ban, các tiết mục. Thỉnh giới, lời tác bạch sơ đàn, lời bạch xin giới, lời thỉnh chư Thánh sám hối; đàn thứ hai thỉnh nội đàn, lời đáp trước luyện 3 lần bạch, lời thỉnh thuyết giới, lời tác thỉnh, kệ tán lễ, kệ tăng hòa, bài ban đứng theo vị trí, thỉnh chư Thánh qui đường cho đến phần chót. Trước hết dẫn chúng giới tử quỳ thỉnh giới. Đàn thứ ba lời bạch thỉnh giới, lời bạch thuyết giới, lời thỉnh, thỉnh Thánh, lời cầu xin giới, kệ tích trượng đều phải thuộc lòng. Tác pháp dẫn lễ, công việc đây với ban đứng hầu lễ giống nhau, chỉ thêm ban hô chung hợp cùng với đại tác pháp mà trong đó các tiết mục hẳn phải am tường. Ban đứng hầu lễ cũng gọi là ban dẫn tán: ba đàn hương tán, lễ Tổ và tán 3 lần văn sám hối, thỉnh Thánh phần chính, lời luận bạch. Kệ chú tích trượng, dẫn khánh rước tam sư, khánh nghinh thỉnh tất cả đều theo nhịp điệu. Tân giới tử theo dẫn khánh, nghi thức thỉnh từng phần. Nghi thức cung nghinh, trở lên bên trên đều phải nhuần nhuyễn điều luyện. Xem thêm phần bổ túc 3 đàn và các sách

nghi Dẫn lễ có nêu rõ. Thầy Dẫn lễ này là A Xà Lê thứ năm, dạy kinh điển là A Xà Lê thứ tư.

Năm thành phần A Xà Lê như sau:

- 1) thế độ A Xà Lê tức là bốn sư xuống tóc thế độ và thuyết giới xuất gia.
- 2) Yết Ma A Xà Lê là vị thầy tại giới đàn trên được Yết Ma đúng pháp.
- 3) Giáo thọ A Xà Lê, trong đàn giới thầy dạy các việc oai nghi, giới luật cho giới tử
- 4) Giảng kinh A Xà Lê tức thầy dạy học kinh, luật, giảng rõ nghĩa lý, cũng là thầy Dẫn lễ vậy.
- 5) Y chỉ A Xà Lê là các vị Trụ Trì các tự viện mà ta nương theo học để được thâm nhuần pháp hoặc nhận sự giúp đỡ thức ăn cho chí nường nhờ ở qua đêm.

Cứ như Du Già Sư Địa luận quyển 70 ghi rằng vị giới sư phải đủ 5 đức:

- 1) Giới hạnh không thất đức, thà bỏ thân mạng, trọn không phạm tịnh giới mà thường hay kiên trì không cho mất giới.
- 2) Khéo lập đức trong luật tạng Phật dạy khéo hay chọn lọc, lấy bỏ cốt lập diệu pháp làm cho người dễ học không cho vi phạm.
- 3) Khéo lập học đức: Kinh luật là pháp để học, khéo vun bồi an lập, chú thích rõ ràng khiến không sai lầm.
- 4) Đức khéo đoạn dứt nghi ngờ đối với kinh, luật, luận trong đó thiết lập tùy sở học mỗi người và câu hỏi, khéo giải đáp làm cho người dứt nghi; theo đúng lời Phật dạy.
- 5) đức dạy xuất ly sanh tử, lấy kinh luật Phật dạy dạy người khiến cho người thực hành để thành tựu thánh đạo lìa dứt sanh tử .

Đức Như Lai cho người như thế là A Xà Lê, chính là vị thầy có đủ 5 đức vậy. Lại luật Tứ Phần quyển 34 ghi rõ có 5 pháp không được dạy giới cho người như:

1) không tin: ắt giới không kiên trì. Gốc của vạn thiện đã không, nền tảng đức không lấy gì đứng vững.

2) Không biết xấu hổ ắt tự ý phá giới, tâm xấu hổ còn không có niệm chánh kiến làm gì có.

3) Không biết thẹn hãnh để lộ rõ chỗ tạo nghiệp, phạm giới không biết thẹn thùng. Tâm e thẹn đã không làm sao cải hối.

4) Tính lười biếng ắt không tu hành nên không biết kinh luật; tà chánh không phân biệt việc tri - phạm làm gì hiểu nổi.

5) Phần nhiều quên hãnh không nhớ nổi, như quên các giới pháp. Đọc tụng còn kém khuyết huổngg gì giải nghĩa kinh chú? Tỳ kheo phạm 5 pháp này, Phật không cho làm thầy người.

Chúng nghĩa ghi rằng, ba đàn truyền giới đúng qui tắc nguyên chiếu theo luật tạng. Do luật tạng văn phong phú nên cô đọng toát yếu, tóm lược nghĩa thành qui tắc này, chẳng qua lâu ngày có sự lầm lẫn. Thấy Tổ Hoa Sơn khắc in sách qui phạm cổ sửa lại ấn hành. Bản ở Hàng Châu là bản mới nơi đầu sách có thêm hai chữ “Kiến Tổ” bị thất lạc, y cứ chữ “Kiến Tổ” tự thuật như thấy trong một giấc mộng nói rằng, năm Sùng Trinh thứ mười tôi ở trên thuyền con lướt sóng cùng với Tam Muội Hòa Thượng ngồi dưới truyền giới. Không có tiền mua luật đọc, suốt ngày ngồi yên trên giường, nghe chúng đồng giới đọc luật, không phạm nội qui. Dẫn lễ trách rằng: Kiến Nguyệt, chẳng nên ngồi chỗ này để nói thiên, vì sao không thỉnh luật học cho thuộc v.v... Tới lúc gặp việc 9 người cầm thẻ đến dạy sư trước lay xong. Tôi nghe một tiếng lớn phía sau lưng chấm dứt... Căn cứ chữ Kiến Tổ tự thuyết mà biết rằng “Kiến Tổ” lúc truyền giới cũng từ nghi tắc chánh phạm đây mà thực hành.

Đến như ngoài qui tắc có 3 đàn phụ thêm, bổ sung nghĩa rộng, v.v... cũng làm linh động, mà lúc gặp việc có thể quyền biến vậy. Như đại đàn tràng tại Hoa Sơn chúng có đông có thể diễn đúng như pháp; còn như chúng quá ít đâu có thể làm được. Chỉ cần rành rẽ nghi thức dạy làm cho tâm giới từ tinh tấn phát triển đạo tâm đạt thượng phẩm giới tức là bước lên đường giác. Nếu tư cách vị thầy giải đãi lánh nặng tìm nhẹ, hữu danh vô thực tức là dây mực đen nghiệp tà. Cho dù có sửa đổi vạn nhất cũng không thể cải thiện giản đơn được. Lại từ thỉnh giới, thuyết giới, ngoài việc thọ trai thì Thiền, Luật có khác. Luật tông người hộ thất đến trước pháp tọa đợi Hòa Thượng ra thất, hoặc Ngài tọa thiền xong mới lễ ba lay. Vị chánh tọa ngồi, người phụ đứng.

Thiền tông chỉ tác lễ một lay, hoặc chờ tam sư trước sau ngồi ổn định cùng lay một lay. Người phụ lễ ngồi kế bên, trong đó mỗi nơi có nghi riêng không nên câu nệ. Nếu vị chánh tọa là sư trưởng, người phụ là thành phần lớp sau phải lễ 3 lay, Thầy thăng tòa bèn đứng kế bên để chứng tỏ hậu học biết nghĩa thờ sư trưởng mới đúng phép. Nếu vị chánh đồng hàng hoặc đồng học, hoặc chánh tọa nhỏ mà người phụ lớn hơn chỉ nên xá một xá là đủ. Hoặc 3 người cùng ngồi và đồng xá nhau; 3 vị ngồi giữa để thấy người phụ tôn trọng pháp. Lại như Thiền Lâm Tế vị chánh tọa là bậc trưởng bối; 9 thầy còn lại đều là đàn hậu bối, mới thấy rõ sự cao thấp v.v... Vị chánh tọa nhận lay; tân giới tử lay 9 thầy, 9 sư phải khiêm nhường để vị tôn trưởng ngồi trước, không dám thọ lễ.

Tân giới tử lay 9 sư, 9 thầy nên thọ lễ để tư cách vị thầy được tôn quý.

Kế tiếp theo ấn định cho kỳ thọ giới: chiếu theo luật đều không có 3 đàn mở kỳ thọ giới, cũng như không định ngày giờ mà chỉ trừ quý sư gặp nhau truyền giới cũng đủ. Lại theo như trong luật Phật dạy giới Tỳ kheo chỉ cho 3 người thọ một đàn. Nếu 4 người là không được, vì quan hệ giới không nhỏ phải tuân lời Phật dạy nên ở Đông độ phần nhiều giới đàn lập 3 đàn. Việc lập đàn giới có thể tùy theo như đông xuân. Đàn giới mùa xuân vào mùng 8 tháng 2 khai giới trước hết có người trực đàn, hương đăng, lau quét vệ sinh, trần thiết các thứ... Tri khách cử dẫn lễ lên phòng Phương trượng rước tới. Như thiền đường, khai đường, bồi đường đưa vào vị trí. Tiếp theo, người cầu giới vào; Dẫn lễ hỏi kỹ lai lịch, biết rõ quê quán. Đến ngày 14 tháng 3 hai thầy Dẫn lễ, tri khách báo hiệu chúng các liêu biết sau khóa lễ Tịnh độ. Ngày 15 tả sư phát lồ, Hòa Thượng Phương Trượng cử tội; ngày 16 bắt đầu sám hối; lo liệu các thứ hương đèn, vật dụng v.v...Thiết sơ đàn, sám hối, viết lời thỉnh giới, thọ giới. Đến ngày 20, hữu liêu hướng dẫn đọc lời tác bạch, ngày 21 hoàn tất sám hối, nhận phái, ký sổ lưu trang trọng. Ngày 22 vâng mệnh dạy nâng bát, thỉnh giới, thọ giới; ngày 23 thỉnh truyền giới, kiểm tra lại y bát, khuyên giới tử không giữ chứa vật, đêm đó tập dượt nghi thọ giới. Ngày 24 cạo tóc, tắm rửa, ban đêm lay sám hối (lễ sám thông thường); ngày 25 xem xét lại đàn giới cho trang nghiêm; thuyết giới, phát nguyện, khuyên tấn, quy tắc áp dụng (xem quy tắc giới đàn ở sau). Ngày 26 trình bản câu hỏi già nạn (giới sư); ở chúng phải đọc luật, phát nguyện, tuần liêu. Ngày 27 duyệt qua luật, phát nguyện, tuần liêu. Ngày 27 duyệt qua luật Sa Di, niêm yết danh sách giới tử, phát nguyện, tuần liêu.

Ngày 28 đưa danh sách giới tử tới ban kiến đàn, tập tác bạch (thưa thỉnh), tập thỉnh trai tăng. Ngày 29 các bảng niêm yết đã dán đầy đủ hội đồng giới

sư, phát thêm thẻ bài, tổng dợt nghi thức. Ngày 30 thỉnh giới, chỉ dẫn rõ ràng danh tướng của y, bát, đắp y (mở y), xếp y, tắm gội, cạo tóc, sám hối - lạy tiểu sám hối, tuần liêu; nếu tháng thiếu không có ngày 30.

Ngày Mồng Một tháng tư trở về (hồi phục) cúng ngô, mời thợ trai, bỏ túc cho giới đàn trang nghiêm. Đêm đó giảng giới, phát nguyện, tuần liêu giữ thanh tịnh. Ngày Mồng Hai duyệt luật Tứ Phần, dán thông báo truyền ba đàn giới; mồng bốn đại tập dợt. Mồng 5 thỉnh giới; chuẩn bị liệu hương, danh sách giới tử, sám hối. Mồng 6 trở về, cạo tóc, tắm gội, mồng 7 khuyên nhắc việc tu khổ hạnh, đốt liệu hương, xem xét lại đàn tràng cho trang nghiêm. Mồng 8 thuyết giới, phát nguyện, tuần liêu, giảng về kinh Phạm Võng. Mồng 9 cấp chứng chỉ, ghi sách tịch, mở kho, trở về (hồi phục?), tuần liêu, từ giả. Đàn một giới đàn xong.

Đàn giới mùa đông, ngày 18 tháng 10 khai đàn (xem phần trên có chỉ đây đủ), đến ngày 10 tháng 11 niêm yết bảng sau khóa lễ Tịnh độ có tuần liêu... (Xem thêm chi tiết ở trước).

Chúng nghĩa ghi rằng, giới Tỳ Kheo Phật dạy 3 người thợ một đàn, cho đến 4 lần bạch yết ma xong. Bốn pháp xử sự⁴⁶ và bốn chỗ nương tựa⁴⁷ của Thầy Tỳ kheo v.v... nhưng phải hợp chúng lại thuyết chung, chỉ bên ni nói riêng.

Hai kỳ Xuân - Đông đây, cổ nhơn có qui định dựa theo một giấc mộng bàn chỗ thấy Tổ đi trên chiếc thuyền nhỏ lướt hải triều âm, có Tam Muội Hòa Thượng ngồi dưới cầu giới; cũng là ngày mồng 8 tháng 2 bắt đầu đến mồng 8 tháng 4 viên mãn đàn giới. Nếu y lời Phật dạy nên tùy thời truyền giới, vào đời Sùng Trinh năm thứ 10 tại huyện Thái Hưng có am Ni lỵ lòng mời Hòa Thượng Tam Muội khai giới. Đó là ngày Rằm tháng 8 bắt đầu giới đàn đến Rằm tháng 11 là viên mãn. Kế truyền Bồ Tát giới tại chùa Thừa Thiên khởi sự ngày Mồng Một tháng 12 đến đầu mùa xuân Rằm tháng giêng là giới đàn hoàn mãn. Lại ngày 20 tháng giêng giới đàn tổ chức tại am Thiện Khánh cho đến giữa tháng 3 là viên mãn. Y cứ theo đây có thể thấy cổ nhơn qui định giới Kỳ ở mùa Đông - Xuân cũng có khoảng thời gian bất định; chỉ tùy nghi, tùy duyên sao cho thích hợp là được.

(Lược tả hữu sư bạch...)

---o0o---

1.3.6 Qui Tắc Thợ Giới

Qui tắc thọ giới gồm có 14 điều Ba đời chư Phật đều có ngày xuất gia, thành đạo; Bồ Tát tu lục độ không bỏ giới châu (trần quý) nên lấy đó nghiêm tịnh luật tắc mới có thể làm mô phạm cho ba cõi. Kinh Lăng Nghiêm ghi rằng, nhiếp tâm là giới, nhân giới sanh định, nhân định phát huệ gọi là 3 môn học vô lậu (không bị phiền não làm khuyết thiếu), bèn thành căn bản của vạn hạnh, chánh nhân thành Phật. Cho nên cầu giới như người đãi vàng (nhặt châu) tâm luôn mến quý, niệm niệm nghĩ đạt cần trì tụng; thúc liễm thân tâm.

Thảng hoặc có phạm nên tự trừng phạt không tha thứ, nhiếp tâm làm mô phạm những điều được liệt nêu như sau:

1- Phép thọ giới phải cầm kinh, luật, 3 y, bình bát, tọa cụ tiến vào giới trường. Nếu không chuẩn bị các thứ mà đi mượn đều không chấp nhận, trừ phi y hậu, đồ vật cũ mà giặt ủi sạch cũng có thể được.

2- Canh 5 nghe 4 hồi chuông lại 3 tiếng nên vén màn thức dậy ngay, sửa lại áo quần chỉnh tề rồi bước xuống giường. Như có bệnh phải báo cáo cho chúng biết. Ban ngày không việc gì làm đừng lười biếng trù mền, vi phạm bị phạt quỳ hương.

3- Giờ chỉ tịnh (ngủ nghỉ) đều tập trung lên giường, giữ oai nghi tề chỉnh, không được cười giỡn, nói chuyện. Vi phạm bị phạt quỳ hương.

4- Lúc học tập để tâm ghi nhớ kỹ. Giờ rồi phải đọc luật, không được tán dốt, bàn tạp. Phạm luân phiên trực nhật phải để tâm xem xét, đừng có giao phó ủy thác người khác, vi phạm bị phạt quỳ hương.

5- Chư tăng ra vào, đứng ngồi, chấp tay; thầy cho ngồi mới ngồi.

6- Trên bàn chỉ để Kinh luật, không được để quần áo, đồ đạc lung tung. Lúc uống trà, dùng cơm hẩn gấp kinh lại; trong lúc ăn không được nói chuyện. Không nên khạc nhổ lớn tiếng, vi phạm bị phạt quỳ hương.

7- Giường đặt có hai dây Đông Tây, đi lại chỗ ngồi giữ chỗ mình, không được loạn đờn người khác; không được đi băng tạt qua nhà và không được nói năng lớn tiếng.

8- Lên giường phải cởi giày, đẩy về phía gần chỗ mình không được chiếm lẫn chỗ người khác. Không được cởi đồ lót lúc ngủ, không được nói chuyện với người giường kế bên, và thở mạnh động chúng. Nằm ắt xây hông mặt,

thế kiết tường, không được thô tháo. Kéo mở cửa ra vào nên đi nhẹ nhàng, vi phạm bị phạt.

9- Không được giữ mền ra tiếng, gồi mền xếp gọn trên giường không để lòng thông dưới đất; không được chạy vội thô tháo, vi phạm bị phạt quỳ hương.

10- Lên Chánh điện, vào trai đường hay làm mọi Phật sự theo y thứ tự mà làm, không được lẫn lộn trước sau, nên để mắt xem xét kỹ, thân đứng ngay ngắn, vi phạm bị phạt.

11- Có việc riêng ra khỏi chùa trên đường gặp Hòa Thượng hoặc Thầy Yết Ma, Giáo Thọ hay các thầy, cho chí vị Thầy niên trưởng giới đức đều chấp tay lễ bái đứng qua một bên nhường đường cho họ; nếu đồng giới cùng đi cũng phải có oai nghi nghiêm chỉnh, vi phạm bị phạt quỳ hương.

12- Rửa mặt không được làm vung nước tới người bên cạnh. Không được choán chỗ quá lâu, vào nhà phải để ý; đồng giới nên tiếp đón, không nên cãi vả ồn ào, vi phạm bị phạt.

13- Bậc thầy lớn tuổi vào chùa nên đứng lên; phải xá liền xá, bảo ngồi mới ngồi.

14- Vì việc riêng tư ra vào phải thưa trình xin phép, ở ngoài không được xông vào phòng làm mất oai nghi, vi phạm bị phạt quỳ hương.

Trở lên là những quy tắc cần nên tuân hành cẩn thận. Như có ai vi phạm bị phạt như qui định trên.

Ngày... tháng... năm... Trụ trì..... sao lục.

Muốn đầy đủ xem 24 thiên oai nghi, Sa Di luật nghi và đại luật Tỳ kheo có nói rõ 3000 oai nghi 5 hạ trở lại nhứt nhứt đều phải học.

Chứng nghĩa ghi kinh nói rằng: giới không thanh tịnh thời thiên định không phát sanh. Lại cũng nói: trí huệ thanh tịnh vô ngại đều do nơi thiên định sanh. Nên biết rằng giới là mầm của định huệ; giới hạnh không thanh tịnh định huệ không do đâu phát sanh. Vì thế, Phật dạy 5 hạ về trước chuyên tinh giới luật; chuyên tính há không từ oai nghi mà có ư? Trong luật ghi rằng việc làm cần yếu số một là luôn luôn nhiếp tâm. Niệm không tán loạn, có nghĩa là thực hành bốn niệm xứ vậy. Sách Phật pháp Tổng quan, Linh Phong

Tông luận rằng, không huệ niệm xứ cho dù mặc áo cà sa như phang trên đầu cây thối; lễ bái như khuấy trên dưới, lục độ, muôn hạnh đều giống ngoại đạo; khổ hạnh cùng chân tu làm chi mà không nhiếp tâm tức chẳng giữ giới. Nếu y theo niệm xứ tu tập công đức giữ giới hiện có thể đạt được 4 quả sa môn (4 Thánh quả), nhân đến viên mãn thập địa tự khắc tránh khỏi không gặp nạn. Tại sao? Vì do nhiếp tâm mà dễ đạt vậy. Việc cần yếu thứ hai là trong khi soi sáng 250 giới đặt khai, giá, trì, phạm trong hai thời ngày đêm, hạng có danh trì giới, trái lại phần nhiều phạm sai lầm. Như cho rằng Tiểu Thừa nghiêm cấm, Đại Thừa khai mở hay Tỳ kheo có chỗ chấp, Bồ Tát ắt dung thứ từ đâu phát ngôn ra những lời ấy?

- Đáp: Linh Phong Tông luận rằng, khai ấy là mở tâm tự độ của Tiểu Thừa mà phát tâm thệ nguyện Đại Thừa. Dung là dung người chấp pháp chưa cải hóa quy về chân lý sâu rộng. Do vậy Bồ Tát xuất gia không có giới riêng mà cùng dùng chung luật Tỳ Kheo, chỉ phát tâm tự độ gọi là Nhị Thừa, phát tâm độ người gọi là Bồ Tát vậy.

Xưa nay hiểu lầm nên phần nhiều trái luật. Khi đức Thế Tôn nhập Niết Bàn có phó chúc cho chư Tỳ Kheo rằng, nên lấy giới làm thầy. Ngài cũng còn dạy: pháp Ta nếu hoại trước do giới luật, thật là lời nói biết trước vậy. Tại sao lại hiểu lầm sự cởi mở bao dung cũng đồng như hủy báng pháp không khác.

---o0o---

1.4 Bồ Tát tóm tắt có 10 điều giới

Mỗi nửa tháng có trăng hay không trăng các vị Tỳ kheo đều phải Bồ Tát. Bảo Hoa Sơn ở Giang Nam có ngài Độc Thể hiệu đính Luật Tỳ Kheo; nguyên bản gồm hai quyển: Quyển thượng bao gồm 27 mục, quyển hạ phần chánh có 44 mục. Nay ở phần cương mục đó lại rút ra đại cương, ghi gọn chỉ còn 10 điều như:

---o0o---

1.4.1 Luận chung nhị thừa: Đại Thừa và Tiểu Thừa.

1.4.1.1 Tiểu Thừa

Tiểu thừa gồm 7 chúng:

- 1- Tỳ Kheo,
- 2- Tỳ Kheo Ni,
- 3- Thức Xoa Ma Na,
- 4- Sa Di,
- 5- Sa Di Ni (5 chúng trước thuộc chân đế);
- 6- Ưu bà tắc,
- 7- Ưu bà di (2 chúng sau thuộc tục đế).

---o0o---

1.4.1.2 Đại Thừa

Bảy chúng Đại Thừa là người phát Bồ Đề tâm thọ đại giới Bồ Tát.

---o0o---

1.4.2 Tôn trọng đúng luận sự làm lỗi:

Phật dạy mỗi tháng lấy ngày Rằm là ngày có trăng giữa tháng Bồ Tát; lấy ngày 30 là ngày không trăng (hắc) giữa tháng Bồ Tát. Nếu tháng thiếu lấy ngày 29 làm ngày không trăng trong tháng Bồ Tát. Ngày nay theo lệ đó mỗi tháng 2 ngày Rằm, Mồng Một là ngày có trăng và tối trời Bồ Tát nửa tháng có trăng thay phiên tụng giới; đối với nửa tháng không trăng thời không có Bồ Tát. Tham cứu sâu theo quy tắc này chưa xác định sai lầm có từ lúc nào, cứ hễ thấy trước làm khiến sau làm theo do quen đã thành nếp sẵn. Căn cứ theo luật thuyết giới Kiền Độ ghi rằng, người phạm không được tụng giới, cũng không được nghe giới. Không được hướng về người phạm cầu sám hối; kẻ phạm cũng không được nhận người khác sám hối. Phải hướng về người thanh tịnh cầu sám hối, tụng và nghe giới. Phần này nói rõ trước khi Bồ Tát phải bày tỏ lỗi lầm qua phần tác pháp Yết Ma. Cho nên tôi dựa theo đúng luật chỉ đúng chỗ sai lầm, luôn lấy ngày có trăng giữa tháng nhằm 14 sám hối trước đến ngày Rằm mới Bồ Tát. Nửa tháng không trăng ngày 29 lễ sám hối và ngày 30 Bồ Tát. Nếu gặp tháng thiếu lấy ngày 28 sám hối và ngày 29 Bồ Tát như qui định sẵn.

1.4.3 Tuân lời dạy cổ nhân:

Như Tỳ Kheo ở trụ xứ phạm luật mà nghỉ Bồ Tát, tụng giới. Những người phạm làm một việc không có công đức, trái lại còn rước lấy tội. Lấy sở y cho là phi, nhưng năng y cũng thành phi nốt. Luật Tứ phần ghi rằng, nếu làm pháp Yết Ma hẳn phải trước khi kiết giới mà căn bản là luật Tăng Kỳ, Ngũ Phần, Luật Thập Tụng. Tuy 5 bộ luật mỗi bộ còn có tông chỉ, chỉ như một pháp Yết Ma mà không y theo tác pháp là việc sai lầm đầu tiên. Song giới có hai:

a) giới tác pháp: lấy việc nhóm chúng lập tiêu chuẩn như xướng tướng, vấn hòa, trình bạch, nhận cho. Trước hết kết nội giới trường và sau đó kết ngoại (đại) giới trường. Sau hết nêu lên tiêu chuẩn tướng đại giới trường, nhưng kết chẳng mất theo hạn giới

b) tự nhiên giới có 4 tiết:

1- thôn trang

2- am thất

3- đường đi

4- Chỗ có nước.

Bốn phần này mỗi phần có giới hạn thiên nhiên, vì thế không phân hạn giới, cũng như không nêu tướng giới chỉ tác bạch chấp nhận mà thành thôi. Riêng Tỳ kheo ni nương tựa hạn giới của Tăng cũng theo tiêu chuẩn này. Nếu như Bồ Tát Tỳ kheo kết giới cũng theo y như trên. Y cứ theo kinh Địa Trì ghi rằng Bồ Tát Tỳ Kheo tăng không kết giới là khinh lờn lời Phật; cũng như không giữ gìn luật Tăng. Như thế phạm chỗ ra làm đều không thành vậy. Tại sao thế? Vì không kết giới trường thì không hội đồng giới sư (10 vị) bạch bốn lần yết ma, không truyền giới chỗ công khai. Không kết đại giới tràng là Bồ Tát tụng giới không thể thuyết dục hòa tăng được; không kết y giới thời không thâm nhiếp như chim không có đôi cánh. Nên biết rằng Bồ Tát Tỳ kheo tăng phạm ở chung một trụ xứ nhưng pháp Tỳ Kheo tăng riêng, bạch hai lần yết ma kiết giới. Tiểu chúng 3 người tùy thuộc nội giới của đại tăng.

---o0o---

1.4.4 Cử xứng người đức độ:

Định kỳ tác pháp có nêu rõ Bồ Tát ngày không trăng hay có trăng, chư Tăng vân tập tụng giới, nên chọn người mô phạm có khả năng tụng. Như người giới đức song toàn, niên lạc hơn 5 hạ, có trình độ hiểu biết giải quyết được mọi nghi vấn. Nghe trong tăng bạch hai lần yết ma có khác, nên hể mỗi chức danh của Nhị Thừa ắt phải nghiên cứu rành luật Tứ Phần. Kinh Phạm Võng ghi: Nhị Thừa chọn khác đã quen như thế rồi. Lại như trong cái hay thông thường mỗi người có khác, giới hạn thời 7 chúng Tiểu Thừa; tình cờ đủ duyên gặp chúng tụng bốn giới đã thọ. Nếu như trong nội giới Tỳ Kheo tăng nên mời riêng một vị đọc giới Tỳ Kheo, Tỳ kheo Ni cũng vậy, cho chí Ưu Bà Di hãn không có phần nghe tụng giới, nên nói giới hạn là vậy. Phổ thông là 7 chúng Đại Thừa gặp duyên tình cờ nhóm lại tụng Phạm Võng giới. Bất luận tụng giới gì nên mời một Tỳ kheo Bồ Tát giới đại diện trong chúng tụng giới. Nếu không có Tỳ Kheo mà chỉ có 6 chúng thôi nên mời Tỳ Kheo ni Bồ Tát trong chúng như người thay thế tụng giới. Thậm chí nếu không có 6 chúng trên mà chỉ có Ưu Bà Di Bồ Tát giới liền mời vị ấy đại diện tụng giới thay chúng. Vì 7 chúng Đại Thừa đều cho nghe tụng giới nên gọi là chung hay phổ thông là vậy.

---o0o---

1.4.5 Hòa chúng thanh tịnh nơi tịnh đường:

Căn cứ theo như trong luật ngày Bồ Tát phải quét dọn sạch sẽ, trải tọa cụ, chuẩn bị nhang đèn, hoa quả, đồ đựng nước tại thiền đường... Vị thượng tọa phải dạy Tỳ Kheo nhỏ tuổi và vị nhỏ tuổi y lời dạy như pháp mà làm. Nếu trên không dạy, dưới không biết đâu mà làm đều phạm tội vượt luật tắc.

Về thiết tòa có hai loại:

- a) Tòa cao dùng để ngồi tụng kinh hay đăng đàn.
- b) Loại thấp để cho người ngồi nghe hay tọa thiền. Loại tòa cao nên dùng bông hoa trang trí chỗ ngồi, cần treo đèn đuốc để phòng trời tối.

Đồ đựng nước có hai thứ:

- a) Nước rửa chân

b) Nước rửa tay.

Sa la gọi là nhà che mưa nắng, nhưng nay cũng gọi là thiên đường hay tịnh đường.

---o0o---

1.4.6 Khiêm nhường kính trọng pháp Đại thừa, Tiểu thừa:

Tuy cùng tụng giới Bồ Tát, nhưng dựa theo giới Đại Thừa, nếu khi tụng giới Tỳ kheo nên theo thứ tự tuổi hạ của tăng. Giải thích thêm; Bồ Tát chúng Tiểu Thừa lại nương giới Tiểu Thừa theo thứ tự mà ngồi; nơi chúng Đại Thừa thời nương giới Đại thừa theo thứ tự mà ngồi.

Lại có người thọ giới Tỳ Kheo trước sau mới thọ giới Bồ Tát thời ngồi theo giới lạc Tỳ Kheo. Như thọ giới Bồ Tát trước, sau thọ giới Tỳ Kheo, theo như Đại Thừa dựa theo thứ tự giới Bồ Tát thọ giới Tỳ Kheo mà theo thứ tự, Tỳ Kheo ni cũng như thế.

Số tiểu chúng 3 người thời có 2 trường hợp:

a- Tiểu thừa tính người lớn tuổi

b- Đại thừa tính theo giới mà sắp thứ tự, hai chúng tại gia cũng thế.

Như 7 chúng Bồ Tát tập hợp tại một giới trường theo thứ tự:

1- Tỳ kheo Bồ Tát

2- Tỳ Kheo ni

3- Thức Xoa Ma Na

4- Sa Di

5- Sa Di Ni

6- Ưu Bà Tắc

7- Ưu Bà Di.

Giới tuy có thứ tự như thế, nhưng theo thiên môn việc ra vào có qui tắc như nêu rõ ở trước.

---o0o---

1.4.7 Hợp đồng giản dị, có 5 loại giản dị như:

1) Phổ thông theo thể tục, người đời lầm lẫn nơi già lam gặp ngày Bồ Tát sắp đặt lễ tiết

2) Người nữ tín tâm trí thức, nếu đăng đàn giảng kinh diễn nghĩa phải thật thấu đáo văn - tư - tu. Còn như trong tầng tụng giới làm pháp Yết Ma, vị ấy tự biết mà tránh xa đi chỗ khác

3) Người xuất gia nhỏ tuổi, tuy còn thói nhiễm do chưa gần bậc viên giác. Vì thế hễ lúc làm pháp Yết Ma phải nên đứng tránh chỗ thấy nhưng không nghe (tầng yết ma) và không được nghe lắng.

4) Tỳ Kheo phạm giới không được nghe tụng giới; phải đợi hồi lỗi thanh tịnh mới được chấp nhận.

5) Ni xung là á tăng (cải dạng) vào trong tầng Bồ Tát thời khác với Tỳ Kheo tăng. Vì thế nửa tháng Ni phải đến thỉnh tăng giáo giới vào đúng lúc Tỳ Kheo Bồ Tát. Ngõ hầu hỏi đáp có được không mới là ngày của chư Ni tụng giới.

Luật ghi rằng, Tỳ Kheo Bồ Tát ngày Rằm, Tỳ Kheo Ni Bồ Tát ngày 16 là vậy.

---o0o---

1.4.8 Vâng pháp thỉnh giáo:

Y cứ theo luật, sau khi đức Phật Thích Ca thành đạo trong vòng 14 năm Di mẫu cùng 500 Thích nữ xin xuất gia. Lúc đầu Ngài không nhận, A Nan thay lời bạch đến lần thứ ba, Phật mới hứa khả. Phật dạy ngài... A Nan trao truyền 8 kinh pháp. Cho Ni chúng xuất gia rồi còn có vấn đề khiến Tỳ Kheo Ni nửa tháng vào ngày Bồ Tát, phải đến trong Tỳ Kheo tăng cầu thỉnh giáo giới.

Lại hỏi: có thể thuận cho không?

Chúng Tỳ Kheo trong khi tụng giới nên hỏi rằng, ai sai Ni đến thỉnh giáo giới? Nếu có tức theo đúng pháp mà sau đây sẽ thấy rõ. Nếu có thể y giáo phụng hành (y lời dạy vâng làm) thời chánh pháp còn tồn tại ở đời 1000 năm.

---o0o---

1.4.9 Giới thành tựu hợp pháp:

Lấy giới (đàn tràng, hạn giới) làm sự, là nương nơi pháp; tăng là người thừa hành pháp sự. Theo Tiểu Thừa qui định như luật Đàm Vô Đức có độ 184 pháp yết ma bao hàm tất cả thời và phi thời. Luận về Đại Thừa Tỳ Kheo tăng, nghi thức Bồ Tát nửa tháng cũng giống như Tiểu Thừa. Có điểm khác là Đại Thừa trong đó có Ni thuộc 7 chúng đều được nghe Kinh Phạm Võng; tạm chấp chỗ phức tạp đặt pháp Tiểu Thừa mà không học thời trọn không phải Phật tử, thật là người si mê. Kinh Địa Tạng Thập Luân ghi rằng, si mạn cho Đại Thừa là không có lực trí huệ; còn mê mờ pháp Nhị Thừa huống gì hiểu Đại Thừa, thì Bồ Tát tăng ấy rốt cuộc cũng không tôn trọng pháp Tỳ Kheo Tăng.

Phép tụng giới đúng có 4 loại riêng biệt:

- 1) Duy Đại kiêm Tiểu
- 2) Duy Tiểu kiêm Đại
- 3) Chỉ có Tiểu không Đại
- 4) Chỉ có Đại không Tiểu.

Nay dựa theo đương thời vã đề 3 loại trước, loại bốn chỉ có Đại không Tiểu. Nếu trong một đàn tràng bao hàm Tỳ Kheo tăng Bồ Tát, gặp ngày Bồ Tát, trước hết phải tập trung tại phòng tụng giới Tỳ kheo, sau đó vào chánh điện tụng giới Bồ Tát. Giá gặp trở ngại như địa điểm tụng giới quá xa, trước tụng lược giới Tỳ Kheo, sau tụng đủ giới Bồ Tát. Nếu nạn xảy ra quá gần Nhị Thừa đều lược giới; như gặp nạn bức bách sát bên có tụng lược cũng không được nữa, bèn phải thưa rằng: chư Đại Đức hôm nay là ngày Rằm Bồ Tát mỗi người nhiếp thân, khẩu, ý đừng có buông lung. Nói như thế rồi mỗi vị tự ý giải tán. Đây là nạn duyên gặp phải như vậy. Song tuyệt đối người chưa nghe thọ giới mà không tụng giới không được gọi là Tỳ Kheo Bồ Tát. Kinh Phạm Võng ghi rằng, nếu thọ Bồ Tát giới mà không tụng giới thời chẳng

phải là Bồ Tát, không phải là chúng tử Phật. Hơn nữa trụ trì tăng bảo mà không đúng giới luật Tỳ Kheo thì chẳng thể làm hưng long Phật pháp, vượt qua luật Bồ Tát thời không được.

---o0o---

1.4.10 Nghi lớn nêu ít dụ:

Muốn giữ giới thanh tịnh phải rành 10 chi giới không nhiễm; từ đó ba tụ giới mới viên mãn. Nên luận Tát Bà Đa ghi rằng, nếu người thọ 5 giới mà phạm không cho thọ 10 giới. Nếu phạm 10 giới thời không được thọ giới cụ túc. Vì thế, Sa Di dù gặp kỳ Bồ Tát mà không tụng giới đúng pháp đến độ lược bỏ trì phạm khuyên nhắc tu hành nửa tháng nhóm họp một lần, thuận theo mới đúng pháp, tức là đúng luật. Phạm gặp Bồ Tát trước lễ sám hối cho Sa Di nhập chung là sai. Tăng lúc họp nhau tụng giới cũng cho Sa Di vào nhà lễ tăng, và xong lui ra rồi mới làm phép tụng giới; làm cho chúng nhỏ cũng dự với đại tăng nửa tháng một lần hầu sách tấn tu hành mà nhớ giới để tiến tu.

Trở lên bên trên 10 mục đại cương xong, từ đây trở xuống là 10 quy tắc Bồ Tát,

---o0o---

1.5 Mười Quy Tắc Bồ Tát

Chúng nghĩa ghi rằng, giới luật là thiết yếu, nửa tháng Bồ Tát là việc duy trì tổng quát.

---o0o---

1.5.1 Luật Thiện Kiến

Luật Thiện Kiến ghi rằng: Làm sao để biết chánh pháp trụ lâu, đó là duy trì phép Bồ Tát không mất vậy. Phép Bồ Tát này luật tạng, đời thường khó mà giữ hết được. Nay phòng phát hành kinh sách Chiêu Khánh tại Hàng Châu có sách Sa Di luật nghi thuật nghĩa hai quyển, Tỳ Ni hương nhũ thiết yếu hai quyển, nghi thức Yết Ma 2 quyển, Phạm Võng sơ tân 4 quyển. Ngoài ra ở Hoa Sơn tại Giang Nam có Bồ Tát cương mục quy định mỗi tháng hai kỳ

gồm 2 quyển, lại còn có Đại Thừa nguyên nghĩa 12 môn luật v.v... đều nên
thỉnh để đọc.

---o0o---

1.5.2 Lược rõ pháp Yết Ma sám hối:

Nếu như ở một phạm vi mà Tỳ Kheo cộng trụ gặp ngày rằm giữa tháng, vào
tối 14 phải sám hối, đến nửa tháng tối trời thời sám hối ngày 29. Trường hợp
gặp tháng thiếu sám hối trước vào ngày 28, nên cho Tỳ Kheo mới một hai
năm tới dọn phòng làm Yết Ma trải tòa, đốt đèn, phía sau tòa để một cái bàn
có thư ký ghi danh sách để biết số lượng, sợ trùng tên sai sót để tiện việc
kiểm soát, tới lúc nghe gõ keng chúng tập hợp; vị lãnh chúng cầm nhang
thỉnh một vị Thượng Tọa thanh tịnh niệm hương vì chúng sám hối. Niệm
xong bước lên tòa ngồi, đại chúng lễ 3 lễ rồi đứng sang một bên. Nếu có
chúng thọ 5 giới, 10 giới Sa Di đứng nguyên tại chỗ. Duy Na gọi: các Sa Di
tiến vào đứng theo hàng từ trên xuống, đánh lễ đại tăng 3 lạy.

Lạy xong quỳ gối chấp tay.

Thượng Tọa vỗ thủ xích bảo:

- Nay các Sa Di, đã lìa bỏ ngũ dục, gia đình thân quyến, thọ 10 giới răn
làm đệ tử Phật hiệu là Túc Tử; lý phải nên giữ gìn thân khẩu ý nghiệp cẩn
thận để ngăn tội lỗi phi pháp, chăm học luật tác oai nghi, giáo pháp. Nếu
giới thể thanh tịnh những việc thiện mới sanh; còn một chút nhiễm ô cũng
khó nhập đạo. Hôm nay là ngày 30 (rằm) nửa tháng trước lễ Bồ Tát, chư
tăng câu hội trước là sám hối, các vị mỗi người do chỗ thọ giới mà giữ gìn
giới phẩm, nên phải chú ý lắng nghe kỹ từ nửa tháng trước trở đi đến nửa
tháng này trong khoảng thời gian đó, nếu quý vị có phạm cứ tự thành thật
mỗi mỗi phát lộ trước tôi để tiện y luật tác pháp dứt nhiễm thanh tịnh. Nếu
phạm mà không phát lộ (tỏ bày) thời tự dối, càng tăng thêm tội không phải
con giòng họ Thích.

Thầy vỗ thủ xích và hỏi rằng:

- Nay các Sa Di, giới thứ nhất không sát sanh, trong nửa tháng qua các vị
có phạm không? Không, liền đáp là không; có thì trả lời có. Sau tiếp 9 giới
khác cũng đều hỏi như thế. Phần 5 giới, 10 giới đã có đủ trong phần quy tắc
thể độ ở trước.

Mỗi mỗi trả lời xong, trên tòa, Thầy xét sự lý hợp pháp. Nếu có phạm 4 tánh tội trước, y luật không cho làm phép hiện tiền mà bạch 4 lần Yết Ma rồi đuổi ra khỏi chúng. Đương sự không phải là Thích tử, không phải là Sa Di nên không được hợp chung với Sa Di thanh tịnh; cũng không được nương tựa ở với Tỳ Kheo tăng. Nếu làm mà không thành nên phải sám tội đột kiết la⁴⁸, đối thủ làm pháp yết ma sám hối. Nếu gặp việc khó khăn, luật có dạy rõ, như phạm tội 6 già nghiệp sau; cố ý là khinh lờn lời Phật, phải cho sám tội đột kiết la đối thủ làm pháp Yết Ma cải hối. Vô ý phạm lầm là không khéo giữ gìn cho đem tâm trách phạt tội đột kiết la, phải tha thiết làm pháp Yết ma để trừ dứt. Nếu phạm 250 giới theo giới luật oai nghi phải xét duyên phạm từng phần mà sám hối dứt trừ. Nếu không phạm thời làm thỉnh.

Phần tác pháp sám hối xong.

Thầy Duy Na xướng rằng:

- Nay các Sa Di chí thành lễ 3 lạy rồi tuần tự bước ra. Nghe tiếng khánh cùng lễ Phật với chúng.

Pháp này quy định nêu lên như thế, nếu có Sa Di thời dùng, nếu không có ngũ giới và Sa Di 10 giới mà chỉ có Tỳ Kheo nên tiến hành sám hối thường lệ.

Thầy võ thủ xích hỏi rằng:

Tăng nhóm chưa?

- Đã nhóm

Hòa hợp không?

- Hòa hợp

Người chưa thọ giới cụ túc ra chưa?

- Người chưa thọ giới cụ túc đã ra.

Tăng nay hòa hợp để làm gì?

- Để làm Yết ma sám hối.

Lời vấn-đáp này cùng với tác pháp hỏi việc thông thường không khác nhau. Chỉ không hỏi thuyết dục mà thôi. Luật dạy phát lồ (tỏ lộ) hẳn tự nói nếu không tự nói được cũng chẳng phải bị trừng phạt gì. Vì thế chỉ không hỏi gợi dục là phần khác biệt thôi.

- Nay chư Đại Đức, nay là ngày có trăng – không trăng - nửa tháng trước chưa Bồ Tát chúng tập hợp về một chỗ, mỗi người tự lục soát ký ức, tự suy nghĩ ba lần xem từ ngày tụng giới nửa tháng trước cho đến hôm nay trong vòng 15 ngày, nếu có ai phạm điều Phật chế làm ô nhiễm thân giới nên sanh lòng hổ thẹn, sớm cầu thanh tịnh hướng thẳng lên đây nói lời tỏ bày sám hối, chớ nên che dấu. Kinh Vị Tăng Hữu ghi rằng, tâm trước làm ác như mây che mặt trời; tâm sau khởi thiện như đèn đuốc dứt trừ tối . Thế mới biết tịnh hay nhiễm do tâm; sám hối dựa theo luật. Nếu không sanh tâm tin tưởng sâu sắc hẳn có niệm sợ hãi, cho dù Phật tại thế cũng khó sám hối trừ dứt được.

Nay chư Đại Đức nguyện thanh tịnh 5 thiên ba tụ giới ⁴⁹, thành tựu 5 phần pháp thân; không bị ràng buộc trong 3 cõi sanh tử. Ai phạm đứng dậy ra giữa chúng nói lỗi; người không phạm thời yên lặng. Võ thủ xích hỏi rằng:

- Nay xin hỏi chư Đại Đức trong chúng đây có ai phạm không?

Nếu người phạm tự đứng dậy lễ 3 lạy quỳ gối chấp tay nói rõ điều đã phạm; nhưng chư tôn xem xét kỹ tâm cảnh và sự duyên đã phạm. Thư Ký ghi lại chi tiết rõ ràng. Duy Na xướng rằng:

Đại chúng đánh lễ 3 lạy rồi tụng bài hồi hướng, chúng tụng hòa, 3 tụ quy y xong. Duy Na, Thư Ký đưa người phạm giới đến phòng Phương Trượng. Hai vị đồng lễ một lạy rồi trình bày danh tánh người phạm, phạm điều gì. Hòa Thượng xem xét xong. Duy Na xướng cho người phát lồ lễ 3 lạy rồi quỳ gối chấp tay. Hòa Thượng hỏi xong; y theo luật tùy phạm tội nặng nhẹ mà xử như, dạy đương sự sám hối và khuyên người phạm giới tự phát nguyện gia trì sám hối nương nhờ lực từ bi của Phật, lực Yết Ma sám hối làm cho tội chướng tiêu sạch; thiện pháp ngày càng phát triển gia tăng. Dạy như thế xong, lễ thầy 3 lạy rồi lui ra. Những người không phạm nghe hiệu khánh đồng vào điện Phật lễ Tam Bảo. Nếu nhờ gia trì lực bỗng nhiên tỉnh ngộ tùy theo cách mà thông thường là lễ tụng để cải thiện; không che dấu thời sự uẩn khúc lại càng đẹp đẽ hơn.

Nếu tác pháp trong đàn tràng có Tỳ Kheo Bồ Tát tăng ở chung trong nửa tháng Bồ Tát trước đã có sám hối; đại lược phân thành hai tiết: 1) tuy nửa tháng luôn có kỳ nhóm chúng Tỳ Kheo Bồ Tát sám hối, nhưng dựa pháp Tỳ

Kheo tăng làm pháp yết ma, thân giới có bất tịnh. Liệu tâm giới có thanh tịnh không? Không nên nghĩ rằng bỏ Đại theo Tiểu, nhưng mà Bồ Tát khéo giữ được tăng chế. 2) Thật là gặp cơ hội lớn tịnh giới tự nhiên phát khởi ở chung nhưng trong cảnh thuận thực. Giá như có phạm mới tuân theo kinh Phạm Võng, Địa Trì làm pháp Đại Thừa sám hối, như Đại Thừa thập nhị môn trong đó có phân biệt rõ.

1.5.3 Tăng làm pháp yết ma tụng giới:

Nếu tác pháp nửa tháng tối trời hoặc có trăng vào đúng ngày Bồ Tát trừ 4 vị tăng trở lên cho đến 100, 1000 tăng cùng ở chung, e gặp thời khó nhóm. Luật chế trước hết thưa bạch nhóm chúng, sau mới tới họp. Một vị Thượng Tọa ra bạch chúng giữa bữa cơm trưa hoặc sáng như sau:

- Đại Đức Tăng nghe, đến ngày 15 hoặc 30 Bồ Tát tại (địa điểm)... tụng giới. Nói một lần rồi ngưng, nhưng vị Thượng Tọa phải cao niên hơn các Tỳ kheo nhỏ tuổi; và rằng: đến nơi Bồ Tát quét dọn, trải tòa, chung bày hoa đăng, cụ bị phòng xá, đặt nước cúng. Tới giờ Bồ Tát gõ kiếng tập họp chúng. Người nghe hiệu lệnh nhanh chóng tới chỗ Bồ Tát; không tới dự phải gọi dục. Đây có nghĩa như là một buổi trai tăng nên cùng chúng giữ lục hòa. Người không dự thời gọi dục cho vị khác, như những trường hợp bệnh, gặp việc không thể nào đến với chư tăng được; phải đạt một sự thanh tịnh mà Tỳ kheo nhận gọi dục ra trước làm lễ, quỳ và bạch như sau:

- Đại Đức một lòng nghĩ, con vì Tỳ Kheo... như pháp tăng sự gọi dục thanh tịnh.

Nói xong liền lạy một lạy rồi đứng lên lui ra.

Nếu người gọi dục là bậc Thượng Tọa, người nhận gọi dục là một Đại Đức chỉ xá một xá đứng bạch như trên xong xá một xá rồi lui. Luật Tăng Kỳ ghi rằng, không nên cao hứng cùng gọi dục cho người; phải gọi dục cho người có thể mang đến giữa tăng nói thay. Theo Hành Sự Sao ghi, phạm tăng tác pháp thân tâm hẳn đều phải thanh tịnh mới thành sự hòa hợp. Giá gặp nhân duyên không mở tâm tập hội thì cơ duyên giáo hóa chẳng thi thố làm sao cứu tế rộng được. Nên phải truyền tâm để cảm ứng với tăng sự trên mới có thể làm xong được việc này việc nọ. Vì nhân duyên như thế nên mở khai cho phép gọi dục. Duy nhứt kiết giới và yết ma diệt tránh⁵⁰ không được phép gọi dục. Ngoài ra, hết thầy phép yết ma đều có thể gọi dục được. Mỗi vị y theo giới mà ngôi thứ tự, vị trưởng chúng cầm nhang đợi thỉnh một vị hạ cao có giới đức thanh tịnh tụng giới. Vị ấy vào thẳng tòa xong, chúng trưởng tới

cung thỉnh lễ 3 lạy xong lui về chỗ ngồi. Luật ghi rằng, tăng đã nhóm họp, vị Tỳ kheo tụng giới kiểm điểm số để biết người đến và người nào không đến. Nếu có chúng Sa Di thầy Duy Na xướng:

- Nay các Sa Di hãy thứ tự tiến lên đứng theo hàng hướng lên trên, nghe tiếng khánh lạy đại tăng 3 lạy rồi quỳ gối chấp tay. Thầy võ thủ xích dạy khuyên rằng:

- Các Sa Di hãy lắng nghe, thân người khó được, giới pháp khó gặp, thời khắc dễ qua, đạo nghiệp khó thành, các vị mỗi người nên giữ thân - khẩu - ý thanh tịnh, cần học kinh, luật, luận, cẩn thận đừng có buông lung!

- Y giáo phụng hành ...

Duy Na xướng:

- Các Sa Di lễ một lạy rồi đứng lên thứ tự lui ra. Sa Di ra rồi đại chúng khởi sự tụng Tứ Phần giới bốn (giới Tỳ Kheo).

Thầy Duy Na xướng, đại chúng đồng hòa theo:

Nam mô Bốn Sư thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

Tiếp đọc:

Kệ khai luật:

Kinh biệt giải thoát khó được nghe

trải qua vô lượng trăm ức kiếp

Đọc tụng thọ trì cũng như thế

Như thuyết mà làm lại khó hơn.

Hòa thượng võ thủ xích hỏi rằng:

Tăng nhóm chưa?

- Tăng đã nhóm

Hòa hợp không? Người chưa thọ giới cụ túc ra chưa?

- Đã ra

Có các Tỳ kheo thuyết dục và thanh tịnh không?

Nếu không trả lời là không: còn như có người thuyết dục và thanh tịnh, vị nhận gọi dục Tỳ Kheo đáp rằng, có rồi đứng lên ra trước chúng lễ một lạy rồi quỳ gối chấp tay bạch như thế này:

- Đại Đức tăng nghe, con Tỳ Kheo... nhận gọi dục thanh tịnh, Thầy A như pháp tăng sự gọi dục được thanh tịnh. Nói một lần xong, Hòa Thượng đáp rằng:

- Được!

Tỳ Kheo thuyết dục lễ một lạy xong đứng lên trở về chỗ ngồi tụng giới. Nếu có thể nhớ tánh danh từng vị tùy theo hứa nhận gọi dục bao nhiêu vị. Nếu không thể nhớ chỉ nói: nhiều chư Tỳ Kheo gọi dục thanh tịnh.

Như Tỳ Kheo nhận gọi dục mà có việc bất khả kháng không thể đến trong chư Tăng nghe giới được nên chuyển dục cho Tỳ kheo khác. Phải đến trước một Tỳ Kheo thanh tịnh nói đầy đủ như thế này:

- Đại Đức một lòng nghĩ, tôi Tỳ Kheo A có nhận dục thanh tịnh của một số vị Tỳ Kheo. Các vị ấy và chính tôi như pháp tăng sự xin gọi dục thanh tịnh. Nói xong, vị thọ chuyển dục ra trước tăng cũng làm y như trên.

- Có ai sai Tỳ Kheo Ni đến thỉnh giáo giới không?

Nếu không, trả lời trong đây không có Ni đến thỉnh giáo giới. Nếu có, vị Tỳ kheo Giáo thọ ấy đứng lên ra trước chúng hướng lên lạy một lạy rồi quỳ gối chấp tay vì Ni chúng mà bạch rằng:

- Đại Đức Tăng nghe, chùa... của Tỳ Kheo ni, Tăng hòa hợp, sai Tỳ Kheo Ni tới đánh lễ Tỳ Kheo tăng, thỉnh người dạy Ni. Bạch 3 lần như thế xong đứng lên, đến trước Thượng Tọa đệ nhất thỉnh rằng: Đại Đức từ bi có thể đến dạy Tỳ Kheo Ni không? Nếu Thượng Tọa này đồng ý đến dạy, đáp rằng có thể; còn nếu không nhận dạy, trả lời không thể. Vị Tăng từ 20 hạ trở lên đều được hỏi như thế. Nếu trong Tăng đều không ai nhận; trở lại Thượng Tọa đệ nhất rút lễ một lễ, quỳ bạch: con Tỳ Kheo... đã hỏi khắp trong tăng không có ai kham nhận giáo giới Tỳ Kheo Ni, mong Thượng Tọa nên nói lược phép giáo giới bảo cho vị Tỳ Kheo kia rằng: Này Đại Đức trong chúng

đây đã không nhận làm giáo thọ Ni, ngày mai Ni đến thỉnh có hợp thời không? Nên trả lời vị kia rằng: tối qua vì chúng Ni mà ở giữa tăng đã mời khắp hết, không có vị nào nhận dạy Ni cả. Tuy nhiên, Thượng Tọa có nói, báo cho chúng Tỳ Kheo Ni nên phải tinh tấn hành đạo, cẩn thận chớ có buông lung. Vị Tỳ Kheo nhận lời dặn dò đáp: xin vâng! Xá một xá rồi lui. Y cứ luật qui định người đủ đức mới được đề cử dạy Ni. Ngày nay chỉ hỏi vị Thượng Tọa thỉnh mời để làm sáng qui tắc đương thời. Việc Ni, Tăng sai hai lần bạch yết ma tới thỉnh pháp. Muốn biết rõ đọc thêm luật Tứ Phần trong phần 2 nên đây không ghi ra hết.

- Tăng nay hòa hợp để làm gì ?
- Để làm Yết ma tụng giới.

Người cử tụng giới trước bạch hòa tăng một lần như sau:

- Đại Đức tăng nghe, nay là 15 tháng... có trăng, Bồ Tát tụng giới, nếu tăng phải thời mà đến, tăng thuận nghe hòa hợp tụng giới bạch như thế, tác bạch có thành không? Đại chúng đồng chấp tay đáp: Thành.
- Chư Đại Đức mùa xuân 3 tháng 90 ngày là một thời; nửa tháng 14 ngày đã qua. Tháng giêng ngày Rằm ngày tụng giới nửa tháng đã qua, tháng 3 ngày 15, 30 tụng giới 2 lần cũng đã qua. Bây giờ còn mùa hạ, thu và đông 3 kỳ dựa theo đây mà thay đổi.
- Già chết gần kề, Phật pháp sắp diệt, chư Đại Đức vì muốn đắc đạo nên nhứt tâm cần cầu tinh tấn. Tại sao phải làm như vậy? Vì chư Phật nhứt tâm cần cầu tinh tấn nên chứng thành vô thượng chánh đẳng chánh giác; hướng gì là các pháp lành khác. Mọi thú vui trong lúc còn tráng kiện, nỗ lực cần tu thiện tại sao chẳng cầu đạo; yên phận đợi già còn mong thú vui gì? Một ngày đã qua, mạng theo đó cũng giảm dần như cá thiếu nước nào có vui chi...

---o0o---

1.5.4 Lại nói rõ pháp tăng lược tụng giới.

Trong luật Phật dạy, nếu có vua, giặc, thủy, hỏa, bệnh, các nạn nhân, phi nhân và những nghịch duyên khác như thiếu chỗ, đường ngập nước, trời mưa, đêm Bồ Tát sắp hết; hoặc tranh biện, thuyết pháp lâu v.v... nên tụng lược giới. Người tụng khéo biết lúc tùy nghi, nêu lên các nạn duyên. Đây

dựa theo luật Tỳ Ni Mẫu luận rằng, nếu tụng tựa của giới xong, hỏi có thanh tịnh xong nên bảo chúng rằng:

Chư Đại Đức:

- Đây là 250 giới: 4 tội Ba La Di
- 13 tội Tăng Già Bà Thi Xa
- 2 Pháp bất định
- 30 tội Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề
- 90 pháp Ba Dật Đề
- 4 Ba la đề đề xá ni
- 100 pháp chúng học
- 7 pháp dứt sự tranh cãi.

Pháp tăng thường nghe, nửa tháng tụng một lần trong giới kinh chép ra. Nay xin hỏi chư Đại Đức trong đây có thanh tịnh không? (hỏi 3 lần). Chúng im lặng, gõ tiếng chuông tiếp:

- Chư Đại Đức trong đây thanh tịnh vì im lặng vậy, việc ấy như thế mà rõ biết.

Trên đây là tụng y nguyên văn. Nếu gặp nạn khó, nghịch duyên nên hỏi phép thanh tịnh; rồi tụng tới đâu nên nói tụng tới đó như:

- Chư Đại Đức đã tụng đến chỗ ... ngoài ra các giới khác tăng thường nghe tùy nghi,
- Chư Đại Đức nay là ngày 15 tháng... có trăng Bồ Tát mỗi người phải giữ thân, miệng, ý chớ có buông lung.

Nói xong hỏi hướng mỗi người tự giải tán. Song ở đây nói tụng lược tức là chỉ đọc những giới danh quan trọng, là cách hay nhất. Nếu người mới thọ giới không am tường luật Tứ Phần như có đọc toàn văn cũng khó lãnh hội hết hướng chi tụng lược mà có thể hiểu rõ. Vì thế, sau khi thọ giới phải học, học để hành trì, như gặp việc liền thích ứng ngay, rất có lợi được nhiều mặt.

Nay nêu rõ 3 pháp lược, đức Phật phương tiện tùy cơ, nhưng làm vị tăng am tường sự duyên không có lỗi, vì việc bỏ Bồ Tát.

---o0o---

1.5.5 Pháp đối thủ yết ma tụng giới:

Luật dạy rằng, một Tỳ Kheo ở riêng gặp ngày Bồ tát nên dọn phòng sạch sẽ, trải tòa ngồi, bày đủ phẩm vật cúng. Nếu có khách tăng đến như 4 người từ 4 người trở lên, dựa theo trước làm phép tăng Yết Ma tụng giới. Như chỉ có 3 người không được thọ dục, trước hết một Tỳ Kheo đủ nghi cách đối trước 2 Tỳ Kheo kia lễ 3 lạy, quý bạch rằng:

- Nhị vị Đại Đức nghĩ cho, nay là ngày 15 tăng tụng giới, tôi Tỳ Kheo... thanh tịnh (3 lần) xong lễ một lạy rồi ngồi xuống, hai vị kia cũng làm như vậy, lần lượt đối thủ nói 3 lần như trên. Nếu có 2 Tỳ kheo ở chung cũng dựa theo pháp này. Như trong số có người phạm, nên hướng về vị thanh tịnh tỏ bày sám hối. Trong trường hợp phạm tội không nên thêm 2 chữ thanh tịnh.

---o0o---

1.5.6 Tâm niệm pháp yết ma tụng giới:

Luật chế, nếu một Tỳ kheo vào ngày Bồ Tát nên dọn dẹp sạch sẽ, bày đầy đủ đồ cúng; như không có tăng khách đến tự đủ oai nghi, tới trước bàn Phật lễ 3 lạy rồi nói:

Nay là ngày 15 tháng... tăng tụng giới Bồ Tát, con tỳ kheo thanh tịnh (3 lần). Tụng Bát Nhã, hồi hướng rồi lui ra.

---o0o---

1.5.7 Luật Tỳ Kheo bày đúng chỉ sai:

Luật ghi rõ Tỳ Kheo thực hành 184 pháp yết ma, trong mỗi một pháp, mỗi pháp có đủ 7 tội. Vì sai là trái giới luật gọi là băng hoại, việc tác pháp không thành. Đúng luật gọi là duyên thành, tác pháp có lợi, có nghĩa là xứng lượng hơn, pháp và việc phải nên làm cái gì cần làm mới được. Ở đây nêu lên pháp yết ma Bồ Tát. Nêu rõ điều đúng chỉ việc sai khiến cho kia sanh thiện dẫu ác vậy.

- Thứ nhất người lỗi: nghĩa là cùng ở chung một chỗ nghe hiệu lệnh nhóm chúng nên đến; không đến phải gọi dục.

Không gọi dục, đến cũng chẳng chọn người trong chúng, nhập chúng đem số Ni vào, hoặc tụng giới có người phạm, hợp bạch vấn hòa. Hoặc 3 người ngồi chỗ cao cùng làm việc Bồ Tát hay mỗi người ở phòng riêng, tụng riêng một mình không có chúng, gọi đó là duyên hoại, việc Bồ Tát bất thành. Trái lại là thành việc tụng giới có lợi ích.

- Thứ nhì pháp lỗi: có nghĩa là 4 vị tăng, trước bạch nhóm chúng, sau cùng tụng giới. Hơn 4 người không bạch nhóm chúng, chỉ cùng hòa tụng; hoặc có 3 người mà nhận dục người thứ tư gọi. Hay trong trường hợp tuy chúng tăng đông mà gọi dục hơn phân nửa, tức là không hòa chúng. Tụng giới đảo lộn, câu văn sai sót, lời tiếng không rõ, việc vô bổ, tự ý tuyên bố lược giới, gọi là duyên hoại, việc Bồ Tát bất thành, tụng giới đúng pháp.

- Thứ ba việc lỗi: chúng tăng cùng ở chung không kết hạn giới, hoặc trước kết giới rộng (đại), sau kết giới trang (tiểu). Nếu địa điểm là đất già lam nên xướng danh kết giới theo phạm vi nhân đến tiểu giới cũng vậy, cấm dấu mốc cho còn, đại giới - giới rộng - không cần cấm dấu tướng. Tuy phạm vi như pháp, nhưng việc tụng giới có khuyết gọi là duyên hoại, việc Bồ Tát bất thành. Trái lại là thành việc tụng giới được lợi lạc.

- Thứ tư nhơn pháp đều lỗi: có nghĩa hợp luật chế, cả hai nhơn pháp đều sai. Như đã nêu trên nên tự hiểu ở đây không nhắc lại nữa.

- Thứ năm sự pháp đều sai; có nghĩa người hòa hợp với duyên, song sự - pháp đều hoại. Lấy ở trên để chứng minh ở đây, việc Bồ Tát không thành.

- Thứ sáu pháp không lỗi nhưng nhơn sự lại phạm lỗi, như trên đã qui định, hoàn toàn chẳng có lợi ích gì.

- Thứ bảy nhơn - pháp-sự lỗi: có nghĩa là cả 3 đều phạm luật. Một đã không thể thành, huống chi tập hợp Bồ Tát lại nhọc công vô ích.

Đối thủ Bồ Tát cũng nêu rõ 7 lỗi như:

a) nếu có chư tăng không nhóm lại, cố ý nắm giữ riêng gọi là người lỗi

b) hai và ba người tụng hết lại bảo lược gọi là pháp lỗi

c) ba người và hai người kết tiểu giới riêng gọi là sự lỗi

d) thứ tư là nhơn - pháp lỗi

e) thứ năm: sự - pháp lỗi

f) thứ sáu: nhơn - sự lỗi

g) thứ bảy: pháp - sự lỗi.

Lấy 3 lỗi trước hợp chung cùng 4 lỗi sau; ngược lại duyên thành việc Bồ Tát đúng luật.

Tâm niệm Bồ Tát cũng có 7 lỗi như:

a) nếu chúng đông người, mỗi người năm riêng đó là nhơn lỗi

b) tự vẫn hòa hợp: đọc hết giới mà tự mình lược là pháp lỗi.

c) Trước Phật điện niệm tưởng như thế ... là việc lỗi

(Bốn pháp sau xem ở trên) chung lại thành loại trái mà giản lược bớt nên biết.

---o0o---

1.5.8 Tăng Bồ Tát làm phép yết ma tụng giới

Nếu như cùng một địa điểm mà đại giới và tiểu giới chung, Tỳ Kheo Bồ Tát tăng trước hết cho chúng Tỳ Kheo tăng cùng hợp chung Bồ Tát. Như pháp tăng Bồ Tát ở trước tụng luật Tứ Phần giới bốn xong, hồi hướng, các Đại Đức giải tán. Lại trong một lúc khác tại Phật điện trải tọa cụ, sẵn sàng mọi thứ, nhóm chúng Bồ Tát, tụng kinh Phạm Võng Bồ Tát. Nếu không có chúng Tỳ Kheo, chỉ có chúng Bồ Tát, trước cũng nhóm chúng Tỳ Kheo Bồ Tát tăng tới điểm Bồ Tát, tụng luật Tứ Phần. Sau đó lại hợp chúng Bồ Tát trước điện Phật tụng Phạm Võng Bồ Tát giới. Giá gặp trở duyên thì trước tụng lược Tứ Phần giới bốn, sau tụng đủ kinh Phạm Võng. Nếu nạn duyên xảy đến không thể trong vài giờ nhóm chúng được, hai chúng mỗi chúng đều tụng, nhóm chúng trước Phật điện lược tụng Tứ Phần, sau nhóm chúng Bồ Tát lược tụng kinh Phạm Võng.

Tuy tụng Luật Tỳ Kheo trước điện Phật, nhưng phương tiện khai cho tụng lược trong trường hợp có nạn .

Bồ Tát không nạn duyên, tụng đầy đủ giới Bồ Tát, một vị Thượng Tọa Tỳ Kheo Bồ Tát ngay trong bữa Ngọ trai hay tiểu thực ra trước bạch chúng rằng:

- Chư Đại Đức Bồ Tát tăng nghe, nay là 15 tháng... có trăng ngày Bồ Tát, thừa chúng Bồ Tát vân tập Phật điện (hay thiền đường, giảng đường) để tụng giới Bồ Tát. Bạch như thế một lần xong, liền sai Sa Di Bồ Tát hoặc Tỳ Kheo Bồ Tát nhỏ tuổi cũng được, tới chỗ tụng giới dọn dẹp sạch sẽ, trải tọa cụ ngay ngắn, chuẩn bị đầy đủ hương đèn, nước cúng Phật xong. Đúng giờ tụng giới, một Tỳ Kheo Bồ Tát gõ hiệu lệnh 3 hồi (3 tiếng) nhóm chúng Bồ Tát. Các Tỳ Kheo Bồ Tát trước phải y hậu chỉnh tề vào chánh điện, theo thứ tự hạ lạp đứng xong, một vị lãnh chúng cầm hương mời một Tỳ Kheo Bồ Tát đầy đủ giới đức niệm hương và tụng giới. Vị ấy bước lên lễ Phật rồi ngồi. Mỗi vị ngồi theo chỗ của mình. Thầy Duy Na xướng, đại chúng cùng tụng theo như:

Nam Mô thiên Hoa Đài Thượng Lô Xá Na Phật (3 lần).

Kệ khai luật:

Thăm thăm cao siêu pháp nhiệm màu

Trăm nghìn ức kiếp khó tìm cầu

Con nay nghe thấy chuyên trì niệm

Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm màu ...

Vị chủ trì vỗ thủ xích hỏi:

o Tỳ Kheo Bồ Tát tăng nhóm chưa?

- Đã nhóm

o Hòa hợp không?

- Hòa hợp

o Người chưa thọ Bồ Tát giới ra chưa?

- Đã ra.
- o Có các Bồ Tát thuyết dục và thanh tịnh không?
- Không có đáp, không. Có đáp có.

Trong đây không cần hỏi Ni thỉnh giáo giới, giả sử có Tỳ Kheo Ni, nếu chưa thọ giới Bồ Tát, nên phải cho ra trước là hợp lý nhất. Tỳ Kheo Ni đã thọ giới Bồ Tát, cho họ nghe chung trong Bồ Tát tăng. Nếu Tỳ Kheo Ni Bồ Tát ở gần chùa tăng và gặp tăng Bồ Tát lúc chung họp tụng giới; nửa tháng không đến thỉnh giáo giới thời phạm 3 lỗi: 1) Khinh tội ba dật đề 2) nếu bệnh và các duyên khác không đến lễ tăng, phạm tội vượt giới luật 3) tự tiện bỏ việc nhỏ không giữ tăng chế, phạm khinh cấu tội. Tỳ Kheo Ni biết đối với việc nhỏ nên thỉnh nên hỏi; với việc lớn thì không hỏi không thỉnh.

- Tăng nay hòa hợp để làm gì?
- Để yết ma tụng giới Bồ Tát.
- Đại Đức tăng nghe, nay ngày 15 (30) tháng có trăng (không trăng) là ngày Bồ Tát, nên tăng phải thời mà đến, tăng thuận nghe hòa hợp tụng giới, bạch như thế, tác bạch có thành không? (hỏi 3 lần).

(Đại chúng chấp tay đáp: thành).

Vị tăng chủ trì vỗ thủ xích nói:

- Chư Phật tử chấp tay lắng nghe, nay tôi sắp nói lời tựa đại giới chư Phật; chúng nên yên lặng lắng nghe, tự biết mình có tội nên sám hối; sám hối thời được an vui, không sám hối tội càng thêm nặng. Người không có tội thì yên lặng, vì yên lặng nên biết trong chúng đây thanh tịnh. Chư Đại Đức lắng nghe, sau khi đức Phật diệt độ trong thời kỳ tượng pháp, nên phải tôn trọng ba la đề mộc xoa (giới luật), ba la đề mộc xoa chính là giới này. Người trì giới này như tối gặp sáng, như người nghèo được của báu, người bệnh được lành, người tù được thả, người đi xa được về... Nên biết giới này là đại sư của đại chúng, như Phật còn tại thế không khác vậy. Tâm sợ sệt phát sanh, thiện tâm khó phát, cho nên kinh ghi rằng: chớ khinh thường lỗi nhỏ cho là không hại. Giọt nước tuy nhỏ nhưng rỉ rả dần thành đầy chum lớn; tích tắc tạo tội đọa vô gián địa ngục. Một khi mất thân người muôn kiếp khó được lại, sắc trẻ không dùng dường như ngựa chạy. Mạng người vô thường nhanh hơn nước dốc; ngày nay dù còn khó bảo đảm được ngày mai. Đại chúng mỗi

người nên nhất tâm cầu cầu tinh tấn cẩn thận chớ có giải đãi biếng lười ngủ nghỉ mặc sức. Ban đêm phải nhiếp tâm niệm nghĩ tham thiền, chớ để thời giờ trống rỗng, đâm ra bãi hoải, sau sánh ăn năn. Đại chúng mỗi người nên nhất tâm nương theo giới này tu hành như pháp nên cần phải học.

Kính lễ Lô Xá Na 10 phương kim cương Phật, kính lễ trước luận chủ, đức chánh giác Từ Thị tôn Phật. Nay tụng ba tụ giới Bồ Tát đều cùng nghe, giới như ngọn đèn sáng phá tan đêm tối tăm; giới như gương báu sáng, soi chiếu hết thầy pháp, giới như châu ma ni, rưới của giúp kẻ nghèo, lìa thế chóng thành Phật, chỉ giới này là hơn hết. Vì thế các Bồ Tát nên phải siêng năng hộ trì.

Vị Thượng Tọa đọc chậm rãi kinh Phạm Võng từ đầu chí cuối xong, tụng Bát Nhã, hồi hướng. Thầy Duy Na cử tán kết thúc .

Nam Mô Thiên Hoa đài thượng Lô Xá Na Phật. (3 lần).

---o0o---

1.5.9 Luật Bồ Tát nêu đúng chỉ rõ sai:

Nên phải châm chúc giữ không có chỗ phạm mới thành đúng pháp theo Đại Thừa Bồ Tát có 7 lỗi:

1) Người lỗi: có nghĩa không lợc ra chúng chưa thọ Bồ Tát Tỳ Kheo mà rủỉ theo Sa Di đã thọ giới Bồ Tát đáng nhóm mà không nhóm, đáng gởi dục mà không gởi dục. Giới lạp không có tôn ti, ngồi lộn xộn như binh nô, xen tạp dung tục theo thiếu số ở trong chúng gọi là duyên hoại, việc Bồ Tát khó thành. Nếu trái lại như đây là đúng luật, tụng giới mới thành.

2) Pháp lỗi: không làm pháp hòa chúng, hỏi thỉnh giáo giới thức Xoa ma na Bồ Tát, Sa di Bồ Tát, Sa di Ni Bồ Tát, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Đơn bạch (1 lần) yết ma hòa tăng, hoặc nghe tụng không hiểu, câu văn lộn xộn. Hoặc 3 người cùng ngồi cao, hòa xướng âm tốt là một việc vô bổ tự ý lược tụng giới hoặc mọi người cùng quỳ tụng giới, bỏ hẳn chỗ ngồi tụng theo qui định. Cũng như làm pháp đối thủ, tâm niệm, ba đơn bạch thay đổi, xem giống như việc nhỏ v.v... gọi là duyên hoại, tụng giới khó thành. Nếu trái lại như đây là hợp pháp, việc Bồ Tát bèn thành.

3) Việc lỗi: địa điểm Bồ Tát không theo hạn giới, hoặc phòng các nạn duyên. Tuy kết tiểu giới nêu danh xướng tướng; kết nhưng không giải v.v...

gọi là duyên hoại, Bồ Tát bất tịnh. Nếu trái lại như đây là giữ theo đúng luật, tụng giới được thiện lợi.

4) Nhơn pháp lỗi: việc hạn giới khéo giữ, nhơn pháp đều trái theo tiêu chuẩn trên biết là thành, như hoại (phá) là lược bớt (xúng lượng)

5) việc – pháp lỗi: có nghĩa người không có lỗi; việc – pháp đều trái, liệt nêu chỉ rõ, làm xong được lợi ích

6) người - việc lỗi: pháp đúng thánh giáo, người - việc khinh nhờn thủ việc đắc thất trước tự biết rõ nên thất bại

7) người – pháp - việc lỗi: có nghĩa là một đã không hợp luật mà cả ba thành ra có lỗi. Trái lại là đúng luật như trước, Bồ Tát mới thành. Ở đây lược nêu luật Tỳ Kheo qui định chọn lựa sự thành hoại. Các việc: đối thủ, tâm niệm ...luật Đại Thừa không có các pháp này, nên không nêu dẫn hết.

---o0o---

1.5.10 Phụ: hai chúng tại gia Bồ Tát:

Đại Thừa hai chúng tại gia đã thọ giới tướng thù thắng.

1) Phạm Võng 10 giới trọng, 48 giới khinh, đây là chân tục Bồ Tát. 7 chúng cùng thọ là Ưu Bà Tắc giới kinh, có 6 giới trọng và 28 giới khinh. Giới này chỉ người tại gia, không bao hàm người xuất gia nhưng đức Thế Tôn hợp căn cơ chế ngăn. Thí pháp do người, nếu thọ 10 giới trọng và các giới khinh, nửa tháng Bồ Tát phải đến chỗ Tăng Bồ Tát nghe tụng giới. Thắng hoặc như ở gần không có chùa Tăng, tại gia có bàn Phật cũng tự tụng được. Nếu thọ 6 giới trọng 28 giới khinh chỉ ở nhà mình quỳ trước bàn Phật tụng. Giả sử gần nhà có chùa tăng cũng không được nghe tụng giới, vì giới tướng không giống nhau. Đây khác với giới trọng khinh nêu trên; vì sau là 6 trọng và 28 khinh. Cần biết rõ điều khoản để tiện cho việc Bồ Tát. Hai kinh trên đều có ghi rõ giới tướng và qui định 3 đàn truyền giới.

---o0o---

1.6 Năm thiên sáu tụ giới

Tỳ Kheo tăng có 250 giới thêm Thâu Lan Giá 17 điều; Ni có 348 giới thêm Thâu Lan Giá 25 giới.

1.6.1 Năm thiên là:

1- Bốn pháp Ba La di, Tỳ Kheo Ni có 8 Ba La Di. Đây là giới căn bản vì tánh nghiêm trọng. Cũng gọi đệ nhất tụ gắn liền tới chết thuộc thổ giữ giới này được sanh cõi trời Tha Hóa, nếu phạm sẽ đọa vào địa ngục nóng bức (thiên đốt).

2- Thiên thứ hai là 13 pháp Tăng già bà thi xoa; Ni có 17 pháp tăng già bà thi xoa cũng gọi là tụ thứ hai: gắn chặt lưu chuyển thuộc thủy. Giữ giới này thời sanh lên cõi Hóa Lạc thiên; nếu phạm sẽ đọa vào địa ngục kêu thét.

Tụ thứ ba: pháp Thâu Lan giá, Tăng có 17 pháp. Không phải Ni của luật Tứ Phần, Tát Kỳ Ba Dật Đề 30 pháp. Ni có 25 pháp (không phải luật Tứ Phần 30 pháp). Đây chỉ có tên từ khi sanh gọi là luận tụ. Giữ giới này thời sanh lên cõi trời Đâu Suất; nếu phạm sẽ đọa địa ngục khóc gào.

3- Thiên thứ ba: pháp Ba Dật Đề, tăng có 120 pháp luật Tứ Phần, phần hai , trước có 30 pháp gọi là Ni tát Kỳ Ba Dật Đề. Ni có 208 pháp (Luật Tứ Phần cũng phần 2, trước có 30 pháp cũng giống Tỳ Kheo). Cũng gọi là tụ thứ tư. Gắn chặt thuộc kim. Giữ giới này thời sanh lên cõi trời Dạ Ma; nếu phạm sẽ đọa địa ngục chúng hợp.

4- Thiên thứ tư Ba la Đề Đề Xá Ni; Ni có 8 pháp, cũng gọi là tụ thứ năm. Gắn bó như chiếc gậy thuộc hỏa. Giữ giới này thời sanh lên cõi trời Dao Lợi; nếu phạm sẽ đọa địa ngục hắc thằng (dây đen).

5- Thiên thứ năm: 100 pháp Thức xoa Ca la, tức là 100 pháp chúng học, nên cũng gọi là cần phải học. Quy định Tỳ Kheo Ni giống như đây, cũng gọi là tụ thứ sáu. Gắn bó nở hoa ngầm thuộc mộc. Giữ giới này thời sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương; nếu phạm sẽ đọa địa ngục đặng hoạt.

Chứng nghĩa ghi rằng, Tổ Hoa Sơn giải thích 5 thiên 6 tụ như, các bộ luật Tỳ ni đều không dịch đúng chỉ dùng nghĩa phiên dịch. Dựa theo luật Tăng Kỳ chỉ nêu rõ 5 thiên, còn y cứ luật Tứ Phần mở ra là 6 thiên. Cũng nói rằng, bầy chúng giữ luật nên biết thiên, tụ mới có thể mở - ngăn (khai, giá) chỗ đạt được; giữ gìn đúng cách, làm thanh tịnh ba nghiệp. Đây là việc đầu tiên nói thiên; thiên tức là biến khắp vậy. Vì biểu tỏ sự rõ ràng mà cùng khắp; còn tụ tức là hội vậy. Có nghĩa thâm những gì lưu xuất hợp lại mà thành.

Thứ nhất: Ba La Di, Trung Hoa gọi là bỏ lia, tức vị tăng ở trong bốn pháp này lia bỏ. Nếu phạm một giới tức là bỏ ra ngoài biên Phật pháp, vĩnh viễn

không đạt đến đạo quả. Ni có 8 pháp bỏ, luật Tăng kỳ định nghĩa là rất cực ác. Lấy 3 ý đó giải thích như sau: 1) thoái mất: do phạm giới này lui mất không dự phần chứng quả 2) không được ở chung: không những chỉ mất đạo quả cũng không được thuyết giới yết ma ở trong hai bộ tăng (ni). 3) đọa lạc: bỏ thân này xong đọa vào địa ngục A Tỳ, nên là giới căn bản của Hữu Bộ. Cũng còn gọi là Ba La thị Ca, dịch nghĩa là tha thắng, có nghĩa lúc vừa phạm bị người tịnh giới khác khi dễ hơn. Lại bị người khác quấy rầy thật đáng thương hơn. Xuất gia thọ giới Tỳ Kheo vì để trừ phiền não, nay bị cấm giới, lại bị người chế nhạo tiêu diệt thiện pháp; trở lại có thể sanh nơi ác thú, nên gọi là tha thắng.

Kinh Ngũ bách vấn ghi rằng, phạm tội Ba La di như tuổi thọ của trời Tha hóa Tự Tại đến 16,000 năm rồi đọa địa ngục nóng bức. Ở nhân gian là 1600 năm thì ở cõi trời kia là một ngày một đêm. Căn cứ theo đây biết được số năm, số tuổi đọa trong địa ngục. Nên nói rằng nghĩ tới địa ngục khổ phải phát tâm Bồ Đề. Người giữ giới há chẳng cần thận hay sao! Đây là tỳ thứ nhất.

Thứ hai: Tăng già ba thi xoa, đây dịch là sơ tàn. Như phạm tội này, trước hết ở trước tăng che dấu tác pháp sám hối, sau cùng đưa tội ra yết ma. Luật Tỳ Ni Mẫu luận rằng tăng tàn như bị người khác chặt đứt ngang hông gọi là tàn. Theo lý nên sớm cứu độ. Kinh ghi rằng, phạm tội tăng tàn như không kể trời thọ mạng 8000 năm rồi đọa đại địa ngục gào khóc. Số năm ở nhân gian 800 năm bằng một ngày một đêm ở cõi trời kia; lấy đây tính để biết được số năm tuổi ở địa ngục. Đây là tỳ thứ hai.

Tỳ thứ ba: Thâu Lan giá, đây dịch là thô quá, có nghĩa là không y giới Phật dạy mà hành trì. Tội thô (thô quá) có hai loại:

a) một là tội nặng, phương tiện do thành 2 thiên tội trước

b) có thể đoạn mất thiện căn, là thô ác bất thiện. Cũng có độc đầu Thâu Lan Giá chia nặng nhẹ làm 9 phẩm.

Như ở thiên tùy cơ Yết ma sám hối có nêu. Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề ở đây dịch là: Xả đọa. Có nghĩa là 30 pháp này đa phần do tham ái mà đọa, nếu xả tham ái tức là không đọa, nên gọi là xả đọa. Kinh ghi rằng, phạm tội Thâu Lan giá như tuổi thọ cõi trời Đâu Suất là 4000 năm đọa địa ngục kêu gào. Một ngày một đêm cõi Đâu Suất bằng 400 năm ở nhân gian. Căn cứ vào đó để tính có thể biết được số năm ở địa ngục.

Thiên thứ ba: Ba la đề, đây dịch là đọa. Luật Thật Tụng ghi rằng đọa địa ngục thiêu nấu ngăn chướng, 8 lớp nhiệt xông làm thiêu đốt, 8 lớp hàn băng bung bít làm che chướng. 30 pháp xả đọa trước hợp với 90 tội đọa này thành 120 tội. Kinh ghi rằng, phạm tội Ba Dật Đề như tuổi thọ trời Dạ ma là 2000 tuổi đọa địa ngục Chúng Hợp. Một ngày đêm cõi trời kia bằng 200 năm ở nhân gian. Lấy con số này làm chuẩn có thể tính biết được số năm ở địa ngục. Đây là tỳ thứ tư vậy.

Thiên thứ tư: Ba La đề đề xá ni, đây dịch là hương bi hối. Luật Tăng Kỳ ghi rằng, tội này nên phát lồ. Nói phát lồ tức hương về một Tỳ Kheo nói lời hối lỗi. Kinh ghi rằng, phạm tội Ba la đề đề xá ni như tuổi thọ cõi trời Đao Lợi 1000 năm rồi đọa địa ngục hắc thành. Một ngày đêm ở cõi trời Đao lợi bằng 100 năm ở nhân gian. Lấy đây làm chuẩn có thể biết được số năm đọa ở địa ngục. Đây là tỳ thứ năm.

Thiên thứ năm: pháp chúng học cũng gọi là đột kiết la, đây dịch là ác tác hoặc là thủ giới gồm 100 giới. Giữ điều vi tế (nhỏ nhiệm) rất khó nên học theo đó giữ điều cần phải học. Kinh ghi rằng phạm tội đột kiết la như tuổi thọ cõi trời Tứ Thiên Vương 500 năm đọa địa ngục đặng hoạt. Một ngày đêm ở cõi Tứ Thiên Vương bằng 50 năm ở nhân gian. Lấy đây làm chuẩn có thể biết được năm tuổi đọa ở địa ngục. Đây là tỳ thứ sáu vậy. Hoặc là tỳ thứ bảy tức đem tỳ thứ 6 này chia làm hai tỳ; ở thân gọi là ác tác thuộc tỳ thứ 6, ở miệng gọi ác thuyết thuộc tỳ thứ 7. Lại trong hai pháp đó bất định hàm trong 3 thiên trước và 4 tỳ trên. Sau cùng, 7 pháp diệt tránh hàm trong 90 pháp ba dật đề. Ngoài ra trong tỳ thứ ba Thân Lan Giá rút từ luật Tứ phần, ngoài 250 giới. Lại năm thiên giới đây phán định phân 3 chi nếu phạm 2 thiên đầu gọi là phá giới, nếu phạm 3 thiên sau gọi là phá oai nghi. Nếu phạm trong 90 pháp như pháp 68 tà kiến sanh hủy báng giới, gọi là phá kiến. Giảng rộng như trong luật về tác – trì và chi - trì , quy định Bồ Tát đại cương có giải thích rõ. Theo Ngẫu Ích đại sư có Trùng Trì Tỳ Ni sự nghĩa tập yếu hành thể; lại còn có Tứ Phần giới bản tâm yếu, Như thích toát yếu, lại có Phạm Võng trực giải hiệp chú phát âm v.v... Dù chưa đưa vào tạng cũng nên tìm đọc cho biết.

---o0o---

1.7 Hộ giới

Tiếng Phạm là Bồ Tát Trung Hoa dịch là ngã đối thuyết (nói với tôi), có nghĩa nhắm tướng thuyết tội; bèn phỏng theo nửa tháng sám hối mà dịch. Cũng dịch tịnh trụ thiện túc, có nghĩa bỏ xấu ác mà chứng pháp thiện lành,

thân tâm được thanh tịnh y giới mà trụ. Cũng dịch là thuyết giới, có nghĩa là nửa tháng nhóm chúng tụng giới làm cho tăng trưởng pháp lành, giữ gìn tự tâm, nên biết Bồ Tát đúng là điều quan trọng của việc hộ giới. Kinh Phạm Võng ghi rằng, nay tôi mỗi nửa tháng tụng giới pháp của chư Phật, hết thầy các vị phát tâm Bồ Tát cũng tụng, cho đến 10 phát thú, 10 trưởng dưỡng, 10 Kim Cương, thập địa chư Bồ Tát cũng tụng như vậy. Vì thế giới quang từ miệng phát ra; có duyên chẳng phải không như nên gọi là quang. Quang này chẳng xanh, vàng, đỏ, trắng, đen; chẳng sắc, chẳng tâm, không hữu chẳng vô, chẳng phải pháp nhân pháp quả. Là bốn nguyên của chư Phật, là căn bốn của Bồ Tát đạo, là căn bốn của chúng Phật tử. Vì thế chúng Phật tử nên thọ trì, phải đọc tụng, nên cần học... đây gọi là hộ giới vậy. Hộ giới có thể tướng riêng biệt nửa tháng Bồ Tát, cho chí đạo cụ, hộ giữ các tướng đó. Thọ giới chỉ một lần, giữ giới suốt trọn đời. Tân giới đối với các điều răn như 10 giới Sa Di, 24 oai nghi, Tỳ Kheo 250 giới, Bồ Tát 10 giới trọng, 48 giới khinh v.v... Tại giới trường đã đọc kỹ khai - giá - trì - phạm cũng như nghe giảng giải sơ phát tâm đâu chẳng tuân giữ. Vì lo sau khi ra khỏi giới trường dần dà gần gũi người xấu, dần nghe tà thuyết vi phạm không Bồ Tát, không trì giới làm rối loạn chân tâm, bèn thành việc ma. Bắt đầu ăn phi thời, kế tiếp uống rượu, thậm chí ăn thịt, lại còn dâm dục... không việc gì mà không làm cả, thương thay! Dưới lớp áo cà sa đã đánh mất như thân. Nghĩ lại xuất gia thọ giới những gì phải làm? Vì thế, Phật dạy, Tỳ Kheo các con phải tự sờ đầu mình. Sờ đầu để biết đầu mình cạo bóng, biết ta là con Phật, nên theo lời Phật dạy lấy giới làm thầy, y theo pháp 4 niệm xứ mà an trụ. Thà giữ giới mà chết chứ chẳng bằng phá giới mà sống! Giới luật thanh tịnh thì thiện pháp phát sanh. Kinh ghi rằng, tinh tấn giữ giới thanh tịnh, gìn giới như giữ châu sáng. Đó là y tướng giữ giới vậy.

Kể nói về y thể mà hộ giới, khởi đầu là 5 giới, cuối cùng là 3 tụ giới, tất cả các giới tướng so đồng nhất thể. Luật qui định phạm trước khi thuyết giới đều nói: nay vì người mà tuyên đọc Yết ma Tam quy làm cho người tự cảm phát giới thể, cho chí lời kết rằng, trở lên Tam quy chính là dung cái thể nơi tâm, nên biết ba Quy là hết thầy giới thể, vì thế nói là thể. Ba quy y theo sách Chánh Phạm ghi rằng, đem huệ thật tướng hiểu rõ ráo các pháp là phi không phi hữu; cũng không cũng hữu; cả hai đều quên, cả hai đều chiếu, 3 trí tròn sáng, đó là tự tánh Phật bảo, biết rõ lý của Pháp tánh. Ba đế đầy đủ là tự tánh Pháp bảo; trí hiểu biết này cũng hòa hợp sự lý là tự tánh Tăng bảo. Ba quy y như thế gọi là giới thể. Lại thỉnh Tỳ Kheo giới, sách Chánh Phạm ghi rằng, thập sư trên tòa vừa đến sáng nay năm giữ vai chính lúc yết ma làm cho giới tử phát tâm thượng phẩm nghĩ tới nghiệp lực dụng tướng khắp pháp giới, biến khắp các cảnh trần. Nhưng cảnh tùy tâm hiện; song chỉ hiện cảnh,

chẳng có biểu sắc tức là giới, cái thể của cảnh trần cũng được cái nhân của giới. Nếu chưa đủ duyên nghĩ tới việc lãnh thọ như trên, thể của cảnh trần này không buộc nơi người. Chỉ một khi phát tâm sau khi suy nghĩ lãnh thọ rồi, đây là thể cảnh trần pháp giới luôn nương tựa tâm các người, niệm niệm chẳng quên mất; luôn luôn giữ gìn là lấy giới làm năng y, tâm làm sở y. Tâm – pháp hòa hợp gọi là giới thể. Cái thể này như kinh Phạm Võng cho rằng chẳng xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, chẳng sắc, chẳng tâm, phi hữu phi vô, chẳng phải pháp nhân pháp quả, vốn không thể hộ, do bội giác hiệp trần (xoay lưng với giác hiệp theo trần), mê mất bản chơn, chấp nơi tà kiến như thân kiến, biên kiến, tà kiến, giới thủ, kiến thủ. Do 5 món kiến này sanh ra 62 kiến, do các kiến chấp đó nên không dứt sanh tử. Vì thế, giữ giới phòng ngừa nó không cho gần. Đó là y thể mà hộ giới vậy. Nơi mười thiên⁵¹, mười sử⁵² cho chí tám vạn bốn ngàn trần lao vọng tưởng phiền não đều nên hộ trì làm cho vắng lặng. Kinh Lăng Nghiêm ghi rằng, hết thảy chúng sanh đều do không biết thân tâm thường trụ theo các vọng tưởng; tưởng đây không thật nên bị luân chuyển (xoay vòng). Kinh Hoa Nghiêm ghi rằng, Ta thấy khắp hết thảy chúng sanh có đủ trí huệ, đức tướng Như Lai. Chỉ vì vọng tưởng chấp trước nên không thể chứng được. Nếu lia vọng tưởng thì nhứt thiết trí, vô sư trí tự nhiên hiện tiền. Nên nói tri kiến biết tức là gốc vô minh; tri kiến không thấy nữa, đây là Niết Bàn vậy. Nghiệm xét như thế là hộ giới, như người chưa thể đạt đến rất khó, vả cần nương 4 niệm xứ quán, ngò hầu cũng có thể đạt được.

Chúng nghĩa ghi rằng, điều răn trong 7 chúng, nay đơn cử Tỳ Kheo là một chúng mà biết các chúng khác. Trong đây lấy giới làm thầy, y 4 niệm xứ mà trụ, thà giữ giới mà chết còn hơn không giữ giới mà sống. Bốn lời nói trên đã bao hàm hết thảy các điều giới. Nay thử lược nêu vài điều để chứng minh việc hộ giới, trong đó có thô - tế - khinh - trọng đều nên tinh ý giữ gìn không trái phạm. Kinh Lăng Nghiêm Phật bảo Ngài A Nan rằng, con tu thiền định để ra khỏi trần lao mà tâm dâm không trừ thời trần không thể thoát được. Giả sử đa trí, thiền định hiện tiền, nếu không đoạn dâm ắt rơi vào ma đạo. Thượng phẩm là ma vương, trung phẩm là ma dân và hạ phẩm là ma nữ. Chúng ma kia mỗi loại tu Tam muội để ra khỏi trần lao mà tâm sát hại không trừ thời trần không thể thoát được. Giả sử đa trí, thiền định sẵn sàng, nhưng không đoạn sát sanh ắt rơi vào thần đạo. Thượng phẩm làm người, làm đại lực quỷ, trung phẩm làm dạ xoa phi hành, điều khiển các quỷ, hạ phẩm làm la sát địa hành. Các loại quỷ thần cũng có đồ chúng, mỗi loại tự cho rằng đã thành vô thượng đạo v.v...

Phật lại dạy: con tu tam muội để ra khỏi trần lao mà tâm trộm cắp không trừ trần không thể thoát được. Giả sử đa trí thiên định sẵn sàng, nếu không đoạn trộm cắp hẳn rơi tà đạo. Thượng phẩm làm tinh linh, trung phẩm làm yêu tinh, hạ phẩm làm người tà tâm. Các loài yêu tinh chấp chặt vào những tà pháp của chúng; chúng cũng có đồ đảng, mỗi bọn họ tự cho rằng đã thành vô thượng đạo v.v... Phật lại dạy: Ba hành đã tròn đủ, nếu đại vọng ngữ cho là thiên định không đạt thanh tịnh, thành ma ái kiến mất chủng tánh Như Lai (Phật). Cho nên chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng nói chứng... là một điên ca tiêu diệt giống Phật. Như người dùng dao chặt cây Đa La, Phật bảo người đó vĩnh viễn mất hết thiện căn v.v... Đây là vấn đề hộ giới rất rộng, rất sâu vậy. Sách Thiên Tông bí yếu ghi, xưa có trạng hủ Ngũ Vân gặp vị thiên sư một hôm đi dự tiệc; có một thần nhân quỳ gối phía trước. Sư hỏi rằng người là ai vậy?

- Đáp: Thần hộ giới.

Thiên sư nói: cái họa của ta kiếp trước chưa hết, người có biết việc đó không?

- Hỏi: sư có tội gì? Chỉ có một lỗi nhỏ thôi mà!

- Sư hỏi: là lỗi gì?

- Phàm đổ nước bình bát cũng là vật của thí chủ, sư bèn đổ bỏ đi, chẳng phải việc nên làm, nói xong liền biến mất.

Từ đó thiên sư rửa bát lấy nước uống hết.

Ngoài ra Luận Đại Trí Độ ghi rằng, có một vị Tỳ Kheo ở trong rừng đi kinh hành bên bờ ao sen, nghe mùi thơm của sen, sư kê mũi hửi, tâm ưa đắm thích. Vị tri thần hiện ra nói:

- Sao ông bỏ thiên lấy trộm hương? Chỉ đắm mùi hương mà các kiết sử lắng (chìm) xuống nay đều khởi lên. Khi đó có người canh cắt hoa, đào gốc mang đi. Thần không nói một lời nào cả. Tỳ Kheo hỏi rằng:

- Người này phá ao lấy hoa, người không nói; ta chỉ hửi mùi thơm liền bị quả trách là tại sao?

- Địa thần nói: người ác ở đời thường bị lầm phân dơ, bất tịnh mất đầu, ta đâu đề cập tới làm gì. Người là người tốt hành thiên mà còn đắm mùi thơm

làm hồng mắt điều tốt. Vì thế phải trách người, ví như tấm đệm mới trắng sạch mà bị một chấm đen vấy vào, ai thấy cũng lấy làm tiếc. Người ác kia cũng như chiếc áo đen dính mực, ai thấy tiếc bao giờ? Việc hộ giới đây cũng thế rất là tinh vi tế nhiệm. Ôi, há không cẩn thận sao! Trước nhất gọi là trì giới mà khởi sự sơ tâm không chịu cầu giới, nhẫn đến dựa thể mà gìn giữ, nên học rộng kinh Bát Nhã, Hoa Nghiêm phẩm phạm hạnh, kinh Niết Bàn phẩm phạm hạnh, cho chí kinh điển của Thiên Thai tông đều nên thực hành. Như nói nhân giới sanh định, nhân định phát huệ còn chưa theo kịp.

Trước hết quán bốn niệm xứ:

- 1) quán thân bất tịnh
- 2) quán thọ là khổ
- 3) quán tâm vô thường
- 4) quán pháp vô ngã.

Quán bốn pháp niệm xứ này là điều căn bản của sự tu hành, là khí cụ của hộ giới; vì thế mượn đó đây kết lời khuyên này.

---o0o---

1.8 Đạo cụ

Đạo cụ là vật riêng của Tỳ Kheo Bồ Tát tăng dùng, thuận đạo là vật làm gia tăng pháp thiện. Y cứ theo kinh Phạm Võng có 18 loại đem so với luật có hơi khác. Nay phải hiệp chung mà thuật như sau:

- 1) An đà hội là y 5 điều
- 2) Uất đa la tăng: y bảy điều
- 3) tăng già lê: đại y có 3 phẩm:
 - Phẩm thượng y 25, 23, 21 điều,
 - Phẩm trung, y 19, 17, 15 điều,
 - Phẩm hạ, y 13, 11, 9 điều gọi là y phước điền.

Luật Tăng Kỳ ghi rằng, Phật ở trước động đá Đế Thích thấy ruộng lúa có bờ ngăn phân minh, nên bảo A Nan rằng chư Phật quá khứ y hình tướng như vậy; từ nay dựa theo hình này may y. Sách Tăng Huy Ký ghi rằng bờ ruộng giữ nước cho lúa mạ sanh trưởng để nuôi thân mạng; ruộng pháp y thấm nhuần vì 4 điều lợi của nước, làm tăng 3 mầm thiện để nuôi pháp thân huệ mạng, nên gọi là y phước điền. 4) Ni sư đàn: tọa cụ trái ngòai thiên cũng gọi là tùy tọa y. Luật Ngũ Phần ghi rằng, vì hộ thân, hộ y, hộ giường nệm nên sắm tọa cụ. 5) Tăng kỳ chi: áo đơn (lót) cũng gọi là áo che trong hay áo lót mồ hôi 6) Nê phược ta la: quần thiên thường gọi là kim cang khố (quần đùi), tọa thiên nạp tử, làm cho được tiện lợi 7) Trục chuyết: áo dài chằm sát đất, thường gọi là bào tử, cũng gọi là hải thanh. Trở lên 3 món trích từ luật Tỳ Ni. 8) Bát Đa la: bình bát, Trung Hoa dịch là Ứng lượng khí. Y cứ theo Tây Vức (Ấn Độ) chư tăng đều đi trì bình khát thực. Bát này tùy sức dùng của mỗi người mà có nhỏ lớn khác nhau. Lấy một bát ăn no là lượng, cho nên gọi là đồ lường thích hợp. 9) Tỏa khí la: tích trượng. Căn cứ theo kinh có 2 loại: một loại 4 đốt 12 khoen mà thời nay dùng; một loại là 2 đốt 6 khoen (vòng) hình nhỏ, nặng một cân mà hồi Phật tại thế Tỳ Kheo hay dùng. 10) Trụ trượng: gậy chống. Luật Tỳ Nại Da ghi rằng, Phật nghe tiếng lác cắt gậy chống, vì biết già lụn mất sức, hay người bệnh khổ thân nên phải dùng. 11) Phát tử: phát trần (bụi). Luật ghi rằng Tỳ Kheo sợ bị cỏ, côn trùng nên làm đồ phủ bụi (phát trần). Luật Tăng Kỳ ghi rằng, Phật cho làm tuyến phát, quặc phát. Nếu đuôi ngựa hay vật kim ngân báu quý trang trí đều không nên cầm. 12) Sở châu: chuỗi tràng hay tràng hạt niệm Phật, phần nhiều lấy gỗ tiện 18 hạt, 108 hạt làm một xâu đeo nơi thân. Trở lên 3 vật trích từ luật Tỳ Kheo 13) quân trĩ ca: bình đựng nước (quân đội dùng) thường chứa nước mang theo mình dùng uống hay rửa tay. Ký Quy truyện ghi rằng bình chứa nước quân nhân có 2 loại: bình bằng đất nung, nhôm dùng để uống và bình bằng đồng, thiếc để rửa. 14) Táo đậu; (xà phòng) tạo giác dùng để tắm rửa 15) Thủ cân: khăn tay 16) hỏa tọa: hộp quẹt, dao lửa, đá lửa, giấy mồi lửa v.v... 17) Lự thủy nang: dây lọc nước. Tăng Huy Ký ghi rằng, đồ vật dù nhỏ nhưng công dụng rất lớn để bảo vệ sanh mạng, cho nên dùng lụa thật nhuyễn may đó; lọc vì trùng trong nước mới có nước sạch để uống. 18) giới đao: dao cạo tóc. Căn cứ theo kinh Phạm Võng có thêm: tấm xia răng, giường dây, nhiếp nhỏ râu, lư hương, hộp kinh luật, tượng Phật, tượng Bồ Tát. Kinh Phạm Võng lặp lại: đi hành cước xa nên dùng Kinh - luật - tượng. Luật tạng trọng ở phân ra khu phố khát thực nên dùng cây gậy, phát trần, chuỗi tràng hợp dùng chung là 26 thứ. Tăng hành cước có 26 món này như chim có đôi cánh thường đem theo bên mình nên gọi là đạo cụ vậy.

Chúng nghĩa ghi Luật Học Cương Duy nêu rằng đạo cụ hộ giới có 18 loại thường mang theo bên mình như: nhang dương, đầu tắm thoa mình, thắp nhiên tục thời, 3 y vải vụn; ăn tạm thực thời một bát nuôi thân, đủ khai đất thánh. Bình đựng nước suối, tích trượng tiêu biểu hiền Thánh. Lư hương chỉ cái thể thanh tịnh, dây lược nước cứu vật, khăn lau, đồ phát trần, dao dùng để hàng ma, đèn pin soi chỗ tối, niếp nhỏ râu nhỏ sạch phiền não; giường dây để dút bỏ tánh cao ngạo. Tiến trình đãi lọc thành tâm giữ gìn 3 nghiệp. Tượng Phật biểu hiện quả, Bồ Tát làm sáng tỏ nhân. Ngoài ra, y cứ theo Ngai Ngẫu Ích sách Giới Y biện nạn ghi rằng, người xuất gia có y pháp, cũng như quan có đồng phục vậy. Giới của 7 chúng không đồng, còn y cũng khác biệt. Phật dạy 3 y: tăng già lê là 9 điều hoặc 13 điều. 25 điều gọi là phẩm rốt sau, không phải là trên thượng phẩm, Uất Đa La tăng là y 7 điều và An Đà Hội chỉ y 5 điều. Ba y này đều gọi là Ca Sa phải là vải hoại sắc, không phải sắc sảo nên cũng gọi là y phước điền, vì hình chiếc y giống như ô ruộng phước. Ngoài ra cũng còn tượng trưng vị Tăng làm ruộng phước cho thế nhân. Là Tỳ Kheo nên có đủ 5 y, 3 y như đã nêu trên thêm áo lót mồ hôi và áo che cánh tay. Sa Di chỉ có 2 y: y trên tức y không có sọc ngang cũng gọi là mạn điều y, màu giống như Tỳ Kheo, giới là khác Tỳ Kheo, chỉ may thẳng không cắt thành ô (vuông). Luật ghi rằng, người cầu vắng lặng mặc lấy mạn y thường thường mặc y cắt mảnh mắc tội lạm dụng nặng. Bởi Sa Di tuy đã xuất gia vẫn chưa nhập vào hàng Tăng bảo. Vì thế, y 5 điều do không cắt mảnh, huống chi là 7 điều, 9 điều ư? Nội y tức là áo mặc bên trong để che lót mồ hôi. Là Bồ Tát tại gia tức là Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di thời không cho may y 5 điều mà qui định giống như Sa Di. Y của Bồ Tát tại gia chỉ mặc nơi đạo tràng lúc tu tập hành đạo, còn bình thường không được mặc đắp. Vì thế có khác Sa Di. Ngày nay, y của Tăng sai luật bày ra 9 điều cho thọ giới Sa Di làm cho có đủ 3 y, là một việc dối vậy. Sa Di cho đắp y 7 điều đâu có khác gì Tỳ Kheo là một việc dối thứ hai. Người trước không biết làm sai thường hay cho người cận sự đắp 3 y; người sau kiêu mạn phạm lỗi lầm, đều cấm cận sự không được đắp y 5 điều, là một việc dối thứ ba. Hết thấy qui định y đều lấy chiều đứng 3 khung, ngang 5 khung làm độ, giả sử có tăng giảm đôi chút cũng chỉ để cho phù hợp với tay và thân. Nay chiều đứng 3, chiều ngang 6 khung đó là điều sai lầm, là một việc dối thứ tư. Y phước điền chỉ tương tự hình thửa ruộng nay nhầm lẫn cho rằng, phải thông đường nước là điều dối thứ năm. Y 5 điều, 7 điều cũng tùy có loại vải cũ rộng hẹp mà may thành điều nhiều ít, nay lầm cho rằng, khối đó tượng trưng cho núi Tu Di, khối kia biểu tượng mặt trời, khối nọ tượng mặt trăng, khối đây tượng trưng Tứ Thiên Vương v.v... là điều dối thứ sáu. Tăng Già Lê dịch là Đại Y hoặc hợp trùng y hay còn dịch nghĩa là y tạp sắc do kết nạp nhiều mảnh vải lại may thành. Nay lạm dùng vải nhuộm mịn, lại còn thêu hoa lên trên nữa,

gọi là y thiên hoa, là điều đối thứ bảy. Quy định 3 y của thiên Phật có điểm đồng nên gọi y nghìn Phật. Sách Vân Thê Chánh Ngoa đã luận, nay còn theo Phật nơi y, là điều đối thứ tám. Người xuất gia dùng tất cả y phục, tọa cụ đều hoại sắc; nay ngược lại lấy 5 màu may y rực rỡ, là điều đối thứ chín. Lại y cứ tám tọa cụ xứ Tây Vực chỉ dùng riêng cho việc tọa thiền ở Đông Độ dùng để lễ bái, không biết phát xuất từ lúc nào. Dựa theo luật Tứ Phần thứ 15 trong pháp xã đọa: phạm may tọa cụ mới đều phải dùng cái cũ may lên cái mới. Nay làm dùng sắc mới vải mới viền 4 góc gọi là Tứ Thiên Vương, thật là quá sai lầm!

Bát Đa La dịch là ứng lượng khí, cái bát để lường thức ăn của tăng. Phật cho xử dụng sắt, đất nung v.v... tạo thành; nay làm dụng bằng đồng, thau hoặc nhôm hay gỗ đều trái với quy định. Lại luật có ghi rằng bình bát dùng thuốc thơm xông kỹ khi đựng đầy vật vẫn không nứt, không rỉ chảy dầu mỡ v.v... cho nên ngày nay ta biết ăn canh không làm dơ bát, nhưng không biết dùng thuốc xông bèn cho đũa vào bát lấy thức ăn đưa vào miệng, thật là mất oai nghi. Ngoài ra, giới cấm không cho mang bát bằng vàng bạc, châu báu.

Tràng hạt: Kinh Đại Thừa Man Thù hiệu lượng số châu ghi rằng, lấy cây mộc liên tiện thành hạt, hạt Bồ Đề là tốt nhất. Ngày nay chuỗi tràng phần nhiều dùng vàng châu, vật quý giá, để như một phần làm đồ trang sức. Điều này làm tăng trưởng tham lam, lại dễ bị đánh cắp. Đây đều là đối trá không thể không luận cho đúng. Ngoài ra cho chí những đạo cụ khác tuyệt đối không dùng.

Trong không có tâm hộ giới, ngoài không oai nghi gìn luật, làm gì không phạm qui chế tăng chứ? Mong sao hàng Thích Tử chúng ta cùng nhau duy trì chánh pháp ngõ hầu văn hồi (vớt vát) tệ nạn, làm giềng mối tăng già mới là tuân lời Phật dạy. Mong sao đối với việc tự lợi, lợi tha đừng cho rằng đây là chấp tướng, mà ẩn mình nơi nhãn hiệu vô tướng. Cũng không nên cho rằng ta là thiên tông dùng những đồ tu hạnh đầu đà này làm gì? Nghĩ sao không suy kỹ Ngài Đại Ca Diếp là sơ Tổ thiên tông tại sao hành hạnh đầu đà đệ nhất?

---o0o---

1.9 Phụ: Biện chính thức Xoa Ma Na

Ngày nay việc truyền giới lầm dối rất nhiều, thậm chí như Thức Xoa Ma Na là một, thật là hết sức sai lầm. Ở đây không thể không bàn đến Ni y cứ theo thời Phật còn tại thế. Thường thường độ người xuất gia cho thọ giới mà

không biết giới tướng tạo ra nhiều điều phi pháp. Phật dạy: phải cho hai năm học giới đúng pháp khiến hành giả trước là tập học rồi sau mới cho thọ giới đầy đủ. Hết thấy chúng Ni đều phải học giới, trừ tay lấy thức ăn, đưa thức ăn cho người khác. Trong các kinh luật hay ngay cả Lương Hoàng Sám, 5 chúng xuất gia thứ tự thì Thứ Xoa đứng trên Sa Di, bởi vì vị này chuẩn bị học giới Đại Ni; cho nên gọi Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thứ Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni là vậy, thậm chí lúc chúng nhóm họp, Phật dùng nghi thức bất tiện mặc dù Đại Ni cũng phải ở sau Sa Di; Thứ Xoa phải sau Đại Ni nữa. Luật Tăng Kỳ ghi rằng, Tỳ kheo Ni ngồi dưới, Sa Di ngồi trên có từ giữa thời Minh; khai mở giới đàn, qui tắc luật lệ cơ hồ chẳng còn nghe thấy chẳng? Chỉ phép học giới bỏ phế đã lâu mà danh nghĩa Thứ Xoa cũng không nghe biết tới; đến độ có người nữ lưu chưa xuống tóc xin thọ 5 giới liền cho thọ Thứ Xoa Ma Na, là đem sai truyền sai tới nay chưa cải đổi. Y cứ luận Đại Trí Độ khi Phật tại thế có một vị trưởng giả, vợ ông không hay có thai, xin xuất gia thọ giới Cự Túc, sau đó thân bà ta mỗi ngày càng lớn ra nên những nhà quý tộc (giàu có) chê trách Tỳ Kheo Ni. Nhân đó, Phật chế Ni phải thọ 6 pháp học giới hai năm, sau mới cho thọ cụ túc. Căn cứ theo đây người phụ nữ cũng có thể thọ Thứ Xoa Ma Na mà không phải chỉ đề cập tới đồng nữ không.

Cũng Trí Độ luận rằng, Thứ Xoa Ma Na có 2 loại:

- 1) Đồng nữ 18 tuổi thọ 6 học giới
- 2) Bé gái (phu gia) 10 tuổi được thọ 6 học pháp. Đây nói riêng giới đồng nữ.

Phu gia 10 tuổi có thể hiểu là người hoặc nhân mẹ mất, hoặc nhà nghèo không đủ sức nuôi dưỡng bèn đem bé gái cho phu gia nuôi dưỡng 10 năm. Tình trạng bé dần dần phát triển lại ở nhà người bảo dưỡng thật khó nên không muốn việc đó. Ngoài ra đồng nữ đến tuổi 18 dù chưa lấy chồng, nhưng tuổi đã lớn nên phải dự phòng vậy. Nhưng không hẳn đồng nữ hay phụ nữ mà đã là kẻ xuất gia thì quyết định không còn hồ nghi thậm chí địa vị họ. Thứ Xoa trước Sa Di và sau Tỳ Kheo Ni, với chí xuất gia cầu thọ giới cụ túc; không thể nên có ý hiềm nghi đó. Thứ Xoa tạm huân 2 năm để có cơ sở học giới; không so sánh với Sa Di chưa thọ giới Cự Túc. Lại Thứ Xoa thọ 6 pháp không giống năm giới của Ưu Bà Di. Nay ghi đủ phép học giới của Thứ Xoa để giữ gốc nguồn. Cứ theo Luật sư Đạo Tuyên dẫn lục trong luật Tứ Phần tùy cơ yết ma phần 3, thiên thọ các giới pháp. Trong phần truyền giới Ni cũng ghi: sau thọ giới Sa Di Ni kế tiếp mới truyền pháp Thứ Xoa Ma Na. Lại ở trước thập sư ni truyền bốn pháp rồi đến trước đại tăng

thọ giới cụ túc. Chỉ tùy lúc yết ma truyền giới Thức Xoa phỏng dựa theo đây là thuận hợp. Gọi bốn pháp, là giới căn bốn của đại Tỳ Kheo Ni phải thọ, là học giới nữ, trước thời kỳ lên thọ giới Tỳ Kheo Ni. Nên đổi tên gọi là pháp bốn Ni; lại Thức Xoa Ni thăng tiến lên một bậc. Sa Môn Đàm Đế đời Tào Ngụy có biên tập pháp yết ma quyển hạ, trong đó có chữ “phụ nữ” thuộc quyển 9 như: Sa Di Ni sau khi thọ giới rằng, nghe đồng nữ 18 thọ giới Sa Di Ni 2 năm học đủ giới tới năm đủ 20 tuổi cho thọ giới Tỳ Kheo Ni. Xem thêm trong tạng thọ thiên giới v.v... Ngoài ra, Thức Xoa Ma Na thọ 6 giới như sau đây.

Sa Di Ni phải đến giữa chúng Tỳ Kheo Ni trích y bày vai hữu, lễ Tỳ Kheo Ni, Tăng xong, quỳ ngay ngắn chấp tay tác bạch như thế này :

- Đại tỉ tăng lắng nghe con Sa Di Ni ... nay từ chư tăng xin 2 năm học giới với Hòa Thượng Ni thượng A hạ B mong tăng tế độ cho con, xin thương xót cho con 2 năm học giới. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng bạch như vậy mới hợp pháp Sa Di Ni. Sau khi bạch xong lễ xuống 3 lạy rồi lui ra chỗ có thể thấy mà không thể nghe (phép yết ma) đợi đại Ni làm phép yết ma xong, cho vào mới bạch rằng:

- Đại tỉ tăng lắng nghe, con Sa Di Ni... từ tăng xin 2 năm học giới, Hòa Thượng Ni A, nếu tăng phải thời mà đến, tăng thuận nghe; nay cho Sa Di Ni 2 năm học giới; với Hòa Thượng Ni A, bạch như thế, tác bạch có thành không?

- Đại tỉ tăng lắng nghe, đây là Sa Di Ni ... nay từ tăng xin 2 năm học giới với Hòa Thượng Ni A...; nay cho Sa Di Ni 2 năm học giới với Hòa Thượng Ni A, mong chư Đại Tỷ lắng nghe, Tăng cho Sa Di Ni ... 2 năm học giới với Hòa Thượng Ni A, nếu bằng lòng thì im lặng; ai không bằng lòng thì nói. Đây là pháp yết ma thứ hai, bạch như thế tác bạch có thành không? (lần thứ 3 cũng như vậy).

Tăng đã thuận cho Sa Di Ni ... 2 năm học giới với Hòa Thượng Ni A xong, tăng đã bằng lòng thì im lặng. Việc như thế mà suốt biết. Nên như thế mà truyền cho 6 pháp.

Giới thứ nhất: Nay giới tử: Đây là 6 học giới.

... Hãy lắng nghe cho kỹ, Như Lai vô sở trước đẳng chánh giác nói ra 6 pháp không được có phạm hạnh bất tịnh, tức là dâm dục. Nếu Thức Xoa Ma Na hành dâm dục, chẳng phải là Thức Xoa Ma Na, chẳng phải con giòng họ

Thích; cùng với người nam có tâm ô nhiễm, thân xúc chạm nhau. Mất giới, giới kém nên cho thọ giới lại trong đó nên giữ suốt đời không được phạm, con có thể giữ được không?

- Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Giới thứ hai: không được trộm cắp cho chí cộng cỏ lá cây, nếu Thức Xoa Ma Na lấy của người giá 5 tiền, hoặc quá 5 tiền; hoặc tự lấy, khiến người lấy; hoặc tự dẫn hoặc bảo người dẫn; hoặc tự phá, bảo người phá, hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc hoại sắc, chẳng sắc... Như thế Thức Xoa Ma Na chẳng phải con gái giòng họ Thích. Nếu lấy dưới 5 tiền giới kém phải nên thọ giới lại, từ đây cho đến suốt đời không được phạm, con có thể giữ được không?

- Đáp: mô Phật con giữ được.

Giới thứ ba: không được giết hại chúng sanh, cho chí con sâu, con kiến. Nếu Thức Xoa Ma Na cố tự tay giết chết người, cầm dao đưa người bảo giết chết, khuyên chết, tán dương chết, như cho uống thuốc, hoặc phá thai, yếm bùa, chú thuật hoặc tự làm, hay dạy người làm không phải là Thức Xoa Ma Na, không phải là con gái giòng họ Thích. Như giết loài súc sanh không thể biến hóa hình được nữa. Giới khuyết phải nên thọ lại, từ đây cho đến suốt đời không được phạm, con có thể giữ được không?

- Đáp: mô Phật con giữ được.

Giới thứ tư: không nói dối cho đến giởn đùa. Nếu Thức Xoa Ma Na không nói chân thật, chuyện không nói có, như tự nói được pháp bậc thượng hơn, nói chứng thiên, đạt được giải thoát, được tam muội chánh thọ; đạt quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm; nói trời đến, rồng đến, quỷ thần đến ... cúng dường tôi. Đây không phải là Thức Xoa Ma Na, không phải con gái giòng họ Thích. Nếu giữa chúng cố nói dối, giới kém phải nên thọ lại, từ đây cho đến suốt đời không được phạm, con có thể giữ được không?

- Đáp: mô Phật con giữ được.

Giới thứ năm: không được ăn phi thời. Nếu Thức Xoa Ma Na ăn phi thời; giới kém phải nên thọ lại, từ đây cho đến suốt đời không được phạm, con có thể giữ được không?

- Đáp: Mô Phật con giữ được.

Giới thứ sáu: không được uống rượu. Nếu Thức Xoa Ma Na uống rượu phạm giới phải nên thọ lại, từ đây cho đến suốt đời không được phạm, con có thể giữ được không?

- Đáp: Mô Phật con giữ được.

Thức Xoa Ma Na đối với hết thầy giới của Ni trong đó phải học; trừ Tỳ Kheo Ni tới dùng bữa, cho ăn mới nên ăn. Trong đây 4 giới trước nếu phạm gọi là phạm 4 giới nặng nên cho ra khỏi chúng. Nếu phạm với tâm ô nhiễm đụng chạm thân người nam, trộm cắp dưới 5 tiền; dứt mạng loài súc sanh, nói dối, ăn phi thời, uống rượu gọi là khuyết giới. Trở lên các giới quy định, nếu làm đều phạm phải sám hối xin hai năm học pháp, mà vẫn phạm trở lại. Nếu phạm các giới căn bản của đại Ni tất phải như pháp mà sám hối trong 2 năm học giới thanh tịnh rồi mới đưa ra giữa 2 bộ Tăng Ni cho thọ cụ túc giới.

Chứng nghĩa ghi, nếu Thức Xoa Ma Na phạm 6 giới ắt phải như pháp sám hối. Ba lần truyền giới vẫn phạm, lần thứ ba phán giới ngăn như ở trước, có nêu rõ hạng người thứ hai rằng, nếu là Thức Xoa Ma Na, đây gọi là học giới nữ, Phật dạy khiến cho học 3 pháp. Như lúc sám hối nên mỗi mỗi hỏi kỹ. Một là học căn bản: 4 giới trọng; hai là học 6 giới, như tâm nhiễm xúc chạm, trộm cắp dưới 5 tiền, giết sanh mạng, nói dối, ăn phi thời, cố uống rượu. Ba là học hành pháp có nghĩa là các giới đại ni trong những oai nghi. Nếu Sa Di, Sa Di Ni chỉ ban 10 giới căn bản trong đó 7 giới trọng tội cả 3 chúng đều phải hỏi. Trong 3 chúng đây hoặc căn bản có phạm 7 giới tội mỗi mỗi y luật tẩn trừ (đuổi). Nếu 6 pháp học giới nữ bất tịnh bèn cho 2 năm yết ma; do đương sự đã thọ giới Thức Xoa Ma Na, không phải hàng chúng Sa Di Ni. Lại nữa Thức Xoa Ma Na giới kém lại là người nữ chẳng chân thật học giữ giới thanh tịnh, nhưng cả hai không có điều nào quy định. Ba tụ giới thiếu sót nên không thể thọ Bồ Tát giới được. Trong 3 chúng chỉ nữ học giới này có quy định rõ. Thêm phần nghiêm trọng đối với Sa Di, Sa Di Ni, chỉ có Thức Xoa gần đại giới Ni vậy. Vì luật chế trước khi sắp thọ Bồ Tát giới phân kỹ giới có 4 loại: xuất gia Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni; xuất gia Thức Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni; Phật tử nam nữ tại gia ham tu thập thiện đã thọ 5 giới. Từ cấp bậc mà tiến lên để dần dần thọ các giới; người chột phát đại tâm thọ Bồ Tát giới, có nghĩa là đốn thọ - thọ giới ngay tức khắc. Y theo luật chế, điều kiện của Thức Xoa Ma Na là ni xuất gia, không phải giới nữ lưu tại gia. Theo kinh Hoa Nghiêm ghi rằng, Thiện Tài đến Vương đô đại thành, muốn tham học với Bất Động Ưu Bà Di mà không biết ở đâu. Có nhiều người bảo cho Thiện Tài biết rằng, Thiện Tài đến Vương đô thành muốn

tham học với Bất Động Ưu Bà Di đích thị là một đồng nữ tại gia, bà săn sóc cha mẹ v.v... căn cứ theo đây để thấy rằng đồng nữ cũng gọi là Ưu Bà Di vậy.

Căn cứ bộ Sự Sao thiên Ni chúng, có dẫn luật Thiện Kiến ghi rằng, lúc đầu Phật không độ cho người nữ xuất gia vì làm cho chánh pháp giảm mất 500 năm; về sau Phật mới vì họ nói 8 kinh pháp; ni giới nghe xuất gia y lời dạy thực hành pháp hoàn lại được ngàn năm. Thời nay không theo có nơi giáo pháp bị diệt như sách Hội Chánh ghi rằng, sau khi Phật thành đạo 14 năm Di Mẫu Đại Ái Đạo cùng với 500 thích nữ đến Phật cầu xuất gia, Phật không thuận hứa độ họ. Ngài A Nan vì họ trình bày rõ và thưa thỉnh 3 lần. Phật sai A Nan truyền bát kinh pháp cho họ, nếu như Ni có thể thực hành được, mới cho xuất gia. A Nan đáp: con xin vâng thọ trì. Là bạch bốn lần yết ma xong mới thuyết 8 kinh pháp và Ngài nói 8 kinh pháp. Đây là 8 pháp:

1- Tỳ Kheo Ni trăm tuổi gặp vị Tỳ Kheo mới thọ giới nên đứng lên đón tiếp, xá chào, han hỏi, mời ngồi

2- Tỳ Kheo Ni không được nhạo báng Tỳ Kheo

3- Không được cử tội Tỳ Kheo, không nói lỗi quấy của Tỳ Kheo. Tỳ Kheo được nói lỗi của Tỳ Kheo Ni.

4- Thức Xoa Ma Na đã học giới phải cầu thọ đại giới nơi chư Tăng

5- Ni phạm giới tăng tàn đưa ra trong lễ Bồ Tát giữa tháng, trước hai bộ tăng chúng thực hành pháp cử tội.

6- Trong nửa tháng Bồ Tát Ni đến tăng thỉnh cầu thầy giáo thọ (dạy chúng)

7- Tỳ Kheo Ni không nên ở chỗ không có Tỳ Kheo kiết hạ an cư.

8- Sau khi an cư xong, phải đến tăng Tỳ Kheo cầu 3 việc tự tứ, sám hối, đó là thấy – nghe - nghĩ.

Tám pháp như thế phải cung kính tôn trọng, tán thán hết mình trọn đời không nên vi phạm.

Chúng nghĩa ghi rằng, đây là mẫu mực tối sơ (ban đầu) độ ni chúng. Ngày nay việc truyền thọ giới còn chưa biết pháp này, hướng chi hành trì?

Nhưng điều thứ 7 nói không nên ở chỗ không có Tỳ Kheo kiết hạ an cư. Đây dựa đại giới vuông 10 dặm hoặc tới 40 dặm, không có đại tòng lâm Tỳ Kheo không được an cư. Cho nên kinh pháp thứ 8 ghi rằng, sau khi an cư xong phải đến trước chúng Tỳ Kheo tăng cầu 3 việc tự tứ như: thấy - nghe - nghi. Y cứ pháp thứ 8 qui định: ni và đại tăng không ở chung một chùa cần nên biết. Theo sách Chiêu Khánh, Thầy Ngọc Luật thuật về 2 bộ tăng qua nghi thức truyền giới phần mở đầu rằng: “vào năm Đinh Mùi vào mùa xuân, tại Côn Sơn có Hòa Thượng Ni Mật Chiếu cùng với Từ Thái phu nhơn lên núi Hoa Sơn thiết lễ cúng dường. Học chúng nữ đi theo xin thọ giới cụ túc, hành trì nửa tháng thuộc các oai nghi. Trước lão nhơn cử Mật Chiếu Ni làm Hòa Thượng, Ni Siêu Trần ở Dương Châu làm Yết Ma, Ni Viên Chứng ở Trần Châu làm Giáo Thọ và chọn chư ni giới đức hạ lạc cao làm 7 tôn chứng, mở giới đàn truyền giới ni hơn 40 vị. Sau giới đàn đến am Nhất Diệp tinh Sơn Nam họp 2 bộ Tăng Ni, trước truyền bốn pháp. Ngày kế Hòa Thượng Ni cho họp chúng lại để thông bạch lời dạy của Như Lai, rồi cùng với hội đồng giới sư 9 vị, hướng dẫn chư ni, lên núi cầu xin thọ Đại giới. Lão nhơn liền tập họp 2 bộ tăng ni, vì đó tác pháp viên mãn. Việc này trước hết lão nhơn tuân lời Phật dạy 2 bộ tăng vì ni truyền nghi thức thọ giới; tức dẫn lễ, sắp xếp giới đàn đều do Ni chứng”. Căn cứ theo đây ra khỏi giới tràng tới am Nhất Diệp tại Sơn Nam phải họp ni chúng. Cho thấy kinh pháp thứ 7 không nên an cư nơi không có Tỳ Kheo để chỉ trong ngoại giới tràng mà nói, không phải nói Tỳ Kheo cùng an cư một chỗ. Lại sách Nhứt Mộng Mạn ngôn quyền hạ ghi rằng, vào khoảng tháng 2 năm Thuận Trị thứ 10, ở phủ Hán Dương thuộc Sở, có sư cô Tâm Văn độ 50 tuổi chuyên tu trì giới. Cùng môn đồ 9 người không kể nguy hiểm đường xa, tất cả 10 người lên núi cầu xin an cư 3 tháng và cúng dường 60 thạch gạo, 20 lạng bạc. Xem với tâm thành tha thiết của họ bèn được lân miễn giúp đỡ, chấp thuận. Trong ngày cúng dường trai phạn họ không chịu vào trai đường hành lễ; thọ trai xong, Hòa Thượng họp chúng và bảo sư cô rằng: cô phát tâm từ xa tới học giới, vì sao không vào trai đường lễ chư Tăng? Luật dạy Tỳ Kheo Ni dù trăm tuổi phải lễ Tỳ Kheo mới thọ giới. Nay tự khinh mạn tăng không thể nào học giới được.

Sư cô đáp: con ở Sở, nếu có thiện tri thức tới chùa thiết cúng trai, Phương Trượng đều cho khách miễn lễ nên không phải lễ lạy.

Tôi nói:

- Họ tham cầu lợi dưỡng làm bại hoại giáo pháp. Hễ thấy có Ni tới cúng dường là cung kính như mẹ ruột những mong được cúng hậu; ấy là vi trùng nơi thân sư tử chứ không thật là thiện tri thức. Núi Hoa Sơn chúng tôi dù

sống đạm bạc, thà nhịn ăn chịu đói khát chứ quyết không tham lợi mà phạm luật. Hôm nay buổi cúng dường trai phạn là đãi chúng thường trụ, số tiền cúng hoàn lại cho cô; cũng như gạo để dưới viên có thể tới đó lấy về. Cô ta làm chuyện vô minh bèn nhận lại tiền rồi sau đó dẫn đồ đệ ra phía sau núi đứng trước tịnh thất Thủy Động, cho đệ tử là Cổ Đàm đi vào tịnh thất bạch rằng:

- Có Sư cô ở xa tới đang đứng ở ngoài động.

Hòa Thượng bèn phương tiện chấp nhận để;

1) làm cho cô không thoái tâm

2) đại chúng được cúng dường nửa tháng.

Tôi nghiêm nghị trả lời: “Chỉ cần tu hành chân thật. Đại chúng chẳng treo bình bát (nhịn đói). Pháp môn tu tập lập đúng do nơi đạm bạc; Phật thuyết luật, sư hành luật đâu thể thấy lợi mà phạm Thánh chế ư?”

Cổ Đàm then đánh lễ lui ra, độ 3 hôm sau sư cô Tâm Văn dẫn chúng lên núi, tất cả đều quỳ trước cửa phòng Phương Trọng khóc lóc, và nói rằng: ở Sở mộng lung như thế, thật sự chúng con không dám tự khinh thường tăng. Khẩn cầu Hòa Thượng từ bi tha cho chúng con sám hối. Nên có câu rằng: dạy tuân theo là rậm rạp hành. Các vị lãnh đạo vì chúng bái cầu, do vậy tôi khiến tới Lộc Sơn trang kiết giới an cư. Tìm vị A Xà Lê nửa tháng tới thỉnh vị thầy giáo giới vì họ giảng bộ luật chính.

Nhân đó, bắt đầu có tập: Giáo Giới Tỳ Ni Chánh phạm gồm 1 quyển để lưu hành rộng. Qui tắc cổ đức dứt khoát rõ ràng cẩn thận như thế. Nghe xong khiến cả 10 người đồng đứng lên, lạy sám hối.

Hết quyển 7, phần trước.

---o0o---

Quyển bảy - Chứng nghĩa ký

Chương 7: Phần sau - Đại chúng

2.1 Treo đơn

Treo đơn, xưa nói là treo vắt lên. Vì tăng đi hành cước chỉ mang theo y bát nên gọi là quải đáp, tức là y vắt mang theo vậy. Ngày nay đi tham học mang theo hành lý, đổi lại gọi là quải đơn. Phạm dọn đơn, khi có tăng khách đến nhà lấy lễ tiếp đãi. Hỏi khách đến có việc gì cho rõ ràng rồi tùy nghi mà đưa tới phòng. Khách từ xa đưa tới gặp 2 chúng trưởng đưa sang phòng khách quý hay tới phòng chờ. Khách là thiện tăng tới học đưa lên phòng tập thể, theo chúng đi quá đường, tụng kinh... Nếu người không có y bát, chúng điệp, hành lý; thậm chí trông người diện mạo khả nghi từ chối không cho đơn; chỉ cho xem Nội Qui nhà khách và điều lệ lưu xá nêu rõ.

Chúng nghĩa ghi rằng, y cứ kinh Phạm Võng, có nạn tăng giả mạo du hành, mặc áo vá đi khát thực có hai thời điểm: a) từ ngày 15 tháng giêng đến 15 tháng 3 b) từ 15 tháng 8 đến 15 tháng 2, là trong 2 thời kỳ đó. Nguyên vì người học đạo đi xa, không xa hơn 10 dặm; tìm thầy học đạo ra khỏi một tông lâm vào một chùa khác, cho chí đi khắp đó đây chưa từng nghỉ ngơi. Việc dọn đơn vì thế phải xảy đến vậy. Vì Tri Khách tùy nghi dẫn tới đơn không được coi thường; vị Trụ Trì sẵn lòng từ bi đừng xem thường dọn đơn; nên giữ đạo phong thường trụ, Phật pháp mới tồn tại lâu dài là hoàn toàn do nơi đây. Ngài Vân Thê Liên Trì đại sư nói rằng, chiếc đơn dùng khi có tăng hành cước, vì chịu đói khát, nóng lạnh, trải qua nhiều gian khổ. Nay may được có chỗ đỡ đầu, dù không biết tu hành nhưng biết hổ thẹn. Nhà tu ghé đến nên ân cần cúng dường cho thọ dụng không dám lỗi phần. Cho nên nói rằng ai từng là du phương xem như khách bần quan vậy.

---o0o---

2.2 An đơn

An đơn tức là đặt đơn, quải đáp tức hành lý, tăng trở về chùa; ở lại một đêm gồm bữa ăn. Một hai bữa là khách qua đường, gọi là khách tăng tạm thời. Nếu khách ở lại một vài tuần, gọi là đại quải đáp; vì khách ở lại lâu nên biết đồ đạc hành lý có thể để ở đâu, liền đưa khách vào nhà gọi là an đơn. Nhưng gặp trường hợp này người xin ở lại, tri khách hỏi xem lai lịch rõ ràng; nhắm lưu được nên cho lưu lại, đưa khách tới phòng ngủ, mời tới phòng khách thọ trai, để khách tự nhiên muốn tụng kinh tùy ý, sau một hai hay ba hôm.

Thưa trình Hòa Thượng doãn nạp. Khách ở qua đêm phải thông báo cho Duy Na biết ghi vào sổ lưu, ghi rằng, ông... khoảng... tuổi, có tới chùa ở lại.

Ông là người xã... quận... huyện... tỉnh... con ông bà... Lúc chưa đi tu làm nghề gì... tại cơ sở... xuất gia tại chùa... năm... tháng...

Thầy bốn sư là... thọ Tỳ Kheo ngày... tháng... năm... tại đại giới đàn...

Ngày kế, sáng sớm điềm tâm xong, sau khi nghe hai hồi bảng chuẩn bị đầy đủ hương đèn nghi tiết hướng dẫn lên phòng Phương Trượng đứng bên ngoài cửa đợi thí giả thông báo Hòa Thượng. Hòa Thượng ra ngồi, xong tri khách chấp tay bạch: có thầy... đến thăm Hòa Thượng. Kế tri khách tới lễ 3 lạy xong, Phương Trượng có hỏi gì cứ thành thật đáp. Thăm hỏi xong đưa đến Thiền đường, báo 3 hồi bảng. Giám Tự cuốn rèm màn lên, đại chúng đứng nguyên; tri khách trước lễ 10 phương Phật hướng lên phía trước thầy nói: Các thầy cùng tham dự tiên vào hành lễ, lễ xong; tri khách lui về chỗ. Duy Na tiếp đưa khách tới vị trí, hoặc nhà đông, hoặc nhà tây theo đơn cùng theo chúng, hầu mở cuộc vấn đáp ngắn gọn. Duy Na hỏi tên ghi sổ, cho mang hành lý vào phòng, sửa soạn giường ngủ, thời kinh tối. Tham thiền lần đầu mang tọa cụ lên chánh điện, tọa thiền xong, Duy Na bảo: có thầy mới đến thiền đường đó, chúng ra làm lễ, lễ xong trở lại chỗ. Duyệt chúng đưa lên phòng Phương Trượng làm lễ, lễ xong trở về chỗ. Duy Na lãnh chúng tới liêu chính tuần tự bảo gõ 2 hồi bảng chiều. Phương trượng mời khách dùng trà, Duyệt chúng tiếp đãi. Ngày kế buổi sáng, Duy Na nói rằng, Thầy khách lên điện hành lễ, chúng ra cùng lễ. Tân khách lạy Phật 3 lạy xong hướng qua phía thầy phương trượng ngồi, lạy 3 lạy rồi xoay sang hai bên chúng, mỗi bên xá một xá xong. Duy Na dẫn tới Chúng trưởng, Duyệt chúng, Hương đăng... mỗi nơi xá chào xong, bèn xá Duy Na rồi về chỗ nghỉ ngơi. Nếu thầy Phương Trượng mời dùng cơm, duyệt chúng tiếp đãi hay tùy Ngài có người tiếp riêng.

Chúng nghĩa ghi rằng, đặt đơn an chỗ, chính vì cầu đạo mà đến. Chủ khách cả hai không nên phụ lòng nhau. Trụ trì (Phương Trượng) nên tỏ ra có đạo đức chân thật, sẵn sàng ân cần. Người tới học cần có tâm nhẫn nại chịu khó tham học. Sách Chích Cổ ghi rằng, xưa tại huyện Diệp - Nhữ Châu có học viện rộng lớn nơi Quy Tĩnh thiền sư làm trụ trì tánh nghiêm khắc lạnh lùng, chúng nể sợ Ngài. Phù Sơn ở xa tới lúc trời tối, nghe uy danh thiền sư, đặc biệt tới tham vấn. Lúc đó gặp trời tuyết giá, Quy Tĩnh trách mắng đuổi đi, đến đổi tiểu vải ra đất, quần áo đều thấm ướt. Tăng giận bỏ đi, song chỉ đi một đổi xa còn tiếc nuôi trở lại ngồi chờ. Giây lát thiền sư lại mắng rằng ông chưa chịu đi sao? đợi tôi đánh hả? Viễn nói: Viễn nhớ hai người ở xa nghìn dặm, đặc biệt tới tham vấn Hòa Thượng Thiền sư, sao để cho giọt nước tràn đi. Sư cười bảo: hai người các ông tới đây đúng là cần tham thiền, liền sai tri

khách dọn đơn, chẳng lâu sau sung chức điển tọa, làm cho chúng khổ sở cơ cực. Quy Tĩnh đi khỏi chùa, Viễn khách lấy bột gạo trộn dầu nấu cháo ngũ vị thật chín nhừ. Quy Tĩnh trở về cháo đã để sẵn nơi tòa ngồi của sư. Viễn đến, sư hỏi:

- Ông lấy bột gạo có liên quan trộm đồ của thường trụ. Viễn nói: sự thật có lấy bột gạo, ngưỡng mong được trách phạt. Sư Quy Tĩnh sai lấy y bát thường công trực, lại đánh 30 gậy rồi tha cho. Quy Tĩnh một hôm ra ngoài chùa thấy Viễn ở dưới hàng ba. Sư hỏi: đây là hành lang của chùa, người đã ở đây lâu rồi có từng trả thuế nhà không? Lại truy đòi tiền thuế. Viễn không đổi sắc mặt vào chợ xin tiền hoàn lại, nhưng không chịu ra khỏi chùa. Quy Tĩnh bảo với chúng rằng, Viễn thật tâm muốn tham thiền bèn cho trở về. Sư thượng đường đối giữa chúng giao hoàn y lại v.v... Ôi, cổ nhân gần thầy, chọn bạn sớm chiều không dám lừa như thế! Đến như bếp núc, vác xuân, lính thủy, lính bộ, binh dịch như chưa từng biết lao nhọc. Người đời nay áo cơm đạm bạc, bèn nghĩ người xưa công việc bề bộn lao khổ mà an nhàn riêng một cõi; an nhiên học đạo là thế đấy! Như Trụ Trì ngày nay chỉ lấy việc đời tự buộc hoàn toàn không biết học kinh nghiệm để tạo điều kiện mà khích lệ người học Phật.

Đức độ cao phong như thế xem chừng không đáng phục; chủ khách hai đảng cô phụ nhau, thật là đáng tiếc!

---o0o---

2.3 Cùng làm việc tập thể (phổ thỉnh)

Nếu có việc làm chung tập thể, trước tiên phải thông báo nơi nhà khách như sau:

Đại chúng khi nghe hiệu lệnh bằng tập họp nên có mặt đông đủ để cùng làm việc (làm vườn, trồng cây). Tại nhà kho Giám thâu chuẩn bị trước đồ dùng (dụng cụ) đầy đủ: đợi nghe bằng hiệu xong, đem phân phát mỗi người. Chiếu Nội Quy làm việc buổi sáng cho hoàn tất theo sự chỉ định.

Đại chúng mỗi người trước sau thứ tự ra khỏi chùa lúc công tác không được giỡn đùa, nói cười thô tháo. Mỗi người tự lo bổn phận trong sự chú tâm, làm công tác xong lại trở về.

Chúng nghĩa ghi rằng, phép làm việc chung, trên dưới đều ngang nhau. Những ngôi chùa trên núi công việc quá bề bộn, nhân gặp lúc có bằng hiệu

nhóm chúng là phải đi hết. Dù Trụ Trì cũng không được muốn lánh việc nhọc; ai có bệnh duyên không nên miễn cưỡng. Người già yếu được phép nghỉ. Đại chúng sống chung mọi việc khai, giá cũng phải hiểu nhau để trợ duyên.

Y cứ theo ngài Chí Siêu tại Đồng Châu, đời Đường người Bằng Dục nương chùa Khai Hóa ở Tinh Châu xuất gia với Tấn thiền sư. Làm Trụ Trì bốn tự, thân tâm thanh tịnh, điều hành việc chúng chuyên cần đem lại an ổn số chúng có đến cả trăm người. Quần áo, thức ăn luôn đầy đủ, mỗi khi có việc nhọc ắt lấy mình làm gương trước. Ôi ! Trụ Trì thời xưa phần đông đều như thế đấy cho nên tông lâm hưng thịnh. Trụ Trì đời nay ở chỗ sang vinh, đầy nhọc cho người còn riêng mình lẩn tránh; muốn chấn chỉnh lại tông lâm thật khó thay!

---o0o---

2.4 Quy tắc hằng ngày

Quy tắc hằng ngày 6 quyền trước đã phân biệt rõ các công việc. Đây chương nói về đại chúng bèn nêu chỉ người, người đang thực hành, không luận người nào, làm việc gì, nêu chung nhứt nhứt không sai phạm. Người trách nhiệm trong ngoài hàm chỉ chung mỗi mỗi tuân thủ những điều sau:

- 1- Giới đức đôn hậu: vì gốc tuệ giác làm cơ sở của Niết Bàn
- 2- Phải nhẫn chịu mọi đạ mạ bực mà an bản lạc đạo (sống nghèo an lạc vui đạo) giữ vững đạo tâm
- 3- Vắng lặng thuần nhất, ý thức với việc chính không để phân tâm
- 4- Bỏ việc riêng tư, dứt tà, hiển công giữ chánh
- 5- Nhu hòa nhẫn nhục, tôn trọng kính người
- 6- Theo chúng nghe lệnh, giữ oai nghi chỉnh tề
- 7- Chuyên cần tu tập không lười biếng bỏ bê
- 8- Tuân quy tắc xử chúng, nhìn thẳng không a dua
- 9- An phận chú ý, không để quên sót

10- Theo quy tắc cùng gấp rút tu hành.

Mười điều trên đây tổng tóm lược đại cương thiện pháp không dấu che mà tỏ trần. Còn có những việc cấm cần nêu ra ở sau.

Chứng nghĩa ghi lời cổ nhân dạy: nói một trượng không bằng làm một thước, nói một thước không bằng làm một tấc. Ô Sào thiên sư gọi thi hào Bạch Cư Dị bảo rằng:

“Chớ làm các điều ác

Vâng làm những điều thiện”

Dị hỏi: đứa trẻ 3 tuổi có biết đạo không?

- Sư nói: đứa bé 3 tuổi vẫn đắc đạo mà ông lão 80 tuổi tu không đắc đạo. Lời nói chí lý thay!

Chín việc cấm đó là:

- 1- Không được phá giới căn bản
- 2- Không được trong khi tụng giới vô có tùy tiện theo chúng
- 3- Không được bất hiếu với cha mẹ
- 4- Không được mạ nhục sư trưởng
- 5- Không được cố vi phạm lệnh cấm của chính quyền, nhà nước
- 6- Không được la cà gần gũi người nữ
- 7- Không được sau khi thọ giới mà không biết giới tướng
- 8- Không được thân cận thầy tà
- 9- Không được uống rượu, đánh bạc.

Không phạm chín điều trên đây gọi là giới đức đôn hậu. Nếu phạm nhẹ bị phạt đuổi khỏi viện.

Chúng nghĩa ghi rằng, Như Lai những ngày sau cùng lấy việc duy trì giới luật làm tông chỉ thường luận đàm. Rời bỏ sự bàn lý, lý làm sao có được. Các nhà Thiên, Giáo phải đủ giới hạnh như sương tuyết mới kham làm mô phạm lâu dài đâu thể đem chất độc làm nên đề hồ (bơ sữa).

Vì thế, muốn duy trì Phật pháp không diệt, con người phải có ý chí. Như nói đi nghìn dặm phải bắt đầu một bước; một bước chưa đi chẳng thể nào đến nơi được, đường xa nghìn dặm khởi đi từ bước thứ nhất, phải nên biết như thế. Từ thân này cho đến Phật thân, tức đây là một bước. Song chắc hẳn không thể do dự không tiến lên, vì tiến tới thời một bước này trong mỗi niệm an toàn. Dừng lại một bước phải nghỉ ngơi, không phải một bước là tới được nghìn dặm đâu! Luận về tiến bộ ở ngay bước đầu không có, nên tiến sâu trong tham sân si mà trong đó mỗi thứ có vương mắc riêng, nên phải tự biết, tự điều phục.

Và sau đây thêm 6 việc ngăn cấm:

1. Không được bày vẽ ăn ngon
2. Không được mặc quần áo lòa loẹt
3. Không được bàn nhảm việc đời
4. Không được tranh luận tiền bạc
5. Không được canh tác, nuôi súc vật
6. Không được làm mai mối cho trai gái, làm việc hội hè như thế gian.

Sáu việc trên không phạm gọi là an bản lạc đạo. Nếu phạm nhẹ bị phạt, nặng đuổi khỏi viện.

Chúng nghĩa ghi rằng, sáu điều trên đối với tăng trách nhiệm ứng phó, tăng ở tịnh thất... nên biết hổ thẹn không dám phạm, hướng chỉ chúng ở từng lâm ư? Vì ăn đồ ăn ngon bị vị giác câu thúc, mặc đồ lòa loẹt bị sắc trần trối buộc, bàn phiếm, tranh biện đắm trong tham độc. Canh tác, nuôi gia súc phá giới trọng sát sanh. Hội hè họp chúng làm phát sanh nhiều việc tệ ác khác. Lại 4 điều trước chư tăng dễ phạm; 2 việc sau chỉ những người trách nhiệm phạm (làm). Những điều này đều gây oán hận là gốc khổ cả. Lương Hoàng sám ghi rằng: những gì là gốc khổ oán hận? Đó là mắt ham sắc đẹp, tai thích tiếng hay, mũi ưa nếm hương, lưỡi đắm vị (mùi), thân ham lòa loẹt thường

bị 5 trần ràng buộc. Do vậy trải qua vô số kiếp đi trong đêm dài tăm tối không thể giải thoát được, nên giữ an bản lạc đạo.

Không làm 5 việc như sau:

- 1- Không được vô cớ ra ngoài đi chơi, lân la tới nhà thế tục
- 2- Không được học theo ứng phó từ chương, xướng ca nghề tạp
- 3- Không được học thiên văn, địa lý, phù thủy, lư hỏa v.v... những việc ngoại.
- 4- Không được học nội công, luyện khí và phép vô vi phái Bạch liên, tà đạo
- 5- Không được hờ hào làm những công tác vô ích v.v...

Không phạm 5 việc trên gọi là tĩnh thức việc làm chính. Nếu phạm nhẹ bị phạt, nặng cho ra khỏi viện.

Chúng nghĩa ghi lời cổ nhân nói rằng, một tấc thời gian là một tấc vàng. Lời này cảnh tỉnh người học đạo phải biết thời giờ dễ qua, không nên luống phí vậy. Nếu phạm 5 việc chỉ làm mất tấc bóng quang âm bèn đánh mất tâm thuật của mình, há chẳng răn dè sao?

Pháp Lương Hoàng Sám ghi rằng, mỗi một người nên khởi tâm giác ngộ, biết đời là vô thường; thân người không tồn tại lâu dài. Tuổi trẻ, tráng niên ắt suy nhược chớ có trông cậy dung dưỡng, tự kiểm hành vi ô nhiễm của mình. Vạn vật vô thường đều quy về chỗ diệt, nếu không tin tinh cần tu chuyển nghiệp, không do đâu ra khỏi được. Cho nên phải tĩnh thức trong phận sự chính mình.

Cũng không được làm 6 việc như:

1. Không được quyên góp (mộ hoá, hóa duyên) phi lý
2. Không được lạm dụng của tín thí
3. Không được lấy dùng vật của thường trú tăng
4. Không được làm hư hại đồ vật dụng mà không bồi thường
5. Không được dẫu chúng mà ăn

6. Không được không bạch chúng biết mà đụng đến vật tặng vô chủ.

Chúng nghĩa ghi rằng, công tức là không phải việc tư; dựa theo tiền tài mà nói; chánh tức là không tà, phỏng theo ái ngữ mà nói. Song 6 điều này đã phân dựa tài vật thuyết minh theo kinh luận ghi rằng, nếu vật thuộc người khác, người khác mới được giữ gìn. Đối vật của người dù một cọng cỏ, một lá rau người ta không cho không được lấy, huống gì trộm cắp? Vì do chúng sanh chỉ thấy lợi trước mắt, nên dùng mọi cách vô đạo mà lấy; dẫn đến vị lai phần nhiều bị hoạn họa. Thế nên luôn phải giữ tâm công chính, duy trì 6 điều này.

Có bài kệ cổ ghi rằng:

Tâm ta như đòn cân

Cân đo vị công bằng

Tâm ta giống vách tường

Ngay chính giữ thẳng đường

Công chính làm người phục

Công chính lấy làm gương

Người vâng công giữ chánh

Kẻ trong sạch ai đương?

4 việc cần nên an nhĩn như sau:

1- Không được miệng mắng chưởi, thu tay đánh đấm

2- Không được bị nhục chằng nhĩn hiện sãn ra trên nét mặt

3- Không được dùng oai lực uy hiếp người

4- Không được khi dễ người già cả.

Chúng nghĩa ghi nơi chương đề cập tu hành rằng, chớ có sãn giận. Bởi vì một niệm sãn tâm khởi, trăm nghìn cửa nghiệp chướng đều mở toang. Khinh mạn như núi cao, nước chảy không mòn. Vã, phi lý sãn thô mà lại dễ trừ;

chấp lý phát sân tế mà khó dứt. Thế hay xuất thế cũng vậy, nếu không đạt nhẫn từ ắt bại ngay nơi niệm sân. Cho nên người quân tử lấy từ nuôi đức, lấy nhẫn dưỡng tâm; việc nhỏ không nhẫn được, mưu lớn phải loạn. Kiếp đao binh hung hiểm do chứa sân chiêu cảm do ngã chấp mà ra. Cho nên chứa sân làm sao thường có thật ngã được chứ! Biết ngã chấp vốn không, sân kiêu tự dứt; hiện tại, tương lai hẳn chúng đạt thể vô ngã. Sách Chích Cổ ghi rằng. Hòa Thượng Tín Mộc Trắng phủ Vân Môn ở Thiệu Hưng, có vị tăng nương theo học khoảng 10 năm, thủ lễ rất mực, đến nổi tiếng khen đồn xa. Mới đầu chẳng nói tới phải trái, một lần khen sư ngoài mong quyền thuộc. Về sau chư tăng tin lời dèm pha trong sách không chấp thuận, sư thật sự bị vu xấu. Sư giận nói giữa chúng rằng: thị phi có che dấu được không? Chỉ có thần biết mà thôi! Rồi không ai hỏi nữa. Ôi! Xưa cho ta câu chuyện đáng suy nghĩ! Nay đáp lại lấy oán, tôi đề cao cái đức của kia, vu không (máng) của kia là việc xấu của ta hay nhẫn nhục mà không cãi. Đó mới là nhẫn nhục nhu hòa chí cực vậy. Lương Hoàng sám ghi, đối với chúng sanh không có sự sai biệt khi nhập bình đẳng quán, không nghĩ kẻ oán người thân mà thường dùng con mắt thương yêu nhìn khắp chúng sanh. Nếu như chúng sanh ôm tâm oán đối với Bồ Tát khởi tâm ác nghịch, Bồ Tát là chân thiện tri thức, khéo điều phục tâm, vì chúng sanh nói pháp màu. Ví như biển cả hết thấy những độc hại không làm hư hoại được, Bồ Tát cũng như thế. Người ngu vô trí không biết báo ân; cũng như chúng sanh khởi vô số việc ác không làm loạn động tâm Bồ Tát. Đó chính là nhẫn nhục nhu hòa vậy.

Không làm 4 việc như sau:

1. Không được cười giỡn vô độ
2. Không được nói bàn lớn tiếng
3. Không được thay hình đổi dạng
4. Không được đứng ngồi ngênh ngang.

-Chứng nghĩa ghi rằng, oai do đức hiển lộ không phải oai của thế lực; nghi do tâm biểu tỏ, không phải dối hiện cái nghi. Ngoài ra oai do nghiêm trì giới hạnh chúng đức mới trang nghiêm; nghi do động tĩnh hợp cách tiến thoái thấy an nhiên. Nên nói rằng hạnh trong sạch đều do đạo nghi, thanh bạch hoàn toàn do giới phẩm. Tỳ Kheo ung dung hành đạo, cảm niệm người học sĩ để an vui; xuất gia Phật tử an ổn hành hạnh khát thực. Thu phục ngoại đạo bỏ tà theo chánh. Cho nên có câu rằng, oai nghi bằng cách dạy vô ngôn. Lại oai nghi gọi là điều ngự, có nghĩa là điều thân không vọng động, miệng

không vọng ngữ (nói dối), ý không vọng tưởng. Điều động được 3 nghiệp thiện như thế thời 6 căn tự thu nhiếp. Chích Cổ ghi rằng, Thiền sư Pháp Vân Bốn lúc bình thường làm việc dừng lại, ngó thẳng không chớp mắt, nhập chúng 30 năm chưa từng hé môi cười một tiếng. Khi đứng trông như Thánh tượng đứng thẳng không ngồi. Mâm cỗ giả dùng tên thịt cá là không ăn. Bởi một thân oai nghi tề chỉnh như thế không hổ hình tướng người xuất gia. Trong làm mô phạm cho tăng chúng, ngoài làm lợi lạc cho tín đồ xét hai tiếng “oai nghi” đâu có luống phí!

Lại cũng không làm 4 việc như:

- 1- Không được nghỉ tụng kinh không có lý do
- 2- Làm việc không được biếng trễ
- 3- Không được không cảnh cáo người ác
- 4- Không nên làm hại việc có ích, không được làm điều vô ích.

-Chứng nghĩa ghi rằng, cần tu hành nghiệp; cần là không biếng lười; tu là gia công sửa lỗi; không để thì giờ trôi qua vô ích, tinh tấn vượt qua. Hành nghiệp có 2 phần là thế, xuất thế; vì hành nghiệp xuất thế là chính, là yếu. Kinh ghi rằng chớ khinh việc thiện nhỏ mà cho là không có phước. Như giọt nước tuy nhỏ dần dần cũng đầy cái chum (đồ chứa) lớn. Việc thiện nhỏ không chứa không thể thành Thánh. Chớ khinh thường việc ác nhỏ vì cho là vô tội. Việc ác nhỏ tích chứa cũng đủ để làm mất thân người. Đây là lời chư Phật dạy ai dám không tin? Cho nên phải tinh tấn tu thiện nghiệp xuất thế.

Và sau đây là 6 việc không nên phạm:

- 1- Không được khiêu khích khẩu chiến
- 2- Không được kết nạp bọn đảng
- 3- Không được gian trá không thật
- 4- Không được gièm chê bậc danh đức
- 4- Không được vu cáo hủy hại người thanh tịnh
- 5- Không được khinh mắng người trật vai áo.

-Chứng nghĩa ghi theo Lương Hoàng Sám rằng, ngoài ra lỗi của miệng lại là cửa của mọi oán họa. Chư Phật răn nhắc không được nói lưỡi đôi chiều, ác khẩu, nói đặt điều, lời trau chuốt. Nên biết nói mách quẻ, lời ngọt cốt tạo việc thị phi gây họa không nhỏ, chiêu báo rất nặng. Luận việc xử thế con người, tâm ô nhiễm độc hại; miệng phun lời độc, thân làm hành động độc. Vì ba độc này làm hại chúng sanh; chúng sanh bị độc liền kết oán hận quyết tâm muốn báo thù, hoặc trong đời này theo ý muốn, hoặc sau khi chết theo tâm. Oán đối như thế đều do 3 nghiệp. Trong 3 nghiệp, khẩu nghiệp thật sâu nặng, cho chí thọ báo còn gieo các mầm độc. Vì thế xử sự với mọi người nên y cứ bài kệ này:

Điều lợi thứ nhất:Sang

Mới làm cho chúng an

Đừng mở lời hai lưỡi

Dè chừng chớ nói càng

Phàm ra làm việc gì

Nên chớ phụ nhờn tình

Mời gọi hăm hăm đến

Tòng lâm trăm tộ sanh

Việc làm ra đảm trách

Chớ mua một người lành

Một người lành mua được

Mọi việc đều đảo khuynh.

Thêm 15 việc không làm như sau:

1- Không được gàn bướng gây sanh sự

2- Không được nói sai kinh luận

3- Không được dối phô chiếm cơ duyên cô đức

- 4- Không được vô tri biên thuật làm người làm
- 5- Không được chiêu nạp người xấu
- 6- Không được tự lập đồ chúng
- 7- Không được chuyên giữ trẻ nít và sa di nhỏ tuổi
- 8- Không được dùng việc bắt mình muốn làm thầy người
- 9- Không được dụ dỗ đệ tử người khác, phản lại bổn sư
- 10- Không được vô sự đột nhập cửa công
- 11- Không được vọng bàn thời sự đắc thất, thị phi
- 12- Không được có tâm khinh ngạo các bậc tiên thánh, tiên hiền
- 13- Không được đem đồ đạc của Tam Bảo cho người
- 14- Không được xâm chiếm sản nghiệp người khác
- 15- Không được xông khói nhúm bếp riêng.

Chúng nghĩa ghi rằng, thủ ý an phận lại còn có 20 lời khuyên như sau:

- 1) Tăng viện lấy vô sự làm hưng thịnh
- 2) Tu hành lấy hợp cơ duyên làm an ổn
- 3) tinh tấn lấy trì giới là đệ nhất
- 4) tật bệnh lấy giảm ăn làm thuốc thang
- 5) sân phiền lấy nhẫn nhục làm giải pháp hay
- 6) thị phi lấy không biện bạch làm giải thoát
- 7) đãi người lấy thành thật làm chân tình
- 8) làm việc lấy tận tâm làm công cán

- 9) nói năng lấy ít lời làm ngay chính
- 10) trên dưới lấy từ hòa làm tấn đức
- 11) học vấn lấy chuyên cần làm nhập môn
- 12) nhân quả lấy minh bạch làm không lỗi
- 13) già bệnh lấy vô thường làm sách tấn
- 14) Phật sự lấy tinh thành làm quan yếu
- 15) Kính khách lấy khiêm nhường làm sự cúng dường
- 16) sân vườn (chùa) lấy cây thật làm trang nghiêm
- 17) gặp việc lấy dự toán làm không nhọc
- 18) xử chúng lấy cẩn ngôn làm thường lễ
- 19) gặp nguy lấy không loạn để ứng phó
- 20) giúp vật lấy từ bi làm căn bản.

Chú ý như thế mới ít lỗi lầm. Có bài kệ như sau:

Ta là người xuất gia

Quá bán con nhà nông

Phải nhớ lúc bần cùng

Giữ an phận thủ thường

Giá như người giàu sang

Lạc giữa chốn thiên môn

Nên biết nghĩa pháp không

Nguyên yếu tâm người chết

Người sợ tâm bất tử

Tâm tử nghèo cũng tốt

Giữ được phận an bản

Trọn đời không nào phiền.

Cần phải tuân theo Nội Quy không làm 7 việc như:

- 1- Không được sai mà không làm; cấm đoán lại chẳng ngưng
- 2- Không được có lỗi bị phạt mà không tuân theo
- 3- Không được lấy danh nghĩa chùa mà không ở trong tăng giới
- 4- Không được ngang ngạnh ngăn cản người trách nhiệm làm việc
- 5- Không được vì việc làm sửa đổi thành qui tắc
- 6- Không được không thừa thầy bạn khi tự ý làm sai
- 7- Không được kết giao người có lỗi bị đuổi.

Bảy việc trên không phạm gọi là tùy thuận Quy luật. Nếu phạm nhẹ bị phạt, nặng đuổi khỏi viện.

Chứng nghĩa ghi rằng, trở lên bên trên là 10 khoa cộng gồm 67 việc đều giữ mà không phạm gọi là tùy thuận qui chế. Lại nói rõ ràng hơn từ Tam quy, ngũ giới, giới Sa Di, Tỳ Kheo, Bồ Tát, Bách Trượng Thanh Quy, cho chí lễ nghi 300 oai nghi, lục độ, vạn hạnh... Luật pháp thế gian liệt ra không phạm gọi chung là tùy thuận qui tắc, không có nêu nơi 7 điều trên.

Phụ: 10 điều tu thân của Ngài Liên Trì (trích sách Đàm Lâu Pháp vịnh)

- 1- Không có tâm khi dối
- 2- Không được tham tiền của
- 3- Không được sử gian
- 4- Không được dùng mưu

- 5- Không được che dấu lỗi
- 6- Không được phung phí
- 7- Không được gần người nữ
- 8- Không được ngồi lê
- 9- Không được lánh nhọc
- 10- Không được phí thì giờ.

* Nguyên chú ghi rằng, nói tâm khi dễ, hễ trộm vật của thường trụ, lừa đảo vật của tín thí như Phật tượng, kinh điển, đồ trai tăng, hội hè, tạo tự, đúc chuông, làm cầu, đắp đường... tất cả những tài vật như thế mà lấy dùng riêng. Cho đến dối người, dối quan, dối trời, dối thần... những việc ám muội đều gọi là khi dối. Dù không trộm, lừa đảo như đã nói, chỉ thích ham chứa giữ tiền bạc, keo rít không cho, bỏ của ra để thu lợi, cho vay lấy lời đều gọi là tham tài. Lúc đáng nói nín thinh không nói; đáng can ngăn ngồi trơ nhìn không can ngăn. Ngoài biểu lộ người ngu khờ, trong ẩn chứa điều đáng chê trách đều gọi là sử gian. Không chịu an thân chỉ tạo mưu tính kế, hoặc mưu tính chỗ ở, hoặc mưu đồ chúng, mưu toan kinh sách, mưu tính đàn thí, mưu làm pháp chủ, làm giới sư; cho chí kết giao với bè bạn xấu ác, ra vào cửa quan. Tâm tánh ác độc, tư cách khả ố, độc sử đặt điều, trái lý nhiều việc v.v... đều gọi là dùng mưu cả. Khinh người, cười người, quát nạt người, làm thầy người, ghen tài người, bêu riếu người; nhận người đào tẩu, chiếm tài sản người, khiêu khích thừa kiện, không nhường nhịn người đều gọi là che dấu tội họa. Phô trương phòng xá, ăn uống sung túc, quần áo hoa hòe, chủ nhiều sản nghiệp, tinh chế đồ dùng, xem thường ngũ cốc... Phóng túng giao du, nuôi dưỡng tôi tớ, đút lót nhiều cho bọn đảng... một mực không biết hổ thẹn đều gọi là phung phí. Tăng ni nhỏ tuổi kết làm bạn đạo. Phụ nữ bái làm cô nương lui tới gia đình vọng tộc, tìm kết thâm giao không tránh khỏi sự gièm pha đều gọi là thân cận người nữ. La cà tới nhà giàu, châu chực cửa sang... Hoặc mượn thi văn biển ngạch, hoặc mượn quyền thế, hoặc đòi hỏi tiền bạc... Suốt ngày bôn ba không nghĩ tới tu tịnh đều gọi là ngoại diện. Sớm tối lễ tụng xao lãng bê tha, công tác Phật sự trì trệ không theo chúng đều gọi là lánh nặng tìm nhẹ. Mạng người qua hơi thở, thời khắc không đợi người. Việc chết chưa tường tác bóng đáng tiếc, để luống qua ngày trống rỗng gọi là luống phí thì giờ. Chính việc trước quan hệ tới giới và một việc sau nói đến nỗ lực không ngừng vậy.

---o0o---

2.5 Phụ: Người Xuất Gia

Răn những việc không tốt, có 32 điều trích từ Vân Thê pháp vụng như sau:

- 1) Ngồi ngay trước Phật thọ người lễ bái bất tường
- 2) Mắng người trước Phật: bất tường
- 3) Trên pháp tòa chỉ trích người và buộc miệng tố cáo bậc tiên hiền sai lỗi: bất tường
- 4) Cầm y thọ người lễ
- 5) Đang ăn mắng người
- 6) Phân biệt thức ăn ngon dở sanh tâm chê ghét
- 7) Gắm vóc, the lụa mỏng may tăng y dùng hằng ngày
- 8) Giường nằm dùng mền đôi, chiếu đôi, lụa mỏng làm nệm, tơ lụa làm màn
- 9) Dáng sớm mắng chửi người
- 10) Hiềm ghét tín thí khinh chê nhỏ mọn
- 11) Mua bán nô bộc (tôi tớ), cung ứng dịch sứ như nhà hào phú
- 12) Người khác lao碌 riêng mình nhàn hạ.
- 13) Người nghèo khó riêng mình giàu sang
- 14) Tuổi trẻ làm pháp sư, làm thầy thí thực, làm sư trụ trì
- 15) Tuổi trẻ ỷ bẫm chất thông minh, khinh chê bậc kỳ lão
- 16) Ỗ tuổi lớn hạ cao, khinh khi lớp đàn em

- 17) Vô có được tặng trọng hậu
- 18) Người đem lòng chí thành tiếp ta, ta lấy tâm xảo trá đối xử lại
- 19) Ưa thích bàn việc lỗi người và che lỗi mình
- 20) Lấy đồ vật Tam Bảo làm lợi cho người thế tục
- 21) Ân sủng đệ tử Sa Di cho ăn ngon, mặc đẹp
- 22) Phát ngôn khích động thô lỗ làm cho người khó chấp nhận
- 23) Có nhiều người hộ pháp, nhiều kẻ cúng dường liền tự tôn tự đại
- 24) Không có bịnh sai người đồ đồ dơ
- 25) Trong khi bịnh sân giận với người phục vụ
- 26) Mặc y đi tiểu giải
- 27) Gặp những tai họa như thủy nạn v.v... oán hận trời đất
- 28) Thiếu nợ người, nghe người chết sanh tâm vui mừng
- 29) Chưa nói đã cười trước
- 30) Lúc vô sự luôn sầu than
- 31) Dốt đặc giáo lý, vọng bàn cổ nhân, coi thường mọi người
- 32) Có chút ít hiểu biết tự cho là tổ sư. Những việc trên làm tổn phước tổn thọ, phần nhiều rước lấy tai họa cho nên gọi là bất tường; phải cùng nhau giữ giới rắn dè.

Chứng nghĩa ghi sách Thiên Tông Bí yếu rằng, Thiên sư Thừa Hạo chùa Ngọc Tuyền đi tham vấn sư Đắc Tháp phát sáng tâm yếu đạt được Đại tự tại tam muội, tạo chế mũi trâu, người đời gọi là Ngưu Đầu Khố, chép danh hiệu lịch đại tổ sư, bèn nói rằng: chỉ có Văn Thù, Phổ Hiền sánh kịp con. Theo sách dẫn trên nên tông lâm nhân đó gọi là Hạo bố cô. Giữa niên hiệu Nguyên Phong làm Trưởng chúng ở động Nhưong Dương ản tu, có một tăng làng cũng đến tham học. Sư thấy mặt mừng rằng:

- Người có đạo lý gì dám vác mặt tới đây làm trò đùa ư?

Tăng nhân giận xung thiên, tìm tới Lộc Môn như đã nói, rồi bỏ đi luôn. Ôi! đây là một dạng thức bất tường đó vậy. Có pháp sư Tề Ngọc thời Tuyên Hòa năm thứ 6 ở Thượng Trúc, thấy có một ông tăng mất quy cách liền quở rằng: ông vô tri như súc sanh vậy. Sau hồi hận nói: vị ấy tuy là người hư, mắng là súc sanh có tội với Tam Bảo. Từ đó 3 năm luôn đối trước Phật sám hối lỗi lầm. Như thế ngộ hậu mới chuyển việc xấu ác chẳng lành trở nên thiện lành vậy. Nhưng tại sao ban đầu ta không giữ lời cảnh trọng nhỉ? Người có học lấy đó tự soi sáng tâm mình vẫn hơn.

---o0o---

2.6 Qui tắc sống chung

Tâm đừng ảnh dứt, ổn định danh lam. Nội Qui tu tập đồng chí hướng phải tham vấn bậc kỳ túc để hiểu sâu mà trăm mối do từ đời này sang đời sau phải biết. Nhân do tri kiến mỏng cạn nên sơ tâm dần lui sụt làm cho giềng mối đạo mất hướng; mô phạm đa phần sai trái, tập nhiễm lâu ngày trở thành thói tệ.

Trụ trì... ấn ký.

Tự thẹn đức mỏng, tài sơ rộng tuếch lời Phật dạy, không pháp chi báo đáp, muốn quay lại đi đến chỗ đời phong. Chỉ mong bậc hiền nhân trở lại cùng tôn trọng giới luật Phật chế. Tổ răn mực thước điều trị ba nghiệp, diệt trừ tội lỗi, ở chôn tòng lâm như thế vốn phải tuân hành. Nếu không được như vậy không đủ sức sống chung.

Phạm 32 việc sau đây cho ra khỏi viện:

- 1- Phạm giới căn bản đuổi khỏi viện.
- 2- Tu thiền cốt ở thật tham thật ngộ, người lộng ngôn, khẩu đầu thiền
- 3- Tự năm tự ba chơi đùa trước cửa sơn môn tán gẫu hay ngồi không bị phạt không tuân hành: đuổi.
- 4- Uống rượu, xem người đùa vui bị phạt đuổi khỏi viện. Nếu bị bệnh nặng không rượu trị bệnh không lành phải bạch chúng mới được uống; hút thuốc bị phạt.

- 5- Cố cho người có tội trở lại, tính làm hại tông lâm, làm náo loạn người tốt.
- 6- Tranh cãi phải trái, châu miệng chửi rủa, thu tay đánh đấm bất cứ ngay gian.
- 7- Đứng lý không nhẫn, phạm lỗi mà sân, đứng lẽ không phạt người phạm lỗi.
- 8- Lúa thóc các thứ mà không thừa Trụ trì tự bán dùng riêng bị phạt đền bồi xong, đuổi luôn
- 9- Xâm tôn của Tam Bảo như xấn bót tre gỗ, hoa quả cho người bồi thường xong, đuổi.
- 10- Xin của thí giữ ở chùa vẫn tự đi xin thêm; xét việc nặng nhẹ để xử phạt, không tuân đuổi khỏi viện.
- 11- Đem việc công giữ làm việc riêng và theo thói tục cố hữu không phải của người tu hành liền cho ra khỏi viện. Biết mà không nêu lên cùng bị phạt.
- 12- Với mắt không tinh đối luận kiến thức người; phát ngôn không tự biết sai trái cho ra khỏi viện.
- 13- Công phu, tọa thiền ngao du ra ngoài không theo chúng bị phạt. Trừ đi công việc công, hay bị bệnh, không tuân bị đuổi.
- 14- Cải vả trong thiền đường bị phạt, nơi chánh điện dẫu không nêu lên; đợi ra khỏi nhà nêu lên, toàn ban làm việc trong chùa cùng bị phạt.
- 15- Trừ việc công không ở tại liêu mình mà tới phòng khách tự tung phóng túng bị phạt.
- 16- Như chơi bài, đánh bạc nặng phạt đuổi khỏi viện. Chúc sự không nêu ra cùng bị phạt.
- 17- Vô sự không được trong lúc bữa ăn đùa cười.
- 18- Không được tranh chỗ ngồi, không được chằng theo chỗ ấn định.
- 19- Không được đứng lên trước khi chưa kiết trai.

- 20- Không được cầm chén vào bếp lấy thức ăn, vi phạm bị phạt.
- 21- Lúc uống trà, nghe Quy Ước, trừ việc công không theo chúng bị phạt. Không được sai mượn người lấy trà bánh đem về phòng cho; người lấy cùng bị phạt.
- 22- Kinh sách của thường trụ, hàm quyền trang trong đều không cho mượn đem ra khỏi chùa, vi phạm bị phạt. Cũng không được tự ý lấy, phải bạch chúng mới mượn.
- 23- Khinh khi bậc kỳ đức, nói lời xấu ác, sanh tâm phỉ báng.
- 24- Không nghe người chức sự kết buộc tội thành điều mà bất mãn tố cáo bị phạt.
- 25- Không có bệnh nặng lén chúng ăn uống riêng bị phạt. Ghé nhà bạn bè ở cách đêm bị phạt.
- 26- Các phòng nghe chuông báo thức không dậy bị phạt. Ý mình có công không chịu tuân phục theo, phạt nặng.
- 27- Phàm nhận vật của tín thí mà không cho người chấp sự biết nhận vội, phạt đền bồi, trừ bạn bè thân quen.
- 28- Để râu tóc dài, từ chối thẳng không cho ở.
- 29- Trời nóng nực oi bức không được chỉ mặc quần đùi. Mùa đông trời lạnh đốt lửa cùng đội nón bị phạt.
- 30- Tiền bạc của Tam Bảo thu chi có sổ sách, vào mỗi kỳ họp phải báo cáo. Không ghi rõ hoặc gian dối bị phạt.
- 31- Ở trong chúng ra ngoài gây lộn, nghiêm đuổi, dựa cố ấy bằng cách cất đơn, không cho nhập vào lại.
- 32- Bao che người có tội nặng (lỗi lớn) và trẻ nhỏ hoặc lén kết nạp đồ chúng bị phạt đuổi

Tòng lâm không có tăng trông coi trong ngoài bất chánh. Những điều tệ xấu làm sao chấm dứt; quy tắc làm sao tái lập được? Vị thầy trông coi phải tận

tâm xem xét không được theo tình cảm riêng. Nếu người nào phạm chiếu quy luật phạt. Không phạt, vị tăng trách nhiệm bị phạt.

Bên trên là 32 điều quy định đúng, là quy tắc hành đạo. Đại chúng sống chung nên tôn trọng để duy trì nề nếp.

Ngày...tháng...năm

Trụ trì ... căn bạch.

-Chúng nghĩa ghi rằng Phật tổ (Thích Ca) lập giáo pháp, kiến tạo tông lâm giúp chúng tu tập. Nghiêm tu thanh tịnh là báo đáp 4 ân và làm cho 3 nghiệp thanh tịnh. Cho nên Trụ Trì không tiếc thân mạng, vét bùn, khuân nước vì để nuôi dưỡng tài năng, nung đúc Thánh trí. Sân chùa không thể không rộng lớn, lễ pháp không thể không nghiêm minh, quy tắc không thể không lập. Lập qui tắc trên dưới mới yên; lễ pháp nghiêm gian thù lui bước; cửa chùa đủ rộng thời có tinh thần tôn sư trọng đạo. Luận về khiêm nhường tiếp vật, như núi dung, biển nạp. Phong cách trụ trì hễ gặp việc thi hành, không được mặt lạnh quay đi, phòng những việc tế vi, sửa dần lỗi lầm của mình, ngổ hầu mới có thể làm cho trong ngoài về sau thay đổi vô sự mà được an lạc vậy. Song muốn điều động được người trước hết phải điều chỉnh chính mình mới mong điều phục một phần thói quen của người khác. Xem kẻ khác như chính bản thân, bỏ cái Ta theo người, theo quy tắc xưa (lão Tổ: Tổ Bách Trượng) mới làm được. Sách Chích Cổ ghi rằng, Nam Đẳng Không thiên sư tư chất thông minh, tri kiến sâu rộng, giữ gìn giới luật tinh nghiêm. Hội hè mời Ngài đều không đi ... Có người đón thầy tới nhà thọ trai, cúng dường tiền vật lập chùa. Ngài nói: gánh công bỏ của mới quý đẹp, nhưng dẫu chúng mà ăn không phải tự phá giới sao? Cuối cùng Ngài chẳng tới dự.

Ngũ Am có bài thơ ca tụng rằng:

Sùng Giác mắt bồng lộc

Cần cù chăm thảo mộc

Chay tịnh lập sơn cốc

Hai việc phước đức luân.

Ông muốn cần được phước

Tôi tôn trọng giới luật

Sơn môn có ngày tàn

Giới luật như kim cang (bất hoại).

Cúng dường chỉ là một việc nhỏ; túi rỗng lọt hạt cải, từ đáy một lỗ hồng thấm lọt được kim khâu. Toàn thân Bảo Giác do người mua chuộc được, người không thấy Văn Thù tái thế là bậc thầy thanh lương; giữ luật trọn đời không hề giải đãi sao? Ta là những hạng người gì mà dám không dùng đầu đội ư?

---o0o---

2.7 Qui chế thiền đường và quy tắc tọa thiền

(xem chương 8: mục tiết lạp ở dưới)

Qui chế tịnh nghiệp đường có 16 điều như dưới đây:

Luận biến sanh tử khôn dò, nếu không niệm Phật làm sao vượt qua được. Đạo Bồ Đề cao vợi, nếu không có cõi Tịnh độ làm sao nương tựa được. Nay đại chúng cùng thấu rõ chỉ chuyên niệm hồng danh 6 chữ lập nguyện cùng nhau, nỗ lực nhất tâm bất loạn; chỉ sợ thời gian lâu, đi xa dễ sanh lười biếng, sự thật mất còn danh, lao lực lập thành không gia tâm sách tấn; không lấy gì ràng buộc thân tâm; hẳn phải có chương điều mới mong chinh đốn ta - người. May được cùng giữ qui tắc mà nhắc khuyến nhau, không tranh ngã tranh nhân để cho tịnh nghiệp chóng thành. Đài sen sớm nở thấy Phật A Di Đà ở cõi Tây Phương. Thân này chứng tam muội được như thế thời ước nguyện không mất. Xin được nêu ra 95 quy ước sau đây:

1- Thời khóa hằng ngày 10 giờ niệm Phật; đến 9 giờ (tối) quán tưởng (tham thiền) và một thời lạy sám hối. Dù đông lạnh, hạ oi cũng không được lơ là.

2- Mỗi nửa tháng có trăng và không trăng, tụng luật Tứ Phần giới bốn; tụng gọn ít là kinh Phạm Võng. Quý gói chấp tay đọc lời phát nguyện và hồi hướng sanh Tây Phương.

3- Gặp Khánh Đản Phật A Di Đà và Quan Âm, Thế Chí thành tâm thiết lễ tưởng niệm

4- Mỗi năm hai tháng, tháng giêng, tháng hai đều có 2 kỳ niệm Phật để cầu nguyện vạn vật đổi mới, trời đất canh tân; nhằm nói lên ý nghĩa mạng người vô thường, ngày tháng luống qua.

5- Mỗi ngày lúc chiều nên cúng xuất sanh thí thực. Đọc chú Biến Thực chân ngôn 49 lần, niệm hiệu Phật 1000 lần để giúp đỡ quỷ thần

6- Mỗi ngày niệm Phật, thọ trai (dùng bữa) đều đáp y

7- Nên cấm chỉ rong chơi không được ra ngoài xem bóng, lên phố nhàn du. Trừ phi đi thăm bệnh cha mẹ, sư trưởng, có thể tạm thời xin phép, ngoài ra đều không được.

8- Xin phép ra ngoài nên có ngày giờ nhất định. Nếu quá hạn không về, phạt quỳ hương

9- Nên miễn nghinh đón khách quý tiếp đãi đàm đạo ít lời vì thì giờ qua nhanh. Nếu gặp nhân duyên hỏi Phật pháp, không nêu ở phần này

10- Nên che dấu việc tạp. Phàm Kinh sách, giấy mực, thi, kê, chữ viết... tất cả để chỗ cao, không được hời hợt xem thường.

11- Không nên trả lời ngoài kinh tạng. Giả như người đến tự viện cũng không hện ngay. Dù trả lời không được, chỉ cần tụng kinh A Di Đà, lạy sám Tịnh Độ, niệm Phật mà thôi.

12- Trong chùa, trừ niệm Phật ra, tất cả không nên nói tạp. Giả sử có việc cần hỏi đáp cũng nên nhỏ nhẹ

13- Niệm Phật bị hôn trầm dùng cờ hiệu nhỏ đi tuần để nhắc nhở tỉnh táo lại; cờ hiệu tới không đứng lên bị phạt

14- Có lỗi không sám hối, can ngăn không trừ, phạt quỳ hương. Phát tức nổi xung gây gỗ đôi bên đều bị phạt. Một người nhẫn, một người sân, người sân bị phạt

15- Phàm có lỗi nên cùng khuyên nhau theo Nội Quy, khiến người kia lập tức sám hối ngay. Không được để cách ngày, đêm

16- Vô có xông vào phòng, tụ lại bàn chuyện nhằm bị phạt quỳ hương. Không phải có việc quan trọng, giờ chỉ tịnh (ngủ) không về chùa phạt hương.

Những điều quy định trên nếu phạm, Duyệt chúng phải nêu ra. Đưa ra nhưng đương sự bất tuân là đuổi. Biết mà không đưa ra, cả 2 cùng bị phạt quỳ.

Ngày...tháng... năm

Trụ trì... cần ghi.

-Chúng nghĩa ghi rằng, tông Tịnh Độ thành lập ở Đông Độ bắt đầu từ Ngài Lô Sơn Huệ Viễn. Ngài khuyên người bỏ cõi Ta Bà, cầu sanh về Tịnh Độ. Giáo thuyết ấy lấy kim ngân làm vật ô nhiễm của tâm; lấy tước lộc làm cái khổ hoạn của thân, lấy nữ sắc chiếc búa chặt mạng sống, lấy ăn ngon mặc sang, nhà cao cửa rộng làm hồ hầm đọa lạc của ba cõi. Chỉ mong thoát khỏi thân người sanh lên 9 phẩm sen, được thanh tịnh mà dứt hết bản nhơ. Nên Ngài quy tụ các nhà trí thức, 18 vị hiền tài khắc hoa sen, 6 thời lễ tụng, tinh thần khẩn thiết lúc lâm chung (chết) mỗi người được như sở nguyện. Từ đó về sau lời dạy ấy được tôn trọng. Người tu tịnh nghiệp sanh về nước Cực Lạc thay thế nhiều người. Song trong đó có danh mà không thật. Tới mặt Đường người chuyên tâm niệm Phật cũng không phải là ít. Cho tới ngày nay lòng người đã tệ bạc, tội lỗi ngày càng phát sanh. Tụ tập nhiều người mạo danh là Liên Xã, dối cầu ăn mặc hay giữa nam nữ có phần phức tạp; sanh nhiều tệ đoan thường hay xảy ra. Cho nên người trong Liên Xã thà ít không nên kết nạp nhiều; cho chí việc nam nữ lộn xộn trong cùng tổ chức. Việc như thế xưa kia chưa từng có; người nữ thường nên phải ở nhà niệm Phật chớ xen lẫn giữa đàn ông. Tránh tiếng đời gièm pha để hộ trì chánh pháp không thể xem thường. Dựa theo Tư Tề đại sư trong sách Nghiệp Đường Minh ghi rằng, nhà gọi là tịnh nghiệp, chỉ nghĩa là gì; chỉ là duy nhất tinh chuyên niệm Phật Di Đà. Tâm chưa được thuần nhất, nghiệp hẳn là bất tịnh, chỉ mê cùng tán loạn sống ắt nhóm bịnh. Bọn người như vậy ra khỏi nơi đây nên hợp thời kiểm soát, hoặc cần chăm hoặc biếng lười. Lười thời phát gặt gống, cần chăm nên tiến bộ. Nỗ lực một đời quyết gặp Phật A Di Đà. Ngoài ra ở chùa Tư Phước thuộc Hồng Lũy Sơn tại Bắc Kinh có Triệt Ngô thiền sư nói rằng “Tâm hay tạo nghiệp, Nghiệp do tâm tạo, nghiệp tùy tâm chuyển. Tâm không thể chuyển nghiệp tức bị nghiệp buộc, nghiệp không tùy tâm chuyển tức là tâm năng buộc”. Tâm có thể chuyển nghiệp, tâm hợp với đạo, tâm hợp cùng Phật tức là hay chuyển nghiệp. Nghiệp chuyên tâm buộc, tâm nương thường phận xoay vần tạo ra thọ, tức là nghiệp buộc mọi cảnh giới

hiện hữu hết thấy quả báo đời sau đều chỉ do nghiệp mê lầm. Duy tâm hiện ra, chỉ nghiệp cảm nên, cho nên cảnh trước mắt, quả báo đời sau đều có nhứt định. Do nghiệp hay buộc tâm chỉ tâm mới hiện khởi. Cảnh hiện báo về sau đều không nhứt định. Do tâm hay chuyển nghiệp, nên nếu người đang tạo đúng hay buộc tâm, cảnh hiện hữu về sau nhứt định đưa tới quả báo mà liền phát tâm quảng đại tu hạnh chân thật. Tâm cùng Phật hợp, tâm hợp với đạo tâm hay chuyển nghiệp. Tiền cảnh, báo về sau định nhưng bất định. Lại tâm hay chuyển nghiệp, tiền cảnh hậu báo khi bất định, nhưng đại tâm bỗng lui sụt, việc tu tập kém khuyết nên nghiệp hay buộc tâm, tức là tiền cảnh, hậu báo bất định mà định. Nhưng nghiệp sẵn tạo đã qua không thể nại có cho là may mắn phát tâm nhưng cơ duyên do ta tạo nghiệp, chuyển nghiệp mà không do người khác. Như ta phát tâm niệm Phật cầu sanh về cõi Cực Lạc hay quán sát y chánh báo hoặc niệm danh hiệu, niệm niệm tương tục nối liền không dứt thời tâm và Phật hợp, hợp rồi lại hợp; hợp đến chỗ chí cực tức tâm hay chuyển nghiệp mà tiền cảnh của Ta Bà chuyển thành Cực Lạc. Đầu thai quả báo địa ngục chuyển làm bào thai hoa sen thành người tự tại an lạc cõi Lạc Bang. Nếu ngay lúc tâm nghĩ gì, tâm hoặc ngẫu nhiên mất thăng bằng hoặc bỗng sanh lui sụt không hiệp cùng Phật thời nghiệp hay buộc tâm mà tiền cảnh vẫn lưu báo về sau, vẫn đương nhiên trở lại thọ khổ của chúng sanh. Song ta có chí thoát khỏi cầu sanh Tịnh Độ có thể thân nhiên mà cảnh giác, phân chí mà phát tâm.

---o0o---

2.8 Qui tắc Phật thất

Luận về Phật thất nguyên vì hiểu rõ chu kỳ lẽ sanh tử. Bảy ngày là một kỳ, mỗi ngày 6 thời không gián đoạn. Ban đầu một thất, 2 thất cho đến 3, 4 thất. Bốn phương thỉnh chúng câu hội, nhất thời thắng hội rộng khai. Chỉ sợ lười dễ sanh, tinh tấn khó đến, nếu không ràng buộc lấy gì sách tấn thân tâm. Không có quy tắc lấy gì để người tin kính, nên cẩn trọng lược ghi những điều qui tắc như sau:

- 1- Trong 7 ngày đầu nên buông hết vạn duyên, phải dụng công không dứt, cần yếu là nhứt tâm bất loạn. Xem như trước mặt là một hội liên trì vậy.
- 2- Canh 5 nghe chuông liền thức dậy xuống giường, sau khi rửa mặt xong, tất cả chúng đều vào điện niệm Phật, không được nằm yên không dậy, lánh nhọc an thân.

3- Sáng mặt trời đã lên liền dùng cháo. Sau khi dùng cháo xong vào ngay chánh điện niệm Phật, chờ một cây nhang tàn mới đứng dậy đi kinh hành. Kinh hành mãi đến khi cây hương còn một tấc trở về chỗ ngồi niệm Phật. Cây hương khác đốt khấn niệm hiệu Phật, nghe 3 hồi chuông dứt, đồng loạt nghỉ niệm. Nghỉ giải lao dùng trà xong, gõ mõ nhỏ khởi sự tiếp tục niệm.

4- Ngồi niệm tới hương cháy hơn một tấc, hai vị lãnh chúng Đông Tây đứng lên xoay mặt vào nhau xá một xá, nhìn lên tiến tới đi từ từ lên cầm phan chắc nơi 2 tay bước đi đều, theo hàng đôi. Giây lát, mõ dẫn 2 hàng người cùng đi, không được đi sai lộn. Thấy người nào ngà ngật, người cầm phan lớn tiếng niệm Phật đánh thức tỉnh đưa phan cho người đó cầm. Đương sự liền đi kinh hành, người cầm phan trước bèn ngồi thế chỗ y. Cứ theo phan, người kinh hành niệm Phật không thế ngủ, và lần lượt như thế mà nhắc nhở nhau. Đến lúc cây nhang còn hơn một tấc, mõ dẫn trở về chỗ ngồi, phan cũng trở về chỗ. Hai bên đối diện, người cầm phan cắm vào giá rồi về chỗ, cây nhang vừa cháy hết như trên.

5- Người cầm phan cần phải xem kỹ nếu thấy mắt nhắm tuy vẫn ngồi ngay, đầu thẳng, miệng niệm theo chúng. Người này hoặc hơi hôn trầm hoặc đang lúc đắc ý, không nên giao phan, không nên trao đổi qua lại, nếu đưa phan qua bị phạt. Nếu người đầu hơi cúi gật mới đưa phan cho cầm

6- Người hôn trầm thấy phan đưa tới tâm sân nổi lên không tiếp cầm phan bị phạt quỳ một cây hương.

7- Người cầm phan trên tay mà tự ý chạy rồi loạn hàng ngũ bị phạt

8- Người cầm phan, thấy có người hôn trầm đáng đưa cho cầm mà không đưa bị phạt

9- Kinh hành nên đi thứ tự không được rời loạn chen trước lẫn sau, nghênh cổ lắc đầu bị phạt. Nếu lánh nặng tìm nhẹ mình tràn vào phòng, luận bàn tạp nhạp phạt gấp đôi.

10- Ngoài công tác ra, trừ việc Phật sự chung, thì giờ trống nên nhiếp tâm niệm Phật. Nếu dუმ đầu lại nói chuyện bị phạt. Nếu lấy cớ có việc đi ra ngoài thả bộ, phát hiện ra được bị phạt nặng. Giả như có việc chung không đến được nên báo cho lãnh chúng biết rồi mới đi, ai vi phạm bị phạt.

11- Tàn một cây nhang xong, ai trực trong ngày rót trà hai bên, chúng tuân tự uống trà. Không được trà dư đồ hắt ra đất, ai phạm bị phạt. Làm vỡ chén phải đền. Dùng trà xong mới đứng lên, người nào đứng dậy trước bị phạt.

12- Lúc đi đại tiện giới hạn một tác hương, đi tiểu hạn nửa tác hương. Vô cùng lúc với người khác không được nói cười giao đầu kê tai nhau, ai phạm phạt quỳ hương

13- Khi tọa hương cây hương cháy quá hai tác, Duyệt Chúng phải tuần tra hai bên xem có ai chưa tới, đem dùi bồ đoàn (tọa cụ) ấy tới trước Phật, lúc người đó đến liền chấp tay quỳ niệm hương xong, nhẹ nhàng đứng lên lễ Phật, xoay qua lễ Phương Trượng, rồi tự cầm bồ đoàn về chỗ ngồi..

14- Người sơ cơ không ngồi kiết già được có thể ngồi bán già cũng được; cần thiết là phải ngồi thân ngay thẳng

15- Tiếng niệm Phật cần phải rõ ràng dứt khoát, không được cao quá, cao thì niệm không lâu được; cũng không được thấp quá, thấp là bị hôn trầm (ngủ gật), chỉ cần tiếng phát ra giữa môi và lưỡi; tâm niệm miệng xướng, tai nghe cho chí đứng - nằm - ngồi luôn luôn giữ một câu niệm A Di Đà Phật. Như thế mới tin được tiếng, tiếng nhiếp niệm; niệm niệm nhiếp tiếng đó là công phu, lâu ngày tự nhiên trở thành thuần thục.

16- Trong lúc tu Phật thất gặp bệnh duyên nên tin tưởng đức Phật A Di Đà là vô thượng y vương. Nếu cố gắng nỗ lực không rời ma bệnh liền tiêu. Nếu như không thể tiếp tục được nữa cần phải nghỉ ngơi nên báo cho chủ thất biết, kể đến cho đại chúng biết. Phải dẹp bồ đoàn rồi mới ra khỏi chỗ. Không được cố kéo dài bệnh dây dưa làm hỏng tịnh nghiệp. Nếu có việc riêng ra khỏi chùa mà không báo cáo, bị phạt nặng.

17- Ở trong chúng hoặc đi tới lui hợm hĩnh, lời nói gây xích mích, sách động loạn chúng, đuổi khỏi chùa

18- Trong chúng có lỗi, Duyệt Chúng đưa ra mà không chịu nhận bị phạt; người biết mà không nêu ra cùng bị phạt.

19- Trong đạo tràng có người già bệnh nên tìm cách tùy thuận không nên câu nệ quy tắc, như tùy hỷ niệm Phật; tạm đến rồi đi cũng không có nơi điều quy định này.

20- Dùng cháo tiểu thực đốt 3 cây nhang, dùng ngọ trai đốt 4 cây. Tụng thời kinh Tịnh Độ, lễ 12 lạy Phật A Di Đà, Quan Âm, Thế Chí, Địa Tạng Bồ Tát mỗi vị 3 lạy. Ba tự quy, lạy Tổ xong, uống trà, nghỉ giải lao xong đi kinh hành niệm Phật. Niệm 1000 lần hay quy định theo giờ giấc 15 phút, 30 phút hoặc 45 phút hoặc một tiếng đồng hồ xong trở lại hồi hướng.

Mỗi người về chỗ nghỉ ngơi, thăm niệm Phật rồi đi ngủ đúng theo thời biểu qui định không nên sai trái.

21- Đêm thứ 7 hoàn mãn phân hồi hướng, niệm Sám Văn Tây Phương; quý niệm Phật, Bồ Tát, Tự quy y xong, lui ra lễ Tổ. Đại chúng tới phòng Phương Trượng đánh lễ 3 lạy và chờ Ngài khai thị xong, lễ tạ xong mỗi người tự lui về chỗ. Mỗi khi mãn thất, học chúng đi, đứng, nằm, ngồi đều thăm niệm Phật, kỵ nhất là bàn nhấm nói tạp; 2 thất, 3 thất đều áp dụng như thế.

22- Lấy trong Nội Quy mà nói phạt đều là phạt quý hương niệm Phật. Do vì nhân địa mà ngã xuống, trở lại nhân địa mà đứng dậy. Chỉ nên một lần ngã mà đứng dậy chứ không nên vụt đứng vụt ngã, tự sai lầm không nhỏ vậy.

Trụ trì... cần sao lục.

Ngày... tháng... năm...

Chứng nghĩa ghi rằng, qui tắc tu tịnh nghiệp cùng Nội Qui Phật thất, tuy phân hai nhưng chú mục cảnh sách, đại bộ thật ra không có khác nhau. Phật thất thời gia công hành trì. Tư Tề đại sư nói rằng: “niệm Phật không là điều khó, khó là ở chỗ nhất tâm. Nhứt tâm cũng không khó, khó ở chỗ dứt gốc ái”. Nên quán thân thể này bản hồi khó mà nói hết được, trong ngoài và ở giữa không có một vật nào trong sạch cả. Cái thân này đã như vậy, thân khác cũng như thế; che dấu ác tâm thâm căn, cẩn thận chớ sanh tham đắm. Nên quán cõi Cực Lạc thuần là hoa sen sanh, không gá thai của cha mẹ nên thọ mạng vô cùng thanh tịnh.

Lúc nhứt tâm niệm Phật, hoa sen liền hóa sanh, nếu người niệm không gián đoạn quyết định được vãng sanh nước An Dưỡng. Lại nói rằng, Nam Mô A Di Đà người nào mà chẳng niệm được. Nếu niệm không cảm ứng như mẹ con khó gặp nhau. Đi, đứng và ngồi, nằm luôn phải buộc cột tâm niệm niệm tiếp nối liên tục, niệm đạt thành một khối. Niệm Di Đà như thế, Di Đà tự hiện đến, quyết định sanh Tây Phương, trọn đời không thoái chuyển.

---o0o---

2.9 Phụ: sớ hồi hương Phật thất

Tâu vì: mắt biếc rõ ràng, thấy sen xanh hàng cây la liệt. Hào quang uyển chuyển, trời người vui hưởng ánh trăng đầy. Bốn tám nguyện mở bày sâu rộng, tiếp độ đều mà chẳng nói không, độ hằng hà sa chúng ngu mê (muội). Niệm 10 niệm mà vãng sanh xong, nhiệm màu ứng hiện vô song, lòng từ che phủ bao dung.

Nay có Phật thất dâng sớ văn hoàn tất, đối trước Phật xứng tuyên công đức. Ngưỡng mong oai đức từ bi, rủ thương chứng tri.

Đọc tại chùa ... thành phố... Vâng lời di giáo Thích Ca Như Lai mở khóa tu tịnh nghiệp này. Pháp sự Sa Môn ...cúng Phật và cúng các bậc hiền Thánh, tạo nên Phật thất.

Trụ trì Tỳ kheo ...

Đạo tràng Phật thất có ... chúng Tỳ kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di... vị.

Hôm nay cúi đầu niệm hương, nhất tâm đánh lễ Thánh chủ hai cõi Di Đà, Thích Ca, Quan Âm, Thế Chí các bậc đại Thánh hiền trên tòa kim liên. Đói mong cảm thông cho việc làm của chúng con. Nhân vì chúng con thân mạng chẳng đồng song tâm niệm vẫn một. Tự nghĩ rằng sanh ra nhằm đời mặt pháp trôi nổi trong sóng dục mãi quên về, cách Thánh càng xa, cận ánh từ quang mà khó thấy. Bèn nương tòng lâm mở bày Phật thất trong vòng 7 ngày dụng công tu tập, nguyện nhất tâm bất loạn, quyết định chọn ngày ... tháng... đến ngày... kết thất. Mời thỉnh bốn chúng câu hội về bốn trụ trì niệm hiệu Phật A Di Đà muôn đức hồng danh trong 7 ngày đêm.

Lại nguyện: lời kinh lan ra khắp xứ trừ sạch căn trần. Lúc niệm hiệu Phật tăng phước huệ, dù tăng, dù tục đều kết nên nhân của chín phẩm, hoặc nữ hoặc nam cùng hẹn đạt quả nơi ba bậc (thượng, trung, hạ) mong được như vậy. Ngưỡng mong từ bi nhiếp thọ.

Văn sớ đã tỏ bày trên nguyện Tam Bảo chứng minh.

Văn sớ hồi hương (kết thúc) Phật thất.

Ngày... Tháng... Năm....

Trụ trì ... dâng sớ.

Chúng nghĩa ghi rằng theo sách Trùng đĩnh Tây Phương công cứ rằng: vào rằm tháng 5 năm thứ 53 đời Càn Long, Lục Cận Đường tại Tô Châu, giảng đàn bảo các con rằng, có một biến cố rất là quan trọng mọi người không thể nào chạy trốn thoát, người người đều phải tử vong, các con có biết không? Hiện tại chúng ta bốn đại nhẹ nhàng, tinh thần khoẻ mạnh, chưa từng nghĩ một sớm nằm trên giường bệnh hôn phách ly tan không biết đâu là đâu không nhận ra đông tây, chẳng phân được nam bắc. Đường trước mờ mờ tờ hào không nắm được, theo nghiệp xoay vần phải thọ khổ vô cùng. Chỉ có khi còn mạnh khỏe lo tu tịnh nghiệp, đến lúc chợt thấy Phật tới tiếp dẫn sanh trong hoa sen thọ mọi điều vui, sống lâu vô cùng. Các con có chí về đạo này nên ta giảng ba môn tín, hạnh, nguyện. Tín là tin có cõi Tây Phương Tịnh Độ, cũng như tin cõi Ta Bà là có thật thời Tịnh Độ đâu không phải là thật hữu. Cùng trong viên minh giác hải khởi niệm là đến, cũng giống như cùng một xứ cùng một thành, cất bước là tới ngay. Đã tin cõi Tịnh Độ quyết định hẳn đến. Lại nên tin pháp môn niệm Phật như mặc áo, ăn cơm; mặc áo chống lạnh, ăn cơm trừ đói, niệm Phật khỏi sanh tử. Nay tin, mai không tin chưa gọi là chân tín mà phải tin hết lòng. Một niệm bỗng nhiên không tin chưa gọi là chân tín. Từ nay trở đi cho tới khi chết một lòng tin ráo riết không một tơ hào nghi hoặc mới là chân tín (tin thật).

Đã tin có cõi Tây Phương, lại tin có pháp môn niệm Phật. Nói suông lời tán dương có ích gì cho việc sanh tử? Cho nên phàm người phát lòng tin phải nên theo đúng lời dạy thực hành. Ngày nay tin liền thực hành hôm nay, ngày mai tin liền thực hành ngày mai, cho chí mong từng chữ thật là khẩn thiết. Thế gian tin Phật niệm Phật cũng không thiếu chi người, nhưng hoặc vì họ mong hiện đời này giàu có hoặc cầu đời sau được phước thọ (sống lâu), được làm thân người không bị đọa lạc. Đây là trái với ý chỉ Phật dạy. Phật dạy ta thoát khỏi sanh tử, ta lại men vào sanh tử. Phật dạy ta sanh về Cực Lạc, ta lại bám víu Ta Bà. Một đời tin niệm phó cho đông hải cũng như làm ruộng gieo giống xong bèn chờ hạt nảy mầm, có đúng không? Cho nên người phát tâm tin chân chánh nên hành hạnh chân. Hành hạnh chân nên phát nguyện tha thiết, trọn đời này quyết định không sanh lên cõi trời hay cõi người, ắt hẳn cần sanh cõi Tây Phương Tịnh Độ. Niệm Phật như thế mới tùy thuận lời Phật dạy, không đến nỗi luống uổng thời gian. Các con nên cố gắng lên!

2.10 Phân từng khu phố (khất thực)

Y cứ khi Phật còn tại thế chư Tăng ban ngày phân ban đi khất thực. Ở Đông độ chưa tuân theo qui định này. Nên tông lâm hoặc có ruộng vườn làm của hoặc thu nhận của tín thí cúng dường. Mỗi tiết đông, tiết hạ hoặc gặp năm mất mùa, Trụ Trì đốc suất chúng đi khất thực một lần. Lúc đi khất thực, tri khách, Duy Na, Giám viện đồng tới phòng Phương Trượng để qui định ngày họp chúng sáng hoặc chiều. Sau khi nghe hai hồi bồng, Phương Trượng sai thị giả đi mời chúng tới trai đường bàn việc đi hoá duyên (hoá trai). Tới ngày ấn định, nghe hiệu lệnh đại chúng đắp y vân tập Phật điện chờ ra khỏi chùa đi khất thực. Tri khách mời Phương Trượng niệm hương, Duy Na cử bài tán hương. Phương Trượng lễ Phật xong, Duyệt chúng nhíp khánh, đại chúng đồng niệm Phật 3 lần. Thủ chúng cầm tích trượng đi trước, chúng thứ tự mà đi. Thị giả bung bát đi kế bên Phương Trượng, nhận đồ cúng đưa thị giả bỏ vô bát. Tri khách chia 2 bên phố đi khất thực, chư tăng hàng một đi chậm rãi, có oai nghi trật tự. Đứng cho ngay ngắn, đi phải cho đều không được so le, nếu muốn đi tiểu trước phải giải y gởi cho người đồng hành. Chọn chỗ kín tiểu giải xong, rửa tay sạch sẽ liền theo chúng đắp y nhập đoàn. Nếu gặp thí chủ mời uống trà hoặc dùng ngộ trai tới chỗ thọ thực, cần phải giữ oai nghi phép tắc, khiến người ta thấy đem tâm cung kính, phát lòng hoan hỷ. Cho đến khi trở về chùa phải đến chánh điện đứng theo thứ tự thường lệ. Duy Na nhíp khánh, đại chúng đồng tụng bài tán hương, Phương Trượng lạy Phật. Đại chúng cùng lạy Phật 3 lạy rồi ngồi vào bàn thọ trai. Tối hôm đó, đại chúng dùng cơm thừa trong ngày. Máy việc vừa nêu trên cần phải biết. Mang vác gạo thóc về chùa, Giám viện giao qua tri khách, kiểm điểm số lượng nhập vào kho, trình báo cho Trụ Trì biết và yết bảng báo cáo với đại chúng. Việc này liên quan tới huệ mạng chư Tăng. Đi đường ban chức sự phải giám sát (xem xét) không để xảy việc đáng tiếc. Do lầm nhân quả ăn của thường trụ (Tam Bảo) liền phải trả ngay.

- Chúng nghĩa ghi rằng, phân bố theo Tây Vực tại mỗi chùa chư Tăng đông không thể nào một gia đình cúng nổi; đi khất thực tùy khả năng thí chủ cho nhiều ít mà phân tán ra, cho nên gọi là phân vệ, tức phân theo khu phố.

Nghĩa của khất thực xem chương mở đầu phần chúng nghĩa về thu nhận đồ cúng có nói rõ. Vì Phật bậc Năng Nhân xuất thế dạy chúng Thích Tử không chứa vật thừa để đắm tâm tham, ngăn phòng đạo nghiệp. Chỉ giữ một bình

bát tùy thân, 3 y mặc trên người, gặp mỗi lúc cần thực phẩm đi đến nhà chúng đệ tử tại gia khát thực. Không chọn giàu nghèo, sang hèn mà đi khát thực bình đẳng. Đây là cung cách đi khát thực của đức Phật vậy. Ngài Tiêu Sơn Tánh Hải nói rằng, giới của Tỳ Kheo lấy 4 việc xả bỏ, 4 pháp nương tựa làm gốc. Bốn việc xả bỏ là giới đương giữ, 4 pháp nương tựa là chỗ đang ở chùa viện, đó là 4 nơi nương tựa: 1) ngày thứ nhất thường đi khát thực, ngày thứ nhì giặt giũ y phục, ngày thứ ba ngồi dưới gốc cây tại lan nhã (vắng lặng), ngày thứ tư có bệnh lấy thuốc thực trị liệu; không đi khát thực đều mắc vào tà mạng để sống. Kinh Quyết Hậu Niết Bàn ghi, 4 vị tăng trở lên cùng ở chung được nhận 8 món đồ bất tịnh thời bữa ăn tăng tịnh thực có thể miễn đi khát thực. Cùng ở chung già lam (chùa) chúng có thể khỏi ngồi dưới cây, thí chủ cúng thức ăn có thể miễn trét phân; cúng thuốc men thường miễn lấy thuốc củ nát, thời 4 nơi nương tựa đều mở cho. Vân Thê Liên Trì đại sư nói rằng, hồi Phật tại thế phân bố đi khát thực là theo đúng gia phong vậy. Tông Lâm Đông Độ không thể làm theo không phải dám phế bỏ mà cũng do hoàn cảnh khiến như vậy. Luận về thành thị ô hợp nam nữ tụ hội; chỗ núi non vắng vẻ là nơi tịnh tu của người xuất gia, phân tán đó là được, hợp đó là rối loạn. Hơn nữa ở trong chúng rông rảnh lẫn lộn dễ sanh sự làm mất thanh danh. Cho nên các bậc tôn túc xưa mỗi vị ở nơi hang lạnh dứt tiếp xúc; cày ruộng bừa đất, ngày ăn một bữa nuôi thân. Không có vọng tưởng khác tức bỏ thành thị ở Tông lâm, cũng phải lo chuyện đi quyên giáo; không để đại chúng suốt ngày bươn chải mà bỏ phế đạo nghiệp. Tuy không phải Phật dạy, cũng phù hợp tâm Phật là mỗi năm đi khát thực một lần cũng còn giữ được mẫu mực mà theo. Nếu là du tăng đi khát thực đúng ra không đi đơn độc một mình. Tôi, Nghi Nhuận nói rằng, trụ trì tông lâm tôn trọng điều Phật dạy thường đi khát thực. Ở đây đưa ra một việc để nêu lên những việc khác. Vua Khang Hy nói Nam Nguyên Tín thiền sư ở chùa Tây Phương tại Duy Dương, lãnh chúng 30 năm, không lên yết kiến, chẳng chúc mừng không làm việc thế gian. Ngài chỉ lấy đạo làm chính, mùa đông, mùa hạ một tấm áo nạp; lạnh nóng chỉ một bình bát, khát thực bình đẳng; noi theo đó làm việc thường, sống thọ ngoài 70 tuổi, do chưa hề một ngày biếng lười. Trừ sách ngữ lục ra, còn có một quyển thi kệ hành cước. Nay chép ra mười bài cho người sau học hỏi. Luận về nghi thức của Phật trước đây có kệ rằng:

1- Phật xưa có dạy ôm bình bát

Ngày nay bắt chước chẳng hai cơ

Đạo vốn Không ai người thừa kế

Trăng dọi đáy hồ sóng hoa rơi

2- Cắt tóc, đắp y chẳng nệ hà

Sống đời khát sĩ hạnh cao xa

Bệnh suy tâm thoái nay tuổi già

Chín đỉnh dây tơ mỗi vọng vào...

3- Khát thực tự nhiên sống thanh bần

Đội trời, đạp đất không nhiễm trần

Bình bát hiện hoa chẳng phải sành

Trước mắt trông người thật tín thành.

4- Thẹn vì phước mỏng tài năng mọn

Một bát trọn đời thêm chẳng thuận

Bé mọn tùy duyên an giữ phận

Hiểu rõ kiếp không ấy trường xuân.

5- Đường dài bình bát chẳng ai thân

Động tĩnh hữu vô khắp xa gần

Giàu có tùy duyên nhờ rải phước

Công thành quả mãn được thi ân.

6- Trọn đời chớ bảo trì bát chằm

Hạt gạo làm tiêu kiếp đói thàm

Chợ búa lánh xa trần vắng lặng

An nhàn vui hưởng giữa thế nhân.

7- Khất thực trên đời đâu nhọc lao

Tiêu tán công cao ngã mạn nào

Sự tạp, lý thanh lọc trì bình

Gia phong nguyện lực hạnh thanh cao.

8- Chợ sớm nao nao lắng tựa dầu

Vui trong khất thực để quên sầu

Xiển dương lời Phật không chi khác

Trừ sạch chướng ma dứt ác mau.

9- Khất thực trí cao rộng uơm mầm

Viên đĩnh việc đáng phải kiên tâm

Chẳng y từ lực vung ba cõi

Ai tin tông Tổ đạo cao thâm.

10- Trí huệ chưa từng riêng lại qua

Một bát dứt nghi truyền pháp gia

Biết rõ nào phiền đà dứt sạch

Nhập định không sai ấy chính ta.

Hỏi: đi khất thực không cần tham thiền ư?

- Đáp: đúng nhờ tham thiền để biểu hiện nghi khất thực đâu có gì trở ngại chứ? Xưa đức Thế Tôn một hôm dạy A Nan rằng: giờ khất thực sắp đến con nên vào thành trì bát. A Nan vâng dạ.

- Phật bảo: con đã trì bát, nên theo nghi thức của 7 vị Phật quá khứ.

- A Nan bèn hỏi: nghi thức của 7 vị Phật quá khứ như thế nào?

- Phật bảo A Nan: A Nan phải vâng lời.

- Thế Tôn nói: bung bát đi đi!

Căn cứ theo đây, Phật lấy thiên cơ làm nghi thức khát thực thật rõ sáng tỏ.

Ngày nay người có ý chí đối với đạo, nên đi khát thực, thật quả đã tin lời dạy giữ thực hành, nghi thức giống thời Phật, tại sao trở ngại việc tham thiền?

---o0o---

2.11 Lượm được vật rơi

- Tăng chúng lượm được vật rơi liền thưa Giám Viện biết lấy để giữ trong kho. Niêm yết bảng 2 chữ vật rơi để tiện làm cho người mất đồ biết tới nhận lại. Nếu người lượm được đồ mà không cho vào kho bị phạt nặng đuổi khỏi viện.

Người mất đồ dán giấy, trên giấy (phiếu) viết: tôi tên là ... vào giờ .. . ngày...tháng...năm... đánh mất món...

Nếu ai thấy lượm được đem lại xem kỹ rồi hoàn lại. Nếu mạo nhận (nhận gian) bị phạt nặng đuổi khỏi viện.

-Chứng nghĩa ghi rằng, nhặt vật rơi như tình cờ có một vật bỏ rơi đưa cho vào kho tạm giữ một thời gian không phải cất dấu lâu dài. Xưa nay tông lâm sau 2 bên trai đường (nhà ăn) có bảng thường niêm yết 2 chữ vật rơi, chữ lớn. Đôi khi phải đổi dán 2 chữ khác cho đúng. Bởi vì Phật chế giới trộm cấp dù một cọng cỏ, một trái ớt không cho thời không được lấy. Nếu lượm vật rơi đem cất giấu, tức là của không cho mà lấy cũng phạm giới ăn trộm; vì trưởng dưỡng lòng tham trái lời Phật dạy.

Người quân tử đạo Nho còn không giữ vật phi nghĩa, huống gì ông tăng cất giữ vật rơi để trưởng dưỡng lòng tham ư? Vì thế, cho vật lượm được đem vô kho rồi niêm yết làm cho người biết tới nhận lại. Sách Vân Thê Sùng Hành Lục ghi rằng, đời Tùy có vị tăng giàu có tới tá túc ở chùa Tịnh Đức tại Ích Châu. Ban ngày ra ngồi bên đường đọc kinh, mọi người truyền đồn là người giải thoát. Lúc bấy giờ tại Lăng Châu có quan thích lại Triệu Trọng Thơ nghe tin nên tới thử, bèn cưỡi ngựa đi qua. Ông ta giả vờ đánh rơi râu tiên, vị tăng ngồi đọc kinh tự nhiên chưa hề thấy gì. Đi một đoạn xa. Thơ sai

người lại lấy tiền, tăng cũng vẫn không nhìn. Ngay lúc đó Thơ quay lại hỏi vị tăng rằng:

- Xâu tiền dưới đất, thấy có người lấy đi sao không nhận lại giùm?

- Không phải vật của bản đạo dối nhận làm gì?

Thơ xuống ngựa làm lễ, thán phục rồi đi ...

---o0o---

2.12 Phụ: Qui tắc nơi tĩnh hành đường

Tĩnh Hành Đường cũng gọi là Niết Bàn đường. Ấn Độ gọi là vô thường đường. Người đời gọi là bệnh xá, qui tắc chung gồm 15 điều lập nên khu nhà này để cho người bệnh. Vì chúng sanh tham đắm tới chết vẫn không biết. Phật dạy đời đời chỗ khiến cho ta biết vô thường, sắp đến, làm cho tâm niệm phấn khởi, tĩnh táo vượt qua mà lo gấp tu hành. Xử dụng nhà này nên nghĩ đến thân mạng vô thường nhanh như hơi thở. Người khỏe mạnh còn thể hướng gì người bệnh ư?

Lại phải quán thân này bốn đại không điều hòa, trăm đốt muốn rã rời; ăn uống giảm dần, thuốc thang hết hiệu quả. Tiểu tiện ra trên giường, rên rỉ nằm liệt chiếu, như cá bơi trong chảo dầu bỗng chốc bị nóng bỏng. Như đèn trước gió, trong tích tắc tắt ngúm. Nên biết thân này không tồn tại lâu, hãy phó thác cho tử thần. Đường trước mờ mờ chưa biết về đâu. Nếu việc gì chưa xong làm cho xong cố giữ tâm không cho vương bận. Người nào chưa được như thế sớm cầu Tịnh Độ quyết định vãng sanh phải buông hết mọi duyên, nhất tâm niệm Phật có những điều riêng như sau đây:

1- Trong nhà một giường rộng (đôi) dành cho người bệnh nhẹ. Giường chiếc cho người bệnh nặng. Nếu dùng lộn xộn bị phạt

2- Người bệnh nên kéo màn lại để tránh gió, che mùi hôi hám. Nếu người không quen, bị rét khó trị, nên buông màn xem xét bệnh nhân

3- Người bệnh nặng vào nhà tịnh dưỡng, trước bàn Phật chuẩn bị hương đèn. Giám Viện, Thư Ký, Duy Na ... theo sau đưa vào. Đọc lời trấn trối của bệnh nhân liền viết ra trên giấy, chẳng chịu viết tùy theo sự tăng giảm của người bệnh, bị phạt. Bệnh nhân nếu không muốn viết, và không chịu nằm giường;

nếu bệnh nhẹ không cần phải viết giấy (di chúc). Chỉ tới trước Phật đốt hương đèn rồi Giám Viện đưa vào nằm.

4- Người trách nhiệm tinh hành đường (bệnh xá) phải khỏe mạnh, lấy lòng từ làm chính ghi sổ ngày ... tháng ... năm nào có ai vào nhập bệnh xá. Sau ghi ngày, tháng và năm xuất viện. Nếu quên ghi bị phạt.

5- Trong bệnh xá nên tùy thời rưới quét sạch sẽ. Quần áo bệnh nhân nên hợp thời giặt phơi. Thuốc thang cần lưu tâm châm chế không được lơ là biếng trễ

6- Người bệnh trong phòng chỉ một hay hai, Thầy hương đăng lo chăm sóc. Như nhiều phải mời thêm người phát tâm săn sóc bệnh. Nếu 3 lần mời không được người nào, chiếu việc trong liêu luân phiên chăm sóc, ba ngày đổi một phiên; hoặc bệnh nhân muốn bỏ tiền thuê người giúp, nên chấp thuận.

7- Trong chúng có bác sĩ (thầy thuốc) nên đứng trong ban Điều Hành. Người chưa am tường mà nhận trị bệnh bị phạt. Làm hại người bị đuổi khỏi viện; tham lợi đều bị đuổi.

8- Người bệnh cần thuốc thang, ăn uống, Tri khó, Tri ẩm thực, Điền tòa lo thuốc men, thức ăn uống đem cho, không cấp cho bị phạt. Nếu cái đáng cho mà không cho, trước chúng biện minh, nếu ai tự ý bạc đãi bất công bị phạt.

9- Người bệnh nặng nhập bệnh xá cần phải phó thác việc tang nghi, buông bỏ hết mọi duyên, nhất tâm niệm Phật. Lại chăm sóc người bệnh nặng phải 2, 3 người luân phiên ngày đêm không rời. Hễ có việc ra ngoài cũng miễn. Nếu sắp lâm chung liền báo nhà khách, tri khách cắt đặt ngay một số người tới niệm Phật cho tới lúc đi luôn. Theo Đại Tạng kinh Vô thường, lúc lâm chung nên có biện pháp lo liệu.

10- Tuân lời Phật dạy, vị tăng tịch nên thay quần áo sạch. Lúc nhập quan, khi trà tỳ (thiêu), nhập tháp đều đọc chú Tỳ Lư rải cát bên trong. Không được quên rải cát này. Nên mời thỉnh các bậc cao tăng trì chú nhiều nhiều càng thêm màu nhiệm; ít nhất cũng niệm được 1080 biến chú này: Án a mộ già, phế lỗ giả na. Ma ha mẫu nại la mạ nê. Bát Đầu ma, nhập phược ra. Ba la đã đa dạ hồng. Căn cứ theo kinh văn đem cát tán sa đặc này, đặt lên thi thể người mất được lợi ích không thể nghĩ bàn

11- Người bệnh nhẹ nên ngồi yên niệm Phật. Nếu không tôn trọng ra ngoài đi dạo gây nhiều rắc rối cho ra khỏi phòng.

12- Người trách nhiệm bệnh xá và người chăm sóc bệnh nhân chớ hiềm ghét dơ dáy, đừng làm trái ý bệnh nhân càng làm gia tăng bệnh, chớ rời giường bệnh lâu khiến người bệnh cần không đáp ứng kịp. Nếu có tâm tham hoặc đố kỵ muốn của cải nên cho, làm khó thời người bệnh phiền não, cũng đừng nổi sân. Chỉ nhiếp tâm tạo phước, đừng tham của người bệnh đáp tạ lễ. Nên biết rằng trong 8 loại phước điền chăm sóc bệnh nhân là số một, nên tích cực làm việc tận tình.

13- Phạm người bệnh nặng mỗi lần có mồ hôi xông lên nên dùng khẩu trang che miệng hay lá thuốc cứu xông, lá tùng bách đốt v.v... Dùng lửa nhỏ ngọn xông khói, không làm phương hại tới người khác.

14- Tặng du phương và tặng ở xa tới mà bị bệnh. Tri khách hỏi lai lịch rõ ràng mới nhận, liền viết tờ chi tiết, ghi sổ v.v...

15- Đám tang vị tặng bắt đầu từ bệnh nặng cho đến khi chết, cuối cùng đặt nơi Tổ đường. Xem chương Trụ Trì phần đăng vị ở trước. Lược bớt gia giảm châm chước mà dùng.

Ngày ... tháng... năm....

Trụ trì ... cần lục.

-Chứng nghĩa ghi rằng, xưa có cư sĩ Việt Nhiên Triệu Linh Cãng chọn chùa Pháp Luân tại núi Nam Nhạc, Tĩnh Hành Đường ghi rằng: thường trong các thứ khổ, bệnh khổ là sâu nhất; trong các loại phước sẵn sóc bệnh là phước hơn cả. Vì thế cổ nhân lấy có bệnh làm thiện tri thức; nhắc người lấy sẵn sóc bệnh làm phước điền. Nay ở tông lâm có người bệnh phải đưa tới Tĩnh Hành Đường; không những ở đó tu tĩnh cải nghiệp để bệnh lành mà cũng muốn người (bệnh) ban đêm yên tĩnh một mình có dịp suy gẫm đại sự, đâu có luống phí chứ? Đã theo lệnh đường chủ sẵn sóc thuốc thang, lại nhắc nhở thường trụ cung cấp đầy đủ nhu cầu cho người bệnh. Đây là qui tắc của đức Phật trước kia, đời nay không được như vậy, người bệnh không tự xét soi lỗi lầm càng làm gia tăng thêm phiền não. Đường chủ chỉ còn cái danh mà sự thật là hư giả, hay trái lại dấu sự hiềm hận; của Tam Bảo nên cung cấp hằng ngày còn hơn là phó mặc bỏ bê không an ủi. Bệnh nhẹ do vậy trở thành nặng, bệnh nặng đưa tới cái chết không đáng thương sao! Cho nên những vị chức sự chúng thường trụ phải biết sẵn sóc bệnh là phước điền mà từ bi tìm cách giúp đỡ, để trừ dứt bệnh khổ và trở lại hồi phục. Người bệnh phải biết rõ nhân quả, tỉnh táo nhận ra tội lỗi, có tâm hối hận ăn năn tức là cơ hội lành mạnh. Tâm đã trong sạch, bệnh cũng tự trừ. Như có bị nhức đầu nóng trán,

kêu khổ trầm lặng suy tư thọ bệnh là ai? Đã không thấy người, bệnh từ đâu đến? Người - bệnh cả hai đều quên còn có vật nào khác giúp thấy rõ phân minh; nhìn đúng như thế là bệnh kia chấm dứt. Lại trong qui tắc, vị tăng mất đọc chú Tỳ Lô tán sa như kinh ghi rằng, đem chân ngôn này chú nguyện (gia trì) trong đất cát rải trên người chết và rải nơi tháp mộ người chết ấy, nếu ở ác thú hợp thời liền được ánh sáng và thân thể, trừ diệt được các tội báo làm cho thân khổ được sanh về nước Cực Lạc v.v...

---o0o---

2.13 Phụ: săn sóc người bệnh

Luật Tứ Phần, Phật dạy: từ đây tới lúc chết nên săn sóc bệnh nhân, phải cần chăm nom người bệnh. Nếu muốn cúng dường Ta, trước hết nên cúng dường người bệnh, cho chí đi trên đường gặp lúc chúng xuất gia, có người bệnh; Phật dạy 7 chúng đều đứng lại chăm sóc. Nếu bỏ đi không săn sóc người bệnh đều qui kết có tội. Đúng là tứ đại (thân: đất - nước - gió - lửa) khó điều hòa; tức nghiệp khó tiêu trừ. Người xả tục xuất gia, cô thân độc ảnh nghèo, bệnh nổi nhau, không người hầu cận. Nếu không được chăm sóc bệnh nhân, mạng sắp an nghỉ (dứt). Lại Tăng Kỳ Luật ghi rằng, đi đường gặp chúng xuất gia có người bệnh liền phải kêu xe chuyên chở (tới bệnh viện) cúng dường đúng pháp. Nhẫn đến lúc chết cũng phải lo tần liệm, mai táng không được bỏ bê. Phạm người săn sóc bệnh luôn phải nói lời êm nhẹ, đừng dùng lời thô ác. Đến lúc lâm chung phần nhiều những ác nghiệp đều hiện ra không thể lập tức trừ dứt được. Cho nên người chăm sóc bệnh nhân nên biết dùng phương tiện đặc biệt khéo léo nói lời an ủi khuyên người ấy niệm Phật. Nếu không niệm lớn được thời chỉ thầm niệm và làm cho niệm niệm nối tiếp nhau một tích tắc không ngừng. Thừa phước lực này mà làm nhân vãng sanh Tịnh Độ. Luận Đại Trí Độ ghi rằng, từ lúc sanh ra làm thiện đến lúc lâm chung ác niệm khởi, bèn sanh nơi ác đạo. Từ lúc sanh tạo ác đến lúc lâm chung khởi niệm thiện mà được sanh lên cõi trời. Nên đưa kinh tượng tới chỗ người bệnh (như kinh Di Đà, tượng hoặc hình Phật A Di Đà, Quan Âm) ghi rõ tên kinh, tên tượng nói với người bệnh khiến mở mắt xem thấy để được tỉnh táo. Chăm sóc người bệnh như thế, công đức rất lớn vậy.

-Chứng nghĩa ghi rằng y cứ trong kinh tạng, Phật thuyết Sanh kinh, chương tật bệnh 26 ghi rằng, tại vườn ông Cấp Cô Độc có một vị Tỳ Kheo bị bệnh sống riêng một mình, không có thức ăn, thuốc thang, không đứng dậy nổi. Tiêu giải tiết ra, người bệnh nằm liệt trên giường nhìn quanh tứ phía không

một ai đến giúp đỡ cả. Lúc bấy giờ Ngài A Nan trông thấy tới bạch Phật. Phật đích thân tới chỗ vị Tỳ Kheo bệnh và hỏi rằng:

- Nay con bệnh có cần xem xét thuốc thang, giường cụ gì không?

Vị Tỳ Kheo bệnh bạch Phật rằng:

- Con có một mình không người chăm sóc, không có đồ ăn uống, thuốc men; và nhà con cũng rất xa.

Phật hỏi: khi mạnh khỏe con gặp người bệnh có thăm hỏi an ủi không?

- Bạch Phật không.

Phật bảo: khi mạnh con không săn sóc người, không thăm nom an ủi người bệnh, ai phải chăm sóc con đây?

Thiện ác có đối, tội phước có báo. Ân sanh thành đền đáp lại, nghĩa tuyệt lộ là. Phật đỡ ngồi dậy muốn lấy nước tắm rửa Tỳ Kheo; lúc đó có Thiên Đế tắm thay Phật. Phật hỏi ông ở thiên thượng nơi thơm tốt sạch sẽ, có thể nhân giúp tắm rửa bản thủ cho người bệnh không?

- Thiên Đế đáp: Phật là thầy cứu giúp hết thầy chúng sanh 10 phương công đức tràn đầy mà còn chăm sóc bệnh nhơn, huông chi tôi tội phước chưa dứt mà không tạo thêm phước sao?

Lúc đó Phật rửa tay, Thiên Đế xối nước tắm rửa sạch, bệnh nhơn nằm lại và uống thuốc thang tức thời lành bệnh. Phật vì đó nói kinh liền lúc đó vị Tỳ Kheo chứng quả (A La Hán). Đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:

Nên chăm sóc bệnh nhân

An ủi và hỏi thăm

Thiện ác có báo ứng

Trồng cây kết trái khăm.

Lại nữa, sách Thiên Lâm Bảo Huấn ghi câu chuyện rằng, xưa có Cao Am ở với Vân Cư nghe đệ tử bệnh đưa tới Tỉnh Hành Đường than thở rằng, nếu ta ra đời sớm chiều có người hầu hạ, thậm chí co thân, đun nước, chưa từng chẳng cho ăn uống, hoặc gặp tiết trời hơi lạnh được vỗ về, an ủi hỏi han áo,

có đủ ấm không? Hoặc gặp lúc trời nóng, quan sát gương mặt hỏi: có nóng quá không nhỉ? Không may chẳng được ai giúp, không hỏi người có hay không có chúng thường trụ tận tâm giúp đỡ hoặc người trách nhiệm hoặc người khác. Cao Am quát nói:

-Xưa Bách Trượng vì ông già bệnh mà lập chúng săn sóc, các ông không bệnh, không chết hay sao?

Ngài Vân Thê Liên Trì nói rằng, trong kinh gọi 8 loại phước điền, săn sóc bệnh là phước điền số một, đâu chẳng vì Người tu không nhà, cô thân hồ hải, phiêu lưu bệnh khổ thật đáng thương xót! Làm chủ tăng phường mà bệnh không ai lo cho ta, chết không ai chôn, đâu là đạo từ bi chứ? Chính vì thế Trụ trì nên cố gắng để khuyên người giúp đỡ người lâm bệnh.

---o0o---

2.14 Văn Cảnh tỉnh đại chúng

Đại sư Từ Giác, Trách Công thuật:

Kết tập Thanh Quy là nền tảng của đại chúng mà trong 8 môn đều từ đây phát sanh. Cho nên ở quyển cuối này đưa ra nghĩa tổng quát. Luận về hai cây quế rủ che bóng, một cây trở hoa thơm ngát, từ hồi tông lâm thiết lập, điều chính yếu là chúng tăng. Là vì khai thị chúng tăng nên có trưởng lão để làm biểu tượng cho chư tăng, có Thủ tọa gánh vác việc chư tăng, có Giám viện điều hòa chúng tăng; có Duy Na cúng dường chư tăng, có Điền tòa vì chúng làm việc. Có trị tuế vì chúng xuất nhập, có Tri khổ vì chúng tăng ghi hết còn, có Thư ký vì chúng giữ gìn Thánh giáo; có Tạng chủ tiếp đón đàn na, có Tri khách vì chúng tăng mà thỉnh mời, có thị giả vì chư tăng mà duy trì y bát, có liêu chủ vì chúng mà phụ trách thuốc thang. Có đường chủ vì chúng mà hong phơi; có dục chủ, thủy đầu vì chúng ngăn che ấm lạnh. Có than đầu, lô đầu vì chúng mà xin đồ. Có Hóa chủ làm việc nhọc, có Trang chủ, tri viên, mài mực vì chúng tăng mà dọn dẹp. Có tịnh đầu vì chư tăng mà cấp hầu, có tịnh nhân để như trợ duyên hành đạo thập phần hoàn bị đồ dùng cho thân, trăm việc thành vạn sự không lo.

Nhất tâm hành đạo được rảnh nhàn là ngoại vật thế gian tôn quý. Thanh tịnh vô vi, chúng Tăng là trên hết, hồi niệm công sức của nhiều người, há không biết tri ân báo ân sao? Sớm tham, tối vẫn không bỏ tác bóng để mới báo đáp ân Thầy. Tôn ti có chừng mực, cử chỉ đàng hoàng để đền ân thủ tọa, ngoài tuân luật lệnh, trong giữ qui tắc để đền ân Giám Viện. Lục hòa cùng chung

ở, như nước với sữa hòa hợp để trả ơn duy na. Vì muốn thành đạo nghiệp nên mới thọ thức ăn này để đền ân điển tọa. An ổn tăng phòng, cất giữ vật rơi để tri ân trị tuế. Vật của Tam Bảo một tơ hào không phạm tới để đáp ân tri khó. Tay không rời bỏ bút, ý chuyên đạo nghiệp là ân thư ký. Cửa sáng, bàn sạch, lời dạy soi tâm là ân tạng chủ; có tài dấu kín, mọi việc đắp bồi để báo ơn tri khách. Ở ất có thường, gọi ất đến trước là công ơn thị giả. Một bình một bát, xử chúng như sơn để báo ân liêu chủ. Thà tâm bình khổ, cơm thuốc tùy nghi để báo ân đường chủ. Nhẹ nhàng êm thấm, không mê lầm nhân để báo ân dục chủ, vận thủy. Ngậm miệng khoanh tay, nhún mình nhường người để báo ân hỏa đầu quân, lô đầu. Xét đức hạnh mình tự hổ nên cúng để đền ân hóa chủ. Kể công nhiều ít, đo lường của kia từ đâu đem đến để đáp ân trang chủ, tri viên. Gánh nước, tải củi để báo ân tịnh đầu. Tự yêu tiếc phúc, rộng mà dễ tùy, gọn mà dễ làm để báo ân tịnh nhân. Đó là việc bên lê tông lâm, đạo nghiệp làm mới tồn tại trên cả cơ duyên một đời giữ làm chưa xong. Kẻ sĩ trung lưu nuôi dưỡng Thánh thai, chí như khi chưa ngộ bản tâm cũng không bỏ bê, là chân tăng bảo, là ruộng phước thế gian. Trong thời kỳ mật pháp, cập bến lành tức chứng quả nhị nghiêm⁵³. Nếu như tông lâm chẳng duy trì, thời xe pháp không quay, chẳng có trưởng lão để lãnh đạo chúng. Ba nghiệp không điều hòa, 4 oai nghi không nghiêm chỉnh không phải là tài độc suất chúng của thủ tọa. Lượng bao dung không rộng, tâm yêu thương chúng không dày không xứng để giữ chúng của Giám Viện. Người tu hành bất an, đám bại hoại không mặc tẩn không phải cách điều khiển chúng của duy na. Sáu vị không ngon, ba đức không tinh khiết không phải cách phục vụ chúng của điển tọa. Liêu phòng (nhà) không sửa, đồ đạc không đầy đủ không phải cách làm chúng an ổn của trị tuế. Cất giữ của Tam Bảo, giảm bớt của chúng tăng không phải cách phục vụ chúng của Tri khó. Ván viết không cân, chữ viết dối trá không phải là vai trò biên chép của Thư ký. Bàn ghế không ngay, làm ồn không ngót không xứng phần vụ quản thủ của Tạng chủ. Ghét nghèo yêu giàu; trọng tục khinh Tăng không phải vai trò của Tri khách. Lễ phép chẳng kính, tôn ti không theo không xứng làm nhịp cầu giữa chúng của thị giả. Phạt đuổi chẳng nghiêm, giữ gìn chẳng cẩn không phải là cách cư xử của liêu chủ. Không cung cấp giúp đỡ, làm bệnh nhân phiền muộn không phải cách đối đãi của đường chủ. Nước nóng không đầy đủ, lạnh ấm không điều hòa không phải trách nhiệm của dục chủ, vận thủy. Chuẩn bị thiếu sót làm cho động chúng không phải việc làm của thân đầu, lô đầu (lo than củi, đèn dầu). Gặp của bất công, không tận lực hết lòng, không xứng vai trò hóa chủ đem cúng chúng. Đất có lợi, người vô công không phải người thay chúng của trang chủ, tri viên, ma đầu. Cạo đầu không đúng lúc, các duyên không đủ, không phải việc phục vụ chúng của tịnh đầu. Cấm mà không bỏ, ra lệnh không làm theo không phải thuận chúng của tịnh nhơn.

Như ở trong tăng chúng mà khinh thầy chê pháp, giữ tánh tùy tiện, không phải để báo ân Thầy giáo thọ. Ngồi nằm sai phép, đi đứng vụt chạc không phải để báo ân Thủ tọa. Khi để vương pháp, không đoái hoài đến tông lâm, không phải để báo ân Giám Viện. Trên dưới bất hòa, tranh cãi quyết liệt không phải để báo ân duy na. Ham ăn đồ ngon, chê bai món dở không phải để báo ân điền tọa. Tha hồ thọ dụng không nghĩ tới người sau, không phải để báo ân trị tuế. Tham lam lợi dưỡng, không tiếc của Tam bảo không phải để báo ân tri khổ. Hoa hòe bút mực, văn chương lã lướt, không phải để báo ân thư ký. Khi để kinh luật, xem đọc ngoại điển không phải để báo ân tạng chủ. Liên lạc kết giao với người đời, tiếp xúc người sang chẳng phải để báo ân tri khách. Quên lời mời thỉnh, trọng công truyền lệnh, không phải để đền ân thị giả. Làm hư hại đồ dùng, che dấu tỏ gian không phải để báo ân liêu chủ. Giận nhiều, vui ít không hợp người bịnh không phải để báo ân đường chủ. Gõ nhịp gây ra tiếng, dùng nước không biết tiết kiệm chẳng phải để đền ơn dục chủ, vận thủy. Tự tham lam vợ vét ngăn chặn mọi người không phải để đền đáp hòa đầu quân, lô đầu. Không nghĩ tới tu hành mà an nhiên thọ của cúng không phải vì để báo ân Hóa chủ. Suốt ngày đầy đủ, không dụng tâm tu không phải để báo ân trang chủ, tri viên, ma đầu. Khắc nhỏ lên tường, vung vãi xả rác lung tung chẳng phải để báo ân tịnh đầu. Thanh sắc bao biện, sai sử vô chừng chẳng phải chỗ báo ân tịnh nhơn.

Trở lên chỉ nêu một ít điểm cần yếu, chưa bao hàm hết qui tắc thiền môn, mong bỏ xấu theo tốt để cùng làm cho xong bổn phận người xuất gia, những mong ở hàng sư tử trở thành sư tử. Trong rừng chiến đàn thuần toàn loại chiến đàn khiến 500 năm sau được gặp lại tại hội Linh Sơn. Muốn biết Phật pháp hưng suy, quan trọng do tăng đồ, Tăng là phước điền nên phải tôn trọng. Trọng tăng tức là trọng pháp, khinh Tăng là khinh pháp. Trong giữ nghiêm minh, ngoài gìn cẩn mật. Thiết đặt cơm cháo cúng dường, một sáng rõ ràng, công việc tông lâm hiển nhiên phải nhận làm nên kính trọng, dãi ngộ đồng đều. Không nên tự tôn tự đại, cũng như cống cao ngã mạn; đem việc riêng đền việc công. Vạn vật vô thường đâu thể bảo đảm được bền lâu! Một mai gặp lại chúng, mặt nào nhìn nhau. Nhân quả không sai sợ khó trốn tránh. Luận Tăng là Phật tử thọ cúng không gì hơn được trời, người thầy đều cung kính.

Đức Thế Tôn 2600 năm còn lưu bóng mát che chở đàn con cháu. Trong ánh hào quang là một phần công đức dùng mãi không cùng. Chỉ biết phục vụ chúng mà chẳng sợ lo nghèo. Tăng không phân phạm thánh mà chung hết thầy mười phương. Đã gọi của thường trụ hẳn nên phân đều, đâu có sanh tâm phân biệt, khinh thường thánh tăng lưu lại qua đêm; nếu ở lại 3 hôm có

quyền nhận của cúng dường. Tại tăng đường cúng dường bữa ăn sẵn lòng cung cấp. Khách tục còn phải tiếp rước, hưởng tăng già há chẳng quan tâm? Nếu sẵn sàng với tâm rộng lượng mình tự được phước vô cùng. Chư tăng hòa hợp, trên dưới đồng lòng, thường biết khuyết toàn cùng nhau bao bọc. Việc trong nhà bản chớ để bên ngoài hay biết. Tuy nhiên đối với việc không phương hại, chắc ít ai đoái tới, ví như vi trùng trong thân sư tử mới ăn được thịt của sư tử mà thôi. Không phải thiên ma, ngoại đạo có thể phá hoại được giáo pháp; chỉ có đệ tử của Phật mới làm Phật pháp suy tàn. Nếu muốn đạo pháp mãi lưu truyền, Phật pháp tiếp tục lâu dài, làm phát huy Tông tổ mong lấy văn này làm chuẩn mực.

-Chứng nghĩa ghi, Thiên sư Minh Giáo Cao, Thiên Tôn Tăng nói rằng, giáo hấn tôn kính tăng, vì sao vậy? Vì Tăng ấy lấy Phật làm tánh, lấy Như Lai làm nhà, lấy pháp làm thân, lấy huệ làm mạng, lấy thiền duyệt làm món ăn. Cho nên không theo họ tục, không kinh doanh như người đời; không tu hình thức, không tham sanh, không sợ tử. Không tiếc gì năm vị, người xuất gia phòng thân có giới, nhiếp tâm có định, biện giải có huệ, lời nói răn dè. Ba nghiệp thanh tịnh và cuối cùng thân không nhiễm, lời nói chắc chắn, suy nghĩ cẩn thận đúng, tinh thần sáng suốt, nên suốt ngày không rối loạn, lời nói tỏa huệ vậy. Trọng đức dứt mê lầm là điều hiển nhiên, lấy đây làm nhân tu hành, lấy đây làm quả đạt thành. Có từ có bi, có đại thế, có đại huệ. Từ ấy là luôn muốn cho mọi vật được an ổn, bi ấy là luôn muốn làm khổ nạn mọi sự khổ, thế ấy là thề cùng với mọi người nhận rõ chân lý, huệ ấy là lấy chánh pháp soi sáng quần sanh. Thần mà thông đó, trời đất không thể yểm che, mật (kín) mà hành đó quỷ thần không thể lường được, đó là quảng diễn giáo pháp vậy. Luận bàn không trở ngại đó là hộ pháp vậy. Phấn đấu không đoái tới thân, hay nhẫn được những cái mà người ta không nhẫn được; hay làm được cái mà người ta không làm được, đó là chánh mạng. Ăn như vậy mà ăn, ăn mà không làm nhục, đó là thiếu dục vậy.

Áo nấp, bát niền mà không bị nghèo. Người vô tranh có thể nhẫn mà không nhẹ thế; người vô oán năng động mà không tổn hại. Lấy thật tướng đãi vật, lấy đức từ tu thân, cho nên ở trong thiên hạ được kính trọng. Người không nói dối nên được tin tưởng; đến như pháp vô ngã nên nhường là thật. Có oai đáng kính, có nghi đáng noi theo. Trời, người vẫn mong nhưng nghiêm nhiên có phước ở đời, hay dẫn dắt cõi tục. Người quên mình dù thác làm cầm thú mà không keo lặn. Kẻ đọa tụng dù nóng lạnh nhưng không bỏ bê, lấy pháp xuất xử - làm việc. Đi vào khắp nẻo nhân gian, tới nơi làng xóm; thấy danh như tiếng dội lại, thấy lợi như bụi trần, thấy vật sắc như tia chớp lờ. Đất bằng hợp lối xe đi mà không là hèn mọn, vì đạo mà xử sự. Dù ở nơi

núi sâu non thẳm, lấy cỏ làm áo che thân, ăn cây rừng mà sống an nhiên tự tại không bị lợi danh thu hút, thế quyền khuất phục. Tạ ân vua, các quan hầu không đề cao là người độc lập. Lấy đạo tự thắng, dù hình ảnh đáng thương mà không cô độc, vì cùng ở chung. Lấy pháp làm quyền thuộc, gặp đủ người trong bốn biển mà không bị hỗn loạn là do sở học. Ngoài 3 tạng, 12 bộ kinh, sách của bách gia chư tử khác đạo không thể không thông hiểu.

Tổ thuật lại pháp ấy hẳn có văn có chương vậy. Người hành trung đạo chẳng không chẳng hữu là học thấu đáo. Là niệm tức thanh tịnh hợp nhất chân như, là không chỗ phân biệt, Tăng quý nơi con người là tâm rộng rãi, là đức vẹn đầy vậy. Đó là Đạo lớn, đó là hiền không phải hiền như người đời nói. Đó là Thánh không phải Thánh như thế thường nghĩ. Hiền Thánh xuất thế nổi bật vậy. Tăng như thế há không đáng tôn sao? Ôi thôi, đạo pháp đã tới thời mạt vận, cách Thánh càng xa! Tuy là người xuất gia mưu cầu đạo lại đi tranh danh đoạt lợi cho mình. Thấy Phật pháp suy tàn bèn làm cho pháp môn sáng tỏ, dạy giềng mỗi đem lại niềm tin cho nhiều người. Thật là lợi lạc cho đàn hậu học để khắc ghi đạo mẫu từ đó. Người từng đem tâm KHÔNG cầu pháp, quyết chí theo thầy mà gần nhất là việc hiền danh lập thân, xa là cách phàm chứng thánh, tái lập lại thời tượng pháp, ai bỏ tục làm Tăng?

Cho nên cần phải tu thân, ít nói, giữ gìn sau như trước. Chuyên lo việc học, cẩn trọng lo hành pháp, tránh ác làm lành. Vâng lời Thầy hết lòng, có giỏi cũng không tự khoe khoang. Việc ác khởi lên phải nhanh chóng trừ dứt, giữ nhân nghĩa đã hành đúng chưa? Nếu nhờ tận gốc nghèo thời vui mà quên lo lắng; thấy liền nghĩ như nhau, đương nhân chẳng nhượng. Danh lợi không làm động được chí nguyện; sanh tử không đủ quấy rối người có tâm ưu tư. Trí có đủ để phá tan mê lầm, lòng từ có thừa để nhiếp hóa người. Lúc khốn phải giữ mình thanh tịnh, khi đạt nên khiêm nhường thiên hạ, làm cho chân phong đang bệ rạc có cơ tái chấn hưng. Đuốc tuệ lu mờ làm cho tiếp tục sáng tỏ, đó gọi là đại trượng phu vậy. Xứng đáng gọi là sứ giả Như Lai thân đầu không an nơi Tăng bảo; diệt gian dối phức tạp mới là yêu mến bậc hiền. Trước ái mộ kẻ thượng hiền, sau thời chìm lặn vào hạng hạ ngu. Bọn người như đây thật đáng thương xót! Đọc lời cảnh sách này tâm nên suy nghĩ: Phật pháp hưng suy do tăng hành xử. Cho nên trọng tăng là trọng pháp, khinh tăng là khinh pháp đó. Muốn ra khỏi thế gian báo ân Phật, xin hãy cố gắng. Muốn ra khỏi thế gian báo ân Phật, xin hãy cố gắng...

2.15 Phú (phó) pháp

Phú pháp nguyên gọi là phó y từ Tổ Tổ nói truyền, lấy pháp y làm biểu tín, truyền tới Đông Độ đời Lục Tổ, do sanh ra tranh chấp nên chấm dứt từ đó mà không giao phó y nữa. Gần đây phú pháp cũng gọi là phó y, đặc biệt giữ cái danh vậy. Pháp tức là tâm, tâm không thể thấy, đâu có qui tắc mà thấy được. Đúng là nhờ thầy khai đạo đem tâm truyền tâm thời việc phó pháp hoàn bị, cho chí dạy chọn phân tòa trong thời mật pháp, nhưng không ghi ra ở đây. Chỉ lược thuật nguyên tắc thiền tông cho người sau biết pháp có căn cứ nguồn gốc; đồng thời cũng đề cổ võ học nhân. Dựa theo thiền tông nguyên lưu khởi nguyên từ đức Thế Tôn giờ cảnh hoa giữa chúng tại hội Linh Sơn, Ma ha Ca Diếp ngộ được mỉm cười. Đức Phật bảo: Nay ta có chánh pháp nhãn tạng

Niết Bàn diệu tâm

Thật tướng vô tướng

Không lập văn tự

Chỉ thẳng tâm người

Thấy tánh thành Phật

Pháp môn vi diệu

Phó chúc cho người

Người khéo hộ trì

Đừng để gián đoạn.

Và Phật truyền kệ rằng:

Pháp vốn pháp không pháp

Không pháp pháp cũng pháp

Nay lúc trao không pháp

Pháp pháp nào từng pháp...

Bèn làm sơ Tổ (Ca Diếp) Thiền Tông. Tổ Tổ kế thừa theo thứ tự như sau:

Tổ thứ nhất là Ma ha Ca Diếp truyền xuống A Nan tổ thứ hai, A Nan truyền Tổ Thương Na Hòa Tu; Thương Na Hòa Tu truyền Ưu Bà Cúc Đa, Ưu Bà Cúc Đa truyền Đề Đa Ca, Đề Đa Ca truyền Di Giá Ca, Di Giá Ca truyền Bà Tu Mật, Bà Tu Mật truyền Phật Đà Nan Đề, Phật Đà Nan Đề truyền Phục Đà Mật Đa, Phục Đà Mật Đa truyền Hiếp Tôn Giả, Hiếp Tôn Giả truyền Phú Na Dạ Xoa, Phú Na Dạ Xoa truyền Mã Minh. Mã Minh truyền Ca Tỳ Ma La, Ca Tỳ Ma La truyền Long Thọ, Long Thọ truyền Ca Na Đề Bà, Ca Na Đề Bà truyền La Hầu La Đa, La Hầu La Đa truyền Tăng Già Nan Đề, Tăng Già Nan Đề truyền Già Da Xá Đa, Già Da Xá Đa truyền Cưu Ma La Đa, Cưu Ma La Đa truyền Xà Dạ Đa, Xà Dạ Đa truyền Bà Tu Bàn Đầu, Bà Tu Bàn Đầu truyền Ma Nỗ La. Ma Nỗ La truyền Hạc Lặc Na, Hạc Lặc Na truyền Sư Tử. Sư Tử truyền Bà Xá Tư Đa, Bà Xá Tư Đa truyền Bất Như Mật Đa. Bất như Mật Đa truyền Bát Nhã Đa La, Bát Nhã Đa La truyền Bồ Đề Đạt Ma, Tổ thứ 28 khởi đầu truyền sang Đông Độ là Tổ Thứ Nhất. Bồ Đề Đạt Ma truyền tổ Huệ Khả, Huệ Khả truyền Tăng Xán, Tăng Xán truyền Đạo Tín, Đạo Tín Đại Y Thiền Sư truyền Hoàng Nhẫn Đại Mãn thiền sư. Hoàng Nhẫn Đại Mãn Thiền sư truyền Huệ Năng Đại Giám Thiền Sư. Huệ Năng Đại Giám thiền sư truyền xuống hai nhánh: một nhánh tại Hồ Quảng cho Nam Nhạc tức là Hoài Nhượng Đại Huệ thiền sư, nhánh thứ hai tại Thanh Châu cho Thanh Nguyên là Hành Tư thiền sư.

- Chứng nghĩa ghi rằng phó pháp nguyên lưu xuất phát từ kinh Phó Pháp tạng, Kinh Đạt Ma Đa La Thiền v.v... Về sau kế thừa các chi phái từ các sách Thiền. Nam Nhạc y theo Lâm Tế, Thanh Nguyên dựa theo Động Sơn, đó là các sách lưu hành của Thiền tông. Hai phái Thiền này rất thanh hành. Theo Ngũ Gia Tông phái một quyển tập hợp tất cả các hệ phái, rồi phải tái kết hợp biên tập tiếp tục không để lu mờ việc truyền phó pháp. Tuy lấy tâm truyền tâm nhưng không thể không có kệ phó pháp, nếu không có kệ hẳn làm cho chi phái rối loạn. Truyền lưu không theo tiêu chuẩn làm cho pháp môn mất trình tự, cũng làm đảo lộn thứ lớp. Sách Ngũ Gia tông phái trong đó mỗi phái được hoàn bị pháp mạch ngược dòng tìm nguồn, nên mỗi phái thông suốt đủ tinh tường các danh lục như đã luận giải. Dựa sách Kim Sơn chùa Giang Thiên tại Nhuận Châu quyển 9 ghi ngũ lục chí học thông sách Tổ Lưu Tâm Nguyên Đồ Thuyết kệ rằng: Tổ hành giới định thông Mới chứng được viên thông Pháp sáng vượt thực tế Đạt ngộ lý chân không. Đây là môn hạ của Bích Phong Sơn Thiền sư, Tổ Định thiền sư vào ở chùa Tuyết Phong, là Tổ chữ khởi đầu 47 dưới Bích Phong, thành lập một phái riêng, kế thừa đến 20 chữ, hoàn toàn không phải từ chính tông Lâm Tế xuất phát. Cho

đến Huyền Hữu truyền Tổ ấn kiệt xuất Thiên Đồng Ngô Khánh Sơn sửa đổi hai nhánh mới dùng chữ “Viên” kéo dài cho tới nay; trước mắt chữ “Không” sắp hoàn tất. Lòng người bất nhất, hoặc theo phái Tổ Long Sơn hay lập riêng một phái, hoặc nguyên bài kệ từ chữ “Tổ” bắt đầu trở lại. Hoặc chữ “Không” truyền thừa kế tiếp; nhưng mà chung cục không phải chỉ bấy nhiêu. Thiền là tông lớn trong các tông luôn hưng long dòng pháp. Nên nghĩ tới cội gốc, nguồn mạch cốt để tìm sự thật. Có chánh tông chánh phái thời nguồn mạch lưu chuyển lâu dài, không đến đổi pháp Tổ nọ dòng (đục ngàu trào lên) được quy về chánh phái. Đây là cuốn sách Ngũ Gia Tông phái đáng tham khảo phát hành rất lâu tại phòng Kinh sách Tây Hồ chứ không phải ký ức của tôi nhớ ra đâu, đó gọi là Tô Lưu Tâm Nguyên vậy (ngược dòng tìm nguồn mạch). Xin trích lục Lâm Tế Chánh Tông đời 24 Thiền sư Hải Chu Vĩnh Từ biệt xuất kệ pháp phái Lâm tế như:

Phổ Vĩnh trí quang hoàng thắng đức

Tịnh huệ viên minh chánh pháp hưng

Tánh hải trừng thanh hiển mật ấn

Đại thừa diệu đạo ngộ tâm đăng

Phật ân hạo mãn lưu phương viễn

Tổ hạnh siêu tông tục từ thâm

Giới định di kiên thông nghĩa lý

Quy thành cẩn thủ trấn thường tân

Phấn thiện xương vinh nhân đạt bản

Vi tường long thanh phục truyền đăng

Công duệ tịch chiếu dung chân tế

Bảo cảnh cao huyền thể dụng thân

Nhiều ích linh văn thơ cảnh tú

Tín trì nguyên ký tế thời trân

Liễu nhiên vô kế không chư huyễn

Giác thọ khai phu quả tự hình.

Nghĩa là:

Trí sâu đức rộng lưu khắp cùng

Tuệ viên tròn sáng Phật pháp truyền

Tánh hải lặng trang hiển mật ẩn

Đại Thừa đạo nhiệm ngộ tâm đấng

Phật ân chan chứa thơm hương mãi

Hạnh Tổ vượt tông nối dõi ân

Giới định kiên cường thông nghĩa lý

Viên thành cẩn trọng gìn như mới

Vun thiện bồi vinh tới quả nhân

An tường hưng thịnh lại thêm tăng

Công lao nhuần nhuyễn sáng cõi chân

Gương báu treo cao thể dụng phần

Lợi lạc linh văn gồm nét đẹp

Giữ gìn nguyên vẹn giúp muôn dân

Hiển nhiên không kế không pháp huyễn

Bồ đề quả lộ hiện tự thân.

Bài tụng này gồm 120 chữ từ Tổ Hải Châu Từ kế chữ Vĩnh cùng bực với phái Bích Phong ở chữ Định đồng hàng. Từ chữ Định đến chữ Không trong bài tụng này đồng bực chữ Thanh. Sau chữ Phấn đối sự liễu ngộ pháp chân chữ Không là dứt, tức từ nơi bài tụng này hiển lộ mật ẩn, hiển tự khởi. Đó là

phái Lâm Tế chánh tông không nên bám víu liên tục và lập riêng các phái. Nếu từ chư Tổ lưu xuất các phái, đã có lập kệ riêng của phái phải biết mình thuộc chữ gì trong bài kệ, ứng hợp với phái chánh đây đồng bực chữ gì, thời ngược dòng tìm nguồn không đến đổi uổng phí công lao. Đến sách phú pháp, phải từ đức Thế Tôn truyền cho Ca Diếp khởi đi, Đông Độ từ Sơ Tổ khởi đi mãi cho tới thời cận đại có sách các tiểu phái ra đời. Bỏ Tổ là tội rất lớn, lại thêm vong bản (mất gốc) nữa. Do người, kế thừa nên Tổ đạo mỗi ngày càng suy vi. Kế đây lược bàn về nguồn mạch: tông môn lấy nhứt niệm không sanh làm chánh kiến. Gạt vắn tự là bị chướng ngại, giá người sau khi ngộ bỗng la lên lâm cơ cũng trọng chỗ thấy mà khinh gốc gác. Gặp sự nguy tạo cũng không xét kỹ vẫn lưu truyền, gian nguy do đây xuất phát, song nguy tạo lẫn lộn với sai lầm. Học rộng là biết rõ nguồn gốc thiên tông, lầm lẫn đối với trong tiểu chú giải lời Phật Tổ, đặng tải Kheo huyền tổ bi ký, riêng có Thiên Vương Ngộ xuất hiện, sau Mã Tổ có Viên môn, Pháp nhãn cũng qui về dưới Mã Tổ. Kế tục sau sách Ngũ Đẳng Hội Nguyên là Chỉ Nguyệt lục đều là tiểu chú giải, thêm sau đó vẫn còn hồ nghi. Vào đời Nguyên đến giữa Nguyên Vân Hác Thụy có tập Tâm Đẳng lục dẫn thẻ ghi các bi ký làm đảo lộn tôn thống làm uổng phí công tuyển chọn của Ngũ Đẳng, ra sách Tể Lôn Vĩnh tập Ngũ Đẳng toàn thư đều thuộc loại nguy tạo này. Lại trước khi Nam Nhạc còn sống sau có Thanh Nguyên, trước có Đại Huệ Cảo, kế có Hồ Kheo Long, huynh đệ làm đảo ngược lại qua Viễn Môn trụ tập ngũ đẳng tục lược. Phái Thanh Nguyên làm đưa vào Lộc Môn Giác đời thứ 5 thuộc môn hạ Trường Ông Như Tịnh. Tổ tôn đảo lộn vị trí, đời thứ làm lẫn. Kế đặng tiếp tục các sách đều là sách sai lầm như thế cả. Phái Nam Nhạc lẫn lộn cả Hải Châu làm một, sai lầm lục vô văn là một ý mạch nguồn thế đại. Tổ đạo đổi giọng đâu thẻ không loạn. Khương Hy giáp thành may có Hành Dương Lạc Hà là Trí Giai Thiên sư chấp bút đính chánh cho ấn hành một cuốn danh lục, mới nêu rõ những lầm lỗi sách cũ của Tổ phụ, để giúp người sau thu thập được điều mới y cứ theo lịch triều năm Giáp Tý biên niên, nghiên cứu các châu quận hẻo lánh thay người sau trước. Bậc Thầy truyền thọ, lai lịch tông phái, thuật cổ luận kim, việc nhiều lời ít, không quá rườm rà. Công việc nhằm sửa đúng cái sai thật đáng nói ở chỗ dụng tâm. Luận bàn chỗ đúng, ngòi bút sắc cạnh thật vô tư đối với sách Tể Lôn Vĩnh tập Ngũ Đẳng toàn thư. Như hai bên sát phạt lẫn nhau. Ngoài ra, Như Mộc Trần Mẫn có Thiên Đẳng Thế Phổ, Đàm Kiết Nhẫn với Ngũ Tông Cứu, Sơn Hiểu Triết với Sùng Chánh Lục và Bảo Tích lục, Tế Thủy Quảng có Hiển Chánh Thuyết, Mai Cốc Duyệt với Lâm Tế Chánh Tông lục, Thạch Nguyên Vân với Tịch Vọng Thuyết, Điền Tỳ Tế với Đông Minh Tổ Đẳng Lục, Cự Linh Dung với Tục Tăng Bảo truyện, Đoạn Khởi Trứ có Nam Nhạc Cách Tổ, Trương Lương Aám với Tôn Thống Biên Niên, Lạc Độc Tiên với Tục

Chi Nguyệt lục, Trú Am Vấn với Tục Đăng Tôn Cảo, Mật Vân Ngô với Tịch Vọng Bạt và Mộng Thuyết lục v.v... Hễ có liên hệ với Hải Châu Từ, Bảo Phong Nguyên, Vô Văn Thông v.v... đều làm lẫn. Không những không phân tích phản đối từ cuốn 1 đến cuốn 4 luận khảo năm tông 2 phái về khởi nguyên. Khảo chánh là Thanh Nguyên Từ khi còn sanh tiền và sau Nam Nhạc, trước là huynh sau đệ vậy. Lại luận Thiên Hoàng Ngô chỉ một người cùng huynh đệ Dục Sơn Nghiễm đồng xuất thân từ Thạch Đầu Hy Thiên. Ngô truyền cho Long Đàm Tín, Long Đàm Tín truyền xuống Đức Sơn Giám, Đức Sơn Giám truyền xuống Tuyết Phong Tôn. Tuyết Phong Tôn truyền cho hai người là Nguyên Sa Bị và Vân Môn Yên. Sở dĩ nói tông Vân Môn vì Thanh Nguyên đời thứ bảy, Nguyên Sa Bị truyền cho La Hán Sâm, Sâm truyền cho Thanh Lương Ích. Vì thế gọi Tông Pháp Nhãn từ Thanh Nguyên đời thứ chín vậy. Dục Sơn Nghiễm truyền cho Vân Nham Thanh. Vân Nham Thanh truyền cho Động Sơn Giới. Do vậy có tông Động Sơn Thanh Nguyên đời thứ năm. Nam Nhạc Nhưộng truyền cho Mã Tô Đạo Nhất, Đạo Nhất truyền cho Bách Trọng Hoài Hải. Bách Trọng Hoài Hải truyền cho hai người là Hoàng Bá Hy Vận và Quy Sơn Linh Hựu. Hoàng Bá Hy Vận truyền cho Lâm Tế Nguyên nên gọi là tông Lâm Tế Nam Nhạc đời thứ năm. Linh Hựu truyền cho Ngưỡng Sơn Huệ Tịnh nên gọi là tông Quy Ngưỡng cùng phái Nam Nhạc đời thứ năm. Năm tông này kế truyền chánh truyền có nguồn gốc. Quyển 5 đến quyển 7 luận khảo về các đời tông Tào Động khá đầy đủ. Ngài Động Sơn truyền cho Phù Dung Khải, Phù Dung Khải truyền cho Lộc Môn Giác, Lộc Môn Giác truyền cho Thanh Châu Biện, Thanh Châu Biện truyền cho Từ Châu Bảo. Dưới Châu Bảo có một phái kế truyền tới nay. Ngoài ra, Phù Dung Khải truyền cho Đơn Hà Hưởng, Hưởng truyền cho Sùng Tiên Liễu. Sùng Tiên Liễu truyền cho Thiên Đồng Giác, Giác truyền Tuyết Độc Túc Am Trí Giám, Giám truyền cho Thiên Đồng Trường Ông Như Tịnh v.v... Hai phái này từ đời Tống đến cuối Minh hơn 500 năm không có thuyết khác, tiếp tục sai lầm đưa tới Lộc Môn Học đời thứ 5. Làm lỗi y cứ dưới Ngài Như Tịnh. Đây đều biện chánh. Quyển 8 đến quyển 14 luận về các thế hệ tông Lâm Tế khá đầy đủ để tham khảo, như Hưng Hóa đối với tông Lâm Tế, Tuyết Nghiễm đối với Vô Chuẩn, Minh Thông đối với Thiên Kỳ đều xa thế hệ. Bàn về Hải Châu Phổ Từ là thế hệ Vạn Phong Thời Uý cùng Bảo Tạng Trì là huynh đệ. Hải Châu Vĩnh Từ là thế hệ Đông Minh Thời, liên hệ tới Hải Châu Phổ Từ ở trước là cháu pháp diệt. Dựa vào chánh tông nguyên lưu, nối tiếp thế hệ Vạn Phong, Hải Châu Phổ Từ trước truyền cho Bảo Phong Minh Tuyên, Bảo Phong Minh Tuyên truyền cho Thiên Kỳ Bồn Đoan, nay còn lưu truyền. Từ Bảo Tạng Trì, Đông Minh Thời trở lại kế truyền pháp có 2 chữ Dục Thiện mà về sau Hải Châu Vĩnh Từ không còn nghi gì nữa. Chùa Dục Thiện, nơi về sau Hải Châu Vĩnh

Từ đã ở đó, nguồn mạch khởi từ Bảo Tạng Trì là dưới Vạn Phong xuất phát ra một phái. Song Quang Trạch, Vô Văn, Minh Thông đi xa thế hệ Thiên Kỳ, thời Bảo Tạng Trì, Đông Minh Thời sau Hải Châu Vĩnh Từ 3 đời là sai lầm phát xuất từ đó. Lại luận cùng danh Vô Văn Thanh có 67 người đời sau không rõ, cùng tên khác người. Nhận lầm Tổ người khác là Tổ của mình, tự do sử dụng điển tịch (sách sử) nguy tạo lấy ngoa truyền ngoa. Tóm lại một lời nói rằng, truyện Phù Nghiễm của Vô Văn, Minh Thông họ Phù, người quận Mân (Phúc Kiến), phủ Võ huyện Quang Trạch. Dựa theo sách Chánh Tông lục đăng tải, Vô Văn quận Võ, sanh ngày 5 tháng 12 năm Giáp Tuất niên hiệu Chánh Đức năm thứ 9 đời Minh vào giờ Tý, xuất gia năm 17 tuổi vào năm Gia Tĩnh thứ 9 tức năm Canh Dần. 20 tuổi thọ giới Tỳ Kheo năm Quý Tỵ. Năm Bính Ngọ, 33 tuổi đi tham học. Lại Ngũ Đẳng đăng tải Vô Văn sanh đời Tùy, con Châu Quan ở chùa núi Long Tuyền vào năm Tân Hợi niên hiệu Gia Tĩnh thứ 30. Tham khảo Ngũ Đẳng toàn thư đăng tải, Thiên Kỳ viên tịch năm Mậu Ngọ niên hiệu Hoảng Trị thứ 11 đến năm Tân Hợi niên hiệu Gia Tĩnh có cả 54 năm đâu có gần Quận Võ, Vô Văn, Minh Thông chứ? Cho nên biết rằng Minh Thông thuộc thế hệ xa. Biết đây là thế hệ xa lấy mọi nguy trá sai lầm truyền tải. Cố nhiên hẳn biết như vậy không nên tranh luận. Nên biết rằng đây không phải là Vô Văn, chắc hẳn không thể thêm 2 chữ Tuyệt Học được. Lại nữa tên húy là Minh Thông không phải Chánh Thông; không thể lẫn lộn được. Minh Thông truyền cho Phù Nghiễm - Nguyệt Tâm - Đức Bảo, Đức Bảo truyền cho Huyền Hữu. Huyền Hữu truyền xuống 4 người: Thiên Đồng Mật Vân Ngô, Vân Môn Tuyệt Kiêu Tín, Khánh Sơn Thiên Aản Tu, Bảo Phác Liên, song pháp mạch rất thanh. Thiên Đồng Khánh Sơn đúng danh lục là Huyền Hữu, không phải truyện Phù Nghiễm. Thuyết này tuy có xuất xứ, nhưng bị người bài bác rất nhiều. Dù không quan hệ kệ truyền pháp làm y cứ, nhưng đối với Phù Nghiễm có cơ duyên kế ngộ. Phù Nghiễm có phó chúc thu gọn không nên bài xích chê trách.

Hỏi: chánh danh trước Thanh sau Nam, có gì trong đây vẫn đảo lộn thứ tự?

- Đáp: Chánh sanh trùng truyền đăng đời sau, trước anh sau là em theo lẽ vậy. Nay trước Nam Nhạc sau Thanh Nguyên, đời sau trùng pháp Thanh Quy làm thầy thiên hạ. Thiên – Giáo - Luật đều trùng sách tôn Tổ trước của họ. Lại hỏi Bảo Tạng, Đông Minh, sau có Hải Châu, tuy phái nhỏ biệt xuất nhưng không loại bỏ. Trước Hải Châu Phổ Từ, tuy chánh tông sai thiếu nhưng không bỏ khuyết, tại sao?

- Đáp: lưu truyền đã lâu và rộng khắp, đối với lịch đại Tổ theo thần vị thứ tự đời; và đời sau, phú pháp đại diện một số đời đã biến đổi bên trong. Ở chỗ chính danh ngay lúc ấy còn khó cái đổi hướng gì nay đã hơn 100 năm lại càng khó sửa hơn nữa.

Lịch Tổ tuy không tâm phân biệt ở chánh danh chẳng thể không luận bàn, vì quyền sách đưa ra lý nên sửa cho đúng. Nay nguyên bản không dám sửa, chỉ lược bàn điểm sai lầm lẫn lộn như trên đã nói.

---o0o---

2.16 Phái Nam Nhạc

Hoài Nhượng truyền cho Phổ Chiếu Đại Tịch tại Giang Tây. Mã Tổ Đạo Nhất truyền một đời cho Bách Trượng tại Hồng Châu. (Đại Trí Hoài Hải), Hoài Hải truyền cho Hoàng Bá tại Hồng Châu tức là Chánh Giác Đoạn Tế Hy Vận. Hy Vận truyền cho Lâm Tế Nghĩa Huyền (Lâm Tế Chân Thường) là thế hệ thứ nhất tông Lâm Tế. Lâm Tế truyền cho Quảng Tế Tồn Tương (Hưng Hóa Tồn Tương) ở Ngụy Phủ. Quảng Tế Tồn Tương truyền cho Huệ Ngung (Nam Viện tại Nhữ Châu), Huệ Ngung truyền cho Diên Thiệu (Phong Huyệt tại Nhữ Châu), Diên Thiệu truyền cho Tĩnh Niệm (Thủ Sơn tại Nhữ Châu). Tĩnh Niệm truyền cho Vô Đức Thiện Chiếu (Thái tử ở Phần Châu). Thiện Chiếu truyền cho Từ Minh Sở Viên - Thạch Sương tại Đạm Châu. Sở Viên truyền cho Phương Hội - Dương Kỳ tại Viên Châu. Phương Hội truyền cho Thủ Đoan (Bạch Vân tại Thơ Châu, Thủ Đoan truyền cho Pháp Diễn - Ngũ Tổ Đông Sơn thuộc Kỳ Châu. Pháp Diễn truyền cho Viên Ngộ - Phật Quả - Khắc Cần - Chiếu Giác ở Thành Đô. Khắc Cần truyền cho Thiệu Long - Giang Kheo tại Bình Hồ, Thiệu Long truyền cho Ứng Am - Đàm Hoa - Thiên Đồng tại Minh Châu. Đàm Hoa truyền Mật Am Hàm Kiệt - Thiên Đồng tại Minh Châu, Hàm Kiệt truyền cho Tổ Tiên Mật Ấn - Ngọa Long phá am tại Khánh Châu. Mật Ấn truyền cho Vô Chuẩn Sư Phạm - Phật Giám - Kính Sơn tại Hàng Châu, Phật Giám truyền cho Tổ Khâm Huệ Lãng - Ngưỡng Sơn Tuyết Nghiễm tại Viên Châu. Huệ Lãng truyền cho Cao Phong Nguyên Diệu ở Thiên Mục tại Hàng Châu. Nguyên Diệu truyền cho Trung Phong Minh Bồn ở Thiên Mục tại Hàng Châu. Minh Bồn truyền cho Thiên Nham Nguyên Trường - Ô Thương Phục Long, Nguyên Trường truyền cho Cao Phong Thời Uy - Đặng Uy tại Tô Châu. Thời Uy truyền cho Bảo Tạng Phổ Trì - Đặng Uy tại Tô Châu, Phổ Trì truyền cho Hư Bạch Huệ Thời - Đông Minh tại Hàng Châu, Vĩnh Từ truyền cho Bảo Phong Minh Tuyên tại Nam Kinh, Minh Tuyên truyền cho Thiên Kỳ Bồn Đoan, Bồn

Đoan truyền cho Vô Văn Minh Thông. Minh Thông truyền cho Nguyệt Tâm Đức Bảo ở Tiểu Nham tại Bắc Kinh, Đức Bảo truyền cho Huyền Hữu Chánh Truyền ở Long Trì tại Nghi Hưng. Chánh truyền truyền cho Mật Vân Viên Ngộ ở Thiên Đồng tại Minh Châu, và Thiên Aản Viên Tu ở Khánh Sơn tại Nghi Hưng. Từ Đại Giám trở đi tới đây là 34 đời.

Từ Viên Ngộ Khắc Cần biệt xuất một chi là Đại Huệ Tông Cảo Phổ Giác tức Kính Sơn tại Hàng Châu, Phổ Giác truyền cho Lại Am Đánh Nhu ở Tây Thiên tại Phước Châu. Đánh Nhu truyền cho Mộc Am An Vĩnh ở Cổ Sơn tại Phước Châu, An Vĩnh truyền cho Mai Oâng Ngộ Minh ở Tịnh tại Hàng Châu. Ngộ Minh truyền cho Nhược Khẩu Lãng Ích tại Thái Nguyên, Lãng Ích truyền cho Phiệt Độ Phổ Từ tại Phần Châu, Phổ Từ truyền cho Nhất Ngôn Đạo Hiển ở Tướng Quốc tại Lạc Kinh, Đạo Hiển truyền cho Tiểu Am Hành Mật tại Tây Kinh, Hành Mật truyền thừa 2 người Nguỡng Viên Khâm, Khâm truyền cho Vô Niệm Trí Hữu tại Thọ Châu, Trí Hữu truyền cho Hình Sơn Hoài Bảo, Hoài Bảo truyền cho Thiết Ngưu Đức Viễn tại Tần Lĩnh, Đức Viễn truyền cho Nguyệt Minh Liên Trì ở Châu Dương tại Thục Hồ, Liên Trì truyền cho Xuy Vạn Quảng Chân ở Tụ Vân tại Trung Châu. Quảng Chân truyền cho Thiết Bích Huệ Cơ ở Trị Bình, Khánh Trung tại Trung Châu, Huệ Cơ truyền cho Sơn Đăng Lai ở Cao Phong tại Trung Châu. Khởi từ Đại Giám là 31 đời.

Từ Vô Chuẩn Sư Phạm biệt xuất một chi là Đoạn Kiêu Diệu Luân ở Tịnh Từ (chùa) tại Hàng Châu, Diệu Luân truyền cho Phương Sơn Bảo Kiên ở Đoan Nghiêm tại Đài Châu, Bảo Kiên truyền cho Vô Kiến Tiên Đổ ở Hoa Đảnh thuộc Đài Châu, Tiên Đổ truyền cho Bạch Vân Trí Độ ở Phước Lâm tại Xử Châu. Trí Độ truyền cho Cổ Quật Tuấn ở Thiên Giới tại Kim Lăng, Tuấn truyền cho Vô Tế Minh Ngộ tại Đông Phổ, Minh Ngộ truyền cho Nguyệt Khê Trùng, Nguyệt Khê Trùng truyền cho Di Phong Dung. Di Phong Dung truyền cho Bảo Phương Tấn ở Thiên Mục tại Hàng Châu, Bảo Phương Tấn truyền cho Giả Ông Hiếu ở Đông Tháp tại Gia Hưng. Hiếu truyền cho Vô Thú Như Không tại Gia Hưng, Không truyền cho Vô Huyền Cổ Trạm Tánh Trùng ở Xa Khê tại Tô Châu. Trùng truyền cho Nam Minh Huệ Quảng ở Hưng Thiện tại Gia Hưng. Quảng truyền cho Phổ Minh Diệu Dụng ở Mã Hồ tại Gia Hưng, Dụng truyền cho Vân Phong Điều. Khởi đi từ Đại Giám tới đây là 35 đời.

Trở lên là phái Nam Nhạc.

2.17 Chi Thanh Nguyên

Hành Tư truyền thừa cho Thạch Đầu Hy Thiên tại Hoàn Sơn, Hy Thiên truyền cho Dược Sơn Duy Nghiễm tại Lễ Châu, Duy Nghiễm truyền cho Vân Nham Đàm Thạch tại Đàm Châu. Thạch truyền cho Động Sơn Lương Giới, là đời thứ nhất tông Động Sơn. Giới truyền cho Vân Cư Đạo Ứng tại Hồng Châu, Ứng truyền cho Đồng An Phủ ở Phụng Thê Sơn tại Hồng Châu, Phủ truyền cho Đồng An Chí tại Hồng Châu, Chí truyền cho Lương Sơn Duyên Quán tại Đảnh Châu. Quán truyền cho Thái Dương Cảnh Huyền tại Trịnh Châu, Huyền truyền cho Nghĩa Thanh ở Đầu Tử Sơn tại Thơ Chấn, Thanh truyền cho Phù Dung Đạo Giai ở Tích Châu tại Sơn Đông, Giai truyền cho Huệ Định Tự Giác Chùa Vạn Thọ Lộc Môn Sơn tại Nhượng Châu. Giác truyền cho Đại Giác Phổ Chiếu Hy Biện ở Thiên Ninh tại Thanh Châu, Biện truyền cho Đại Minh Bảo tại Từ Châu, Bảo truyền cho Vương Sơn Thê tại Thái Nguyên. Thê truyền cho Tuyết Nham Mãn ở Đại Minh tại Từ Châu, Mãn truyền cho Vạn Tùng Tú ở Báo Ân tại Yên Kinh. Tú truyền cho Tuyết Đình Phước Dụ ở Vạn Thọ tại Thiếu Lâm, Dụ truyền cho Linh Ân Văn Thái tại Cao Sơn. Thái truyền cho Hoàn Nguyên Phước Ngộ tại Báo Ứng, Ngộ truyền cho Hườn Quật Văn Tài ở Hương Nghiêm, Tài truyền cho Tùng Đình Tử Nghiễm ở Vạn An tại Nam Dương. Nghiễm truyền cho Ngung Nhiên Liễu Cải ở Cao Sơn. Liễu Cải truyền cho Câu Không Khế Bân tại Cao Sơn. Khế Bân truyền cho Vô Phương Khả Tùng ở Định Quốc tại Tây Kinh, Khả Tùng truyền cho Hư Bạch Nguyệt Đơn Văn Tài tại Cao Sơn. Đơn Cải truyền cho Tông Cảnh Đại Chương Tôn Thư ở Tiểu Sơn tại Bắc Kinh. Tôn Thư truyền cho Đại Thiên Huyền Hữu Thường Nhuận tại Cao Sơn và Bẩm Sơn Thường Trung.

Từ Đại Giám trở đi là 34 đời. Trở lên là phái Thanh Nguyên.

- Chứng nghĩa ghi rằng, y cứ các sách Ngũ Đăng Hội Nguyên, Tục Đăng Tồn Kiền, Chánh Nguyên Lược Tập v.v... Hai tông Lâm Tế và Tào Động biệt xuất nhiều chi phái không thể lục đủ hết được. Ở đây chỉ ghi một phái chính để làm sáng tỏ nguồn gốc. Sau Nam Nhạc ngoài phái chính ra lại có thêm Đại Huệ Cảo và Đoạn Kiền Luân là hai chi nữa, lấy người của chi phái đưa lên làm chỗ trọng yếu. Lại dưới Đại Giám 4 đời kiệt xuất phái Qui Sơn Linh Hựu, Linh Hựu truyền cho Ngưỡng Sơn Huệ Tịch, đó là tông Qui Ngưỡng. Lại nữa sau Đại Giám 7 đời xuất hiện phái Vân Môn Yên, đó là tông Vân Môn. Ngoài ra, dưới Đại Giám 9 đời có Pháp Nhãn Văn Ích, đó là

tông Pháp Nhân. Như vậy, 3 tông này đều đã không có kế thừa cho nên không đưa ra gốc gác.

---o0o---

2.18 Phụ: Thiên Thai giáo quán tông

Thiên Thai một tông chuyên xiển dương Kinh Pháp Hoa. Theo Ngài Trí Giả, sách Quán Tâm luận ghi rằng, đánh lễ Thầy Long Thọ. Nghiệm đó để biết rằng Trí Giả xa bái Long Thọ làm sơ Tổ; gần thời bái Huệ Văn - Bắc Tề, làm tổ thứ hai; Huệ Văn truyền xuống Nam Nhạc Huệ Tư, là tổ thứ ba. Huệ Tư truyền cho Trí Nghiễm Đức An (Trí Giả), Trí Giả là tổ thứ tư.

Lấy nhất niệm hồng truyền 3 nghìn cõi, trong viên mãn thực hành giáo quán, dù trải qua ở quan quyền, nhà giàu sang v.v... những lợi lộc, nhưng quy về gốc Thiên Thai ở Quốc Thanh, nên gọi là Tông Thiên Thai.

Trí Giả truyền xuống Chương An Quán Đánh Phi Phạm là tổ thứ năm, Phi Phạm truyền cho Pháp Hoa Trí Uy là tổ thứ sáu, Trí Uy truyền cho Thiên Cung Huệ Oai là tổ thứ bảy, Huệ Oai truyền cho Tả Khê Huyền Lăng Huệ Minh là tổ thứ tám. Huyền Lăng truyền xuống Kinh Khê Trạng Nhiên là tổ thứ chín, Trạng Nhiên truyền xuống Quốc Thanh Đạo Toại Hưng Đạo là tổ thứ mười, Hưng Đạo truyền cho Quốc Thanh Quảng Tu Chí Hành là tổ mười một. Chí Hành truyền cho Vật Ngoại Chánh Định là tổ mười hai. Chánh Định truyền cho Nguyên Tú Diệu Thuyết là tổ mười ba, Diệu Thuyết truyền cho Thanh Tùng Cao Luận là tổ mười bốn. Cao Luận truyền cho Loa Khê Nghĩa Tịch Thường Chiếu là tổ mười lăm, Thường Chiếu truyền cho Minh Châu Bảo Vân - Nghĩa Thông Tánh Viên là tổ mười sáu. Tánh Viên truyền cho Tứ Minh Tri lễ Ước Ngôn Pháp Trí là Tổ mười bảy. Pháp Trí truyền cho Nam Bình Phạm Trăn là Tổ mười tám. Phạm Trăn truyền cho Tùng Giản Từ Biện là Tổ mười chín. Từ Biện truyền cho Xa Khê Trạch Khanh là Tổ 20, Trạch Khanh truyền cho Trúc Am Nghi Ông Khả Quán là Tổ 21. Khả Quán truyền cho Bắc Phong Nguyên Thật Tông Aán là Tổ 22, Tông Aán truyền cho Phật Quang Pháp Chiếu là Tổ 23. Pháp Chiếu truyền cho Tử Đình Sư Huấn là Tổ 24, Huấn truyền cho Đông Minh Huệ Nhựt là Tổ 25. Huệ Nhựt truyền cho Phổ Trí Vô Ngại là Tổ 26, Vô Ngại truyền cho Nam Thiên Trúc Lâm Huệ là tổ 27. Lâm Huệ truyền cho Đông Thiên Nguyệt Đình Đức là Tổ 28, Đức truyền cho Tôn giả Diệu Phong Chân Giác Bách Tùng là Tổ 29. Đó là thời trung hưng của Giáo Quán Tông.

Kệ truyền pháp của Thiên Thai Giáo Quán như sau:

Chân truyền chánh thọ

Linh nhạc tâm tông

Nhứt thừa đốn quán

Ấn định cổ kim

Niệm khởi tịch nhiên

Tu tánh lãng chiếu

Như thị trí đức

Thê bổn huyền diệu

Nhân duyên sanh pháp

Lý sự tức không

Đẳng danh vi hữu

Trung đạo viên dung

Thanh tịnh phổ biến

Cảm thông ứng thường

Quả huệ đại dụng

Thật tướng vĩnh phương.

Dịch nghĩa:

Chân truyền chánh pháp

Linh nhạc ấn tâm

Nhứt thừa giáo quán

Xưa nay hướng chân

Khởi niệm lắng trong

Tự tánh sáng soi

Trí đức lâu thông

Thể tánh thậm thâm

Nhân duyên sanh pháp

Sự lý đều không

Sẵn danh là hữu (có)

Trung đạo viên dung

Thanh tịnh vô cùng

Mọi nơi cảm thông

Trí huệ diệu dụng

Thật tướng hằng luôn...

Lại lập kệ tiêu biểu thực hành như:

Phật pháp rộng truyền

Tổ đạo sâu hoằng

Thành lập tôn chi

Năng sở tịnh nhiên

Công hành thật hiển

Thông tỏ hẵn yên

Vạn pháp biến hiện

Hai, ba tinh chuyên

Ngộ nhập pháp môn

Giáo hóa đồng hành

Ta, người lợi lành

Rốt ráo sáng thanh

Khai thông nguồn mạch

Chinh đốn cương lĩnh

Đời đời giữ thường

Luôn làm thuyền nương...

Từ đây trở xuống các phái khá phức tạp, nay chỉ lược ghi một chi của Linh Phong. Ngài Bách Tùng truyền Thiên Thai cho U Khê Vô Tận Truyền Đăng là tổ thứ 30, Đăng truyền xuống Hiếu Phong Linh Phong Ngẫu Ích Trí Cưu Tổ Hoa là Tổ 31. Phái Linh Phong giáo quán biệt xuất kệ như sau:

Trí sáng chân như hiện

Bản tánh khởi thật tu

Gốc chính phân ngăn dứt

Nguồn chân biển giác lưu

Giữ tín bồi nhân tốt

Nguyện rộng đạo càng sâu

Luật lệ bàn qui tắc

Đạo pháp vững ngàn thu...

Trí Cưu truyền Thương Huy Tịnh Thạnh, Tịnh Thạnh truyền cho Cảnh Tu Chân Minh, Chân Minh truyền cho Lý Nguyên Như Hồng. Như Hồng truyền cho Tổ Liên Hành Châu, Hành Châu truyền cho Huệ Giác Toàn Thành. Toàn Thành truyền cho Hoằng Hải Tánh Phô. Từ Long Thọ trở đi đây là đời Tổ 37.

Đây lược tựa Thai giáo Chánh Tông Nguyên Ủy, những phái khác khá phức tạp không tiện đăng tải rõ từng phái một được.

- Chứng nghĩa ghi rằng, Thai Tông Nguyên Lưu một cuốn và Chỉ Nguyên Tập, các Tổ đều có tiểu truyện. Chỉ có Tổ thứ 28 trong sách Nguyên Lưu là Thiền truyện Minh Ông, trong sách Chỉ nguyên là Nguyệt Đình Đức Công. Căn cứ theo Đông Thiền Minh Ông mất vào năm Vạn Lịch nguyên niên. Bách Tùng sanh năm Đinh Dậu đời Gia Tĩnh, năm 22 tuổi tới chùa Đông Thiền nghe kinh Pháp Hoa. Tuy cùng một thời nhưng Đông Thiền là chủ giảng còn Nguyệt Đình là pháp sư (người giảng pháp) không phải là Minh Ông. Nên sách Chỉ Nguyên tập cho rằng Bách Tùng xuất phát từ cửa của Nguyệt Đình Đức Công. Chỉ có sách Nguyên Lưu nêu trực tiếp Minh Ông là đời thứ 29; cần phải quyết nghị đã. Khảo cứu lại chùa Lô Trạch ở Gia Hưng có xuất bản một cuốn sách Thế phổ Thiên Thai tông đi thẳng cho Diệu Phong Bách Tùng là Tổ thứ 18. Ở trên trực tiếp Tứ Minh lấy nối hưng thịnh Tông Thiên Thai làm giao tiếp vậy. Nhiều đời nhìn chung rất xa cháu con không được ghi chép, cho chí mạch nguồn không theo khảo sát kỹ. Việc này không riêng Thai Tông như vậy. Ngày nay pháp mạch Đài Tông đều truyền bá thịnh hành các nơi. Có những cuốn như Chỉ Nguyên tập, Thế Hệ Nguyên lưu... cần nên tham khảo, vì để tiếp nối dòng pháp. Nên phải tùy lúc, tùy nơi lưu tâm ghi lại để duy trì về lâu về dài. Thậm chí kệ truyền pháp của Bách Tùng xử dụng để định danh; tiêu biểu hạnh dùng để lập hiệu. Vì thế pháp mạch chân truyền tức tiêu biểu hạnh của giáo pháp. Pháp tiêu biểu cả hai không trước và cũng không sau vậy.

---o0o---

2.19 Phụ: Hiền Thủ giáo quán tông

Tông Hiền Thủ chuyên xiển dương kinh Hoa Nghiêm. Từ Bồ Tát Văn Thù kết tập cho tới Long Thọ đích thân tới Long Cung đọc nốt bộ Kinh Hoa Nghiêm. Tại Đông Độ Tông Hiền Thủ có 5 nhà kế thừa làm Tổ; theo kế thừa thời ứng hợp như Đài Tông, Long Thọ là Tổ thứ nhất, Đỗ Thuận Đệ Tâm tạo Hoa Nghiêm pháp giới quán là Tổ thứ hai. Đỗ Thuận truyền cho Vân Hoa Trí Nghiễm Chí Tướng chế tác Hoa Nghiêm su huyền nghĩa sao là Tổ thứ ba. Tướng truyền Pháp Tạng Hiền Thủ Quốc Nhất chế dịch Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký đời Tấn, Nhất thừa giáo nghĩa phân tề chương v.v... trước thuật có hơn trăm quyển, để hoằng truyền giáo quán gọi Tông Hiền Thủ là Tổ thứ tư. Pháp Tạng truyền cho Trừng Quán Đại Thức Thanh Lương Quốc Sư Tông Đường dịch kinh Hoa Nghiêm biện chế số sao là Tổ thứ năm.

Thanh Lương truyền cho Khuê Phong Tông Mật sáng tác Hoa Nghiêm hạnh nguyện phẩm sao là Tổ thứ sáu. Tông Mật truyền cho Huyền Khuê Chân Áo Triệt Vi là Tổ thứ bảy, Triệt Vi truyền cho Hải An Nguyệt Lăng Bình Nhiên là tổ thứ tám. Bình Nhiên truyền cho Thủ Đăng Đức Hiện là Tổ thứ chín. Trường Thủy Tử Tuyên Dao kế thừa là Tổ thứ 10, Tịnh Nguyên Tịch Hải Tiềm Duệ là tổ 11. Hy Xung Thần Giám Thừa Chiếu là tổ 12, Diệu Quán Đạo Minh Trạm Nhân là Tổ 13. Sư Hội Qui Nguyên Ngọc Phong là Tổ 14. Liễu Tâm Thâm Đạo Huệ Châu là Tổ 15. Đạo Ngô Bôn Giác Quán Huệ là Tổ 16, Thanh Giới Nhứt Như Khiết Am là Tổ 17. Huệ Quỳnh Lương Bích Trân Lâm là tổ 18, Diệu Túy Siêu Luân Chân Thúc là Tổ 19. Tế Ngô Xuân Cốc Lực Thân là Tổ 20, Đại Đồng Nhất Vân là Tổ 21 (Phổ Tế biệt phong). Minh Sơn Hiền Tiên Cổ Phong là Tổ 22, Thê Nham Huệ Tấn Hành Thành Chi Ông là Tổ 23. Quảng Thông Đạt Am là Tổ 24, Tô Am Phổ Thái Giả Am là Tổ 25. Chân Viên Đại Phương Biện Dung là Tổ 26, Vân Thê Liên Trì Thủ Hoàng Phật Huệ là Tổ 27. Thổ Kiều Thiệu Giác Quảng Thừa Minh Lý là Tổ 28, Liên Cư Tân Y Đại Chân là Tổ 29, Bảo Luân Đức Thủy Minh Nguyên là Tổ 30.

Đây là phần sơ lược truyền thừa của Hiền Thủ Chánh tông, các phái khác khá phức tạp không thể đăng tải rõ từng chi được.

2.20 Phụ: Nam Sơn Luật Tông

Nam Sơn Luật tông chuyên xiển dương luật học (tỳ ni). Tỳ ni Tàu dịch là diệt, tức hay diệt ác của thân và miệng; cũng còn gọi là luật pháp. Luật do Phật chế nhưng kết tập thành, không phải một người làm nên được. Lần đầu tiên Ngài Đại Ca Diếp cùng với 500 Thánh chúng kết tập trong hang Tất Bát La và Ưu Bà Ly tuyên lại luật tạng gọi là Thượng Tọa bộ. Kế đó có Bà Thi Ca và 1000 người phạm lẩn Thánh kết tập ngoài hang đá gọi là Đại chúng bộ. Hai kỳ kết tập này gọi chung là Ma Ha Tăng Kỳ Luật. Từ Ngài Ca Diếp, A Nan, Mạt Điền Địa, Thương Na Hòa Tu, Ưu Ba Cúc Đa là 5 đời thế thức chung không có phân phái. Sau Ưu Ba Cúc Đa có 5 đệ tử, mỗi người có một lối nhìn bèn phân Luật tạng thành 5 bộ phái như:

- 1) Đàm Vô Đức tức là luật Tứ Phần
- 2) Tất Bà Đa bộ là Thập Tụng luật
- 3) Ca Diếp Di bộ là Giải Thoát luật

4) Di Sa Tác bộ là Ngũ Phần luật

5) Bà Tha Phú La Bộ.

Luật bốn tương lai tại Trung Hoa như Ngài Diệu Lạc cho rằng, phân thành một tạng Luật để làm 5 bộ như gậy vàng không mất chất vàng. Y cứ theo 10 đại đệ tử của Phật, Ngài Ưu Ba Ly trì luật đệ nhất. Ngày nay bên Đông Độ ta có một tông trì luật thích hợp chọn Ưu Bà Ly tôn giả là Sơ Tổ. Lần lượt truyền thừa đến Đàm Ma Ca La (Trung Hoa dịch là Pháp Thời là vị Sa Môn Tây Trúc Ấn Độ), vào đời Ngụy Gia Bình năm thứ hai, Ngài đến Đông Độ phiên dịch luật Tứ Phần, là sơ Tổ truyền luật tại Đông Độ. Bắc Đài Pháp Thông, người thời Hiếu Nguyên Bắc Ngụy, nhân học luật Tăng Kỳ kỹ lưỡng, đứng đầu truyền luật Tứ Phần là Tổ thứ hai, Pháp Thông truyền cho Vân Trung Đạo Phú là Tổ thứ ba. Đạo Phú truyền cho Đại Giác Huệ Quang là Tổ thứ tư, Huệ Quang truyền cho Cao Tề Đạo Vân Huy Nguyễn là Tổ thứ năm. Huy Nguyễn truyền cho Hà Bắc Đạo Hồng là Tổ thứ sáu, Đạo Hồng truyền cho Hoảng Phước Trí Thủ là Tổ thứ bảy. Trí Thủ truyền cho Chung Nam Sơn chùa Tây Minh: Đạo Tuyên Thật Tướng Trùng Chiếu là tổ thứ tám. Luật tông truyền tới đây rất thịnh hành. Cho nên người đương thời thường gọi là tông Nam Sơn.

Về sau kế tục truyền thừa truyền giữ làm Tổ vị. Trùng Chiếu truyền cho Sùng Thánh Văn Cương là tổ thứ 9, Văn Cương truyền cho Sùng Phước Mân Ý là Tổ thứ 10. Mân Ý truyền cho Đại Lượng Đạo Tĩnh là Tổ 11, Đạo Tĩnh truyền cho Đàm Nhất là Tổ 12 (Thiệu Hưng Khai Nguyên). Đàm Nhất truyền cho Biện Tú là Tổ 13, Biện Tú truyền cho Chương Tín Đạo Trùng là Tổ 14. Đạo Trùng truyền cho Trùng Sở là tổ 15, Trùng Sở truyền cho Doãn Kham Chân Ngộ là Tổ 16. Chân Ngộ truyền cho Nguyên Chiếu Trạm Nhiên là tổ 17, Trạm Nhiên truyền cho Thật Tướng Viên Minh Quang Giáo là Tổ 18. Quang Giáo truyền cho Đạo Phu Như Huyền là Tổ 19, Như Huyền truyền cho Như Hình Cổ Tâm Huệ Vân là Tổ 20.

Tới thời này Luật học trung hưng, hẳn nhiên việc truyền bá sáng tỏ hoàn bị mà trong nhân gian tương truyền là Ưu Ba Ly hóa hiện. Huệ Vân truyền cho Tịch Quang Tam Muội (Chùa Long Xương ở Bảo Hoa Sơn, Kim Lăng) là Tổ 21. Tới đây Luật tông thành hành có biệt xuất kệ như:

Như tịch độc đức chân thường thật

Phước tánh viên minh định huệ xương

Hải ấn phát quang dung giới nguyệt
Ưu đàm hiện thụ tục thiên hương
Chi kỳ vạn phái luật nguyên viên
Quả kết thiên hoa tông bản trường
Pháp thiệu Nam Sơn hoàng chánh mạch
Đăng truyền tâm địa vĩnh liên phương.

Dịch nghĩa:

Chân như độc đức đúng chân thường
Phước tánh định huệ đạt viên thành
Hải ấn chiếu soi trăng giới sáng
Vô ưu hoa hiện tỏa ngát hương
Rõ ràng môn phái luật truyền xướng
Kết quả đơm hoa đạo pháp trường
Nam Sơn cật lực lưu nguồn mạch
Tâm đăng mãi mãi rạng ngàn phương.

Tam Muội truyền cho Độc Thê Kiến Nguyệt là Tổ 22, Kiến Nguyệt truyền Đức Cơ Định Am là Tổ 23. Định Am truyền Chân Nghĩa Tùng Ân là Tổ 24, Tùng Ân truyền Thường Tùng Mãn Duyên là Tổ 25. Mãn Duyên truyền cho Thật Vinh Trân Huy là Tổ 26, Trân Huy truyền Phước Tụ Văn Hải là Tổ 27, Văn Hải truyền Tánh Ngôn Lý Quân là tổ 28. Tới đây lược, vì các môn phái Luật quá nhiều không thể nêu rõ ràng từng phái hết được.

Chứng nghĩa ghi rằng, người xuất gia là sự bắt đầu ở trong đại chúng; phó pháp là việc chung cục giữa chúng lý. Người không cạo tóc không có lý do gì mà vào hàng ngũ tăng được. Đã làm Tăng bèn lấy hai buổi công phu sáng tối làm công khóa (thời khóa chung). Tác bóng qua nhanh nhưng không biết việc sanh tử đại sự; chí cầu hưởng thượng chỉ một bề để mong được truyền

tâm, thọ ký ư? Ở đây đặc biệt nêu việc phó pháp mà các đời chư Tổ Thiên tông truyền thừa cho nhau. Như trên đã chỉ rõ mô hình nêu mạch nguồn mà môn nhân (hạ) đạt đến. Nhưng nếu Giáo giúp minh tâm, Luật làm nền cho định huệ cũng là phụ thuộc; chỗ thích hợp vẫn là luật tôn giáo toàn vẹn, việc tu tập của đại chúng được hoàn bị mới đáng đề cập hơn cả.

---o0o---

Quyển tám - Tuổi đạo

Chương tám: Tuổi đạo

Lời thuật ghi rằng, vị tăng không tính theo tuổi mà tính hạ lạc để phân biệt với thế tục. Ở Ấn Độ năm có ba mùa, lấy một mùa làm an cư từ 15 tháng 5 đến 15 tháng 9 là khoảng thời gian cấm túc, đình chỉ mọi việc ra vào. Những việc tọa thiền, tụng kinh, thiền hành đều y cứ năm thọ giới trước sau thứ tự mà chế lấy 9 tuần (3 tháng) để tấn tu đạo nghiệp; dùng 3 tuần để bồi dưỡng thân thể (cộng chung lại là 4 tháng), làm cho trưởng dưỡng thân tâm trong an định để thúc liễm chuyên tu không luống phí thời gian, tiếc giữ sinh mạng, tịnh tu nhẫn cần, tuân lời Thánh huấn. Đời đời tôn trọng Quy chế nên mỗi năm nơi Trúc Lâm rộng lớn nóng lạnh, gió mưa... thời tiết không đều vẫn có mùa an cư. Cho nên an cư lấy ba thời điểm: tháng tư, tháng năm, tháng 12, song đều bắt đầu chọn ngày 14, 15 hoặc 16 nhân duyên tùy lúc; chỉ cần thích hợp hòa hài để sắp xếp công việc. An cư cũng gọi là nhập hạ, tọa hạ có nghĩa là giới lạc hay tăng lạc khởi đầu từ đây. Ngày nay Tông Lâm kiết hạ chọn rằm tháng 4, kiết giới và giải hạ nhằm rằm tháng bảy, đây là ba tháng an cư. Lại kiết đông lấy ngày 15 tháng 10 và giải đông vào ngày 15 tháng 1, dùng ba tháng này chuyên tu thiền định đã trở thành qui củ lâu đời. Việc giáo hóa phải tùy nghi từ hơn 1200 năm nay qui củ được duy trì, xem quý ngôi của bậc long tượng, chủ khách xưng hạ mà lần lượt được nghe tiếng gầm của sư tử; tốt đẹp vậy thay, hưng thịnh thay!

An cư cũng gọi là kiết hạ hay còn gọi là kết chế. Trước hết dự bị, kế là tác pháp an cư.

Y luật chế an cư là việc hiển nhiên của tăng. Ngày nay tạm quyền thay đổi lấy 16 tháng 4 âm lịch kiết hạ; phải niêm yết ngày an cư kiết hạ tại nhà khách. Thông tư ghi rõ an cư, ngày 15 các ban Tri khách, Tri sự, Duy Na và ban Hành Đường, âm thực, ghi rõ giới lạc... đầy đủ để tiện làm bản phương danh. Lại phái ban Duyệt chúng lập thẻ, phát thẻ, người nghinh tiếp, sắp đặt

những người có trách nhiệm để đến lúc hành lễ không bị lộn xộn. Phải cho người chuẩn bị các thứ bàn, tọa cụ, hoa quả, hương đèn... đầy đủ trước.

Sáng ngày 16, sau khi điêm tâm xong, Tri Khách thỉnh 3 hồi đại hồng chung, đại chúng đắp y chỉnh tề vào chánh điện. Duy Na, Duyệt chúng thỉnh Hòa Thượng Phương Trượng đến trước niêm hương bạch Phật, thị giả cắm hương lên lư, đánh lễ 3 lạy. Duy Na xướng lễ, đại chúng lạy Phật 3 lạy, đứng thành 2 hàng đối diện nhau xá một xá rồi ngồi xuống tọa cụ. Thỉnh Phương Trượng khai thị, Hòa Thượng nói: thưa đại chúng, theo luật chế, hôm nay là ngày tác pháp kiết giới an cư, đại chúng phải nhiếp niệm lắng lòng cho thân tâm thanh tịnh để giới châu tròn sáng và thân thể trắng kiện trong mùa kiết giới này. Đại chúng đồng đáp: chúng con xin vâng.

Duy Na đứng lên lạy 3 lạy, quì gối chắp tay lấy một thẻ lớn 2 tay nâng 2 đầu và đọc lớn như:

Úc châu quốc, ngày... tháng... năm...

Ba tháng hạ an cư tập chúng. Nam mô Trung thiên Giáo Chủ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chứng minh, thẻ thứ nhất đọc xong để trên mâm đứng xá một xá. Người thâu thẻ lấy mâm không để thẻ ấy lên mâm lạy Phật 3 lạy, tiến lên và quỳ gối 2 tay nhận thẻ đặt vào mâm trống. Sau đó bung mâm đi tới từng người phân thẻ tả hữu hai bên, từ Hòa Thượng Phương Trượng xuống đi theo thứ tự. Người nhận thẻ phải cúi mình nhận thẻ rồi để vào mâm trống. Theo thứ tự đi giáp lượt như thế xong. Duy Na để thẻ trên mâm bước tới 3 bước, 2 tay bung một thẻ lớn đọc lớn tiếng rằng:

Úc châu quốc, ngày... tháng... năm...

Hôm nay tập hợp chúng trong 3 tháng hạ an cư, ngưỡng mong Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên từ bi gia hộ. Lấy thẻ sau cùng lên đọc xong rồi để trên bàn. Lại tiến tới, người thu thẻ lấy mâm để thẻ trên mâm. Người thâu thẻ đều tới trước tượng Vi Đà, bắt kể số người là bao nhiêu. Nói về giới dục, cho biết có bao nhiêu người cũng phải báo cáo rõ ràng. Duy Na đọc lớn rằng, ngày... tháng... năm, hôm nay chư Tăng tập trung về đạo tràng... tại thành phố... an cư kiết hạ 3 tháng, con Tỳ kheo... kiểm trong đây có... vị tỳ kheo, Sa di... người. Kiểm chúng xong, Duy Na lại nói: Con vì chúng mà bạch như thế, xin đại tăng chứng minh. Hòa Thượng đáp: được tốt lắm.

Duy Na: dạ vâng.

Hòa Thượng nói: đại chúng cùng ở chung đã biết nơi đây mùa hạ này có... người như thế an cư. Về sau trong kỳ tụng giới không cần đi thẻ nữa, mỗi người tự nhiếp thân tâm trong 9 tuần (mỗi tuần 10 ngày), nỗ lực làm đạo. Nhận thẻ (bản tên) xong, tụng hồi hướng, ba tự quy y xong. Tất cả đồng đứng lên lạy 3 lạy rồi lui về chỗ.

Chúng tụng giới, tùy theo tháng có trăng hay không trăng theo nghi thông thường. Duy Na bắt tán lư hương xong, quỳ đọc rằng: Thích Ca Như Lai (3 lần) kiết hạ an cư (đại chúng hòa theo). Duy Na chấp tay tác bạch: cấm túc an cư là qui tắc của đức Như Lai để thức tâm đạt bản, là hạnh môn của con giòng họ Thích. Đạo do người hành, công phu do mỗi ngày mà tiến, nay là ngày 16 tháng tư lễ kiết hạ an cư, chúng tăng vân tập tề chỉnh tại chánh điện, trì tụng kinh chú, khởi sự kỳ kiết giới. Từ đây trở đi phát 10 nguyện khởi 3 tâm, trí tánh sáng tỏ, báo đáp bốn ân, nhỏ sạch 6 đường, tiêu trừ các chướng. Thường niệm hiệu Phật, nghĩ tưởng các bậc Thánh, không được đi vào nơi mao hiểm giết hại sanh mạng. Thọ 7 tự giới, sạch như sương tuyết, giữ gìn ba luật nghi sáng không tì vết. Nước định lã trong, trăng tuệ soi chiếu, trong hợp nguồn chân, ngoài tròn phạm hạnh. Nuôi lớn mầm linh Bát Nhã thành diệu quả Bồ Đề; do pháp môn đây hưng thịnh thời hải chúng an hòa. Trời rồng ủng hộ, vua quan tôn trọng, Phật pháp rộng truyền.

- Đại đức một lòng thương xót con Tỳ kheo... nay nương... Tự viện Tăng già lam nội giới kiết giới an cư ba tháng. Mỗi người tự bạch lời kiết giới như thế xong. Tất cả đồng tụng bài:

Chúng sanh không số lượng,

Thệ nguyện đều độ khắp

Phiền não không cùng tận,

Thệ nguyện đều dứt sạch

Pháp môn không kể xiết,

Thệ nguyện đều tu học

Phật đạo không gì hơn,

Thệ nguyện được viên thành.

Tiếp tán bài:

An cư kiết giới

Đạo thể thành hình

Phát nguyện chân thành

Cần tu giới hạnh

Đáng làm mô phạm

Giới luật nghiêm minh

Mau chứng pháp thân

Như Lai pháp vương.

Hoan hỷ địa Bồ Tát Ma ha tát (3 lần).

Tụng hồi hướng, phục nguyện, ba tự quy y...

- Chứng nghĩa ghi rằng, kiết hạ an cư từ khi Phật chế về sau, không luận tông phái chưa hề có việc không tuân hành. Gần đây tông môn đặt định đi ra ngoài cũng đáng buồn thay. Như sách Liệt Tổ đề cương đăng tải pháp ngữ của mùa kiết hạ thiền tông 90 điều (tức) sáng sửa đáng xem. Nay chỉ nêu lên một số điều để thấy rõ đại ý. Ngài Bạch Vân Đoan nói rằng, khởi đầu của an cư gọi là cấm túc. Nghĩa cấm túc chỉ lấy ý ở chỗ tu tiến đạo mà hộ trì sanh mạng. Ngài Chân Tịnh Văn nói rằng, chư tăng mười phương qui tụ lại 3 tháng kết giới dứt tâm cuồng vọng, trừ khổ não bức bách, đạt được thanh lương, chứng Niết Bàn an lạc, đến bờ đại giải thoát, ra khỏi vòng sanh tử. Vì đây là Thánh chế nên không hư dối. Ngài lại nói: nay là ngày đầu hạ, thời giờ chúng tăng kiết giới, Tỳ kheo khắc chế cùng đại chúng thanh tịnh. Xưa Bồ Tát thừa tu hạnh vắng lặng lấy đại viên giác làm già lam, thân tâm an ổn bình đẳng giao tiếp là tự tánh Niết Bàn không bị ràng buộc. Nay Ta cung thỉnh không theo Thanh Văn, nên cùng 10 phương Như Lai và các vị Đại Bồ Tát. Ba tháng an cư là đại nhân duyên tu Bồ tát vô thượng diệu giác. Là sạch cấu nhiễm, giới hạnh thanh tịnh, nếu được như vậy tựa như hoa sen không dính nước, tâm thanh tịnh thắng hơn kia vậy.

Ngũ Tổ Diễn nói rằng:

Hạ này ở Bạch Vân,
Ngẫu nhiên gặp Thiên tăng,
Ba tháng 9 tuần chẵn,
Tôn ti tự định phân,
Cháo cơm, trà dùng chung,
Ngon dở vẫn âm thầm,
Thành ý học kinh thư,
Tự tại quán thiên cơ.
Đây kia trẻ xuất gia,
Phóng giáo bụng dày da,
Nhà đá ngọc quý đa.
Hôm nay rằm tháng tư,
Chư tăng đi khát thực
Nghĩ trên đầu không tóc,
Chân mang giày cỏ sứt,
Quần áo lộng gió thu phong,
Gậy chống ngao du đây đó,
Cò trắng mền tiếc ao không,
Phượng hoàng đâu ngại gai gộc.
Bình sanh can đảm hơn người,
Biết nhau cũng như không biết thôi!

Ôi! Thuyết pháp như thế, há không phải làm qui phạm thiên tông hay sao, ngày nay không được như vậy.

---o0o---

1.1 Niệm Phật trong mùa hạ

An Cư Kiết Hạ là muốn trau dồi thiền định, nhưng theo thông thường nên tọa thiền, nếu không ngồi được, cũng phải lấy niệm Phật làm công khóa. Trong thời gian đó mỗi ngày khóa công phu sáng như thường lệ, đại chúng vào chánh điện tụng Kinh Lăng Nghiêm, chương Thế Chí Viên Thông, chú Đại Bi và mười bài chú ngắn, tâm kinh Bát Nhã, niệm Phật, sám 10 nguyện Phổ Hiền: một là kính lễ chư Phật cho đến mười đêu nguyện hồi hướng, phục nguyện, ba tự quy. Sau khi điểm tâm xong đọc kinh 16 phép quán chương quán tạp tướng, chú vãng sanh 3 lần, niệm Phật (càng nhiều càng tốt), lạy 12 nguyện Phật A Di Đà, lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Địa Tạng Vương mỗi vị một lạy, hồi hướng ba tự quy y.

Cúng Ngọ; giờ Ngọ trai, cúng quá đường xong, đi kinh hành niệm Phật, đọc sám nguyện, niệm Phật, ba tự quy y, đại chúng về liêu. Buổi chiều, tụng kinh Di Đà, mông sơn thí thực và Hồng Danh (nếu có thì giờ). Buổi tối đọc kinh 16 phép quán, chương thượng phẩm thượng sanh, chú vãng sanh ba biến, niệm Phật, lạy Phật A Di Đà, các vị Bồ Tát mỗi vị 3 lạy, hồi hướng, ba tự quy y. Trước giờ chỉ tịnh có thời tọa thiền, hoặc niệm Phật 30 phút. 10.30 giờ tối kiêng chỉ tịnh, đại chúng lên giường ngủ, nhất là mùa an cư, nghiêm ngặt cấm bàn tạp, cũng như không được vô ra sái phép. Người nào trái phạm cấm không được ở chung; người phạm trọng giới y luật trị.

Phàm tại thiền đường và chánh điện chư Tăng vui vẻ học tập nhất là Kinh luật, lắng nghe hiệu lệnh chung bảng (kiền chùy).

Hễ hiệu lệnh cùng luân phiên nhau phụ trách

Phải cùng giúp nhau học tập Kinh,

Luật, Luận cho tinh thông

Ai không theo chúng chiếu Nội Qui phạt.

Chúng muốn nghe giảng kinh gì, Duy Na bạch Trụ Trì biết đề mời Thầy giảng kinh Lăng Nghiêm hay kinh khác cũng được.

Chúng nghĩa ghi rằng: việc kiết hạ an cư có nguồn gốc từ lúc Phật còn tại thế. Kinh Phạm Võng ghi rằng, mùa đông, mùa hạ tọa thiền nên mới thiết lập Thanh Quy. Lấy An Cư, mãn hạ, kết đông, giải đông làm bốn mùa vậy. Gần đây Thiền Tông chỉ kết đông mà không kết hạ, đã sai lời Phật dạy rồi. Luận việc quan trọng của tu hành là không sai lầm hai pháp Thiền Tịnh. Ngày nay đã chọn kết đông cho việc tọa thiền, tức là có thể lấy kiết hạ giảng kinh, học luật đều là việc tu tập, nhưng lấy niệm Phật làm chính.

Giảng Kinh mùa hạ, hay Luật, Luận đều thích hợp trong thời gian này.

Sắp giảng kinh nào nên cho đại chúng biết. Trước hết để đầy đủ lễ nghi, phải thưa thỉnh Thầy Phương Trượng, Thầy có thể cử người khác giảng thay thế, tức là đổi thỉnh vị khác theo cách thỉnh sư. Người thỉnh sư phải đắp y, cầm tọa cụ tới trước mời Thầy ấy khai giảng kinh (phần này có Nội qui giảng đường xem ở sau). Ngày đầu khai giảng, buổi sáng sau khi đại chúng dùng điểm tâm xong, trên chánh điện nên chuẩn bị hương đèn, thiết trí pháp tòa giảng kinh. Trước bục kinh để một tượng Phật và hai bên đặt ghế thỉnh giả nghe kinh. Nếu không có chánh điện, có thể tại trai đường, sau giờ điểm tâm xong mới thiết trí. Sau điểm tâm, nghe hiệu lệnh chuông đại chúng đắp y, cầm tọa cụ vào chánh điện đứng hai bên. Thầy Trụ Trì sai thị giả 3 người: một lo về giờ giặc, một lo kinh và một lo nhang đèn chánh điện hay trai đường.

Ba hồi chuông trống Bát Nhã thỉnh sư, thị giả tới thỉnh Phương Trượng pháp sư dâng tòa, khánh dẫn đầu, chúng theo sau. Giám Viện cầm hương đứng sau. Hòa Thượng Phương Trượng tới, đại chúng đứng hai bên đối diện, thị giả và Duy Na mời pháp sư dâng tòa. Giám viện tiến ra dâng hương, trải tọa cụ ngay ngắn xong, lễ ba lạy nhưng theo nhịp khánh trước. Giám Viện cầm hương đứng sau đại chúng, pháp sư cũng đứng sau, thị giả theo hầu tại chánh điện. Duy Na hầu pháp sư tới ngay chính giữa dừng lại nhịp một hồi khánh. Chuông trống trôi lên nhịp điệu theo bài kệ như sau:

Hàng phục oán thế lực ma

Trừ dứt sạch không còn thừa

Nghe âm thanh vi diệu xa

Hết thầy nên vân tập (nhóm lại) cả.

Nam mô Vân lai tập Bồ Tát Ma ha tát (3 lần).

Thỉnh pháp sư niệm hương, đánh lễ Tam bảo xong, mời dâng pháp tòa xong rồi, Duy Na xướng, chúng đánh lễ ba lạy, mỗi người về chỗ ngồi, tọa thiền một vài phút xong, Duy Na nhịp 3 hồi khánh lại 3 tiếng. Nhập khánh xướng rằng:

Tiếng chuông vang thấu cõi ba ngàn

Phật pháp hoàng dương vạn ức phương

Công lao ân đức bậc quân vương

Lợi ích vô cùng thật khó lường...

Tiếp theo đọc: “kê khai kinh:...” Nam mô Thập phương thường trú Tam Bảo (3 lần). Sau đó buổi giảng bắt đầu. Pháp sư tùy nghi giảng hợp căn cơ, trình độ của đại chúng, cho tới trước khi bài giảng chấm dứt, dành 5, 10 phút cho chúng nêu câu hỏi: đáp xong. Cuối cùng, pháp sư niệm hồi hương như:

Công đức giảng kinh

Hữu tình, vô tình

Lợi lạc khó lường

Đồng thành chủng trí.

Tụng xong, thỉnh ba hồi chuông trống Bát Nhã, pháp sư xuống tòa, tới lễ Phật và lui ra. Đại chúng đứng ngay ngắn hai bên thỉnh pháp sư hồi phương trượng xong, xoay vô lạy Phật ba lạy rồi lui về liêu phòng. Nếu pháp sư bảo khởi tiền đưa, liền ngưng, không cần phải theo thường lệ. Từ đây về sau các lễ nghi có phần hơi khác là không thỉnh chuông trống, cũng chẳng có Giám Viện rước thỉnh. Người dự nghe cũng không lên phòng Phương Trượng mời mà chỉ đứng tại chánh điện hầu đợi. Tới giờ, thỉnh đại hồng chung ba hồi ba tiếng nhóm chúng. Duy Na, Duyệt Chúng phải là hai người trực, một người lo pháp tòa, một người bung khay lễ tới phòng Phương Trượng để thỉnh pháp sư. Nếu lãnh chúng giảng thay, tức thì mời ngay tại phòng. Sau khi pháp sư dâng tòa xong, nên có một người trực niệm hương thỉnh, đại chúng đều chấp tay đứng. Ngoài ra, mùa hạ trời oi bức khởi đắp y, đại chúng lễ pháp sư một lễ rồi cùng ngồi xuống nghe giảng.

Ngày đầu giảng và ngày viên mãn nên làm lễ cúng ngộ như nghi thường lệ. Chỉ có tờ sớ hơi khác, lời phải thích hợp ý nghĩa giảng kinh, nên ở đây không nêu đủ.

- Chứng nghĩa ghi rằng, trong Luật nói năm hạ về trước chuyên học giới Luật, năm hạ về sau mới học giáo pháp, tham thiền. Cho nên Đức Thế Tôn giảng rộng nhiều kinh luật cũng qui về niêm hoa. Đến khi giáo pháp truyền sang Đông độ trước tiên cũng là Kinh Luật rồi kế tiếp đến Thiền Tông, cho nên Kinh Luật và Thiền Tông đều quan trọng, làm mẫu mực ở đời vậy. Sỡ dĩ mùa đông tham thiền, mùa hạ học tập nên bổ túc cho nhau mà không trái nhau. Thiền tông ngày nay đối với Kinh Luật là hai, như chẳng lưu ý hẳn hằm. Do vậy, người học Kinh luật phải biết rõ 5 điều quan trọng này:

1. Tin có cảnh giới chư Phật: mỗi người đều có niềm tin vốn không sai biệt, chẳng sanh tâm khiếp sợ.
2. Điều quan trọng thứ hai là quy tụ về mình (tự lo tu tập), chẳng bàn ăn uống, cửa báu.
3. Tâm trống rỗng ưa thiện, kém biện tài lại muốn làm thầy người. Nên phải chọn người lành mà theo, không nên kết bạn mình chẳng biết.
4. Thương xót hết tất cả, hễ kham được ý này mới khuyên nhắc nhau mà chẳng tiếc lời thống thiết.
5. Tha thứ người tự trách mình, người không như pháp; phát tâm lân mẫn, chớ thấy lỗi người.

Nếu ta phóng túng ôm lòng kiêu mạn thời không thành thật. Mỗi khi thấy người đời muốn học kinh luật, nhập bọn theo kẻ phóng túng nên gây ra bao nhiêu chướng nạn. Quý vị gặp được duyên lành, trái lại trứu mến phù hư chẳng tiếc thay! Ngoài ra phạm người giảng kinh phải hiểu ý Phật Tổ, đừng chỉ y theo văn mà giải nghĩa làm chướng ngại kiến thức người có học. Nên biết thay Phật tuyên dương pháp làm tai mắt cho trời người không thể sơ sót được. Căn cứ kinh Chánh Pháp Niệm Xứ ghi rằng: phạm người đời giảng kinh, thọ giới, tu tập, chứng quả... kể cả ra làm việc Phật là đền đáp địa thần đến không thần. Như vậy lần lượt trên đền đáp ba cõi, hẳn đến chư Phật.

Sách Thiền Tông Mật Yếu ghi rằng, pháp sư Tùy Du giảng Kinh Duy Ma Cật, có dẫn Lý lục sự sau khi chết thành quỷ dựa vào người cùng nói tiếng người. Sư hỏi:

Nay giảng Kinh này người nào nghe được?

- Từ đầu người trở lên là quỷ thần, các cõi trên và chư thiên kính trọng rất mực. Song chư thiên thấy nghe pháp sư xông mùi rượu đều quay mặt bỏ đi không nghe.

Pháp sư Dư liền sám hối lỗi lầm không uống rượu nữa.

Quỉ lại nói: không phải chỉ hội này riêng cảm đến chư thiên mà bất cứ nơi nào có pháp sư đều có chúng tôi giá lâm. Y cứ theo kinh điển, phạm làm việc pháp sư phải chú tâm thành kính.

---o0o---

1.2 Quy tắc ở giảng đường

Luận Thiên và Giáo chẳng hai: Giáo nằm trong Thiên, Thiên không rời Giáo. Chấp văn mà giữ cả nghĩa lý, Thiên cũng là Giáo, lia nghĩa văn mà hợp tâm, Giáo cũng là Thiên. Hành nghi phản ảnh chân như, nương mô phạm mà thành diệu đạo.

Thiện Tài Đồng Tử đi tham bái (học) khắp pháp giới, Đức Thế Tôn chỉ do học mà thành giác ngộ. Nên gương cho người học hỏi, để làm thêm bậc cho kẻ đến sau. Nên biết rằng do tin hiểu để tu chứng, nhân khai thị mà ngộ đạo, bậc mô phạm quan trọng đến như vậy đó!

Không có qui tắc không do đâu mà duy trì đạo. Mong mỗi mỗi người nên tuân theo, và trân trọng 12 điều như sau:

1. Trong hội giảng kinh, nếu có người phạm giới căn bản, : uống rượu la lối, tranh cãi nhân ngã, thị phi, hủy báng việc giảng pháp, kể cả giảng sư và những người cùng học. Hễ ai phạm một việc như trên, đều bị đuổi khỏi viện.
2. Mượn có ngoại đạo nhân du hợp theo kinh điển họ cho ra khỏi chùa.
3. Không tuân theo chúng bị phạt.
4. Ra vào áo mũ (giày dép) không đúng, phạt.
5. Mỗi ngày sau khi điễm tâm sáng vào lớp nghe kinh, nếu không, đáp y lên chánh điện tụng một biến kinh hay một thời lễ sám cầu cho tiêu trừ nghiệp chướng, để gia tăng trí tuệ.

6. Mỗi ngày sau buổi ăn sáng thỉnh giáo thọ giảng kinh, chúng đều đến giảng đường nghe giảng. Pháp sư đến an tọa, niệm hồng danh Phật ba lần xong mà đến trễ, không được vào lớp.

7. Những sách nhăm nhí khác không được xem, ai phạm bị phạt.

8. Giảng kinh gì nên thông báo chi tiết rõ ràng, để lúc nghe giảng chúng dễ lãnh hội. Có điểm chỗ nào không hiểu, ghi chú, chờ sau thời giảng hỏi riêng pháp sư. Nếu lười biếng không nghe hoặc trong lúc giảng sư giảng ngủ gật bê bối, cho ra khỏi lớp.

9. Nghe kinh phải hiểu nghĩa mới mong tỏ ngộ; chỉ đồ lại bả văn mà không rõ nghĩa lý ắt không ngộ lý. Nếu tin văn cũng không hiểu trình tự rõ ràng, hư cấu dựng chuyện cho ra khỏi lớp.

10. Trước giờ giảng kinh có 3 bồi chuông báo chúng, trong ngoài đều tới lớp. Giá như ngồi sai chỗ, nói cười thô tháo, ngênh ngang tự cao trong lớp, không chịu nghe pháp bị phạt.

11. Người giảng quen thuộc lên phòng Phương Trượng báo cáo chỗ ngồi; nhân đến ra trước đại chúng, báo cáo có bao nhiêu người. Đại chúng đồng đứng, phải có một người trực cầm dăng hương. Pháp sư hướng về Tam Bảo lạy Phật, đến giảng cho tới lúc hoàn mãn.

12. Mỗi ngày ngoài việc luân phiên tiêu tọa, rút thẻ chọn tiêu tọa để biết ngày kế tiếp, trừ kẻ thật tối dạ mới không biết.

Trở lên bên trên là những điều qui định, mỗi người nên tuân thủ. Người nào bịnh hoạn hoặc có khách quý thăm, tùy hỷ tới nghe không bó buộc theo Nội Qui.

Ngày...tháng...năm...

Trụ trì... kính ghi lại.

---o0o---

1.3 Qui tắc phụ tọa chủ; gồm 9 điều

Luận Nội Quy giảng đường để học người, học việc. Riêng về Tọa Chủ cũng phải giữ qui tắc trên hẳn mới có ý nghĩa. Lấy một việc giảng kinh thôi bèn

thay Phật tuyên dương pháp, trời người các cõi đều lắng nghe; lý nên tôn kính. A Nan kết tập kinh tạng cầm bút thăng tòa ngồi tòa tướng tốt như Phật, kết tập kinh, giảng kinh cùng một nghĩa. Tọa chủ bỏ các lỗi thị phi, há vạn nhất chẳng xứng hay sao? Nên nêu lên 9 qui tắc của tọa chủ để tiêu biểu oai nghi, cho sự thành kính:

1. Phải đầy đủ đức từ bi dạy người không mệt mỏi, thuyết pháp bình đẳng không có phân biệt sang hèn; không lựa kẻ oán người thân, không kể sự cúng dường khu biệt.
2. Nên đắp y thanh tịnh sạch trong sạch ngoài. Không được mặc y bẩn thặng tòa, dù trời nóng nực cũng phải đắp y. Kham chịu nhẫn nhục, và không được do ngồi lâu mà bỏ y ra.
3. Lắng lòng soi chiếu quán sát mọi pháp đều không. Phạm hạnh lan xa, trời người chung nhóm, nên xem hình vóc là giả dối. Quán không chẳng không, xem giả chẳng giả nên hình thể ở trung gian. Mượn sự qui lý mới nhập sâu diệu lý.
4. Ngồi phải ngay ngắn trang nghiêm, không được nghiêng mình xoay cẳng, nói cười thô tháo.
5. Không được để lại phần chánh không giảng mà phần nhiều chỉ nói chi tiết ngoài lề. Nếu muốn phát huy yếu chỉ nên đưa thí dụ chính xác, dù ngôn ngữ thể để nhưng không trái ngược (chân đế, chân lý) đạo.
6. Phạm giảng kinh nên nêu ra điểm chính làm mốc cho người nghe dễ nhận nghĩa lý, song phải quên văn. Muốn vậy cần phải có nội lực công phu. Không hiểu nghĩa mà lược văn khiến người hiểu cạn cợt, mơ hồ, không sáng tỏ.
7. Với quan điểm riêng không nên chấp đúng mà bài bác các ý khác; hoặc cưỡng kinh cho rằng của mình gây lầm lỗi cho người sau. Nếu gặp trường hợp này nên nói thẳng là không biết, không nên gượng cho là biết.
8. Không được dẫn dụ sự tích mà lạm bàn thú dâm dục mua vui đem pháp làm trò đùa. Nếu có Ni cô dự nghe phải nên thận trọng.
9. Không nên sợ phiền lánh an, phô diễn sự hiểu việc.

Trở lên là những điều làm sáng tỏ pháp sư hiểu nghĩa kinh để dự phòng trường hợp lỗi lầm. Như tự lượng sức mình không hiểu nghĩa kinh thời pháp tòa này đâu có để lên ngòi bày ra cho chơn thiên xem đâu. Nhân quả phân minh mỗi người nên cẩn thận vậy.

Chúng nghĩa ghi rằng, việc thiên thần nghe kinh đã có giải thích ở trước. Ngoài ra, phàm ở tông lâm bàn khảo, nói thiên địa cũng đều có quỷ thần tới nghe quan sát. Sách Chích Cổ ghi rằng vào đời Tống Quang Hiếu có sư An chùa Thanh Thái không thích làm việc theo chúng. Ban ngày chỉ ngồi không tự nhiên nhập định, trong định bỗng thấy 2 vị tăng dựa lan can nói chuyện, trước có thiên thần ủng hộ lắng nghe, nghe hồi lâu bỏ đi, chốc lát ác quỷ mắng nhiếc, chà đạp đầu chân. An bèn xuất định hỏi thần vì sao? Thần cho hay bởi lúc đầu bàn Phật pháp, kể nói sang việc đời, bàn về tư dưỡng. Sư An nghe hai vị Tăng nói, từ đó khắc phục tội luyện suốt đời chưa từng đề cập chuyện thế gian. Sau khi Sư viên tịch hỏa thiêu toàn thân cháy hết chỉ lưỡi còn nguyên vẹn mềm mại như cánh sen hồng. Sách Vân Thê Sùng Hành Lục cũng có ghi lại sự tích này. Ôi ! dựa lan can bàn khảo mà thần còn nghe được, huống gì đăng tòa giảng kinh há không thận trọng sao!

---o0o---

1.4 Trích yếu quy tắc lễ Vu Lan

Rằm tháng 7 âm lịch thiết cúng lễ Vu Lan. Chuẩn bị thông báo, đọc trên đài, đăng báo, dán nơi cửa chùa, trai đường, giảng đường, đại ý như: Lễ Vu Lan Thắng Hội. Tới ngày lễ, như thường lệ khóa lễ công phu khuya, chúc tán thù ân xong (cách thiết trí lễ đàn tượng không cần thiết ghi ra đây). Chúng điễm tâm sáng, kiểm điễm lại địa điễm hành lễ. Đến giờ nghe hiệu lệnh đại chúng đáp y đi vào đàn tràng thành 2 hàng, cầm phan đi trước hương án (bàn thờ), niệm hương xong, thị giả cầm hương lên lư, Duy Na cử tán bài: Tịnh đàn Vu Lan:

Mục Liên bạch thừa,

Thế Tôn tuyên dương

Bát com hòa la

Lợi kẻ tồn vong (còn, mất)

Thoát sanh thiên đường

Vi diệu thật không lường

Hiếu hạnh mãi xưng dương.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma ha tát.

Phương Trượng lạy Phật xong rồi 2 tay bưng thủ lư đưa lên đọc:

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lần)

Duy Na bưng chung nước tịnh đưa lên ngang trán đọc:

Bồ Tát với nước mát lành dương,

Rảy một giọt, biến khắp mười phương

Tanh như hết thủy tẩy sạch không

Gia trì đàn tràng đẹp thanh lương.

Lời Phật mật ngôn kính xin trì tụng. Tụng chú Đại Bi (Đại chúng). Duy Na đi nhiễu đàn 3 vòng và rải tịnh (rảy nước tịnh).

Phương Trượng chấp tay xưng tán rằng: chúng con cùng chí hiếu tu hành chánh nhân Tịnh Độ, sám trừ 3 tội chướng, báo đáp ân đức song thân. Người còn phước thọ, kẻ mất được siêu thăng, vãng sanh cõi Cực Lạc, độ hết kẻ oán, người thân.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Đại trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

Nam mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát

Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Bồ Tát

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát

Nam mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo

Nam mô Vu Lan khai giáo Đại Mục Liên tôn giả.

Tụng Bát Nhã, niệm Phật, sám nguyện, hồi hướng, phục nguyện, ba tự quy y, lễ 3 lạy rồi lui ra.

---o0o---

1.5 Hiến cúng Vu Lan

Đại chúng cùng tán bài Hội Vu Lan sau:

Vừa khai lễ hội cúng Vu Lan

Thỉnh Tam Bảo thân đến đàn tràng

Xin an tọa trên vòm đài sen

Ngưỡng mong thương xót chúng trai diên.

Nam mô Mỹ hương trai Bồ Tát ma ha tát (3 lần).

Duy Na đứng giữa niệm hương xong, lạy 3 lạy, qùy gối chấp tay bạch:

Cung kính nghe rằng:

Pháp thân vắng lặng,

Vôn không đến cũng không đi

Diệu trí viên dung,

Thật phi không phi sắc;

Rỗng rang dứt bật mọi đối đãi

Biển giác khó lường,

Che trùm khắp chúng sanh mê mờ,

Soi hào quang chiếu diệu.

Hôm nay chính là ngày chư Phật hoan hỷ.

Chúng Tăng tự tứ (giải hạ). Con vì bảy đời cha mẹ mà sắm sửa trăm vị thơm ngon, tuân theo gương hiếu người xưa, bắt chước Mục Kiền Liên, dâng cơm với mùi thơm nhẹ.

Cung kính lễ đấng Pháp Vương, mong rọi từ quang thọ nhận cúng dường.

Đứng dậy đọc tiếp: Ba thân Như Lai (chúng cùng hòa theo). Hiến cúng Vu Lan dâng lên Tam Bảo, hai tay nâng thủ lư bung đưa lên bạch thỉnh:

Đấng Đại hùng xuất thế cũng chứng trai tại thành Xá Vệ mà Chánh pháp lưu hành, cũng dự cúng dường nơi cung nội của Vua Ba Tư Nặc. Phật tùy cơ mà hiện tướng độ khắp hết quần sanh. Hôm nay chúng con cung kính thiết lễ Vu Lan, tâm thành đánh lễ tỏ bày hiến cúng.

Trên đài sen nghìn cánh lung linh, trăm báu sáng ngời. Đức Năng Nhân (Phật) 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tuyệt vời nghiêm thân. Bạc Đại Giác khắp ở mười phương pháp giới; quá, hiện, vị lai vô lượng Phật bảo. Ngưỡng mong bắt xả từ bi, thọ phẩm vật cúng dường này.

Tiếp theo trời chuông trống, phách, chập chã... cúng dường kê tán dương Phật:

Kính lễ đấng Đại giác nơi liên đài (sen)

Oai đức rực rỡ không ai sánh cùng

Ngưỡng mong Phật bảo đại hùng

Từ bi nập thọ lễ mừng Vu Lan.

Nam mô hương thủy hải hoa tạng giới Lan bồn cúng hiến chân như Phật đà da.

Duy Na cầm 3 nén hương bạch thỉnh:

Hôm nay đệ tử chúng con cung kính thiết lễ Vu Lan, tâm thành kính lễ một lòng phụng hiến:

Nước Tây Thiên Trúc, kinh điển liễu nghĩa thượng thừa tu đà la (Kinh), truyền qua chùa Bạch Mã 12 bộ chân kinh diệu điển; khắp mười phương vô

biên pháp giới quá, hiện, vị lai vô lượng pháp bảo. Ngưỡng nguyện bất xả từ bi thọ pháp cúng dường này.

Chuông trống, phách đồ hồi, Duy Na tiếp:

Nam mô pháp tối thắng tương ưng

Thành tựu quả Bồ Đề Niết Bàn

Ngưỡng nguyện pháp bảo đại từ bi

Thọ pháp cúng dường Vu Lan hội.

Nam mô Hương Thủy hải, hoa tạng giới, Lan Bồn cúng hiến hải tạng Đạt ma da.

Chuông trống, phách đồ hồi, Duy Na bạch tiếp: Hôm nay đệ tử chúng con thiết lễ Vu Lan chí tâm kính lễ chuyên vì phụng hiến:

Ba minh, tám giải, năm nhãn, sáu thông, phân thân nơi cõi này và các cõi khác, ứng hiện tại nhân gian, trên cõi trời khắp 10 phương cùng tận pháp giới trong quá khứ, hiện tại, vị lai vô lượng Tăng Bảo, ngưỡng mong bất xả từ bi thọ nhận cúng dường này.

Chuông trống, phách đồ hồi, xướng tiếp:

Nam mô tự tại chúng trung tôn

Giữa rừng chiến đàn kẻ nhiếp tâm

Ngưỡng mong Tăng Bảo đại từ bi

Thọ cúng dường Vu Lan hội thí.

Nam mô Hương Thủy hải, hoa tạng giới, Lan Bồn cúng hiến phước điền Tăng già da.

Đại chúng đồng tụng hòa hườn như sau:

Nam mô Thường trụ mười phương Phật

Nam mô Thường trụ mười phương Pháp

Nam mô Thường trụ mười phương Tăng

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật

Nam mô Quá Khứ Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật

Nam mô Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Phật

Nam mô Đa Bảo Như Lai

Nam mô Bảo Thắng Như Lai

Nam mô Diệu Sắc Thân Như Lai

Nam mô Quảng Bác Thân Như Lai

Nam mô Ly Bồ Úy Như Lai

Nam mô Cam Lồ Vương Như Lai

Nam mô A Di Đà Như Lai

Nam mô Thế Gian Quảng Đại Oai Đức Tự Tại Quang Minh Như Lai

Nam mô Phật Thuyết Vu Lan Bồn Kinh

Nam mô Đại Từ Địa Tạng Vương Bồ Tát

Nam mô Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát

Nam mô Hộ pháp chư thiên Bồ Tát

Nam mô Già Lam thánh chúng Bồ Tát

Nam mô Lịch đại Tổ sư Bồ Tát

Nam mô Vu Lan Hội thượng Phật, Bồ Tát

Nam mô Cổ vãng tự tứ Duyên Giác, Thanh Văn Tăng

Nam mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên tôn giả

Nam mô ba cõi Thánh phàm ẩn hiển Tôn Thần.

Tiếp theo tụng chú biến thực biến thủy 21 lần, cam lồ thủy, phổ cúng dường, mỗi câu 7 lần.

Nam mô thập phương thường trụ Tam Bảo (3 lần)

Và đọc sớ văn như sau: Lại vì, tụng điển chương, thể thường tình rộng, thật khó lưu giữ, tham chiếu yếu chỉ, Thánh điển Vu Lan Bồn, cảm niệm tu hành hướng thuyên từ cứu độ, bèn tỏ tác lòng thành...(tên tự viện) tại...trụ trì...

Chúng con nhiếp niệm sớm cắt duyên trần, từ bỏ tình thân, hoặc cha hiền mất sớm, thiếu hẳn tình nồng. Hoặc cha mẹ còn sống mãi trái với tâm hiếu kính không làm lợi mình, lợi người, lại còn ngồi không, thọ của người thí, ngược lên xấu hổ, cúi xuống thẹn thùng. Dám mong hoài niệm về cội nguồn. Có được thân này đã nương nhờ ân đức thân sanh dạy dỗ nên người, nhờ bậc thầy sáng dẫn dắt. Gốc nguồn vô tận lưu giữ nghìn thu, giống dõi, thành tâm độ khắp siêu ngoài pháp giới hữu tình; nương mượn thuyên con, gánh nước, hái hoa dâng cúng, kính nương theo Pháp Bảo. Giao hòa thiên địa để lưu ân đức, nhờ tận gốc khổ để bước lên bờ giác. Do vậy, chúng con chọn ngày này trong tháng khởi sự cho tới ngày... chấm dứt. Kính xin vân tập chúng tăng lên chánh điện, tụng kinh Vu Lan lễ Phật sám pháp.

Lại nguyện, ánh hào quang chiếu diệu cõi Ta Bà, chẳng nơi nào không sáng tỏ. Biên pháp mênh mông, hữu tình chúng sanh trong vũ trụ đều được gội nhuần ân đức. Cha mẹ nhiều đời của chúng con, vô lượng kiếp đầy đủ nhân duyên, đồng thời sư trưởng và bà con quyến thuộc; được gia tăng phước huệ, kẻ mất chứng phẩm sen vàng, khắp thấm nhuần thiện nhân lợi lạc hằng sa cõi khổ. Lại nguyện sơn môn thanh tịnh, chúng lý an hòa, có bị ngăn chướng, mọi việc mong được như ý. Văn sớ bên trên, cung thỉnh Tam Bảo chứng minh gia hộ (có thể biên tên của Phật tử vào đây để đọc cầu nguyện...)

Lại nữa, pháp hội Vu Lan rành rõ thành Xá Vệ thơm hương còn in dấu, công đức vượt cõi nhân thiên. Hiếu hạnh Mục Liên mãi nhắc tên. Muốn cho bảy đời cha mẹ sanh lên phẩm sen, nên lễ 3 thân Phật tại đài sen. Chúng con chạnh nghĩ: xướng vị viên âm theo mỗi cõi chúng sanh thấy đều nhập pháp

hội bình đẳng. Dẫn hiếu tâm của bao đời hoặc thiện nam hay tín nữ thầy tuân theo di huấn của Phật. Ngưỡng mong thương xót bao dung, cứu thoát khỏi khổ bị treo ngược. Do đó, bốn tự chọn ngày... tháng này, cung kính về chùa... dâng cúng Vu Lan thắng hội, cầu siêu độ khắp tất cả hàm sanh. Chúng con sa nơi tội lỗi, ít gặp nhân lành, rập mình nơi pháp hội, ngưỡng mong thương xót! Do đã chuẩn bị sẵn sàng pháp điền, biểu tỏ tâm thành dâng cúng. Nương nhờ oai đức Tỳ kheo Hòa thượng, mong hồng ân Tam bảo cầu siêu độ các tiên linh hiện được gội nhuần ân phước.

Lại nguyện: tâm từ cảm cách, Thánh nhân tùy cơ, rải một cơn mưa thầy thấm nhuần, cõi đại thiên mong mỏi nhờ ân. Tứ thân phụ mẫu của chúng con, cùng nhiều đời thân thuộc đồng thừa phước lực này mà thoát khỏi cảnh khổ của 3 đường ác, vãng sanh về cõi Tịnh Độ lạc an. Cha mẹ còn hiện đời an khang khỏe mạnh, năm phước gia tăng, ba tai⁵⁴ biến mất. Như có cầu mong đều được như ý nguyện:

Đại chúng cùng tán bài sau đây:

Năm loại quả trăm mùi vị

Sắc màu tươi mới sạch thơm

Hội tự tứ hiến cúng Năng Nhơn

Nguyện đáng thân thoát trầm luân

Cứu độ khắp cõi u minh

Pháp giới chan hòa nắng xuân.

Nam mô phổ cúng dường Bồ Tát ma ha tát (3 lần).

Tiếp theo tụng Bát Nhã, sám nguyện, hồi hướng, phục nguyện, ba tự quy y.

Nguyện đem công đức cúng Vu Lan

Báo đáp mẹ cha sanh dưỡng ân

Người còn thọ phước sống an khang

Kẻ mất thoát khổ siêu lạc bang

Chúng sanh chín cõi các hàm thức

Giải khổ tám nạn và ba đàng

Mỗi mỗi tự hồi tẩy tội vương

Ngưỡng mong thương cứu dứt trầm luân.

Tất cả đồng lay Phật 3 lay và lui về hậu liêu.

---o0o---

1.6 Chư Tăng thọ thực (lễ Vu Lan)

Sau khi cúng nguyện xong, Duyệt chúng sắp đặt phẩm vật cúng Tự tứ (vật của tín chủ dâng cúng như khăn tay, xà phòng, dầu cảm mạo, giày dép v.v... để yên một chỗ. Ngày lễ Tự Tứ bày ra trước bàn kim đài (trai đường) để cúng chúng và khách Tăng. Phẩm vật cúng chia đều (phổ đồng) bất luận tăng ở chùa hay khách tăng có mặt tại trai đường; Mọi việc đều chuẩn bị sẵn sàng, khi nghe hiệu lệnh (bảng), đại chúng đắp y mang bình bát tới trai đường ngồi vào chỗ sẵn sàng. Trai chủ tác bạch cúng dường, Hòa Thượng đáp từ xong, trai chủ lễ 3 lay. Tất cả nâng bát cúng dường và đọc:

Cúng dường thanh tịnh... tới chỗ đương nguyện chúng sanh, đôi lại đọc là: cha mẹ quá khứ bảy đời siêu thăng; song thân hiện đời luôn được không bệnh, không lo buồn. Ta và người đều lợi lạc, người còn, kẻ mất thấy được nhờ hồng ân, lia hẳn ác đạo, rốt ráo thọ lạc an thân. Thị giả cúng xuất sanh, xướng tăng bạt, đại chúng quán tưởng 5 phép quán: 1) kể công nhiều ít so của người đem tới 2) xét đức hạnh mình đủ thiếu để thọ nhận 3) ngăn ngừa tâm tội lỗi, tham là gốc 4) xem thức ăn như thuốc hay trị bệnh gây thân thể 5) Muốn thành đạo nghiệp mới thọ thức ăn này. Cử vài ba vị đem phẩm vật cúng dường tới dâng Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức v.v... cho tới người cuối cùng xong. Kết trai, phục nguyện và đại chúng kinh hành niệm Phật.

- Chứng nghĩa ghi rằng, Vu Lan đại trai - làm chay cúng lớn - Phật dạy cử hành lúc giải hạ, vì mùa hạ an cư 90 ngày (9 tuần, mỗi tuần 10 ngày) chư tăng gia hạnh tu tập không cứ là 4 quả cũng nỗ lực huân tu. Ngày giải hạ thiết đại trai cúng, việc làm ấy phước đức rất lớn. Mỗi năm cúng một lần bởi cha mẹ thương yêu niệm niệm không rời nhau; người con hiếu muốn báo ân nên hằng năm tiếp nối lễ cúng dường này. Ngoài ra, ý kinh là để trừ dứt khổ

mà báo ân là chính yếu, việc này có khác thế tục. Hiếu của người đời là thuận theo tình, điều đó cũng có nghĩa là thuận theo tánh tình của cha mẹ nữa. Hiếu ở đời chỉ chuộng nơi hình thức. Còn ở đây (đạo) hiếu kiêm luôn cả tinh thần, người đời không biết nên không tin, bèn cho rằng họ Thích không có quân - thân (vua và đấng thân) cũng chỉ vì chưa khảo cứu sâu rộng. Luận về đạo: thuận tánh nuôi thân có điềm khó sáng tỏ, nhưng giữa hình thức và tình cảm cũng đâu có xa với con người chứ? Như Đức Thế Tôn thuyết pháp cho mẫu thân cõi trời Đạo Lợi, tiễn biệt phụ thân mà khiêng quan tài, như thế không hiếu sao? Kinh Phạm Võng cho Hiếu là giới, và ghi rằng: hiếu thuận là pháp chí đạo. Kinh 42 chương ghi: phạm sự của người, trời, quỷ thần... không gì bằng hiếu hai đấng thân, song thân là thân tối cao đó. Trong Luật dạy: người không vâng lời cha mẹ, không cho xuất gia. Kinh Phật Quán Vô Lượng Thọ mở đầu rằng, hiếu dưỡng cha mẹ là chánh nhơn thành Phật. Kinh Đại Báo Ân, Tâm Địa Quán đều nói rộng thâm ân cha mẹ và pháp báo hiếu. Nguyên một cuốn kinh Cảnh Tử nêu rõ hiếu sự. Ngài Địa Tạng vì hiếu với mẹ mà lập thế nguyện độ sanh. Đến như Đức Bổn Sư chúng ta dạy khuyên đệ tử rằng; cha mẹ như Bồ Tát bồ xứ. Ngài bảo với đệ tử nên giảm mặc, bớt ăn để nuôi dưỡng cha mẹ. Cha mẹ có tin chân chánh (đúng) mới phát tâm ban phát rộng rãi. Nếu không có chánh tín ít hay ban cho, nếu không ban cho khó mong chuyển hóa. Kinh tạng có những ngôn từ khuyên về hiếu ta từng thấy xuất hiện vô số, há chẳng lấy hiếu làm đầu sao? Đặc biệt kinh dạy gồm có thuận tánh, dưỡng thân nên thế pháp không làm sao theo kịp. Nay Qui tắc này hoàn toàn tuân lời Phật dạy tụng kinh bái sám, dâng phẩm vật cúng, bố thí siêu độ cầu cho 7 đời hương linh cha mẹ thoát khỏi u minh, dứt lia mọi sự trói buộc. Thoát khỏi sự trừng phạt ở địa ngục, nơi nghiệp khổ không thể buộc được.

Pháp cúng Vu Lan lợi lạc phi thường, đâu phải chỉ làm phong phú dồi dào năm đỉnh trong 3 lần hiến cúng với hiếu tâm ân cần như vậy mà được. Nên biết tôn chỉ hiếu chỉ có Phật dạy là sâu sắc nhất.

Trở lên là pháp giản đơn thực hành chỉ trong một ngày, nếu 7 ngày hoặc 5 ngày nên dựa theo phần sau để thực hiện.

---o0o---

1.7 Qui tắc lễ hội Vu Lan gồm có 18 điều

Ta từng nghe giai tiết lễ Vu Lan là dịp đại bố thí rộng khắp, trông mong vào lực lượng đại đàn tràng, thiết cúng vô giá cam lồ pháp vị. Pháp hỷ biến khắp mà thiên duyệt Phật, Tăng gọi nhून cả Thánh phàm. Thực hiện hai việc bố

thí vật thực (thức ăn) và pháp thí đời sau được đầy đủ hai môn phước và huệ. Những qui ước chuẩn mực được nêu theo thứ tự sau:

1. Mỗi năm đến Rằm tháng bảy người biết chữ đến liêu Tạng chủ nhận lãnh chú thích, in ấn Kinh Vu Lan. Tạng chủ hỏi danh tánh cho ghi vào sổ. Đến ngày mùng 6 hoặc bắt đầu tu Phật thất, nếu không tổ chức chỉ chú trọng mỗi ngày giảng Kinh Vu Lan một thời cũng được. Dán thông báo tại phòng khách, cổng chùa, giảng đường nêu rõ thời giảng kinh và tên giảng sư vào ngày giờ nào... cho đăng báo, đọc tin trên đài, thí chủ cúng tiền, trai phạn, cúng dường trai tăng, truy tiền hương linh hết thầy đều nên cho đại chúng biết rõ để tâm mọi người độ lượng (mở rộng) mới hợp lời Phật dạy.

2. Hội cúng này không luận tăng, tục ai cũng tham dự được trong việc niệm Phật nghe kinh, chỉ không cho các ni cô nhỏ tuổi vào đàn, vì sợ mất uy danh đạo tràng.

3. Qui định cũ dùng trước chánh điện thiết lập đàn tràng cúng lễ, phía trên có che tấm bạc (lều) dưới lấy gỗ làm cọc cho chắc chắn để tránh gió mưa. Tùy số người tham dự và đồ cúng nếu đông; còn như ít có thể thiết trí trong chánh điện cũng được.

4. Lời bạch đều do Duy Na và Trụ Trì lo chuẩn bị trước đọc nhuần nhuyễn. Đến ngày cúng, bận rộn, thiếu thực tập, khó mà đọc trôi chảy, cho nên đứng nơi lễ đàn chỗ bực cầm giấy đọc rõ ràng khúc chiết. Chỉ Kinh Vu Lan hầu như mọi người đều nên thuộc.

5. Mâm bát cũ có thể dùng được nên dùng. Nếu không chuẩn bị kịp một mâm lớn lấy gỗ làm cũng được, hình thức như tháp hương dưới rộng như chậu, giữa phân làm 4 tầng, mỗi tầng đặt thức ăn 6 vị, chồng 4 lớp thành 24 vị, đồ ăn đều nấu chín. Mâm lớn rộng 3m bên dưới có giá: lại lấy một bát lớn chứa gạo đổ vào trong để cúng.

6. Phàm cúng lễ chỉ cốt do tâm thành kính, không cần phải nguy trang dồi dào; cũng không nên tiếc tiền của mà giản tiện quá mức. Tùy người nghèo giàu dụng tâm thành mà sắm sửa.

7. Dâng cúng đồ dựa theo kinh Vu Lan nên chọn đủ 5 loại trái cây, thức ăn 100 vị: quả khô 10, canh nóng 10, quả nước 10, dưa đậu 10, bánh bột 10, bánh ngọt 10 loại, dầu ăn 10, đồ xào khô 10, đậu 10 loại, tương 10 thứ.

(Việc sắm sửa trên không tuyệt đối, tùy địa phương mà châm chế cũng được).

Ngoài ra, cúng cơm, nước trà và nói chung là thức ăn chay đều cúng được. Cúng xong dọn đái cho Phật tử. Cúng dường trai tăng dọn mâm riêng. Đã là việc Phật tùy nghi theo từng trường hợp, nếu người của nhiều thời sắm đủ trăm vị, cúng 1000 vị tăng, tụng kinh, sám pháp đều làm cho thêm phần lợi ích. Như người nghèo ít của chỉ cần 3 loại quả, 6 vị thức ăn, thậm chí cúng 10 vị tăng cũng đủ, gọi là phú la thiên hạ kỳ trân (những vật trân quý bày trong thiên hạ). Nghèo mà tận lực, cốt ở chỗ tấm lòng thành mà thôi.

8. Hội cúng Vu Lan giống như cúng Thủy Lục, đàn nội cúng Phật, đàn ngoài nên tụng kinh Hoa Nghiêm phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, quyển 24, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa 12 bộ, Kinh Địa Tạng 12 bộ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật 12 bộ, Kinh Kim Cang 24 bộ, Kinh Dược Sư 24 bộ, Kinh Kim Quang Minh 12 bộ, Kinh A Di Đà 108 lần, Kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni 24 bộ, Kinh Vu Lan Bồn 7 ngày cũng được.

9. Hội Vu Lan tuy cúng tiến cha mẹ tôn thân, nhưng gồm độ luôn 6 cõi phàm hay 6 đạo luân hồi chuyên chú tâm tới các quyền thuộc. Phàm phu không biết, Phật dạy phóng sanh để trợ lực công đức, nên khuyến rộng mọi người tới ngày hoàn mãn mua chim cá để thả, cần thiết không thể bỏ qua.

10. Nếu có lễ sám ngày 13 tháng 7 bắt đầu lạy, tắm rửa sạch sẽ thanh tịnh. Xem thêm qui tắc tụng niệm có nói trước, sau khi kiết đàn nên giữ gìn trang nghiêm, đừng để người, súc vật, cũng như không có vật bất tịnh rơi vào. Giả sử có rơi vào, y theo pháp qui tội rất nặng.

11. Đàn sám tăng chúng không được lộn xộn, như đàn Tỳ kheo chỉ nên toàn Tỳ kheo, nếu Ni chúng kết đàn phải dùng đàn riêng cho ni chúng. Nam chúng tại gia theo chúng Tỳ kheo, nữ theo Tỳ kheo ni, không xen tạp. Nếu Ni không thể làm chủ đàn nên mời một vài vị tôn túc trưởng lão cao đức giúp hộ. Bên ngoài đàn, Chủ sám dạy không được lập đàn cúng hương đèn, không được lộn xộn cũng thế. Tấn đàn niệm hương lễ bái, cũng vào đàn nội niệm hương lễ bái như vậy.

12. Trong lúc lạy sám cần đi vệ sinh, vào restroom không được mang y sạch vào. Trước tiên phải cởi y sạch, giày sạch để chỗ sạch rồi mới mặc áo, mang giày vào nhà cầu. Việc xong tẩy tịnh, rửa tay sạch sẽ, cởi áo giày ra rồi mặc y sạch, giày sạch lại phòng rửa mặt, lau mặt, súc miệng rồi nhập đàn.

13. Lúc lạy sám không được tiếp xúc người ngoài, không được nói chuyện riêng với họ, cũng không được xem các sách kinh khác.

14. Cúng ngộ dùng thức ăn đã nấu chín, cúng xong liền thâu dọn để trên bàn đây lại; cúng Phật chỉ dùng hương hoa, nước trong là đủ.

15. Cúng trai Vu Lan, Phật dạy ở vào dịp lễ giải hạ, có nghĩa là chư Tăng an cư 9 tuần, tu tập tinh chuyên, giới đức thanh tịnh, có thể cứu độ ngã qui (quí đỏi). Phạm vị thầy sám đều phải giữ thanh tịnh không ăn sau giờ ngộ, cũng giống tu Bát Quan Trai. Không được kéo dài giờ giấc làm hồng giờ thọ trai (đúng ngộ).

16. Lễ sám tới canh năm thức dậy rửa mặt, dùng trà xong nhập đàn là thời thứ nhất, mặt trời lên dùng điểm tâm xong nghe hiệu lệnh vào đàn là thời thứ hai, lễ lạy chùng hết một cây hương nghỉ giải lao, sau khi giải lao độ 15 phút trở vào đàn là thời thứ ba lễ tới 11 giờ. Dùng ngộ trai xong đi kinh hành, giải lao, chỉ tịnh. Lúc 14 giờ nhập đàn là thời thứ tư, lễ độ 1 giờ và nghỉ giải lao; từ 4 giờ 15 nhập đàn là thời thứ năm tới 5,30 giờ nghỉ. Buổi tối lúc 8,30 giờ nhập đàn là thời thứ sáu lễ sám. Sau khi ra đàn là giờ chỉ tịnh nghỉ ngơi.

17. Sau khi ra đàn tọa hương đều phải chuyên tu thiền quán không được phóng túng hoặc hôn trầm. Giả sử không ngồi tọa hương được, có thể niệm thâm kinh chú hoặc niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát cũng được, không nên bàn nói lớn tiếng làm động người khác hoặc cười nói, v.v...

18. Mỗi khi nghe chuông hiệu lệnh liền đi tiểu giải, rửa mặt. Nghe một hồi 3 tiếng chuông dài liền theo thứ tự mà đứng, đừng đứng trước sau không hàng lối.

19. Trong quá đường thiết một bàn dùng hương đèn, trên bàn hiến cúng Vu Lan Bồn, khải giáo Đại sĩ, đại hiệu Đại Mục Kiền Liên tôn giả liên tọa. Trên đó chỉ cần người hầu hương đèn. Giả sử có việc cần cấp ngưng lại có thể theo việc mà nói thẳng không được không nói nguyên do. Nói lời khiên cưỡng khác, thẳng hoặc có kẻ uống rượu say tới dạo chơi, Tri khách nên nói khéo làm cho đương sự đứng xa nhìn, không được gây rối.

20. Lễ sám đến ngày Rằm, đại chúng tắm rửa, thay quần áo sẵn sàng nghi cúng ngộ, xong thọ trai. Xem Quy tắc nghi ở trước có nói rõ. Nếu không có lễ sám Vu Lan, có thể sám pháp Đại Bi hoặc sám Tịnh Độ thay cũng được.

Ngày...tháng...năm...

Trụ trì... ký tên.

-Chứng nghĩa ghi rằng, chú giải kinh Vu Lan, trong tạng Kinh chỉ thấy đời Đường Ngài Khuê Phong Tông Mật pháp sư chú số 1 quyển. Sau đời Tống dựa theo sách ấy cho ra đời sách Hiếu Xung sao 2 quyển. Cuối đời Minh Ngẫu Ích đại sư của Tông Thiên Thai viết Tân số 1 quyển, Luật tông có pháp sư Ngọc Luật viết Hiệp Thích 1 quyển. Bản còn lưu hành ở phòng Kinh sách Chiêu Khánh, song Qui Tắc nghi cúng lâu không thấy lưu hành. Người đời lầm cho rằng thí quỷ thần là cúng chay lễ Vu Lan, đây là sự lầm lẫn. Sách Vân Thê Chánh Ngoa tập ghi rằng, Vu Lan Bồn duyên khởi do Ngài Mục Kiên Liên, cho rằng ngày Rằm tháng bảy chư tăng giải hạ làm lễ Tự tứ (chỉ lỗi và nhận lỗi) sau 3 tháng tu học đạt được nhiều đạo quả. Ngày này nên cúng dường được phước đức tăng gấp trăm, chứ không phải cúng thí cho cô hồn (quỷ thần) ăn. Cúng thí thực duyên khởi do Ngài A Nan không hạn ngày rằm tháng bảy, sắm sửa đồ vật tại Ma Kiệt Đà cũng không phải hội Vu Lan. Bởi vì theo một nguyên tắc, trên cúng Thánh Hiền, một mặt khác dưới giúp loài quỷ đói do thương kính là nguyên nhân khác nhau, chớ có lẫn lộn. Ngày nay Thanh Quy có cúng thí thực Trung Nguyên nhằm ngày cúng lễ Vu Lan, dâng cúng Tam Bảo, ban đêm thí hộc thức ăn, giúp đều cho quỷ thần, đây là một việc lưỡng lợi nên làm.

---o0o---

1.8 Giải hạ

Ngày 16 tháng 7 âm lịch là ngày giải hạ. Thông báo dán tại phòng khách ghi rằng: ngày mai là lễ Tự tứ: Ngày giải hạ (Tự tứ) nghi thức giống như kiết hạ. Trụ trì định giờ giặc, tới giờ báo hiệu lệnh ba hồi 3 tiếng chuông, đại chúng vân tập vào chánh điện, đốt nhang, Trụ trì niệm hương, Duy Na cử tán: Vu Lan chánh giáo... xong, đứng giữa niệm hương, trải tọa cụ lạy Phật 3 lạy rồi quỳ gối chấp tay bạch rằng: Nam mô Thích Ca Như Lai (2 lần) mãn hạ tự tứ (đại chúng hòa theo). Duy Na đọc tiếp: mãn hạ Tự Tứ là pháp quan trọng của Phật môn, sám trừ tội khiên, chừa bỏ lỗi lầm là cách tốt đẹp cho tăng hành, nuôi dưỡng thiện nhân vun bồi quả chứng. Nếu không nương thuyền giới định không sao đến Niết Bàn được. Hôm nay nhân ngày 16 tháng 7 đương lúc chúng tăng giải chế, mãn kỳ kiết hạ, chúng tăng vân tập Phật điện trì tụng kinh chú giải kỳ kiết giới. Từ đó đến nay có ai phạm 4 giới trọng trong 10 điều ác, phải tự thú tội sám hối; khởi 3 độc (tham-sân-si) phạm 7 già tội⁵⁵ tùy theo đó mà nói ra. Hoặc thấy tội, nghe tội hoặc nghi tội mỗi mỗi đều phải sám hối. Hoặc thân phạm, miệng phạm, ý phạm chông chất

phải nên tỏ bày sám trừ căn trần trối buộc, thanh sắc dẫn lôi liên miên chứa nhóm các tội lỗi ngăn chướng bản tâm. Nếu không tỏ bày sám hối do đâu tâm sạch như băng tuyết được? Pháp sám hối đặc biệt rửa sạch hết tội của ta - người, sám tức là tự ăn năn lỗi trước; hối là lương tâm ray rứt không dám phạm ở tương lai. Nên bày tỏ rằng: con đã phạm tội, nguyện cầu xin sám hối để được tiêu sạch; tội chưa phạm không dám phạm. Vì vậy, nay là ngày giải hạ; tự thú nhận tội.

Duyệt chúng gõ khánh, người bạch Tụ tứ thưa rằng:

- Bạch đại đức một lòng thương xót, chúng tăng ngày nay Tụ tứ, con Tỳ kheo... cũng Tụ tứ. Nếu thấy, nghe, nghi có tội, xin Đại Đức thương xót chỉ bảo, nếu con thấy có tội, sẽ y như pháp mà sám hối (3 lần). Mỗi người lần lượt ra trước bạch như thế cho đến người cuối cùng. Xong rồi, đại chúng cùng tụng bài kệ sám hối:

Xưa con đã tạo các ác nghiệp

Đều do vô trí tham sân si

Sanh khởi đều từ thân miệng ý

Hết thấy tội con xin sám hối.

Ấn tam đà ra già đà ta bà ha (3 lần).

Tụng Bát Nhã, niệm Phật, sám nguyện:

Tụ tứ giải hạ

Phật quả viên thành

Nghiệp chướng sạch thanh

Tánh giác lắng trong

Trí tuệ rạng soi

Pháp giới nhuần ân.

Nam mô cầu sám hối Bồ Tát Ma ha tát (3 lần).

Tiếp tụng hồi hương, phục nguyện và 3 tụng quy y.

* Nếu không tổ chức cúng lễ Vu Lan tháng hội, ngày giải hạ Tứ tứ là Rằm thay vì ngày 16.

- Chúng nghĩa ghi rằng, giải hạ tứ tứ, sau khi đã kiết giới an cư để ngăn các Tỳ kheo thời kỳ hạ không được đi khát thực gọi là nghỉ hạ. Sáng hôm mãn kỳ kiết giới, mỗi người biết có lỗi, chính tự mình bày tỏ, tự không biết lỗi xin nhờ chư tăng nêu lỗi, nên gọi là Tự tứ.

Có người hỏi Ngài Liên Trì rằng hứa cho Tăng Tự tứ nghĩa là gì?

- Người có lỗi như bệnh nhân mắc bệnh, nêu lỗi ra như hương y chữa khỏi. Dấu bệnh là thầy thuốc ác, là kẻ đại ngu si. Thế thì biết có lỗi nêu lên là làm đúng. Lại cũng hỏi rằng, có lỗi như tự mình nêu lên càng tốt, hoặc người khác nêu ra mà không sợ kẻ ấy chối cãi sao?

- Đáp: Luật ghi rõ tăng có tội, vị tăng bên cạnh bạch Phật. Phật triệu tập chúng tăng lại mỗi mỗi khiển trách, nhân đó Phật chế luật; tông lâm nay đều y cứ theo đây áp dụng vậy.

Điều này, tuân lời Phật dạy không phải xuất phát do ý riêng làm sao có sự tranh cãi.

Vã lại, pháp thế gian còn cho rằng, vua tranh với thần, cha tranh với con, kẻ sĩ tranh bằng hữu. Cho nên nói rằng, mình quân thưởng thần dám can ngăn thẳng; Thánh chúa lập đài chỉ trích. Huống là tăng sĩ tu hạnh xuất thế há lại không có bằng hữu giúp chỉ lỗi hay sao? Nếu trực ngôn thời chỉ trích trực tiếp, người nịnh hót cố ngăn che chống trái, làm thất đức, mất sự nghiệp, gây tổn thất chẳng phải nhỏ vậy.

Nhân đây lại có bài tụng rằng:

Trước chi lỗi hội Vu Lan

Nay Tự tứ lòng càng nhắc răn

Rao lỗi người giận khởi lên

Luật lệ sờ sờ mắt híp chẳng nhìn.

Hằng nào chánh pháp không bị ma quân tiêu diệt tan tành chứ! Ngài Vân Thê pháp chủ đến đòi phải than thở rằng, một phép thương tâm ta, một tắc vớ về chí ta, anh há chẳng thấy yêu kính lễ nên còn dề; Tuyên Ni từng nói được ban tòa ngồi gỗ. Sách Thiên Tông Bí yếu ghi rằng, xưa tôn giả Xà Đa Đa tới thành La Duyệt Kỳ tuyên dương đốn giáo, nghĩa là đi suốt ngày đầu lý bẻ giẹp hết chúng nhơn. Thế nhơn giả đã đạt được không phiền não nội tâm chưa?

- Đáp: Ta nhớ lại bảy kiếp trước ta sanh ở nước Thường An Lạc, thầy ta là Trí Giả Nguyệt Tịnh thọ ký cho ta chẳng bao lâu sau được chứng quả Tư Đà Hàm. Lúc bấy giờ có Bồ Tát Đại Quang Minh ra đời, ta vì già cả phải chống gậy đến lễ bái. Sư gặp quát lớn hỏi ta:

- Đồng tử khinh cha, một kẻ hèn vậy sao?

Lúc ấy ta tự cho không có lỗi, nên thỉnh thầy chỉ giáo.

Thầy nói: ông lễ Bồ Tát Đại Quang Minh để gậy dựa vách vẽ hình diện Phật để thấy lỗi này. Ta liền mất hết 2 quả vị và từ đó tự trách sám hối lầm lỗi. Nghe những lời ác như vang theo gió, hưởng chi được uống vị cam lộ cao thượng mà còn sanh lòng sân hận sao? Ôi! Đây đáng gọi là gương sáng của phép Tự tứ vậy!

---o0o---

1.9 Tọa thiền, chia thành 5 khóa

1. Khóa tu sáng sớm: chúng thức dậy theo hiệu lệnh, sau khi lo các thủ tục cá nhân xong, nghe ba hồi chuông và 3 tiếng, đại chúng đáp y lên chánh điện. Hô chung bảng xong, chúng nhiếp tâm tọa thiền 30 phút. Sau đó là giờ công phu khuya tụng kinh Thủ Lăng Nghiêm.

2. Thiền trước giờ Ngọ: lúc 9.30 giờ, đại chúng nghe hiệu lệnh vào chánh điện hay thiền đường tọa thiền cho tới 11 giờ xả thiền. Sau đó lúc 11 giờ 10 phút cúng Ngọ. 11.30 giờ đại chúng thọ trai, xong đi kinh hành niệm Phật, chỉ tịnh.

3. Thời tọa thiền buổi chiều:

Thủ tục như thường lệ, lúc 14 giờ nghe hiệu lệnh, đại chúng đắp y vào chánh điện tọa thiền cho tới 15 giờ, đi thiền hành 30 phút, nghỉ giải lao 15 phút. Giờ công phu chiều, theo mỗi ban đã phân trước.

4. Giờ thiền buổi tối:

Buổi tối sau thời kinh Tịnh Độ, có giờ tọa thiền từ 8 giờ đến 9 giờ. Tất cả đèn đều tắt, chỉ trừ đèn lưu ly ánh sáng nhỏ không trông thấy rõ. Tới giờ Duy Na gõ 3 tiếng chuông đại chúng đứng lên đi thiền hành 15 phút (3 vòng) rồi lui ra.

5. Ngồi tọa hương ban tối: tối trước giờ chỉ tịnh đại chúng ngồi tọa hương, ngồi tĩnh tâm quán chiếu cho tới khi tàn một cây nhang; có hiệu lệnh chỉ tịnh, tất cả đèn đều tắt hết và chúng lên giường ngủ.

---o0o---

1.10 Qui tắc Thiền đường gồm 32 điều

Qui tắc cổ mất dần mỗi ngày thành lệch lạc, thời cuộc trải qua nhiều tệ đoan, nêu gìn điểm tinh mật, tuy qui tắc nay trở thành công án⁵⁶ mà điều cần yếu là đại chúng phải biết, hành trì bổ túc cho nhau mới không hổ với Tông Tổ; đạo phong kiêm toàn mới lợi lạc cho người lớp sau. Đó là do đồng tâm cùng nhau tuân thủ (chấp hành) 32 điều sau đây:

1. Người phụ trách chuông bảng không đúng giờ giặc; phạt qui hương lễ sám, tuần liêu không tuân, cho ra khỏi.
2. Chọc phá thị phi, đánh đấm, đôi co... cho ra khỏi chúng.
3. Trừ phi già bệnh, phải tham gia công tác chung, nếu riêng trốn tránh, yết bảng không cho ở trong chúng.
4. Trong ngoài thiền đường nói bàn tạp, việc tạp bị phạt. Giờ chỉ tịnh làm động chúng bị phạt, bất tuân: đuổi.
5. Thủ hiệu lệnh bảng (mộc ngư) sai làm động chúng: phạt.
6. Không có bốn phận mà dục đầu kê tai nói chuyện: phạt nặng.

7. Giờ tiểu tham, các khóa lễ... phải đáp y, cầm theo tọa cụ tập trung tại chánh điện, đứng theo thứ tự. Có hỏi mới lên tiếng, không được làm trái; người nào phạm: phạt.
8. Chưa xong tọa thiền không được đi ra ngoài, trừ có việc công ai tự ý rút lui bị phạt; bất tuân, bị phạt nặng.
9. Lên xem đọc kinh sách, ngủ phi thời: phạt.
10. Ra vào tự ý không thưa ban chức sự: phạt. Giờ chỉ tịnh không lên giường bị phạt nặng.
11. Ngồi thiền, tọa hương không đến dự phạt, làm tán hương, tuần hương: phạt
12. Trị nhứt luân phiên không rõ ràng: phạt, làm hư hỏng đồ đạc phải bồi thường
13. Không chú tâm tham thiền, lấy đồ nhọn chọc phá: phạt, dối làm bộ xướng tụng bình luận công án: phạt.
14. Bên trong chùa ra vào theo lối mà đi, ai vi phạm: phạt. Nếu loạn đơn đôi chỗ, đi băng xuyên thẳng tắt và đương không vào phòng người: phạt nặng.
15. Mượn dùng riêng đồ chùa đem ra ngoài bị phạt.
16. Thô tháo mất oai nghi không nghe ban chức sự can ngăn, phạt, phạt bất tuân cho ra khỏi chúng.
17. Đi, đứng, tụng kinh, ăn uống, công tác v.v... không theo chúng phạt .
18. Phê phán việc thị phi người khác, quấy rối số đông làm động chúng bị phạt nặng.
19. Cảnh cáo chửi mắng, tới dạ không xuống giường bị phạt quỳ 3 cây nhang.
20. Cố tình thả buông theo hôn trầm (ngủ gật) phạt, cải lại hương bản phạt, ai không tuân đuổi.
21. Cảnh cáo ngủ gật sau đó vẫn như cũ bắt đứng tham thiền. Tái 3 lần cảnh cáo không kết quả bắt quỳ tham thiền, không tuân đuổi ra khỏi

22. Qua lại ngang nhiên, nói cười khạc nhổ, hoặc đi giày phát ra tiếng phạt, không tuân bị phạt đuổi.
23. Đi ra ngoài không được mặc áo dài chấm gót, mặc bị phạt.
24. Có việc ra ngoài không về đúng hẹn, bị phạt.
25. Có các tôn khách tham quan, mỗi người giữ theo thứ tự không được mất oai nghi, ai vi phạm phạt.
26. Đi vào phòng khách cùng nói chuyện tạt với người bị phạt nặng.
27. Sau giờ chỉ tịnh khuya nói cười ở liêu Giám Tự, hay dạo chơi bên ngoài phòng ngủ phạt
28. Sắm đồ ăn uống riêng phạt, hoặc nhóm lửa nấu nướng phạt nặng
29. Xông nhào vô tĩnh tọa phạt (làm mất oai nghi, động chúng)
30. Tuần hương tự ý, hoặc đem công báo tư, cố lấy lòng phạt, ai phạm phạt nặng
31. Có bệnh xoàng cho nghỉ 3 ngày, bệnh nặng ra ngoài điều trị, không được cố ở lại làm ảnh hưởng chúng, ai vi phạm phạt
32. Trở lên là 32 điều qui định, điều chính phụ có liên quan như không tuân hành, tự mình mất lợi lành. Cùng ở chung với đại chúng lấy đó răn nhắc nhau.

Ngày... tháng... năm... Trụ trì ấn ký.

Chúng nghĩa ghi rằng, thiền đường cũng là nơi lui tới của hiền thánh, chỗ liễu sanh thoát tử. Muốn thấu rõ môn hướng thượng nếu bỏ nơi đây không do đâu mà vào được. Do vậy mười phương cùng câu hội, mỗi mỗi học đạo vô vi. Đây là tuyển Phật trường (trường chọn người làm Phật), tâm không bậc thứ là vậy. Đã học đạo vô vi tức ứng hợp dứt các duyên, chuyên tâm tham cứu. Nếu ngang bướng làm hồng, ngông láo, theo thói quen tùy tình, không phải chỉ không khả năng học vô vi mà cũng e trái lại làm tăng thêm dị kiến. Nên nói không có qui củ chẳng thể ngăn dứt việc tà, không tinh tấn không thể đạt thành chí hướng là vậy. Kinh ghi rằng, nhân giới sanh định, nhân định phát huệ, chỉ 2 từ này đã bao hàm được hết thảy. Sách Thiền

Tông Bí yếu ghi: xưa có người con trai họ Lữ xuất gia học đạo, được Ngài Ưu Bà Cúc Đa vì đó thuyết pháp yếu, thấy chân lý đặc quả Tu Đà Hoàn, bèn nói rằng: Ta đã đoạn 3 kiết sử rồi, còn mong gì nữa ? Do tuyên bố như vậy mà chìm nổi đó đây qua bảy lần sanh tử. Tôn giả bảo rằng, việc sanh tử thật đúng là ác tặc, như phần nhơ, ít nhiều đều hôi hám cả, bèn liền tới thôn Chiên Đà La thấy một đứa bé thân thể mọc đầy ghẻ lở, vi trùng rúc tĩa, máu mủ tươm ra, thật rất là khổ sở, hỏi rằng: Tỳ kheo có thấy đứa bé này không? Đứa bé đó là Tu Đà Hoàn. Thuở xưa khi Phật tại thế có một vị La Hán thân thể nhỏ bé bị chứng bệnh ngứa, cào gãi ra tiếng, vị Duy Na sân nói rằng, thân ông bị trùng độc rĩa thế kia ư, hãy nên đi tới thôn Chiên Đà La. La Hán nói rằng: nay con đã mắc tội đừng có buông lời này nữa. Lúc đó Duy Na liền sám hối, và tinh tấn tu tập đặc quả Tu Đà Hoàn. Về sau biếng trễ không cầu đạo vô thượng nên sanh vào nhà này để thọ sự khổ não như thế. Đứa trẻ lại đi về phía trước thấy có một người bị lửa đốt thân thể cháy đỏ đau đớn vô cùng, nó đi tới nữa lại thấy có một người phạm pháp luật nhà nước thân thể bị đâm xỏ qua một cái cây lớn treo lên vang ra tiếng than ai oán, hết sức đau khổ. Lúc đó tôn giả hỏi tỳ kheo rằng:

Ngươi có thấy 2 người đó không?

Tỳ kheo đáp:

- Dĩ nhiên là thấy.

- Tôn giả nói: người trước xưa kia là Tư Đà Hàm, người sau người thấy đó trước kia là A Na Hàm. Cả 2 đều biếng trễ không cầu đạo vô thượng, nên sanh cõi người thọ cái khổ độc này. Vì thế nay ngươi phải tự tinh tấn sớm cầu giải thoát. Vị Tỳ kheo nghe xong, đêm ngày tinh chuyên tu tập, chẳng bao lâu đặc quả A La Hán. Ôi thôi ! căn cứ vài người chứng đạo quả; nhân đạt một ít đã cho là đủ như thế mà lui sụt biếng lười nên phải rơi vào khổ báo. Thiên giả ngày nay mới kiết đông vài lần bèn cho ta đây là ngộ thiên, sao lại phải miệt mài như vậy! Chưa biết rõ ngộ thiên như thế chứng được quả vị gì vậy? Nếu không tinh tấn tu hành đến lúc đại khổ báo ập đến mình phải chịu lãnh đủ!

---o0o---

1.11 Thông báo mạnh đông

(mạnh đông: tháng đầu mùa đông)

Tuần đầu tháng 10 chùa viện chuẩn bị dọn dẹp, quét tước phòng xá, cửa nẻo, lau chùi chánh điện, giảng đường, phòng khách, cửa ngõ v.v... trong ngoài tươm tất, chuẩn bị khai đàn kết đông. Trình bạch ngài Phương Trượng duyệt qua chương trình, bàn thảo thêm bớt quyết định chấp thuận. Thư ký viết thông báo, đọc trên đài, đăng báo (dịch giả thêm) dán tại chùa.

Đến ngày 14 tháng 10 (âm lịch) sau thời công phu sáng, điễm tâm xong nghe hiệu lệnh, đại chúng đắp y tập trung tại thiền đường làm lễ cung an chức sự (mỗi nhân sự trong ban điều hành). Duy Na bạch rằng: Hôm nay là ngày kiết đông, chúng con có duyên sự đầu thành đánh lễ tác bạch. Để cho đạo tràng được trang nghiêm chúng con thành tâm cung thỉnh Hòa Thượng Phương Trượng đương vi chứng minh, cung thỉnh Thượng Tọa... đương vi Duy Na, cung thỉnh Thượng Tọa... đương vi Duyệt chúng; cung thỉnh chư tôn Đại Đức đồng tác chứng hộ niệm. Bạch xong thỉnh lên chánh điện, Duyệt Chúng dẫn khánh đi đầu, 2 thị giả: một người bung khay lễ đi kế Duyệt Chúng, một người cầm phát trần, tích trượng theo sau, tiếp theo là Ngài Phương Trượng, tới nơi Hòa Thượng lễ Phật, thỉnh đăng tòa. Duy Na cử tán: “Dương chi tịnh thủy...” xong, tiếp đến trước niệm hương lễ 3 lạy, trải tọa cụ, lui về vị trí. Đại chúng đồng tán: Nam mô Thanh lương địa... Nam mô Vân lai tập Bồ tát Ma ha tát (3 lần). Hồi một hồi khánh thỉnh Hòa thượng khai thị, xong chúng đứng lên lễ Hòa Thượng 3 lạy. Tác pháp yết ma vân hòa, kiết giới mùa đông, phân ban lo công việc khóa tu (xem thêm chương Trụ Trì ở trước).

Chúng nghĩa ghi, y cứ theo Kinh Phạm Võng: trái tôn ti thứ tự phải răn, và ngoài ra luật tạng cũng có đủ các phép thứ tự, bởi 2 dãy (chúng) luận chấp cùng một cách. Luận rằng giới chính do Phật chế, tông lâm ngày nay nhận chúng không hỏi giới, chẳng hỏi hạ lạp, cùng trong một cách chấp. Kẻ tới trước đứng trước, tới sau đứng sau dường như đúng mà sai, trái lời Phật dạy. Người thọ giới trước ngồi trước, thọ giới sau ngồi sau, mới theo đúng luật.

---o0o---

1.12 Kiết đông

Rằm tháng 10 lễ kiết đông là thời gian nghiêm tu 9 tuần (3 tháng) của chư tăng, trong ngoài đều trang nghiêm thanh tịnh. Nội bất xuất, ngoại bất nhập và dứt hết mọi duyên, chỉ một mặt chuyên tu học mà thôi.

Đúng sáng rằm, sau thời công phu khuya, Trụ Trì niệm hương xong, Duy Na cử tán: lư hương (giống nghi đón giao thừa). Sau khi dùng điễm tâm xong, có hiệu lệnh đại chúng vào thiền đường họp (không cần đắp y) chúng và

tuyên bố Nội Quy. Duy Na đọc bản Nội Quy chung toàn chúng. Đọc Nội Quy xong, đại chúng cùng dùng trà, chuyện văn thân mật vui vẻ. Buổi chiều khởi sự thiền thất.

- Chúng nghĩa ghi rằng, đầu mùa đông kiết giới chính là vì sự sanh tử. Nếu không tự tẩy trừ tâm địa cho trong sạch, nên chỉ thấy hẹp hòi tự cho là mô phạm thật rất đáng trách. Người trông ta giống như tham thiền, thậm chí còn hiểu rõ chỗ âm u mờ tối như đại địa. Thật là đáng thương sống không biết thiền là gì, chỉ biết liên quan tới mình, còn người khác bỏ mặc. Nếu bạn khẳng quyết sắp đạt tâm đốn ngộ, rồi buông thõng (lơi) thì đến lúc nào mới được tương ứng?

Cổ nhân nói rằng, làm công phu chẳng đặc lực, rõ bịnh nhiều biết nhiều xuyên qua lò luyện công án. Tập khí bám chắc tháo gỡ không ra, do vậy Phật tánh không sáng tỏ. Nếu quả đúng là người nghĩ tới việc sanh tử thời không để tâm tạp loạn. Một câu thoại đầu (công án) tương tự như uốn vòng sắt, quyết không để phải gãy vụn. Nếu uốn không được sắt, thà bỏ mạng, để thân này rơi vào địa ngục chứ trọn không bỏ câu thoại đầu. Lực tin mạnh mẽ như thế, thế nên nghi tình ngày càng dứt sâu hơn; mắt nhìn tỏ rạng sáng suốt khắp cùng mọi sự mọi vật biết rõ không sai. Như nói: từ trên đến chur Tô phần nhiều lấy cơ tiếp độ người, nay tại sao truyền cho người lấy câu thoại đầu “tử”, tử lấy làm công phu sao?

- Đáp: Ôi! Nói gì vậy? Luận về phép tham câu thoại đầu có từ Hoàng Bá Triệu Doan và được chur tôn tuân thừa mà đại biểu là Đại Huệ Vưu chủ xướng. Thời trung hưng thịnh phát của Đại Huệ tế độ miệt vùng Bắc, đầu chỉ dùng cơ duyên là đủ mà còn phải khai thị người tới học. Dùng một câu thoại đầu chặn cổ họng người hỏi, làm hao hụt kỹ năng của đương sự; rồi sau mới chỉ rõ đại cơ đại dụng, hầu khích lệ tinh tấn mà đạt chứng đắc. Hơn 40 người, bởi vì lão sư dùng cơ, người học ra công phu hẳn cả hai hợp nhau mà thành tựu vậy. Nếu không sách tấn người học luyện công phu mà chỉ dùng cơ tiếp người thời kẻ thượng căn được lợi, còn người trung căn, hạ căn hoàn toàn mất phần lợi lạc mà nhận lấy chỗ trống rỗng. Thừa gió phát tiếng quét sạch bụi là một tông yếu của Đạt Ma. Tổ Đạt Ma từ Tây Vực sang 9 năm ngồi quay mặt vào vách, có thể nói là vách tường sừng sững vạn kiếp, nhưng rồi Ngài tiếp hướng dẫn Thần Quang cũng là dùng phương tiện.

Cũng có thể nói rằng, chỉ dứt hết ngoại duyên, nội tâm không đầu mối, tâm như tường vách mới có thể nhập đạo. Đây là nói về công án tử vậy. Bởi vì công phu bắt tử thời tình thức nảy sanh. Chẳng màng danh lợi tức gắn liền

với hiểu biết, tuy dùng cơ mà có làm cho được an lạc không chứ? Cho nên nay mời kết chế tu thiền, khán câu thoại đầu tử là việc chính, may ra không dùng cơ làm công án khiến rối loạn tâm vậy. Song nói khán câu thoại đầu tử chính là dụng công ngay trên câu thoại đầu, gọi là khán tử thoại đầu. Không phải đương nhiên ngồi không quán vắng lặng được. Sách Thiền Tông Bí Yếu ghi rằng có pháp sư Quật Đa xứ Tây Vực (Ấn Độ) ngoạn cảnh Ngũ Đài tới huyện Định Nang thấy một vị tăng kết cỏ ngồi. Pháp sư hỏi: ông ngồi một mình đây làm gì?

- Quán tịnh, vị tăng đáp.
- Sư hỏi: Ông xuất phát từ ai?
- Thần Tú đại sư.

Pháp sư hỏi: Tây Vực ta khác đạo, người nào căn cơ thấp nhất không rơi vào chỗ thấy này, ngồi yên trống rỗng đối với đạo có ích gì?

---o0o---

1.13 Khởi thiền thất: bắt đầu tu thiền thất

Không cứ lúc nào đều có thể bắt đầu thiền thất, cũng không cần chọn ngày mùng một tháng 10. Phạm bắt đầu tu thiền thất trước một ngày, cần xem xét lại kho lẫm, gạo, muối, tương, dầu... tất cả mọi thứ sẵn sàng. Thiếu thứ nào nên mua sắm cho đủ dùng. Mời người hộ thất, cân nhắc cất đặt xong, nghe báo cáo thực phẩm; cử người khán hương, giám hương, hầu Phương Trượng... ngày khởi tu thiền thất, Duy Na bạch chúng rằng: hôm nay ngày... khởi thất, đại chúng nghe hiệu lệnh (vân tập Tổ đường lễ Tổ, đến phòng Phương Trượng tỉnh Hòa Thượng ban giáo từ khai thị xong, tiễn Hòa Thượng về liêu phòng. Sau đó Duy Na điều hành buổi lễ, đại chúng đều đứng sẵn sàng, vị hộ thất thu tọa cụ. Duy Na bạch thưa: các thầy tham gia thiền thất làm lễ Thầy Thủ Tọa, sư Hậu Đường, sư Đường Chủ, thầy hương đăng, thầy hộ thất, thầy vận thủy, mỗi vị ba lạy.

Tiếp theo vị thủ tọa nói: lễ Thầy Duy Na, thầy Duyệt Chúng mỗi vị 3 lạy. Phạm pháp quyền của bốn tự cùng chư sơn các chùa viện xa gần đến tu thất, tức vào nhà phụ ở sau. Nếu cư sĩ tu thất đặt đơn bên ngoài. Người tu thất nhất loạt phải theo chúng đến mãn thất mới được phép ra khỏi viện. Ni và người nữ không được phép vào thiền đường; có các vị tôn khách hay thí chủ tùy hỷ tọa hương, không nêu ra ở đây. Lễ xong, thầy Duy Na nói: 2 dãy liêu

đồng tọa thất quý Thầy đánh lễ A - B Hòa Thượng. Mời Hòa Thượng tôn túc thuyết pháp mở đầu kỳ nhập thất. Ban ẩm thực nhà trù nấu thức ăn xong phân ra tô đĩa, ban hộ thất bung dọn lên bàn (hoặc cơm hay mì tùy ý). Tới giờ điểm tâm nghe hiệu lệnh chúng vào trai đường ngồi theo vị trí, niệm Phật rồi dùng bữa. Mỗi ngày 4 buổi tọa thiền, thiền hành: Duyệt chúng luân phiên hướng dẫn khóa tu theo khuôn khổ nề nếp trang nghiêm. Chương trình mỗi ngày giống nhau. Nếu trong kỳ thất có thí chủ cúng linh tinh cho chúng dùng phụ, nên tùy thời sắp xếp cho tới mãn thất. Tới ngày thứ sáu, duyệt chúng dẫn theo hai người đến phòng Phương Trượng thỉnh ngày hôm sau giải thất, hoặc mời Ban Thủ thay thế giải thất. Phàm thiền thất, tham khảo sư cả, chỉ ghi nhận ý chính để lợi ích cho người học. Một người tiểu tham thoại đầu không cho phép làm xáo trộn công án. Phàm đứng hương người đứng phải đứng hai chân cho đều, không được đứng chữ bát so le, 2 tay buông xuống, không được xoa tay. Đi kỵ xắn tay áo, ngồi kỵ vén quần. Phàm thiền thất lấy giờ khắc làm chứng, hiểu rõ việc sanh tử, chuyên vào việc tham thiền là chính. Quản chúng không được nói nhiều làm trở ngại việc chánh (tu thiền).

Giờ quá đường (dùng cơm trưa), khởi hương, bỏ hương, đứng hương... Duy Na đều gõ bảng hiệu 3 hồi, tuần hương chỉ đánh lúc có người ngủ gật (đập vào vai cho tỉnh dậy). Thủ tọa coi tổng quát quán sát đại chúng để sách tấn thiền giả. Cho nên người đi tuần hương phải cầm hai tay, không được thả một tay. Giám hương một tay thả xuống không được đưa hương xuống quá thấp, nên tưởng cho hợp cách cúng dường. Hai tay dù đưa cao hay thấp không thành vấn đề, miễn gặp người cựa quậy, hôn trầm đều đập lên vai phía sau.

Chúng nghĩa ghi rằng ở tông lâm quanh năm tọa hương tham thiền, sao lại còn có thiền thất? Vì muốn ghi đậm nét thời kỳ tu tập là ý này. Kẻ học giả thời đại ngày nay đang ý mạnh trước tình trạng Phật giáo. Đối chiếu với ngày thường nên gia tâm tham thiền gấp đôi ba lần. Người tham thiền tức là tham cứu một câu thoại đầu. Tham thoại đầu không ngoài việc khởi nghi tình. Cho nên mới có câu rằng: tiểu nghi tiểu ngộ, đại nghi đại ngộ (nghi nhỏ ngộ nhỏ, nghi lớn ngộ lớn), không nghi không ngộ. Nghi tức là tham vậy, luận về niệm của nghi, đó là chứng của thể giác mà nhân là lợi thể người tham được thiện dụng. Trái lại có thể mượn đó để như cái thuật phá chứng ngại. Bởi lấy nghi đó cho người ngộ cơ hội dễ dàng mà tư thể là giúp người. Cho nên người muốn ngộ hẳn quý chỗ nghi. Luận về cơ nhân tâm không ngưng trệ, chắc chắn không thể khai thông suốt được. Như thanh đồng đóng cửa chặc thành như núi Thái Nguyên. Như hơi thở không khí không đủ thì sẽ

sanh ích tất, không đủ sức, cho nên quý nhất là nghi. Nghi thời bị ngăn chặn, không thể đi sâu vào nguồn chân của pháp giới, hẳn không đạt đến sâu sắc được. Cho nên hễ người nghi chắc hẳn nghiên ngẫm, nên biết nghi là nhân của ngộ, ngộ là quả của nghi. Trái ngược như tối phải có sáng, hít vào ắt thở ra vậy! Sao không nghi chứ ! Sao không nghi chứ ! Do chỗ nghi mà ngộ thời ngộ lại chẳng tồn tại, đối với nghi hẳn phải tôi luyện mới thành công được.

---o0o---

1.14 Xả thiền thất

Tu thiền hoặc một, hai hay ba thất tới ngày viên mãn, Thầy Phương Trượng báo cho Duy Na bạch chúng biết giờ giắc. Vâng lời Hòa Thượng mời thầy nào... vì chúng giải thất và thỉnh vị ấy thuyết pháp xong, tụng nghi thức hồi hướng.

Duy Na bạch: sau nhiều (7,14,21) ngày kham tu, đại chúng hai lễ tạ thầy Thủ tọa, thầy hộ thất, thầy chủ hỏa đầu quân, thầy vận chuyển nước, thầy bô củi v.v... chí thành lễ ba lễ. Đến phòng đánh lễ Hòa Thượng Phương Trượng xong, đại chúng về liêu nghỉ, Chúng trưởng đi tuần các liêu thăm hỏi, sau đó giờ chỉ tịnh.

Chúng nghĩa ghi rằng, nói thiền thất chỉ hiểu thời gian 7 ngày mà không rõ tham thiền là gì nữa.

Hỏi: Vì nghĩa của tham thiền ta đã nghe và làm theo, nhưng chưa biết việc tham thiền bắt đầu lúc nào?

- Đáp: Kinh Lăng Nghiêm ghi rằng, ở ngay tại đây có cái tinh minh diệu hảo. Cũng nói: nghiên cứu trong và ngoài, lại nói: nghiên cứu sâu rộng. Ngoài ra lại còn cho rằng nghiên cứu tinh mật, không phải tham ư? Trong việc tham thiền có 7 chỗ trừng tâm, tám nơi thấy rõ ánh sáng bay, đưa nắm tay lên, thả tay xuống, tạo tiếng hét v.v... đều chỉ mới hồ nghi. Từ đây trở đi phàm dạy khán công án, khởi nghi tình đều từ đây mà có. Ngoài ra, Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phạm Hạnh và các kinh như Lăng Già, Viên Giác v.v... đều có nói tới thiền mà nói rất rõ ràng. Thiền Sư Nga Hồ Đại Nghĩa nói rằng, nếu người nào tịnh tọa không dụng công, cho tới năm nào (bao giờ) mới đạt được tâm KHÔNG? Ngài còn nói: nên đề khởi ngay: thổi bay mắng lợi, cần mổ xẻ Tây lai đệ nhất nghĩa là gì. Lại nói: chợt mở mắt sáng, dựng đứng lông mi phản diện xem hẳn ta là ai? Nói những lời như thế người tham thiền nên viết xuống đại áo; tuy nhiên, nếu hướng tới ngữ cú nghĩa suy xuyên

suốt trên tình thức xem thử độ, rộng lượng lại nhận làm thời gian nói dụng công, nói phân tích, nói phản phúc là ý của khán. Thời cho rằng người tịnh tọa làm thính bất động, việc này cũng chẳng giống, mà lại như người bệnh vậy. Cũng không thể không bàn đến lời tóm tắt như thế này: môn hạ thiền tông vô ý thức lãnh đạo lược thâm áo thiền, cũng không còn là giai đoạn nói tới thiền gốc, cũng không từ từ tu tập đạt đến thâm áo thiền nữa. Vì thế, cần thiết ta phải đập vỡ chỗ mù lòa, đẩy lùi đi không để mơ hồ loạn tưởng làm cho là hiểu rõ nữa. Như tin rằng mình lỗi lầm bèn tham cứu như thế mà không cần phải hỏi đông hỏi tây. Bởi vì đại sự chưa tường dù tu hết trăm nghìn thất vẫn chưa thuần thực nghi tình, chỉ cần một tắc là mạng bỏ đi. Nếu một tắc qua được trăm tắc tức qua được hết thủy. Mong cố gắng đó!

---o0o---

1.15 Giải đông

Ngày Rằm tháng giêng là kỳ giải đông (khóa kiết đông từ 15 tháng 10, trong 3 tháng, 9 tuần tu tập). Nghi thức như thông thường. Ngày nay các tông lâm hầu hết chỉ kiết hạ từ 16 tháng tư đến 16 tháng 7 mà ít có nơi tổ chức kiết đông. Vì chư tăng đa phần học trường ngoài nên phải theo cho kịp chương trình cập nhật của bộ Giáo dục (người dịch chú). Tuy vậy, vẫn còn một số ít đạo tràng giữ theo cổ Thanh Quy này.

Chứng Nghĩa ghi rằng: Phật dạy từ Rằm tháng giêng đến rằm tháng ba là giải đông. Thời gian đi khát thực là từ 15 tháng 8 đến 15 tháng 10, cũng là thời kỳ giải hạ. Tăng sĩ ngày nay phần nhiều đi khát thực quanh năm là trái lời Phật dạy. Người an cư kiết giới đa phần theo lệ xưa mà ít có sự hành trì thật sự. Ngài Vân Khê có bài kệ giải đông rằng:

Bụi trúc trước sân vắng tiếng ca

Báo tiết thượng nguyên đã sẵn sàng

Khảy tay lượng sáng càng lướt qua

Lớp áo vá nhận ra được gì?

Nghĩ cho sâu sắc thật là thâm thía mỗi người nên hồi tâm quyết tu mãnh liệt. Khởi lên câu thoại đầu trực tiếp theo đuổi để phá nghi vậy chắc.

---o0o---

1.16 Tháng giêng : công việc mỗi tháng cần nên biết

Tháng giêng có Tết nguyên đán là ngày lễ cổ truyền của các dân tộc Á Đông. Vì vậy, tông lâm phải lo sửa soạn dọn dẹp, lau quét trong ngoài, chung bông, trái mới, sắm sửa bánh mứt, thức ăn cúng Tổ. Cúng chư hương linh... lễ gồm có đón giao thừa, chúc tết, phát lộc Xuân, lễ vía Phật Di Lặc, lễ thù ân, lễ mừng khánh tuế Phương Trượng v.v... Hòa Thượng ban lời khuyến tấn đại chúng, phát lộc đầu năm, chúng đánh lễ Hòa Thượng.

Đặc biệt, trong ngày Mồng Một cử người thỉnh đại hồng chung suốt ngày và khách thập phương cũng tới chùa lễ bái, cầu nguyện, ngoạn cảnh, thăm chư tăng, dùng trà, chuyện vãn...

Chúng nghĩa ghi rằng, cúng chư thánh thể gian như:

Chánh giác thể gian: chư Phật, Bồ Tát, 4 thánh

Hữu tình thể gian: thiên, nhơn, a tu la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, sáu cõi phàm.

Khí thể gian: y báo 3 cõi như đất, nước, gió, lửa, các loài thần v.v... ngày nay cúng 4 thánh như Phật Di Đà, Di Lặc, Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm, Thế Chí, Chuẩn Đề, Địa Tạng và Tổ Đạt Ma, Bách Trượng, Thiên Thai, Hiền Thủ, Nam Sơn, Viễn Công, cho đến trai đường, ruộng vườn, đất đai... đều có nói tới nơi quyền 8 ở trước, nên ở đây không ghi nữa. Phàm trên 4 Thánh không cúng giấy vàng mã, nếu cúng là phạm tội bất kính. Lục phàm có thể cúng được (nhưng nay ít người dùng). Ngoài ra các thần khác đều dùng vàng mã. Lưu ý: tốt nhất cúng bánh trái, thức ăn mà không có niệm tụng gì, đến như cúng cha mẹ, sư trưởng, quỷ thần nên tụng niệm cầu nguyện. Xin đừng có lạm dụng vậy.

Phụ: các bài tán cần dùng:

Trừ các nghi cúng thông thường ra cũng có thể tùy nghi xử dụng.

Thiền đường:

Đại Thừa rốt nghĩa thể toàn không

Thấy nghe, giác biết dường hư không

Chỉ dấu bày kim dung

Tinh tấn cần gia công

Buông tay thoát lao lung

Nam mô Tỳ lô giá na Phật.

Điện Quán Âm:

Đức giáo chủ viên thông

Thường ở chốn Lạc già

Tùy duyên ứng hiện không sai

Nhà lửa cứu tà ma

Nhành dương rảy rưới

Một giọt biển sơn hà

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát.

Lầu kinh các:

Pháp hội chư Phật ứng khắp đại thiên

Từ bi thương cảm cứu nhân thiên

Nghĩa thánh giáo thâm uyên

Kinh, luật, luận rộng truyền

Hành, hiệu chứng kim tiên

Thuyền duyệt tạng Bồ Tát ma ha tát.

Điện Hoa Nghiêm:

Pháp hội hoa nghiêm

Xá na như lai

Tạng hải liên hoa tọa hoa đài

Chư Phật hoan hỷ tuyệt vời

Vạn tượng thông suốt

U ám mở khai hợp thời

Hoa Nghiêm hải hội Phật Bồ Tát.

Tại giới đàn:

Ngàn hoa trên đài Xá Na từ tôn

Lui về bản xứ cứu hàm linh

Tâm địa giới làm nhân

Ngàn ức Phật thân

Khúc hát hòa nắng xuân

Nam mô Lô Xá Na Phật.

Điện Dược Sư

Phật Dược Sư bậc y vương

Thân đến thủy nguyệt đàn trường

Lòng thương cứu khổ giáng cát tường

Khỏi nạn trừ tai chướng

Con xin sám hối ba nghiệp tội

Nguyện được phước thọ mãi miên trường

Sao cao chiếu diệu gọi nhuần ân quang

Mọi điều như ý an khang

Tiêu tai Diên Thọ Dược Sư Phật.

Đèn tháp Dược Sư

Tán lễ Mãn Nguyệt thế giới Đông Phương

Lưu ly cảnh diệu phi thường

Sáng rực rỡ huy hoàng

Nhân trong thế nguyện rõ ràng

Phật Dược Sư phóng tỏa từ quang

Diệt sạch hết chúng sanh tai chướng

Ban rải sự cát tường

Hiện giờ đại chúng tán dương

Phước thọ thật vô lường

Hiện thời đại chúng xưng dương

Phước thọ khó nghĩ lường

Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai.

Lầu Đại Bi

Trang nghiêm cứu giúp đời

Cao vời tâm đại bi

Mắt, tay hiện phép thông hành thí

Diễn pháp Đà la ni

Chư Phật đồng hoan hỷ

Công đức khó nghĩ nghĩ.

Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

Điện La Hán Đông:

Chín trời (cõi) phiền dứt chứng quả vô sanh

Cúng dường trời người quả đạt thành

Tích phước ban rải điều lành

Hỗ phục, rỗng hoan nghinh

Muôn đời mãi thơm danh

A La Hán tôn giả.

Điện La Hán Tây

Phạm hạnh đầy đủ ngộ lý chơn không

Thiền định du hí phép thần thông

Chấn hưng nền nếp Phật gia phong

Người tôn sùng lợi lạc mãi không cùng

A La Hán tôn giả.

Điện thờ ngài Chí Công

Điều sào xưa sử tích

Lương Võ Đế trọng sư

Từng ở Bửu Hoa tướng uy nghi

Tên núi lấy hiệu Bảo Công ghi

Truyền pháp giáo hóa khó nghĩ nghĩ

Vạn đời sám pháp mãi còn ghi.

Độ nhơn sư Bồ Tát.

Tổ sư Phổ Am

Phổ Am linh ứng

Đại đức danh xưng

Trời rồng tám bộ tùy thân

Đất nước thấy hòa bình

Pháp màu ban rải khắp

Quả lành mãi đẹp xinh

Độ nhơn sư Bồ Tát.

Trước bàn xuất sanh

Chim đại bàng cánh vàng

Qui dũ mẹ và con

Bỏ ác quy Thế Tôn

Trước thọ giới giữ tâm

Thệ nguyện rộng bền kiên

Hướng về đồng rộng vô biên

Sanh thiên giới Bồ tát ma ha tát.

Tại kho lẫm

Nhân duyên tấn đạo ngũ cốc trước tiên

(Có thực mới vực được đạo)

Đàn na không xan tiếc trù dút tham

Kính tin gieo phước điền

Bồ thí vững an nhiên

Cảm ứng đến long thiên

Hộ pháp tạng Bồ Tát ma ha tát.

Điện Quan Thánh

Trung quân báo quốc ân

Dũng mãnh trượng phu thần

Ứng hộ Phật pháp diệt dần tà ma

Giữ gìn an ổn tăng già

Tiến tu đạo nghiệp lợi tha

Muôn đời ghi nhớ tán ca bằng vàng

Hộ Pháp Tạng Bồ Tát.

Điện Tam Quan

Ba quan đại đế công đức khó lường

Đài mây đỉnh thượng phóng luồng hào quang

Ân phước ban cát tường

Hài tội, trừ tai ương

Cởi trói giữ an khương

Hộ Pháp Tạng Bồ Tát.

Điện thiên vương:

Trì quốc, Tăng trưởng, Quảng Mục, Đa văn

(Bốn vị thiên vương cai quản 4 châu)

khuôn phò đất nước mãi hằng an ninh

rừng giáo pháp tạo kim lãng

Ủng hộ mỗi giếng tăng

Giúp đạo luôn thường hằng.

Hộ Pháp Tạng Bồ Tát.

Thần giữ sơn môn

Sanh ra trong cõi nhân hoàn

Chủ gìn cửa ngõ đứng hàng thần tôn

Hộ trì tăng chúng an ninh

Nhờ ân Phật đại uy linh

Trừ tai, diệt họa thanh bình an vui.

Hộ Pháp Tạng Bồ Tát.

Những người ở chung có cha mẹ sư trưởng hiện tiền

Tòng lâm đất báu, sống chung lục hòa

Niệm ân cha mẹ cùng là ân sư

Nương nhờ đức Phật đại từ

Cần chuyên nỗ lực công phu

Hưởng pháp bình đẳng ví như dự phần

Sanh thiên giới Bồ Tát

Thả vật phóng sanh

Sanh thai, đẻ trứng, ẵm thắp, hóa sanh

Nhiều kiếp trôi nổi lộn quanh luân trầm

Quy y Tam Bảo phát bồ đề tâm

Lưới, lồng tù hãm những mong thoát lìa

Nhờ nhờ dưới nước, bay bổng trên không

Dứt thọ báo sanh đọa lợi thiên cung

Sanh thiên giới Bồ Tát ma ha tát.

Chúng nghĩa ghi rằng, các nhà tín thí cúng dường nhiều ít không giống nhau, song điều cần yếu tâm thành kính mới là chính. Ở tông lâm ngày nay, tuy dựa sự cúng dường nhưng phần nhiều là rau cải trồng, hoặc dùng đồ đông lạnh, không phải thức ăn liền. Chỉ biết người, việc mà không nghĩ tới vật cúng do tâm sanh. Lễ nghi đơn giản nên người nhận cần phải biết. Tâm đã không thành thời dâng cúng làm gì cho thêm vất vả. Cúng dường như vậy là để cho ai kia khi dễ, là trực tiếp đem lễ làm trò đùa vậy. Nên phải biết lỗi lầm này rất là tai hại, mong khắp những ai giới đầu tròn cùng tránh theo cách này.

Tháng 2

Ngày mùng một đóng cửa sơn môn mùa đông. Mùng 8 lễ vía Phật xuất gia, Rằm tháng 2 lễ vía đức Phật Thích Ca nhập Niết Bàn. Tháng 2 nhằm giữa mùa xuân gọi là trọng xuân. Ngày 19 vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát, ngày 21 vía Bồ Tát Phổ Hiền. Tùy nghi cúng lễ theo nghi thông thường.

Tháng 3

Tháng 3 gọi là quý xuân, tháng cuối của mùa xuân, cũng gọi là mạt xuân, vãng xuân, diêu xuân (cuối xuân).

Ngày 16 vía Bồ Tát Chuẩn Đề.

Tháng 4

Vào tháng 4 thời tiết nắng ấm, vì bắt đầu vào hạ, khí hậu mát mẻ, cây cỏ xanh tươi tiếp theo mấy tháng mùa xuân. Mồng 4 lễ vía Bồ Tát Văn Thù. Mồng 8 đến rằm lễ vía đức Phật Thích Ca giáng sanh. Từ xưa, lễ cử hành mừng 8 tháng 4, nhưng từ năm 1950 đến nay được giới Phật giáo thừa nhận chọn ngày Rằm tháng 4 lễ Phật Đản (người dịch chú). Rằm tháng 4 cũng là lễ khánh đản Bồ Tát Dược Vương. Tháng 4 gọi là mạnh hạ, sơ hạ, thanh hòa, cũng gọi quý nguyệt: vì thứ hoa quý nở về mùa hè, hoa vàng nhạt có 5 cánh ở giữa màu tím.

Tháng 5

Tiết Đoan Ngọ cũng gọi là Đoan Dương, nhân gian tưởng niệm ngày mừng 5 tháng 5. người Hoa hay người miền Nam Việt Nam thường lên rừng tìm các thứ cây, lá thuốc hái đem về chặt vụn, phơi khô cho vô bao để dành nấu nước uống (trị bịnh?) (người dịch chú)

- Chúng nghĩa ghi rằng, trong tông môn không một việc gì, không một tiết nào mà chẳng lấy việc thuyết pháp làm đề tài công hiến mọi người. Nay lược lại lời pháp ngữ tiết Đoan Ngọ làm một tác để nêu ra những câu khác, như Thiền sư Tràm Nhiên đăng đường nói rằng:

Mồng 5 tháng 5 tiết đoan ngo

Lưỡi trắng sạch, dấu đào, miệng đỏ

Trị cạp beo lui mỡ đầu rử

Trĩ vàng, xương bồ, hòa rượu hủ

Say mềm chẳng biết tháng ngày qua

Ngàn tinh trăm quái đều đuổi sạch

Ai hay ma tới hay Phật đà

Quyết lòng nắm chốt cổng thiên na.

Như thế đại chúng làm sao mà không thấy được đạo. Bảo vệ sanh mạng phải nên sát, sát hết mới an ổn. Nên biết rõ đạo lý sát đưa tới giờ tốt này, lấy lá

ngãi làm cờ, lấy xương bồ làm kiếm, lấy tâm làm bén nhọn. Đăm tiết anh hùng không quản ngại đắc thất, thánh phàm, chân vọng; cho chí tham sân si, ái, hết thấy giặc phiền não để vung lên một lưỡi dao hai nhát đat thẳng tới thân tịnh. Rưới rưới đỏ, viên đà đà, trôi trôi chảy tạo đại trượng phu thế gian, xuất thế gian. Anh em còn có nghĩa gì? đat được sự thật gì? Địa gì? Nếu không đat địa gì, sơn tăng có cái bùa hộ thân đem vứt đi. Niêm Trụ trượng nói rằng, xem rõ thái thượng lão quân, gấp gấp như sắc lệnh. Tháng 5 làm ngộ cúng dê đực cũng gọi là sanh tân hoặc tiết trung thiên hay tu nguyệt còn gọi là bồ nguyệt, ngãi nguyệt, lưu nguyệt v.v...

Tháng 6

Tháng 6 gọi là quý hạ - cuối mùa hạ - khí trời oi bức, cũng gọi là lâm chung, thả nguyệt, hà nguyệt v.v... Ngày 19 tháng 6 lễ vía Quán Thế Âm Bồ Tát.

Tháng 7

Tháng 7 gọi là mạnh thu - đầu mùa thu - có nhiều lễ tiết quan trọng. Tháng của chay tịnh đối với người muốn ăn chay báo hiếu chọn thời gian này.

Ngày 13 vía đức Bồ Tát Đại Thế Chí

Ngày 15 lễ Vu Lan Thắng Hội hay Vu Lan Bồn

Ngày 16 lễ Tự Tứ hay giải hạ của Tăng Ni các tông lâm, tự viện tại nhiều nơi.

Ngày lễ Vu Lan đợc xem là đại lễ - ngày báo hiếu nên rất quan trọng đối với hầu hết các nước Á Đông. Đặc biệt dịp lễ này cúng cho người quá cố và đồng thời cũng cúng cho người còn sống, cầu an lạc và sống thọ; cũng như cầu siêu độ.

Ngày 24 Lễ kỷ niệm Bồ Tát Long Thọ

Ngày 30 Lễ vía Bồ Tát Địa Tạng.

Có những danh từ gọi tháng 7 như: mạnh thu, di tặc, tương nguyệt, xảo nguyệt v.v...

Tháng 8

Tháng 8 gọi là trọng thu - giữa mùa thu - thời tiết mát dịu êm đềm, lá vàng rơi rụng lác đác đầy sân vườn, đường sá. Cảnh trí tiêu sơ, buồn ảm đạm, cũng gọi là thanh thu, trăng nguyệt, quế nguyệt v.v...

Ngày 15 lễ trung thu hay còn gọi là tết nhi đồng.

Ngày 22 lễ vía cổ Phật Nhiên Đăng.

Tháng 9

Tháng 9 gọi là Trùng dương, quý thu, mộ thu, thâm thu, điều thu, nguyên nguyệt, cúc nguyệt v.v...

Ngày 19 Lễ vía Quán Âm Bồ Tát

Ngày 30 Lễ vía Đức Phật Dược Sư.

Các đại tông lâm, tu viện thường có tự điền làm hoa lợi để nuôi tăng chúng, điều hành Phật sự. Đất canh tác cho tá điền thuê mướn, chùa chỉ chia được 1/3 hoa lợi mà thôi. Dù vậy, tiết thu là mùa lúa chín chùa phải cử người tới ruộng lúa trông coi thợ gặt, hầu tránh sự thất thoát, lạm dụng của Tam Bảo. Thu hoạch lúa xong đem về trình Phương Trượng duyệt qua rồi nhập vào kho.

Tháng 10

Tháng 10 gọi là mạnh đông - đầu mùa đông - mưa gió, bão lụt thường xảy ra vào mùa này.

Rằm tháng mười, dân gian gọi là lễ hạ nguơn, nên có câu rằng: rằm tháng mười, mười người mười quảy, rằm tháng 7 kẻ quảy người không, rằm tháng giêng, ai siêng thì quảy.

Tháng 11

Tiết đông chí, còn gọi là trọng đông - giữa mùa đông - hay còn gọi hoàng chung, cô nguyệt, chí nguyệt v.v... ngày 17 kỷ niệm lễ vía đức Phật A Di Đà. Người tu pháp môn Tịnh Độ thường tổ chức mừng lễ vía Ngài rất long trọng, có nơi tổ chức tu Phật thất, có nơi thiết đặt lễ đài trang nghiêm với cảnh giới Cực Lạc như Kinh A Di Đà diễn tả. Phóng sanh, phóng đăng, bố thí, chẩn tế cô hồn, bạt độ các âm linh v.v...

Tháng 12

Tháng 12 gọi là quý đông ... cuối mùa đông... tiết trời khá lạnh.

Ngày mùng 8 lễ vía đức Phật Thích Ca thành đạo.

Ngày 29 lễ vía Bồ Tát Hoa nghiêm.

Từ 23 đến ngày 30 là thời điểm rất bận rộn, lo quét tước, sơn sửa lại, dọn dẹp sạch sẽ trong ngoài để đón giao thừa. Lễ đón giao thừa vào đêm 29 tháng 12 (nếu tháng thiếu) hoặc 30 tháng 12. Ngày cuối năm rất quan trọng, có những khóa lễ như: cúng Ngọ, cúng chư hương linh thờ tại chùa, tối có lễ sám hối hồng danh chư Phật, khuya có lễ đón tân niên, lễ cầu nguyện quốc gia thái bình, nhân dân an cư lạc nghiệp, chúc Tết, lộc Xuân v.v...

- Chúng nghĩa ghi rằng: cổ nhân cho đêm trừ tịch là tử nhật, vì một năm đã hết, cũng như một đời chấm dứt. Thiền Sư Hoàng Bá nói rằng, nếu những việc gì dự định trước làm chưa xong, đến ngày 30 tháng chạp cũng đủ làm cho ta rối lên. Song ngày Mồng Một tháng giêng theo lẽ là tiếp nối đêm trừ tịch (ngày 30) không phải là mới. Trước hết, phải biết người, biết việc, thời liên hội lý với tử nhật không phải là mới mà là thấm thoát, dằng dặc rộn dăng. Không biết tuổi thiếu niên rồi tráng niên, tráng rồi lão, lão rồi chết. Huống chi còn có những sự bất cập từ tráng tới lão, há chẳng buồn thay! Cho nên sắp đến đêm trừ tịch là báo hiệu vô thường để luôn luôn cảnh giác, tự nguyện tự hứa là không thể dựa cũ mà buông lỏng cho qua đi. Làm một việc nào cho thấu triệt (xong) việc đó, không thể lơ là xem rồi bỏ qua được. Không phải giải được thông một ít kinh luận mà cho là hoàn bị đâu; không phải ngồi tọa hương một vài lần không động không dao mà cho là triệt ngộ được. Không phải giải được vài công án của cổ đức về việc vấn đáp, hiểu ít câu thoại đầu, niệm cổ mà tự cho là thấu triệt. Không phải đối đáp đôi câu thiền thoại hời hợt mà cho là hiểu hết được. Cổ nhơn gọi việc này là động nhiên như đậy thùng lũng, hoát nhiên như cơn mộng tỉnh lại, không còn một tơ tóc nào còn có chỗ nghi mới có phần ứng hợp. Như có một vị tăng thường ở miếu thần, ngủ trong lò đốt giấy, có một vị tăng khác ẩn núp trong lò giấy đợi người kia tới ở, lại ngăn đuổi không cho ở lại. Liên hỏi rằng: ý Tổ sư từ Tây lại là gì?

- Đáp: trước thần là bàn rượu.

Lại có vị tăng nhọn tự cho là đắc ngộ, cùng đi với sa di đến chỗ mẹ nước bỗng té ngã dưới nước, gấp hỏi Nguru Đầu lúc chưa gặp Tứ Tổ thời như thế nào?

- Tăng đáp: xoay chân để chân thẳng.

Bên trong dường như hai vị tăng này có thể nói là dự biết trước, đã thấu rõ thời 7 tình, 8 gió⁵⁷, thấu triệt tới trăm nghìn hô đầu ứng đó... đưa tay giở chân đều không sai thời. Phát ra lời nào đều có qui ước như thế, tự tại như thế. Như lúc rãnh rồi dùng ý thức xem rộng biết độ đáp cơ tác tụng, không phải thân nhiên mà quán sát được. Bình đến nghĩ tới vô thường, cũng giống như đêm trừ tịch tới vậy. Người thật bận rộn, tay quay tít một cảnh đời bi đát, há không tiếc thay! Mong rằng chúng ta nên lấy đây để cảnh tỉnh mới thấu rõ tám khổ giao xen nhau hoàn toàn không ngăn được, hoặc chưa được như vậy cũng khó tránh sự hiểu lầm. Xưa kia Ngài Thiên Thai Trí Giả đại sư đắc Pháp Hoa tam muội tọa thiền nơi Hoa đánh, bỗng trong đêm sâu có gió lớn sấm chớp, quỉ mị bao vây hình dạng rất đáng sợ. Ngài an tâm ngồi yên tự nhiên mà chúng thoái lui; rồi lại hiện hình cha mẹ, sư tăng kêu gào than khóc. Ngài niệm sâu thật tướng tìm cách làm tiêu mất những hiện tượng ấy. Đến lúc Ngài sắp tịch diệt đệ tử hỏi: không rõ Thầy đạt quả vị gì? Chết đây sanh về đâu?

- Ngài đáp: ta không lãnh đạo chúng hẳn 6 căn vì người mà giảm, chỉ đạt năm phẩm vị thôi. Ngài còn khuyên Duy Na rằng, mạng ta sắp chấm dứt, nghe tiếng chuông khánh nên gia tăng chánh niệm, càng lâu càng tốt. Hơi thở dứt là một đời qua, khóc than, tang phục đều không hợp với ngôn ngữ. Chết như nhập thiền định. Ôi, đại sư Trí Giả còn nói là tha tôn, hướng gì chúng ta ư? Đâu chẳng tự cảnh tỉnh chứ?

Tháng 12 còn gọi là điều đông, lập nguyệt (tháng chạp), thái cung, trừ nguyệt v.v...

Hết quyển 8

---o0o---

Quyển chín - Những đồ pháp khí, hiệu lệnh

Chương chín - Những đồ pháp khí, hiệu lệnh

Vào thời thượng cổ có hóa mà không giáo; hóa không đủ nên lễ nhạc hình thành để tán ca, không như bản cửu thành. Cái chén để uống, không như cái men say Ngũ Tề. Nhưng người có văn đối chất nên nghĩ tới gốc. Các bậc thánh nhân Thiên Trúc (Ấn Độ) ban đầu chỉ hóa, có nghĩa là mọi người ai cũng giác hết, vốn không phạm thánh, mọi vật đều toàn chân không có dơ sạch! Không mượn tu chúng, cũng chẳng cần dụng công mà kẻ mê đương nhiên tự mất, nếu có người điếc ở chỗ tùy cơ dạy bày. Gõ kiền chùy (kiếng, kếng) để tập họp chúng tới nghe pháp hoặc tu tập thiền quán. Suốt 49 năm Phật giáo hóa đến cuối đời. Tiếng Phạn kiền chùy dùng loại đất nung, gỗ, đồng, sắt làm ra tiếng kêu. Như chuông, khánh, nạo bạt, trống, chùy bằng, loa bái (ốc tù và)... cho tới nay tông lâm chế tạo và dùng mấy thứ đó để cảnh báo, làm hiệu lệnh dẫn người bê trễ mà hòa với thần nhân. Nếu luận đại định thường thích hợp, trong khung cảnh hoàn toàn vắng lặng, nghe chẳng nghe, biết cũng chẳng biết. Vừa đánh vừa thúc kêu gió chỉ sáng người sử dụng, vô tư vô ý hóa ngày tự dài ra hòa hòa kêu tới thành nhân thọ, phổ Thanh Thái.

---o0o---

1.1 Chuông

Chuông có lớn, nhỏ nhiều cỡ khác nhau. Tiêu biểu là đại hồng chung. Tông lâm làm hiệu lệnh khởi đầu trong ngày. Buổi sáng giống lên thời phá tan đêm dài, báo thức tĩnh ngủ, đồng thời cũng đánh thức người nông phu trong làng dậy chuẩn bị ra đồng làm việc, trong khi chiếc đồng hồ báo thức chưa chế tạo như ngày nay. Buổi tối nghe tiếng chuông u minh cảnh tĩnh bao người say mê trong hơi men đời, những tâm hồn mê đắm, cũng như giục dậy những cô hồn vất vưởng không nơi nương thân. Người thủ chuông giống khoan thai, hòa hườn, mạnh tay để cho tiếng ngân kéo dài. Hễ giống ba hồi chậm rãi mỗi hồi 18 tiếng đầu khoan thai, cộng chung thành 108 tiếng, đuôi hồi chuông phải khản nhạt và chấm dứt mỗi hồi cho thật rõ ràng.

Phạm hô chuông, phải đọc bài kệ, sau mỗi câu thỉnh một tiếng chuông, như:

Buổi tối niệm: Nam mô A Di Đà Phật

Buổi sáng niệm: Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nguyện tiếng chuông này vượt ngoài pháp giới

Núi Thiết Vi u ám thấy đều nghe

Nghe chuông lòng thanh tịnh chứng viên thông

Hết thấy chúng sanh đạt thành chánh giác.

Nghe chuông ngân lòng nhẹ lâng

Trí huệ phát bồ đề tâm

Lìa địa ngục, thoát lửa hầm

Nguyện thành Phật độ chúng sanh.

Phá địa ngục chân ngôn:

Án, già ra đế da ta bà ha (3 lần).

Chuông gióng lên đợt đầu

Niệm kệ báu nâng cao

Trên thông vào thiên đường

Dưới thấu tường địa ngục

Nam mô Địa Tạng Vương

Giáo chủ cõi U Minh

Cứu bạt khổ chúng sinh

Đại nguyện Ngài rộng thênh.

Chuông gióng lên đợt hai

Niệm kệ báu nâng cao

Trên thông vào thiên đường

Dưới thấu tường địa ngục

Nam mô Bồ Tát Địa Tạng Vương

Giáo chủ cõi U minh

Cứu bạt khổ chúng sinh

Đại nguyện Ngài rộng thênh.

Chuông gióng lên đọt ba

Niệm kệ báu nâng cao

Trên thông vào thiên đường

Dưới thấu tường địa ngục.

Nam mô Địa Tạng Vương

Giáo chủ cõi U Minh

Cứu bạt khổ chúng sinh

Đại nguyện Ngài viên thành.

Ngưỡng chúc Phật pháp mãi rạng ngời

Bánh xe pháp đời đời chuyển vận

Gió hòa, mưa thuận thấm nhuần

Dân an, nước thịnh khắp cùng nơi nơi

Trong ba cõi, bốn loài

Mỗi mỗi thoát luân hồi

Trong mười loại hữu tình

Ắt lia khổ ngục hình.

Năm tháng thuận gió mưa
Khỏi gặp năm đói khát
Đông nam sông hòa lạc
Thời Nghiêu Thuấn thái bình.
Thôi chấm dứt chiến tranh
Tử nạn những thương vong
Đều siêu sanh Tịnh độ
Đất lành, người hoàn hảo.
Loài chim bay, thú chạy
Không bị lưới, bẫy giăng
Kẻ lưu lãng, cô thân
Sớm quay về hương quán.
Vô biên thế giới
Đất rộng trời cao
Thí chủ gần xa
Phước thọ dồi dào.
Thiền môn hưng thịnh
Phật pháp phát huy
Thổ địa, long thần
Hộ tăng an tịnh.
Cha mẹ cùng thầy học

Còn mắt đều lợi lạc
Tổ tiên bao đời trước
Cùng nhau được siêu thoát.
Nam mô Đức Phật Tỳ Lô Giá Na
Nam mô Đức Phật Lô Xá Na
Nam mô Đức Phật Thích ca Mâu Ni
Nam mô Đức Phật Di Lạc từ tôn
Nam mô Đức Phật A Di Đà cõi Cực Lạc
Nam mô mười phương ba đời các đức Phật
Nam mô Đức Bồ Tát Đại Trí Văn Thù
Nam mô Đức Bồ Tát Đại Hạnh Phổ Hiền
Nam mô Đức Bồ Tát Đại Bi Quán Thế Âm
Nam mô Đức Bồ Tát Đại Thế chí
Nam mô Đức Bồ Tát Già Lam Thánh chúng.
Mười phương ba đời 7 đức Như Lai
Cùng tám mươi tám Phật trên liên đài
Chúng sanh sáu đường mong thoát khổ
Chín cõi, mười loài khỏi trần ai.
Chuông ngân dồn dập lại gióng lên
Chùa viện chúng tăng hãy nhớ ghi
Tu tập bốn thời tuân qui chế

Xuống giường cất bước giữ oai nghi.

Trăm tám tiếng chuông hướng Phật tiền

Trên thông dưới thấu thấy an nhiên

Sáu đường chúng sanh mong thoát khổ

Chín cõi mười loài hết lụy phiền

Nam mô siêu lạc độ Bồ Tát ma ha tát.

* Ghi chú: có thể tụng chú Đại Bi, Kinh Di Đà, Bát Nhã, niệm Phật, Hồi hướng, phục nguyện, tự quy y và cuối cùng đọc đoạn chót trên đây.

** Cần chú ý: chuông bằng ở chùa rất hệ trọng, chỉ người có trách nhiệm phụ trách đúng giờ giấc, không được sai trễ làm động chúng.

- Chứng nghĩa ghi rằng, đại hồng chung buổi sáng, tối mỗi lần thỉnh 108 tiếng do sự hiển lý. Đó là do 108 phiền não ngu si nên nghe mỗi tiếng chuông liền thức tỉnh. 108 thiên định, mỗi dùi nện mạnh vào phát ra tiếng vang kéo dài lan xa để cho mọi người, loài vật đều nghe.

Trước đây ngài Chí Công mượn đạo nhân vua Lương Võ Đế thấy tướng khổ địa ngục, hỏi làm sao để chấm dứt? Chỉ nghe chuông cảnh khổ địa ngục liền dứt.

Vua nghe thế bèn mời các tự viện lại và nói rằng: phàm giống thỉnh chuông phải từ từ khoan thai ra tiếng, lúc hô nên tụng hoặc niệm Phật. Kinh Tăng Nhất A Hàm ghi rằng, như lúc giống chuông nguyện cho những sự khổ ở đường ác đều dứt sạch. Nếu nghe tiếng chuông có luôn chú Phật thì trừ hết được tội nặng 500 ức kiếp sanh tử. Ngoài ra, Kim Lăng Chí ghi rằng, Dân bị chết uất, ở âm ty, thấy 5 tội buộc lên cây chỉ đó bảo rằng, Ta là Nam Đường tiên chủ, là binh của Tống tề bị giết lầm cùng binh lính ở Châu Hàng cả hơn nghìn người như thế, mỗi lần nghe chuông ta liền tạm được dứt khổ. Xin ông làm ơn về thưa Từ quân vì ta mà tạo chuông. Dân tỉnh lại sau khi nghe tiếng chuông. Nhân đó, vua tạo đại hồng chung để tại chùa Thanh Lương có khắc chữ “tiên cúng liệt Tổ - Hiếu Cao hoàng đế - vượt khỏi u ám, thoát hiểm nạn”. Ngoài ra, sách Văn Thê Sùng Hành lục ghi: đời Tùy có vị tăng là Trí Hưng ở chùa Đại Trang Nghiêm, phụ trách việc thỉnh chuông. Năm Đại Nghiệp thứ 5 có vị tăng cùng ở chung là Tam Quả, vị này có người anh ruột

theo xe vua bị mất. Vợ anh ta ban đêm mộng thấy chồng về báo rằng: anh tới Bành Thành bịnh và mất, đọa trong địa ngục. Chùa Đại Trang Nghiêm hô chuông tiếng vang thấu địa ngục nên anh thoát khỏi, muốn báo ân này có thể dâng cúng 10 hộc lúa. Người vợ đem lúa cúng chùa. Hưng lấy chia cho chúng. Chúng hỏi thỉnh chuông làm gì cảm được như vậy ?

- Hưng nói: Tôi thỉnh chuông cầu nguyện rằng: nguyện chư Thánh Hiền cùng nhập đạo tràng, bèn gióng ba tiếng thỉnh ba hồi dài; lại chúc rằng: nguyện các cõi ác nghe tiếng chuông của tôi bèn dứt hết khổ não. Mùa đông lạnh buốt tê cóng da thịt, tay chân co ro máu như ngưng tụ, vẫn thỉnh chuông không từ khổ nhọc. Nếu làm như thế có thể cảm thấu cõi u minh thọ lãnh được lời chú nguyện.

Cho nên chuông gọi là tụ hội dùng để nhóm chúng nhằm ý nghĩa này.

---o0o---

1.2 Bảng

Bảng có bảng bên trong nhà và bảng treo ở ngoài khác nhau; chất liệu tạo khác nhau như gỗ, gang, sắt, thép v.v... dứt chuông câu sang bảng mà cách thức sử dụng tùy mỗi phái qui định.

Tại thiền đường đều có bảng nhỏ bên trong, phía ngoài bảng lớn gọi là báo bảng (báo hiệu chúng) lúc vào thiền đường làm hiệu nhóm chúng. Tuần chúng ban đêm cũng báo hiệu bằng gỗ, nhà bếp lo xong thức ăn đã lên mâm sẵn sàng cũng gõ báo cho Ban Hành đường biết - bảng lớn bằng sắt - điểm tâm. Buổi ngọ trai đều dùng bảng lớn gõ một hồi 3 tiếng, nếu xa chúng phải gõ 3 hồi 3 tiếng mới nghe rõ.

---o0o---

1.3 Mỏ con cá

Mỏ tròn bằng gỗ khắc hình con cá mở mắt dùng để tụng kinh, bởi vì loài cá ban đêm thường mở mắt được khắc sâu trên mỏ để tụng kinh gõ lên cảnh thức người mê và dẫn chúng hòa âm theo đều. Mỏ hình con cá dài treo ở trai đường để làm hiệu hai bữa ăn, cho thời kinh Tịnh Độ và cho nhà trù, mời chúng tập hợp... Song việc sử dụng cũng còn tùy theo mỗi phái có khác, nên biết tùy nghi cho thích hợp.

---o0o---

1.4 Kiền chùy

Kiền chùy là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là khánh. Kinh Tăng Nhất A Hàm ghi rằng, A Nan thăng tòa giảng pháp thường gõ kiền chùy. Đây là tiếng làm tin của Như Lai vậy. Ngoài ra, các kinh, luật, luận đều luận loại kiền trùy hay kiền chùy. Trùy đọc âm là đất; sách Yết Ma số nói là kiền địa. Luật Ngũ Phần ghi rằng, tùy theo có các loại như đất, gỗ, đồng, sắt có tiếng kêu đều gọi là Kiền địa. Do cái nhìn như vậy nên hễ vật nào phàm phát ra thành tiếng tập hợp chúng đều dùng tạo nên được cả. Cho đến lên chánh điện, thuyết pháp trước phải gõ khánh mà từ quen gọi là bạch chùy. Lời bạch như sau: pháp diên hoàn bị, đại chúng nên quán đệ nhưt nghĩa, nói xong nhịp khánh gọi là kết chùy.

Xưa Đức Thế Tôn một hôm thăng tòa, đại chúng tọa thiền, ngài Văn Thù bạch chùy rằng: lắng nghe Pháp Vương nói pháp, Pháp Vương nói pháp. Sau khi Phật nói xong Ngài xuống tòa, đây gọi là kết chùy.

---o0o---

1.5 Khánh

Khánh tròn dùng dẫn lễ, xướng tụng đầu khóa lễ và cuối khóa, do Duy Na chủ trì. Phạm Phương Trọng, bậc tôn túc, quan chức, thí chủ v.v... lay Phật đều phải gõ hồi khánh.

Khánh dẹp hình như đám mây gọi là vân bảng treo phía ngoài hành lang chỗ Thầy trụ trì, nơi khách dễ trông thấy. Lại có khánh cầm tay như đã nói trên, muốn rõ chi tiết xem chương đại chúng. Phụ giới điều còn ghi thêm: lại có nã bạt (chụp chĩa hay phèng la) linh v.v... dùng xướng tụng cúng Phật đều phải hòa nhã đừng cho động chúng mất thanh tịnh.

---o0o---

1.6 Trống

Trống lớn gọi là đại pháp cổ cùng với đại hồng chung khua lên sớm tối, thỉnh 3 hồi lại 4 tiếng. Bài kệ thủ chuông trống Bát Nhã như sau:

Bát Nhã hội/ Bát Nhã hội/

Thỉnh Phật/ thượng đường//

Đại chúng cùng nghe

Bát nhã âm/ Bát nhã âm//

Nhập Bát Nhã Ba La Mật/ nhập Bát Nhã Ba La Mật.

Nhập Bát Nhã Ba La Mật...////////

Đón các bậc tôn túc, quan chức, các lễ vía Phật, Bồ Tát đều dùng chuông trống Bát Nhã cho long trọng. Ngoài ra còn có trống loại trung, trống nhỏ dùng vào việc tán tụng, nhất là tán bài Thượng lai... vào thời công phu khuya. Trống nhỏ nhất đường kính cỡ 30cm, gọi là trống cơm, tiếng kêu nghe tung tung lạ tai không như hai loại trước.

Nói chung người thủ tay trống phải nhuần nhuyễn, giữ khoan thai, hòa hườn ăn nhịp với chuông mõ, thời kinh mới thanh tịnh, làm toát ra tiết tấu âm nhạc Phật giáo, là một trợ lực của pháp khí vậy.

Chúng nghĩa ghi Kinh Kim Quang Minh, Tín Tướng Bồ Tát đêm nằm mộng thấy trống vàng mà hình dạng to lớn, ánh sáng nó phát ra tỏa rạng như mặt trời, trong lần ánh sáng ấy thấy được 10 phương chư Phật, ngồi tòa lưu ly dưới các cây báu có trăm nghìn quyến thuộc vây quanh vì họ mà nói pháp. Có một người giống như Bà La Môn dùng trống khua vang phát ra âm thanh lớn, trong âm thanh ấy phát ra kệ sám hối của Bồ Tát Tín Tướng. Bồ Tát tỉnh dậy đi đến chỗ Phật kể rõ trong mộng thấy trống vàng và kệ sám hối. Liền đọc kệ cho Phật... Ngoài ra, kinh Lăng Nghiêm ghi rằng, A Nan: ông lắng nghe nơi vườn Kỳ Viên này sau bữa ăn xong lại có tiếng trống. Chúng nghe trống nhóm họp trống vang ra trước sau không dứt. Nên biết từ đó trở đi tông lâm đều dùng âm thanh mà làm Phật sự.

Phần sau cùng là tên các vùng đất, các tỉnh... xưa của Trung Quốc, lược bỏ không dịch, vì thấy không thông dụng. Có tất cả là 36 trang chữ Hán, từ trang 859 đến trang 894

Bản do Phật Giáo xuất bản xã ấn hành

Tháng 6 năm THDQ thứ 71 (1982) tại Taipei - Đài Loan

Dịch xong ngày rằm tháng 5 năm Đinh Hợi

Nhằm ngày 29 tháng 6 năm 2007

Tại tu viện Đa Bảo - Campbelltown

Úc Đại Lợi

Cần bút

Sa môn Thích Bảo Lạc

---o0o---

Sách Tham Khảo

- 1) Kinh Kim Quang Minh
- 2) Kinh Kim Cang Vô Lượng Thọ
- 3) Kinh Phạm Võng Bồ Tát giới, H.T Trí Tịnh dịch, Phật Học Viện Quốc Tế ấn hành 1985.
- 4) Luật Tứ phần: Pháp sư Huệ Luật, giảng đường Văn Thù tại Cao Hùng, Đài Loan ấn hành 1996.
- 5) Kinh Kim Quang Minh tối thắng vương
- 6) Kinh Pháp Hoa Trì Nghiệm Ký
- 7) Kinh Kim Cang Trì Nghiệm Ký
- 8) Tỳ kheo giới Kinh, PHVQT (Hoa Kỳ) ấn hành 1984, HT Thiện Hòa dịch.
- 9) Kinh Địa Tạng
- 10) Kinh Đại Quán Đảnh
- 11) Kinh Bi Hoa

- 12) Son Am tạp lục
- 13) Cao Tăng truyện
- 14) Tống Cao tăng truyện
- 15) Vân Thê Sàng hành lục
- 16) Ngu Am Chích Cổ
- 17) Lục Tổ Đàn Kinh, Pháp sư Tâm Ấn, Từ Vân Sơn Trang, Tam Huệ Học xứ ấn hành 1996
- 18) Giới Đàn Tăng, H.T Thiện Hòa dịch, PHVQT ấn hành 1986
- 19) Thiên Tông bí yếu
- 20) Phật Tổ Thống Kỷ
- 21) Sa di luật giải H.T Hành Trụ dịch, PHVQT (H.K) ấn hành 1985
- 22) Thiên Lâm bảo huấn
- 23) Du Già sư địa luận
- 24) Sa di luật nghi yếu lược
- 25) Tổ lưu tâm nguyên
- 26) Kinh Tăng Nhất A Hàm
- 27) Thiên môn nhựt tụng: Hong Kong Buddhist Book distributor, 1980.
- 28) Đại Trí Độ Luận, H.T Thiện Siêu dịch, Viện NCPHVN ấn hành 1997
- 29) Ngũ đăng hội nguyên, Phổ Tế đại sư Trung Hoa Thư cuộc, x.b tại Bắc Kinh 1984.
- 30) Từ điển Phật học Hán Việt. Viện nghiên cứu Phật học VN. Xuất bản năm 1994.

31) Phật học từ điển của Đoàn Trung Còn do chùa Khánh Anh (Pháp) tái bản không đề năm.

---o0o---

HẾT

¹ Người làm mẫu mực, làm gương tốt cho người khác theo.

² Chùa tháp thờ Phật gọi là tòa phù đồ. Như câu: “Dù xây chín bậc phù đồ, không bằng làm phước cứu cho một người (Quan Âm Thị Kính).

³ Trước kia chưa có đèn điện, chùa phải dùng đèn dầu.

⁴ Toàn ý nói rằng: Thiên Tông truyền tới lục Tổ tại Tào Khê là dứt, không truyền y bát nữa.

⁵ Đầu non Bách Trượng: Tổ Bách Trượng lập đạo tràng hoằng hóa trên núi Qui Sơn nhiếp hóa cả hàng ngàn người tới tu học.

⁶ Nhà ông Duy Ma Cật: căn nhà tịnh thất tuy nhỏ bé nhưng dung chứa mấy cũng không chật.

⁷ Tiếng pháp âm hay còn gọi là hải triều âm tượng trưng giáo pháp Phật lan xa rộng mãi.

⁸ Tăng phường là tông lâm. Tri sự nhơn là người chấp sự, tức là vị trông coi chúng Tăng trong chùa. Nên theo thứ tự mời thỉnh tức là theo đúng Thanh Quy

⁹ Không dám tự mình cầm y quý giá mà nên nhờ vị chấp sự nhận thay; đợi hợp thời thanh tịnh mới nhận. Đó là giữ đúng Thanh Quy.

¹⁰ Tiếng Phạn Thi La, Trung Hoa dịch là giới; quy tắc tức là Thanh Quy vậy.

¹¹ Thời kỳ giáo pháp hưng thịnh. Từ đức Phật nhập diệt đến 500 năm sau, có nhiều bậc Thánh tăng xuất hiện, và nhiều vị tu chứng. Sau thời kỳ này là thời tượng pháp từ 500 đến 1500 năm sau khi Phật Niết Bàn, và nay là thời mạt pháp.

¹² Bốn chân lý căn bản thiết đặt nền móng Phật đạo là khổ, tập, diệt, đạo. Đó cũng là bài pháp đầu tiên đức Phật Thích Ca giảng tại vườn Lộc Uyển cho ông Kiều Trần Như và 4 pháp hữu cùng tu với Ngài lúc chưa thành đạo. Sau

khi đạt thành chánh giác ngày mùng 8 tháng 12 năm 573 tây lịch, Đức Phật liền nghĩ ngay tới 5 người bạn đồng khổ hạnh với Ngài trong rừng già lúc trước, nên đến nói pháp cho họ nghe. Cả 5 người này đều đạt ngộ đạo màu chứng thánh quả A La Hán.

¹³ Ba nhóm giới hội tụ là nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới hay nói cách ngắn gọn là đoạn ác, tu thiện và độ hết thầy chúng sanh.

¹⁴ Thất thiên: 250 giới Tỳ kheo chia ra thành bảy thiên đó là: 4 tội cự ác, 13 tội hữu dư, 2 pháp bất định, 30 pháp xả đọa, 90 tội đọa, 4 tội hướng bỉ hồi, 100 pháp chúng học và 7 pháp dứt sự tranh cãi.

¹⁵ Là kẻ lớp sau, lớp đàn em mới nhập môn vào đường đạo.

¹⁶ Bốn tâm: tức là 4 tâm bao dung rộng lớn thương yêu khắp hết mọi loài chúng sanh. Đó là: tâm từ vô biên, tâm bi không giới hạn, tâm hỷ và tâm xả không cùng tận.

¹⁷ Ba đức: có nhiều lời giải thích như Kinh Niết Bàn giải thích là: đức pháp thân, đức bát nhã và đức giải thoát. Theo khía cạnh tự lợi, lợi tha của Phật giải ba đức là: Trí đức: dứt sạch hết vô tri đủ vô thượng Bồ đề; Đoạn đức: đoạn sạch phiền não có thừa vô thượng Bồ đề; Ân đức: có thừa đức đại bi cứu giúp tất cả chúng sanh.

¹⁸ Ngũ phước: 5 phước báu trên đời này là: giàu có, khỏe mạnh, sắc đẹp, sống thọ, chết được an lạc.

¹⁹ Long Hoa tam hội: ba hội Long Hoa do đức Phật Di Lặc tương lai giảng sinh nơi cõi Ta Bà này, sau khi đắc đạo sẽ mở 3 pháp hội tại rừng cây thân rồng trở hoa màu vàng, được mệnh danh là hội Long Hoa kỳ một, độ cho chúng sanh hạ căn hạ trí, hội thứ nhì độ hạng trung căn và hội thứ ba độ kẻ thượng căn thượng trí.

²⁰ Bích quán Bà La Môn: người Bà La Môn nhìn vào vách để chỉ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Ngài tới Trung Quốc năm 520 không hội được ý vua Lương Võ Đế, nên tới dãy Tung Sơn tu thiền quán và xoay mặt vô vách chín năm và sau đó đạt thành Sơ tổ Thiên Tông Trung Quốc và là vị Tổ thứ 28 của phái Thiên nói chung.

²¹ Ba minh: ba sự sáng suốt: 1. Túc mạng minh: biết rõ tất cả kiếp sống trước của mình và của những người khác; 2. Thiên nhãn minh: mắt thiên biết rõ đời mình và những chúng sanh khác sẽ diễn tiến ra sao; 3. Lộ tận minh: đoạn sạch hết phiền não, đau khổ và mê lầm trong đời sống hiện tại.

²² Lục thông: 6 phép thần thông: phép thông của thiên nhãn, phép thông của thiên nhĩ, thông đạt tâm kẻ khác, phép thông vận hành (thần túc thông), thông suốt các kiếp trước của mình và sạch hết phiền não trói buộc dù nhỏ nhiệm đến đâu (lộ tận thông).

²³ Tam bạch yết ma: Tăng già hòa hợp chúng làm pháp Bồ Tát hay truyền giới đều phải làm phát yết ma hỏi ba lần mới hợp luật và đạo lý. Hỏi lần thứ nhất, hỏi lần thứ hai và hỏi lần thứ ba. Khi hội đồng tăng biết chắc là trong chúng không còn ai có ý kiến khác, tức là tất cả đồng thuận việc mới thành tựu viên mãn

²⁴ A Xà Lê: Tàu dịch là giáo thọ tức vị Thầy dạy đạo pháp. Trong đại giới đàn 3 vị ngồi trên cao. vị chính giữa là đàn đầu Hòa Thượng, vị bên phải là Yết Ma A Xà Lê, vị bên trái là Giáo thọ A Xà Lê.

²⁵ Bát nạn: 8 nạn trong đời sống là: 1. sanh vào cõi địa ngục; 2. sanh trong loài ngạ quỷ; 3. sanh vào loài súc sanh; 4. sanh lên cõi trời Trường Thọ; 5. sanh miền Bắc Cu Lô Châu (giá băng suốt quanh năm không có ánh mặt trời); 6. sanh trước Phật hay sanh sau Phật cũng đều bất hạnh; 7. giới luận biện bác lâu thông theo thế trí; 8. đui (mù), điếc, ngọng, câm.

²⁶ Thập phát phú: 10 bực phát thú của Bồ Tát: 1. xả tâm, 2. giới tâm, 3. nhẫn tâm, 4. tấn tâm, 5. định tâm, 6. huệ tâm, 7. nguyện tâm, 8. hộ tâm, 9. hi tâm, 10. đánh tâm.

²⁷ Thập trưởng dưỡng: 10 trưởng dưỡng Bồ Tát tâm, đó là 1. tâm từ, 2. tâm bi, 3. tâm hỷ, 4. tâm xả, 5. tâm thí, 6. hảo ngữ tâm, 7. ích tâm, 8. đồng tâm, 9. định tâm, 10. huệ tâm.

²⁸ Thập kim cương: 10 tâm như Kim cương của Bồ tát là: 1. tín tâm, 2. niệm tâm, 3. hồi hướng tâm, 4. đạt tâm, 5. trực tâm, 6. bất thoái tâm, 7. đại thừa tâm, 8. vô tướng tâm, 9. huệ tâm, 10. bất hoại tâm.

²⁹ Thập địa: 10 địa vị của Đại thừa Bồ tát như: Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Cực nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viên hành địa, Bất động địa, Thiên huệ địa, Pháp vân địa.

³⁰ Kiến hoặc, tư hoặc: thấy sự vật một cách điên đảo sanh kiến giải sai lầm gọi là kiến hoặc. Những sai lầm thuộc tư duy, lập luận gọi là tư hoặc. chẳng hạn, nhìn thấy đúng, nhưng lại rút ra kết luận sai lầm, do tư duy sai lầm.

³¹ Diêm Phù Đề: một châu trong 4 châu lớn, còn gọi là Nam Thiệm Bộ châu ở phía Nam núi Tu Di, tức là cõi chúng ta đang sống đây. Vì có nhiều cây linh tên là Diêm phù (jumbud) rất quý nên gọi theo tên ấy.

³² Pháp khí: có 2 nghĩa, chỉ đồ vật và chỉ người. Đồ sử dụng cho lễ nghi trong chùa như chuông, bảng, trống, phách... gọi là pháp khí. Người vượt trội, làm được việc mà người khác không làm được là bậc pháp khí.

³³ Đầu đà: hạnh tu ép xác của các vị khổ luyện công phu mà người thường cũng khó theo đuổi kịp. Chọn nơi rừng sâu núi thẳm, nghĩa địa, góc cây... làm chốn tu luyện định tâm, là cả một sự phấn đấu phi thường. Hành giả còn chịu nhịn đói, nhịn khát, nằm tuyết phơi sương, hành xác thân thể v.v...

³⁴ Nhục kế: là một trong 32 tướng tốt của Đức Phật, có chỏm thịt nhô lên trên đỉnh đầu đỏ au như búi tóc xoắn trông rất trang nghiêm.

³⁵ Thích đề hoàn nhân: vua trời Đế Thích đứng đầu cõi trời Đao Lợi, cũng gọi là trời thứ ba mươi ba.

³⁶ Nhất thể tam bảo, thể gian tam bảo: Tam bảo là ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng. Tăng truyền thừa giáo pháp Phật dạy mặc dù hình thức là 3 ngôi, nhưng về lý tánh chỉ một: nhất thể. Nói theo thông thường 3 ngôi báu ở trong đời, cho nên nói thể gian Tam Bảo.

³⁷ Ngũ đức: năm đức người xuất gia theo như Kinh Phước Điền giải rằng: 1. Đức phát tâm xuất gia, chí cầu đạo cả; 2. Hủy bỏ hình tướng đẹp, phải mặc y phục nhà tu; 3. Cắt lia mọi yêu thương của cha mẹ, anh em, chị em. Nói chung là tất cả những mối thâm tình cốt nhục không còn bị vướng bận, 4. Sẵn sàng hy sinh thân mạng để phụng sự đạo pháp; 5. Có chí hướng cầu Đại thừa để giúp đỡ nhiều người mà trong đó gần nhất là người thân thuộc.

³⁸ Hai sự nhiếp hóa: thâm tóm để giáo hóa. Hai pháp đó là: định và trí, nhờ đó Bồ-tát nhiếp được các căn; nhẫn được việc khó nhẫn.

³⁹ Giới kiên độ: thuộc chương phẩm, thiên. Như luật Tứ Phần có 20 kiên độ tức là 20 chương.

⁴⁰ Phái Ni kiên tử: là một giáo phái tu hành cực đoan lâu đời có từ thời đức Phật, gọi là đạo Jain. Giáo chủ phái này là Nataputta. Đạo Jain chủ trương tu khổ hạnh, xem việc hành hạ xác thân là phương tiện cứu cánh để được giải thoát. Đạo này ngày nay vẫn còn tại Ấn Độ. Thậm chí có những tu sĩ đạo Jain trần truồng, không mặc quần áo. Cũng có một số khác nhịn ăn cho tới chết.

⁴¹ Tứ thánh quả: 4 quả Thánh thuộc hàng Thanh Văn là 1. Tu Đà Hoàn, 2. Tu Đà Hàm, 3. A Na Hàm, 4. A La Hán (tương đương quả vị Bồ Tát).

⁴² Ngũ giới Ưu bà tắc hay 5 giới của người cư sĩ tại gia. Tại gia có nam cư sĩ là Ưu bà tắc và nữ là Ưu bà di. 5 giới đó là: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.

⁴³ Tứ sự cúng dường: bốn món vật dụng cần dùng cúng dường chư Tăng là: đồ ăn uống, quần áo, thuốc men, vật trải tọa thiền (luôn cả mùng mền) để chư tăng có đủ phương tiện tu tập thực hành đạo giải thoát.

⁴⁴ Bồ tát: Lễ tụng giới của chư Tăng ni vào ngày mùng một và ngày rằm mỗi tháng để ôn nhắc lại giới luật đã thọ. Tỳ kheo Bồ Tát mà không tụng giới Bồ tát được xem như lơ là không hành trì theo luật qui định.

⁴⁵ Thập sư: Hội đồng giới sư trong đại giới đàn truyền giới Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Sa di, Sa di ni, Bồ tát giới. 10 vị sư là: 1. Đàn đầu hòa thượng 2. Yết ma A Xà lê 3. Giáo thọ A Xà lê và 7 vị tôn chứng sư, từ vị thứ nhất đến vị thứ 7. Ba vị ngồi trên là tam sư, 7 thầy ngồi 2 bên hay phía dưới là thất vị tôn chứng sư.

⁴⁶ Bốn pháp xử sự: đây là bốn cách đối ứng sao cho thích hợp của Thầy Tỳ kheo. bốn phép đó là: 1. bị mắng không mắng trả lại, 2. bị hạ nhục không hận tìm cách trả lại, 3. bị đánh không đánh trả lại, 4. bị giết không giết lại.

⁴⁷ Bốn nơi nương tựa: cũng thuộc pháp của Thầy Tỳ kheo theo đúng hạnh xả, ngày ăn một bữa, đó là: 1. nương tựa bốn pháp y, 2. nương tựa chiếc bình bát đi khát thực để nuôi thân, 3. nương tựa Tăng đoàn, 4. nương tựa gốc cây, như ngày nay tự viện hay nơi thanh tu thích hợp.

⁴⁸ Đột kiết la: tội nhẹ của chúng Tỳ kheo. Phạm tội này phạt cảnh cáo để sửa đổi. Đó là tiểu giới thuộc 100 pháp chúng học; có thể sám hối và tự sửa đổi, không cần đưa ra kỷ luật.

⁴⁹ Ngũ thiên thất tụ: năm thiên bảy tụ giới của Tỳ kheo trong 250 giới qui định phân loại theo tội phạm và mức độ xử phạt. 5 thiên đó là:

Thiên 1: Phạm tội ba la di (trọng tội): phạt đuổi khỏi chùa

Thiên 2: tội tăng tàn 13 pháp hay 17 pháp (ni), có thể sám hối trước đại tăng, cũng như phạt làm việc do tăng qui định.

Thiên 3: Tội ba dật đề hay xả đọa (30 pháp): đưa vật trình ra trước tăng để xả rồi sám hối tội đáng đọa lạc. Nếu phạm không có tang vật nhưng gây tai tiếng xấu cho tập thể gọi là pháp đọa.

Thiên 4: tội thâm lan giá có 3 cấp bậc: nặng, vừa và nhẹ ví như cố ý giết mà đối tượng chưa chết, hay âm mưu bại lộ việc bất thành...

Thiên 5: ác tác và ác thuyết – nói bậy và làm bậy, vi phạm bị phạt nhẹ như vi cảnh vậy.

Thất tụ là 7 nhóm giới như sau: Nhóm 1: 4 pháp cực ác; Nhóm 2: 13 pháp tăng tàn; Nhóm 3: 30 pháp xả đọa; Nhóm 4: 90 tội đọa; Nhóm 5: 2 pháp bất định; Nhóm 6: 100 pháp chúng học; Nhóm 7: 7 pháp diệt tranh cãi

⁵⁰ Diệt tránh: dứt tranh cãi. Đây là giới luật Tỳ kheo cần phải diệt trừ sự tranh cãi nổi lên để an ổn trong chư Tăng.

[15] Thập triền: 10 món trói buộc làm cho chúng sanh không thoát ra khỏi vòng sanh tử. đó là: 1. Vô tầm, 2. Vô quý (không biết hổ), 3. tật (ganh ghét), 4. xan (keo kiệt), 5. sân (hờn giận), 6. thuy miên (ham ngủ), 7. trạo cử (tâm chập chờn dao động), 8. hôn trầm (tối tăm, chìm đắm), 9. sân nhuế (giận dữ, nổi xung thiên), 10. phú (tráo trở, che mù tâm).

⁵¹ Thập triền: 10 món trói buộc làm cho chúng sanh không thoát ra khỏi vòng sanh tử. đó là: 1. Vô tầm, 2. Vô quý (không biết hổ), 3. tật (ganh ghét), 4. xan (keo kiệt), 5. sân (hờn giận), 6. thuy miên (ham ngủ), 7. trạo cử (tâm chập chờn dao động), 8. hôn trầm (tối tăm, chìm đắm), 9. sân nhuế (giận dữ, nổi xung thiên), 10. phú (tráo trở, che mù tâm).

⁵² Thập sử: 10 mối sai khiến, vì phiền não có sức sai khiến chúng sanh hành động sai lầm để tạo nghiệp được chia làm 2 loại: lợi và độn (trì trệ, nặng nề) – Tham, sân, si, mạn, nghi: 5 độn sử; thân kiến, tà kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ gọi là 5 lợi sử (nhạy bén).

⁵³ Nhị nghiêm: hai pháp phước đức và trí tuệ trang nghiêm, chỉ Phật đạt được trọn vẹn mà thôi.

⁵⁴ Tam tai: 3 tai họa có hai loại lớn và nhỏ như:

- Tiểu tam tai: binh đao, dịch bệnh, đói kém.

- Đại tam tai: hỏa tai, thủy tai, phong tai. 3 tai họa này tự lần lượt khởi lên để hủy hoại thế giới mà không phải khởi đồng thời, như ta đã chứng kiến hiện tại trong thập niên qua tai họa xảy ra khắp nơi trên thế giới như sóng thần, lũ lụt

⁵⁵ 7 già nạn: trộm cắp vật của hiện tiền tăng - hành dâm với nam nữ trong lục thân - làm ô nhiễm phạm hạnh tăng ni - thấy cha bệnh mà bỏ đi không chăm sóc - thấy mẹ bệnh mà bỏ đi không chăm sóc - đối sư trưởng bệnh mà bỏ đi không săn sóc - sát hại chúng sanh phát bồ đề tâm.

⁵⁶ Công án: thuật ngữ tức là từ chuyên môn của thiền tông. Công án là những lời của Phật, của Tổ để làm đối tượng suy tư của thiền sinh. Như nói: trước khi cha mẹ sinh ra ta là ai?

⁵⁷ Tám gió (bát phong): làm lay động tâm người học đạo. Đó là: lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, lạc. 1) lợi: lợi lộc, lợi thế, quy ền lợi; 2) suy: hư hoại, suy nhược, thương cảm; 3) hủy: nói xấu, hủy báng; 4) dự: khen, tán thưởng; 5) xung: khen ngợi, ca tụng; 6) cơ: chê bai, miệt thị; 7) khổ: hoạn nạn, việc rối rắm; 8) lạc: vui sướng, an hạnh.